(111) **4-0098161**
(210) 4-2005-17727
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

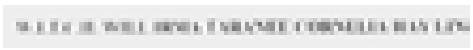

(151) 25.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ cuộn hình chiếc nhẫn, kem lạnh (dùng để pha sữa lắc); bánh quy; bánh mỳ; ngũ cốc ăn sáng, chế phẩm của ngũ cốc, kẹo cao su thổi bóng; bánh ngọt; bột trộn sẵn để làm bánh ngọt; kẹo; đồ trang trí bánh làm bằng kẹo; tương cà chua; đồ ăn nhẹ làm từ ngũ cốc dạng thanh; kẹo cao su; sôcôla; đồ uống có thành phần sôcôla; đồ uống có thành phần cacao; bánh hình nón dùng dể đựng kem; bánh kẹo; bánh dẹt nhỏ; đồ ăn nhanh làm từ ngô; bánh quy giòn; bánh xăng- đuých bán ở cửa hàng đồ ăn sẵn; món tráng miệng làm từ thạch ngọt (mứt kẹo); mứt kẹo đông lạnh; món ăn đông lạnh chủ yếu gồm mỳ sợi hoặc gạo; kem lạnh có sữa chua; mật ong; kem ăn; kem sữa lạnh; cam thảo (mứt kẹo); kẹo dẻo; sốt mayonnaise; bánh nướng xốp; tương mù tạc; mỳ ống; yến mạch; bánh kếp; bột trộn sẵn để làm bánh kếp; mỳ sợi; bánh bao; xirô dùng cho bánh kếp; bánh nướng; bánh pizza; bỏng ngô; bánh quy xoắn; bánh pút-đing; gạo, bánh cuộn; nước sốt salát; nước sốt; gia vị (nước hoa quả dùng để chế biến thực phẩm); đồ gia vị; trà; bánh ngô; bánh quế.

---

(111) **4-0098162**
(210) 4-2005-17728
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Nước uống; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế); nước uống có hương vị; nước ép hoa quả; đồ uống có hương vị hoa quả; bột pha chế nước hoa quả; nước chanh; đồ uống pha trộn không có cồn; đồ uống không có cồn; cụ thể là: đồ uống có ga; đồ uống không chứa cồn có trộn nước hoa quả; đồ uống hỗn hợp không có cồn; nước xô-đa; đồ uống trong thể thao không có cồn; xirô để làm nước ngọt; nước suối; nước ép rau quả.

---

(111) **4-0098163**
(210) 4-2006-01017
(181) 19.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Reversol P

(151) 25.03.2008
(220) 19.01.2006

(731) REVERTEX (MALAYSIA) SDN. BHD. (MY)
1 1/2 Miles, Jalan Batu Pahat, K.B. 508, 86009 Kluang, Johor, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 01: Nhựa acrylic ở trạng thái thô; hoá chất dùng trong công nghiệp; nhựa tổng hợp ở trạng thái thô.

---

(111) **4-0098164**
(210) 4-2006-01018
(181) 19.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Reversol

(151) 25.03.2008
(220) 19.01.2006

(731) REVERTEX (MALAYSIA) SDN. BHD. (MY)
1 1/2 Miles, Jalan Batu Pahat, K.B. 508, 86009 Kluang, Johor, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 01: Nhựa acrylic ở trạng thái thô; hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng để chế tạo chất màu; nhựa tổng hợp ở trạng thái thô.

---

(111) **4-0098165**
(210) 4-2006-09154
(181) 13.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KEPROPAIN

(151) 25.03.2008
(220) 13.06.2006

(731) KWAN STAR CO., LTD. (TW)
21F-1, No. 268, Sec. 1, Wen Hwa Road, Pan Chiao City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098166**
(210) 4-2006-13269
(181) 14.08.2016
(300) 4917126 15.02.2006 EM
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 14.08.2006

(531) A5.3.14; A25.3.3
(731) UMBRO INTERNATIONAL LIMITED (GB)
Umbro House, Lakeside Cheadle, Cheshire SK8 3GQ Reino Unid, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Túi xách, túi đựng đồ lặt vặt đi đường, ba lô, túi đựng hành lý, ví đựng tiền của nam giới, ví đựng tiền của nữ giới, cặp đựng tài liệu và cái ô.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép và đồ đi chân.

Nhóm 28: Dụng cụ thể dục và thể thao; dụng cụ tập luyện thể thao ; quả bóng để chơi môn bóng đá; quả bóng để chơi môn bóng bầu dục; quả bóng dùng cho các môn thể thao; vợt chơi thể thao và túi đựng các vật dụng chơi thể thao.

---

(111) **4-0098167**
(210) 4-2007-01931
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANPERCEDOX

(151) 25.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1, số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098168**
(210) 4-2007-01932
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANPERLIVER

(151) 25.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1, số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098169**
(210) 4-2007-01933
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

LAECOT

(151) 25.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) CƠ SỞ MAI LONG (VN)
255 Hải Thượng Lãn Ông, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, sữa tắm, dầu gội đầu.

---

(111) **4-0098170**
(210) 4-2007-01934
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXPHATON-F

(151) 25.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ INTECHPHARM (VN)
Tổ 2, xóm Bến, TT Văn Điển, Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098171**
(210) 4-2007-01935
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANPERFRANCO Pharma

(151) 25.03.2008
(220) 26.01.2007

(531) 1.15.23; 24.15.21
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1, số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm thú y và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế, thuốc đông y, chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, bánh, kẹo, gạo, bột ngũ cốc, chè, cà phê, cacao, sữa và các sản phẩm làm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0098172**
(210) 4-2007-02130
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MYOZTIZAL

(151) 25.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098173**
(210) 4-2006-04972
(181) 04.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALIBABA

(151) 25.03.2008
(220) 04.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI CÁT (VN)
Số 21 Tôn Đức Thắng, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 09: Cầu dao điện, áptômat, cầu chì, tủ điện, công tắc ổ cắm điện, chấn lưu điện.

Nhóm 11: Máng đèn điện các loại.

---

(111) **4-0098174**
(210) 4-2006-21285
(181) 05.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 05.12.2006

(531) 26.4.3; 7.5.15
(591) Xanh da trời, trắng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TKR VIỆT NAM (VN)
Lô E đường số 10, khu công nghiệp Hoà Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 09: Công tắc điện tử.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu công tắc điện tử.

Nhóm 40: Sản xuất công tắc điện tử theo yêu cầu từ người khác.

---

(111) **4-0098175**
(210) 4-2007-01251
(181) 17.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

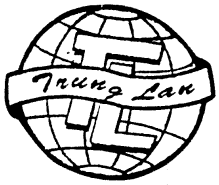

(151) 25.03.2008
(220) 17.01.2007

(531) A1.5.3
(731) CƠ SỞ NGUYỄN MINH TRUNG (VN)
Tổ dân phố 19, thị trấn Buôn Hồ, Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0098176**
(210) 4-2007-01447
(181) 22.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 22.01.2007

(531) 2.9.4
(731) NGUYỄN CẨM THƠ (VN)
Số 1 Văn Miếu, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Thiết kế thời trang quần áo.

---

(111) **4-0098177**
(210) 4-2007-01448
(181) 22.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 22.01.2007

(531) 2.9.4
(731) NGUYỄN CẨM THƠ (VN)
Số 1 Văn Miếu, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; môi giới quảng cáo; cập nhật tư liệu quảng cáo; thông tin về thương mại.

---

(111) **4-0098178**
(210) 4-2007-02033
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CIRCULAN

(151) 25.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) DONG-A PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
252 Yongdu-dong, Dongdaemun-ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm dùng trong y tế, bao gồm chủ yếu tinh chất của cây bạch quả, tinh chất của cây xả sấy khô, tinh chất của cây táo gai và dầu tỏi; tác nhân (dược chất) gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương; tác nhân (dược chất) dùng cho tim mạch; chất dinh dưỡng, thuốc bổ và các dược chất thay thế; tác nhân (dược chất) dùng cho cơ quan hô hấp; tác nhân (dược chất) để chữa trị các khối u; tác nhân (dược chất) chống dị ứng; và xạ hương dùng cho các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098179**
(210) 4-2007-02730
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SEDACORON

(151) 25.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) EBEWE PHARMA GES.M.B.H NFG KG (AT)
Mondseestrasse 11, A-4866, Unterach, Austria
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098180**
(210) 4-2007-24465
(181) 29.11.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 29.11.2007

(531) 22.1.1; 3.7.7; A3.7.24
(591) Trắng, đỏ, vàng, nâu
(731) TRANG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ - WEBSITE CHÍNH PHỦ (VN)
Số 16 Lê Hồng Phong, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 38: Viễn thông.

Nhóm 45: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ an ninh nhằm bảo vệ người và tài sản; các dịch vụ cá nhân và xã hội được cung cấp bởi người khác phục vụ các nhu cầu thiết yếu của cá nhân bao gồm: dịch vụ cung cấp các thông tin pháp luật; dịch vụ cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật; dịch vụ trả lời, hỏi đáp các thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách của Nhà nước, Chính phủ.

---

(111) **4-0098181**
(210) 4-2007-01404
(181) 19.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

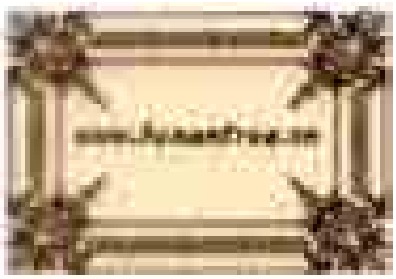

(151) 25.03.2008
(220) 19.01.2007

(531) A25.1.10; A5.5.22; A5.13.11
(591) Đen, nâu, vàng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC KHÔNG GIAN ẢO VI NA (VN)
612/128/5 Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

Nhóm 35: Hệ thống hoá thông tin vào cơ sở dữ liệu máy tính.

Nhóm 38: Dịch vụ gửi và nhận tin nhắn thông qua điện thoại di động; dịch vụ trao đổi thông tin bằng email hoặc bằng các công cụ khác trên trang web.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí: viết blog, chơi game.

Nhóm 42: Dịch vụ tìm kiếm thông tin cụ thể theo yêu cầu của khách hàng thông qua phương tiện internet.

---

(111) **4-0098182**
(210) 4-2007-02016
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 29.01.2007

(531) A26.11.12
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH KIM DUY (VN)
84/186 Phan Văn Trị, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0098183**
(210) 4-2007-08465
(181) 14.05.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

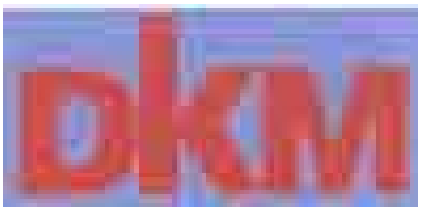

(151) 25.03.2008
(220) 14.05.2007

(591) Đỏ, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT KỸ THUẬT ĐIỆN ĐÔNG Á CHÂU (VN)
Số 449/19 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Động cơ điện dùng cho các loại máy công nghiệp (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ).

---

(111) **4-0098184**
(210) 4-2007-00917
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TOP-POWER

(151) 25.03.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHAN MINH (VN)
122 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098185**
(210) 4-2007-00937
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRƯỜNG VINH

(151) 25.03.2008
(220) 12.01.2007

(731) LÊ THỊ PHƯƠNG LAN (VN)
188A đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ kiện của thiết bị viễn thông.

---

(111) **4-0098186**
(210) 4-2007-00938
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MINH THÍCH

(151) 25.03.2008
(220) 12.01.2007

(731) VÕ VĂN THÍCH (VN)
Khu vực 6, phường IV, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0098187**
(210) 4-2007-00939
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 12.01.2007

(531) 3.4.18; 26.4.2; 24.7.1
(591) Xanh sẫm, da cam, vàng, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ BIẾN SÚC SẢN LONG BÌNH (VN)
Khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Thịt gia súc, gia cầm (đã qua chế biến); trứng; giăm bông; xúc xích; lạp xưởng.

---

(111) **4-0098188**
(210) 4-2007-01854
(181) 25.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALFAPENEM

(151) 25.03.2008
(220) 25.01.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098189**
(210) 4-2007-02219
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANXICALM

(151) 25.03.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu Công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người, dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0098190**
(210) 4-2007-02275
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 31.01.2007

(531) 2.1.1
(731) GUANGZHOU KUNGFU CATERING MANAGEMENT CO ., LTD. (CN)
Block C & D Floor 16, Gaosheng Building, 109 Tiyu West Road, Tianhe District, Guangzhou, Guangdong, P. R. China
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời (khách sạn, nhà trọ); dịch vụ quán cà phê; dịch vụ quán ăn tự phục vụ; dịch vụ quán ăn cung cấp đồ ăn thức uống (căng tin); dịch vụ quán ăn phục vụ đồ ăn nhanh; dịch vụ quán bán rượu.

---

(111) **4-0098191**
(210) 4-2007-02295
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ENTILOR

(151) 25.03.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098192**
(210) 4-2007-02296
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

OVALGEL

(151) 25.03.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098193**
(210) 4-2007-02297
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TOSGATE

(151) 25.03.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098194**
(210) 4-2007-02756
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIPIRIC

(151) 25.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM VĨNH AN AN (VN)
13 đường 1D, khu dân cư Trung Sơn, Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098195**
(210) 4-2007-03398
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 28.02.2007

(531) 1.3.1; 26.1.1; 24.17.17
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINH NHẬT (VN)
32 Đào Nguyên Phổ, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện tử, máng đèn, đèn ống, bộ chỉnh dòng (ba lát) điện từ, tắc kê nhựa.

---

(111) **4-0098196**
(210) 4-2006-18540
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Sertin

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098197**
(210) 4-2006-18544
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Perisone

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098198**
(210) 4-2006-18545
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Telmis

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098199**
(210) 4-2006-21959
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaViLope

(151) 25.03.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 toà nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098200**
(210) 4-2006-20825
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.13.25; A26.11.13
(591) Xanh nước biển, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TÂN Ý (VN)
142 Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, liên hệ với quần chúng, hãng quảng cáo, cho thuê phương tiện quảng cáo, tổ chức hội chợ thương mại nhằm thương mại hoặc quảng cáo.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn, in litô, in ốp sét, in mẫu vẽ, in ảnh chụp, in giấy nến.

---

(111) **4-0098201**
(210) 4-2006-07557
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DraughtMaster

(151) 25.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CARLSBERG BREWERIES A/S (DK)
Ny Carlsberg Vej 100, DK - 1760 Copenhagen V, Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Máy rót bia và đồ uống khác với áp suất cao (máy); máy dùng để bơm bia và đồ uống khác (máy).

Nhóm 11: Máy làm lạnh đồ uống.

Nhóm 21: Hộp đựng bia tươi và đồ uống khác dùng một lần có thể gập lại được (đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc và không làm bằng kim loại quý hoặc mạ bằng kim loại quí).

Nhóm 32: Bia; đồ uống không có cồn.

---

(111) **4-0098202**
(210) 4-2006-17207
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHUONG NAM

(151) 25.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) ĐINH DOÃN KIỂM (VN)
Thôn Đại Tự, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 06: Két sắt; két bảo mật bằng sắt.

---

(111) **4-0098203**
(210) 4-2007-03101
(181) 14.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

PRADO

(151) 25.03.2008
(220) 14.02.2007

(731) CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT DELTA (VN)
42 Võ Ngọc Quận, phường 6, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa đặc có đường.

---

(111) **4-0098204**
(210) 4-2006-16135
(181) 26.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 26.09.2006

(531) 26.3.1
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VĂN PHÒNG Á CHÂU (VN)
Số 83 Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy chiếu hắt; màn hình dùng cho máy chiếu.

Nhóm 16: Máy huỷ giấy (đồ văn phòng)

---

(111) **4-0098205**
(210) 4-2006-18522
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVIPIROX

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098206**
(210) 4-2006-18523
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi FELOD

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098207**
(210) 4-2006-18524
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Ridol

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098208**
(210) 4-2006-18525
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi XATE

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098209**
(210) 4-2006-18526
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0098210**
(210) 4-2006-18527
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Biloba

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098211**
(210) 4-2006-18528
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi SORBID

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098212**
(210) 4-2006-18529
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Doxaz

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098213**
(210) 4-2006-18541
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098214**
(210) 4-2006-18542
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098215**
(210) 4-2006-18543
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098216**
(210) 4-2006-18424
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

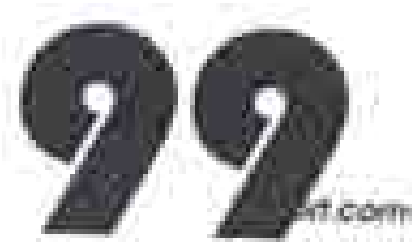

(151) 25.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LINH ĐAN (LINH DAN JOINT STOCK COMPANY) (VN)
Số 50 đường Yên Phụ, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 28: Dụng cụ và đồ dùng thể dục, thể thao và các bộ phận liên quan: vợt các loại, quả cầu lông, bóng tennis, dây căng vợt, quấn cán vợt, thảm tập luyện và thi đấu (cho những môn thê thao có yêu cầu đặc biệt).

Nhóm 35: Buôn bán dụng cụ, trang thiết bị thể dục, thể thao; dịch.vụ tư vấn, môi giới và xúc tiến thương mại trong lĩnh vực thể thao.

Nhóm 41: Kinh doanh khu vui chơi giải trí, trung tâm thể thao, hoạt động biểu diễn nghệ thuật; huấn luyện, đào tạo các môn thể thao; tổ chức các hoạt động giải trí khác.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống trong nhà hàng, khách sạn, quán ăn nhanh, quán bar.

---

(111) **4-0098217**
(210) 4-2006-21972
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

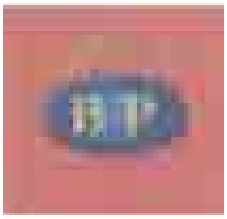

(151) 25.03.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2
(591) Vàng nhũ, đỏ, xanh
(731) PHẠM VĂN ĐỊNH (VN)
Số 183, phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh, mứt kẹo, kẹo.

---

(111) **4-0098218**
(210) 4-2006-08576
(181) 02.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INNOVA

(151) 25.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Bút viết; tập vở học sinh; mực viết máy; phấn viết bảng; keo dán dùng cho văn phòng hoặc cho gia đình; văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0098219**
(210) 4-2006-06015
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Passion

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098220**
(210) 4-2006-06016
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Silo

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098221**
(210) 4-2005-14463
(181) 28.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIET-MEDIC

(151) 25.03.2008
(220) 28.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHÁP ÂU (EUROPHARM FRANCE., JSC) (VN)
Số 143, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098222**
(210) 4-2006-21544
(181) 08.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 5.7.18; 4.5.1; 8.7.1
(591) Trắng, đỏ, vàng, xám, xanh dương, xanh lá cây, xanh lá mạ, da cam, vàng nhạt
(731) TRẦN THỊ HOA (VN)
F04/132, ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Chuối sấy.

---

(111) **4-0098223**
(210) 4-2005-09276
(181) 26.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

THEROCANE

(151) 25.03.2008
(220) 26.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098224**
(210) 4-2005-16242
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VOLEDEX

(151) 25.03.2008
(220) 01.12.2005

(731) PT DEXA MEDICA., (ID)
JI.RS Fatmawati Kav.33, Jakarta Selatan 12430, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098225**
(210) 4-2005-08416
(181) 08.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIPPOTEX

(151) 25.03.2008
(220) 08.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI LTC (VN)
Số 114 khu Ga, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn nước dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0098226**
(210) 4-2006-20741
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINABISCUIT

(151) 25.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh.

---

(111) **4-0098227**
(210) 4-2006-20742
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINANUT

(151) 25.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32 C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng.

---

(111) **4-0098228**
(210) 4-2006-20743
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINACAKE

(151) 25.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32 C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh.

---

(111) **4-0098229**
(210) 4-2006-21055
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 01.12.2006

(531) 7.1.24
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ THẢO LOAN (VN)
141 Trần Não, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Sở hữu trí tuệ và Thời trang ngày nay Lê Gia (LEFANO IP CONSULTANT)

(511) Nhóm 36: Cho thuê nhà, cho thuê căn hộ; cho thuê văn phòng; môi giới bất động sản.

---

(111) **4-0098230**
(210) 4-2006-22716
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARROW GENETICS

(151) 25.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH GREENFEED (VN)
Xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Lợn giống.

---

(111) **4-0098231**
(210) 4-2006-22862
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.4.2; 1.15.15
(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU VIỆT PHÚ THỊNH (VN)
204 Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 17: Cao su thô.

Nhóm 35: Mua bán: tiêu, gạo, cà phê, hạt điều, đậu nành, sắt thép, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh).

---

(111) **4-0098232**
(210) 4-2005-08689
(181) 14.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 14.07.2005

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng, xanh
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LONG QUANG (LQT.CO., LTD) (VN)
Số 68 phố Kim Ngưu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước.

---

(111) **4-0098233**
(210) 4-2006-21554
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ ĐÀ NẴNG (VN)
25 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 09: Tụ điện màng mỏng.

---

(111) **4-0098234**
(210) 4-2005-13144
(181) 06.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 06.10.2005

(531) 26.4.1; A25.7.3
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ NỘI THẤT TẦM NHÌN MỚI (VN)
Số 8/155 phố Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 37: Trang trí nội, ngoại thất công trình.

---

(111) **4-0098235**
(210) 4-2005-13410
(181) 12.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 12.10.2005

(531) A17.2.2; 26.5.3
(591) Xanh cốm, xanh nước biển, da cam, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP PHẦN MỀM KIM CƯƠNG (VN)
Phòng 304 H9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0098236**
(210) 4-2006-20705
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIOVITAL

(151) 25.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (VN)
Số 7, phố Trần Thánh Tông, quân Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098237**
(210) 4-2006-21046
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHÂU THÀNH

(151) 25.03.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHÂU THÀNH (VN)
Km 7 đường 21B Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung.

---

(111) **4-0098238**
(210) 4-2006-22777
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRUNG HẢI

(151) 25.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) LIÊU THANH HẢI (VN)
ấp Phước Long, xã Lộc Hoà, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Mua bán cà phê.

---

(111) **4-0098239**
(210) 4-2006-22955
(181) 29.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 29.12.2006

(591) Cam, xanh đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG THÁI BÌNH (VN)
Phố Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

(511) Nhóm 31: Hạt giống.

---

(111) **4-0098240**
(210) 4-2006-23057
(181) 29.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

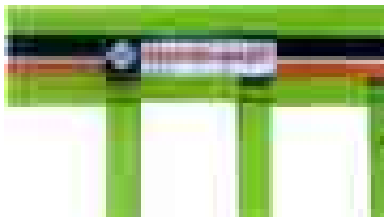

(151) 25.03.2008
(220) 29.12.2006

(531) 26.4.3; 7.1.17
(591) Xanh lá cây, trắng, da cam, xanh lá mạ
(731) TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (VN)
38 - 40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hoá: trung tâm thương mại; siêu thị; cửa hàng chuyên doanh, tiện ích.

---

(111) **4-0098241**
(210) 4-2006-06038
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SMARTTECH

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH (VN)
1C, tổ 50, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, thiết bị điều khiển tự động dùng cho: thiết bị an ninh, thiết bị chiếu sáng, thiết bị công nghiệp, thiết bị viễn thông, thiết bị dân dụng.

---

(111) **4-0098242**
(210) 4-2006-20347
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 22.11.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BẢO CHÂU (VN)
Thôn Quảng Uyên, xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0098243**
(210) 4-2006-20368
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SMART-HOME

(151) 25.03.2008
(220) 22.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT P.T (VN)
1/38F Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Camera; thiết bị báo động; thiết bị điện để giám sát; thiết bị tiết kiệm năng lượng; thiết bị điều khiển hệ thống điện.

---

(111) **4-0098244**
(210) 4-2006-16862
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

IMMUNONUTRIENTS

(151) 25.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) ABBOTT LABORATORIES (US)
100 Abbott Park Road, Abbott Park, Illinois 60064-6050 USA
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thành phần trong thực phẩm chế biến theo công thức dùng trong trẻ em.

---

(111) **4-0098245**
(210) 4-2006-16863
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

COLANZIP

(151) 25.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) COLORAMA PHARMACEUTICALS LTD (US)
Colorama house, 23 Wadsworth Road, Greenford, Middlesex UB6 7 JS, U.K
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098246**
(210) 4-2006-16864
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PROTOCID

(151) 25.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) COLORAMA PHARMACEUTICALS LTD (US)
Colorama house, 23 Wadsworth Road, Greenford, Middlesex UB6 7 JS, U.K
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098247**
(210) 4-2006-16866
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VALGAGY

(151) 25.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098248**
(210) 4-2006-16947
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 10.10.2006

(531) 26.4.2; A26.11.8
(591) Vàng, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI DƯƠNG (VN)
Nhà 7D, ngõ 654 đường Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước, máy bơm chân không, máy bơm li tâm, máy khoan chạy điện, máy rửa bát đĩa, máy ép nước hoa quả chạy điện cho gia đình.

Nhóm 11: Thiết bị sưởi nóng dùng cho gia đình, bình đun nước nóng sử dụng điện dùng trong nhà tắm, máy hút mùi, bếp ga, lò nướng.

---

(111) **4-0098249**
(210) 4-2006-17182
(181) 12.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BESTVIR

(151) 25.03.2008
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG II (VN)
136 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098250**
(210) 4-2006-17184
(181) 12.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 12.10.2006

(531) A26.11.13; 1.15.5; 26.4.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LẠC VIỆT (VN)
Số 37, ngõ 2, phố Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm thú y và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế, thuốc đông y, chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0098251**
(210) 4-2005-12180
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIZ TALOR

(151) 25.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SANA (VN)
Phòng 808, tầng 8, 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Nước hoa.

---

(111) **4-0098252**
(210) 4-2006-18400
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 25.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.1.2
(591) Đen, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LONG QUANG (VN)
68 Kim Ngưu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước.

---

(111) **4-0098253**
(210) 4-2006-06010
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Pro

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098254**
(210) 4-2006-06011
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Sharp

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098255**
(210) 4-2006-06012
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Green

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098256**
(210) 4-2006-06013
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Rota

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098257**
(210) 4-2006-06014
(181) 19.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Loto

(151) 25.03.2008
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, diệt trừ ốc bươu vàng, chất diệt động vật có hại cho cây trồng, chế phẩm diệt côn trùng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098258**
(210) 4-2006-18187
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Map Biti

(151) 25.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, ốc bươu vàng; thuốc diệt động vật có hại, côn trùng có hại.

---

(111) **4-0098259**
(210) 4-2006-18188
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Mapy

(151) 25.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, ốc bươu vàng; thuốc diệt động vật có hại, côn trùng có hại.

---

(111) **4-0098260**
(210) 4-2006-18189
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Alémap

(151) 25.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, ốc bươu vàng; thuốc diệt động vật có hại, côn trùng có hại.

---

(111) **4-0098261**
(210) 4-2006-01148
(181) 20.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 20.01.2006

(591) Trắng, xanh dương, xanh da trời
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TAISUN VIỆT NAM (VN)
Lô số A1- 6, đường số N5, khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tã giấy em bé.

---

(111) **4-0098262**
(210) 4-2005-07901
(181) 29.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 29.06.2005

(531) A26.11.13; A26.11.9
(591) Xanh nước biển, xanh nhạt, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH YNG SHIN VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 32: Nước ép trái cây, nước tinh khiết, nước trà có hương vị trái cây, nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098263**
(210) 4-2005-08599
(181) 12.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 12.07.2005

(531) 3.1.1
(591) Trắng, xanh nước biển, đỏ gạch
(731) SINGAPORE PETROLEUM COMPANY LIMITED (SG)
1 Maritime Square, #10-10 HarbourFront Centre, Singapore 099253
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu đốt và khí đốt; dầu hoả (thô hoặc đã tinh chế); nhiên liệu (kể cả xăng dùng cho động cơ); dầu nhiên liệu; dầu khí; dầu xăng; dầu khí hoá lỏng; dầu mỏ; dầu và mỡ công nghiệp (ngoại trừ dầu ăn, mỡ ăn và tinh dầu); chất lỏng cắt gọt (để bôi trơn và làm nguội dụng cụ cắt); xăng, dầu lửa; dầu đi-e-zel; dầu dùng cho động cơ; dầu nhờn; dầu bôi trơn; mỡ bôi trơn; chất phụ gia không phải là hoá chất dùng làm nhiên liệu cho động cơ; tất cả các sản phẩm nêu trên được dùng cho máy móc tự động, ô tô, dùng cho mục đích công nghiệp hoặc hàng hải.

Nhóm 17: Dầu cách điện (bao gồm cả dầu cách điện dùng cho máy biến áp).

Nhóm 19: Vật liệu làm đường; as-phan, hắc ín, bi-tum.

---

(111) **4-0098264**
(210) 4-2006-13532
(181) 17.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 17.08.2006

(531) 7.1.24
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-XÂY DỰNG KINH DOANH NHÀ TÂN HỒNG UY (VN)
56 Bàu Cát 1, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 35: Mua bán: kim khí điện máy, văn phòng phẩm, vật tư nguyên liệu máy móc phụ tùng ngành sản xuất công - nông - lâm - ngư nghiệp, hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 36: Dịch vụ mua bán và cho thuê nhà ở; đầu tư vốn để phát triển nhà ở.

Nhóm 37: Dịch vụ giám sát xây dựng, công trình xây dựng; xây dựng nhà ở, cao ốc văn phòng; xây dựng cầu đường; san lấp mặt bằng; trang trí nội thất.

Nhóm 42: Tư vấn khảo sát xây dựng.

---

(111) **4-0098265**
(210) 4-2005-05362
(181) 10.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ITONI

ITONI

(151) 26.03.2008
(220) 10.05.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH BẮC (VN)
184/1 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Máy giặt; máy xay sinh tố; máy ép nước trái cây.

Nhóm 11: Máy lạnh; tủ lạnh; máy nước nóng, lạnh (để uống); nồi cơm điện; ấm đun nước bằng điện; quạt điện; bếp gas; máy hút khói; lò vi sóng.

---

(111) **4-0098266**
(210) 4-2005-06544
(181) 13.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MiO

(151) 26.03.2008
(220) 13.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Phòng 205, khách sạn Hương Trà, ngã ba Gián Khẩu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh.

Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; bột canh.

---

(111) **4-0098267**
(210) 4-2004-12797
(181) 26.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAKURA SAIGON

(151) 26.03.2008
(220) 26.05.2005

(531) 1.17.11
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CƠ SỞ HUỲNH THU (VN)
Lô A13 lầu 2 số 135 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng may thêu, tơ lụa, thổ cẩm, lụa, túi xách, hài cườm, hàng trang sức bằng thổ cẩm, hàng mỹ nghệ.

---

(111) **4-0098268**
(210) 4-2006-12745
(181) 07.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 07.08.2006

(531) 26.1.2; 3.4.7; A1.1.10; A24.1.9
(591) Xanh, đen, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI HƯNG THUẬN (VN)
45 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp.

---

(111) **4-0098269**
(210) 4-2006-20552
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SURELASTING

(151) 26.03.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH HƯƠNG LIỆU- HÓA CHẤT HOÀNG ANH (VN)
12 lô IX, khu phố 2, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Phụ gia làm dai dùng cho thực phẩm.

---

(111) **4-0098270**
(210) 4-2005-12833
(181) 30.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 30.09.2005

(531) 26.1.1; A1.1.12; A26.3.7; 26.3.10
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh dương, hồng cánh sen, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ DÂN NGỌC (VN)
40 lô Ô Cư, xá Phú Lâm, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe gắn máy bằng cao su bao gồm: gát chân; bao tay cầm; cao su đùm (bộ phận nằm trong may-ơ); bánh sên cam (bộ phận đỡ xích); bánh tăng cam (bộ phận làm căng xích).

---

(111) **4-0098271**
(210) 4-2007-01426
(181) 19.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

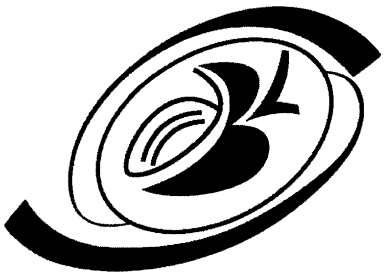

(151) 26.03.2008
(220) 19.01.2007

(531) 5.7.13; 1.15.23; 26.1.2; 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THANH THANH (VN)
127/49 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm.

---

(111) **4-0098272**
(210) 4-2007-02752
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KADANO

(151) 26.03.2008
(220) 07.02.2007

(531) A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGUYÊN ĐẠT (VN)
5-7 Trịnh Văn Cấn, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: khóa cửa, trang phục người lớn, đồ lót (nội y), mỹ phẩm.

---

(111) **4-0098273**
(210) 4-2007-02753
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EAST ASIA STEEL

(151) 26.03.2008
(220) 07.02.2007

(531) 1.3.1
(591) Trắng, đỏ, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÔN ĐÔNG Á (VN)
Số 5, đường số 5, lô E, khu công nghiệp Sóng Thần I, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Tấm lợp bằng thép được mạ kẽm; tấm lợp bằng thép được mạ màu.

---

(111) **4-0098274**
(210) 4-2006-22780
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SILVEVODKA

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SANA WMT (VN)
210 Yên Sơn, Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 33: Rượu vodka.

---

(111) **4-0098275**
(210) 4-2006-22781
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLDVODKA

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SANA WMT (VN)
210 Yên Sơn, Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 33: Rượu vodka.

---

(111) **4-0098276**
(210) 4-2006-02115
(181) 15.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAKACHI

(151) 26.03.2008
(220) 15.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT ANH ĐỨC (VN)
Số 217 phố Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Máy điều hoà nhiệt độ, tủ lạnh, tủ bảo ôn, lò vi sóng, máy hút bụi, nồi cơm điện.

---

(111) **4-0098277**
(210) 4-2007-04603
(181) 20.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

XTM

(151) 26.03.2008
(220) 20.03.2007

(591) Trắng, ghi, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT TRƯỜNG AN (VN)
Số 402B, nhà G3A, khu tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy đếm ngoại tệ, máy kiểm tra ngoại tệ.

---

(111) **4-0098278**
(210) 4-2006-01963
(181) 14.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 14.02.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI DƯƠNG GIA (VN)
Số 18 phố Thể Giao, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0098279**
(210) 4-2006-01964
(181) 14.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 14.02.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7
(591) Đỏ, vàng, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI DƯƠNG GIA (VN)
Số 18 phố Thể Giao, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0098280**
(210) 4-2006-04400
(181) 27.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BAYTEC

(151) 26.03.2008
(220) 27.03.2006

(731) BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
Leverkusen, Federal Republic of Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp, chất dẻo (vật liệu thô) dưới dạng bột, nhũ tương, thể lỏng, hạt và dạng bọt; chất dẻo nhân tạo (vật liệu thô) dưới dạng bột, nhũ tương, thể lỏng, hạt và dạng bọt.

Nhóm 17: Chất dẻo (bán thành phẩm) dưới dạng lá, tấm, mặt cắt và khối.

---

(111) **4-0098281**
(210) 4-2006-20193
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHOLSTATIN

(151) 26.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098282**
(210) 4-2006-21834
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KESUD

(151) 26.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098283**
(210) 4-2006-21835
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KEMAL

(151) 26.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098284**
(210) 4-2006-21836
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KEMETO

(151) 26.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098285**
(210) 4-2006-22797
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

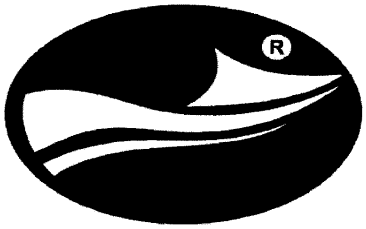

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) 26.1.2; 9.9.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIẦY HỒNG PHÚC (VN)
Xã Biên Giang, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Giày, dép, đồ đi chân, tất đi chân, ủng.

---

(111) **4-0098286**
(210) 4-2006-22848
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) A26.11.9; A26.11.12; 26.3.23
(731) ASICS CORPORATION (JP)
1-1 Minatojima-Nakamachi 7-chome, Chuo-ku, Kobe City, Hyogo Prefecture, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Giầy thể thao; giầy đi núi; giầy lao động; ủng cao su; ủng cao cổ; ủng đi trên tuyết; giầy; dép đế trong; áo sơ mi; quần đùi; áo ghi-lê; áo len dài tay; áo khoác; quần áo lót; quần bơi và áo choàng khi đi bơi; quần áo thể thao; găng tay (là trang phục); tất; đồ đội đầu; mũ dùng khi tắm; cổ tay áo; dây lưng (là trang phục).

---

(111) **4-0098287**
(210) 4-2006-22849
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) A26.11.9; A26.11.12; 26.3.23
(731) ASICS CORPORATION (JP)
1-1 Minatojima-Nakamachi 7-chome, Chuo-ku, Kobe City, Hyogo Prefecture, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Giầy thể thao; giầy đi núi; giầy lao động; ủng cao su; ủng cao cổ; ủng đi trên tuyết; giầy; dép đế trong; áo sơ mi; quần đùi; áo ghi-lê; áo len dài tay; áo khoác; quần áo lót; quần bơi và áo choàng khi đi bơi; quần áo thể thao; găng tay (là trang phục); tất; đồ đội đầu; mũ dùng khi tắm; cổ tay áo; dây lưng (là trang phục).

---

(111) **4-0098288**
(210) 4-2006-20210
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BEEJETAZIM

(151) 26.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098289**
(210) 4-2006-20211
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JEKUKTAM

(151) 26.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098290**
(210) 4-2006-22800
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY CUNG ỨNG THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ T2 ESUPPLY (VN)
47B Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính.

Nhóm 40: Lắp ráp máy vi tính các loại.

---

(111) **4-0098291**
(210) 4-2006-20232
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FIXOMINA

(151) 26.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098292**
(210) 4-2006-20233
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JEKUKFIXIM

(151) 26.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098293**
(210) 4-2006-21758
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BORO SUPER

(151) 26.03.2008
(220) 12.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I-Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0098294**
(210) 4-2006-21759
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PIZA

(151) 26.03.2008
(220) 12.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I-Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0098295**
(210) 4-2006-21832
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KECAM

(151) 26.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098296**
(210) 4-2006-21833
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KEMEDI

(151) 26.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098297**
(210) 4-2006-22121
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ACCRETROPIN

(151) 26.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Số 15, đường 7C, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; vacxin; sinh phẩm y tế (cụ thể là chất kháng huyết thanh dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098298**
(210) 4-2006-22122
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LEUCOTROPIN

(151) 26.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Số 15, đường 7C, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; vacxin; sinh phẩm y tế (cụ thể là chất kháng huyết thanh dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098299**
(210) 4-2006-22765
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UFUR

(151) 26.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC NANO (VN)
Số 11, tổ 101, Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098300**
(210) 4-2006-22766
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIPO-DOX

(151) 26.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC NANO (VN)
Số 11, tổ 101, Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098301**
(210) 4-2005-05161
(181) 05.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 05.05.2005

(531) A1.1.10; A1.11.8
(591) Xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG DƯƠNG (TNHH) (VN)
268 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: ống HDPE, ống uPVC, ống gang, ống thép, khớp nối gang dẻo, nhựa, van bơm, đồng hồ, thiết bị đo đạc.

---

(111) **4-0098302**
(210) 4-2005-14353
(181) 27.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540) 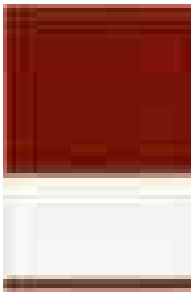

(151) 26.03.2008
(220) 27.10.2005

(531) 26.4.2; 26.11.2
(591) Đỏ, trắng, vàng đồng
(731) TOBACCOR SA (FR)
7/9 rue du Mont Valerien, 92150 Suresnes, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá đã được chế biến; thuốc lá chưa qua chế biến; sản phẩm thuốc lá; chất thay thế thuốc lá không dùng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá điếu; diêm; gạt tàn thuốc; bật lửa cho người hút thuốc; hộp thuốc lá; bao đựng thuốc lá; giấy thuốc lá; tẩu thuốc lá; đầu lọc thuốc lá.

---

(111) **4-0098303**
(210) 4-2005-14354
(181) 27.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

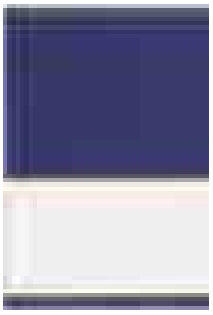

(151) 26.03.2008
(220) 27.10.2005

(531) 26.4.2; 26.11.2
(591) Xanh dương, trắng, vàng đồng
(731) TOBACCOR SA (FR)
7/9 rue du Mont Valerien, 92150 Suresnes, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá đã được chế biến; thuốc lá chưa qua chế biến; sản phẩm thuốc lá; chất thay thế thuốc lá không dùng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá điếu; diêm; gạt tàn thuốc; bật lửa cho người hút thuốc; hộp thuốc lá; bao đựng thuốc lá; giấy thuốc lá; tẩu thuốc lá; đầu lọc thuốc lá.

---

(111) **4-0098304**
(210) 4-2005-14355
(181) 27.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

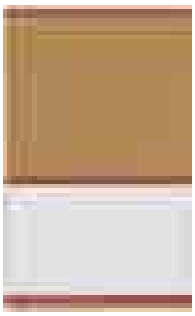

(151) 26.03.2008
(220) 27.10.2005

(531) 26.4.2; 26.11.2
(591) Đỏ, trắng, vàng đồng
(731) TOBACCOR SA (FR)
7/9 rue du Mont Valerien, 92150 Suresnes, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá đã được chế biến; thuốc lá chưa qua chế biến; sản phẩm thuốc lá; chất thay thế thuốc lá không dùng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá điếu; diêm; gạt tàn thuốc; bật lửa cho người hút thuốc; hộp thuốc lá; bao đựng thuốc lá; giấy thuốc lá; tẩu thuốc lá; đầu lọc thuốc lá.

---

(111) **4-0098305**
(210) 4-2005-14356
(181) 27.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

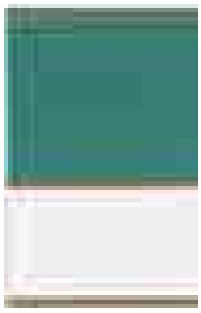

(151) 26.03.2008
(220) 27.10.2005

(531) 26.4.2; 26.11.2
(591) Xanh lá cây, trắng, vàng đồng
(731) TOBACCOR SA (FR)
7/9 rue du Mont Valerien, 92150 Suresnes, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá đã được chế biến; thuốc lá chưa qua chế biến; sản phẩm thuốc lá; chất thay thế thuốc lá không dùng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá điếu; diêm; gạt tàn thuốc; bật lửa cho người hút thuốc; hộp thuốc lá; bao đựng thuốc lá; giấy thuốc lá; tẩu thuốc lá; đầu lọc thuốc lá.

---

(111) **4-0098306**
(210) 4-2006-19749
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KERFENMYCIN

(151) 26.03.2008
(220) 15.11.2006

(731) Y.S.P. INDUSTRIES (M) SDN. BHD. (MY)
16th Floor, Plaza IBM, No.1, Jalan Tun Mohd. Fuad, Taman Tun Dr. Ismail, 60000 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và chế phẩm thú y; sản phẩm vệ sinh dùng trong ngành y như là: thuốc tẩy y tế, chất khử trùng, cồn y tế; thực phẩm cho trẻ em dùng cho mục đích y tế; thực phẩm cho người tàn tật dùng cho mục đích y tế như: thực phẩm ăn kiêng dùng cho người bị tàn tật; cao dán; vật liệu để băng bó vết thương dùng cho mục đích y tế như: vật dụng có khả năng thấm hút dùng để băng bó vết thương, vật dụng dùng để băng bó (cho mục đích giữ vệ sinh); vật liệu dùng để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt cỏ và động vật có hại.

---

(111) **4-0098307**
(210) 4-2006-20075
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

X-BIKE

(151) 26.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH VIỆT NAM SUZUKI (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Xe gắn máy, xe ô tô.

---

(111) **4-0098308**
(210) 4-2005-03446
(181) 31.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NIDEN

(151) 26.03.2008
(220) 31.03.2005

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯƠNG (VN)
Số 6, ngõ 111, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0098309**
(210) 4-2006-07571
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOBALTALGINE

(151) 26.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI (VN)
170 đường La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098310**
(210) 4-2006-07572
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HANOMAC

(151) 26.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI (VN)
170 đường La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098311**
(210) 4-2006-07574
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

IMCEPOWER-H

(151) 26.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN Y DƯỢC QUỐC TẾ (VN)
Số 40, ngõ 165, phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0098312**
(210) 4-2006-11202
(181) 17.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEATHNAMIN

(151) 26.03.2008
(220) 17.07.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098313**
(210) 4-2006-13113
(181) 10.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 10.08.2006

(531) 1.5.1
(731) CITYNEON HOLDINGS LIMITED (SG)
Cityneon Design Centre, 84 Genting Lane, #05-01, Singapore 349584
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 42: Thiết kế nội thất; thiết kế nghệ thuật tạo hình; thiết kế vị trí để tổ chức triển lãm; thiết lập các bản vẽ mặt bằng xây dựng.

---

(111) **4-0098314**
(210) 4-2005-14593
(181) 01.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

YAKTA-400

(151) 26.03.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SINH (VN)
Số 45, ngõ 346 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098315**
(210) 4-2005-17655
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Trione

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại, chất diệt côn trùng, thuốc trừ sâu, chất diệt nấm, chất diệt cỏ, thuốc cắn màu cho hạt giống.

---

(111) **4-0098316**
(210) 4-2005-17660
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAM ANH

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) NGUYỄN VĂN CHƠN (VN)
Số 62/24 ấp An Thạnh, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Men nấu rượu.

---

(111) **4-0098317**
(210) 4-2006-08245
(181) 28.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 28.07.2006

(531) 26.11.3; A26.11.9
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHONG CHÂU (VN)
P201, tầng 2, số 20 phố Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi; cặp sách tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần; áo; giầy; dép tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098318**
(210) 4-2006-19744
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 15.11.2006

(591) Xanh, đỏ, hồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG ANH (VN)
338/20/8 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Mô tơ (ngoài loại dùng cho phương tiện giao thông); máy bơm nước; máy nén khí; máy nén; máy bơm khí nén; máy đẩy không khí.

Nhóm 11: Máy lạnh; tháp giải nhiệt (thiết bị điện lạnh); quạt điện; tháp chưng cất; bộ ngưng khí (ngoài loại là bộ phận của máy).

Nhóm 35: Mua bán: vật tư, thiết bị, linh kiện, phụ kiện ngành điện, điện lạnh dân dụng và công nghiệp; mua bán hoá chất; môi giới thương mại; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 37: Thi công, bảo trì, lắp đặt: hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp, hệ thống điện nước, hệ thống xử lý nước.

---

(111) **4-0098319**
(210) 4-2006-19846
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SM-ESMONPLUS

(151) 26.03.2008
(220) 16.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098320**
(210) 4-2005-17802
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIETGLASS

(151) 26.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP KÍNH AN TOÀN MẶT TRỜI (VN)
Lô B -10B, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; kính an toàn (dùng trong xây dựng); khung cửa sổ dùng cho xây dựng (không bằng kim loại); khung cửa sổ không bằng kim loại; nhà kính không bằng kim loại (cấu kiện vận chuyển được); kính cửa sổ dùng cho xây dựng.

---

(111) **4-0098321**
(210) 4-2005-02579
(181) 11.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 11.03.2005

(531) 2.1.1; 2.3.1; 2.7.13
(591) Xanh dương nhạt, xanh dương đậm, vàng, nâu, nâu đỏ, xárn, xanh lá cây, đen, trắng
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO.,LTD (DBA Ampharco USA) (US) 17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098322**
(210) 4-2005-02580
(181) 11.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 11.03.2005

(531) 2.1.1; 2.3.1; 2.7.13
(591) Xanh dương nhạt, xanh dương đậm, vàng, nâu đỏ, xám, đỏ, cam, đen, trắng
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO.,LTD (DBA Ampharco USA) (US) 17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098323**
(210) 4-2005-05582
(181) 13.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMPHACEF

(151) 26.03.2008
(220) 13.05.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO.,LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098324**
(210) 4-2005-16639
(181) 08.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMCLOVIR

(151) 26.03.2008
(220) 08.12.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098325**
(210) 4-2005-05917
(181) 23.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

THE LIKE

(151) 26.03.2008
(220) 23.05.2005

(731) CƠ SỞ NEM SÁU XỆ (VN)
Số 33, Tân Quới Đông, xã Trường An, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết (Nước uống đóng chai).

---

(111) **4-0098326**
(210) 4-2005-16356
(181) 02.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PROTEC

(151) 26.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) HỢP TÁC XÃ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI BÌNH MINH (VN)
ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc; thức ăn gia cầm.

---

(111) **4-0098327**
(210) 4-2006-03901
(181) 20.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 20.03.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI - ĐIỆN TỬ TIẾN ĐOAN (VN)
119D Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 09: Tivi; đầu đĩa; loa; âm ly; bộ trộn âm; bộ khuyếch đại âm thanh.

---

(111) **4-0098328**
(210) 4-2006-07535
(181) 16.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AN HOÀ

(151) 26.03.2008
(220) 16.05.2006

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM AN HOÀ (VN)
Thôn 3, xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0098329**
(210) 4-2006-10844
(181) 11.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TIOLOL

(151) 26.03.2008
(220) 11.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA (VN)
253 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098330**
(210) 4-2006-10847
(181) 11.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DARINOL

(151) 26.03.2008
(220) 11.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA (VN)
253 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098331**
(210) 4-2006-18389
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.1.1; 4.3.20; 3.7.16; 3.7.21
(731) CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ FIHA (VN)
Thôn 1, xã Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 30: Cà phê (chế biến).

---

(111) **4-0098332**
(210) 4-2006-19269
(181) 09.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 5.7.3; 26.1.1
(591) Vàng đậm, vàng nhạt, xanh dương, nâu nhạt, trắng, đen
(731) HỘI NHỮNG NGƯỜI TRỒNG VÀ SẢN XUẤT GẠO CHIÊM HƯƠNG ĐẠI PHÚ AN, HUYỆN VĂN YÊN (VN)
ủy ban nhân dân xã Đại Phác, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0098333**
(210) 4-2006-19289
(181) 09.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Pikovit

(151) 26.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG (VN)
Số nhà 2, ngõ 164/117 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098334**
(210) 4-2006-20591
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BEE-NAT

(151) 26.03.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098335**
(210) 4-2006-20592
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EURO-FRADIN

(151) 26.03.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098336**
(210) 4-2006-20661
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Megana3

(151) 26.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 1, tập thể A37, tổ 110, Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098337**
(210) 4-2006-20662
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Neomarin- F

(151) 26.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 1, tập thể A37, tổ 110, Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098338**
(210) 4-2006-20664
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Vinerger

(151) 26.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 1, tập thể A37, tổ 110, Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098339**
(210) 4-2006-21564
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 26.03.2008
(220) 11.12.2006

(531) A26.11.12
(591) Vàng cam, trắng, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VĨNH AN (VN)
Số 37, đường Nguyễn Tri Phương, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 19: Cát.

---

(111) **4-0098340**
(210) 4-2006-22778
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLDBON

(151) 26.03.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SANA WMT (VN)
210 Yên Sơn, Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 33: Rượu vodka.

---

(111) **4-0098341**
(210) 4-2007-07376
(181) 25.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

GIÓNG VIỆT

(151) 27.03.2008
(220) 25.04.2007

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIÓNG VIỆT (VN)
Thôn La Khê, xã Văn Khê, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc y học cổ truyền; thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế; cao động vật các loại dùng cho mục đích y tế; cao thực vật các loại dùng cho mục đích y tế; rượu thuốc các loại.

Nhóm 29: Thực phẩm bổ dưỡng thu được từ phủ tạng động vật không dùng cho mục đích y tế; thịt gia súc; protein dùng làm thức ăn cho người; chế phẩm để nấu nước dùng; chất chiết ra từ xương động vật dùng làm thực phẩm không dùng cho mục đích y tế; chất chiết ra từ máu động vật dùng làm thực phẩm không dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0098342**
(210) 4-2006-01140
(181) 20.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HELBINEX

(151) 27.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098343**
(210) 4-2006-01141
(181) 20.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEWPUDOX

(151) 27.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098344**
(210) 4-2006-01142
(181) 20.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SELPAWON

(151) 27.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098345**
(210) 4-2006-01143
(181) 20.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SELVITEN

(151) 27.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098346**
(210) 4-2006-01144
(181) 20.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RIBASREN

(151) 27.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098347**
(210) 4-2006-03708
(181) 16.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UGITIN

(151) 27.03.2008
(220) 16.03.2006

(731) AUM IMPEX PVT. LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098348**
(210) 4-2006-03709
(181) 16.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GRATI

(151) 27.03.2008
(220) 16.03.2006

(731) AUM IMPEX PVT. LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098349**
(210) 4-2006-03710
(181) 16.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FP DOX

(151) 27.03.2008
(220) 16.03.2006

(731) AUM IMPEX PVT. LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098350**
(210) 4-2006-02361
(181) 21.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.1.2; 9.1.10
(591) Đỏ sẫm, nâu
(731) CÔNG TY TNHH TIẾN ĐẠT (VN)
Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Bàn thuộc nhóm này; ghế thuộc nhóm này; giường thuộc nhóm này; tủ thuộc nhóm này; ghế bành; đồ đạc trong nhà hoặc văn phòng bằng gỗ thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098351**
(210) 4-2003-06364
(181) 30.07.2013
(450) 26.05.2008 242
(540)

Sapham

(151) 27.03.2008
(220) 30.07.2003

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ MỚI (VN)
Số 9, ngõ 111, phố Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Ti vi; đầu đọc đĩa hình VCD (video compact disc), DVD (digital video disc); đầu đọc đĩa hát karaoke; đầu thu vệ tinh, chảo thu vệ tinh; máy điện thoại để bàn; máy điện thoại di động; máy tăng âm, loa; máy khuếch đại cao tần; thiết bị gọi nhau, bộ đàm, tổng đài điện thoại; máy bắt chuột điện tử; thiết bị camera.

---

(111) **4-0098352**
(210) 4-2005-17896
(181) 30.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEDLICET

(151) 27.03.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0098353**
(210) 4-2005-17357
(181) 06.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EVEROSTEO

(151) 27.03.2008
(220) 06.06.2006

(731) P.T. KONIMEX (ID)
Desa Sanggrahan Kec. Grogol, Kab, Sukoharjo, Central Java, Indonesia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098354**
(210) 4-2005-17374
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KUKRI

(151) 27.03.2008
(220) 21.12.2005

(731) KUKRI SPORTS LIMITED (GB)
333, Ranglet Road, Walton Summit, Preston, Lancashire, PR5 8AR, UK
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Miếng che đầu (vật dụng thể thao).

Nhóm 14: Đồng hồ đeo tay; đồng hồ bấm giờ; dây đeo đồng hồ; dụng cụ đo thời gian.

Nhóm 18: Túi dùng ở bãi biển; túi để đựng các vật dụng cá nhân dùng khi tham gia các hoạt động thể thao; túi đựng quần áo thể thao; túi để đựng các vật dụng cá nhân để chơi thể thao.

Nhóm 21: Chai đựng nước; đồ đựng chất lỏng có thể dùng được dùng cho gia đình hoặc nhà bếp (trừ loại bằng kim loại quý).

Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón.

Nhóm 28: Bóng dùng trong môn bóng bầu dục; quả bóng đá; bóng dùng trong môn bóng rổ; bóng dùng trong môn khúc côn cầu; bóng dùng trong trò chơi ném bóng qua vòng và bóng ten- nít; găng tay chơi bóng bầu dục; găng tay chơi đánh gôn; găng tay chơi quyền anh; găng tay chơi bóng chày; găng tay dùng cho thủ môn và găng tay chơi khúc côn cầu; vật đệm lót để bảo vệ (bộ phận của quần áo thể thao) được sử dụng trong các môn thể thao đặc biệt (bóng bầu dục, khúc côn cầu, bóng lưới, bóng rổ và bóng chày); miếng đệm ống chân (vật dụng thể thao); miếng đệm vai (vật dụng thể thao), tất cả sử dụng trong thể thao; túi được thiết kế đặc biệt để đựng những thiết bị thể thao đặc biệt thuộc nhóm này; túi được thiết kế để đựng dụng cụ thể thao thuộc nhóm này.

(111) **4-0098355**
(210) 4-2005-17705
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBEPELASTIN

(151) 27.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098356**
(210) 4-2005-17706
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBECALDECE

(151) 27.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098357**
(210) 4-2005-17707
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBEBIFERCE

(151) 27.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098358**
(210) 4-2005-17708
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBEINFUSAN

(151) 27.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098359**
(210) 4-2005-17709
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBECINOLON-N

(151) 27.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098360**
(210) 4-2005-17234
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

vanilla confusion

(151) 27.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) A5.3.15
(731) KABUSHIKI KAISHA ONWARD KASHIYAMA (also trading as Onward Kashiyama Co., Ltd.) (JP)
10 - 5 Nihonbashi 3 - chome, Chuo - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo cụ thể là bộ quần áo; áo choàng (măng tô); áo vét (quần áo); áo sơ mi; áo dệt kim cộc tay; váy liền áo; váy; áo cánh (phụ nữ); quần dài; quần lót dài; quần soóc; áo ngoài mặc chui đầu (của phụ nữ); áo nịt; áo len đan; áo gilê; quần áo lót; quần áo ngủ; áo choàng tắm; quần áo bơi; quần áo mặc chơi gôn; quần áo mặc trượt tuyết; áo ngoài có mũ trùm đầu (ở vùng Bắc Cực); quần áo đồng phục; cổ tay áo; đồ đi chân cụ thể là: giày; giầy ủng; dép đi trong nhà; dép; giầy đi trời mưa; giầy thể thao; giầy trượt tuyết; giầy chơi gôn; giầy ủng để leo núi; giầy đế mềm (để đánh quần vợt); guốc gỗ (giầy bằng gỗ); giầy ống cưỡi ngựa; bít tất ngắn cổ (đi kèm quần áo); bít tất dài (đi kèm quần áo); nịt bít tất (đi kèm quần áo); đồ đội đầu cụ thể là: mũ tắm; mũ lưỡi trai; mũ; khăn trùm che mặt (đi kèm quần áo); lưỡi trai che nắng của mũ lưỡi trai; mũ trùm đầu khi tắm vòi hoa sen; khăn choàng cổ của phụ nữ; khăn choàng; khăn choàng cổ (có thể che được cả mũi và miệng); khăn quàng cổ; găng tay giữ ấm đi kèm quần áo; ca vát; thắt lưng (đi kèm quần áo); tạp đề (đi kèm quần áo); dây đeo quần (bộ phận của quần dài).

---

(111) **4-0098361**
(210) 4-2006-15646
(181) 18.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FLUNAVERTIG

(151) 27.03.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098362**
(210) 4-2005-16032
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

B-CORT

(151) 27.03.2008
(220) 28.11.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US) 17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098363**
(210) 4-2006-03902
(181) 25.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10
(591) Vàng, đỏ, xanh tím than
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THIÊN VƯƠNG (VN) Số 19 đường Trung Yên 1, tổ 55, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 11: Bếp ga; bếp điện tử; nồi cơm điện; chảo điện.

Nhóm 21: Nồi; chảo; xô chậu; bình lọc nước; thùng rác, tất cả bằng inox.

Nhóm 35: Buôn bán máy xay sinh tố; phích điện; bộ nồi chảo chống dính; bình lọc nước bằng nhựa; nồi cơm điện; máy xay sữa đậu nành.

---

(111) **4-0098364**
(210) 4-2006-05581
(181) 12.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALBA
Phong cách chuyên nghiệp

(151) 27.03.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HỒNG LĨNH (VN)
Phòng 107, nhà CC2, khu Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng cung cấp đồ ăn thức uống; dịch vụ nhà nghỉ làm chỗ trọ tạm thời (mà không phải là nhà nghỉ điều dưỡng chữa bệnh); dịch vụ nhà nghỉ cho khách du lịch.

---

(111) **4-0098365**
(210) 4-2006-06557
(181) 27.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

REMAMOX

(151) 27.03.2008
(220) 27.04.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098366**
(210) 4-2006-06558
(181) 27.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

REMACID

(151) 27.03.2008
(220) 27.04.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098367**
(210) 4-2006-05033
(181) 05.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RUMAXICAM

(151) 27.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC ĐƯỜNG MINH (VN)
90A/D21 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098368**
(210) 4-2005-16654
(181) 08.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 08.12.2005

(531) A5.5.20; 5.7.6; A5.5.21
(591) Xanh lá đậm, xanh lá nhạt, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU BTCO (BTCO CO.,LTD) (VN)
Số 226B Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Sản phẩm từ dừa, cụ thể là cơm dừa nạo sấy.

---

(111) **4-0098369**
(210) 4-2005-16405
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOÀNG YẾN

(151) 27.03.2008
(220) 05.12.2005

(531) 26.4.2; 26.4.10; A26.1.18
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HOÀNG YẾN (VN)
Số 40 Phạm Huy Thông, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 24: Mành rèm cửa làm bằng vải.

---

(111) **4-0098370**
(210) 4-2006-15262
(181) 12.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NISKEY

(151) 27.03.2008
(220) 12.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT (VN)
199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô; xe máy; động cơ xe ô tô; động cơ xe máy; khung xe máy; ống xả xe máy.

---

(111) **4-0098371**
(210) 4-2006-15840
(181) 20.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FUNIDA

(151) 27.03.2008
(220) 20.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT (VN)
199B, Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô; xe máy; động cơ xe ô tô; động cơ xe máy; khung xe máy, ống xả xe máy.

---

(111) **4-0098372**
(210) 4-2005-03210
(181) 28.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 28.03.2005

(591) Xanh dương
(731) LÒ MEN PHÚ TRƯỜNG (VN)
ấp Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 30: Men rượu.

---

(111) **4-0098373**
(210) 4-2005-05921
(181) 24.05.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 24.05.2007

(531) 26.4.2
(591) Màu xanh lá, xanh dương, trắng
(731) CỬA HÀNG ĐÁ GRANITE NHỰT MỸ (VN)
17/9B Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 19: Đá granite.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; đại lý mua bán ký gởi hàng hoá.

Nhóm 37: Thi công kết cấu đá, cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; trang trí nội thất.

---

(111) **4-0098374**
(210) 4-2005-16353
(181) 02.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DUNHILL LUXE

(151) 27.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) DUNHILL TOBACCO OF LONDON LIMITED (GB)
1A St. James's Street, London, SW1A 1EF, United Kingdom
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, xì gà, xì gà con, thuốc lá hút tẩu, thuốc lá sợi để cuốn, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá và thuốc lá để hít.

---

(111) **4-0098375**
(210) 4-2006-22180
(181) 19.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

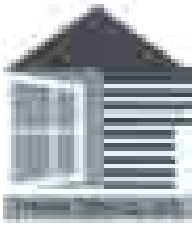

(151) 27.03.2008
(220) 19.12.2006

(531) A25.7.21; 7.3.2; 7.1.24
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRỌNG TIẾN (VN)
18/139A Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Cửa nhôm có kính, vách ngăn nhôm, mặt dựng nhôm, hợp kim.

---

(111) **4-0098376**
(210) 4-2005-16775
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Tendoral

(151) 27.03.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA MỸ PHẨM KỸ THUẬT SÀI GÒN (VN)
Phòng 511, nhà 71/2 khu tập thể Viện Hóa Chất, ngõ Thịnh Hào 1, đường Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nước súc miệng không chứa dược phẩm.

Nhóm 05: Nước súc miệng có chứa dược phẩm.

---

(111) **4-0098377**
(210) 4-2005-17826
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIRAF

(151) 27.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trùng, thuốc trừ vi khuẩn gây hại cho cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0098378**
(210) 4-2004-06433
(181) 30.06.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLDEN OLINA

(151) 27.03.2008
(220) 30.06.2004

(731) CARGILL PALM PRODUCTS SDN. BHD. (MY)
167 Jalan Kem, 42000 Port Klang, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu nhân cọ để ăn; dầu cọ để ăn; dầu nấu ăn dạng lỏng; chất thay thế dầu bơ; chất thay thế bơ thực vật lấy từ ca-cao; dầu nấu ăn; dầu ăn dùng để chế biến thực phẩm; dầu ăn dùng để chống dính cho xoong nồi bằng cách quét bằng bàn chải; dầu ăn dùng để chống dính cho xoong nồi bằng cách xịt; dầu và mỡ ăn; tất cả đều thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098379**
(210) 4-2007-01276
(181) 17.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

HDMOTOR

(151) 27.03.2008
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T & T (VN)
Số 18, phố Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy; vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098380**
(210) 4-2007-06700
(181) 18.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BET

(151) 27.03.2008
(220) 18.04.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG I.M.P (VN)
Số 8 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Băng, đĩa nhạc quảng cáo.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm phần mềm ứng dụng trên internet, trên điện thoại và các phần mềm hỗ trợ doanh nghiệp; mua bán phim quảng cáo; tư vấn tiếp thị; tư vấn xây dựng các chiến lược truyền thông; quảng cáo thương mại; tổ chức các sự kiện thương mại; môi giới, xúc tiến thương mại; đại lý phát hành xuất bản phẩm.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; dịch vụ tráng rửa phim ảnh.

Nhóm 41: Chụp ảnh quảng cáo; xuất bản sách báo.

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu sản phẩm (không bao gồm thiết kế công trình).

---

(111) **4-0098381**
(210) 4-2006-16972
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HAETA-PLUS

(151) 27.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ-VẬT TƯ HẢI HOÀNG (VN)
Số nhà 46, ngõ 281, tổ 48A, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098382**
(210) 4-2006-01059
(181) 19.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BONNY

(151) 27.03.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098383**
(210) 4-2006-02779
(181) 29.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AURIGA

(151) 27.03.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098384**
(210) 4-2006-02780
(181) 29.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZAPPY

(151) 27.03.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098385**
(210) 4-2006-02781
(181) 29.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AURIC

(151) 27.03.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098386**
(210) 4-2006-02782
(181) 29.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LXMOTO

(151) 27.03.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098387**
(210) 4-2006-15041
(181) 08.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PSMOTO

(151) 27.03.2008
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098388**
(210) 4-2006-20793
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PROMOTO

(151) 27.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T (VN)
Số 18 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy; vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0098389**
(210) 4-2006-00559
(181) 12.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ĐẠI NGUYÊN

(151) 27.03.2008
(220) 12.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM SỨ ĐỒNG TÂM (VN)
Số 09, quốc lộ 1K, xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại.

Nhóm 11: Bồn rửa bát; bồn tắm; bệ xí; chậu vệ sinh; bình đun nước nóng bằng điện hoặc gas dùng trong nhà tắm.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; gạch vuông ốp tường, không bằng kim loại, dùng cho xây dựng; đất sét làm đồ gốm; ngói, không bằng kim loại; gạch; bã mía (nén ép) [vật liệu xây dựng]; xỉ [vật liệu xây dựng]; chất để trát [vật liệu xây dựng]; kính cửa sổ, dùng cho xây dựng.

Nhóm 21: Đồ trang trí bằng sứ; đồ gốm dùng trong gia dụng; đồ sứ.

Nhóm 35: Buôn bán đồ gốm sứ, vật liệu xây dựng, đồ gỗ nội thất, thảm, rèm trang trí, đèn chiếu sáng, kính, cửa sổ, sơn, thiết bị vệ sinh, máy móc xây dựng.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát xây dựng công trình xây dựng; cho thuê máy móc, thiết bị ngành xây dựng; trang trí nội thất; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch [trừ việc giữ chỗ khách sạn nhà trọ]; tổ chức cuộc du lịch, cuộc tham quan du lịch; đặt chỗ cho các chuyến đi; cho thuê xe cộ; vận chuyển hành khách.

Nhóm 43: Nhà nghỉ [du lịch]; dịch vụ khách sạn; đặt chỗ ở khách sạn; nhà hàng ăn uống; quán cà phê tự phục vụ; quán rượu nhỏ.

(111) **4-0098390**
(210) 4-2006-19616
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 14.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG THÀNH CÔNG (VN)
382B-B1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán điện thoại.

---

(111) **4-0098391**
(210) 4-2006-17966
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ETUHO

(151) 27.03.2008
(220) 25.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM MARADO (VN)
CN18, lô 12, khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0098392**
(210) 4-2005-09832
(181) 05.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

RESERNA

(151) 27.03.2008
(220) 05.08.2005

(731) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Các chất và chế phẩm thuốc và dược.

---

(111) **4-0098393**
(210) 4-2005-12628
(181) 28.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TEMPO AQUA

(151) 27.03.2008
(220) 28.09.2005

(731) CORDIS CORPORATION (US)
14201 N.W. 60th Avenue, Miami Lakes, Florida, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là ống thông.

---

(111) **4-0098394**
(210) 4-2005-14056
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

COTTU-F

(151) 27.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) KOLON INTERNATIONAL CORP. (KR)
Kolon Tower, Annex 1-22, Byeolyang-Dong Kwacheon City, Kyonggi-Do 427-040, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098395**
(210) 4-2006-05859
(181) 17.04.2016
(300) 78736855 20.10.2005 US
78736856 20.10.2005 US
78736859 20.10.2005 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAKE EVERY DROP COUNT

(151) 27.03.2008
(220) 17.04.2006

(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Đồ uống, cụ thể là nước uống, nước uống có hương vị, nước khoáng, nước có ga; và đồ uống không cồn, cụ thể là nước ngọt, nước tăng lực (không dùng cho mục đích y tế), nước uống dùng trong thể thao (không dùng cho mục đích y tế); đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi-rô, chất cô đặc và bột để làm đồ uống, cụ thể là nước uống có hương vị, nước khoáng, nước có ga, nước ngọt, nước tăng lực, nước uống dùng trong thể thao, đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả.

Nhóm 35: Dịch vụ cung cấp thông tin liên quan đến sự lựa chọn đồ uống phù hợp với sức khoẻ, sự khoẻ mạnh về thể chất, về hình thể và phong cách sống của người tiêu dùng thông qua internet.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục, cụ thể là cung cấp các lớp học, các cuộc hội nghị và hội thảo liên quan đến sự lựa chọn đồ uống phù hợp với sức khoẻ, sự khoẻ mạnh về thể chất, về hình thể và phong cách sống của người tiêu dùng.

---

(111) **4-0098396**
(210) 4-2006-09171
(181) 13.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLDCACAO

(151) 27.03.2008
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÀNH PHÁT (VN)
78 đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Ca cao.

---

(111) **4-0098397**
(210) 4-2006-14263
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

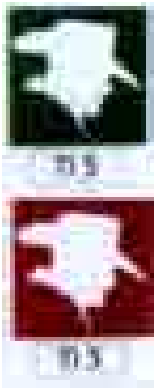

(151) 27.03.2008
(220) 29.08.2006

(531) 26.4.2; 26.4.9; 2.1.1
(591) Xanh lá cây, đỏ tươi, đen, trắng
(731) TEXAS FIVE PTE LTD. (SG)
9 Temasek Boulevard, #15-01, Suntec Tower 2 Singapore 038989
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu; xì gà; điếu xì gà nhỏ; thuốc lá sợi; thuốc lá để hút (không dùng cho mục đích y tế); bật lửa dùng cho người hút thuốc; diêm; vật dụng dùng cho người hút thuốc bao gồm: hộp đựng xì gà (không làm bằng kim loại quí), hộp đựng thuốc lá (không làm bằng kim loại quí), cái cắt đầu xì gà, đót (tay cầm) xì gà (không làm bằng kim loại quí), đót (tay cầm) thuốc lá (không làm bằng kim loại quí), đầu ngậm của thuốc lá, máy cuốn thuốc lá bỏ túi và tẩu thuốc làm bằng hổ phách dùng cho xì gà và dùng cho đót (tay cầm) thuốc lá.

---

(111) **4-0098398**
(210) 4-2006-18510
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 31.10.2006

(531) A1.1.10; 26.3.1
(591) Đỏ, trắng, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG SAO ĐỎ (VN)
Số 90 phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 37: Giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; dịch vụ xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; dịch vụ quản lý thi công xây dựng; dịch vụ giám sát xây dựng công trình xây dựng.

Nhóm 42: Thiết kế công trình xây dựng; tư vấn kỹ thuật; đánh giá các công trình xây dựng; tư vấn về thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0098399**
(210) 4-2006-19435
(181) 13.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 13.11.2006

(531) 1.7.6; 3.2.13; 26.15.7
(591) Cam, đen
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH LẠC ĐÀ (VN)
Số 459, phố Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Kinh doanh du lịch, các dịch vụ đưa đón khách du lịch.

---

(111) **4-0098400**
(210) 4-2006-17075
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.4.3; 1.15.23
(591) Trắng, xám, xám nhạt, đen
(731) CÔNG TY TNHH KẾT CẤU THÉP VÀ XÂY DỰNG YẾN HUY (VN)
Số 2A khu E, phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 06: Nhôm định hình; khung sắt định hình (dùng trong xây dựng và công nghiệp).

---

(111) **4-0098401**
(210) 4-2005-04901
(181) 28.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 28.04.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN HOA (VN)
Lô số IV 4, đường số 5, nhóm công nghiệp IV, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Phuộc nhún (bộ phận giảm xóc) xe gắn máy.

---

(111) **4-0098402**
(210) 4-2005-06203
(181) 27.05.2015
(300) 4395041 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 26: Đồ thêu thủ công; đồ trang trí cho tóc; khuy; tóc giả; kim; hoa giả; miếng đệm vai cho áo; miếng dán có thể dính bằng nhiệt dùng để trang trí đồ bằng vải; số hiệu trên lưng đấu thủ; túi ủ nóng ấm trà.

---

(111) **4-0098403**
(210) 4-2005-06204
(181) 27.05.2015
(300) 4395040 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 27: Thảm; chiếu; thảm chống trơn; thảm cỏ nhân tạo; thảm tập thể dục; thảm dùng cho ô tô; thảm trải sàn; giấy dán tường; tấm thảm treo tường (không làm bằng vải); tấm phủ sàn nhà.

---

(111) **4-0098404**
(210) 4-2005-06208
(181) 27.05.2015
(300) 4395056 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Cây (thực vật); hạt ngũ cốc; hạt giống; động vật sống; quả tươi; rau tươi; hoa tươi có thể ăn được; chất bổ sung cho vào thức ăn vật nuôi không dùng trong ngành y; mạch nha dùng cho ngành bia rượu; sản phẩm làm ổ rơm cho súc vật.

---

(111) **4-0098405**
(210) 4-2005-06217
(181) 27.05.2015
(300) 4395058 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 44: Tắm công cộng vì mục đích vệ sinh; thẩm mỹ viện; xoa bóp; phòng chữa bệnh; trợ giúp về y tế; dịch vụ làm vườn; dịch vụ đo mắt để kiểm tra thị lực; trợ giúp về thú y; cho thuê tiện nghi vệ sinh; dịch vụ phòng cắt tóc.

---

(111) **4-0098406**
(210) 4-2005-16008
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH TRÍ TUỆ VÀNG (VN)
Số 9B, ngách 169/6, đường Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Loa, âm li, ti vi, đầu thu phát băng, đĩa, dàn âm thanh, hình ảnh, phụ kiện của chúng.

Nhóm 35: Mua bán loa, âm li, ti vi, đầu thu phát băng, đĩa, giàn âm thanh, hình ảnh, giàn đèn chiếu sáng và phụ kiện của chúng.

---

(111) **4-0098407**
(210) 4-2005-12141
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 19.09.2005

(591) Đỏ
(731) LÂM THỊ NGHIÊM (VN)
348/31 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 40: Tiện, mài, hàn, xoáy.

---

(111) **4-0098408**
(210) 4-2005-12425
(181) 23.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 23.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CƠ SỞ HAI HOA (VN)
Số 200/12 ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 35: Mua bán các loại trái cây (bưởi da xanh).

---

(111) **4-0098409**
(210) 4-2005-14488
(181) 31.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 31.10.2005

(531) 3.7.17; 26.5.1; 26.4.4; 26.3.23
(731) VIỆN NGHIÊN CỨU MỎ VÀ LUYỆN KIM (VN)
Số 30B Đoàn Thị Điểm, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Thiếc; Fero đất hiếm; chất cầu hoá gang; hợp kim đồng bền nhiệt; hợp kim trung gian nhôm-titan; hợp kim trung gian đồng - phốt pho; hợp kim đồng - đất hiếm; hợp kim trung gian nhôm - đất hiếm.

Nhóm 07: Máy tuyển từ; máy tuyển điện; máy tuyển phân ly vít xoắn; máy thu bụi; bàn đãi quặng; lò tuyển nổi.

Nhóm 09: Tủ phân phối và điều khiển

Nhóm 11: Lò sấy.

(111) **4-0098410**
(210) 4-2005-16233
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SILVERLAKE

(151) 27.03.2008
(220) 01.12.2005

(731) INTELLIGENTSIA HOLDING LIMITED (BM)
Clarendon House, 2 Church Street, Hamilton HM 11, Bermuda
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn liên quan đến máy tính, phần mềm máy tính, phần cứng máy tính, mạng máy tính, hệ thống máy tính; lập trình máy tính; thiết kế, bảo dưỡng và cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế, tạo mới, thao tác và duy trì trang web cho người khác; phân tích hệ thống máy tính; thiết kế hệ thống máy tính; chuyển đổi dữ liệu các chương trình máy tính và các số liệu máy tính (không phải chuyển đổi vật lý); lập trang chủ cho máy tính; lắp đặt phần mềm máy tính; tích hợp các hệ thống và mạng máy tính; khôi phục dữ liệu máy tính.

(111) **4-0098411**
(210) 4-2005-16267
(181) 02.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.4.2; 26.3.1; 26.7.25; 26.1.4
(591) Cam, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY LẮP VIỄN THÔNG BẠC LIÊU (VN)
Số 22 Bà Triệu, phường 3, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

(511) Nhóm 06: Kim loại thường và hợp kim của chúng; vật liệu xây dựng bằng kim loại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được; cáp và dây dẫn kim loại không dùng để dẫn điện; khóa và hàng ngũ kim; ống kim koại; két sắt; sản phẩm kim loại thường không nằm trong các nhóm khác.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại: ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; asphan, hắc ín, bitum; các công trình, cấu kiện phi kim loại vận chuyển được: đài kỷ niệm phi kim loại.

Nhóm 37: Xây dựng; sửa chữa; lắp đặt.

Nhóm 38: Viễn thông.

Nhóm 39: Vận tải; đóng gói và lưu giữ hàng hoá; du lịch.

Nhóm 45: Các dịch vụ an ninh nhằm bảo vệ người và tài sản.

---

(111) **4-0098412**
(210) 4-2005-07811
(181) 28.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 28.06.2005

(531) 7.1.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI (VN)
Số 15, ngõ 91, đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh, mứt, kẹo; tất cả đều là các sản phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098413**
(210) 4-2006-04598
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; 7.1.24
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Mua bán bất động sản.

---

(111) **4-0098414**
(210) 4-2006-04611
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 2.1.22; 6.1.2; 8.7.5
(591) Xanh dương, xanh dương đậm, xanh lá cây, xanh lá mạ, vàng, vàng nhạt, tím, tím nhạt, tím đỏ, nâu, đỏ, xám, hồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHẢI VĂN (VN)
200 Gia Phú, phường 1, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán củ quả trái cây sấy.

---

(111) **4-0098415**
(210) 4-2006-04612
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AQUA IWAI

(151) 27.03.2008
(220) 29.03.2006

(731) CƠ SỞ BẢO MINH (VN)
25/9B đường 17, khu phố 5, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0098416**
(210) 4-2006-04613
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOÀNG THỊNH

(151) 27.03.2008
(220) 29.03.2006

(731) CƠ SỞ TRẦN THỊ BÍCH HẢI (VN)
55 Đặng Văn Ngữ, phường 14, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán giày dép; mua bán giày nam; mua bán dép nam; mua bán giày nữ; mua bán dép nữ; mua bán sandal (xăng-đan).

---

(111) **4-0098417**
(210) 4-2006-04614
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) A26.11.12
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ THANH HƯƠNG (VN)
Tổ 10, ấp An Thạnh B, thị trấn Hồng Ngự, tỉnh Đồng tháp
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0098418**
(210) 4-2006-04615
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) 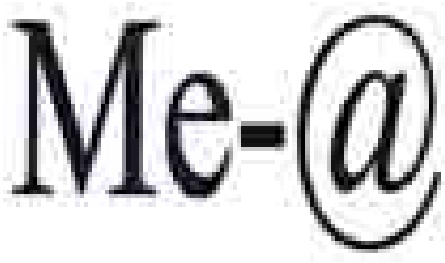

(151) 27.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 24.17.17; 24.17.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN QUÂN (VN)
1105 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy.

---

(111) **4-0098419**
(210) 4-2006-04170
(181) 23.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 23.03.2006

(531) 3.7.1; A24.1.9
(591) Đen, trắng, vàng, xanh cửu long, nâu vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ HÙNG VƯƠNG (VN)
Số 183 đường Nguyễn Văn Linh, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 37: Lắp đặt thiết bị bảo vệ và thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Nhóm 41: Đào tạo nghiệp vụ bảo vệ.

Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ an toàn cho người và tài sản.

---

(111) **4-0098420**
(210) 4-2006-06694
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 28.04.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NHẬT CƯỜNG (VN)
41A, Lý Quốc Sư, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán các sản phẩm viễn thông và sản phẩm công nghệ thông tin.

---

(111) **4-0098421**
(210) 4-2006-16064
(181) 22.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 22.09.2006

(531) 26.11.2; A26.11.8
(591) Đỏ, xanh táo, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SƠN TISON (VN)
ấp Bình Đáng, xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn các loại thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Bột trét tường, bột dán gạch, chất để trát (vật liệu xây dựng) thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098422**
(210) 4-2007-01916
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEFPY

(151) 27.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D2-MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0098423**
(210) 4-2007-01919
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

GLUCOZID

(151) 27.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D2-MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0098424**
(210) 4-2006-09620
(181) 21.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FRIENDKOTE

(151) 27.03.2008
(220) 21.06.2006

(731) CƠ SỞ CHUNG QUỐC VŨ (VN)
810 ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Hóa chất chống thấm dùng trong ngành xây dựng.

---

(111) **4-0098425**
(210) 4-2006-18199
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LUVASDINE

(151) 27.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIẾN VIỆT (VN)
2/1 Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098426**
(210) 4-2006-19095
(181) 07.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) 1.5.1
(591) Trắng, đen, ghi
(731) DƯƠNG VĂN CÓ (VN)
Văn Tự, Thường Tín, Hà Tây
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị thu hình, loa, đầu đĩa, ăm li, mi cờ rô, máy fax.

Nhóm 11: Thiết bị điều hoà không khí, tủ lạnh, thiết bị đốt nóng, bình lọc nước.

---

(111) **4-0098427**
(210) 4-2006-19109
(181) 07.11.2016
(300) 005103742 11.05.2006 EM
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINTERIO

(151) 27.03.2008
(220) 07.11.2006

(731) HD WOOD TECHNOLOGIES LTD. (MT)
7 Frederick Street, Valletta, Malta
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Gỗ và các sản phẩm gỗ thuộc nhóm này, như gỗ xẻ, gỗ dán, gỗ tấm, gỗ theo kích thước và gỗ đặc được tạo thành tấm panen dùng làm đồ nội thất; gỗ vơ nia (tấm gỗ mỏng được bóc tách từ thân cây gỗ dùng để làm các bề mặt).

Nhóm 31: Gỗ chưa gia công, dăm gỗ dùng để chế tạo bột gỗ.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển, như dịch vụ vận chuyển gỗ và các sản phẩm gỗ; dịch vụ đóng gói và lưu giữ hàng hoá, cụ thể là gỗ và các sản phẩm gỗ.

Nhóm 40: Dịch vụ đốn gỗ và chế biến gỗ; dịch vụ gia công gỗ.

---

(111) **4-0098428**
(210) 4-2006-19127
(181) 08.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 08.11.2006

(531) 26.1.1; 26.1.10; 26.3.1; 26.3.2
(591) Vàng, xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU HOÀN THIỆN SAO VIỆT (VN)
Số 108, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; dich vụ xúc tiến thương mại.

---

(111) **4-0098429**
(210) 4-2006-20116
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOMECOR

(151) 27.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0098430**
(210) 4-2006-20134
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 21.11.2006

(531) 2.9.10
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NHA KHOA Á ĐÔNG (VN)
Số 755, đường 3-2, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh: răng, hàm, mặt.

---

(111) **4-0098431**
(210) 4-2006-20150
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 21.11.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Đen, trắng, vàng, xám
(731) CÔNG TY CUNG ỨNG THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ T2 ESUPPLY (VN)
47B Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính.

Nhóm 40: Lắp ráp máy vi tính các loại.

---

(111) **4-0098432**
(210) 4-2006-20151
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Prosper

(151) 27.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CƠ SỞ THẾ XUYÊN (VN)
426/6/4 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ chỉ thời gian.

---

(111) **4-0098433**
(210) 4-2006-20152
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROSANO

(151) 27.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CƠ SỞ ÁNH DƯƠNG (VN)
21 tỉnh lộ 835, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước ngọt có gaz; nước yến (không dùng trong ngành y); nước sâm bí đao (không dùng trong ngành y); nước ngọt không có gaz; nước uống tinh khiết (đồ uống).

---

(111) **4-0098434**
(210) 4-2006-21332
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.1.1
(591) Trắng, xanh dương, đen, vàng, vàng nhũ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XÂY DỰNG HỢP GIA (VN)
37B Nguyễn Duy Hiệu, khu phố 2, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 37: Xây dựng nhà ở; trang trí nội thất.

---

(111) **4-0098435**
(210) 4-2006-01968
(181) 14.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

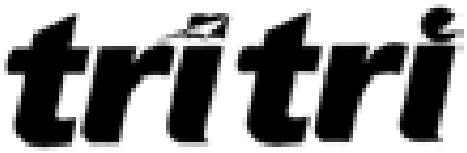

(151) 27.03.2008
(220) 14.02.2006

(731) LÝ TRƯỜNG CHIẾN (VN)
Số 236/6 Trần Hưng Đạo, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn, in ốp sét, in mẫu vẽ.

Nhóm 41: Giáo dục, đào tạo; thông tin về lĩnh vực giáo dục.

---

(111) **4-0098436**
(210) 4-2006-02111
(181) 15.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SEO-AFONAC

(151) 27.03.2008
(220) 15.02.2006

(731) SEO KYUNG CO., LTD (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098437**
(210) 4-2006-05771
(181) 14.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 14.04.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HÀ NỘI - NƯỚC GIẢI KHÁT ONLY (VN)
Xóm 15, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0098438**
(210) 4-2007-00612
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

WINDSOR

(151) 27.03.2008
(220) 08.01.2007

(731) DIAGEO KOREA CO., LTD (KR)
7-2, Gobaik- Ri, Bubal- Eup, Ichon- Si, Kyunggi- Do, Republic of Korea
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0098439**
(210) 4-2007-00597
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ACANTOPRIL

(151) 27.03.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
Số 80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098440**
(210) 4-2007-00632
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENOEPO

(151) 27.03.2008
(220) 08.01.2007

(731) SUCHIANG CHEMICAL & PHARMACEUTICAL CO., LTD (TW)
10Fl, 72, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098441**
(210) 4-2004-06012
(181) 18.06.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

HACO

(151) 27.03.2008
(220) 18.06.2004

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TIN HỌC TRẦN TRUNG (VN)
Số 14B, phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

(511) Nhóm 35: Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là các sản phẩm điện tử, tin học và máy văn phòng); đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy tính và máy văn phòng.

---

(111) **4-0098442**
(210) 4-2004-01817
(181) 10.03.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

BCBG

(151) 27.03.2008
(220) 10.03.2004

(731) MLA MULTIBRAND HOLDINGS, INC. (US)
2761 Fruitland Avenue, Vernon, California 90058, USA
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép, đồ đi chân; mũ, nón và đồ đội đầu.

---

(111) **4-0098443**
(210) 4-2005-16635
(181) 08.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 08.12.2005

(531) 26.2.1; A26.11.12
(731) INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard, Santa Clara, California, 95052-8119 U.S.A. (a Delaware Corporation)
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Cân, thiết bị đo lường, thiết bị tín hiệu, thiết bị điều chỉnh, thiết bị cứu hộ, thiết bị và các dụng cụ dẫn đường, đo lường, chụp ảnh, quay phim, quang học; máy ghi băng, băng ghi âm; đầu máy quay đĩa hình; thiết bị và các dụng cụ dùng để kiểm tra, phát hiện, thử nghiệm và đo lường; thiết bị điều khiển đĩa mềm; thiết bị an ninh điện tử; thiết bị theo dõi; thiết bị và máy móc để ghi, xử lý, nhận, sao chép, truyền, biến đổi, nén, giải nén, phát, kết hợp và/hoặc tăng cường âm thanh, hình ảnh, đồ họa và dữ liệu; các chương trình phần mềm thuật toán dùng cho hoạt động và điều khiển máy tính; dụng cụ và thiết bị điện tử dùng để nhận ra các mã tương tự và mã số; phần mềm điều hành hệ thống của máy tính; các công cụ và tiện ích trong lĩnh vực phần mềm ứng dụng để kết nối các máy tính cá nhân, các ứng dụng mạng máy tính toàn cầu (phần mềm); bộ điều giải (modem), máy quay, máy chụp hình, bộ tai nghe, ống phóng thanh (micrôphôn), dây cáp và bộ nắn điện (ổn áp); trò chơi máy tính; đồ họa và âm thanh cho việc chuyển, truyền, nhận, xử lý và số hóa hình ảnh và thông tin thời gian thực; phần mềm cơ sở máy tính; máy tính; máy tính cầm tay; máy vi tính; máy tính mini; bảng mạch nhớ (lưu trữ); điện thoại di động; các điện thoại thông minh; phần cứng máy tính; các mạch tích hợp; các bộ nhớ mạch tích hợp; các vi mạch tích hợp; các tổ hợp mạch; các bộ xử lý bán dẫn; các vi mạch xử lý bán dẫn; các vi mạch bán dẫn; các bộ vi xử lý; các bảng mạch in, các bảng mạch điện tử; các bo mạch chủ và bo mạch con máy tính; các thiết bị bộ nhớ máy tính; các bộ vi điều khiển, các bộ xử lý dữ liệu; các bộ xử lý trung tâm; các thiết bị bộ nhớ bán dẫn; các bộ xử lý có thể lập trình bằng phần mềm; các bộ xử lý số và quang học; bảng mạch đồ họa; bảng mạch âm thanh; bảng mạch đồ hoạ - âm thanh; các bộ tăng tốc đồ họa; các bộ tăng tốc đồ họa và âm thanh (đa phương tiện); các bộ xử lý đồ họa; các bảng mạch xử lý đồ họa; tất cả các thẻ, đĩa, băng, dây, bản ghi, vi mạch và vi mạch điện tử để ghi và truyền dữ liệu; tất cả các thiết bị và dụng cụ để xử lý, lưu trữ, tìm kiếm, truyền, hiển thị, nhập, xuất, nén, giải nén, biến đổi, phát và in ra dữ liệu; thiết bị lưu trữ của máy tính; các phần mềm an ninh bảo vệ cho phần mềm và phần cứng máy tính; các vi mạch điện tử; các cấu kiện của các mạch in máy tính; các bộ tăng tốc tiếng, hình, hình ảnh và dữ liệu; thiết bị nhớ (lưu trữ); các mạng máy tính và thiết bị viễn thông gồm các hệ điều hành và hệ xử lý; các bộ tai nghe, chuột dùng cho máy tính, micro; dây cáp và bộ nắn điện (ổn áp); các máy in dùng cho máy tính và cổng máy tính; máy chụp hình, máy quay; phần mềm và phần cứng máy tính dùng để truyền, nhận điện thư (fax); phần mềm và phần cứng máy tính để phát triển, bảo hành, và sử dụng của các mạng cục bộ và mạng diện rộng; phần mềm và phần cứng máy tính dùng để phát triển, bảo hành và sử dụng của các hệ thống hội thảo hình-tiếng tương tác; phần mềm và phần cứng máy tính để nhận, hiển thị và sử dụng cho việc phổ biến hình, tiếng và các tín hiệu dữ liệu số, các đầu giải mã tín hiệu kỹ thuật số; các thiết bị điều khiển điện tử cho giao diện và điều khiển của các máy tính và các mạng máy tính, viễn thông toàn cầu với các chương trình phát các thiết bị cáp và tivi; các bộ định tuyến;

các bộ kết nối mạng (hub); các máy chủ dùng cho máy tính; các bộ chuyển mạch; thiết bị kiểm tra và lập trình mạch tích hợp; các thiết bị bộ nhớ ngoại vi; phần mềm và phần cứng máy tính để tạo ra, hỗ trợ và quản lý truy cập từ xa đến và giao tiếp với các mạng cục bộ (LAN), các mạng cá nhân ảo (VPN), các mạng diện rộng (WAN) và các mạng máy tính toàn cầu; các thẻ mạng (card mạng), phần mềm và phần cứng máy tính để sử dụng vào việc cung cấp truy cập nhiều người dùng tới một mạng thông tin máy tính toàn cầu để tìm, kiếm, chuyển, xử lý và phổ biến một diện rộng thông tin; các công cụ phần mềm máy tính để hỗ trợ cho các ứng dụng phần mềm của bên thứ ba; phần mềm và phần cứng máy tính cho các giao tiếp mạng không dây; các xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống trong phạm vi các thiết bị điện tử tích hợp, bán dẫn và điện tử điện, thoại viễn thông vô tuyến và hữu tuyến; thiết bị, máy móc thu thập, đo lường, ghi, xử lý, truyền, nhận, sao chép, biến đổi, nén, giải nén, phát, kết hợp và/hoặc tăng cường dữ liệu và thông tin liên quan đến lợi ích và phúc lợi của các khách hàng là cá nhân.

(111) **4-0098444**
(210) 4-2006-01432
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.4.1; A26.5.6; A26.5.17
(731) PALMERSTON LIMITED (GB)
2nd Floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle Of Man, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh, quay phim, quang học, báo hiệu, kiểm tra (giám sát) và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ truyền dẫn, chuyển, biến đổi, tích luỹ, điều chỉnh hoặc kiểm tra điện; thiết bị và dụng cụ truyền hình; trang thiết bị viễn thông; các thiết bị điện tử nhận tín hiệu truyền hình và tín hiệu mạng thông tin toàn cầu và truyền các tín hiệu đó tới thiết bị vô tuyến truyền hình hoặc các thiết bị hiển thị khác và các chương trình máy tính để sử dụng với các thiết bị đó; đầu đĩa quang và các chương trình máy tính liên quan; vật mang dữ liệu từ tính, thẻ thông minh, thẻ đã được mã hoá, thẻ dữ liệu, đĩa ghi; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh, dữ liệu; máy tính; thiết bị và dụng cụ viễn thông; máy móc, thiết bị và dụng cụ fax, telex, điện thoại, điện tín, thu nhận dữ liệu; chương trình máy tính; chương trình và phần mềm máy tính; phần mềm máy tính và thiết bị viễn thông (bao gồm cả mô đem) cho phép kết nối với cơ sở dữ liệu và internet; chương trình hệ điều hành; phần mềm máy tính và phần cứng với cơ sở mạng tạo thuận lợi cho truyền thông tương tác đa phương tiện; phần mềm máy tính để soạn thảo, biên tập, truyền thông tin ở dạng văn bản và đồ hoạ qua mạng truyền thông máy tính; chương trình máy tính để xuất bản, in ấn, vẽ hình bằng kĩ thuật số và lưu trữ, điều hành, chuyển đổi và truy nhập tài liệu điện tử; máy vi tính, máy tính xách tay; chương trình máy tính để quản lý các liên lạc và trao đổi dữ liệu giữa máy tính xách tay và máy tính để bàn; phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính, máy in dùng với máy tính, máy thiết lập hình ảnh, máy phôtô, máy in thử để kiểm tra chất lượng hình ảnh dùng với máy vi tính, máy in ấn dùng với máy vi tính, màn hình hiển thị; phần cứng và phần mềm viễn thông không dây kỹ thuật số; dữ liệu có thể tải xuống được bao gồm xuất bản phẩm và phần mềm; từ điển, từ điển chuyên đề, sách hướng dẫn nhà hàng ăn uống và sách hướng dẫn du lịch điện tử và trực tuyến; phần mềm máy tính và xuất bản phẩm ở dạng mẫu điện tử được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ Iiệu hoặc từ các tiện ích được cung cấp trên internet (bao gồm cả trang web); trò chơi điện tử và trò chơi trên máy tính; các chương trình trò chơi, đĩa trò chơi, thiết bị đầu cuối giải trí, thiết bị đầu cuối giải trí bao gồm phần cứng và phần mềm máy tính để xuất ra âm thanh, hình ảnh, và đầu ra đa phương tiện.

Nhóm 35: Quản lý thương mại hoặc công nghiệp; trung tâm thông tin thương mại hoặc công nghiệp; quản lý kinh doanh cảng; dịch vụ quảng cáo và xúc tiến thương mại và dịch vụ thông tin liên quan đến những dịch vụ này; cho thuê không gian quảng cáo; quảng cáo bằng truyền hình; biên soạn quảng cáo để sử dụng như trang web trên internet; chuẩn bị và giới thiệu các hình ảnh nghe nhìn nhằm mục đích quảng cáo; phổ biến quảng cáo; dịch vụ thông tin thương mại; nhận, lưu trữ và cung cấp dữ liệu thông tin thương mại được đưa vào máy tính; nghiên cứu thị trường; lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kinh doanh; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; hoạt động văn phòng; nghiên cứu thị trường và kinh doanh; biên soạn số liệu thống kê kinh doanh và thông tin thương mại; bán đấu giá; dịch vụ bán lẻ; giới thiệu các loại sản phẩm vì lợi ích của người khác để khách hàng dễ

xem xét và mua các sản phẩm này trong cửa hàng, hoặc siêu thị, hoặc cửa hàng bán lẻ đồ điện hoặc cửa hàng bán lẻ chuyên về các thiết bị và máy móc viễn thông hoặc dược phẩm hoặc từ một trang web bán hàng chung trên internet hoặc từ một trang web chuyên về các thiết bị và máy móc viễn thông chạy điện hoặc các sản phẩm dược; tư vấn và hỗ trợ trong việc chọn lựa sản phẩm và dịch vụ; dịch vụ trung gian để đưa khách hàng và/hoặc người mua và người bán lại với nhau; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 36: Tính hoá đơn cho các dịch vụ có giá trị, thực hiện bởi mạng viễn thông, bao gồm xử lý và phát hành hoá đơn; dịch vụ cho phép thanh toán qua mạng điện thoại quay số; điều hành giao dịch tài chính và tiền tệ; dịch vụ tài chính; quản lý tài chính và dịch vụ tư vấn liên quan đến đầu tư; lập kế hoạch tài chính và dịch vụ tài chính; đánh giá tài chính; định giá ngân hàng; dịch vụ ngân hàng; ngân hàng tiết kiệm; dịch vụ môi giới tài chính; dịch vụ môi giới chứng khoán và môi giới chiết khấu bằng điện tử, và dịch vụ môi giới chiết khấu trực tuyến, môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ đầu tư; dịch vụ cho vay và cho vay thế chấp; cung cấp nơi lưu giữ tài sản quý và các sản phẩm tài chính phát sinh; dịch vụ ngân hàng đầu tư, kho bạc và trao đổi ngoại tệ và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng đầu tư từ thiện; dịch vụ uỷ thác, tín dụng, đầu tư, tiết kiệm, ký quỹ bảo đảm, cho vay, cho vay bảo đảm; dịch vụ về thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ nạp tiền, thẻ dự trữ; dịch vụ phát hành thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ nạp tiền, thẻ dự trữ, thẻ điện thoại; dịch vụ ngân hàng tự động; dịch vụ thống kê bảo hiểm chung; sắp xếp và quản lý tài chính bảo hiểm sinh mạng, bảo hiểm bảo lãnh và các quỹ tương tác; dịch vụ tiền trợ cấp; bảo hiểm; bảo hiểm du lịch; dịch vụ thanh toán ngân hàng; dịch vụ thanh toán tại nhà; dịch vụ mua bán và phát hành ngân phiếu du lịch; dịch vụ đổi tiền; dịch vụ giữ bản giao kèo để làm bằng; dịch vụ đại lý mua bán cổ phần chứng khoán; dịch vụ thi hành di chúc liên quan đến bất động sản hoặc tài sản; cung cấp bảo lãnh tài chính; phát hành thư tín dụng và chứng chỉ tiền gửi; dịch vụ uỷ thác đầu tư; dịch vụ bảo đảm thanh toán; bảo hiểm cổ phiếu; dịch vụ bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; thông tin bảo hiểm; bảo hiểm tai nạn; bảo hiểm hoả hoạn; bảo hiểm sức khoẻ; bảo hiểm sinh mạng; bảo hiểm hàng hải; môi giới bảo hiểm; môi giới bảo hiểm tai nạn; môi giới bảo hiểm hoả hoạn; môi giới bảo hiểm sức khoẻ; môi giới bảo hiểm sinh mạng; môi giới bảo hiểm hàng hải; quỹ tín dụng; phát hành thương phiếu; phát hành phiếu và hoá đơn có giá trị; giữ vật có giá trị; dịch vụ thuê két an toàn; chuyển giao quỹ; chuyển giao quỹ bằng điện tử; dịch vụ thanh toán; dịch vụ thanh toán trước; dịch vụ uỷ thác; bảng kê giá giao dịch chứng khoán; đánh giá tài chính; quản lý tài chính; nợ trả góp; trả góp tài chính; thuê mua tài chính; cho vay thế chấp; dịch vụ thanh toán nghỉ việc; dịch vụ bất động sản; xây dựng quỹ từ thiện; tài trợ (tài chính) cho cuộc thi; cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và dịch vụ tư vấn cho tất cả các dịch vụ đã nêu ở trên; tất cả các dịch vụ trên cũng được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 37: Xây dựng cảng, lắp đặt các trang thiết bị cảng; vận hành và đưa vào hoạt động dịch vụ cảng, phát triển cảng, cụ thể là xây dựng, sửa chữa và lắp đặt trang thiết bị cảng; dịch vụ xây dựng, sửa chữa và cài đặt phần cứng máy máy tính, mạng máy tính, máy móc, thiết bị, dụng cụ viễn thông và mạng viễn thông; dịch vụ xây dựng và sửa chữa hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông; dịch vụ bảo trì, sửa chữa, cài đặt và hỗ trợ phần cứng máy tính, thiết bị ngoại vi của máy tính, thiết bị viễn thông, và các bộ phận và phụ tùng của chúng; dịch vụ lắp đặt và cài đặt phần cứng máy tính tại nhà và bảo trì máy tính, hệ thống máy tính và thiết bị viễn thông; cung cấp thông tin liên quan đến sửa chữa hoặc

cài đặt được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên internet; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền phát điện tử và truyền phát viễn thông; truyền các tệp dữ liệu, tin nhắn, hình ảnh, âm thanh, giọng nói, văn bản, liên lạc bằng âm thanh, bằng hình ảnh và các liên lạc điện tử, dữ liệu và thông tin bằng điện tử, máy tính, cáp, radio, máy nhắn tin bằng tín hiệu vô tuyến, máy telex, máy gửi tín hiệu hoặc tin nhắn bằng cách sử dụng tín hiệu điện tử, thư điện tử, máy fax, vô tuyến, sóng viba, tia laze, vệ tinh liên lạc, liên kết sóng viba, các phương tiện mặt đất, cáp, hệ thống kết nối không dây hoặc có dây hoặc các phương tiện truyền thông khác; cung cấp dịch vụ thông tin đa phương tiện và tương tác đa phương tiện; cung cấp và điều hành công cụ tìm kiếm; dịch vụ tư vấn liên quan đến truyền phát dữ liệu; truyền, hiển thị thông tin vì mục đích kinh doanh hoặc dùng trong nhà từ ngân hàng dữ liệu được cất giữ trong máy tính; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ viễn thông liên quan đến internet; truyền thông thông tin (bao gồm cả các trang web), chương trình máy tính và dữ liệu khác; cung cấp truy cập internet cho người sử dụng (người cung cấp dịch vụ); cung cấp kết nối viễn thông với internet hoặc với cơ sở dữ liệu; dịch vụ điện toán cung cấp tin tức và thông tin; dịch vụ truy cập viễn thông; cung cấp truy cập trực tuyến truyền thông và liên kết tới internet và intranet; cung cấp truy cập vào internet; dịch vụ nhà cung cấp truy cập internet; cung cấp truy cập tới các trang web trên mạng thông tin điện tử; cung cấp truy cập các cơ sở dữ liệu khác nhau; cung cấp bản tin tương tác trực tuyến; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu của máy tính hay trên internet.

Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành; dịch vụ hoa tiêu; dịch vụ du lịch (trừ việc đặt chỗ khách sạn); dịch vụ vận tải; sắp xếp và cung cấp vận tải bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không; sắp xếp, tổ chức và cung cấp các chuyến du lịch và đi chơi trên biển; dịch vụ đại lý lữ hành; dịch vụ đặt và bán vé du lịch; cho thuê thiết bị vận tải bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, vận chuyển hàng hoá, cung cấp bãi đậu xe; dịch vụ chở hàng bằng xe 2 bánh và dịch vụ tài xế; tập hợp hàng hoá để vận chuyển, cho hàng hoá vào thùng; dịch vụ phân phát; hộ tống khách du lịch; vận chuyển có bảo vệ; dịch vụ hướng dẫn du lịch; lập kế hoạch tuyến đường; dịch vụ khuân vác; tổ chức du lịch tham quan; điều khiển và tổ chức các chuyến đi; môi giới vận tải; dịch vụ đưa thư du lịch; thuê vận tải; thuê tàu thuỷ; dịch vụ đi chơi trên biển; dịch vụ vận chuyển bằng phà; dịch vụ chuyên chở hàng bằng đường biển; dịch vụ vận tải hàng hải; dịch vụ điều khiển tàu thuyền; dịch vụ về du thuyền; dịch vụ vận tải bằng đường sông; dịch vụ đặt chỗ để du lịch; dịch vụ chuyên chở hàng hoá; dịch vụ chuyển hàng tiếp; dịch vụ môi giới chuyên chở; đại lý tàu thuỷ; vận chuyển hàng hoá; chuyên chở hàng hoá; đóng gói và lưu giữ hàng hoá; dịch vụ kho hàng; cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và dịch vụ hướng dẫn cho tất cả các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ internet.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị, triển lãm, cuộc thi và cuộc thi đố; tổ chức triển lãm văn hoá hoặc giáo dục; tổ chức và tài trợ các cuộc thi; tổ chức hội thảo, tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; đào tạo; xuất bản sách và văn bản; giải trí, giải trí với truyền hình; dịch vụ phát thanh truyền hình; dịch vụ giáo dục và giải trí, thể thao và tiêu khiển bằng cách là lập kế hoạch, sản xuất và phân phối tư liệu âm thanh, hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh trực tiếp hoặc được ghi lại để truyền phát bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh internet, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp thông tin liên quan đến chương trình phát thanh và truyền

hình, giải trí, âm nhạc, thể thao và tiêu khiển; thông tin liên quan đến giải trí hoặc giáo dục được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu của máy tính, trên internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; dịch vụ trò chơi điện tử được cung cấp bằng phương tiện internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp các xuất bản điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được), xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; dịch vụ phòng bán vé cho các hoạt động giải trí hoặc giáo dục; dịch vụ đặt mua vé và đặt các sự kiện cho các hoạt động giải trí hoặc giáo dục; dịch vụ đánh bạc, cá cược, xổ số và dịch vụ đánh bạc ăn tiền, tổ chức các hoạt động xúc tiến bằng phương tiện truyền thông đại chúng nghe nhìn; dịch vụ thông tin và tư vấn liên quan đến giáo dục và giải trí; tổ chức và điều hành các phòng trò chuyện nhằm mục đích giải trí hoặc giáo dục; từ điển và từ điển chuyên ngành, sách hướng dẫn nhà hàng ăn uống và hướng dẫn du lịch bằng phương thức điện tử và trực tuyến; dịch vụ thông tin tin tức và thời sự; cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 42: Thiết kế, vẽ, soạn thảo theo uỷ quyền để biên soạn trang web trên internet; tạo và duy trì trang web; dịch vụ máy chủ các trang web của người khác; cài đặt và duy trì phần mềm máy tính; thuê bao thời gian truy cập cơ sở dữ liệu máy tính (không bao gồm dịch vụ do người cung cấp dịch vụ internet); thuê và cho thuê các thiết bị điện tử, máy tính, thiết bị hiển thị truyền hình, hộp cài đặt, chương trình máy tính, thiết bị đầu cuối của máy tính, màn hình, bàn phím máy tính, máy tính xách tay, modem, thiết bị ngoại vi máy tính, các thiết bị internet và bộ phận và phụ tùng của tất cả các sản phẩm này; dịch vụ bảo trì phần mềm máy tính, cho thuê máy tính, cho thuê phần mềm máy tính, dịch vụ máy tính; dịch vụ máy tính được cung cấp trực tuyến trên internet; dịch vụ tư vấn liên quan đến công nghiệp máy tính; định vị người, con vật và tiện ích; thông tin và tư vấn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 43: Cung cấp thông tin hướng dẫn nhà hàng ăn uống và hướng dẫn du lịch; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc y tế, vệ sinh, dinh dưỡng, sức khoẻ, sắc đẹp; dịch vụ thông tin, tư vấn và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 45: Dịch vụ đại lý nhận con nuôi; dịch vụ vệ sĩ; dịch vụ đi kèm; cho thuê quần áo; dịch vụ hoả táng; đại lý thám tử; cho thuê trang phục dạ hội, tang lễ; tìm kiếm người mất tích; đại lý hôn nhân; tổ chức các cuộc mít tinh tôn giáo; dịch vụ lo liệu đám ma; dịch vụ an ninh, tư vấn an ninh; chữa cháy; bảo vệ, bảo vệ đêm; mở khoá an ninh; theo dõi chuông báo trộm, chuông an ninh, văn phòng, nhà riêng và ô tô, đoàn xe, thiết bị, giao thông đường bộ, hệ thống an ninh (báo tới trung tâm kiểm tra); cung cấp lá số tử vi, dịch vụ hẹn hò; dịch vụ thông tin, tư vấn và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên intemet.

(111) **4-0098445**
(210) 4-2006-01433
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

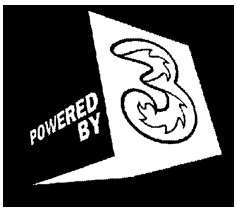

(151) 27.03.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.4.1; A26.5.6; A26.5.17
(731) PALMERSTON LIMITED (GB)
2nd Floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle Of Man, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh, quay phim, quang học, báo hiệu, kiểm tra (giám sát) và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ truyền dẫn, chuyển, biến đổi, tích luỹ, điều chỉnh hoặc kiểm tra điện; thiết bị và dụng cụ truyền hình; trang thiết bị viễn thông; các thiết bị điện tử nhận tín hiệu truyền hình và tín hiệu mạng thông tin toàn cầu và truyền các tín hiệu đó tới thiết bị vô tuyến truyền hình hoặc các thiết bị hiển thị khác và các chương trình máy tính để sử dụng với các thiết bị đó; đầu đĩa quang và các chương trình máy tính liên quan; vật mang dữ liệu từ tính, thẻ thông minh, thẻ đã được mã hoá, thẻ dữ liệu, đĩa ghi; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh, dữ liệu; máy tính; thiết bị và dụng cụ viễn thông; máy móc, thiết bị và dụng cụ fax, telex, điện thoại, điện tín, thu nhận dữ liệu; chương trình máy tính; chương trình và phần mềm máy tính; phần mềm máy tính và thiết bị viễn thông (bao gồm cả mô đem) cho phép kết nối với cơ sở dữ liệu và internet; chương trình hệ điều hành; phần mềm máy tính và phần cứng với cơ sở mạng tạo thuận lợi cho truyền thông tương tác đa phương tiện; phần mềm máy tính để soạn thảo, biên tập, truyền thông tin ở dạng văn bản và đồ hoạ qua mạng truyền thông máy tính; chương trình máy tính để xuất bản, in ấn, vẽ hình bằng kĩ thuật số và lưu trữ, điều hành, chuyển đổi và truy nhập tài liệu điện tử; máy vi tính, máy tính xách tay; chương trình máy tính để quản lý các liên lạc và trao đổi dữ liệu giữa máy tính xách tay và máy tính để bàn; phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính, máy in dùng với máy vi tính, máy thiết lập hình ảnh, máy phôtô, máy in thử để kiểm tra chất lượng hình ảnh dùng với máy vi tính, máy in ấn dùng với máy vi tính, màn hình hiển thị; phần cứng và phần mềm viễn thông không dây kỹ thuật số; dữ liệu có thể tải xuống được bao gồm xuất bản phẩm và phần mềm; từ điển, từ điển chuyên đề, sách hướng dẫn nhà hàng ăn uống và sách hướng dẫn du lịch điện tử và trực tuyến; phần mềm máy tính và xuất bản phẩm ở dạng mẫu điện tử được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ các tiện ích được cung cấp trên internet (bao gồm cả trang web); trò chơi điện tử và trò chơi trên máy tính; các chương trình trò chơi, đĩa trò chơi, thiết bị đầu cuối giải trí, thiết bị đầu cuối giải trí bao gồm phần cứng và phần mềm máy tính để xuất ra âm thanh, hình ảnh, và đầu ra đa phương tiện.

Nhóm 35: Quản lý thương mại hoặc công nghiệp; trung tâm thông tin thương mại hoặc công nghiệp; quản lý kinh doanh cảng; dịch vụ quảng cáo và xúc tiến thương mại và dịch vụ thông tin liên quan đến những dịch vụ này; cho thuê không gian quảng cáo; quảng cáo bằng truyền hình; biên soạn quảng cáo để sử dụng như trang web trên internet; chuẩn bị và giới thiệu các hình ảnh nghe nhìn nhằm mục đích quảng cáo; phổ biến quảng cáo; dịch vụ thông tin thương mại; nhận, lưu trữ và cung cấp dữ liệu thông tin thương mại được đưa vào máy tính; nghiên cứu thị trường; lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kinh doanh; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; hoạt động văn phòng; nghiên cứu thị trường và kinh doanh; biên soạn số liệu thống kê kinh doanh và thông tin thương mại; bán đấu giá; dịch vụ bán lẻ; giới thiệu các loại sản phẩm vì lợi ích của người khác để khách hàng dễ

xem xét và mua các sản phẩm này trong cửa hàng, hoặc siêu thị, hoặc cửa hàng bán lẻ đồ điện hoặc cửa hàng bán lẻ chuyên về các thiết bị và máy móc viễn thông hoặc dược phẩm hoặc từ một trang web bán hàng chung trên internet hoặc từ một trang web chuyên về các thiết bị và máy móc viễn thông chạy điện hoặc các sản phẩm dược; tư vấn và hỗ trợ trong việc chọn lựa sản phẩm và dịch vụ; dịch vụ trung gian để đưa khách hàng và/hoặc người mua và người bán lại với nhau; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 36: Tính hoá đơn cho các dịch vụ có giá trị, thực hiện bởi mạng viễn thông, bao gồm xử lý và phát hành hoá đơn; dịch vụ cho phép thanh toán qua mạng điện thoại quay số; điều hành giao dịch tài chính và tiền tệ; dịch vụ tài chính; quản lý tài chính và dịch vụ tư vấn liên quan đến đầu tư; lập kế hoạch tài chính và dịch vụ tài chính; đánh giá tài chính; định giá ngân hàng; dịch vụ ngân hàng; ngân hàng tiết kiệm; dịch vụ môi giới tài chính; dịch vụ môi giới chứng khoán và môi giới chiết khấu bằng điện tử, và dịch vụ môi giới chiết khấu trực tuyến, môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ đầu tư; dịch vụ cho vay và cho vay thế chấp; cung cấp nơi lưu giữ tài sản quý và các sản phẩm tài chính phát sinh; dịch vụ ngân hàng đầu tư, kho bạc và trao đổi ngoại tệ và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng đầu tư từ thiện; dịch vụ uỷ thác, tín dụng, đầu tư, tiết kiệm, ký quỹ bảo đảm, cho vay, cho vay bảo đảm; dịch vụ về thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ nạp tiền, thẻ dự trữ; dịch vụ phát hành thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ nạp tiền, thẻ dự trữ, thẻ điện thoại; dịch vụ ngân hàng tự động; dịch vụ thống kê bảo hiểm chung; sắp xếp và quản lý tài chính bảo hiểm sinh mạng, bảo hiểm bảo lãnh và các quỹ tương tác; dịch vụ tiền trợ cấp; bảo hiểm; bảo hiểm du lịch; dịch vụ thanh toán ngân hàng; dịch vụ thanh toán tại nhà; dịch vụ mua bán và phát hành ngân phiếu du lịch; dịch vụ đổi tiền; dịch vụ giữ bản giao kèo để làm bằng; dịch vụ đại lý mua bán cổ phần chứng khoán; dịch vụ thi hành di chúc liên quan đến bất động sản hoặc tài sản; cung cấp bảo lãnh tài chính; phát hành thư tín dụng và chứng chỉ tiền gửi; dịch vụ uỷ thác đầu tư; dịch vụ bảo đảm thanh toán; bảo hiểm cổ phiếu; dịch vụ bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; thông tin bảo hiểm; bảo hiểm tai nạn; bảo hiểm hoả hoạn; bảo hiểm sức khoẻ; bảo hiểm sinh mạng; bảo hiểm hàng hải; môi giới bảo hiểm; môi giới bảo hiểm tai nạn; môi giới bảo hiểm hoả hoạn; môi giới bảo hiểm sức khoẻ; môi giới bảo hiểm sinh mạng; môi giới bảo hiểm hàng hải; quỹ tín dụng; phát hành thương phiếu; phát hành phiếu và hoá đơn có giá trị; giữ vật có giá trị; dịch vụ thuê két an toàn; chuyển giao quỹ; chuyển giao quỹ bằng điện tử; dịch vụ thanh toán; dịch vụ thanh toán trước; dịch vụ uỷ thác; bảng kê giá giao dịch chứng khoán; đánh giá tài chính; quản lý tài chính; nợ trả góp; trả góp tài chính; thuê mua tài chính; cho vay thế chấp; dịch vụ thanh toán nghỉ việc; dịch vụ bất động sản; xây dựng quỹ từ thiện; tài trợ (tài chính) cho cuộc thi; cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và dịch vụ tư vấn cho tất cả các dịch vụ đã nêu ở trên; tất cả các dịch vụ trên cũng được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 37: Xây dựng cảng, lắp đặt các trang thiết bị cảng; vận hành và đưa vào hoạt động dịch vụ cảng, phát triển cảng, cụ thể là xây dựng, sửa chữa và lắp đặt trang thiết bị cảng; dịch vụ xây dựng, sửa chữa và cài đặt phần cứng máy tính, mạng máy tính, máy móc, thiết bị, dụng cụ viễn thông và mạng viễn thông; dịch vụ xây dựng và sửa chữa hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông; dịch vụ bảo trì, sửa chữa, cài đặt và hỗ trợ phần cứng máy tính, thiết bị ngoại vi của máy tính, thiết bị viễn thông, và các bộ phận và phụ tùng của chúng; dịch vụ lắp đặt và cài đặt phần cứng máy tính tại nhà và bảo trì máy tính, hệ thống máy tính và thiết bị viễn thông; cung cấp thông tin liên quan đến sửa chữa hoặc

cài đặt được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên internet; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền phát điện tử và truyền phát viễn thông; truyền các tệp dữ liệu, tin nhắn, hình ảnh, âm thanh, giọng nói, văn bản, liên lạc bằng âm thanh, bằng hình ảnh và các liên lạc điện tử, dữ liệu và thông tin bằng điện tử, máy tính, cáp, radio, máy nhắn tin bằng tín hiệu vô tuyến, máy telex, máy gửi tín hiệu hoặc tin nhắn bằng cách sử dụng tín hiệu điện tử, thư điện tử, máy fax, vô tuyến, sóng viba, tia laze, vệ tinh liên lạc, liên kết sóng viba, các phương tiện mặt đất, cáp, hệ thống kết nối không dây hoặc có dây hoặc các phương tiện truyền thông khác; cung cấp dịch vụ thông tin đa phương tiện và tương tác đa phương tiện; cung cấp và điều hành công cụ tìm kiếm; dịch vụ tư vấn liên quan đến truyền phát dữ liệu; truyền, hiển thị thông tin vì mục đích kinh doanh hoặc dùng trong nhà từ ngân hàng dữ liệu được cất giữ trong máy tính; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ viễn thông liên quan đến internet; truyền thông thông tin (bao gồm cả các trang web), chương trình máy tính và dữ liệu khác; cung cấp truy cập internet cho người sử dụng (người cung cấp dịch vụ); cung cấp kết nối viễn thông với internet hoặc với cơ sở dữ liệu; dịch vụ điện toán cung cấp tin tức và thông tin; dịch vụ truy cập viễn thông; cung cấp truy cập trực tuyến truyền thông và liên kết tới internet và intranet; cung cấp truy cập vào internet; dịch vụ nhà cung cấp truy cập internet; cung cấp truy cập tới các trang web trên mạng thông tin điện tử; cung cấp truy cập các cơ sở dữ liệu khác nhau; cung cấp bản tin tương tác trực tuyến; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu của máy tính hay trên internet.

Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành; dịch vụ hoa tiêu; dịch vụ du lịch (trừ việc đặt chỗ khách sạn); dịch vụ vận tải; sắp xếp và cung cấp vận tải bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không; sắp xếp, tổ chức và cung cấp các chuyến du lịch và đi chơi trên biển; dịch vụ đại lý lữ hành; dịch vụ đặt và bán vé du lịch; cho thuê thiết bị vận tải bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, vận chuyển hàng hoá, cung cấp bãi đậu xe; dịch vụ chở hàng bằng xe 2 bánh và dịch vụ tài xế; tập hợp hàng hoá để vận chuyển, cho hàng hoá vào thùng; dịch vụ phân phát; hộ tống khách du lịch; vận chuyển có bảo vệ; dịch vụ hướng dẫn du lịch; lập kế hoạch tuyến đường; dịch vụ khuân vác; tổ chức du lịch tham quan; điều khiển và tổ chức các chuyến đi; môi giới vận tải; dịch vụ đưa thư du lịch; thuê vận tải; thuê tàu thuỷ; dịch vụ đi chơi trên biển; dịch vụ vận chuyển bằng phà; dịch vụ chuyên chở hàng bằng đường biển; dịch vụ vận tải hàng hải; dịch vụ điều khiển tàu thuyền; dịch vụ về du thuyền; dịch vụ vận tải bằng đường sông; dịch vụ đặt chỗ để du lịch; dịch vụ chuyên chở hàng hoá; dịch vụ chuyển hàng tiếp; dịch vụ môi giới chuyên chở; đại lý tàu thuỷ; vận chuyển hàng hoá; chuyên chở hàng hoá; đóng gói và lưu giữ hàng hoá; dịch vụ kho hàng; cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và dịch vụ hướng dẫn cho tất cả các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ internet.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị, triển lãm, cuộc thi và cuộc thi đố; tổ chức triển lãm văn hoá hoặc giáo dục; tổ chức và tài trợ các cuộc thi; tổ chức hội thảo, tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; đào tạo; xuất bản sách và văn bản; giải trí, giải trí với truyền hình; dịch vụ phát thanh truyền hình; dịch vụ giáo dục và giải trí, thể thao và tiêu khiển bằng cách là lập kế hoạch, sản xuất và phân phối tư liệu âm thanh, hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh trực tiếp hoặc được ghi lại để truyền phát bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh internet, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp thông tin liên quan đến chương trình phát thanh và truyền

hình, giải trí, âm nhạc, thể thao và tiêu khiển; thông tin liên quan đến giải trí hoặc giáo dục được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu của máy tính, trên internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; dịch vụ trò chơi điện tử được cung cấp bằng phương tiện internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp các xuất bản điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được), xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; dịch vụ phòng bán vé cho các hoạt động giải trí hoặc giáo dục; dịch vụ đặt mua vé và đặt các sự kiện cho các hoạt động giải trí hoặc giáo dục; dịch vụ đánh bạc, cá cược, xổ số và dịch vụ đánh bạc ăn tiền, tổ chức các hoạt động xúc tiến bằng phương tiện truyền thông đại chúng nghe nhìn; dịch vụ thông tin và tư vấn liên quan đến giáo dục và giải trí; tổ chức và điều hành các phòng trò chuyện nhằm mục đích giải trí hoặc giáo dục; từ điển và từ điển chuyên ngành, sách hướng dẫn nhà hàng ăn uống và hướng dẫn du lịch bằng phương thức điện tử và trực tuyến; dịch vụ thông tin tin tức và thời sự; cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 42: Thiết kế, vẽ, soạn thảo theo uỷ quyền để biên soạn trang web trên internet; tạo và duy trì trang web; dịch vụ máy chủ các trang web của người khác; cài đặt và duy trì phần mềm máy tính; thuê bao thời gian truy cập cơ sở dữ liệu máy tính (không bao gồm dịch vụ do người cung cấp dịch vụ internet); thuê và cho thuê các thiết bị điện tử, máy tính, thiết bị hiển thị truyền hình, hộp cài đặt, chương trình máy tính, thiết bị đầu cuối của máy tính, màn hình, bàn phím máy tính, máy tính xách tay, modem, thiết bị ngoại vi máy tính, các thiết bị internet và bộ phận và phụ tùng của tất cả các sản phẩm này; dịch vụ bảo trì phần mềm máy tính, cho thuê máy tính, cho thuê phần mềm máy tính, dịch vụ máy tính; dịch vụ máy tính được cung cấp trực tuyến trên internet; dịch vụ tư vấn liên quan đến công nghiệp máy tính; định vị người, con vật và tiện ích; thông tin và tư vấn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 43: Cung cấp thông tin hướng dẫn nhà hàng ăn uống và hướng đẫn du lịch; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc y tế, vệ sinh, dinh dưỡng, sức khoẻ, sắc đẹp; dịch vụ thông tin, tư vấn và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 45: Dịch vụ đại lý nhận con nuôi; dịch vụ vệ sĩ; dịch vụ đi kèm; cho thuê quần áo; dịch vụ hoả táng; đại lý thám tử; cho thuê trang phục dạ hội, tang lễ; tìm kiếm người mất tích; đại lý hôn nhân; tổ chức các cuộc mít tinh tôn giáo; dịch vụ lo liệu đám ma; dịch vụ an ninh, tư vấn an ninh; chữa cháy; bảo vệ, bảo vệ đêm; mở khoá an ninh; theo dõi chuông báo trộm, chuông an ninh, văn phòng, nhà riêng và ô tô, đoàn xe, thiết bị, giao thông đường bộ, hệ thống an ninh (báo tới trung tâm kiểm tra); cung cấp lá số tử vi, dịch vụ hẹn hò; dịch vụ thông tin, tư vấn và hướng dẫn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên intemet.

(111) **4-0098446**
(210) 4-2005-14283
(181) 26.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KOKUYO

(151) 27.03.2008
(220) 26.10.2005

(731) KOKUYO KABUSHIKI KAISHA (also trading as KOKUYO CO , LTD.) (JP)
1-1, Oimazato Minami 6-Chome, Higashinari-Ku, Osaka-Shi, Osaka-Fu, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Cái làm sạch bản vẽ chạy điện, cái làm sạch giẻ lau bảng chạy điện, tẩy bản vẽ chạy điện, giẻ lau chạy điện.

Nhóm 09: Ổ cắm điện outlet cho thiết bị văn phòng, bảng viết chạy điện có thiết bị sao chép, phần mềm để tạo nhãn bằng cách xử lý văn bản, hộp đựng đĩa mềm, màn lọc bảo vệ mắt dùng cho máy vi tính, nắp che bàn phím máy vi tính, con chuột (thiết bị xử lý dữ liệu), tấm đệm di chuyển con chuột dùng cho máy vi tính, giá đựng bản đánh máy đi kèm với máy vi tính, máy đếm tiền, máy đếm, thước dải bằng thép, thước dải, máy đánh/in chữ trên séc dùng kèm với máy vi tính, kính lúp (quang học), cân thư, que chỉ chiếu tia laze dùng khi trình bày, thiết bị để vẽ (máy vẽ), compa (dụng cụ đo), thước kẻ (dụng cụ đo), thước đo góc [dụng cụ đo], nam châm.

Nhóm 16: Văn phòng phẩm, quyển anbom đựng ảnh chụp, vở, giấy bên trong dùng cho vở có giấy rời, tấm đệm kê khi viết, cái dập ghim, dao dọc giấy [đồ dùng văn phòng], vở bỏ túi, bút bi, bút chì hoạt động theo nguyên lý cơ khí, cái đục lỗ trên giấy [đồ dùng văn phòng], cái kẹp giấy, hộp đựng bút chì, tấm đệm để đặt giấy lên khi viết, lõi chì thay thế dùng cho bút chì hoạt động theo nguyên lý cơ khí, vở nháp, giấy dùng cho máy xử lý văn bản, bút chì, dụng cụ để dán keo (hồ), bộ gồm giấy thư và phong bì thư, giấy thư, sổ địa chỉ, giấy viết tay, tấm đệm ghi lời nhắn có giấy có thể dính được, bút đánh dấu, chất dính dùng trong văn phòng, hộp đựng văn phòng phẩm, bảng để viết, cụ thể là bảng đen, sổ để hồ sơ, sổ trong (có một số túi đựng bằng chất dẻo trong suốt để đựng các tờ tài liệu), bộ dụng cụ vẽ gồm compa, bút chì hoạt động theo nguyên lý cơ khí để vẽ, thước đo góc, êke (văn phòng phẩm) và bút lông, bút vẽ, cái gọt bút chì, cái chặn giấy, băng dính dùng cho mục đích văn phòng hay gia đình, tẩy, đinh rệp (đinh ấn) dùng trong văn phòng, quả địa cầu, khay đựng văn phòng phẩm, cái đựng tài liệu bằng chất dẻo [đồ đùng văn phòng], phim dính dùng cho máy xử lý văn bản, sách ghi chú điện thoại, kệ giữ sách, cái cắt giấy [đồ dùng văn phòng], tấm đệm để cắt dùng khi cắt giấy, dụng cụ chữa lỗi bằng chất lỏng [đồ dùng văn phòng], bút máy, tấm đệm để bàn [văn phòng phẩm], giấy kẻ để vẽ biểu đồ, dụng cụ để vẽ, thước kẻ, bìa kẹp hồ sơ, vở dán bài rời, cái phủ màn lọc (tấm nhựa trong) dùng cho màn hình (đồ dùng văn phòng), cái đựng tài liệu gốc [văn phòng phẩm], băng phủ để xoá lỗi [văn phòng phẩm], thẻ, miếng giấy nhỏ và nhãn ghi tiêu đề và chỉ dẫn, giá để bút và bút chì, bảng trắng, giá để ảnh chụp, cái đựng tài liệu bằng kim loại [văn phòng phẩm], cái đựng tài liệu [văn phòng phẩm]; máy gọt bút chì chạy điện.

Nhóm 20: Đồ gỗ, màn che [đồ đạc], cái treo áo khoác, giá để điện thoại, giá để tạp chí, thang gấp không làm bằng kim loại, hộp và giá bày đồ đạc, khung ghế để mang ghế có

thể di chuyển được, bàn vẽ, giá treo áo khoác, bàn làm việc, bàn, ghế, ghế xô-pha, tủ có ngăn kéo có thể di chuyển được [đồ đạc], tủ có ngăn kéo đựng hồ sơ tài liệu [đồ đạc], tủ có ngăn kéo để chứa đồ [đồ đạc], tủ có khoá, giá sách, giá để đồ, giá để bày đồ, giá để treo ô, tủ có ngăn kéo có thể di chuyển được [đồ đạc], giá để đồ đạc, giường.

(111) **4-0098447**
(210) 4-2004-08665
(181) 24.08.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 24.08.2004

(531) 25.1.1; A5.5.21
(731) THE CARTOON NETWORK LP, LLLP (US)
1050 Techwood Drive NW, Atlanta, Georgia, 30318, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phim điện ảnh với đặc điểm chính là hài, tâm lý tình cảm, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình, phim điện ảnh phát trên truyền hình với đặc điểm chính là hài, tâm lý tình cảm, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình; thiết bị ghi đã được thu sẵn bằng nhựa vinyl, băng ghi âm, băng ghi âm ghi hình, băng cát-sét ghi âm ghi hình, đĩa ghi âm ghi hình, và đĩa kỹ thuật số đa năng với nội dung chính là âm nhạc, hài, tâm lý tình cảm, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình; tai nghe âm thanh nổi; pin; máy điện thoại không dây; máy tính cầm tay; băng cát-sét ghi âm và máy nghe đĩa compact; đĩa CD ROMS có chứa chương trình trò chơi máy tính; máy hát karaoke cầm tay, máy nhắn tin qua điện thoại và/hoặc qua rađiô; băng cát-sét phim điện ảnh ngắn đã được thu sẵn có đặc điểm chính là hài, tâm lý tình cảm, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình dùng để sử dụng với đèn chiếu hoặc máy chiếu cầm tay; đầu máy viđêô và máy ghi băng viđêô; đầu đĩa compact; đầu máy nghe băng âm thanh kỹ thuật số và máy ghi băng âm thanh kỹ thuật số, lịch ghi nhớ điện tử; máy rađiô; miếng đệm để con chuột máy tính; kính mắt, kính râm và hộp đựng các kính này; băng âm thanh được thu sẵn và sách nhỏ được bán kèm như là một bộ phận của phim hài, phim tâm lý tình cảm, phim hành động, phim phiêu lưu, và/hoặc phim hoạt hình; chương trình máy tính cụ thể là phần mềm kết nối băng viđêô được kỹ thuật số hoá và các phương tiện truyền âm thanh được kỹ thuật số hoá đến mạng thông tin máy tính toàn cầu; thiết bị trò chơi máy tính có chứa các dụng cụ ghi nhớ như đĩa được bán kèm như là một bộ phận để chơi trò chơi máy tính trong nhà; chương trình trò chơi máy tính và viđêô; chương trình trò chơi viđêô; đầu máy quay đĩa trò chơi viđêô và băng cát-sét trò chơi viđêô; thẻ từ được mã hoá, bao gồm thẻ chìa khoá, thẻ điện thoại, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ rút tiền mặt và các loại từ trang trí; phao nổi cho mục đích tiêu khiển; thiết bị nổi dùng cho mục đích tiêu khiển; phao bơi dùng cho mục đích tiêu khiển; tất cả các sản phẩm trên liên quan đến sê-ri phim hoạt hình và/hoặc các nhân vật trong đó.

Nhóm 16: Ấn phẩm và sản phẩm từ giấy cụ thể là sách mô tả các nhân vật từ các tình tiết phim hoạt hình, phim hành động, phim phiêu lưu, phim hài và/hoặc phim tâm lý tình cảm, truyện tranh, sách cho trẻ em, tạp chí mô tả các nhân vật từ các tình tiết phim hoạt hình, phim hành động, phim phiêu lưu, phim hài và/hoặc phim tâm lý tình cảm, sách in màu, sách về hoạt động của trẻ em; văn phòng phẩm, giấy viết, phong bì, vở, sổ ghi nhớ, thẻ để ghi chép, thiệp chúc mừng; thiệp phát cho khách hàng để đổi lấy hàng hoá hoặc tiền mặt, tờ in đúc thạch bản và phim xenluloit để sản xuất phim hoạt hình; bút, bút chì và hộp bút, tẩy, bút vẽ màu, bút đánh dấu, bút chì màu, bộ đồ vẽ, phấn và bảng phấn; đề-can, đề-can là bằng hơi nóng; ảnh poster; ảnh chụp có khung và/hoặc không có khung; bìa sách, thẻ đánh dấu trang sách, lịch, giấy gói quà; huy hiệu bằng giấy dùng trong các bữa tiệc và đồ trang trí bằng giấy trong các bữa tiệc bao gồm khăn ăn bằng giấy, khăn lót bằng giấy,

miếng lót bằng giấy, giấy kếp, mũ bằng giấy, giấy mời, khăn trải bàn bằng giấy, đồ trang trí bánh bằng giấy; đề-can in dùng để in vào các miếng đính bằng vải hoặc miếng đính thêu dùng để trang trí; mẫu hoa văn in trên trang phục, bộ pyjamas, áo lạnh tay ngắn và áo phông; tất cả các sản phẩm trên liên quan đến sê-ri phim hoạt hình và/hoặc các nhân vật trong đó.

Nhóm 25: Quần áo cho nam giới, phụ nữ và trẻ em bao gồm áo sơ mi, áo phông, áo rét, bộ quần áo mặc khi chạy bộ, quần, quần bó, quần soóc, áo không tay mặc ngoài, quần áo đi mưa, yếm dãi bằng vải cho trẻ em, váy ngắn, áo bu-dông, váy dài, dây đeo quần, áo thun dài tay, áo jacket, áo choàng, áo choàng đi mưa, quần áo đi tuyết cà vạt, áo thụng khoác ngoài, mũ, mũ lưỡi trai, lưỡi trai che nắng, thắt lưng, khăn quàng, quần áo ngủ, bộ pyjamas, quần áo ngủ cho phụ nữ, quần áo lót, ủng, giày, giày đế mềm, xăng-đan, giày ống nhẹ, tất dùng với dép đi trong nhà, quần áo bơi và trang phục dùng trong lễ hội hoá trang và lễ hội Halloween và mặt nạ được bán kèm với các trang phục này.

Nhóm 28: Đồ chơi và dụng cụ thể thao bao gồm trò chơi và đồ chơi bao gồm các hình nhân đồ chơi trong phim hành động và phụ kiện đi kèm, đồ chơi bằng vải nhung lông, bóng bay, đồ chơi trong bồn tắm, đồ chơi có thể cưỡi lên được, thiết bị bán kèm như là một bộ phận để chơi bài, xe cộ đồ chơi, búp bê, đĩa đồ chơi, bộ đồ chơi điện tử cầm tay, thiết bị đồ chơi được bán như là một bộ phận của trò chơi dùng bảng, trò chơi khéo léo, trò chơi trong nhà và trò chơi dạng hành động có mục tiêu, máy đồ chơi với đầu ra viđêô có chân đứng, trò chơi lắp hình, mặt nạ bằng giấy, ván trượt, giày trượt băng, đồ chơi phun nước, bóng cụ thể là bóng đồ chơi, bóng trong môn bóng đá, bóng trong môn bóng chày, bóng trong môn bóng rổ, găng tay trong môn bóng chày, phao dạng ván, chân ếch dùng khi bơi, đồ chơi bằng sắt nung và bộ đồ hàng, mô hình đồ chơi và đồ trang hoàng cây Nô-en, tất cả những thứ trên liên quan đến sê-ri phim hoạt hình và/hoặc các nhân vật trong đó.

(111) **4-0098448**
(210) 4-2006-21188
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 04.12.2006

(531) 5.5.16; 26.1.1; A7.1.9
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh lá cây, tím hồng, đỏ, cam, vàng, nâu, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN (VN)
03 bis Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng dùng để giải khát; nước uống có ga; nước ép hoa quả; nước ngọt dùng để giải khát.

---

(111) **4-0098449**
(210) 4-2007-01683
(181) 24.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 24.01.2007

(531) A3.13.4; A5.5.21; A5.5.22; 26.1.1
(591) Trắng, xanh lá cây, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẾ LÂM (VN)
ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

---

(111) **4-0098450**
(210) 4-2007-04304
(181) 14.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 14.03.2007

(591) Đỏ, xanh lá cây
(731) CƠ SỞ MAY VÀ BÁN QUẦN ÁO NGHI DUNG (VN)
916/2/1 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0098451**
(210) 4-2007-04306
(181) 14.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 14.03.2007

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ, đen
(731) CONCORDE INTERNATIONAL TRAVEL PTY. LTD. (AU)
403 George Street, Sydney NSW 2000, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Tổ chức du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển khách du lịch, đặt chỗ cho các chuyến đi.

---

(111) **4-0098452**
(210) 4-2007-04307
(181) 14.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

essence
of asia
Luxury Journeys by Travel Indochina

(151) 27.03.2008
(220) 14.03.2007

(731) CONCORDE INTERNATIONAL TRAVEL PTY. LTD. (AU)
403 George Street, Sydney NSW 2000, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Tổ chức du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển khách du lịch, đặt chỗ cho các chuyến đi.

---

(111) **4-0098453**
(210) 4-2007-06246
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 12.04.2007

(591) Trắng, đen, nâu, vàng nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIDO (VN)
Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh các loại.

---

(111) **4-0098454**
(210) 4-2007-02032
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 29.01.2007

(531) A1.1.10; 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, xanh tím than
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HÀN VIỆT (VN)
Số 148, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy hàn.

---

(111) **4-0098455**
(210) 4-2007-01971
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAIL POWER

(151) 27.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) HENKEL KGAA. (DE)
67, Henkelstrasse, D-40589 Dusseldorf, Germany
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 01: Keo dán dùng trong công nghiệp.

Nhóm 16: Keo dán dùng cho văn phòng phẩm và dùng cho gia đình.

Nhóm 17: Vật liệu bao gói; vật liệu để bịt kín; vật liệu cách điện.

---

(111) **4-0098456**
(210) 4-2007-02151
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Twinenzym

(151) 27.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098457**
(210) 4-2007-02152
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Enzymdup

(151) 27.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098458**
(210) 4-2007-02735
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

PENNGUARD

(151) 27.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) HENKEL KGAA. (DE)
67, Henkelstrasse, D-40589 Dusseldorf, Germany
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 01: Chất dính và màng dính dùng để phủ lên bề mặt của thép, các chất nền gạch và bê tông (như ống dẫn, ống khói và các hệ thống ống trong các ứng dụng công nghiệp) để chống ăn mòn.

Nhóm 02: Chất sơn lót dùng để phủ lên bề mặt của thép, các chất nền gạch và bê tông (như ống dẫn, ống khói và các hệ thống ống trong các ứng dụng công nghiệp) để chống ăn mòn.

Nhóm 19: Khối phi kim loại dùng để gắn lên bề mặt của thép, các chất nền gạch và bê tông (như đường ống, ống khói và các hệ thống ống trong các ứng dụng công nghiệp) để chống ăn mòn.

---

(111) **4-0098459**
(210) 4-2007-08048
(181) 09.05.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 09.05.2007

(531) 26.1.2; 26.11.1; A26.11.12
(591) Trắng, đen, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI (VN)
Số nhà 21, ngõ 61, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; trang trí nội thất và ngoại thất.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, các khu dân cư khu công nghiệp và nông thôn; thiết kế trang trí nội thất và ngoại thất; thẩm tra về khả năng chịu lực của các kết cấu về cấu tạo kiến trúc của các công trình trong dự án đầu tư xây dựng.

---

(111) **4-0098460**
(210) 4-2007-01950
(181) 26.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 27.03.2008
(220) 26.01.2007

(531) 26.4.1
(591) Vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUY QUANG (VN)
Số 46, đường Ngô Quyền, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải (dịch vụ về vận chuyển hành khách).

---

(111) **4-0098461**
(210) 4-2006-22819
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TIPHARMLOR

(151) 28.03.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO (VN)
15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098462**
(210) 4-2007-00223
(181) 04.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 04.01.2007

(531) 3.7.17
(731) CATHAY PACIFIC AIRWAYS LIMITED (HK)
35th Floor, Two Pacific Place, 88 Queensway, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy, tạp chí, xuất bản phẩm chứa các thông tin liên quan tới du lịch và giải trí; ấn phẩm; bản tin; tạp chí xuất bản định kỳ; sách giáo khoa; tập san, sách học; bảng quảng cáo bằng giấy hoặc chất dẻo; ảnh chụp; áp phích quảng cáo; lịch; thiếp thông báo (văn phòng phẩm) nhãn dính có hình (văn phòng phẩm); sách mỏng; thẻ gắn vào hành lý; bưu thiếp; thẻ hội viên; tờ rơi; sách nhỏ; thời gian biểu in sẵn; sách hướng dẫn hội viên; bìa tài liệu (dùng cho văn phòng); bao đựng tiền mừng tuổi; bút viết; sổ nhật ký; giấy ghi chú; bộ dụng cụ và giấy viết được đóng sẵn thành hộp; phong bì (văn phòng phẩm); giấy viết; sách (tất cả các sản phẩm trên liên quan tới du lịch hàng không nhưng không bao bồm các hướng dẫn du lịch đường bộ hoặc bản đồ du lịch đường bộ); mẫu đơn; giấy chứng nhận, miếng thẻ ghi tên gắn vào hành lý.

Nhóm 35: Dịch vụ tổ chức, hoạt động và giám sát lòng trung thành của khách hàng và các kế hoạch khích lệ liên quan tới dịch vụ hàng không và vận tải, dịch vụ xúc tiến liên quan tới dịch vụ du lịch và vận tải; dịch vụ xúc tiến liên quan tới tổ chức, hoạt động và giám sát kế hoạch liên quan tới lòng trung thành của khách hàng; dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin nhằm xúc tiến cho các hội viên và những hành khách trung thành và các chương trình phần thưởng bằng các chuyến du lịch; dịch vụ bán đấu giá trực tuyến.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải bằng đường hàng không; dịch vụ đại lý du lịch và văn phòng du lịch để sắp xếp các chuyến du lịch; dịch vụ tua du lịch, cung cấp các thông tin cho khách du lịch; dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng đường hàng không; dịch vụ hướng dẫn khách du lịch; dịch vụ đưa thư và lời nhắn; dịch vụ vận chuyển và phân phát hàng hoá; dịch vụ vận chuyển xe cộ cho hành khách; dịch vụ thuê và cho thuê xe cộ; dịch vụ đóng gói hành lý và hàng hóa đưa lên tàu; cung cấp các chuyến du lịch giảm giá và miễn phí; dịch vụ du lịch câu lạc bộ và nâng cao chất lượng các chuyến du lịch; dịch vụ cung cấp thông tin về du lịch; dịch vụ cung cấp thông tin liên quan tới du lịch và vận tải trong các chuyến bay; sắp xếp các chuyến du lịch; dịch vụ đặt chỗ trước chuyến du lịch bằng đường không, đường sắt, đường thuỷ và cho thuê xe du lịch; dịch vụ dỡ hàng; dịch vụ cho vào thùng và phân phát hàng hoá vận chuyển bằng đường hàng không; dịch vụ gửi hàng; dịch vụ lưu kho hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không; dịch vụ phân phát bưu kiện; dịch vụ đi kèm khách du lịch; dịch vụ xếp hàng vào kho; dịch vụ vận chuyển hành lý, hàng hoá và hành khách đến và rời sân bay; dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không liên quan tới các chuyến bay thường xuyên và các chương trình phần thưởng dành cho hành khách đi máy bay thường xuyên, bao gồm cả dịch vụ ưu tiên khi làm thủ tục lên máy bay, thủ tục đăng ký đi máy bay, dịch vụ đặt chỗ trước các chuyến du lịch, cung cấp các chương trình phần thưởng dành cho hành khách đi máy bay thường xuyên cụ thể là cho phép các hành khách đi máy bay thường xuyên đổi vé thưởng hoặc tích lũy điểm.

(111) **4-0098463**
(210) 4-2006-20866
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SLIDING PACT

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) AMOREPACIFIC CORPORATION (KR)
181, 2-ka, Hangang-ro, Yongsan-ku, Seoul, Republic of Korea (Zip Code: 140-777)
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; dầu gội đầu; miếng vải hoặc miếng giấy mỏng tẩm mỹ phẩm; kem dưỡng da không dùng cho mục đích y tế, nước sữa thơm dùng cho da (mỹ phẩm); mỹ phẩm dưỡng da; phấn sáp (mỹ phẩm); nước hoa; kem nền; son môi; gôm xịt tóc; huyết thanh dưỡng da và giữ ẩm cho da (không dùng cho mục đích y tế); thuốc chuốt mi; thuốc màu bôi móng tay/móng chân; thuốc nhuộm màu cho tóc; phấn bôi mí mắt; lông mi giả; dầu cây oải hương; chế phẩm (nước hoa) dạng phun; kem đánh răng; nước súc miệng, không dùng cho mục đích y tế; nước xịt làm cho hơi thở thơm mát.

(111) **4-0098464**
(210) 4-2006-09159
(181) 13.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AAC

(151) 28.03.2008
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
230 A Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

Nhóm 35: Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc kích thích tăng trưởng cây trồng, thuốc diệt cỏ, giống cây, giống con, vật tư nông nghiệp, máy móc, thiết bị phục vụ ngành nông nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại), lương thực, thực phẩm, hàng nông sản.

(111) **4-0098465**
(210) 4-2006-07436
(181) 15.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

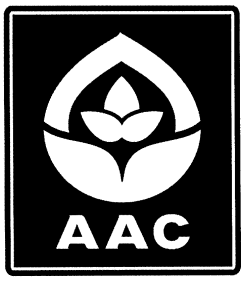

(151) 28.03.2008
(220) 15.05.2006

(531) 26.4.2; 5.5.16; A5.3.15
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
230 A Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất.

---

(111) **4-0098466**
(210) 4-2006-20849
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

YAMAKU

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRỤC CHÀ LÚA TÂN LÚA VÀNG (VN)
C24 đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Trục chà lúa bằng cao su dùng cho máy xay xát lúa gạo.

---

(111) **4-0098467**
(210) 4-2006-20850
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.4.4
(591) Xanh dương, trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HÙNG PHÁT (VN)
582 đường 3/2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị tin học, thiết bị viễn thông, thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử tự động, thiết bị quan sát, linh kiện điện tử, vật tư bưu điện, thiết bị chống trộm, thiết bị chống đột nhập, thiết bị báo động, hệ thống chống sét, thiết bị thông tin hàng hải, máy bộ đàm, hệ thống kiểm sát bằng thẻ từ, thiết bị chấm công, mua bán thiết bị truyền cáp và vô tuyến, thiết bị thu hình bằng vệ tinh, ăng ten hình lòng chảo (parapol), mua bán thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống âm thanh, loa, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống điện tử, mua bán thiết bị điện máy, thiết bị điện lạnh, thiết bị điện gia dụng, hệ thống điều hòa không khí, mua bán phần mềm tin học.

---

(111) **4-0098468**
(210) 4-2006-20860
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) 2.9.14; A5.1.5; 1.5.1; A1.5.2; 24.15.1
(591) Xanh dương, xanh lá cây, vàng cam, vàng, hồng, tím, nâu, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRÁI ĐẤT XANH TƯƠI (VN)
83/1/14 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 31: Hạt giống; rau quả tươi; cây (thực vật) tươi; cây cảnh tươi; cây giống tươi; cỏ tươi.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc cây xanh và cây cảnh; nghề làm vườn; dịch vụ làm vườn hoa cây cảnh; dịch vụ chăm sóc vườn ươm cây.

---

(111) **4-0098469**
(210) 4-2006-20880
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ESKAFOLVIT

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098470**
(210) 4-2006-20881
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ESKAFOXIM

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098471**
(210) 4-2006-20882
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAPANUTRIMIN

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098472**
(210) 4-2006-20883
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ESKAXIM-POWDER

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG PHÚC (VN)
139 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098473**
(210) 4-2006-20901
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MITSUDIGI

(151) 28.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) A26.11.12
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG CHÂU LÂM MÍTSU DIGÌ (VN)
37 đường số 4, khu dân cư Bình Phú, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Cầu dao tự động, cầu dao an toàn chống giật, công tắc điện, cầu chì.

---

(111) **4-0098474**
(210) 4-2005-08794
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LacdiB-Complex

(151) 28.03.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO.LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098475**
(210) 4-2005-08795
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Lacdi

(151) 28.03.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO.LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098476**
(210) 4-2005-08796
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LacdiVit

(151) 28.03.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO.LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098477**
(210) 4-2005-08797
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LacdiNeuro

(151) 28.03.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO.LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098478**
(210) 4-2005-17215
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAMDHARI SEEDS

(151) 28.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) 5.3.16
(591) Đen, xanh lá cây
(731) NAMDHARI SEEDS (IN)
Uragahalli, Bidadi- 562 109, Bangalore, Karnataka, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Hạt giống.

---

(111) **4-0098479**
(210) 4-2005-17216
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.1; 5.3.16
(591) Đen, trắng, xanh lá cây
(731) NAMDHARI SEEDS (IN)
Uragahalli, Bidadi- 562 109, Bangalore, Karnataka, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Hạt giống.

---

(111) **4-0098480**
(210) 4-2006-17648
(181) 20.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

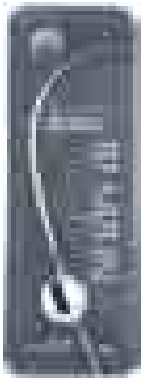

(151) 28.03.2008
(220) 20.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; A26.11.12; 1.5.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI NHÂN LỘC (VN)
50 Ký Hòa, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0098481**
(210) 4-2006-21543
(181) 08.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ NGOẠI NGỮ DƯƠNG MINH (VN)
132 A,B,C,D Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dạy ngoại ngữ.

---

(111) **4-0098482**
(210) 4-2005-06541
(181) 03.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

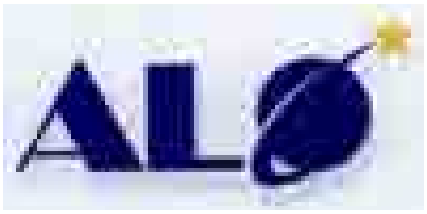

(151) 28.03.2008
(220) 03.06.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1
(591) Vàng, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ À LÔ (VN)
34 Nguyễn Cư Trinh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo trên internet; thông tin về thương mại trên internet; mua bán hàng hoá trên internet; giới thiệu sản phẩm trên internet.

---

(111) **4-0098483**
(210) 4-2006-21164
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 04.12.2006

(531) A5.11.13; 26.1.1; A26.11.12; 26.4.1; 5.1.19
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MẠNH DŨNG (VN)
Số nhà 83, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống, cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0098484**
(210) 4-2006-21384
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SINTOKIN

(151) 28.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098485**
(210) 4-2006-21385
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CALJODIN

(151) 28.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098486**
(210) 4-2006-21386
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUNTAB

(151) 28.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098487**
(210) 4-2007-03396
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 28.02.2007

(531) 2.9.1; 16.1.14
(591) Đen, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIETNAMNET CỘNG (VN)
Số 04 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống phim trực tuyến có thể tải xuống; thiệp điện tử có thể tải xuống; hình ảnh cho điện thoại di động có thể tải xuống; âm nhạc trực tuyến có thể tải xuống; nhạc chuông cho điện thoại di động có thể tải xuống.

Nhóm 16: Sách; báo; sổ tay; bản in; ấn phẩm; tạp chí.

Nhóm 38: Phát chương trình truyền hình; phát chương trình truyền thanh; dịch vụ truyền thông tin và dữ liệu qua mạng thông tin di động đến người sử dụng điện thoại di động; thư điện tử; truyền tin và hình ảnh bằng máy tính; thông tin bằng máy tính điện tử; truyền hình cáp.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; thông tin về giải trí; cung cấp các xuất bản phẩm điện tử trực tuyến không thể tải xuống; cung cấp các bản nhạc qua mạng Internet; dịch vụ xổ số; tổ chức các trò chơi trúng thưởng qua Internet, điện thoại di động, báo chí, truyền hình, dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; tổ chức cuộc thi về giáo dục hoặc giải trí; sản xuất phim.

---

(111) **4-0098488**
(210) 4-2004-12137
(181) 04.11.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 04.11.2004

(531) 24.9.1; 5.13.4; 26.4.2; 17.3.1
(591) Xanh da trời, đỏ, vàng, nhũ vàng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÂY NGUYÊN (TAYNGUYEN JOINT STOCK COMPANY) (VN)
Số 28, ngõ481/69, đường Ngọc Lâm, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0098489**
(210) 4-2005-06218
(181) 27.05.2015
(300) 4395048 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 40: Xử lý gia công vải; đóng sách; thổi thuỷ tinh (thổi một luồng không khí vào thuỷ tinh đã nấu chảy); tạo khung cho tác phẩm nghệ thuật; xử lý chè, may quần áo, dịch vụ in ấn; làm sạch không khí; khử nhiễm cho các vật liệu nguy hại, in litô; xử lí nước; gia công kim loại; gia công gỗ; gia công đồ gốm; gia công hoàn thiện sản phẩm, chạm trổ; cho thuê máy phát điện; xử lý nguyên liệu làm thuốc; xử lý nhiên liệu, xử lý hoá chất làm thuốc khử; dịch vụ của kỹ thuật viên nha khoa; sản xuất ra năng lượng.

---

(111) **4-0098490**
(210) 4-2005-06221
(181) 27.05.2015
(300) 4395059 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; quán cà phê; quán rượu; nhà dưỡng lão; quán trà; cho thuê phòng họp; cho thuê quầy hàng; cho thuê ghế, bàn, khăn trải bàn, dụng cụ để uống nước; nhà trẻ; chỗ trọ cho động vật.

---

(111) **4-0098491**
(210) 4-2005-06222
(181) 27.05.2015
(300) 4395057 03.12.2004 CN
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 27.05.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) BUREAU OF SHANGHAI WORLD EXPO COORDINATION (CN)
7th Floor, Dome Hall, Shanghai Exhibition Center, 1000 Middle Yan'an Road, Shanghai 200040, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 45: Tư vấn về an ninh; theo dõi trộm cắp và phát chuông báo động; hộ tống; dịch vụ nhận nuôi con; cho thuê quần áo; dịch vụ lễ tang; mở khoá an toàn; dịch vụ của hãng môi giới hôn nhân; dịch vụ cứu hoả; tổ chức các cuộc họp tôn giáo.

(111) **4-0098492**
(210) 4-2005-12192
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

THANH HIỆP LỢI

(151) 28.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) GUANGDONG YASHILI CO., LTD. (GROUP) (CN)
Yashili Industrial City, Chaoan Avenue, Chaozhou City, Guangdong Province, the People's Republic of China
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Nước xức tóc; nước thơm dùng trong tắm rửa; mỹ phẩm; chế phẩm để làm sạch; nước có hương thơm dùng để bôi da; khăn giấy có tẩm nước thơm; nước hoa; xà phòng vệ sinh; nước súc miệng không dùng cho mục đích y tế; hoa khô có hương thơm dùng để tạo mùi thơm; hương liệu dùng cho đồ uống (tinh dầu); dầu tắm dùng cho vật nuôi; nước tẩy javel; xi dùng để đánh ván sàn; bột mài.

Nhóm 05: Chế phẩm vitamin; nước khoáng dùng cho mục đích y tế; chế phẩm làm tươi mát không khí; khăn giấy tiệt trùng dùng cho mục đích y tế; sữa ong chúa dùng cho mục đích y tế; bột dùng cho mục đích sản xuất dược phẩm; sữa bột nhân tạo dùng cho trẻ em; thức ăn dùng cho trẻ em; bột giống như sữa dùng cho trẻ em; đồ uống dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; bột gạo có bổ sung dinh dưỡng dùng cho trẻ em (thức ăn cho trẻ em), khăn lau vệ sinh dùng cho mục đích y tế; keo dùng cho răng giả; chế phẩm để tắm rửa dùng cho mục đích thú y; thuốc trừ sâu.

Nhóm 29: Thịt được bảo quản; quả đóng hộp; quả được bảo quản; rau được bảo quản; bơ quả hạch có thêm sôcôla; đồ uống trên cơ sở sữa (sữa là chủ yếu); sữa; sữa bột; mỡ ăn; quả hạch đã được chế biến dùng làm thức ăn; sa lát trái cây, thạch dùng làm thức ăn; nấm khô dùng làm thức ăn; đậu phụ; thạch lấy từ bong bóng cá dùng làm thức ăn; trái cây đã được chế biến dạng lát mỏng.

Nhóm 30: Bột dùng làm thức ăn; hạt yến mạch mảnh; bột đậu; bột đậu xay thô; bột đậu có trộn thêm sữa bột (bột đậu là chủ yếu); đồ uống trên cơ sở sôcôla có thêm sữa; chè; đường phèn dùng cho thực phẩm; keo ong dùng làm thực phẩm cho người; mỳ ăn liền; nước sốt gia vị (trừ nước sốt dùng cho xà lách); viên kẹo có chứa sữa (đường phèn là chủ yếu); hỗn hợp bột với yến mạch và hoa quả dùng để ăn điểm tâm (muesli); bột gạo; đồ uống trên cơ sở cà phê; chè nấu từ hỗn hợp các hạt đậu, hạt sen, nấm và bột; tinh bột dùng để ăn; kem lạnh; muối dùng để bảo quản thực phẩm; chế phẩm có hương thơm dùng cho thực phẩm; bi- cac-bô-nat na-tri dùng làm bột nở đùng cho thực phẩm; nước sốt cà chua.

Nhóm 32: Bia; nước dùng để uống (đồ uống); nước khoáng (đồ uống); đồ uống không cồn làm từ nước ép trái cây; nước ép trái cây; đồ uống không cồn làm từ trái cây (non-alcoholic fruit neetars), sữa đậu nành (đồ uống), chế phẩm dùng để làm đồ uống; bột trái cây dùng chế biến đồ uống.

Nhóm 33: Rượu làm từ chất chiết hoa quả (rượu); rượu arac (nấu bằng gạo hoặc mía); đồ uống pha bằng rượu mạnh với nước hoa quả (cốc tai); rượu vang; rượu mạnh (đồ uổng); rượu nấu từ gạo, đồ uống có cồn trừ bia; đồ uống có cồn có thêm trái cây; rượu vang vàng; rượu dùng để nấu ăn.

---

(111) **4-0098493**
(210) 4-2005-12866
(181) 03.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PROPOFEN

(151) 28.03.2008
(220) 03.10.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW5 - ĐÀ NẴNG (VN)
Số 253, dũng Sĩ Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098494**
(210) 4-2005-13127
(181) 06.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 06.10.2005

(531) A26.11.12; 3.7.17
(591) Ghi, trắng, đen, vàng, xanh nước biển
(731) KUBOTA CORPORATION (JP)
47-go, 2-ban, 1-chome, Shikitsuhigashi, Naniwa-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy cày (máy móc dùng trong nông nghiệp), máy cày chạy bằng dầu điêzel (máy móc), máy xới đất và diệt cỏ dại, máy gặt bó (reaper and binder), máy trồng lúa, máy gieo hạt, máy gặt (harvester), máy cắt cỏ, máy gặt (reaper), máy xúc, máy đập lúa, máy cắt, máy đào, máy nghiền, máy phát điện, máy hàn chạy bằng điện, máy cày, máy gặt đập, máy cấy hay ghép thực vật, máy phun; động cơ (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); bộ phận của động cơ, cụ thể là, vòng găng của pít tông, vòng đệm chặn dầu hay phớt dầu, van nạp, ống lót xi lanh, cơ cấu giảm chấn bằng cao su, van xả, vòng đệm kim loại lắp vào ổ quay ở đầu to của thanh truyền, thanh truyền hoặc thanh nối, bộ lọc nhiên liệu, tấm đệm hay lót, đệm lót, phần đầu của xi lanh hay nắp qui lát, pít tông, trục khuỷu, bộ lọc dầu, bộ phận làm sạch không khí, bơm nước, hộp trục khuỷu hay các-te, bánh đà, hộp số, vòng đệm hình O, bơm dầu; bộ phận của máy, cụ thể là, cầu dao (công tắc) khởi động động cơ cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, cầu dao an toàn cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, đai chữ V (hình thang) cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, thiết bị điều khiển cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, cầu dao chính cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, đèn phát sáng cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, bộ khớp nối cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, vòng bi cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, lưỡi cắt và lưỡi đỡ cho máy gặt đập liên hợp, đồng hồ đo cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, bộ phận tránh chướng ngại vật cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, cầu dao tổ hợp cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, bộ cảm biến cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, pít tông thuỷ lực cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ, đèn dùng khi làm đêm cho máy nông nghiệp, máy xây dựng và máy cắt cỏ.

Nhóm 09: Bộ đồng hồ cho xe cộ.

Nhóm 11: Đèn phát sáng cho xe cộ.

Nhóm 12: Động cơ cho phương tiện giao thông trên bộ; xe kéo; phương tiện chuyên chở tự hành; xe mô tô vận hành bằng điện; phương tiện đi lại dùng trong xây dựng; xe xếp hàng có bánh xe; bộ phận của xe cộ, cụ thể là, cầu dao (công tắc) khởi động động cơ cho xe cộ, cầu dao an toàn cho xe cộ, đai chữ V cho xe cộ, thiết bị điều khiển cho xe cộ, cầu dao chính cho xe cộ, bộ khớp nối cho xe cộ, vòng bi cho xe cộ, bộ phận tránh chướng ngại vật cho xe cộ, cầu dao tổ hợp cho xe cộ, bộ cảm biến khi đi đường cho xe cộ, và bộ xích lăn cho xe cộ.

(111) **4-0098495**
(210) 4-2005-13553
(181) 14.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZARIFLO

(151) 28.03.2008
(220) 14.10.2005

(731) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB) 980 Great West Road, Brentford, Middlesex, TW8 9GS, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; dược chất; chất dùng làm thuốc; chế phẩm thuốc.

---

(111) **4-0098496**
(210) 4-2005-13554
(181) 14.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 14.10.2005

(531) A26.11.12
(591) Trắng, đen, đen nhạt
(731) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB) 980 Great West Road, Brentford, Middlesex, TW8 9GS, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; dược chất; chất dùng làm thuốc; chế phẩm thuốc.

---

(111) **4-0098497**
(210) 4-2007-01445
(181) 22.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 28.03.2008
(220) 22.01.2007

(531) 26.1.2; 26.3.23; A26.11.13
(731) LÊ VĂN MƯỜI (VN)
36 Đinh Tiên Hoàng, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua, bán linh kiện, phụ tùng ô tô, xe máy, xăng dầu chất đốt.

Nhóm 37: Bảo trì bảo dưỡng ô tô, xe máy; dịch vụ xây dựng.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng [cung cấp đồ ăn, đồ uống tại chỗ do nhà hàng thực hiện]; khách sạn.

---

(111) **4-0098498**
(210) 4-2007-02117
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KUMWELL

(151) 28.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) K.M.L TECHNOLOGY COMPANY LIMITED (TH)
100/3 Thesabansongkrow Road, Lardyao, Jatujak, Bangkok 10990, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Hệ thống bảo vệ nối đất và chống sét; hệ thống bảo vệ bằng catốt; thiết bị liên kết hàn tạo ra dòng điện không có răng cưa để báo tín hiệu qua đường ray xe lửa, tất cả các hệ thống và thiết bị trên Ià thiết bị điện.

---

(111) **4-0098499**
(210) 4-2007-02239
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MYOMUNE

(151) 28.03.2008
(220) 31.01.2007

(731) MEGA LIFESCIENCES LTD. (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098500**
(210) 4-2007-03394
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

REBOZET

(151) 28.03.2008
(220) 28.02.2007

(731) GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 0NN, England, United Kingdom
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược, dược chất, thuốc, chế phẩm thuốc; vắc-xin.

---

(111) **4-0098501**
(210) 4-2005-12162
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng; chất để giặt; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng, nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm; thuốc đánh răng; chế phẩm vệ sinh và chăm sóc cá nhân (mỹ phẩm); nước thơm cho tóc, dầu gội đầu; dầu xả; keo vuốt tóc; kem nhuộm tóc; dầu xả da đầu; kem làm sạch da; kem dùng cho mặt, tay, và toàn thân; nước thơm dùng cho mặt, tay, và toàn thân; kem giữ ẩm dùng cho mặt, tay, và toàn thân; dầu tắm; phấn dùng sau khi tắm; phấn dùng cho cơ thể; bột tan dùng làm mịn và khô da; nước có hương thơm để vệ sinh; nước hoa co-lô-nhơ; mỹ phẩm dùng sau khi cạo râu; kem và bọt dùng để cạo râu; chế phẩm làm sạch mặt; mặt nạ mỹ phẩm trang điểm; xà phòng bánh, xà phòng dạng lỏng; xà phòng dùng cho da; chế phẩm (làm sạch) dùng cho nước tắm sủi bọt và thơm; mỹ phẩm trang điểm lông my; son môi; kem bôi môi cho bóng; mỹ phẩm trang điểm mí mắt; phấn hồng trang điểm; sáp môi; mỹ phẩm tạo quầng mắt; bút chì kẻ lông mày; mỹ phẩm đánh bóng móng tay, móng chân; mỹ phẩm làm cứng móng tay, móng chân.

---

(111) **4-0098502**
(210) 4-2006-20170
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHARMATADIN

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098503**
(210) 4-2006-20171
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHARROXIM

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098504**
(210) 4-2006-20172
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHARMACEFTRI

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098505**
(210) 4-2006-20173
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANCLOD

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098506**
(210) 4-2006-20174
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANCLOD PLUS

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098507**
(210) 4-2006-20176
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHARMADRONATE

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098508**
(210) 4-2006-20177
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AZYTHRONAT

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098509**
(210) 4-2006-20178
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHARMACLOFEN

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0098510**
(210) 4-2006-20191
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ACETCO

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098511**
(210) 4-2006-20192
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TROBENIDE

(151) 31.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PHARMASCIENCE INC. (CA)
6111 av.Royalmount Ave., Bur./ Suite 100, Montreal (Quebec) H4P 2T4, Canada
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098512**
(210) 4-2006-20480
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OP.CIODASE

(151) 31.03.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098513**
(210) 4-2006-20482
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OP.CIOX

(151) 31.03.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098514**
(210) 4-2006-19843
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SMKIMAX-F

(151) 31.03.2008
(220) 16.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098515**
(210) 4-2006-19844
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SMCOLINE

(151) 31.03.2008
(220) 16.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098516**
(210) 4-2006-19845
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ESMONPLUS

(151) 31.03.2008
(220) 16.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098517**
(210) 4-2006-19404
(181) 10.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZENTOCOX

(151) 31.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I (VN)
356 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098518**
(210) 4-2006-19406
(181) 10.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BODYZINC

(151) 31.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I (VN)
356 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098519**
(210) 4-2005-17288
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Férrelon

(151) 31.03.2008
(220) 19.12.2005

(531) 5.5.16; A5.5.21; 3.4.13; 3.4.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHỞI THĂNG (VN)
Số 1 đường 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm như: kem dưỡng da, sửa rửa mặt, nước hoa hồng, kem chống nắng, kem làm tan mỡ bụng, kem làm săn chắc ngực.

---

(111) **4-0098520**
(210) 4-2005-17291
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 19.12.2005

(531) 2.9.10; 10.5.1
(591) Trắng, đỏ, tím, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH NHA KHOA 3-2 (VN)
74 đường 3-2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chuyên khoa răng, hàm, mặt.

---

(111) **4-0098521**
(210) 4-2006-17242
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PIREXAM

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098522**
(210) 4-2006-17244
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LORAPA

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098523**
(210) 4-2006-20483
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OP.CATIL 50

(151) 31.03.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098524**
(210) 4-2006-20781
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Kistick

(151) 31.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098525**
(210) 4-2006-20782
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Kistix

(151) 31.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098526**
(210) 4-2006-20783
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Kisstick

(151) 31.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098527**
(210) 4-2006-20784
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Kisstix

(151) 31.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098528**
(210) 4-2006-20785
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Frenstix

(151) 31.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098529**
(210) 4-2006-20788
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SeaZungle

(151) 31.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098530**
(210) 4-2006-18387
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Đỏ mận chín, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ MÁY TÍNH V.E.N.R (VN)
346 Lý Thái Tổ, phường 1, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Màn hình vi tính; máy vi tính; màn hình tivi; máy fax modem; đĩa CD-rom; bàn phím máy vi tính.

---

(111) **4-0098531**
(210) 4-2006-18547
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 31.10.2006

(531) 3.1.6; 3.1.16
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỆT HỒNG (VN)
Số 3C, phố Vọng Đức, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Mực in.

---

(111) **4-0098532**
(210) 4-2006-19402
(181) 10.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

APBE

(151) 31.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098533**
(210) 4-2006-20593
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 24.11.2006

(531) A17.2.2; 26.3.23; A26.11.12
(591) Hồng cánh sen, hồng, hồng nhạt, trắng.
(731) CÔNG TY TNHH SẮC ĐẸP VIỆT (VN)
Số 28/21 Lữ Gia, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán mỹ phẩm; mua bán quần áo, giầy dép, mũ, kính, túi; mua bán hoa tươi và hoa khô; mua bán đồ nữ trang và trang sức; dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 39: Dịch vụ điện hoa toàn cầu.

Nhóm 44: Dịch vụ trang điểm.

Nhóm 45: Cho thuê quần áo cưới.

---

(111) **4-0098534**
(210) 4-2006-20687
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHAN MINH

(151) 31.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHAN MINH (VN)
122 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược liệu; đông nam dược.

Nhóm 35: Mua bán hàng nông sản, nông sản chế biến.

---

(111) **4-0098535**
(210) 4-2006-20843
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.11.2006

(591) Nâu, đồng
(731) NGUYỄN THỊ MINH CHÂU (VN)
521 Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu hoa quả.

---

(111) **4-0098536**
(210) 4-2006-20847
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

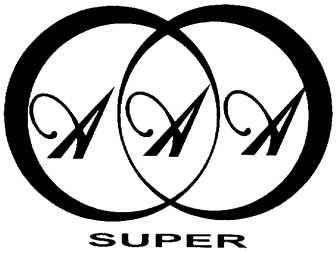

(151) 31.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.1.4; 26.1.6
(731) CÔNG TY TNHH TRỤC CHÀ LÚA TÂN LÚA VÀNG (VN)
C24 đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Trục chà lúa bằng cao su dùng cho máy xay xát lúa gạo.

---

(111) **4-0098537**
(210) 4-2007-00955
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

STAR SPORT

(151) 31.03.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0098538**
(210) 4-2007-02624
(181) 06.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 06.02.2007

(531) 26.1.1
(591) Xanh lơ nhạt, xanh da trời, xanh tím, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC THIỆN (VN)
Số 269 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; quán bar (quán rượu); quán cà phê.

---

(111) **4-0098539**
(210) 4-2007-02625
(181) 06.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 06.02.2007

(531) A26.11.13; 26.4.4; 26.13.25
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH VĨNH THUẬN (VN)
Phường Trà Cổ, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Khai thác sân gôn (golf).

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; nhà nghỉ; quán bar; quán cà phê.

---

(111) **4-0098540**
(210) 4-2007-03962
(181) 08.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

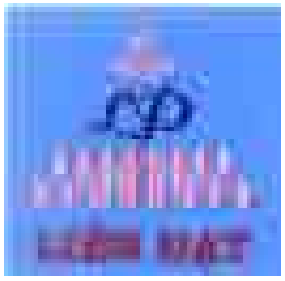

(151) 31.03.2008
(220) 08.03.2007

(531) 26.11.3; A26.11.9; 26.3.1
(591) Ghi sáng, xanh da trời, đỏ, xanh tím, hồng
(731) LÊ THỊ MINH (VN)
Số 284 Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua, bán hàng hoá cụ thể: quần áo, tã lót, bỉm, dụng cụ, đồ dùng, đồ thực phẩm ăn, đồ thực phẩm uống phục vụ cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; đại lý mua, đại lý bán hàng hoá dân dụng tiêu dùng cụ thể: quần áo, đồ dùng, lương thực thực phẩm phục vụ sinh hoạt hàng ngày; kinh doanh xuất, nhập khẩu các mặt hàng liệt kê ở hai dịch vụ trên.

---

(111) **4-0098541**
(210) 4-2006-18180
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.4.2; A26.5.6; 7.1.5
(591) Đỏ, xanh lục, nâu, trắng
(731) CƠ SỞ THIÊN MINH (VN)
383/1 D2 Trịnh Đình Trọng, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo, kẹo mè xửng.

---

(111) **4-0098542**
(210) 4-2007-02754
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 07.02.2007

(531) 5.1.1; 24.15.1; 6.1.2; 7.1.24
(591) Xanh lá cây, cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG ĐỨC (VN)
Số 1 Phan Chu Trinh, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 36: Cho thuê nhà; cho thuê văn phòng làm việc; cho thuê cửa hàng; cho thuê căn hộ; mua bán nhà.

---

(111) **4-0098543**
(210) 4-2006-00183
(181) 05.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TYVERB

(151) 31.03.2008
(220) 05.01.2006

(731) SMITHKLINE BEECHAM (CORK) LIMITED (IE)
Currabinny, Carrigaline, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc dùng để ngăn ngừa hoặc điều trị bệnh ung thư.

---

(111) **4-0098544**
(210) 4-2006-03760
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THIÊN TRƯỜNG

(151) 31.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NAM SƠN (VN)
297 Vị Xuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 30: Kẹo lạc, kẹo vừng, bánh nhãn.

---

(111) **4-0098545**
(210) 4-2006-20885
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THECLAXIM

(151) 31.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098546**
(210) 4-2006-20887
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEWSUSPTINE

(151) 31.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098547**
(210) 4-2006-20888
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THESMILE

(151) 31.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098548**
(210) 4-2006-21850
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 13.12.2006

(531) 26.1.1; 1.15.23
(591) Vàng, đen, xanh lá cây, nâu, xanh nhạt
(731) 1. PHAN THỊ HẠNH (VN)
Số 3, U2, Cảng II, phường Lê Lợi, thành phố Hải Phòng
2. VŨ DUY HẢI (VN)
116 Lý Thường Kiệt, Hải Phòng

(511) Nhóm 25: Ca vát (trang phục).

---

(111) **4-0098549**
(210) 4-2006-22125
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VITATRUM-HOÀN THIỆN TỪ A ĐẾN Z

(151) 31.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0098550**
(210) 4-2006-22756
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

tomas

(151) 31.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DŨNG THUỶ (VN)
P1-B3 khu tập thể Kim liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Mắc quần áo.

---

(111) **4-0098551**
(210) 4-2006-22804
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) FU TONG FOOD ENTERPRISE CO., LTD. (TW)
No. 37, Lane 439, Chuan Shun St., Shui Chuan Vill., Wantan Hsiang, Pingtung Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Thịt; xúc xích; thịt bảo quản; patê cá; thịt giăm bông; thịt làm xúc xích nóng; thịt gà; thịt gà cuộn; món thịt gà cốtlet; cánh gà; chân gà; thịt thái lát; món thịt cốtlet; sợi thịt sấy khô; sườn sấy khô; thịt ngỗng; cá ngừ khô; cá ngừ đóng hộp; súp ngô.

Nhóm 30: Bánh bao rán; bánh củ cải hấp; bánh hămbơgơ; bánh nướng nhồi; bánh bao nhân nho hấp; bánh bao; bánh kếp nhân hành xanh kiểu Trung Quốc.

---

(111) **4-0098552**
(210) 4-2005-11261
(181) 01.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 01.09.2005

(531) A1.1.10; 7.3.11; 26.11.2
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ATAD (VN)
Số 595, ấp Bình Hữu II, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Sản phẩm cơ khí dùng trong xây dựng như khung nhà tiền chế, giàn giáo, xà gồ.

Nhóm 35: Dịch vụ thương mại bao gồm việc hỗ trợ xúc tiến bán hàng và mở rộng đại lý tiêu thụ; mua bán, đại lý ký gởi hàng hóa liên quan đến sản phẩm vật liệu xây dựng, thiết bị, máy móc công nông nghiệp.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, cầu cảng, san lấp mặt bằng.

Nhóm 39: Cho thuê kho.

---

(111) **4-0098553**
(210) 4-2005-15431
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 16.11.2005

(531) 26.4.3; A26.11.8
(591) Đỏ, xanh tím, xanh lá cây, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LÝ THỜI (VN)
Số 392A, đường ấp Bắc, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 20: Khung võng; khung nôi; khung xích đu; khung giường; khung bàn; khung ghế.

---

(111) **4-0098554**
(210) 4-2006-00265
(181) 06.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 06.01.2006

(531) 26.1.1; 4.5.2; 4.5.3; 24.17.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XINH VIỆT NAM (VN)
Phòng 1206, nhà CT5 - ĐN2, khu đô thị mới Mỹ Đình 2, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại gồm: cung cấp thông tin quảng cáo, thông tin thương mại về sản phẩm, giá cả bằng máy tính điện tử, bằng điện thoại và qua mạng internet; môi giới quảng cáo, môi giới tuyển chọn lao động và cung cấp nhân sự; tư vấn các vấn đề về nhân sự; mua bán các thiết bị máy móc điện tử và bán hàng qua mạng internet; đại lý mua bán ký gửi: hàng hoá, đồ dùng cá nhân, đồ dùng gia đình, đồ dùng văn phòng; siêu thị; xuất nhập khẩu hàng hoá.

Nhóm 39: Vận chuyển hành khách; vận tải hàng hoá; lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay.

Nhóm 45: Dịch vụ tư vấn kết bạn.

---

(111) **4-0098555**
(210) 4-2006-00266
(181) 06.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 06.01.2006

(531) 26.1.2; 6.1.2; A5.11.11
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh ngọc, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NƯỚC KHOÁNG ĐẠI TÂY DƯƠNG (VN)
5.18 lô B5 chung cư phường 3, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng đóng chai.

---

(111) **4-0098556**
(210) 4-2006-11264
(181) 18.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

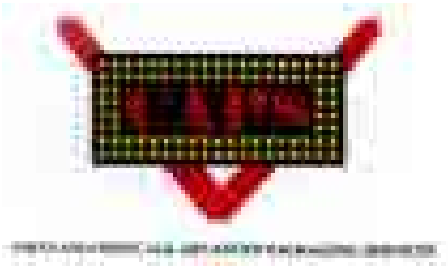

(151) 31.03.2008
(220) 18.07.2006

(531) A25.7.3; A25.7.7; 26.3.23; 26.4.2; 26.4.9; 3.7.17
(591) Đen, đỏ, vàng
(731) V-CAPS FOR VIETNAM-CHIPSCALE ADVANCED PACKAGING SERVICES (US)
3878 Jackson Street, San Francisco, CA 94118, United States of America
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Chất bán dẫn; con chip cho thiết bị điện tử.

Nhóm 35: Quảng cáo.

Nhóm 40: Xử lý vật liệu.

Nhóm 42: Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ về công nghệ liên quan đến chất bán dẫn và con chíp cho thiết bị điện tử.

---

(111) **4-0098557**
(210) 4-2006-17269
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) A2.3.2; 2.1.1; A2.1.16; 2.7.1; A11.3.2
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH TÍCH Ý (VN)
240 Quan Nhân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán rượu và đồ giải khát không do nhà hàng thực hiện; xuất nhập khẩu rượu và đồ giải khát.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0098558**
(210) 4-2006-21089
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KẾT NỐI SỰ THỊNH VƯỢNG
CONNECTING PROSPERITY

(151) 31.03.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP (VN)
Số 157, ngõ 118, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Tư vấn đầu tư; tư vấn quản lý doanh nghiệp; mua bán xăng dầu, khí hoá lỏng và các sản phẩm của chúng; mua bán các loại xe ô tô, xe gắn máy; mua bán các sản phẩm thời trang, quần áo, giày dép, mũ nón.

Nhóm 36: Tư vấn tài chính; tư vấn bất động sản; môi giới bất động sản; kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, các công trình ngầm và công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu dân cư, đô thị và công nghiệp; sửa chữa, bảo hành các loại xe ô tô, xe gắn máy.

Nhóm 39: Chiết nạp xăng dầu, khí hoá lỏng và các sản phẩm của chúng.

Nhóm 42: Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng; thiết kế kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình xây dựng, công nghiệp.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng; kinh doanh khách sạn.

(111) **4-0098559**
(210) 4-2006-22847
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) 26.1.2
(731) ASICS CORPORATION (JP)
1-1 Minatojima-Nakamachi 7-chome, Chuo-ku, Kobe City, Hyogo Prefecture, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi thể thao; túi đeo hông; túi đeo vai; túi dạng kẹp nách; túi đi chợ; túi xách tay; túi len; xắc xách tay; túi du lịch; túi đựng đồ giặt là; túi giầy; túi đeo sau lưng; ba lô; rương; cặp đựng tài liệu; cặp da đựng tài liệu; va ly; hòm; túi có bánh xe; túi da nhỏ; ví nữ; ví nam; dù; ô; gậy đi bộ.

Nhóm 25: Giầy thể thao; giầy đi núi; giầy lao động; ủng cao su; ủng cao cổ; ủng đi trên tuyết; giầy; dép đế trong; áo sơ mi; quần đùi; áo ghi-lê; áo len dài tay; áo khoác; quần áo lót; quần bơi và áo choàng khi đi bơi; quần áo thể thao; găng tay (là trang phục); tất; đồ đội đầu; mũ dùng khi tắm; cổ tay áo; dây lưng (là trang phục).

Nhóm 28: Dụng cụ thể dục và thể thao; gậy dùng trong đi săn; vợt dùng trong trò chơi; gậy dùng trong trò chơi; bóng dùng trong trò chơi; găng tay dùng trong trò chơi; hộp và túi đựng gậy chơi gôn sân đất, gậy chơi gôn sân cỏ và gậy đánh bóng chày, vợt và bóng; vật dụng dùng với trang phục thể thao bảo vệ đầu, mặt, ngực, hông, vai, khuỷu tay, cổ tay, ngón tay, chân, đầu gối và mắt cá chân khi chơi thể thao (thuộc nhóm này); lưới dùng trong thể thao; dây dùng trong thể thao; dây đeo dùng trong thể thao; máy móc và thiết bị dùng để rèn luyện thân thể; túi đựng dụng cụ trượt tuyết; dụng cụ trượt tuyết; dây buộc khi trượt tuyết; sáp dùng cho dụng cụ trượt tuyết; dây để chơi nhẩy dây; băng bảo vệ chơi điền kinh (không chứa dược phẩm); trò chơi (thuộc nhóm này) và đồ chơi.

(111) **4-0098560**
(210) 4-2005-10674
(181) 22.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 22.08.2005

(531) 1.5.24; A26.11.8; 3.9.16; A1.1.2; 3.9.17; 26.4.2; 26.1.1
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh dương, xanh dương nhạt, xanh rêu, xanh da trời, da cam đậm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thủy sản; thuốc bổ cho thủy sản; thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho thủy sản.

(111) **4-0098561**
(210) 4-2005-11987
(181) 15.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 15.09.2005

(531) 26.1.1; A1.1.9; 15.9.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH (VN)
Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Đồng thanh; dây nhôm.

Nhóm 07: Máy phát điện.

Nhóm 09: Cầu dao điện; cuộn dây điện; máy biến áp; thiết bị điện hàn hồ quang; tủ phân phối điện; bộ chuyển mạch điện; công tơ; hộp nối điện; thiết bị chuyển mạch điện; máy nắn dòng điện; bảng phân phối điện; dây cáp điện; thiết bị đo; kẹp đầu dây điện; thiết bị điều khiển từ xa- tủ điện; dây cáp điện đã bọc.

Nhóm 17: Giấy cách điện, cách nhiệt; chất cách điện.

Nhóm 35: Phân phối sản phẩm; thu mua vật liệu cho đơn hàng.

Nhóm 37: Lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện; xây dựng; cho thuê máy đào xúc; lắp đặt và sửa chữa các lò.

Nhóm 39: Vận tải bằng ô tô; lưu kho hàng hoá; cho thuê kho hàng; phân phối năng lượng.

Nhóm 40: Mạ điện phân; gia công kim loại; đúc kim loại; sản xuất năng lượng.

Nhóm 41: Giải trí, tiêu khiển, tiếp đãi.

Nhóm 42: Nghiên cứu kỹ thuật; thiết kế bản vẽ kiểu dáng công nghiệp; thử nghiệm vật liệu; nghiên cứu về cơ khí; kiểm định/đo lường; kiểm tra chất lượng.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0098562**
(210) 4-2006-04850
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) 6.1.2; 26.4.4
(731) MOUNTAIN EQUIPMENT CO-OPERATIVE (CA)
149 West 4th Avenue, Vancouver, British Columbia, Canada, V5Y 4A6
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy thu thanh; thiết bị hàng hải cụ thể là: la bàn, hệ thống định vị toàn cầu, máy đo độ cao; thiết bị nổi cá nhân cụ thể là phao cứu sinh, áo cứu đắm; mũ bảo hiểm dùng cho các môn thể thao dưới nước; kính dùng cho các môn thể thao dưới nước; cái nút mũi dùng cho các môn thể thao dưới nước; ống thở (của thợ lặn); mặt nạ; chân nhái (dùng cho thợ lặn); kính dành cho vận động viên trượt tuyết; mũ bảo hiểm.

Nhóm 12: Thuyền (xuồng); mái chèo (dùng cho tàu, thuyền); xe đạp.

Nhóm 20: Túi ngủ dùng cho cắm trại.

Nhóm 22: Lều thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo dành cho nam giới, phụ nữ, trẻ em cụ thể là áo mưa, áo choàng, quần soóc, quần đùi, áo phông, quần áo thể thao, quần áo dành cho người đi xe đạp, quần áo lót; bao tay (thuộc về trang phục quần áo), áo gi lê, áo paca, áo ngoài có mũ trùm đầu, áo khoác ngoài cách nhiệt có tác dụng giữ ấm cho cơ thể cụ thể là áo choàng; mũ; đồ đi ở chân cụ thể là giầy đi bộ, giầy mùa đông, giầy dành cho người chạy bộ, xăng đan; đồ đi ở chân dùng ở dưới nước (không dành cho thợ lặn); ghệt dành cho người trượt tuyết (cái bao chân từ mắt cá đến dưới đầu gối); giầy giành cho người trượt tuyết; áo khoác ngoài cách nhiệt có tác dụng giữ ấm cho cơ thể.

Nhóm 28: Ván trượt tuyết; gậy trượt tuyết; cái kẹp ván trượt tuyết, túi đựng ván trượt tuyết; bộ yên cương dành cho người leo núi; dải dây dùng để leo núi; đá phấn để đánh dấu các điểm leo núi (dùng cho việc leo núi); túi đựng đá phấn dùng cho việc leo núi; túi đựng dây dành cho người leo núi; bao tay dùng cho người leo núi; vải làm đai dành cho người leo núi.

(111) **4-0098563**
(210) 4-2004-10947
(181) 13.10.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

VirusWall

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2004

(731) TREND MICRO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Trend Micro Incorporated) (JP)
Shinjuku MAYNDS Tower, 1-1, Yoyogi 2-Chome, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính sử dụng với các trò chơi; phần mềm chống virút của máy vi tính; phần mềm bảo mật cho máy vi tính; phần mềm máy vi tính để quản lý việc bảo mật cho máy vi tính; phần mềm máy vi tính để giảng dạy; phần mềm máy vi tính dùng cho hệ điều hành; phần mềm máy vi tính dùng cho trình duyệt Internet; phần mềm máy vi tính cho với thư điện tử; phần mềm máy vi tính dùng với các công cụ tìm kiếm; phần mềm máy vi tính để quản lý mạng máy tính; phần mềm máy vi tính để nén và xả nén dữ liệu hay tệp tin; phần mềm máy vi tính dùng với phần mềm nhóm (groupware); phần mềm máy vi tính dùng để thiết kế đồ hoạ; phần mềm máy vi tính để tạo trang chủ trên Internet; phần mềm máy vi tính để xử lý văn bản; phần mềm máy vi tính để tính toán biểu đồ; phần mềm máy vi tính để vẽ đồ thị; phần mềm máy vi tính để tạo bản trình bày (presentation - tập hợp các trang slide trong chương trình powerpoint); phần mềm máy vi tính để quản lý thông tin cá nhân; phần mềm máy vi tính để cho các templates (khuôn mẫu) và add-on (thiết bị hay linh kiện phụ trợ làm tăng khả năng hoạt động cho máy vi tính); phần mềm máy vi tính cho DTP (ấn loát văn phòng - sử dụng máy tính cá nhân tạo văn bản và hình đồ hoạ chất lượng tốt như in bằng máy in chuyên nghiệp); phần mềm máy vi tính phục vụ việc dịch thuật; phần mềm máy vi tính cho OCR (nhận dạng quang học ký tự - chuyển hình ảnh có chữ thành văn bản); phần mềm máy vi tính để nhận dạng lời nói; phần mềm máy vi tính để quản lý công việc tài chính và kế toán; phần mềm máy vi tính dùng cho việc phân tích quản lý; phần mềm máy vi tính dùng cho việc quản lý bán hàng hay quản lý doanh thu; phần mềm máy vi tính dùng cho việc quản lý hàng tồn kho, hàng trong kho hay cổ phiếu; phần mềm máy vi tính sử dụng cho các vấn đề nhân sự và lương; phần mềm máy vi tính để quản lý khách hàng; phần mềm máy vi tính để quản lý các dự án nhất định; phần mềm xử lý đường nét, hình dáng ngoài hay đề cương, cách trình bày, phác thảo; phần mềm máy vi tính để tính toán trong lĩnh vực công nghệ khoa học; phần mềm máy vi tính để phân tích số liệu thống kê; phần mềm máy vi tính để kiểm soát sản xuất; phần mềm máy vi tính dò tìm theo bản đồ hay sắp xếp các hệ thống hay các hệ thống sắp xếp hay dò tìm phần mềm máy vi tính; phần mềm máy vi tính dùng với CAD (chương trình thiết kế với sự trợ giúp của máy vi tính) và CAM (sản xuất với sự trợ giúp của máy vi tính); chương trình máy vi tính sử dụng với cơ sở dữ liệu; routers (bộ định tuyến - thiết bị mạng máy tính); máy vi tính; các thiết bị ngoại vi của máy vi tính.

Nhóm 42: Bảo trì phần mềm máy vi tính; cung cấp thông tin liên quan đến phần mềm chống virút máy vi tính; cung cấp thông tin liên quan đến virút máy vi tính, kể cả các biến thể của chúng, các đặc điểm đặc biệt, chiều hướng phát triển, ví dụ về sự xâm nhập và lây nhiễm, các phương pháp loại bỏ, các bước phòng ngừa, phương pháp xử lý virút; cung cấp phần mềm giúp máy vi tính miễn dịch với virút; cung cấp hay cho thuê các chương trình

máy vi tính khác; khôi phục dữ liệu máy vi tính đã bị mất hay hỏng một phần do virút máy vi tính; dịch vụ tư vấn về hoạt động của phần mềm trên máy vi tính và/hoặc phục hồi phần mềm bị hỏng; phân tích và điều tra về virút máy vi tính (kể cả các dịch vụ được tiến hành thông qua việc phân bố nhân lực); cung cấp thông tin liên quan đến việc phân tích và điều tra virút máy vi tính; dịch vụ tư vấn liên quan đến việc phân tích và điều tra virút máy vi tính; cài đặt phần mềm máy vi tính; cập nhật các tệp mẫu (pattern file) và các phần mềm khác để chống lại virút; theo dõi máy chủ (server) nhằm vào việc loại bỏ virút hay thực hiện các thao tác khi có virút và cung cấp các bài kiểm tra hay giám sát hay báo cáo dựa trên kết quả theo dõi (kể cả các dịch vụ được tiến hành thông qua việc phân bố nhân sự); lên kế hoạch, tạo và bảo trì chương trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn liên quan đến việc lên kế hoạch, tạo và bảo trì chương trình máy vi tính; cung cấp thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch, tạo và bảo trì chương trình máy vi tính; dịch vụ tư vấn liên quan đến việc lên kế hoạch và tạo ra các hệ thống xử lý thông tin dùng cho máy vi tính; cung cấp thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch, tạo và bảo trì các hệ thống xử lý thông tin dùng với máy vi tính; cung cấp thông tin liên quan đến lỗi phần mềm (software 'bugs') và thông tin về các phiên bản phần mềm mới; cho thuê thời gian truy cập vào cơ sở dữ liệu; cung cấp các lời khuyên, tư vấn kỹ thuật về các phương pháp vận hành hay sử dụng máy vi tính, ôtô hay bất kỳ thiết bị nào mà việc vận hành của thiết bị đó đòi hỏi trình độ chuyên môn cao và/hoặc kinh nghiệm; nghiên cứu và thử nghiệm, kiểm tra liên quan đến các chương trình máy vi tính; nghiên cứu và thử nghiệm, kiểm tra liên quan đến các máy móc và công cụ; cho thuê/cung cấp máy vi tính (kể cả bộ xử lý trung tâm, mạch điện tử trên đó có ghi chương trình máy vi tính, đĩa từ, băng từ và các thiết bị ngoại vi cho máy vi tính khác).

---

(111) **4-0098564**
(210) 4-2006-17260
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ATORCHEM

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG LONG (VN)
127 đường Quốc Bảo, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098565**
(210) 4-2007-00221
(181) 04.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 04.01.2007

(731) THOMAS C. FORD (US)
2906 Thousand Oaks Drive, Austin, Texas, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, cụ thể là, kem nền, phấn trang điểm dùng cho mặt, mỹ phẩm dùng để bôi mí mắt, phấn dùng để trang điểm, nước có hương thơm dùng để trang điểm, chế phẩm chống ra mồ hôi (đồ mỹ phẩm), nước thơm dùng trước và sau khi cạo râu, kem đánh răng; xà phòng, cụ thể là, xà phòng dùng cho tay, xà phòng dùng cho mặt, xà phòng dạng lỏng, xà phòng khử mùi, nước hoa, tinh dầu; nước thơm dùng cho tóc, cụ thể là dầu gội đầu, chế phẩm nhuộm tóc, nước thơm dạng xịt dùng cho tóc, chế phẩm tạo màu tóc, chế phẩm để uốn tóc.

Nhóm 09: Kính đeo mắt, cụ thể là mắt kính; dây dùng cho kính mắt; gọng kính mắt; hộp kính mắt; kính lúp; kính mắt thông thường (sử dụng bằng tay); kính dùng để lặn, kính mắt dùng để chống bụi; kính râm; kính áp tròng.

Nhóm 14: Đồng hồ và dụng cụ đo thời gian, cụ thể là, đồng hồ đo thời gian, đồng hồ dùng khi đi du lịch, đồng hồ đeo tay, dây đồng hồ, dây cót đồng hồ, kính dùng cho đồng hồ, đồng hồ bấm giờ, đồng hồ bấm giờ đeo tay, đồng hồ báo thức, kim dùng cho đồng hồ và đồng hồ đeo tay, hộp để đồng hồ đeo tay, hộp để đồng hồ; đồ trang sức, cụ thể là, hoa tai, nhẫn, dây chuyền, vòng tay, mặt dây chuyền, trâm gài đầu, ghim hoa cài cổ áo.

Nhóm 18: Túi đựng đồ trang điểm (không có bộ đồ trang điểm bên trong); ví để danh thiếp; ví tiền không làm bằng kim loại quí; túi dùng khi đi bãi biển; cặp để tài liệu; va li; ví để vé; ví để thẻ tín dụng; túi dùng khi đi du lịch; va li dùng để đi du lịch; ví đựng hộ chiếu; túi dùng đựng hàng; túi xách tay; hộp làm bằng da; túi dùng để bao gói làm bằng da; tấm phủ lên đồ gỗ làm bằng da; ô; lọng; gậy chống; miếng lót yên ngựa; yên ngựa; dây bằng da.

Nhóm 25: Giầy thấp; giầy ống; giầy ống buộc dây; giầy da; giầy bằng nhựa vinyl; giầy dùng đi mưa; giầy dùng đi trời giá rét; giầy dùng cho môn bóng chày; giày dùng cho môn bóng rổ; giầy dùng cho môn bóng bầu dục; giầy dùng cho môn bóng ném; giầy để chạy đua; giầy dùng cho môn khúc côn cầu; giầy dùng cho môn đánh gôn; giầy dùng cho môn quyền anh; giầy dùng khi leo núi; giầy dùng khi câu cá; giầy dùng khi lao động; dép xăng đan; dép lê; ủng cao su; giầy cao su để đi ra ngoài giầy khác; dép xăng đan dùng khi tắm; dép lê dùng khi tắm; giầy dùng khi tập thể dục; giầy buộc dây; giầy ống dùng cho môn thể thao cưỡi ngựa; quần áo (cả quần áo làm bằng vải không thấm nước và thấm nước), cụ thể là quần áo và giầy dép dùng khi tập thể dục; áo mưa; quần soóc; quần áo com lê; váy; bộ com lê để đi giao dịch; quần áo trẻ em; quần; bộ quần áo dạ hội; áo khoác ngoài; áo choàng; váy ngủ; áo vét tông; quần áo lao động; áo liền quần; quần gin; áo bò; áo gi lê bò; bộ quần áo đồng bộ; áo khoác ngoài dài ấm mặc ra ngoài áo khác; váy hai mảnh; áo paca (áo bằng da có mũ trùm đầu của người Etskimo); áo sơ mi; quần áo lót; quần lót; áo lót;

mũ dùng khi tắm; quần áo bơi; quần bơi; áo lót phụ nữ; áo len tay dài; áo sơ mi thể thao; quần xi líp; áo sơ mi lễ phục; áo len đan chẽn không có khuy cài; áo len đan không có cổ và có khuy cài phía trước; áo lót bó sát người mặc để tạo dáng cho thân thể; quần áo lót may liền; quần áo ngủ (pyjama); áo sơ mi pôlô; áo len đan chui đầu; áo phông; cà vạt; găng tay mùa đông (quần áo); khăn quàng cổ; khăn choàng vai; tất ngắn; mũ; thắt lưng bằng da dùng cho quần áo.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế quần áo và dịch vụ thiết kế nghệ thuật đồ hoạ.

---

(111) **4-0098566**
(210) 4-2005-17693
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

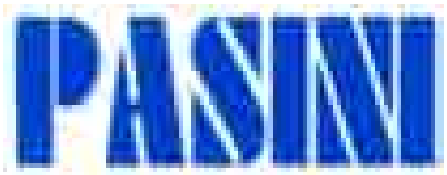

(151) 31.03.2008
(220) 27.12.2005

(591) Xanh dương, ghi nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LẬP PHONG (VN)
9 Lê Quang Định, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán ổ khóa; mua bán khóa cửa.

---

(111) **4-0098567**
(210) 4-2007-00611
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 08.01.2007

(531) 18.3.2; 25.1.6; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ (VN)
25 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Bánh kẹo có chứa dược phẩm dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 35: Mua bán hàng tiêu dùng, bánh kẹo và các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ chuyên ngành chế biến lương thực thực phẩm; xuất nhập khẩu hàng hoá; đại lý mua bán và ký gửi bánh kẹo; bán hàng qua các phương tiện truyền thông điện tử cụ thể là mua bán bánh kẹo qua mạng Internet; triển lãm hàng bánh kẹo.

---

(111) **4-0098568**
(210) 4-2007-00693
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SINECOD

(151) 31.03.2008
(220) 09.01.2007

(731) NOVARTIS AG (CH)
4002 Basel, Switzerland
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược trị ho, cảm lạnh và dị ứng.

---

(111) **4-0098569**
(210) 4-2006-17283
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TỨ RÂU

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CƠ SỞ ĐÀO VĂN BÉ (VN)
131 Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Đá dùng trong xây dựng; đá mài đúc sẵn dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0098570**
(210) 4-2006-17284
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRÍ NGUYÊN

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(591) Đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ TRƯƠNG THỊ KIM NGUYỆT (VN)
68 Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

Nhóm 35: Mua bán: nước uống tinh khiết, nước giải khát (không do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0098571**
(210) 4-2006-17287
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LUBEWATCH

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ phân tích đặc tính của dầu nhờn.

---

(111) **4-0098572**
(210) 4-2006-20112
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HIỂN VINH COFFEE
MÃI MÃI LÀ NIỀM TIN

(151) 31.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) CƠ SỞ ĐÌNH VINH (VN)
413/41/4/12 khu phố 5, Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0098573**
(210) 4-2006-20113
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 20.11.2006

(531) 18.5.10
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰA CAO SU HƯNG LONG (VN)
283A/11 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Săm xe đạp; săm xe ôtô; săm xe gắn máy.

---

(111) **4-0098574**
(210) 4-2005-06338
(181) 31.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 31.05.2005

(531) 26.3.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA CAO (VN)
1636Đ Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0098575**
(210) 4-2005-06339
(181) 31.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NeverEnd

(151) 31.03.2008
(220) 31.05.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA CAO (VN)
1636Đ Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0098576**
(210) 4-2005-11691
(181) 22.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM (VN)
100 Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu xe ô tô; đại lý mua, đại lý bán xe ô tô.

Nhóm 37: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành xe ô tô.

---

(111) **4-0098577**
(210) 4-2005-17647
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

THUẬN NGUYÊN

(151) 31.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CƠ SỞ THUẬN NGUYÊN (VN)
43A Trương Định, khóm 1, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng kim khí điện máy, văn hóa phẩm, băng, đĩa nhạc, băng video, bếp ga, gas bình.

---

(111) **4-0098578**
(210) 4-2006-18457
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LYCANVIT

(151) 31.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC MỸ PHẨM CHÂU ÂU (VN)
50 D3 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098579**
(210) 4-2007-00953
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

PANASYMA

(151) 31.03.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0098580**
(210) 4-2007-02750
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 07.02.2007

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.7.25
(731) NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN (VN)
61D Trần Văn Đang, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; mũ (nón); dây thắt lưng (dây nịt) (trang phục); giày; dép.

---

(111) **4-0098581**
(210) 4-2006-04576
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hoá tại cảng.

---

(111) **4-0098582**
(210) 4-2006-04577
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

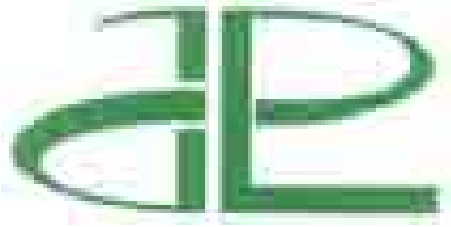

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 25.1.25
(591) Xanh
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần, áo, giày, dép, mũ (nón), thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098583**
(210) 4-2006-04578
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hoá tại cảng.

---

(111) **4-0098584**
(210) 4-2006-04588
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hoá tại cảng.

---

(111) **4-0098585**
(210) 4-2006-04589
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; 26.1.1
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hoá tại cảng.

---

(111) **4-0098586**
(210) 4-2006-04590
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng.

---

(111) **4-0098587**
(210) 4-2006-04591
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 2.9.1
(591) Xanh, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, thiết bị viễn thông, đồ điện gia dụng.

Nhóm 44: Dịch vụ y tế: phòng khám chữa bệnh đa khoa, chăm sóc vệ sinh sắc đẹp cho người, tư vấn sử dụng thuốc.

---

(111) **4-0098588**
(210) 4-2006-04595
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng.

(111) **4-0098589**
(210) 4-2006-21545
(181) 08.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

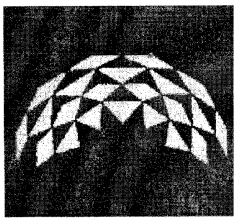

(151) 31.03.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.4.1; 26.2.1; 26.7.25
(731) KERRY LOGISTICS NETWORK LIMITED (BM)
Canon's Court 22 Victoria Street HAMILTON, HM12 BERMUDA
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ và tiếp thị; khảo sát giá thị trường cho người khác; biên tập thông tin vào cơ sở dữ liệu trên máy tính; kế toán; xác lập bản sao kê tài khoản; quảng cáo, quảng cáo bằng đặt hàng qua bưu điện; phân phát các tư liệu quảng cáo; hỗ trợ quản lý kinh doanh; tư vấn nghiệp vụ kinh doanh; thông tin về kinh doanh; tư vấn về quản lý và tổ chức kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; xác định vị trí các toa hàng hoá bằng máy tính; phân tích giá; biên tập máy tính hoá danh sách đơn đặt hàng; phân phát hàng mẫu; dịch vụ chuyên gia tư vấn về hiệu quả công việc (làm tăng hiệu quả công việc); đại lý xuất nhập khẩu; nghiên cứu thị trường; quan hệ công chúng; hỗ trợ quản lý thương mại hoặc công nghiệp; quản lý hàng lưu kho; xử lý đơn đặt hàng; thu thập vì lợi ích của người khác các loại hàng hoá khác nhau để người mua xem và mua các loại hàng này một cách thuận tiện từ ca-ta-lô hàng hoá tổng hợp bằng đơn đặt hàng qua đường bưu điện hoặc các phương tiện liên lạc khác, và qua một cửa hàng giảm giá; dịch vụ tư vấn liên quan đến các dịch vụ khách hàng; dịch vụ quản lý kho hàng; quảng bá việc bán hàng của người khác; thông tin tư vấn và dịch vụ tư vấn cho các dịch vụ được liệt kê ở nhóm này.

Nhóm 37: Xây dựng, cải tạo (gồm cả nâng cấp và cải tiến), sửa chữa và bảo dưỡng bất động sản và căn hộ dịch vụ; dịch vụ sửa chữa và lắp đặt; xây dựng công trình, dịch vụ quản lý và giám sát công trình; xây gạch; dịch vụ chống ẩm, chống cháy, cách điện, nhiệt, âm, làm kín, chống thấm nước cho công trình trong quá trình xây dựng, dịch vụ đặt dây cáp và hệ thống mạng điện; đặt rui của mái nhà; trải thảm; làm kết cấu trần nhà; lắp đặt hệ thống ống trong tòa nhà; lắp đặt hệ thống sưởi trung tâm; dịch vụ lắp kính cho công trình xây dựng; dịch vụ sơn xây dựng; trang trí nội thất và trang trí lại nội thất toà nhà; trát vữa và thạch cao; lợp mái; lắp dựng giàn giáo; dịch vụ xây dựng công trình dân dụng; phá toà nhà, cầu, tường và ống khói; tháo dỡ nhà máy công nghiệp và máy móc công nghiệp, dây cáp và đường dẫn điện; đặt hệ thống dẫn nước mặt đất, khôi phục, tưới tiêu và nạo vét đất; chuyển đất đá, đào đất đá và khai thác đất đá; dịch vụ xây nề; dịch vụ khai thác mỏ; xây dựng đường xá, đánh dấu mặt đường, sơn vẽ mặt đường, dịch vụ xây dựng và sửa chữa công trình dưới nước; dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa toà nhà, đường xá, cầu và nhà máy công nghiệp và máy công nghiệp; lắp đặt và sửa chữa hệ thống báo cháy; dịch vụ lắp đặt và sửa chữa khoá; dịch vụ chống gỉ và tẩy gỉ; làm sạch toà nhà, đường xá; dịch vụ lau nhà; cung cấp phương tiện giặt là; dịch vụ xông khói phi nông nghiệp và diệt côn trùng gây hại phi nông nghiệp; cho thuê thiết bị làm sạch và thiết bị xây dựng công trình; bảo dưỡng và sửa chữa tàu thuyền; đóng tàu; thu gom và dọn rác; lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa đồ đạc trong nhà; dịch vụ cung cấp thông tin, cố vấn và tư vấn cho các dịch vụ được liệt kê ở nhóm này.

(111) **4-0098590**
(210) 4-2006-02136
(181) 16.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 16.02.2006

(531) A1.1.9; 26.3.1
(591) Xanh da trời, xanh tím than, đỏ cờ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH TỔNG HỢP THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ (VN)
336 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị điện/ thiết bị điện tử, thiết bị tin học, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị truyền thanh, thiết bị truyền hình; mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị ngoại vi, thiết bị đo đạc điện tử; mua bán thiết bị điện lạnh; xúc tiến thương mại; xuất nhập khẩu máy in; xuất nhập khẩu linh kiện máy tính; dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quản lý máy tính văn phòng.

Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản, cụ thể là kinh doanh nhà, đất; cho thuê căn hộ; cho thuê văn phòng; môi giới bất động sản.

Nhóm 37: Lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, bảo trì: máy in, linh kiện máy tính.

Nhóm 39: Dịch vụ cho thuê ô tô.

Nhóm 41: Đào tạo nghiệp vụ về lĩnh vực: thiết bị điện, thiết bị điện tử, thiết bị tin học, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị truyền thanh, thiết bị truyền hình; đào tạo nghiệp vụ về lĩnh vực: thiết bị văn phòng, thiết bị ngoại vi, thiết bị đo đạc điện tử, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ quản lý máy tính văn phòng.

Nhóm 42: Tư vấn, sản xuất phần mềm, chuyển giao công nghệ và các giải pháp kỹ thuật trong các lĩnh vực: thiết kế phần mềm; thiết kế trang web; tích hợp mạng cục bộ (LAN); thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế/tạo lập trang chủ internet; thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông).

(111) **4-0098591**
(210) 4-2006-20851
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

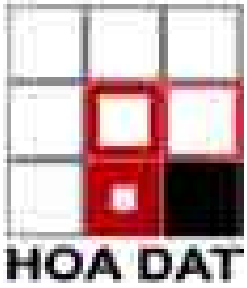

(151) 31.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.4.1; 26.4.9; A25.7.2
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH HOA ĐẤT (VN)
200 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 37: Tư vấn xây dựng về thi công xây dựng và giám sát thi công; xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế nội ngoại thất công trình.

---

(111) **4-0098592**
(210) 4-2006-04596
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; 20.7.1; 26.1.1
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 41: Đào tạo dạy nghề.

---

(111) **4-0098593**
(210) 4-2006-04599
(181) 29.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 3.7.7; A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH (VN)
64-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; kinh doanh vận tải, kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng.

---

(111) **4-0098594**
(210) 4-2006-07552
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Oshina

(151) 31.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH KYVY (VN)
Đường số 8, lô II-7 nhóm Công Nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Khẩu trang bằng giấy, khăn ướt bằng giấy, khăn giấy.

Nhóm 24: Khăn ăn bằng hàng dệt, khăn bằng hàng dệt để tẩy trang, khăn nhỏ bằng hàng dệt, khăn bằng vải để tẩy trang, khăn ướt bằng vải.

---

(111) **4-0098595**
(210) 4-2006-07554
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Clina

(151) 31.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH KYVY (VN)
Đường số 8, lô II-7 nhóm công nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Khẩu trang bằng giấy, khăn ướt bằng giấy, khăn giấy.

Nhóm 24: Khăn ăn bằng hàng dệt, khăn bằng hàng dệt để tẩy trang, khăn nhỏ bằng hàng dệt, khăn bằng vải để tẩy trang, khăn ướt bằng vải.

---

(111) **4-0098596**
(210) 4-2006-14167
(181) 28.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 28.08.2006

(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DU LỊCH LIÊN BANG (VN)
92 Nguyễn Biểu, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa vé lẻ; dịch vụ du lịch lữ hành nội địa khách đoàn; dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế vé lẻ; dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế khách đoàn.

---

(111) **4-0098597**
(210) 4-2006-16905
(181) 09.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.3.1; 26.7.25; 26.4.4
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN THIẾT KẾ ATEC (VN)
491y, đường Quản Cơ Thành, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 42: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế quy hoạch công trình; thiết kế kết cấu công trình; thiết kế hệ thống cấp thoát nước cho công trình; thẩm định thiết kế kỹ thuật; khảo sát xây dựng.

---

(111) **4-0098598**
(210) 4-2006-17281
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KASHIWA

(151) 31.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CƠ SỞ HIỆP BÌNH (VN)
7/328 khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Bếp ga.

---

(111) **4-0098599**
(210) 4-2006-16497
(181) 02.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

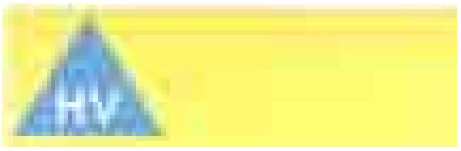

(151) 31.03.2008
(220) 02.10.2006

(531) 26.3.1; 26.4.2
(591) Vàng, xanh biển, trắng
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ VÂN (VN)
11 Lý Công Uẩn, phường1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 07: Động cơ điện ((không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ).

---

(111) **4-0098600**
(210) 4-2007-15922
(181) 15.08.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 31.03.2008
(220) 15.08.2007

(531) 24.17.5; 2.9.10
(591) Đỏ, xanh lá cây, nâu, trắng
(731) MAI THỊ THU THỦY (VN)
Số 49 (số nhà 26 cũ), phố Giang Văn Minh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ thẩm mỹ; dịch vụ y tế; dịch vụ trợ giúp y tế; dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ chăm sóc sức khỏe răng miệng; cố vấn về lĩnh vực dược học.

---

(111) **4-0098601**
(210) 4-2006-20700
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.11.2006

(531) 26.4.3; 26.3.4; 26.7.25
(591) Xanh dương, xanh lam, hồng, vàng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH - QUẢNG CÁO VÀ IN HOÀNG HƯƠNG (VN)
94/25 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Thi công các công trình mỹ thuật, panô, bảng hiệu và hộp đèn.

Nhóm 40: Khắc chữ trên đồng, inox và mi ca.

Nhóm 42: Thiết kế đồ họa; thiết kế mẫu nhãn hiệu.

---

(111) **4-0098602**
(210) 4-2006-20707
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.11.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; A1.1.2; A1.1.10
(591) Đen, vàng, vàng nhạt
(731) CƠ SỞ LÊ THỊ NA (VN)
15-17 Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0098603**
(210) 4-2006-20799
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TOPCARE

(151) 01.04.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG LỘC (VN)
48 Long Hưng, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dụng cụ y tế.

---

(111) **4-0098604**
(210) 4-2006-21182
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 04.12.2006

(531) 26.3.23; A26.11.13; 1.15.3
(591) Đỏ, xanh ngọc lam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƠ ĐIỆN HỒNG DIỆU (VN)
50 Nguyễn Ngọc Lộc, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: linh kiện - phụ kiện ngành điện dân dụng, công nghiệp, hạt nhựa; mua bán: van áp suất, gioăng.

---

(111) **4-0098605**
(210) 4-2006-14864
(181) 07.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOREDAX

(151) 01.04.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098606**
(210) 4-2006-14867
(181) 07.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOREDEX

(151) 01.04.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098607**
(210) 4-2006-14868
(181) 07.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOREPHAN

(151) 01.04.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098608**
(210) 4-2006-14869
(181) 07.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JUNIROXI

(151) 01.04.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098609**
(210) 4-2006-14884
(181) 07.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXIGUARD

(151) 01.04.2008
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098610**
(210) 4-2006-22785
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BẢY KY

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2006

(731) CƠ SỞ NGUYỄN VĂN HÙNG (VN)
Thửa đất số 654, ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Trứng vịt lộn; trứng vịt lạt.

Nhóm 35: Mua bán trứng vịt lộn, trứng vịt lạt.

---

(111) **4-0098611**
(210) 4-2006-16916
(181) 09.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

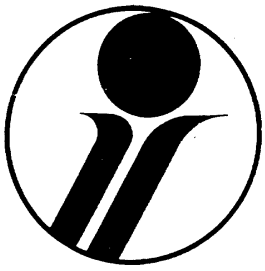

(151) 01.04.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.1.1; 2.9.14
(731) MAHLE ENGINE COMPONENTS JAPAN KABUSHIKI KAISHA (also trading as MAHLE Engine Components Japan Corporation) (JP)
2-17, Akabori, Okegawa, Saitama, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Pít tông (bộ phận của máy móc hoặc động cơ), pít tông dùng cho xi lanh, pít tông dùng cho động cơ (bao gồm động cơ dùng cho phương tiện giao thông trên bộ và tàu thuyền), vòng găng pít tông, bộ phận và linh kiện nhỏ của pít tông, xi lanh và/hoặc ống đệm của xi lanh dùng cho máy móc, xi lanh và/hoặc ống đệm của xi lanh dùng cho động cơ và máy, bộ phận và linh kiện nhỏ dùng cho xi lanh và/hoặc ống đệm của xi lanh.

---

(111) **4-0098612**
(210) 4-2007-00638
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DH-Smartropil

(151) 01.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098613**
(210) 4-2007-00639
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Vitaneurin

(151) 01.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098614**
(210) 4-2006-16096
(181) 25.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 25.09.2006

(531) 26.1.2; A5.7.23
(591) Đỏ, trắng, xanh lá cây, vàng
(731) HỢP TÁC XÃ THANH LONG THEO TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU HÀM MINH (VN)
Thôn Minh Hoà, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Hoa quả tươi.

Nhóm 35: Mua bán hoa quả tươi.

---

(111) **4-0098615**
(210) 4-2006-17505
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CADISMECTITE

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098616**
(210) 4-2006-17506
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OZIACOM

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0098617**
(210) 4-2006-17507
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OZIAVIVIT

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0098618**
(210) 4-2006-17508
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OZIAVINCAP

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0098619**
(210) 4-2006-17509
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OZIATIDIN

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0098620**
(210) 4-2007-02712
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BA MIỀN

(151) 01.04.2008
(220) 07.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢNG THÁI (VN)
Hẻm 3, đường Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán tạp hóa.

---

(111) **4-0098621**
(210) 4-2006-18327
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.3.23; A26.11.13; A5.11.5
(591) Đen, vàng, xanh dương, xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ ĐÀO TRỌNG CƯỜNG (VN)
10F Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần áo trẻ em.

---

(111) **4-0098622**
(210) 4-2006-18328
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.3.23; A26.11.13
(731) CƠ SỞ ĐÀO TRỌNG CƯỜNG (VN)
10F Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần áo trẻ em.

---

(111) **4-0098623**
(210) 4-2006-18329
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

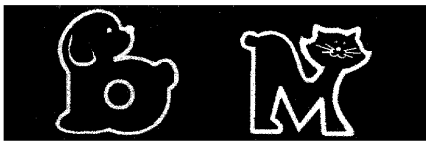

(151) 01.04.2008
(220) 27.10.2006

(531) 3.1.8; 3.1.6
(731) CƠ SỞ ĐÀO TRỌNG CƯỜNG (VN)
10F Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần áo trẻ em.

---

(111) **4-0098624**
(210) 4-2006-17107
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh dương, vàng đồng, vàng đồng đậm
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CHẾ BIẾN GỖ HẠO DƯƠNG (VN)
ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Khung cửa bằng gỗ.

Nhóm 20: Khung gương; tủ; bàn; ghế, giường (không có mục đích y tế).

---

(111) **4-0098625**
(210) 4-2006-02757
(181) 29.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 28.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, đỏ, xám
(731) CƠ SỞ NAM DUNG (VN)
ấp 3, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Đồ chua (rau củ ngâm dấm); nước mắm; dưa góp (dưa món).

Nhóm 30: Bánh ngọt; mứt kẹo.

---

(111) **4-0098626**
(210) 4-2006-19745
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 15.11.2006

(531) 3.7.1; A17.2.2; A1.1.5; A1.1.9; 17.2.17; 26.1.1; 24.9.2
(591) Đỏ, đen, trắng, vàng, da cam
(731) CÔNG TY TNHH MI HỒNG (VN)
312 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vàng bạc, đá quý.

---

(111) **4-0098627**
(210) 4-2006-19746
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PURIFIEL

(151) 01.04.2008
(220) 15.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hòa I - Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098628**
(210) 4-2006-19747
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SPACELOFT

(151) 01.04.2008
(220) 15.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hòa I - Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098629**
(210) 4-2006-19748
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OZAWA

(151) 01.04.2008
(220) 15.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hòa I - Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098630**
(210) 4-2006-02982
(181) 03.03.2016
(300) 004772547 08.12.2005 EM
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 03.03.2006

(531) A19.3.4; 26.15.11
(591) Trắng, đen, đen nhạt
(731) BRITISH AMERICAN TOBACCO (BRANDS) INC. (US)
2711 Centerville Road, Suite 300, Wilmington, Delaware 19808, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu hút thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

---

(111) **4-0098631**
(210) 4-2006-04064
(181) 21.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 21.03.2006

(531) 26.1.1
(731) PHẠM THỊ THANH HUYỀN (VN)
Số 411-A3, tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Chổi lau nhà; các loại bàn chải; các tấm đệm dùng để chà xát hoặc làm sạch; các loại bọt biển dùng cho gia đình; nùi cao su; các loại chất liệu dệt dùng để lau chùi, làm sạch và đánh bóng.

---

(111) **4-0098632**
(210) 4-2006-12228
(181) 31.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 31.07.2006

(531) 26.4.3; A26.4.6
(591) Xanh, trắng
(731) SCA HYGIENE PRODUCTS AB (SE)
SE-405 03 Goteborg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Những sản phẩm dùng để băng bó, quần xi-líp vệ sinh, miếng băng thấm vệ sinh, quần lót vệ sinh, quần lót chẽn gối vệ sinh, miếng lót vệ sinh, miếng bông thấm vệ sinh, băng vệ sinh dạng mút bông, lớp lót cho quần lót, quần bỉm và các sản phẩm thấm nước (không thuộc nhóm khác) tất cả dùng cho mục đích vệ sinh và cho những người có bệnh lý không tự kiềm chế được.

---

(111) **4-0098633**
(210) 4-2006-15836
(181) 20.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 20.09.2006

(531) 26.1.1
(731) TOYO FITTING BW CO., LTD. (JP)
5-2-60-101, Yokoo, Suma-ku, Kobe-shi, Hyogo, JAPAN
(740) Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế (TOP & PARTNERS CO.,LTD)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường ở dạng thô và bán thành phẩm; vật liệu xây dựng bằng kim loại; kết cấu xây dựng bằng kim loại có thể chuyên chở được, vật liệu kim loại dùng cho đường ray xe lửa, dây và cáp kim loại không có điện, đồ làm bằng sắt sử dụng trong xây dựng (vật liệu xây dựng), đồ ngũ kim (nhỏ), đầu nối ống dẫn bằng kim loại, ống nhánh bằng kim loại, ống dẫn kim loại, vòng đai/vòng đệm bằng kim loại (cổ dề), ống nối góc (ống khủy) bằng kim loại, sắt và hợp kim, hợp kim thường (thép thông thường), thép lá có lớp phủ, thép ống, thép lá, thép tấm, bulông kim loại, đai ốc kim loại, van kim loại thuộc nhóm này (không thuộc bộ phận của máy móc), đồ kim loại thường sử dụng trong xây dựng (vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0098634**
(210) 4-2006-20354
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 4.3.3
(591) Trắng, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐÔNG BẮC Á (VN)
Số 162 Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: các sản phẩm mực in, linh kiện, thiết bị ngành in.

---

(111) **4-0098635**
(210) 4-2006-22027
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VEEKO

(151) 01.04.2008
(220) 15.12.2006

(731) VEEKO FASHION OVERSEAS COMPANY LIMITED (HK)
10th Floor, Wyler Centre, Phase 2, 192-200 Tai Lin Pai Road, Kwai Chung, New Territories, Hong Kong
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, khăn quàng cổ, tất ngắn, thắt lưng (trang phục), găng tay (trang phục), mũ nón.

Nhóm 35: Bán buôn và bán lẻ quần áo, giày dép, đồ phụ kiện thời trang và mũ nón.

---

(111) **4-0098636**
(210) 4-2006-03355
(181) 10.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 10.03.2006

(531) 1.15.15
(591) Đỏ, trắng, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HƯƠNG HẰNG (VN)
Số 3, hẻm 120/4/3 đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0098637**
(210) 4-2006-07300
(181) 12.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 12.05.2006

(531) A1.5.2
(591) Đỏ, xanh coban, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TIN HỌC VÀ DỊCH VỤ SAO MAI (VN)
27 Quốc Tử Giám, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Mực.

---

(111) **4-0098638**
(210) 4-2006-13420
(181) 16.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

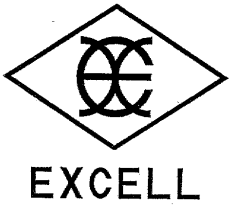

(151) 01.04.2008
(220) 16.08.2006

(531) 26.4.3
(731) EXCELL PRECISION CO., LTD. (TW)
6th Fl., No. 127, Lane 235, Paochiao Road, Hsintien, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Cân có bộ phận nâng hàng; cái cân; cân đĩa đặt trên bục bệ để cân; cân dạng đứng để sàn nhà; cái cân để cân hàng vặt; cân kiểm tra định lượng; cân điện tử; cân có lò xo; cái đĩa cân (là bộ phận của cái cân); cân dùng để cân người; cân tiểu ly (cân có độ chính xác cao); bộ phận đồng hồ chỉ trọng lượng của cái cân (bộ phận của cân); cân kiểm tra trọng lượng sản phẩm; bộ phận chia tỉ lệ chữ in của máy in máy tính; cái cân có bộ phận báo giá; cái cân có bộ phận cộng dồn trọng lượng; đĩa cân để cân những vật nặng; cân trọng lượng; bộ phận cảm ứng dùng cho thiết bị cân.

---

(111) **4-0098639**
(210) 4-2006-14028
(181) 25.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 25.08.2006

(531) 26.4.2; 5.5.23; 6.7.1; 6.7.11; A11.3.3
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, đỏ, tím, vàng, nâu, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM S.K (VN)
10 đường số 20, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Đồ uống trên cơ sở cà phê; đồ uống trên cơ sở ca cao; đồ uống trên cơ sở sô cô la.

---

(111) **4-0098640**
(210) 4-2006-20867
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NIFCO

(151) 01.04.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.4.2; A26.4.18
(731) NIFCO INC (JP)
184-1 Maioka-cho, Totsuka-ku, Yokohama-shi, Kanagawa-ken, Japan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 07: Nắp van (bộ phận của máy móc); khớp ly hợp không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ; bộ phận ghép nối không dùng cho các phương tiện giao thông; bộ lọc (bộ phận của máy móc hoặc động cơ); trục nối nhiều chiều (khớp các đăng); máy đúc; bộ điều chỉnh áp suất (bộ phận của máy móc); van áp suất (bộ phận của máy móc); bộ phận giảm tốc không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ; máy tán đinh; máy chia tách hơi nước/dầu; khớp nối trục (máy móc); van (bộ phận của máy móc); bộ giảm chấn (bộ phận của máy móc).

---

(111) **4-0098641**
(210) 4-2006-18190
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Mappermethrin

(151) 01.04.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAP PACIFIC VIỆT NAM (VN)
101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: thuốc diệt nấm, diệt cỏ, diệt trừ sâu hại, ốc bươu vàng; thuốc diệt động vật có hại, côn trùng có hại.

---

(111) **4-0098642**
(210) 4-2006-17523
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CESALAC

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662, T.T.C. Ind. Area, Rabale, Navi Mumbai 400 701, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098643**
(210) 4-2006-17524
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GLUCOFLAMI

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662, T.T.C. Ind. Area, Rabale, Navi Mumbai 400 701, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098644**
(210) 4-2006-18580
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SERABIN-C

(151) 01.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098645**
(210) 4-2006-19105
(181) 07.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OVOPHENE

(151) 01.04.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098646**
(210) 4-2006-19106
(181) 07.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEGAFAST

(151) 01.04.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098647**
(210) 4-2006-19691
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

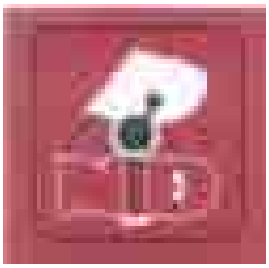

(151) 01.04.2008
(220) 15.11.2006

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, đen
(731) VŨ NGỌC VƯỢNG (VN)
Số 51, hẻm 358/25/86 phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống (cửa hàng bán phở).

---

(111) **4-0098648**
(210) 4-2006-22784
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

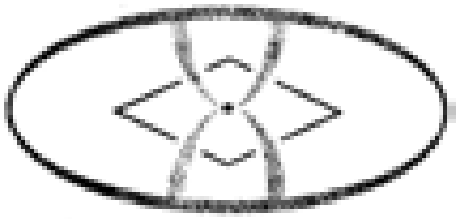

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2006

(531) 26.2.7; 26.2.1; 26.1.2; 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI KIM LONG (VN)
Thôn Quán Tình, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng kim loại; ống kim loại.

---

(111) **4-0098649**
(210) 4-2006-17520
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINSPA

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098650**
(210) 4-2006-17521
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GROTILE

(151) 01.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DANH SƠN (VN)
44A Đặng Dung, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098651**
(210) 4-2006-18362
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG MÊKÔNG

(151) 01.04.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.1.2; 26.3.23; 5.7.3; 5.3.20
(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG MÊ KÔNG (VN)
93/30 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

Nhóm 35: Mua bán vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật.

---

(111) **4-0098652**
(210) 4-2006-18530
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi ALVIC

(151) 01.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098653**
(210) 4-2006-18584
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROXAID TAB

(151) 01.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098654**
(210) 4-2006-18601
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NDC-NASMECT

(151) 01.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hoà Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098655**
(210) 4-2006-18602
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUNLIGHT

(151) 01.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐẠI DƯƠNG (VN)
Khu công nghiệp tập trung Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0098656**
(210) 4-2006-19383
(181) 10.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MECLOZOL

(151) 01.04.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098657**
(210) 4-2006-20196
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) 20.7.1; A25.3.3
(731) CÔNG TY TNHHH THIẾT BỊ GIÁO DỤC THỂ THAO THÀNH PHÁT (VN)
Số 76 đường Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(511) Nhóm 28: Vợt tennis; vợt cầu lông; trái cầu lông; bóng tennis; máy tập thể dục rèn luyện thân thể.

---

(111) **4-0098658**
(210) 4-2006-20336
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 22.1.1; 26.1.1
(731) KOOP INDÚSTRIA E COMERCIO LTDA (BR)
Rua Luiz Lawrie Reid, 351, Parque Reid - Diadema - São Paulo - Brasil
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi du lịch; ví.

Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; đồ đi chân thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098659**
(210) 4-2006-20337
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

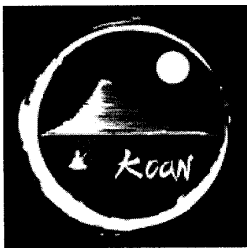

(151) 01.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 6.1.2; 26.1.1; 26.4.1
(731) KOOP INDÚSTRIA E COMERCIO LTDA (BR)
Rua Luiz Lawrie Reid, 351, Parque Reid - Diadema - São Paulo - Brasil
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi du lịch; ví.

Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; đồ đi chân thuộc nhóm này.

(111) **4-0098660**
(210) 4-2006-22207
(181) 19.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

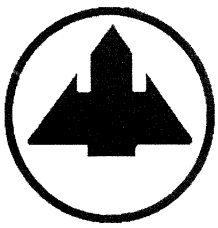

(151) 01.04.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.1.1; 26.3.1; 18.5.1; A18.5.3
(731) PANBIOTIC LABORATORIES. (TW)
No. 5- 1, Ta Tong Road, Niao Sung Hsiang, Kaohsiung Hsien, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098661**
(210) 4-2006-15274
(181) 12.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

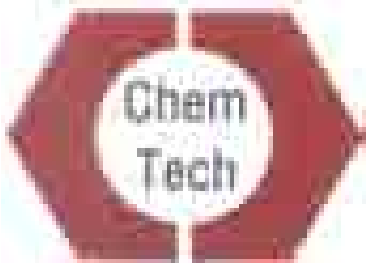

(151) 01.04.2008
(220) 12.09.2006

(531) 26.5.1; 25.5.1
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH CHEMTECH (VN)
22 đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 17: Hạt nhựa polyetylen (XLPE) dùng trong công nghiệp chất dẻo và công nghiệp sản xuất dây cáp điện.

---

(111) **4-0098662**
(210) 4-2005-17258
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) 1.5.1; 4.3.3; 4.3.19
(591) Trắng, xanh dương, xanh da trời
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TIN HỌC TRƯỜNG NGUYÊN (VN)
740 Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

Nhóm 35: Mua bán: mực in, giấy nhám, motir (mô - tơ), máy phát điện, bột trét, sơn các loại, keo dán, keo silicon, que hàn, máy phát điện, vật liệu xây dựng và đồ điện gia dụng.

Nhóm 36: Kinh doanh (mua bán) nhà.

---

(111) **4-0098663**
(210) 4-2005-17260
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY ĐIỆN TỬ HE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 27: Chiếu nhựa.

---

(111) **4-0098664**
(210) 4-2006-16166
(181) 26.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAKA

(151) 01.04.2008
(220) 26.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH TAKA VIỆT NAM (VN)
Thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố, máy giặt, máy hút bụi, máy sấy bát.

Nhóm 11: Bếp gas, bình tắm dùng gas, bếp từ, lò vi sóng, ấm điện, dụng cụ nấu nướng bằng điện; máy hút khói khử mùi.

Nhóm 21: Nồi, chảo không dùng điện, đồ chứa đựng dùng trong nhà bếp và gia dụng, bình thuỷ chân không, máy xay sinh tố không dùng điện, dụng cụ nhà bếp.

---

(111) **4-0098665**
(210) 4-2006-17265
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THIÊN SỨ THANH PHẾ

(151) 01.04.2008
(220) 13.10.2006

(731) TIANJIN TASLY PHARMACEUTICAL CO., LTD. (CN)
No.1 Liaohe East Road, New Yibai Street, Beichen District, Tianjin, China
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098666**
(210) 4-2005-15532
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) A25.7.2; 26.4.3
(731) POLAROID CORPORATION (US)
1265 Main Street, Waltham, Massachusetts 02451, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy quay phim; máy chụp ảnh; máy chụp ảnh dùng một lần; máy chụp ảnh lấy ngay; máy quay phim kỹ thuật số; bao đựng máy quay phim; túi đựng máy quay phim; mâm cặp phim; màn hình phía sau của máy quay phim; bộ lọc dùng cho máy ảnh; thấu kính dùng cho máy ảnh; khung của phim dương bản dùng cho máy ảnh; giá đỡ máy quay phim; máy in sao ảnh; thiết bị bấm giờ; bộ lọc quang học; máy chiếu ảnh; đầu DVD; đầu VCR; hệ thống màn hiển thị LCD, bộ khuếch đại âm thanh, radio và loa audio; thiết bị ghi hình kỹ thuật số; máy nghe nhạc MP3; máy nghe nhạc kỹ thuật số; đĩa compact; đầu đọc CDR và CDRW; đầu ghi băng hình; máy thu hình; màn hình dùng cho máy thu hình và máy tính; màn hình LCD; thiết bị chuyển mạch điện tử; điều khiển từ xa dùng cho máy thu hình, cho đầu DVD, cho bộ thiết bị nghe nhạc và xem phim tại gia đình, và cho đầu ghi băng hình; máy in dùng cho máy tính; máy in dùng cho máy quay phim kỹ thuật số và cho máy quay phim qua máy tính (camcorder) kỹ thuật số xách tay; dây cáp máy in; pin; kính chống nắng; kính mắt; mắt kính chống nắng; kính râm kẹp; bao kính; phần mềm máy tính; hệ thống nhận dạng điện tử bao gồm phần cứng máy tính và máy quay phim; điện thoại di động; điện thoại di động có chức năng quay phim, chụp ảnh; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh và hình ảnh; thiết bị dùng để xem và in ảnh kỹ thuật số; thẻ nhớ dùng cho đèn flash; đầu đọc thẻ nhớ dùng cho đèn flash; máy quay video; máy quay phim qua máy tính (camcorder); đầu ghi và phát các dữ liệu âm thanh và hình ảnh; máy vi tính; máy vi tính xách tay; ổ CD-ROM; phần đế mở rộng chức năng dùng cho máy tính; tai nghe; máy tính cầm tay; máy tính xách tay kỹ thuật số (PDA); màn hình không dây dùng cho máy vi tính; chuột dùng cho máy vi tính; bàn phím máy vi tính; camera dùng cho máy vi tính; máy quét (scanner - thiết bị xử lý dữ liệu); máy fax; phần đế mở rộng chức năng dùng cho điện thoại di động; máy thu stereo; phần cứng USB; điện thoại có phát hình ảnh; băng âm thanh kỹ thuật số chưa ghi; đĩa vi tính chưa ghi; đĩa compact chưa ghi; đĩa DVD chưa ghi; đĩa CD-ROM chưa ghi; máy thu hình dùng cho xe ô tô; phần cứng bộ nhớ máy vi tính; thẻ nhớ; vật mang dữ liệu từ tính chưa ghi; thiết bị xử lý hình ảnh bằng đường quét; đầu thu tín hiệu vệ tinh; đĩa thu tín hiệu vệ tinh; đầu ghi truyền hình kỹ thuật số có thể lập chương trình được; đầu ghi đĩa cứng; ổ đĩa hình kỹ thuật số; đầu ghi phim; thiết bị sao phim dương bản; đầu đọc media xách tay; máy thu thanh; điện thoại vệ tinh; máy ghi và phát lại âm thanh và hình ảnh; bộ chuyển mạch dùng cho máy thu hình và đầu video; thiết bị không dây dùng để truyền và tập hợp các tín hiệu liên lạc dưới dạng giọng nói, dữ liệu và hình ảnh thông qua cơ sở hạ tầng nhiều mạng và giao thức truyền thông; đầu đọc đĩa hình; tổ hợp đầu đọc và ghi hình ảnh.

(111) **4-0098667**
(210) 4-2005-15533
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAHITEA

(151) 01.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) TAHITIAN NONI INTERNATIONAL, INC. (US)
333 West River Park Drive, Provo, Utah 84604, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Chè; chè có hương liệu; chế phẩm trên cơ sở chè dùng để làm đồ uống; đồ uống làm từ chè dạng lỏng có hương liệu.

---

(111) **4-0098668**
(210) 4-2005-15579
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

WELLSTAR

(151) 01.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) HALLIBURTON ENERGY SERVICES, INC. (US)
2601 Beltline Road, Carrollton, Texas 75006, United States of America
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị (dụng cụ) khoan hướng xuống dưới giếng dầu và giếng khí, ví dụ như van an toàn ngầm dưới bề mặt nước.

---

(111) **4-0098669**
(210) 4-2005-16702
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

COMPREON

(151) 01.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0098670**
(210) 4-2005-16709
(181) 09.12.2015
(300) 1078615 30.09.2005 AU
(450) 26.05.2008 242
(540)

OPTIZORB

(151) 01.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex TW8 9GS, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Thuốc giảm đau, hạ sốt và kháng viêm.

---

(111) **4-0098671**
(210) 4-2005-16710
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CONTEMPLATE

(151) 01.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) ARDATH TOBACCO COMPANY LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London, WC2R 2PG, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu hút thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

---

(111) **4-0098672**
(210) 4-2005-15867
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 24.11.2005

(531) 26.1.2; 2.9.14; 5.7.11
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUÊ HƯƠNG TÂN TRIỀU (VN)
Số 95 Cách Mạng Tháng Tám, phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Trái cây tươi như: bưởi, cam, chôm chôm, măng cụt, xoài.

---

(111) **4-0098673**
(210) 4-2005-15875
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

RUSH

(151) 01.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (TOYOTA MOTOR CORPORATION) (JP)
1, Toyota - cho, Toyota - shi, Aichi - ken, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 12: Ô tô và thân xe ô tô; phanh xe ô tô; động cơ cho xe ô tô; cửa cho xe ô tô; bánh xe ô tô; tay lái dùng cho xe ô tô.

---

(111) **4-0098674**
(210) 4-2005-15882
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SABURAN

(151) 01.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN (TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN) (VN)
Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0098675**
(210) 4-2005-15884
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ETOBS

(151) 01.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098676**
(210) 4-2005-15885
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SPECLIF

(151) 01.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098677**
(210) 4-2005-16003
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZIO

(151) 01.04.2008
(220) 28.11.2005

(731) SDT INFORMATION TECHNOLOGY CO., LTD. (KR)
6-31 Singae-dong, Youngsan-ku, Seoul, Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị truy cập mạng nội bộ không dây, máy tính, thiết bị kết nối một số máy tính hoặc thiết bị khác, mô đem, thẻ mạng, cầu dẫn băng rộng, bộ chuyển có thể kết nối hai hoặc nhiều hơn máy tính với cùng một bộ bàn phím chuột và màn hình, hộp ổ cứng gắn ngoài, nguồn điện cho máy tính, đầu đọc thẻ nhớ, thẻ kết nối theo chuẩn IEEE 1394, thẻ USB.

---

(111) **4-0098678**
(210) 4-2005-16004
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FEVICOL

(151) 01.04.2008
(220) 28.11.2005

(731) PIDILITE INDUSTRIES LIMITED (IN)
7th Floor, Regent Chambers, Jamnalal Bajaj Marg, 208 Nariman Point, Mumbai 400 021, India
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Chất dính tổng hợp dùng trong công nghiệp.

Nhóm 16: Keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình.

---

(111) **4-0098679**
(210) 4-2005-16422
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PERTRANG

(151) 01.04.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0098680**
(210) 4-2005-17241
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

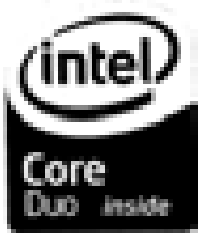

(151) 01.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.4.2; 26.1.2; A26.11.12
(731) INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, California 95052- 8119 U.S.A.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính để xử lý dữ liệu; máy vi tính; chất bán dẫn; bộ vi xử lý của máy tính và chất bán dẫn dùng cho bộ vi xử lý máy tính; mạch tích hợp; mạch tổ hợp của máy vi tính; bản mạch in chính và bản mạch in phụ của máy vi tính; phần mềm máy vi tính; bộ xử lý chương trình trong máy tính.

---

(111) **4-0098681**
(210) 4-2005-17279
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) 26.4.2; 26.3.1; A1.1.2
(591) Vàng, xanh lá cây, đỏ và trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ ĐẤT SÀI GÒN XANH (VN)
125 A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Kinh doanh mua bán nhà ở; môi giới bất động sản; đầu tư vốn trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê hạ tầng trong khu công nghiệp.

Nhóm 37: Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; thi công trang trí nội thất.

---

(111) **4-0098682**
(210) 4-2005-17668
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 25.1.6; 2.1.1; A26.1.14
(591) Đỏ, trắng, vàng, nâu, đen, xanh lá cây, xanh dương, xanh da trời
(731) CƠ SỞ KIM HƯNG (VN)
207 Mai Xuân Thưởng, phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Hạt tiêu; gia vị; cà ri (gia vị); hương liệu (dùng cho thực phẩm chế biến); nước chấm (đồ gia vị); nước xốt (đồ gia vị); ớt (đồ gia vị); va ni (hương thơm); bột đậu xanh; bột đậu nành.

Nhóm 35: Mua bán: các loại gia vị thực phẩm, nước chấm, nước xốt, hương liệu thực phẩm, va ni, bột thực phẩm, các loại rau quả ngâm chua và ngâm mắm, dầu hào, dầu mè, các loại nguyên liệu chế biến thực phẩm và các loại tương dầu.

---

(111) **4-0098683**
(210) 4-2005-17669
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.3.23; 3.7.17
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHƯƠNG NGA (VN)
124 Trần Khắc Chân, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em.

Nhóm 35: Mua bán: đồ chơi trẻ em, dụng cụ học sinh, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, mỹ phẩm, hoá mỹ phẩm, hàng may mặc; đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị; tổ chức và điều khiển hội thảo; tổ chức các lễ hội; tổ chức gặp mặt, giao lưu (trừ môi giới kết hôn).

---

(111) **4-0098684**
(210) 4-2005-17670
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

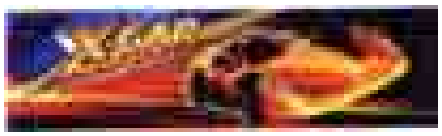

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.3.23; 26.13.25; A18.1.9
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, da cam, xám, xanh dương, xanh nước biển, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHƯƠNG NGA (VN)
124 Trần Khắc Chân, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em.

Nhóm 35: Mua bán: đồ chơi trẻ em.

---

(111) **4-0098685**
(210) 4-2005-17671
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.3.23
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, da cam, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHƯƠNG NGA (VN)
124 Trần Khắc Chân, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em.

Nhóm 35: Mua bán: đồ chơi trẻ em.

---

(111) **4-0098686**
(210) 4-2005-17715
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(591) Đen, vàng nâu
(731) C.L. CHUNLEE CO., LTD. (TH)
46/133 M.9, Rama II Rd, Bangmod, Jomthong, Bangkok 10150, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước dưỡng thơm, kem (mỹ phẩm), phấn trang điểm, son thỏi, gel (mỹ phẩm), khử mùi dạng lăn (dùng cho cá nhân), nước hoa côlônhơ, nước hoa, màu đánh mắt, sữa rửa mặt, kem thoa mặt, kem ngọc trai (mỹ phẩm), dầu gội đầu, dầu xả, xà phòng dùng cho mục đích vệ sinh cá nhân.

---

(111) **4-0098687**
(210) 4-2005-17805
(181) 16.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIETRACK

(151) 01.04.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊU CHUẨN VIỆT (VN)
Số 18, phố Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Tủ bằng kim loại; giá sách bằng kim loại; bàn ghế bằng kim loại.

---

(111) **4-0098688**
(210) 4-2006-20410
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 26.4.1; A26.11.9
(591) Trắng, đen, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ ĐIỆN LẠNH VIN SƠN (VN)
260 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 37: Lắp đặt và sửa chữa thiết bị điều hoà không khí; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt và sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy; lắp đặt và sửa chữa hệ thống cấp thoát nước; xây dựng nhà; xây dựng nhà máy.

---

(111) **4-0098689**
(210) 4-2006-22130
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIP

(151) 01.04.2008
(220) 18.12.2006

(731) CỤC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS VIỆT NAM (VN)
Ngõ 135 Núi Trúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 10: Bao cao su.

---

(111) **4-0098690**
(210) 4-2005-17289
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) A26.11.12; 3.7.13; 2.1.1; A2.1.16
(731) CÔNG TY TNHH VẠN AN (VN)
219D-E Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Dụng cụ học tập như: bảng viết, hộp đựng bút, thước kẻ, bút, eke, màu nước.

Nhóm 25: Quần áo dùng cho trẻ em.

Nhóm 35: Mua bán: dụng cụ học tập, quần áo.

---

(111) **4-0098691**
(210) 4-2005-17710
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBEBAQUINOR

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098692**
(210) 4-2005-17711
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBESANMOL

(151) 01.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098693**
(210) 4-2006-20396
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MILLIE'S

(151) 01.04.2008
(220) 23.11.2006

(591) Đen, xanh
(731) OSSIA MARKETING (HK) CO. LIMITED (HK)
Units 1201-2, 12/F., Join-in Hang Sing Centre 71-75 Container Port Road, Kwai Chung, New Territories, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Quản lý kinh doanh về nhượng quyền thương mại; quản lý kinh doanh cửa hàng bán lẻ; quản lý liên quan đến phương pháp bán hàng; quản lý liên quan đến tiếp thị; tư vấn liên quan đến quản lý tiếp thị; dịch vụ cố vấn liên quan đến phân phối hàng hóa; dịch vụ cố vấn liên quan đến quảng cáo bán hàng; cung cấp lời khuyên kinh doanh liên quan đến nhượng quyền thương mại; hỗ trợ kinh doanh liên quan đến nhượng quyền thương mại; tư vấn doanh nghiệp liên quan đến nhượng quyền thương mại; dịch vụ tư vấn kinh doanh liên quan đến nhượng quyền thương mại; hỗ trợ kinh doanh liên quan đến cơ sở nhượng quyền thương mại; dịch vụ tư vấn liên quan đến tiếp thị; tiếp thị trực tiếp; tiếp thị sản phẩm; dịch vụ tư vấn nhượng quyền thương mại; tiếp thị quảng cáo bán hàng; cung cấp lời khuyên liên quan đến tiếp thị; cung cấp thông tin liên quan đến tiếp thị; dịch vụ quảng cáo bán hàng; dịch vụ huấn luyện liên quan đến thị trường bán lẻ sản phẩm vì lợi ích của khách hàng giúp họ thuận tiện xem và mua sản phẩm tại cửa hàng bán lẻ.

---

(111) **4-0098694**
(210) 4-2006-20454
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GABENA

(151) 01.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DELTA VIỆT NAM (VN)
A9-lô 10, đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098695**
(210) 4-2006-20466
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ICH-PÊ-LÔ-RI

(151) 01.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) STOKKE AS (NO)
Hahjem, 6260 Skodje, Norway
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe đẩy trẻ em; xe đẩy và xe lăn trẻ em bao gồm: xe đẩy thể thao ba bánh; xe đẩy mua hàng gồm cả loại có trang bị chỗ ngồi cho trẻ và/hoặc túi mua hàng; ghế ngồi an toàn cho trẻ dùng trong các loại phương tiện xe cộ; ghế ngồi trong toa xe; thiết bị điều chỉnh ghế ngồi của xe cộ (cho thích hợp); xe đẩy dùng để vận chuyển; xe đạp ba bánh; phụ tùng đi kèm với xe đẩy thể thao, xe đẩy trẻ em, xe lăn và xe lăn thể thao, cụ thể là: đệm (nệm) giảm sóc; ghế ngồi; đai bảo hiểm; mui xe; mui bạt xe; mui bạt xe dùng để che mưa; mui bạt xe cách nhiệt, điện; lớp lót xe lăn cho trẻ.

Nhóm 18: Túi có bánh xe; túi dùng để đi mua sắm; túi du lịch; túi dùng để đi biển; túi xách tay; cặp đi học; túi đeo vai học sinh; ba lô; cái địu trẻ; ô (dù); ô che nắng; dây da (dùng để làm dây đai, dây đeo); những phụ kiện chuyên dùng cho túi có bánh xe và túi dùng để đi mua sắm, cụ thể là: ô (dù), ô che nắng, túi; túi dùng để tạo buồng tối cho việc rửa phim ngoài trời; túi đựng tã lót và băng vệ sinh.

---

(111) **4-0098696**
(210) 4-2006-20467
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

XÌ-TỐC-KE

(151) 01.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) STOKKE AS (NO)
Hahjem, 6260 Skodje, Norway
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe đẩy thể thao (xe đẩy trẻ em); xe đẩy và xe lăn trẻ em bao gồm: xe đẩy thể thao ba bánh; xe đẩy mua hàng gồm cả loại có trang bị chỗ ngồi cho trẻ và/hoặc túi mua hàng; ghế ngồi an toàn cho trẻ dùng trong các loại phương tiện xe cộ; giá đỡ ghế ngồi đặt trong phường tiện xe cộ; thiết bị điều chỉnh ghế ngồi của xe cộ (cho thích hợp); xe đẩy dùng để vận chuyển; xe đạp ba bánh; phụ tùng đi kèm với xe đẩy thể thao (xe đẩy trẻ em), xe lăn và xe lăn thể thao, cụ thể là: đệm (nệm) giảm sóc; ghế ngồi; đai bảo hiểm; mui xe; mui bạt xe; mui bạt xe dùng để che mưa; mui bạt xe cách nhiệt, điện; lớp lót xe lăn cho trẻ.

Nhóm 18: Túi có bánh xe; túi dùng để đi mua sắm; túi du lịch; túi dùng để đi biển; túi xách tay; cặp đi học; túi đeo vai học sinh; ba lô; cái địu trẻ; ô (dù); ô che nắng; dây da (dùng để làm dây đai, dây đeo); những phụ kiện chuyên dùng cho túi có bánh xe và túi dùng để đi mua sắm, cụ thể là: ô (dù), ô che nắng, túi; túi dùng để tạo buồng tối cho việc rửa phim ngoài trời; túi đựng tã lót và băng vệ sinh.

Nhóm 20: Đồ gỗ (nội thất); bộ phận của đồ gỗ (nội thất); đồ dùng cho giường ngủ bao gồm đệm; đệm lò xo; gối; nệm; gối chống va đập (dùng cho giường trẻ em); túi ngủ đi kèm với gối dùng cho trẻ em; gương (nội thất); gương nhà vệ sinh (nội thất); phụ tùng cho đồ gỗ (nội thất); phụ tùng chuyên dùng cho đồ gỗ cụ thể là: tay vịn; bản lề; đệm chống va đập; đệm ngồi và đệm dựa; gối dựa dùng cho ghế tựa; đệm và gối dựa dùng cho đồ gỗ.

(111) **4-0098697**
(210) 4-2006-20468
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHIP CHEP

(151) 01.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) STOKKE AS (NO)
Hahjem, 6260 Skodje, Norway
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ (nội thất); bộ phận của đồ gỗ (nội thất); đồ dùng cho giường ngủ bao gồm đệm; đệm lò xo, gối; nệm; gối chống va đập (dùng cho giường trẻ em) túi ngủ đi kèm với gối dùng cho trẻ em; gương (nội thất); gương nhà vệ sinh (nội thất); phụ tùng cho đồ gỗ (nội thất), phụ tùng chuyên dùng cho đồ gỗ cụ thể là: tay vịn bản lề; đệm chống va đập; đệm ngồi và đệm dựa; gối dựa dùng cho ghế tựa; đệm và gối dựa dùng cho đồ gỗ.

---

(111) **4-0098698**
(210) 4-2006-20588
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAPODERISS

(151) 01.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SƠN THÀNH (VN)
Số 52, tổ 33, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0098699**
(210) 4-2006-21031
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHÁT (VN)
Số 215 Tô Hiệu, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0098700**
(210) 4-2006-21741
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

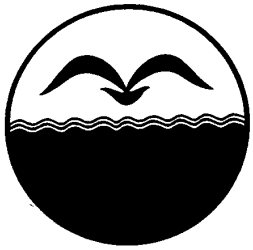

(151) 01.04.2008
(220) 12.12.2006

(531) 26.1.1; A26.11.13; 3.7.17; 3.7.16
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47 (VN)
08 Biên Cương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: rượu, bia, thuốc lá, đồ lưu niệm, đồ mỹ nghệ.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống, cho thuê chỗ ở tạm thời, đặt chỗ trọ, cửa hàng thức ăn nhanh, quán rượu.

---

(111) **4-0098701**
(210) 4-2006-07972
(181) 24.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

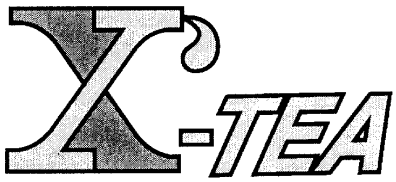

(151) 01.04.2008
(220) 24.05.2006

(531) 1.15.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÁI MINH (VN)
Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê hoà tan; ca cao; trà hoa quả hòa tan; trà sữa; trà túi lọc; bột sữa ngô non và sản phẩm làm từ bột ngũ cốc.

Nhóm 32: Nước khoáng (làm đồ uống), nước có ga và các loại đồ uống không chứa cồn, đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả không chứa cồn, chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0098702**
(210) 4-2006-08918
(181) 09.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LEVINUS

(151) 01.04.2008
(220) 09.06.2006

(731) HETERO DRUGS LIMITED (IN)
"Hetero house" H. No. 8-3-166/7/1, Erragadda, Hyderabad - 500 018, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098703**
(210) 4-2006-08919
(181) 09.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LAZINUS

(151) 01.04.2008
(220) 09.06.2006

(731) HETERO DRUGS LIMITED (IN)
"Hetero house" H. No. 8-3-166/7/1, Erragadda, Hyderabad - 500 018, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098704**
(210) 4-2006-09010
(181) 12.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PENTAGON-C

(151) 01.04.2008
(220) 12.06.2006

(731) EUROLABO PHARMACEUTICALS PVT LTD. (IN)
27/36B K.M. Naskar Road, Kolkata - 700040, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098705**
(210) 4-2006-09691
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CZOLTIN

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098706**
(210) 4-2006-09692
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIQILOM

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EUROLABO PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
27/36B K.M. Naskar Road, Kolkata - 700040, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098707**
(210) 4-2006-09693
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LOGUAR

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098708**
(210) 4-2006-09694
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROGLITA

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098709**
(210) 4-2006-09695
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOFTIDIN

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098710**
(210) 4-2006-09696
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EURODURACEF

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098711**
(210) 4-2006-09698
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NORIGID

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098712**
(210) 4-2006-09699
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PILOMA

(151) 01.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098713**
(210) 4-2006-09874
(181) 26.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ONE UP

(151) 01.04.2008
(220) 26.06.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad - 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098714**
(210) 4-2006-09875
(181) 26.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AZULIX

(151) 01.04.2008
(220) 26.06.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad - 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098715**
(210) 4-2006-09876
(181) 26.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SHENXIM

(151) 01.04.2008
(220) 26.06.2006

(731) GROWENA IMPEX COMPANY (HK)
12/F Man Cheung Bldg, 15/7 Wyndham Str., Hongkong
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098716**
(210) 4-2006-12653
(181) 04.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

POWER 920

(151) 01.04.2008
(220) 04.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9, ngõ 189/2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0098717**
(210) 4-2006-16813
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

야쿠르트

YAKULT

(151) 01.04.2008
(220) 06.10.2006

(731) KABUSHIKI KAISHA YAKULT HONSHA (JP)
1 - 19, Higashi Shimbashi 1 - chome, Minato - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Thịt; cá (đã chế biến); gia cầm và thú săn (đã chế biến); chất chiết ra từ thịt; rau và quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông; mứt; hoa quả dầm đường; trứng; sữa có chứa men (sữa là thành phần chủ yếu); đồ uống được làm từ sữa có chứa men (sữa là thành phần chủ yếu); sữa chua; sữa và sản phẩm từ sữa; dầu và mỡ ăn.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng dùng làm đồ uống (không dùng cho mục đích y tế); nước ga và nước uống không có cồn; hoa quả xay dùng làm đồ uống (đồ uống) và nước ép hoa quả; xi rô và chế phẩm dùng làm đồ uống.

---

(111) **4-0098718**
(210) 4-2006-21078
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

STAUF

(151) 01.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KP2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc dầu, bộ lọc không khí, bộ lọc nhiên liệu (bộ phận của máy móc).

Nhóm 12: Vành xe máy, xích xe máy, phuộc nhún (giảm sóc) xe máy, má phanh xe máy, moay ơ xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0098719**
(210) 4-2006-04875
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

mỹ báu

(151) 01.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHÁT (VN)
215 đường Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất dùng để tẩy rửa.

---

(111) **4-0098720**
(210) 4-2006-04876
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TiLery

(151) 01.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHÁT (VN)
215 đường Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất dùng để tẩy rửa.

---

(111) **4-0098721**
(210) 4-2006-06679
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ĐAM MÊ

(151) 01.04.2008
(220) 28.04.2006

(591) Đỏ
(731) HỘ KINH DOANH VƯƠNG NGỌC THÀNH (VN)
ấp Long Hưng 2, xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 30: Cà phê bột.

---

(111) **4-0098722**
(210) 4-2006-06355
(181) 24.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 24.04.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7
(591) Xám đen
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ TÁC TRANG SỨC CAO CẤP VÀ CÁC DỤNG CỤ LÀM NỮ TRANG FRETZ (VN)
66/1 đường số 20, phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 08: Dụng cụ chế tác đồ nữ trang cầm tay, theo thao tác thủ công như: kềm; búa; dùi; thanh kim loại mini hình chữ T; thanh trụ và thanh kim loại dùng để gia công nữ trang.

Nhóm 14: Đồ trang sức như: nhẫn; vòng đeo tay; dây chuyền; bông tai; lắc tay; vòng đeo cổ.

---

(111) **4-0098723**
(210) 4-2006-06713
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

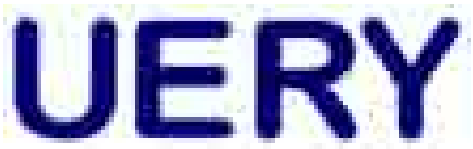

(151) 01.04.2008
(220) 28.04.2006

(591) Trắng, xanh dương
(731) DNTN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-SẢN XUẤT BANG PHƯỚC NGUYÊN (VN)
106H/5D Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng trắng da.

Nhóm 05: Kem trị nám da (dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0098724**
(210) 4-2006-15352
(181) 13.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HIFLON

(151) 01.04.2008
(220) 13.09.2006

(731) NISSEI ELECTRIC CO., LTD. (JP)
1509 Okubo-cho Hamamatsu-city Shizuoka-pref., 432-8006 Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Dây cáp điện; dây điện; dây cáp đồng trục.

Nhóm 11: Dây nhiệt làm nóng trực tiếp; dây nhiệt làm nóng trực tiếp có định dạng.

---

(111) **4-0098725**
(210) 4-2006-17649
(181) 20.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SK KING

(151) 01.04.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN TIẾN S.K (VN)
Lô số 47, khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước chạy điện và không chạy điện dùng trong gia đình.

---

(111) **4-0098726**
(210) 4-2006-17929
(181) 24.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

O-LYNSHT

(151) 01.04.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÂN TRINH (VN)
35 Tam Hà, tổ 15 khu phố 4, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0098727**
(210) 4-2006-20130
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) 26.1.1
(591) Xanh lá cây, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH CHÂU (VN)
36 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 02: Thuốc màu, sơn, véc ni; chất chống rỉ và chất bảo quản gỗ; thuốc nhuộm; thuốc cắn màu; nhựa tự nhiên dạng thô; kim loại dạng lá và dạng bột dùng cho họa sĩ.

---

(111) **4-0098728**
(210) 4-2006-01643
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Thanh lương

(151) 01.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) CƠM CHAY THANH LƯƠNG (VN)
545A đường 3 tháng 2, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Tiệm cơm, dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán ăn tự phục vụ, quán cà phê tự phục vụ.

---

(111) **4-0098729**
(210) 4-2006-02488
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FORPAR

(151) 01.04.2008
(220) 23.02.2006

(731) CIPLA LTD (IN)
Mumbai Central, Mumbai 400 008, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098730**
(210) 4-2006-13887
(181) 23.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 23.08.2006

(531) 3.7.17; 26.3.23; 26.1.1
(591) Xanh lá cây, xanh lơ, xanh lam, xanh lá mạ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ V.E.V (VN)
413/21 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị viễn thông như: điện thoại, máy bộ đàm.

Nhóm 35: Mua bán: đồ điện tử, thiết bị viễn thông, hàng thủ công mỹ nghệ, hoá chất ngành may mặc, văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0098731**
(210) 4-2006-13888
(181) 23.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 23.08.2006

(531) 26.4.2; 26.1.1; 3.7.17; 26.3.23; 25.12.1; 25.12.25
(591) Xanh lá cây, xanh lơ, xanh lam, xanh lá mạ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ V.E.V (VN)
413/21 Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị viễn thông như: điện thoại, máy bộ đàm.

---

(111) **4-0098732**
(210) 4-2006-18606
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CALIBRE

(151) 01.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ XÂY DỰNG THIÊN ANH (VN)
Số 110 khu nhà A, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy hút mùi bằng điện, máy sấy bát bằng điện, bếp gas, chậu rửa, máy rửa bát bằng điện, thùng gạo.

---

(111) **4-0098733**
(210) 4-2006-18607
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CLINOTT

(151) 01.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) LBS LABORATORIES LTD., PART (TH)
602 Soi Panichanant, Sukhumvit 71 Road, Bangkok 10110, Thailand
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098734**
(210) 4-2006-20020
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 20.11.2006

(591) Đỏ, đỏ nâu, hồng, tím nhạt, đen, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HÀ XUÂN (VN)
35 Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua, bán, đại lý ký gửi, xuất nhập khẩu các sản phẩm mỹ phẩm, hoá mỹ phẩm, trang thiết bị phục vụ ngành cắt, uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp và chăm sóc sức khoẻ.

Nhóm 44: Hiệu cắt tóc, dịch vụ chăm sóc sắc đẹp, dịch vụ chăm sóc móng tay, móng chân.

---

(111) **4-0098735**
(210) 4-2006-20022
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 01.04.2008
(220) 20.11.2006

(531) 3.9.16; 26.1.1
(591) Trắng, đỏ nâu, xanh nước biển
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ LÃ TUYẾT TRINH (VN)
Tổ 9, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Ruốc tôm.

---

(111) **4-0098736**
(210) 4-2006-20023
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOFTFOLDS

(151) 01.04.2008
(220) 20.11.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm bảo vệ vệ sinh phụ nữ, cụ thể là băng vệ sinh và miếng đệm vệ sinh.

(111) **4-0098737**
(210) 4-2006-20024
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

:CHOCOOLATE

(151) 01.04.2008
(220) 20.11.2006

(531) 24.17.5
(731) ITHK TM LIMITED (VG)
P.O. Box 3340, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi; vòng cổ và vỏ bọc ngoài dùng cho động vật; các vật dụng dùng cho vật nuôi cụ thể là dây buộc bằng da; dây dắt bằng da hoặc giả da; vòng cổ dùng cho động vật bằng da hoặc giả da; miếng da dùng cho động vật nhai và dây đeo mõm bằng da dùng cho động vật; dây cương dùng cho động vật; da và giả da; da động vật; hòm (hành lý) và túi du lịch; ô; lọng; gậy chống; túi làm bằng da để bao gói; túi bọc làm bằng da; túi đựng đồ trang điểm (không có đồ bên trong); va li; túi xách tay; ví; ví cầm tay; túi khoác vai; túi xách đi chợ; ba lô; túi có quai móc vào vai đeo sau lưng; gậy có đầu nhọn (để cắm xuống đất) và tay cầm mở ra để tạo thành chiếc ghế nhỏ; cặp dẹt đựng tài liệu; va li nhỏ đựng tài liệu; cặp và túi đựng tài liệu làm bằng da hoặc giả da; túi lớn để đựng quần áo khi du lịch; túi nhỏ cầm tay; túi đựng bộ com lê dùng để đi du lịch; ví và bóp đựng thẻ tín dụng; ví để chìa khoá bằng da; ví đựng tiền xu; ví đựng hộ chiếu làm bằng da hoặc giả da; ví giữ quyển séc; bao đựng kính được làm bằng da hoặc giả da, túi đựng bút; cái bọc sổ nhật ký được làm bằng da hoặc giả da; túi dùng để đi du lịch được làm bằng da hoặc giả da; ví đựng cà vạt được làm bằng da hoặc giả da; đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khoá được làm bằng da hoặc giả da; ví tiền; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo; mũ nón; giầy dép; quần áo lót và quần áo mặc bên ngoài; bộ com lê; bít tất dài; quần chật ống; quần tất; áo sơ mi; áo phông; áo ba lỗ; áo choàng; quần; váy; quần áo cải trang mặc trong các buổi liên hoan; áo váy; áo khoác ngoài; váy đầm dạ hội; áo vét tông; quần áo liền không tay; áo gi-lê; áo choàng lông thú; áo choàng da; áo mưa; áo choàng thể thao; áo khoác ngoài com lê; áo khoác ngoài; quần áo bằng len và quần áo được làm bằng vật liệu dệt; cà vạt; áo choàng tắm; quần áo thể thao; quần áo ngủ; mũ; tất ngắn; khăn choàng; găng tay (quần áo); mũ lưỡi trai; tạp dề (quần áo); quần gin, khăn quàng cổ; quần áo bơi; thắt lưng (quần áo); giầy dép dùng cho vận động viên điền kinh; giầy dùng cho vận động viên điền kinh; giầy dùng cho môn đánh gôn; guốc; dép lê; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ, bán buôn và đặt hàng qua thư; dịch vụ đặt hàng, bán hàng và phân phối hàng qua điện thoại, internet và mạng máy tính trực tuyến; tất cả các dịch vụ trên liên quan đến các sản phẩm các vật dụng bằng kim loại dùng cho vật nuôi bao gồm vòng cổ, dây xích, chuông, khoá, dây buộc, cái móc, đai cổ, thẻ để nhận dạng, cửa ra vào và cửa phụ bằng kim loại được sử dụng cho vật nuôi, kim loại thường và hợp kim của chúng, những vật nhỏ làm bằng ngũ kim, ống dẫn và ống làm bằng kim loại, két sắt, các sản phẩm làm bằng kim loại, kính mắt, kính, kính râm, gọng kính, kính lúp, hộp đựng kính và kính râm, kim loại quý và hợp kim của chúng và các sản phẩm làm bằng kim loại quý hoặc bọc bằng kim loại này, đồ trang sức, đá quý, hoa tai, vòng, dây chuyền, vòng tay, mặt dây chuyền, trâm gài đầu, dụng cụ đo thời gian và đồng hồ bấm giờ, đồng hồ đeo tay, đồng hồ, khăn vệ sinh hút nước làm bằng giấy hoặc cellulose dùng cho vật nuôi, giấy,

bìa các tông và các sản phẩm làm bằng vật liệu này, ấn phẩm, vật liệu đóng sách, ảnh chụp, văn phòng phẩm, băng dính dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình, vật liệu dùng cho các nghệ sĩ, bút lông, máy chữ và đồ dùng văn phòng, đồ dùng giảng dậy và tài liệu kèm theo, chất dẻo để bao gói, chữ in, bản đúc, dụng cụ dùng để viết, túi nhỏ dùng đựng dụng cụ dùng để viết, hộp quà tặng dùng cho dụng cụ viết, mực và ống mực dự trữ, túi đựng đồ viết, sổ lập lịch cá nhân, bộ đồ dùng cho bàn học, bút máy, bút bi và bút chì, quản bút và bút chì, cái chặn giấy, sổ nhật ký, lọ mực và giá để một hoặc nhiều lọ mực, ví giữ hộ chiếu, ví giữ sổ séc, tờ bọc sổ séc, quần áo cho vật nuôi, vòng và vỏ bọc ngoài cho động vật, vật dụng cho vật nuôi cụ thể là dây buộc bằng da, dây dắt bằng da hoặc giả da, vòng cổ bằng da hoặc giả da, miếng da dùng cho động vật nhai và dây đeo mõm bằng da dùng cho động vật, dây cương dùng cho động vật, da và giả da và các sản phẩm làm từ vật liệu này, da động vật, hòm và túi du lịch, ô, lọng, gậy chống, hành lý, túi, hộp, túi đựng đồ trang điểm, va li, túi xách tay, ví, ví cầm tay, túi khoác vai, túi xách đi chợ, ba lô, túi có quai móc vào vai đeo sau lưng, gậy có đầu nhọn (để cắm xuống đất) và tay cầm mở ra để tạo thành chiếc ghế nhỏ, cặp dẹt đựng tài liệu, va li nhỏ đựng tài liệu, cặp và túi đựng tài liệu làm bằng da hoặc giả da, túi lớn để đựng quần áo khi du lịch, túi nhỏ cầm tay, túi đựng bộ com lê, ví và bóp đựng thẻ tín dụng, ví để chìa khoá bằng da, ví đựng tiền xu, ví đựng hộ chiếu làm bằng da hoặc giả da, ví giữ quyển séc, bao đựng kính được làm bằng da hoặc giả da, túi đựng bút, cái bọc sổ nhật ký được làm bằng da hoặc giả da, túi dùng để đi du lịch được làm bằng da hoặc giả da, ví đựng cà vạt được làm bằng da hoặc giả da, đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khoá được làm bằng da hoặc giả da, ví tiền, chuồng dùng cho vật nuôi trong gia đình, hộp để ổ rơm và máng dùng cho vật nuôi, đồ chứa bằng chất dẻo dùng để phân phối thức ăn và đồ uống cho vật nuôi, lược dùng cho động vật, dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc, lược và bọt biển, bàn chải, vật liệu dùng làm bàn chải, đồ lau dọn, sợi thép rối, thuỷ tinh thô hoặc bán thành phẩm, đồ thuỷ tinh, sành và sứ, vải và hàng dệt, khăn trải bàn và giường ngủ, quần áo, mũ nón, giầy dép, quần áo lót và quần áo mặc bên ngoài, bộ com lê, bít tất dài, quần chật ống, quần tất, áo sơ mi, áo phông, áo ba lỗ, áo choàng, quần, váy, quần áo cải trang mặc trong các buổi liên hoan, áo váy, áo khoác ngoài, váy đầm dạ hội, áo vét tông, quần áo liền không tay, áo gi-lê, áo choàng lông thú, áo choàng da, áo mưa, áo choàng thể thao, áo khoác ngoài com lê, áo khoác ngoài, quần áo bằng len và quần áo được làm bằng vật liệu dệt, cà vạt; áo choàng tắm, quần áo thể thao, quần áo ngủ, mũ, tất ngắn, thắt lưng, khăn choàng, găng tay, mũ lưỡi trai, tạp dề, quần gin, khăn quàng cổ, quần áo bơi, thắt lưng (quần áo), giầy dép dùng cho vận động viên điền kinh, giầy dùng cho vận động viên điền kinh, giầy dùng cho môn đánh gôn, guốc, dép lê, đồ chơi dùng để chơi trong nhà dùng cho vật nuôi, trò chơi và đồ chơi, vật dụng thể dục và thể thao, đồ trang trí cây noel.

(111) **4-0098738**
(210) 4-2006-20025
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BLACK CHOCOOLATE

(151) 01.04.2008
(220) 20.11.2006

(531) 24.17.5
(731) ITHK TM LIMITED (VG)
P.O. Box 3340, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi; vòng cổ và vỏ bọc ngoài dùng cho động vật; các vật dụng dùng cho vật nuôi cụ thể là dây buộc bằng da; dây dắt bằng da hoặc giả da; vòng cổ dùng cho động vật bằng da hoặc giả da; miếng da dùng cho động vật nhai và dây đeo mõm bằng da dùng cho động vật; dây cương dùng cho động vật; da và giả da; da động vật; hòm (hành lý) và túi du lịch; ô; lọng; gậy chống; túi làm bằng da để bao gói; túi bọc làm bằng da; túi đựng đồ trang điểm (không có đồ bên trong); va li; túi xách tay; ví; ví cầm tay; túi khoác vai; túi xách đi chợ; ba lô; túi có quai móc vào vai đeo sau lưng; gậy có đầu nhọn (để cắm xuống đất) và tay cầm mở ra để tạo thành chiếc ghế nhỏ; cặp dẹt đựng tài liệu; va li nhỏ đựng tài liệu; cặp và túi đựng tài liệu làm bằng da hoặc giả da; túi lớn để đựng quần áo khi du lịch; túi nhỏ cầm tay; túi đựng bộ com lê dùng để đi du lịch; ví và bóp đựng thẻ tín dụng; ví để chìa khoá bằng da; ví đựng tiền xu; ví đựng hộ chiếu làm bằng da hoặc giả da; ví giữ quyển séc; bao đựng kính được làm bằng da hoặc giả da, túi đựng bút; cái bọc sổ nhật ký được làm bằng da hoặc giả da; túi dùng để đi du lịch được làm bằng da hoặc giả da; ví đựng cà vạt được làm bằng da hoặc giả da; đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khoá được làm bằng da hoặc giả da; ví tiền; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo; mũ nón; giầy dép; quần áo lót và quần áo mặc bên ngoài; bộ com lê; bít tất dài; quần chật ống; quần tất; áo sơ mi; áo phông; áo ba lỗ; áo choàng; quần; váy; quần áo cải trang mặc trong các buổi liên hoan; áo váy; áo khoác ngoài; váy đầm dạ hội; áo vét tông; quần áo liền không tay; áo gi-lê; áo choàng lông thú; áo choàng da; áo mưa; áo choàng thể thao; áo khoác ngoài com lê; áo khoác ngoài; quần áo bằng len và quần áo được làm bằng vật liệu dệt; cà vạt; áo choàng tắm; quần áo thể thao; quần áo ngủ; mũ; tất ngắn; khăn choàng; găng tay (quần áo); mũ lưỡi trai; tạp dề (quần áo); quần gin, khăn quàng cổ; quần áo bơi; thắt lưng (quần áo); giầy dép dùng cho vận động viên điền kinh; giầy dùng cho vận động viên điền kinh; giầy dùng cho môn đánh gôn; guốc; dép lê; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ, bán buôn và đặt hàng qua thư; dịch vụ đặt hàng, bán hàng và phân phối hàng qua điện thoại, internet và mạng máy tính trực tuyến; tất cả các dịch vụ trên liên quan đến các sản phẩm các vật dụng bằng kim loại dùng cho vật nuôi bao gồm vòng cổ, dây xích, chuông, khoá, dây buộc, cái móc, đai cổ, thẻ để nhận dạng, cửa ra vào và cửa phụ bằng kim loại được sử dụng cho vật nuôi, kim loại thường và hợp kim của chúng, những vật nhỏ làm bằng ngũ kim, ống dẫn và ống làm bằng kim loại, két sắt, các sản phẩm làm bằng kim loại, kính mắt, kính, kính râm, gọng kính, kính lúp, hộp đựng kính và kính râm, kim loại quý và hợp kim của chúng và các sản phẩm làm bằng kim loại quý hoặc bọc bằng kim loại này, đồ trang sức, đá quý, hoa tai, vòng, dây chuyền, vòng tay, mặt dây chuyền, trâm gài đầu, dụng cụ đo thời gian và đồng hồ bấm giờ, đồng hồ đeo tay, đồng hồ, khăn vệ sinh hút nước làm bằng giấy hoặc cellulose dùng cho vật nuôi, giấy,

bìa các tông và các sản phẩm làm bằng vật liệu này, ấn phẩm, vật liệu đóng sách, ảnh chụp, văn phòng phẩm, băng dính dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình, vật liệu dùng cho các nghệ sĩ, bút lông, máy chữ và đồ dùng văn phòng, đồ dùng giảng dậy và tài liệu kèm theo, chất dẻo để bao gói, chữ in, bản đúc, dụng cụ dùng để viết, túi nhỏ dùng đựng dụng cụ dùng để viết, hộp quà tặng dùng cho dụng cụ viết, mực và ống mực dự trữ, túi đựng đồ viết, sổ lập lịch cá nhân, bộ đồ dùng cho bàn học, bút máy, bút bi và bút chì, quản bút và bút chì, cái chặn giấy, sổ nhật ký, lọ mực và giá để một hoặc nhiều lọ mực, ví giữ hộ chiếu, ví giữ sổ séc, tờ bọc sổ séc, quần áo cho vật nuôi, vòng và vỏ bọc ngoài cho động vật, vật dụng cho vật nuôi cụ thể là dây buộc bằng da, dây dắt bằng da hoặc giả da, vòng cổ bằng da hoặc giả da, miếng da dùng cho động vật nhai và dây đeo mõm bằng da dùng cho động vật, dây cương dùng cho động vật, da và giả da và các sản phẩm làm từ vật liệu này, da động vật, hòm và túi du lịch, ô, lọng, gậy chống, hành lý, túi, hộp, túi đựng đồ trang điểm, va li, túi xách tay, ví, ví cầm tay, túi khoác vai, túi xách đi chợ, ba lô, túi có quai móc vào vai đeo sau lưng, gậy có đầu nhọn (để cắm xuống đất) và tay cầm mở ra để tạo thành chiếc ghế nhỏ, cặp dẹt đựng tài liệu, va li nhỏ đựng tài liệu, cặp và túi đựng tài liệu làm bằng da hoặc giả da, túi lớn để đựng quần áo khi du lịch, túi nhỏ cầm tay, túi đựng bộ com lê, ví và bóp đựng thẻ tín dụng, ví để chìa khoá bằng da, ví đựng tiền xu, ví đựng hộ chiếu làm bằng da hoặc giả da, ví giữ quyển séc, bao đựng kính được làm bằng da hoặc giả da, túi đựng bút, cái bọc sổ nhật ký được làm bằng da hoặc giả da, túi dùng để đi du lịch được làm bằng da hoặc giả da, ví đựng cà vạt được làm bằng da hoặc giả da, đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khoá được làm bằng da hoặc giả da, ví tiền, chuồng dùng cho vật nuôi trong gia đình, hộp để ổ rơm và máng dùng cho vật nuôi, đồ chứa bằng chất dẻo dùng để phân phối thức ăn và đồ uống cho vật nuôi, lược dùng cho động vật, dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc, lược và bọt biển, bàn chải, vật liệu dùng làm bàn chải, đồ lau dọn, sợi thép rối, thuỷ tinh thô hoặc bán thành phẩm, đồ thuỷ tinh, sành và sứ, vải và hàng dệt, khăn trải bàn và giường ngủ, quần áo, mũ nón, giầy dép, quần áo lót và quần áo mặc bên ngoài, bộ com lê, bít tất dài, quần chật ống, quần tất, áo sơ mi, áo phông, áo ba lỗ, áo choàng, quần, váy, quần áo cải trang mặc trong các buổi liên hoan, áo váy, áo khoác ngoài, váy đầm dạ hội, áo vét tông, quần áo liền không tay, áo gi-lê, áo choàng lông thú, áo choàng da, áo mưa, áo choàng thể thao, áo khoác ngoài com lê, áo khoác ngoài, quần áo bằng len và quần áo được làm bằng vật liệu dệt, cà vạt; áo choàng tắm, quần áo thể thao, quần áo ngủ, mũ, tất ngắn, thắt lưng, khăn choàng, găng tay, mũ lưỡi trai, tạp dề, quần gin, khăn quàng cổ, quần áo bơi, thắt lưng (quần áo), giầy dép dùng cho vận động viên điền kinh, giầy dùng cho vận động viên điền kinh, giầy dùng cho môn đánh gôn, guốc, dép lê, đồ chơi dùng để chơi trong nhà dùng cho vật nuôi, trò chơi và đồ chơi, vật dụng thể dục và thể thao, đồ trang trí cây noel.

(111) **4-0098739**
(210) 4-2006-20026
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

WHITE CHOCOOLATE

(151) 01.04.2008
(220) 20.11.2006

(531) 24.17.5
(731) ITHK TM LIMITED (VG)
P.O. Box 3340, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi; vòng cổ và vỏ bọc ngoài dùng cho động vật; các vật dụng dùng cho vật nuôi cụ thể là dây buộc bằng da; dây dắt bằng da hoặc giả da; vòng cổ dùng cho động vật bằng da hoặc giả da; miếng da dùng cho động vật nhai và dây đeo mõm bằng da dùng cho động vật; dây cương dùng cho động vật; da và giả da; da động vật; hòm (hành lý) và túi du lịch; ô; lọng; gậy chống; túi làm bằng da để bao gói; túi bọc làm bằng da; túi đựng đồ trang điểm (không có đồ bên trong); va li; túi xách tay; ví; ví cầm tay; túi khoác vai; túi xách đi chợ; ba lô; túi có quai móc vào vai đeo sau lưng; gậy có đầu nhọn (để cắm xuống đất) và tay cầm mở ra để tạo thành chiếc ghế nhỏ; cặp dẹt đựng tài liệu; va li nhỏ đựng tài liệu; cặp và túi đựng tài liệu làm bằng da hoặc giả da; túi lớn để đựng quần áo khi du lịch; túi nhỏ cầm tay; túi đựng bộ com lê dùng để đi du lịch; ví và bóp đựng thẻ tín dụng; ví để chìa khoá bằng da; ví đựng tiền xu; ví đựng hộ chiếu làm bằng da hoặc giả da; ví giữ quyển séc; bao đựng kính được làm bằng da hoặc giả da, túi đựng bút; cái bọc sổ nhật ký được làm bằng da hoặc giả da; túi dùng để đi du lịch được làm bằng da hoặc giả da; ví đựng cà vạt được làm bằng da hoặc giả da; đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khoá được làm bằng da hoặc giả da; ví tiền; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo; mũ nón; giầy dép; quần áo lót và quần áo mặc bên ngoài; bộ com lê; bít tất dài; quần chật ống; quần tất; áo sơ mi; áo phông; áo ba lỗ; áo choàng; quần; váy; quần áo cải trang mặc trong các buổi liên hoan; áo váy; áo khoác ngoài; váy đầm dạ hội; áo vét tông; quần áo liền không tay; áo gi-lê; áo choàng lông thú; áo choàng da; áo mưa; áo choàng thể thao; áo khoác ngoài com lê; áo khoác ngoài; quần áo bằng len và quần áo được làm bằng vật liệu dệt; cà vạt; áo choàng tắm; quần áo thể thao; quần áo ngủ; mũ; tất ngắn; khăn choàng; găng tay (quần áo); mũ lưỡi trai; tạp dề (quần áo); quần gin, khăn quàng cổ; quần áo bơi; thắt lưng (quần áo); giầy dép dùng cho vận động viên điền kinh; giầy dùng cho vận động viên điền kinh; giầy dùng cho môn đánh gôn; guốc; dép lê; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ, bán buôn và đặt hàng qua thư; dịch vụ đặt hàng, bán hàng và phân phối hàng qua điện thoại, internet và mạng máy tính trực tuyến; tất cả các dịch vụ trên liên quan đến các sản phẩm các vật dụng bằng kim loại dùng cho vật nuôi bao gồm vòng cổ, dây xích, chuông, khoá, dây buộc, cái móc, đai cổ, thẻ để nhận dạng, cửa ra vào và cửa phụ bằng kim loại được sử dụng cho vật nuôi, kim loại thường và hợp kim của chúng, những vật nhỏ làm bằng ngũ kim, ống dẫn và ống làm bằng kim loại, két sắt, các sản phẩm làm bằng kim loại, kính mắt, kính, kính râm, gọng kính, kính lúp, hộp đựng kính và kính râm, kim loại quý và hợp kim của chúng và các sản phẩm làm bằng kim loại quý hoặc bọc bằng kim loại này, đồ trang sức, đá quý, hoa tai, vòng, dây chuyền, vòng tay, mặt dây chuyền, trâm gài đầu, dụng cụ đo thời gian và đồng hồ bấm giờ, đồng hồ đeo tay, đồng hồ, khăn vệ sinh hút nước làm bằng giấy hoặc cellulose dùng cho vật nuôi, giấy,

bìa các tông và các sản phẩm làm bằng vật liệu này, ấn phẩm, vật liệu đóng sách, ảnh chụp, văn phòng phẩm, băng dính dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình, vật liệu dùng cho các nghệ sĩ, bút lông, máy chữ và đồ dùng văn phòng, đồ dùng giảng dậy và tài liệu kèm theo, chất dẻo để bao gói, chữ in, bản đúc, dụng cụ dùng để viết, túi nhỏ dùng đựng dụng cụ dùng để viết, hộp quà tặng dùng cho dụng cụ viết, mực và ống mực dự trữ, túi đựng đồ viết, sổ lập lịch cá nhân, bộ đồ dùng cho bàn học, bút máy, bút bi và bút chì, quản bút và bút chì, cái chặn giấy, sổ nhật ký, lọ mực và giá để một hoặc nhiều lọ mực, ví giữ hộ chiếu, ví giữ sổ séc, tờ bọc sổ séc, quần áo cho vật nuôi, vòng và vỏ bọc ngoài cho động vật, vật dụng cho vật nuôi cụ thể là dây buộc bằng da, dây dắt bằng da hoặc giả da, vòng cổ bằng da hoặc giả da, miếng da dùng cho động vật nhai và dây đeo mõm bằng da dùng cho động vật, dây cương dùng cho động vật, da và giả da và các sản phẩm làm từ vật liệu này, da động vật, hòm và túi du lịch, ô, lọng, gậy chống, hành lý, túi, hộp, túi đựng đồ trang điểm, va li, túi xách tay, ví, ví cầm tay, túi khoác vai, túi xách đi chợ, ba lô, túi có quai móc vào vai đeo sau lưng, gậy có đầu nhọn (để cắm xuống đất) và tay cầm mở ra để tạo thành chiếc ghế nhỏ, cặp dẹt đựng tài liệu, va li nhỏ đựng tài liệu, cặp và túi đựng tài liệu làm bằng da hoặc giả da, túi lớn để đựng quần áo khi du lịch, túi nhỏ cầm tay, túi đựng bộ com lê, ví và bóp đựng thẻ tín dụng, ví để chìa khoá bằng da, ví đựng tiền xu, ví đựng hộ chiếu làm bằng da hoặc giả da, ví giữ quyển séc, bao đựng kính được làm bằng da hoặc giả da, túi đựng bút, cái bọc sổ nhật ký được làm bằng da hoặc giả da, túi dùng để đi du lịch được làm bằng da hoặc giả da, ví đựng cà vạt được làm bằng da hoặc giả da, đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khoá được làm bằng da hoặc giả da, ví tiền, chuồng dùng cho vật nuôi trong gia đình, hộp để ổ rơm và máng dùng cho vật nuôi, đồ chứa bằng chất dẻo dùng để phân phối thức ăn và đồ uống cho vật nuôi, lược dùng cho động vật, dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc, lược và bọt biển, bàn chải, vật liệu dùng làm bàn chải, đồ lau dọn, sợi thép rối, thuỷ tinh thô hoặc bán thành phẩm, đồ thuỷ tinh, sành và sứ, vải và hàng dệt, khăn trải bàn và giường ngủ, quần áo, mũ nón, giầy dép, quần áo lót và quần áo mặc bên ngoài, bộ com lê, bít tất dài, quần chật ống, quần tất, áo sơ mi, áo phông, áo ba lỗ, áo choàng, quần, váy, quần áo cải trang mặc trong các buổi liên hoan, áo váy, áo khoác ngoài, váy đầm dạ hội, áo vét tông, quần áo liền không tay, áo gi-lê, áo choàng lông thú, áo choàng da, áo mưa, áo choàng thể thao, áo khoác ngoài com lê, áo khoác ngoài, quần áo bằng len và quần áo được làm bằng vật liệu dệt, cà vạt; áo choàng tắm, quần áo thể thao, quần áo ngủ, mũ, tất ngắn, thắt lưng, khăn choàng, găng tay, mũ lưỡi trai, tạp dề, quần gin, khăn quàng cổ, quần áo bơi, thắt lưng (quần áo), giầy dép dùng cho vận động viên điền kinh, giầy dùng cho vận động viên điền kinh, giầy dùng cho môn đánh gôn, guốc, dép lê, đồ chơi dùng để chơi trong nhà dùng cho vật nuôi, trò chơi và đồ chơi, vật dụng thể dục và thể thao, đồ trang trí cây noel.

(111) **4-0098740**
(210) 4-2006-20346
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PIANO

(151) 01.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098741**
(210) 4-2006-19936
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ULTAZIDIM

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098742**
(210) 4-2006-19937
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ULTISPA

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098743**
(210) 4-2006-19938
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ULTICER

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098744**
(210) 4-2006-19939
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ULTIMYCIN

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098745**
(210) 4-2007-02043
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MATCO

(151) 02.04.2008
(220) 29.01.2007

(731) NMTC, INC. D/B/A MATCO TOOLS (A DELAWARE CORPORATION) (US)
4403 Allen Road, Stow, Ohio 44224, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Hộp dụng cụ bằng kim loại (hộp rỗng).

Nhóm 07: Máy công cụ chạy bằng điện, cụ thể là máy nén khí; máy công cụ vận hành bằng khí, cụ thể là cờ lê (máy) vận hành bằng khí; cờ lê vặn xoắn (máy) vận hành bằng khí, máy mài vận hành bằng khí, máy đánh bóng vận hành bằng khí, máy khoan vận hành bằng khí, búa máy vận hành bằng khí; các phụ tùng của máy công cụ khí động, cụ thể là đĩa nhám và bánh nhám mài; máy khoan điện và mũi khoan điện.

Nhóm 08: Dụng cụ cầm tay thao tác thủ công, cụ thể là bộ dụng cụ vặn bu lông, cờ lê, cờ lê vặn xoắn, tua vít, mỏ lết, cái cạy nắp, cái dập, cái đục, búa, giũa, cái cạo rỉ, dụng cụ tháo bu-lông, dụng cụ tháo ốc vít; bộ dụng cụ cầm tay để sửa chữa thân các phương tiện giao thông đường bộ bao gồm các dụng cụ đo và các dụng cụ cầm tay khác thường dùng trong việc sản xuất, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, cụ thể là mỏ cặp, bàn kẹp, kìm, mũi khoan, dao và cưa kim loại.

Nhóm 09: Thiết bị theo dõi chạy điện để phân tích các hệ thống xe ô tô và ghi lại dữ liệu trong một chíp điện tử nhỏ có cài bộ nhớ bên trong; thiết bị hàn, cụ thể là máy hàn hồ quang điện, đầu hàn điện cực, đèn hàn và găng tay bảo vệ.

Nhóm 20: Giá và tủ để chứa các dụng cụ.

(111) **4-0098746**
(210) 4-2007-06504
(181) 16.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZITROLID

(151) 02.04.2008
(220) 16.04.2007

(731) JSC SCHELKOVO VITAMIN PLANT (RU)
Fabritchnaya Street 2, Schelkovo, Moscow Region 141100, Russia
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098747**
(210) 4-2006-00512
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 11.01.2006

(531) 26.4.3
(591) Vàng cua gạch, trắng, đen
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐỒ GỖ MỸ NGHỆ NGỌC BÍCH (VN)
Thôn Hương Mạc, xã Hương Mạc, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gỗ nội thất (sập gụ, tủ chè, sa lông các loại, giường, tủ, bàn ghế, đồ gỗ dùng cho văn phòng).

---

(111) **4-0098748**
(210) 4-2006-02320
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 20.02.2006

(531) 26.3.1; 26.4.2
(591) Xám bạc, xám, đen
(731) CATERPILLAR INC. (US)
100 N.E. Adams Street, Peoria, Illinois 61629 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Động cơ tàu biển; động cơ công nghiệp; động cơ điêzen; động cơ khí đốt; thiết bị cho máy phát điện và cụm máy phát điện được dùng trong truyền điện, công nghiệp dùng dầu điêzen, khí đốt và khí tự nhiên, thiết bị khởi động, máy phát điện xoay chiều, pít - tông, vòng gioăng, tay quay, trục cam, trục động cơ, thanh truyền, bạc lót (ổ trục), đầu xi lanh, thiết bị làm mát động cơ, thiết bị tăng hiệu xuất động cơ, hệ thống bôi trơn máy móc, máy nén khí và guốc (phanh).

Nhóm 12: Động cơ xe cộ cụ thể là: động cơ xe tải có gắn thiết bị nối, động cơ xe tải đi đường đồi núi, động cơ xe tải đi trong hầm mỏ, động cơ máy kéo đi đường đồi núi, động cơ đầu máy (xe lửa), động cơ máy kéo dùng trong nông nghiệp, động cơ xe gặt đập liên hợp, động cơ xe tải có càng nâng.

(111) **4-0098749**
(210) 4-2006-02321
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 20.02.2006

(531) 26.3.1; 26.4.2
(591) Xám bạc, đen, xám
(731) CATERPILLAR INC. (US)
100 N.E. Adams Street, Peoria, Illinois 61629 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Động cơ tàu biển; động cơ công nghiệp; động cơ điêzen; động cơ khí đốt; thiết bị cho máy phát điện và cụm máy phát điện được dùng trong truyền điện, công nghiệp dùng dầu điêzen, khí đốt và khí tự nhiên, cụ thể là thiết bị khởi động, máy phát điện xoay chiều, pít - tông, vòng gioăng, tay quay, trục cam, trục động cơ, thanh truyền, bạc lót (ổ trục), đầu xi lanh, thiết bị làm mát động cơ, thiết bị tăng hiệu xuất động cơ, hệ thống bôi trơn máy móc, máy nén khí và guốc (phanh).

Nhóm 12: Động cơ xe cộ cụ thể là: động cơ xe tải có gắn thiết bị nối, động cơ xe tải đi đường đồi núi, động cơ xe tải đi trong hầm mỏ, động cơ máy kéo đi đường đồi núi, động cơ đầu máy (xe lửa), động cơ máy kéo dùng trong nông nghiệp, động cơ xe gặt đập liên hợp, động cơ xe tải có càng nâng.

(111) **4-0098750**
(210) 4-2006-02322
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 20.02.2006

(531) 26.3.1; 26.4.2
(591) Vàng, đỏ, đen, trắng.
(731) CATERPILLAR INC. (US)
100 N.E. Adams Street, Peoria, Illinois 61629 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị đi kèm máy san chuyển đất, máy xử lý đất, máy xử lý vận chuyển vật liệu cụ thể là: dao cắt nhựa đường, mũi khoan, gầu xúc, lưỡi dao, khung nâng (dùng cho máy chuyển khối hàng), chổi lau (để gắn đầu xe vệ sinh), píttông, bánh xe lu để lu nguội, bánh xe lu đất, đầm rung, mắt nối (bánh xích), lô nghiền, thiết bị kẹp để cắt, cần dùng cho máy, cần nâng dạng xiên (dùng cho xe nâng hàng), cần nâng dạng tấm (dùng cho xe nâng hàng), móc bám dùng để cẩu hàng, thiết bị đập, thùng chứa (dùng trong máy chuyên chở), thiết bị thang (dùng trong xe thang), móc nâng vật (dùng cho máy cẩu), cánh tay xử lý vận chuyển vật liệu, thiết bị xử lý đa năng, thiết bị xúc, thiết bị nghiền mịn, thiết bị kẹp để nghiền, khung cào (dùng trong máy lượm cỏ), lưỡi cắt (dùng trong máy xẻ), lưỡi cưa, lô xới dùng cho máy xới đất, gầu múc, lưỡi kéo dùng cho máy cắt, thiết bị thổi tuyết, thiết bị xới tuyết, thiết bị gạt tuyết, thiết bị đánh gốc cây, thiết bị nhồi cọc, thiết bị đào đất, thiết bị đào rãnh, cột cần cẩu kiểu thanh giằng, tất cả các sản phẩm nêu trên được sử dụng cho máy san chuyển đất, máy xử lý đất, máy xử lý vận chuyển vật liệu.

(111) **4-0098751**
(210) 4-2006-02323
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 20.02.2006

(531) 26.3.1; 26.4.2
(591) Vàng, đỏ, đen, trắng.
(731) CATERPILLAR INC. (US)
100 N.E. Adams Street, Peoria, Illinois 61629 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị đi kèm máy san chuyển đất, máy xử lý đất, máy xử lý vận chuyển vật liệu cụ thể là: dao cắt nhựa đường, mũi khoan, gầu xúc, lưỡi dao, khung nâng (dùng cho máy chuyển khối hàng), chổi lau (để gắn đầu xe vệ sinh), píttông, bánh xe lu để lu nguội, bánh xe lu đất, đầm rung, mắt nối (bánh xích), lô nghiền, thiết bị kẹp để cắt, cần dùng cho máy, cần nâng dạng xiên (dùng cho xe nâng hàng), cần nâng dạng tấm (dùng cho xe nâng hàng), móc bám dùng để cẩu hàng, thiết bị đập, thùng chứa (dùng trong máy chuyên chở), thiết bị thang (dùng trong xe thang), móc nâng vật (dùng cho máy cẩu), cánh tay xử lý vận chuyển vật liệu, thiết bị xử lý đa năng, thiết bị xúc, thiết bị nghiền mịn, thiết bị kẹp để nghiền, khung cào (dùng trong máy lượm cỏ), lưỡi cắt (dùng trong máy xẻ), lưỡi cưa, lô xới dùng cho máy xới đất, gầu múc, lưỡi kéo dùng cho máy cắt, thiết bị thổi tuyết, thiết bị xới tuyết, thiết bị gạt tuyết, thiết bị đánh gốc cây, thiết bị nhổi cọc, thiết bị đào đất, thiết bị đào rãnh, cột cần cẩu kiểu thanh giằng, tất cả các sản phẩm nêu trên được sử dụng cho máy san chuyển đất, máy xử lý đất, máy xử lý vận chuyển vật liệu.

---

(111) **4-0098752**
(210) 4-2006-03727
(181) 16.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OSSIZAN

(151) 02.04.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098753**
(210) 4-2006-16933
(181) 09.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 09.10.2006

(531) 3.7.3; 26.4.2
(591) Hồng, đỏ, xanh nước biển, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y (VEMEDIM) (VN)
Số 07, đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

---

(111) **4-0098754**
(210) 4-2006-21076
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OSMONICS

(151) 02.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KP2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc dầu, bộ lọc không khí, bộ lọc nhiên liệu (bộ phận của máy móc).

Nhóm 12: Vành xe máy, xích xe máy, phuộc nhún (giảm sóc) xe máy, má phanh xe máy, moay ơ xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0098755**
(210) 4-2006-21077
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JONEL

(151) 02.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KP2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc dầu, bộ lọc không khí, bộ lọc nhiên liệu (bộ phận của máy móc).

Nhóm 12: Vành xe máy, xích xe máy, phuộc nhún (giảm sóc) xe máy, má phanh xe máy, moay ơ xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0098756**
(210) 4-2006-00399
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EXPEDIUM

(151) 02.04.2008
(220) 10.01.2006

(731) DEPUY, INC. (US)
700 Orthopaedic Drive, Warsaw, Indiana 46581, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Mảnh ghép xương sống; dụng cụ phẫu thuật sử dụng với mảnh ghép xương sống.

---

(111) **4-0098757**
(210) 4-2006-00509
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHI KHA Co.,Ltd
Nhà thầu hệ thống Nhôm, Nhựa, Trần, Kính Kiến Trúc

(151) 02.04.2008
(220) 11.01.2006

(531) 26.3.1; 26.7.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT PHI KHA (VN)
428 Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Cửa nhôm.

Nhóm 19: Vật liệu trang trí nội thất như trần làm bằng thạch cao.

---

(111) **4-0098758**
(210) 4-2006-02963
(181) 03.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

POUR N' WHIP

(151) 02.04.2008
(220) 03.03.2006

(731) WHITEWAVE SERVICES, INC. (US)
300 Delaware Avenue, #546, Wilmington, DE 19801, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt; cá (không sống); cá được bảo quản; cá ướp muối; cá đóng hộp; gia cầm và thú săn (không sống); chất chiết ra từ thịt; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông làm thức ăn, nước quả nấu đông, mứt, mứt quả; trứng; sữa và các sản phẩm làm từ sữa; dầu thực vật và mỡ ăn; kem (làm từ sữa) phủ trên bánh ngọt; kem đánh dậy bọt (làm từ sữa) phủ trên bánh ngọt.

Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột sắn; bột cọ; chất thay thế cà phê; bột và chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mỳ; bánh ngọt; bánh kẹo; kem; mật ong; nước mật đường; men thực phẩm; bột nở; muối ăn; tương hạt cải; dấm; nước xốt (gia vị); gia vị; nước đá thực phẩm; kem (không làm từ sữa) phủ trên bánh ngọt; kem đánh dậy bọt (không làm từ sữa) phủ trên bánh ngọt.

---

(111) **4-0098759**
(210) 4-2006-17091
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VÂN CÚC

(151) 02.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH X.C.E.L VIỆT NAM (VN)
36-165/30 Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

(111) **4-0098760**
(210) 4-2006-20759
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 28.11.2006

(531) A5.5.22
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU CÔNG VIÊN SÁNG TẠO (VN)
Số 16D, ngách 31, ngõ 342, đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 41: Phát hành tạp chí, sách, báo, catologe, lịch, các ấn phẩm văn hóa; cung cấp ấn phẩm điện tử trực tuyến, các ấn phẩm định kỳ điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được); dịch vụ vui chơi giải trí dưới dạng nhóm thảo luận trên mạng Internet hoặc thiết bị truyền thông điện tử không dây; tổ chức sự kiện văn hóa, giáo dục, thể thao; sản xuất phim; tổ chức triển lãm với mục đích văn hóa, giáo dục.

---

(111) **4-0098761**
(210) 4-2006-01574
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) NISSIN WALLAW FOOD CO., LTD. (CN)
Hualong Food Town, Longyao County, Hebei Province 055350, P.R. China
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; kẹo; mật ong; bánh bích quy; bánh pút-đinh bằng bột gạo của người Trung quốc; bột mỳ; món mỳ tiện lợi (thường được đóng gói sẵn); bánh giòn làm từ bột gạo có vị tôm; sản phẩm tinh bột để chế biến thực phẩm; gia vị; nước xốt làm từ đậu nành; bột đậu nành; kem lạnh; muối để nấu ăn; bột nở; bánh làm từ bột nhão; đường; tinh chất để chế biến thực phẩm [trừ chất ête và tinh dầu]; chất làm mềm thịt, dùng cho mục đích gia đình; mỳ.

---

(111) **4-0098762**
(210) 4-2005-16730
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.3.23; 26.1.1; 26.11.3
(591) Đen, trắng, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH XUYÊN THÁI BÌNH (VN)
106/9B Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp như vệ sinh: máy móc, kính, sân khách sạn, bệnh viện, tất cả phục vụ cho sản xuất và đời sống con người.

---

(111) **4-0098763**
(210) 4-2005-17298
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) 26.4.1; 26.4.9
(731) ADVANCED MEDICAL OPTICS, INC. (US)
1700 E. St. Andrew Place, Santa Ana, Ca 92799-5162 USA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 10: Thuỷ tinh thể nhân tạo (dùng trong phẫu thuật cấy ghép), các bộ phận và phụ kiện của sản phẩm này.

---

(111) **4-0098764**
(210) 4-2006-00184
(181) 05.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TYKINERB

(151) 02.04.2008
(220) 05.01.2006

(731) SMITHKLINE BEECHAM (CORK) LIMITED (IE)
Currabinny, Carrigaline, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc dùng để ngăn ngừa hoặc điều trị bệnh ung thư.

---

(111) **4-0098765**
(210) 4-2006-00185
(181) 05.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TYKERB

(151) 02.04.2008
(220) 05.01.2006

(731) SMITHKLINE BEECHAM (CORK) LIMITED (IE)
Currabinny, Carrigaline, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc dùng để ngăn ngừa hoặc điều trị bệnh ung thư.

---

(111) **4-0098766**
(210) 4-2006-00186
(181) 05.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CINADIA

(151) 02.04.2008
(220) 05.01.2006

(731) SMITHKLINE BEECHAM (CORK) LIMITED (IE)
Currabinny, Carrigaline, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc dùng để ngăn ngừa hoặc điều trị bệnh ung thư.

---

(111) **4-0098767**
(210) 4-2006-00743
(181) 16.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THE SINGLETON

(151) 02.04.2008
(220) 16.01.2006

(731) DIAGEO SCOTLAND LIMITED (GB)
Edinburgh Park, 5 Lochside Way, Edinburgh EH12 9DT, Scotland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 33: Các đồ uống có cồn (trừ bia); rượu whisky; đồ uống có thành phần chính là rượu whisky.

(111) **4-0098768**
(210) 4-2006-01972
(181) 14.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

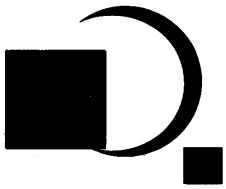

(151) 02.04.2008
(220) 14.02.2006

(531) 1.7.6; 26.7.25; 26.4.1; 26.4.7
(731) DIANA KABUSHIKI KAISHA (JP)
9-6, Ginza 6-Chome, Chuo-Ku, TOKYO, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý; vòng đeo chìa khoá; hộp đựng đá quý hay đồ trang sức có gắn đá quý làm bằng kim loại quý; đồ trang sức dùng cho cá nhân; khuy măng sét; ví tiền và ví làm bằng kim loại quý; đá quý được chế tác sơ qua; đá quý chưa chế tác; hộp đựng phấn sáp làm bằng kim loại quý; đồ trang trí giày bằng kim loại quý; đồng hồ và đồng hồ đeo tay.

Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi trong nhà; túi đeo vai; túi du lịch cỡ lớn làm từ da thô; va li (rương hòm) làm từ liễu giai; vali; túi mang theo khi đi máy bay (nhỏ nhẹ và độ bền cao); rương (hòm); túi xách tay; túi có hai tay cầm dùng để đựng sách vở, giấy tờ; ba lô đeo vai để đi học của trẻ em; ba lô; túi đi mua sắm; ví (không bằng kim loại quý); hộp đựng đồ trang điểm (chưa có đồ bên trong); ô và bộ phận của ô; quai da; da sống; da sống để thô; da thuộc; bộ lông thú hay da lông thú.

Nhóm 25: Quần áo; áo choàng; áo len chui cổ; áo sơ mi; quần áo ngủ; quần áo lót; quần áo bơi; mũ bơi; tạp dề; cái bảo vệ cổ áo; bít tất ngắn và bít tất dài; xà cạp (dải vải dài, hẹp quấn quanh chân từ mắt cá chân đến đầu gối) và ghệt (cái bao chân từ dưới đầu gối đến mắt cá chân); khăn choàng lông; khăn choàng của phụ nữ; khăn quàng cổ của phụ nữ; bít tất ngắn kiểu Nhật Bản; găng tay và găng tay hở ngón cho trang phục; ca vát; khăn quàng cổ; khăn rằn (khăn có in hoa thường quấn quanh co); khăn quàng cổ giữ ấm đầu và cổ; mũ len che tai; đồ đội đầu cho trang phục; nịt bít tất; dây đeo bít tất; dây đeo quần; cạp (dải vải tạo thành chỗ eo lưng của quần áo, nhất là ở đầu quần hay váy); thắt lưng cho trang phục; giày và giày bốt; lưỡi giày hay miếng da dưới các dây buộc của giày hay giày bốt; đinh đầu to đóng ở đế giày; bộ phận kim loại để bảo vệ dùng cho giày và giày bốt; guốc gỗ kiểu Nhật Bản; xăng đan kiểu Nhật Bản; quần áo chơi thể thao; giày dép chơi thể thao; giày bốt để cưỡi ngựa.

(111) **4-0098769**
(210) 4-2006-01973
(181) 14.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 14.02.2006

(731) DIANA KABUSHIKI KAISHA (JP)
9-6, Ginza 6-Chome, Chuo-Ku, tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý; vòng đeo chìa khoá; hộp đựng đá quý hay đồ trang sức có gắn đá quý làm bằng kim loại quý; đồ trang sức dùng cho cá nhân; khuy măng sét; ví tiền và ví làm bằng kim loại quý; đá quý được chế tác sơ qua; đá quý chưa chế tác; hộp đựng phấn sáp làm bằng kim loại quý; đồ trang trí giày bằng kim loại quý; đồng hồ và đồng hồ đeo tay.

Nhóm 18: Quần áo cho vật nuôi trong nhà; túi đeo vai; túi du lịch cỡ lớn làm từ da thô; va li (rương hòm) làm từ liễu giai; vali; túi mang theo khi đi máy bay (nhỏ nhẹ và độ bền cao); rương (hòm); túi xách tay; túi có hai tay cầm dùng để đựng sách vở, giấy tờ; ba lô đeo vai để đi học của trẻ em; ba lô; túi đi mua sắm; ví (không bằng kim loại quý); hộp đựng đồ trang điểm (chưa có đồ bên trong); ô và bộ phận của ô; quai da; da sống; da sống để thô; da thuộc; bộ lông thú hay da lông thú.

Nhóm 25: Quần áo; áo choàng; áo len chui cổ; áo sơ mi; quần áo ngủ; quần áo lót; quần áo bơi; mũ bơi; tạp dề; cái bảo vệ cổ áo; bít tất ngắn và bít tất dài; xà cạp (dải vải dài, hẹp quấn quanh chân từ mắt cá chân đến đầu gối) và ghệt (cái bao chân từ dưới đầu gối đến mắt cá chân); khăn choàng lông; khăn choàng của phụ nữ; khăn quàng cổ của phụ nữ; bít tất ngắn kiểu Nhật Bản; găng tay và găng tay hở ngón cho trang phục; ca vát; khăn quàng cổ; khăn rằn (khăn có in hoa thường quấn quanh co); khăn quàng cổ giữ ấm đầu và cổ; mũ len che tai; đồ đội đầu cho trang phục; nịt bít tất; dây đeo bít tất; dây đeo quần; cạp (dải vải tạo thành chỗ eo lưng của quần áo, nhất là ở đầu quần hay váy); thắt lưng cho trang phục; giày và giày bốt; lưỡi giày hay miếng da dưới các dây buộc của giày hay giày bốt; đinh đầu to đóng ở đế giày; bộ phận kim loại để bảo vệ dùng cho giày và giày bốt; guốc gỗ kiểu Nhật Bản; xăng đan kiểu Nhật Bản; quần áo chơi thể thao; giày dép chơi thể thao; giày bốt để cưỡi ngựa.

(111) **4-0098770**
(210) 4-2001-04472
(181) 26.09.2011
(450) 26.05.2008 242
(540)

TROPICAL

(151) 02.04.2008
(220) 26.09.2001

(731) BERENTZEN DISTILLERS INTERNATIONAL GMBH (DE)
Ritterstrasse 7, 49740 Haselunne Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (loại trừ bia).

(111) **4-0098771**
(210) 4-2004-14509
(181) 27.12.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

THE ROYAL BANK OF SCOTLAND

(151) 02.04.2008
(220) 27.12.2004

(731) THE ROYAL BANK OF SCOTLAND GROUP PLC (GB)
36 St Andrew Square, Edinburgh, EH2 2YB, United Kingdom
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thẻ từ được mã hoá dùng chứa dữ liệu; thẻ đa chức năng dùng cho các dịch vụ tài chính; thẻ thanh toán, thẻ thanh toán bằng tiền mặt, thẻ ngân hàng, thẻ séc, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ; phần mềm máy vi tính và xuất bản phẩm dưới hình thức điện tử được cung cấp trực tuyến từ nguồn dữ liệu hoặc từ các phương tiện trên internet (bao gồm cả trên các trang web và các web site); phần mềm máy tính và các thiết bị viễn thông (bao gồm cả modems) cho phép kết nối với cơ sở dữ liệu, mạng máy tính và internet; phần mềm máy tính cho phép tìm kiếm dữ liệu; các bộ phận và linh kiện cho tất cả các sản phẩm trên; các loại thiết bị cầm tay dùng cho dịch vụ thanh toán và các dịch vụ chuyển đổi tiền tệ và cho phép xử lý các dịch vụ thông tin cá nhân khác; thẻ dùng cho máy ATM (máy gửi và rút tiền tự động), thẻ truy cập thông tin, thẻ căn cước, thẻ chíp tích hợp và thẻ dùng thanh toán theo hình thức trả trước và hệ thống hỗ trợ có liên quan nêu trên; máy gửi và rút tiền tự động ATM, máy đọc thẻ bán hàng tại chỗ, thiết bị truy cập từ xa; thiết bị mang dữ liệu; phần mềm máy tính dùng cho mục đích cung cấp các dịch vụ như: dịch vụ ngân hàng, dịch vụ tài chính, dịch vụ quản lý tài khoản ngân hàng, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thanh toán, báo cáo tài chính và phân tích tài chính, các dịch vụ quản lý tài chính, và các dịch vụ thông tin liên quan đến tài chính và ngân hàng; phần mềm máy tính cho phép tìm kiếm các dữ liệu liên quan đến các dịch vụ trên; xuất bản phẩm điện tử, bản tin điện tử, tạp chí điện tử, tạp chí xuất bản định kỳ điện tử, sách mỏng dưới hình thức điện tử và tờ rơi dưới hình thức điện tử, tất cả các loại trên được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ các phương tiện được cung cấp trên internet (gồm cả các web site); các sản phẩm được thể hiện dưới hình thức kỹ thuật số hoặc điện tử được cung cấp bởi đĩa CD-Rom hoặc từ đĩa mềm bao gồm: xuất bản phẩm, bản tin, tạp chí, tạp chí xuất bản định kỳ, sách mỏng và tờ rơi.

Nhóm 16: Giấy, các vật dụng từ giấy và các tài liệu quảng cáo; ấn phẩm, văn phòng phẩm, báo chí, tạp chí xuất bản định kỳ và quyển séc; xuất bản phẩm được in ấn, bản tin, tạp chí, sách mỏng, tờ rơi, thẻ nhựa (không bao gồm các loại thẻ đã mã hoá hoặc được hay từ tính); các loại thẻ bọc nhựa có chứa nội dung các ấn phẩm.

Nhóm 35: Cung cấp thông tin trực tuyến liên quan đến kinh tế; soạn thảo văn bản; sắp xếp và tiến hành triển lãm; dịch vụ ghi chép sổ sách kế toán; dịch vụ kế toán; dịch vụ đăng ký công ty; dịch vụ dự trù tiền công lao động; dịch vụ tư vấn đánh giá kinh doanh, yêu cầu, điều tra, nghiên cứu và tư vấn quản lý doanh nghiệp; dịch vụ pháp lý (trong kinh doanh); dịch vụ tư vấn quản lý kinh doanh, dịch vụ quảng cáo và xúc tiến và các dịch vụ thông tin liên quan; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh và thương mại trực tuyến từ dữ liệu của máy tính, mạng máy tính, mạng máy tính toàn cầu và internet; dịch vụ quản lý kinh doanh; dịch vụ tư vấn kinh doanh; dịch vụ soạn danh mục để công bố trên mạng máy tính

toàn cầu hoặc internet; cung cấp dịch vụ quảng cáo hàng hoá và dịch vụ trên web sites; dịch vụ quản trị kinh doanh đối với việc bán hàng qua mạng internet; dịch vụ lập kế hoạch kinh doanh; dịch vụ phân tích và nghiên cứu thị trường; dịch vụ thu thập, lưu trữ, và xử lý thông tin; dịch vụ cố vấn, tư vấn và cung cấp thông tin liên quan đến tất cả các lĩnh vực nêu trên.

Nhóm 36: Dịch vụ đăng ký cổ phiếu; cung cấp các thông tin trực tuyến liên quan đến dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư (không tải xuống được); dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng; dịch vụ chuyển tiền; dịch vụ thanh toán; dịch vụ ngân hàng tự động; dịch vụ ngân hàng tại nhà; dịch vụ ngân hàng trực tuyến; dịch vụ gửi tiền tiết kiệm; dịch vụ thanh toán hối phiếu; dịch vụ thanh toán và tín dụng; dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, thẻ chi tiêu, thẻ rút tiền và thẻ rút tiền ngân hàng; dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ quản lý đầu tư; dịch vụ ký gửi an toàn; dịch vụ ngân hàng bù trừ; dịch vụ ghi nợ tài khoản; dịch vụ trả lương nhân viên; dịch vụ khế ước lưu giữ; dịch vụ thanh toán séc; dịch vụ môi giới tín dụng; dịch vụ thanh toán tiền mặt tự động; dịch vụ gửi và rút tiền tự động; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ cho vay nợ; dịch vụ cho vay thế chấp; dịch vụ đầu tư tài chính; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ tín thác; dịch vụ quản lý tài chính; dịch vụ môi giới và đại lý (trái phiếu và các chứng khoán khác); dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ tư vấn đầu tư; dịch vụ bảo đảm tài chính (bảo lãnh tài chính); dịch vụ cung cấp và phân tích báo cáo tài chính; dịch vụ thông tin tài chính; dịch vụ nghiên cứu tài chính; dịch vụ cung cấp tài chính (đảm bảo vốn cho các đối tượng khác); dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ cung cấp và thu thập thông tin tài chính và/hoặc tín dụng; dịch vụ quản trị tài chính; dịch vụ điện toán hoá tài chính; dịch vụ tư vấn và điều tra tín dụng; dịch vụ cung cấp tín dụng; dịch vụ nhận tiền ký gửi; dịch vụ chiết khấu chứng từ; dịch vụ chuyển tiền nội địa, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ chấp nhận hối phiếu, cho vay chứng khoán, dịch vụ mua lại và chuyển đổi trái quyền; dịch vụ tín thác, dịch vụ uỷ thác tiền tệ; dịch vụ hợp đồng kỳ hạn; dịch vụ chứng khoán, dịch vụ vay tiền, dịch vụ cho thuê tài sản cá nhân, dịch vụ cho thuê đất, cho thuê diện tích bề mặt đất và quyền cho thuê đất; dịch vụ đổi tiền, dịch vụ giao dịch ngoại hối, dịch vụ đổi ngoại hối, dịch vụ séc du lịch; dịch vụ thư tín dụng liên quan đến kinh doanh, dịch vụ mua bán chứng khoán, dịch vụ chỉ số tài sản cố định, dịch vụ lựa chọn chứng khoán, dịch vụ chứng khoán kỳ hạn ở thị trường nước ngoài, dịch vụ bảo đảm chứng khoán, dịch vụ bán chứng khoán, dịch vụ đặt hàng và chào hàng chứng khoán, dịch vụ cung cấp thông tin thị trường chứng khoán, dịch vụ môi giới bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, dịch vụ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ giải quyết khiếu nại trong bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ kiểm kê bảo hiểm; dịch vụ thế chấp; dịch vụ tài trợ cho thể thao, đội thể thao và các sự kiện thể thao; dịch vụ cố vấn, tư vấn và cung cấp thông tin liên quan tới tất cả các dịch vụ đã kể trên.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và giải trí; dịch vụ cung cấp trực tuyến các xuất bản phẩm điện tử (không tải xuống được); dịch vụ tổ chức các cuộc thi đấu và các sự kiện thể thao; dịch vụ sắp xếp và tiến hành hội nghị chuyên đề, đại hội, hội nghị, hội thảo; giáo dục và đào tạo liên quan đến dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, kinh tế và đầu tư; dịch vụ xuất bản trực tuyến các tài liệu quảng cáo, ấn phẩm, tạp chí xuất bản định kỳ, bản tin, tạp chí, sách mỏng, tờ rơi và các văn bản khác liên quan đến ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, kinh tế và đầu tư (không tải xuống được); dịch vụ cố vấn, tư vấn và thông tin liên quan đến các dịch vụ nói trên.

Nhóm 42: Thiết kế quảng cáo dùng làm trang web trên mạng internet; thiết kế quảng cáo sử dụng trên hoặc như trang web hoặc website trên mạng máy tính hoặc trên internet; dịch

vụ pháp lý; cung cấp các dịch vụ phương tiện truy cập và cho thuê thời gian truy cập để truy cập đến cơ sở dữ liệu máy tính và mạng máy tính; cho thuê máy tính; thiết kế, đồ hoạ, tất cả cho việc biên soạn thảo trang web và web sites trên internet; thông tin cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ internet; dịch vụ cố vấn, tư vấn và thông tin liên quan đến tất cả các dịch vụ nói trên; thiết kế và phát triển phần cứng máy tính.

(111) **4-0098772**
(210) 4-2004-14510
(181) 27.12.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

RBS

(151) 02.04.2008
(220) 27.12.2004

(731) THE ROYAL BANK OF SCOTLAND GROUP PLC (GB)
36 St Andrew Square, Edinburgh, EH2 2YB, United Kingdom
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thẻ từ được mã hoá dùng chứa dữ liệu; thẻ đa chức năng dùng cho các dịch vụ tài chính; thẻ thanh toán, thẻ thanh toán bằng tiền mặt, thẻ ngân hàng, thẻ séc, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ; phần mềm máy vi tính và xuất bản phẩm dưới hình thức điện tử được cung cấp trực tuyến từ nguồn dữ liệu hoặc từ các phương tiện trên internet (bao gồm cả trên các trang web và các web site); phần mềm máy tính và các thiết bị viễn thông (bao gồm cả modems) cho phép kết nối với cơ sở dữ liệu, mạng máy tính và internet; phần mềm máy tính cho phép tìm kiếm dữ liệu; các bộ phận và linh kiện cho tất cả các sản phẩm trên; các loại thiết bị cầm tay dùng cho dịch vụ thanh toán và các dịch vụ chuyển đổi tiền tệ và cho phép xử lý các dịch vụ thông tin cá nhân khác; thẻ dùng cho máy ATM (máy gửi và rút tiền tự động), thẻ truy cập thông tin, thẻ căn cước, thẻ chíp tích hợp và thẻ dùng thanh toán theo hình thức trả trước và hệ thống hỗ trợ có liên quan nêu trên; máy gửi và rút tiền tự động ATM, máy đọc thẻ bán hàng tại chỗ, thiết bị truy cập từ xa; thiết bị mang dữ liệu; phần mềm máy tính dùng cho mục đích cung cấp các dịch vụ như: dịch vụ ngân hàng, dịch vụ tài chính, dịch vụ quản lý tài khoản ngân hàng, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thanh toán, báo cáo tài chính và phân tích tài chính, các dịch vụ quản lý tài chính, và các dịch vụ thông tin liên quan đến tài chính và ngân hàng; phần mềm máy tính cho phép tìm kiếm các dữ liệu liên quan đến các dịch vụ trên; xuất bản phẩm điện tử, bản tin điện tử, tạp chí điện tử, tạp chí xuất bản định kỳ điện tử, sách mỏng dưới hình thức điện tử và tờ rơi dưới hình thức điện tử, tất cả các loại trên được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ các phương tiện được cung cấp trên internet (gồm cả các web site); các sản phẩm được thể hiện dưới hình thức kỹ thuật số hoặc điện tử được cung cấp bởi đĩa CD-Rom hoặc từ đĩa mềm bao gồm: xuất bản phẩm, bản tin, tạp chí, tạp chí xuất bản định kỳ, sách mỏng và tờ rơi.

Nhóm 16: Giấy, các vật dụng từ giấy và các tài liệu quảng cáo; ấn phẩm, văn phòng phẩm, báo chí, tạp chí xuất bản định kỳ và quyển séc; xuất bản phẩm được in ấn, bản tin, tạp chí, sách mỏng, tờ rơi, thẻ nhựa (không bao gồm các loại thẻ đã mã hoá hoặc được hay từ tính); các loại thẻ bọc nhựa có chứa nội dung các ấn phẩm.

Nhóm 35: Cung cấp thông tin trực tuyến liên quan đến kinh tế; soạn thảo văn bản; sắp xếp và tiến hành triển lãm; dịch vụ ghi chép sổ sách kế toán; dịch vụ kế toán; dịch vụ đăng ký công ty; dịch vụ dự trù tiền công lao động; dịch vụ tư vấn đánh giá kinh doanh, yêu cầu, điều tra, nghiên cứu và tư vấn quản lý doanh nghiệp; dịch vụ pháp lý (trong kinh doanh); dịch vụ tư vấn quản lý kinh doanh, dịch vụ quảng cáo và xúc tiến và các dịch vụ thông tin liên quan; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh và thương mại trực tuyến từ dữ liệu của máy tính, mạng máy tính, mạng máy tính toàn cầu và internet; dịch vụ quản lý kinh doanh; dịch vụ tư vấn kinh doanh; dịch vụ soạn danh mục để công bố trên mạng máy tính

toàn cầu hoặc internet; cung cấp dịch vụ quảng cáo hàng hoá và dịch vụ trên web sites; dịch vụ quản trị kinh doanh đối với việc bán hàng qua mạng internet; dịch vụ lập kế hoạch kinh doanh; dịch vụ phân tích và nghiên cứu thị trường; dịch vụ thu thập, lưu trữ, và xử lý thông tin; dịch vụ cố vấn, tư vấn và cung cấp thông tin liên quan đến tất cả các lĩnh vực nêu trên.

Nhóm 36: Dịch vụ đăng ký cổ phiếu; cung cấp các thông tin trực tuyến liên quan đến dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư (không tải xuống được); dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng; dịch vụ chuyển tiền; dịch vụ thanh toán; dịch vụ ngân hàng tự động; dịch vụ ngân hàng tại nhà; dịch vụ ngân hàng trực tuyến; dịch vụ gửi tiền tiết kiệm; dịch vụ thanh toán hối phiếu; dịch vụ thanh toán và tín dụng; dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, thẻ chi tiêu, thẻ rút tiền và thẻ rút tiền ngân hàng; dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ quản lý đầu tư; dịch vụ ký gửi an toàn; dịch vụ ngân hàng bù trừ; dịch vụ ghi nợ tài khoản; dịch vụ trả lương nhân viên; dịch vụ khế ước lưu giữ; dịch vụ thanh toán séc; dịch vụ môi giới tín dụng; dịch vụ thanh toán tiền mặt tự động; dịch vụ gửi và rút tiền tự động; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ cho vay nợ; dịch vụ cho vay thế chấp; dịch vụ đầu tư tài chính; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ tín thác; dịch vụ quản lý tài chính; dịch vụ môi giới và đại lý (trái phiếu và các chứng khoán khác); dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ tư vấn đầu tư; dịch vụ bảo đảm tài chính (bảo lãnh tài chính); dịch vụ cung cấp và phân tích báo cáo tài chính; dịch vụ thông tin tài chính; dịch vụ nghiên cứu tài chính; dịch vụ cung cấp tài chính (đảm bảo vốn cho các đối tượng khác); dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ cung cấp và thu thập thông tin tài chính và/hoặc tín dụng; dịch vụ quản trị tài chính; dịch vụ điện toán hoá tài chính; dịch vụ tư vấn và điều tra tín dụng; dịch vụ cung cấp tín dụng; dịch vụ nhận tiền ký gửi; dịch vụ chiết khấu chứng từ; dịch vụ chuyển tiền nội địa, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ chấp nhận hối phiếu, cho vay chứng khoán, dịch vụ mua lại và chuyển đổi trái quyền; dịch vụ tín thác, dịch vụ uỷ thác tiền tệ; dịch vụ hợp đồng kỳ hạn; dịch vụ chứng khoán, dịch vụ vay tiền, dịch vụ cho thuê tài sản cá nhân, dịch vụ cho thuê đất, cho thuê diện tích bề mặt đất và quyền cho thuê đất; dịch vụ đổi tiền, dịch vụ giao dịch ngoại hối, dịch vụ đổi ngoại hối, dịch vụ séc du lịch; dịch vụ thư tín dụng liên quan đến kinh doanh, dịch vụ mua bán chứng khoán, dịch vụ chỉ số tài sản cố định, dịch vụ lựa chọn chứng khoán, dịch vụ chứng khoán kỳ hạn ở thị trường nước ngoài, dịch vụ bảo đảm chứng khoán, dịch vụ bán chứng khoán, dịch vụ đặt hàng và chào hàng chứng khoán, dịch vụ cung cấp thông tin thị trường chứng khoán, dịch vụ môi giới bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, dịch vụ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ giải quyết khiếu nại trong bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ kiểm kê bảo hiểm; dịch vụ thế chấp; dịch vụ tài trợ cho thể thao, đội thể thao và các sự kiện thể thao; dịch vụ cố vấn, tư vấn và cung cấp thông tin liên quan tới tất cả các dịch vụ đã kể trên.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và giải trí; dịch vụ cung cấp trực tuyến các xuất bản phẩm điện tử (không tải xuống được); dịch vụ tổ chức các cuộc thi đấu và các sự kiện thể thao; dịch vụ sắp xếp và tiến hành hội nghị chuyên đề, đại hội, hội nghị, hội thảo; giáo dục và đào tạo liên quan đến dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, kinh tế và đầu tư; dịch vụ xuất bản trực tuyến các tài liệu quảng cáo, ấn phẩm, tạp chí xuất bản định kỳ, bản tin, tạp chí, sách mỏng, tờ rơi và các văn bản khác liên quan đến ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, kinh tế và đầu tư (không tải xuống được); dịch vụ cố vấn, tư vấn và thông tin liên quan đến các dịch vụ nói trên.

Nhóm 42: Thiết kế quảng cáo dùng làm trang web trên mạng internet; thiết kế quảng cáo sử dụng trên hoặc như trang web hoặc website trên mạng máy tính hoặc trên internet; dịch

vụ pháp lý; cung cấp các dịch vụ phương tiện truy cập và cho thuê thời gian truy cập để truy cập đến cơ sở dữ liệu máy tính và mạng máy tính; cho thuê máy tính; thiết kế, đồ hoạ, tất cả cho việc biên soạn thảo trang web và web sites trên internet; thông tin cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ internet; dịch vụ cố vấn, tư vấn và thông tin liên quan đến tất cả các dịch vụ nói trên; thiết kế và phát triển phần cứng máy tính.

---

(111) **4-0098773**
(210) 4-2005-06846
(181) 09.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

IPAGENT

(151) 02.04.2008
(220) 09.06.2005

(531) 24.17.25
(731) CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐẠI DIỆN (IPACO) (VN)
Số nhà 75, ngõ 69A (tổ 80A), đường Hoàng Văn Thái, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Tư vấn về sở hữu trí tuệ; tư vấn về sở hữu trí tuệ trong bảo vệ môi trường; tư vấn về sở hữu trí tuệ trong xây dựng; quản lý quyền tác giả; chuyển nhượng lixăng về quyền sở hữu trí tuệ; nghiên cứu dự án kỹ thuật.

---

(111) **4-0098774**
(210) 4-2005-11116
(181) 30.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 30.08.2005

(531) A25.3.3
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG FICO TÂY NINH (VN)
Số 161 đường 30/4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Bao bì bằng giấy.

Nhóm 19: Xi măng; vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 35: Mua bán xi măng; mua bán vật liệu xây dựng phi kim loại.

Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Thi công, xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

Nhóm 39: Kinh doanh vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ cảng xếp dỡ.

---

(111) **4-0098775**
(210) 4-2005-11117
(181) 30.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 30.08.2005

(531) 6.1.2; 26.4.2
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG FICO TÂY NINH (VN)
Số 161 đường 30/4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Xi măng.

---

(111) **4-0098776**
(210) 4-2006-01260
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBEPALDAN

(151) 02.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
JI. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098777**
(210) 4-2006-01261
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBEBROLIFEX

(151) 02.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
JI. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098778**
(210) 4-2007-02696
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VTB

(151) 02.04.2008
(220) 07.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH (VN)
422 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Thiết bị hát karaoke.

---

(111) **4-0098779**
(210) 4-2006-01282
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TOPPIN' PRIDE

(151) 02.04.2008
(220) 24.01.2006

(731) WHITEWAVE SERVICES, INC. (US)
300 Delaware Avenue, #548, Wilmington, DE 19801, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột sắn; bột cọ; chất thay thế cà phê; bột và sản phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mỳ; bánh ngọt; bánh kẹo; kem; mật ong; nước mật đường; men; bột nở; muối; tương hạt cải; dấm; nước xốt (gia vị); gia vị; nước đá thực phẩm.

---

(111) **4-0098780**
(210) 4-2007-02840
(181) 09.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

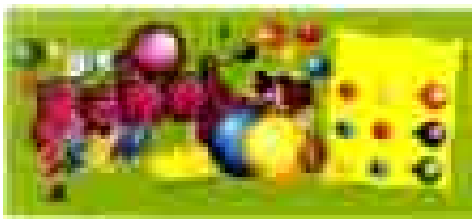

(151) 02.04.2008
(220) 09.02.2007

(531) 26.4.2; 26.1.6; 2.1.1; 2.5.1
(591) Xanh nõn chuối, trắng, đỏ, hồng, hồng tím, tím, tím nhạt, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, xanh nước biển, xanh nước biển đậm, vàng, nâu nhạt, nâu đậm, đen
(731) Perfetti Van Melle S.p.A. (IT)
Via XXV Aprile, 7 - 20020 Lainate (MI) - Italy
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh bột nhào; đường; kẹo; bánh kẹo; kẹo cao su và kẹo cao su có thể thổi bóng; kẹo cứng; kẹo hình giọt nước; kẹo gôm hình giọt nước; kẹo bạc hà; kẹo caramen; kẹo bơ cứng; thạch (bánh kẹo); kẹo cam thảo (bánh kẹo); kẹo que; kẹo cao su tẩm đường; kem lạnh; sô cô la.

---

(111) **4-0098781**
(210) 4-2006-00957
(181) 18.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 18.01.2006

(531) 2.9.25; 26.4.2
(591) Vàng, nâu, trắng, trắng ngà
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong y tế; nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

(111) **4-0098782**
(210) 4-2004-13132
(181) 24.11.2014
(300) 043315029 28.09.2004 FR
(450) 26.05.2008 242
(540)

WINTHROP

(151) 02.04.2008
(220) 24.11.2004

(731) SANOFI-AVENTIS (FR)
174 Avenue de France, 75013 PARIS, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật, y tế, nha khoa và thú y; chân, tay, mắt và răng giả; dụng cụ chỉnh hình; vật liệu khâu vết thương.

Nhóm 41: Tổ chức các hội nghị, cuộc họp hay đại hội, hội thảo về lĩnh vực y tế, xuất bản các tạp chí, bản tổng kết, bản đánh giá, nhận xét, bản điểm sách, sách, tài liệu hướng dẫn trong lĩnh vực y tế.

Nhóm 42: Cung cấp hỗ trợ nghiên cứu về y học cho các nhà nghiên cứu; nghiên cứu về sinh vật học, dược và y học; nghiên cứu lâm sàng hay nghiên cứu về việc khám và điều trị bệnh; cho thuê chỗ đặt trang web có các thông tin về y học và dược; thiết kế và phát triển các chương trình máy tính và cơ sở dữ liệu.

Nhóm 44: Các dịch vụ y tế tư vấn về các vấn đề dược và y tế hay những vấn đề liên quan đến sức khoẻ; cung cấp thông tin y học và dược.

(111) **4-0098783**
(210) 4-2006-02498
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY HỮU HẠN ĐIỆN CƠ VĨNH PHONG (VN)
Xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Ổn áp điện.

Nhóm 37: Thi công công trình điện.

---

(111) **4-0098784**
(210) 4-2004-07110
(181) 19.07.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2004

(531) 2.1.1; 2.1.22; 2.3.1; 24.17.15
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh lá mạ, xanh dương đậm
(731) CƠ SỞ THẦN NÔNG (VN)
D6/48F/7 An Dương Vương, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học dân tộc, dầu gió.

---

(111) **4-0098785**
(210) 4-2004-09341
(181) 10.09.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 10.09.2004

(531) 6.1.2; A11.3.2; 26.1.1
(591) Đỏ, trắng, nâu, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CAO NGUYÊN ĐỎ (VN)
13 Nguyễn Minh Hoàng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0098786**
(210) 4-2006-00084
(181) 04.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEYERFOVIR

(151) 02.04.2008
(220) 04.01.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3, quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098787**
(210) 4-2006-03767
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 17.03.2006

(531) A26.11.12
(591) Xanh đen, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TAM KIM (VN)
Khu công nghiệp Đồng Văn - Hà Nam

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện các loại như: công tắc điện, ổ cắm điện, aptomat, tủ điện, dây điện.

---

(111) **4-0098788**
(210) 4-2007-02200
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIN 555

(151) 02.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) PERNOD RICARD PACIFIC PTY LTD (AU)
33 Exeter Terrace, Devon Park, 5008, South Australia, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0098789**
(210) 4-2007-02201
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIN 444

(151) 02.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) PERNOD RICARD PACIFIC PTY LTD (AU)
33 Exeter Terrace, Devon Park, 5008, South Australia, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0098790**
(210) 4-2007-02202
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIN 888

(151) 02.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) PERNOD RICARD PACIFIC PTY LTD (AU)
33 Exeter Terrace, Devon Park, 5008, South Australia, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0098791**
(210) 4-2007-02203
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIN 999

(151) 02.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) PERNOD RICARD PACIFIC PTY LTD (AU)
33 Exeter Terrace, Devon Park, 5008, South Australia, Australia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0098792**
(210) 4-2006-00823
(181) 17.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 17.01.2006

(531) A9.3.9; A9.3.20; A1.5.6
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY CHIẾN THẮNG (VN)
22 phố Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo.

Nhóm 35: Mua, bán, xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành may.

Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng.

Nhóm 40: Dịch vụ gia công hàng may mặc (theo đơn đặt hàng của người khác)

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo nghề may.

---

(111) **4-0098793**
(210) 4-2004-07502
(181) 28.07.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 28.07.2004

(531) 2.1.1; A25.1.10
(731) MARK OCEAN FAR EAST LIMITED (HK)
Room 903, 9th Floor, Hing Yip Commercial Building, 272-284 Des Voeux Road Central, Hong Kong
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược thảo Trung Quốc; biệt dược Trung Quốc; rượu và trà dùng để làm thuốc; dầu và dầu thơm có tẩm thuốc; các chế phẩm và chất dinh dưỡng sử dụng trong ngành y.

---

(111) **4-0098794**
(210) 4-2007-00619
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHAMSUL

(151) 02.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
Unimed building, 250-8 Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098795**
(210) 4-2007-01852
(181) 25.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

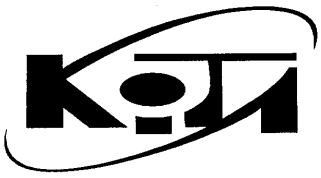

(151) 02.04.2008
(220) 25.01.2007

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ KITA (VN)
250/9 ấp Phú Hữu, thị trấn Phú Hoà, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vật tư ngành in, ấn phẩm, két sắt; dịch vụ sao chụp; dịch vụ đánh máy vi tính.

---

(111) **4-0098796**
(210) 4-2007-02135
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

WILLOW

(151) 02.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098797**
(210) 4-2007-02136
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

GYNOXAGYL

(151) 02.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0098798**
(210) 4-2007-02137
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

HACOLZE

(151) 02.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0098799**
(210) 4-2007-02138
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DIDEPAMARIN

(151) 02.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0098800**
(210) 4-2007-02270
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CALMAZEN

(151) 02.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHẠM ANH (VN)
42/13 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098801**
(210) 4-2005-12095
(181) 16.09.2015
(300) 78/589,912 17.03.2005 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

KEEN

(151) 02.04.2008
(220) 16.09.2005

(731) KEEN LLC (US)
1201 Marina Village Parkway, Suite 301
Alameda, CA 94501.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Túi xách, ba lô, vali và sản phẩm làm từ da cụ thể là túi da, hành lý, ví, túi đeo ở ngang thắt lưng, quai đeo và dây đeo chìa khoá dạng xích.

Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu.

---

(111) **4-0098802**
(210) 4-2005-14002
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.3.1; A26.3.18
(591) Đỏ, trắng
(731) UNITED FOODS PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
19/111 Moo 7 Thakarm Road, Samaedam, Bangkhuntien Bangkok 10150, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo.

---

(111) **4-0098803**
(210) 4-2005-13794
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CIGELTON-Q

(151) 02.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CKD (Chong Kun Dang) BIO CORPORATION (KR)
368, 3 - Ga Chungjeong - Ro, Seodaemun - Gu, Seoul 120 - 756, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098804**
(210) 4-2005-16884
(181) 12.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 12.12.2005

(731) ĐỖ QUỐC LONG (VN)
Số 6, hẻm 33/9, ngõ Văn Chương II, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc đông y.

---

(111) **4-0098805**
(210) 4-2005-17208
(181) 16.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 16.01.2006

(531) A26.11.12
(731) DEZHOU HIMIN SOLAR ENERGY TECHNOLOGY INSTITUTE (CO., LTD.) (CN)
Lijiang Road, Economic development Zone, Dezhou City, Shan dong Province, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị cảm biến nhiệt độ; bảng điều khiển điện; pin galvanic; pin hoạt động bằng năng lượng mặt trời; ác qui; điện thoại có màn hình; thiết bị mạ điện; linh kiện bán dẫn (thành phần của mạch điện); mạch tích hợp (IC); linh kiện silic đơn tinh thể (thành phần của mạch điện).

Nhóm 11: Máy đun nước sử dụng năng lượng mặt trời; thiết bị thu năng lượng mặt trời; lò sử dụng năng lượng mặt trời; đèn; đèn đường; đèn cây; ống dẫn (bộ phận của thiết bị vệ sinh); thiết bị khử muối trong nước biển; thiết bị làm khô; thiết bị điều hoà không khí.

---

(111) **4-0098806**
(210) 4-2005-17380
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

S.M.A.R.T. CONTROL

(151) 02.04.2008
(220) 21.12.2005

(731) CORDIS CORPORATION (US)
14201 N.W. 60th Avenue, Miami Lakes, Florida, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là stent (thanh dẫn) và thiết bị đưa stent (thanh dẫn) vào.

---

(111) **4-0098807**
(210) 4-2005-13804
(181) 19.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 19.10.2005

(531) 26.4.9
(591) Xanh tím, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ ĐẦU TƯ EMG (VN)
Phòng A9, tầng 3 khách sạn Hanoi Horison, số 40 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo và dịch vụ tư vấn liên quan đến đào tạo.

---

(111) **4-0098808**
(210) 4-2005-14057
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIOGIRA

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH HẢI (VN)
322 đường Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098809**
(210) 4-2005-14058
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CORALCALCI

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0098810**
(210) 4-2005-14059
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BONXICAM

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098811**
(210) 4-2005-14060
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FARCOZOL

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098812**
(210) 4-2005-14061
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BONDAXIL

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098813**
(210) 4-2005-14062
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOCALDISOL

(151) 02.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098814**
(210) 4-2005-14293
(181) 26.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TROLIDEX

(151) 02.04.2008
(220) 26.10.2005

(731) PT DEXA MEDICA., (ID)
JI.RS Fatmawati Kav.33, Jakarta Selatan 12430, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098815**
(210) 4-2005-14294
(181) 26.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NATACARE

(151) 02.04.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 - PHARBACO (VN)
160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098816**
(210) 4-2005-14295
(181) 26.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LAXGOL

(151) 02.04.2008
(220) 26.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 - PHARBACO (VN)
160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098817**
(210) 4-2005-14494
(181) 31.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENOVO

(151) 02.04.2008
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3 thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất diệt nấm; chất diệt cỏ; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chế phẩm dùng để diệt động vật có hại.

---

(111) **4-0098818**
(210) 4-2005-14495
(181) 31.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENO RACLE

(151) 02.04.2008
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3 thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất diệt nấm; chất diệt cỏ; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chế phẩm dùng để diệt động vật có hại.

---

(111) **4-0098819**
(210) 4-2005-14496
(181) 31.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENOTIER

(151) 02.04.2008
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3 thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 05: Chất diệt nấm; chất diệt cỏ; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chế phẩm dùng để diệt động vật có hại.

---

(111) **4-0098820**
(210) 4-2005-17202
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.2; A26.11.13; 3.9.1;
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) ALL VET CO., LTD. (TH)
106 Mooban Pinnakorn 4, Boromrajchonnanee Rd., Thalingchan Bangkok 10170, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm sinh học dùng để chữa bệnh cho thuỷ hải sản; chế phẩm hoá học dùng để chữa bệnh cho thuỷ hải sản; chế phẩm enzym dùng để chữa bệnh trong nghành thuỷ hải sản; chế phẩm vi sinh dùng để chữa bệnh cho thuỷ hải sản.

---

(111) **4-0098821**
(210) 4-2006-21931
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEALTHYA

(151) 02.04.2008
(220) 14.12.2006

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) (JP)
14 -10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo - Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Hóa chất sử dụng trong công nghiệp; chế phẩm hoá học dùng cho khoa học (khác với dùng cho y tế hoặc thú y); chế phẩm hoá học dùng cho ngành ảnh; hoá chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); hoá chất dùng cho nghề làm vườn (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng); hoá chất dùng cho nghề rừng (lâm nghiệp) trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng; catechin, catechin sử dụng cho mục đích công nghiệp.

---

(111) **4-0098822**
(210) 4-2006-02492
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CRACKER BARREL

(151) 02.04.2008
(220) 23.02.2006

(731) KRAFT FOODS HOLDINGS, INC. (US)
Three Lakes Drive, Northfield, Illinois 60093, U.S.A.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Pho mát.

---

(111) **4-0098823**
(210) 4-2006-02493
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) 26.4.2; A26.1.18; A5.5.22; 25.7.25
(731) CƠ SỞ KEM TRỊ NÁM THANH HIỀN (VN)
Số 48H đường Phạm Thái Bường, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Kem trị nám; kem dưỡng da; kem trắng da chống nắng; kem trị mụn (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0098824**
(210) 4-2006-02495
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 26.3.1; 25.7.20
(591) Nâu, nâu đậm, vàng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÀI GÒN - VẠN PHÚC (VN)
39 (lầu 4) Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0098825**
(210) 4-2006-01256
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEPAGOOD

(151) 02.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ TUỆ MINH (VN)
Phòng 806, nhà 17T9, khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098826**
(210) 4-2006-01257
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

POLYVAGYL

(151) 02.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ TUỆ MINH (VN)
Phòng 806, nhà 17T9, khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098827**
(210) 4-2006-01259
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANBESANDROPS

(151) 02.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098828**
(210) 4-2006-01289
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 24.01.2006

(531) 3.3.1; 4.3.3; 7.1.5; 7.1.24
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) VĂN PHÒNG FESTIVAL HUẾ (VN)
08 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Hàng lưu niệm bằng gỗ thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 41: Tổ chức lễ hội Festival Huế.

---

(111) **4-0098829**
(210) 4-2006-02137
(181) 16.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOXTITE

(151) 02.04.2008
(220) 16.02.2006

(731) NOK CORPORATION (JP)
12-15, Shiba Daimon 1-Chome, Minato-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 17: Cao su thô hay sơ chế, cao su tổng hợp, cao su acrylic thô hay sơ chế, cao su flouro thô hay sơ chế, cao su urethane thô hay sơ chế, bán thành phẩm bằng chất dẻo dùng làm sản phẩm để đệm, đệm kín, nhồi chặt, cách ly, lọc, ống mềm bằng chất dẻo, bọc cho ống bằng chất dẻo, màng mỏng không dùng để bao gói bằng chất dẻo.

---

(111) **4-0098830**
(210) 4-2006-02164
(181) 19.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Sonata

(151) 02.04.2008
(220) 19.05.2006

(531) 26.3.1; 26.3.3
(731) CÔNG TY TNHH HỒNG LĨNH (VN)
52 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị lọc nước.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0098831**
(210) 4-2006-02293
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ESLORIN

(151) 02.04.2008
(220) 20.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098832**
(210) 4-2006-02295
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZILEVO

(151) 02.04.2008
(220) 20.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098833**
(210) 4-2006-03054
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 06.03.2006

(531) 3.4.7; 26.1.1
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh da trời, vàng, đỏ, xanh dương
(731) CƠ SỞ THIÊN HOÀ ĐƯỜNG (VN)
F11/33, ấp 6, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc đông nam dược.

---

(111) **4-0098834**
(210) 4-2006-03255
(181) 09.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CaliDalim®
electronics

(151) 02.04.2008
(220) 09.03.2006

(731) CƠ SỞ PHAN ĐỨC THỊNH (VN)
2687 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Âm li.

---

(111) **4-0098835**
(210) 4-2006-06841
(181) 04.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 04.05.2006

(531) 26.4.1; 25.7.15; 25.12.15
(731) AJETHAI COMPANY LIMITED. (TH)
700/318, Moo 6, Amata Nakorn Industrial Estate, Soi 14, Donhualoh, Muang, Chonburi Province, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước để uống, nước uống chứa các bon nát, nước uống có ga, đồ uống không chứa cồn, nước ép hoa quả, nước xi -rô, nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế), đồ uống bổ dưỡng (không dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0098836**
(210) 4-2006-22888
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Viettien

(151) 02.04.2008
(220) 28.12.2006

(731) CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN (VN)
Số 7 Lê Minh Xuân, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0098837**
(210) 4-2007-00950
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUSYMA

(151) 02.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0098838**
(210) 4-2007-02734
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Phượng Uyên

(151) 02.04.2008
(220) 07.02.2007

(731) PHẠM THỊ HỒNG ANH (VN)
40 Cách Mạng Tháng 8, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục mầm non.

---

(111) **4-0098839**
(210) 4-2007-03961
(181) 08.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 08.03.2007

(531) 21.3.1; A26.4.6; 26.3.23; 21.3.7; A26.11.12
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH VĨNH THUẬN (VN)
Phường Trà Cổ, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Khai thác sân gôn (golf).

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; nhà nghỉ; quán bar; quán cà phê.

---

(111) **4-0098840**
(210) 4-2006-16932
(181) 09.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

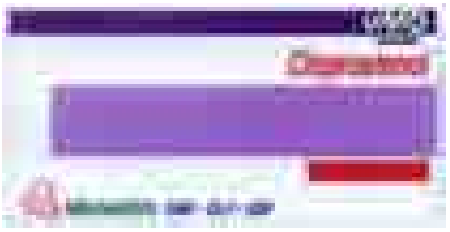

(151) 02.04.2008
(220) 09.10.2006

(531) 3.7.3; 26.4.2
(591) Tím, đỏ, xanh nước biển, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y (VEMEDIM) (VN)
Số 07, đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

---

(111) **4-0098841**
(210) 4-2006-21340
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.1.1; 26.2.1
(591) Trắng, đen, ghi, đỏ, xanh lá cây, xanh nõn chuối
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THÁI LAN (VN)
Phố Đồng Xép, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Tấm nhôm - nhựa phức hợp (thành phần chủ yếu là nhôm), inox (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0098842**
(210) 4-2006-21341
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.1.1; 26.2.1; 26.13.25
(591) Trắng, đen, ghi, đỏ, xanh cô ban, xanh nõn chuối
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THÁI LAN (VN)
Phố Đồng Xép, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Ống nhựa cứng chịu lực; ống nước bằng nhựa cứng.

---

(111) **4-0098843**
(210) 4-2006-22767
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINABEV
Công ty cổ phần bia rượu Việt Nam
Viet nam alcohol beer beverage joint stock company
Vinabev.,jsc

(151) 02.04.2008
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM (VN)
Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng(đồ uống); nước hoa quả; nước tinh lọc; xi-rô.

Nhóm 33: Rượu; rượu vang; đồ uống có cồn trừ bia.

Nhóm 35: Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu mua hoá chất, hương liệu, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất rượu, bia, nước giải khát; mua bán bia, nước khoáng (đồ uống), nước hoa quả, nước tinh lọc, xi-rô, rượu, rượu vang, đồ uống có cồn (không do nhà hàng thực hiện).

Nhóm 40: Sản xuất bao bì để đóng gói các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát (do người khác đặt hàng).

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng; khách sạn.

---

(111) **4-0098844**
(210) 4-2006-17561
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENO AMISEA

(151) 02.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3, thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0098845**
(210) 4-2006-17562
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENO N-SỮA

(151) 02.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH NÔNG DƯỢC ĐIỆN BÀN (VN)
Khối 3, thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0098846**
(210) 4-2006-19924
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FUANCO

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI INOX PHƯỚC AN (VN)
409 Cách Mạng Tháng Tám, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Bàn ghế bằng inox thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098847**
(210) 4-2006-19925
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.2; 26.4.9; 7.1.1; 7.1.8
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG HOÀNG LAN (VN)
128 ngõ 118, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo thời trang.

---

(111) **4-0098848**
(210) 4-2006-22740
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

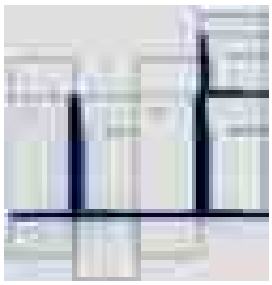

(151) 02.04.2008
(220) 26.12.2006

(531) 26.7.25; 26.3.23; A26.11.7
(591) Xanh lam, xanh lá cây, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0098849**
(210) 4-2005-03042
(181) 24.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 24.03.2005

(531) 3.7.7; 26.1.1
(731) NÔNG TRƯỜNG SÔNG HẬU THÀNH PHỐ CẦN THƠ (VN)
Xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0098850**
(210) 4-2005-03044
(181) 24.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 24.03.2005

(531) A25.3.3; 5.7.24
(731) NÔNG TRƯỜNG SÔNG HẬU THÀNH PHỐ CẦN THƠ (VN)
Xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Xoài.

---

(111) **4-0098851**
(210) 4-2005-05498
(181) 12.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

OXYDROPS

(151) 02.04.2008
(220) 12.05.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, không bao gồm thuốc chữa mụn trứng cá, chế phẩm chăm sóc da, chất tẩy rửa da và sữa rửa mặt.

---

(111) **4-0098852**
(210) 4-2005-06350
(181) 31.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FUNA

(151) 02.04.2008
(220) 31.05.2005

(731) CƠ SỞ PHƯƠNG NAM (VN)
207/6 Bis, Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Áo mưa.

---

(111) **4-0098853**
(210) 4-2005-08189
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

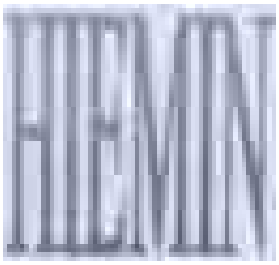

(151) 02.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) LA CHÍ CƯỜNG (VN)
23/15/8 Đình Nghi Xuân, khu phố 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Âm - li; đầu đọc đĩa: CD, VCD; loa; micro.

---

(111) **4-0098854**
(210) 4-2005-08798
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LacdiPara

(151) 02.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC DĨ (LACDI PHARMA CO.LTD) (VN)
1/10 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098855**
(210) 4-2005-08919
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

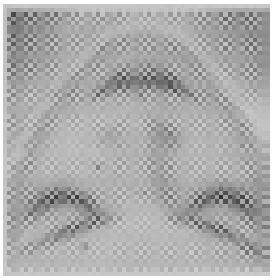

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2005

(531) 2.3.1; A25.7.7
(731) HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC (JP)
408, Tashirodaikan-machi, Tosu-shi, Saga 841-0017 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng và chế phẩm dùng để giặt; chất để tẩy rửa, để đánh bóng, để tẩy dầu mỡ và để mài mòn; xà phòng; nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, nước xức tóc; thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0098856**
(210) 4-2005-12031
(181) 16.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 16.09.2005

(531) 26.1.1
(591) Xanh tím than, trắng, đen
(731) APOLLO EDUCATION CENTRE (VG)
P.O. Box 957, Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, Bristish Virgin Islands
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo và giáo dục.

---

(111) **4-0098857**
(210) 4-2006-17782
(181) 23.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

YETSUGA-R

(151) 02.04.2008
(220) 23.10.2006

(731) EUROLABO PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
27/36B K.M. Naskar Road, Kolkata - 700040, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098858**
(210) 4-2006-17783
(181) 23.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

YETSUGA-P

(151) 02.04.2008
(220) 23.10.2006

(731) EUROLABO PHARMACEUTICALS PVT.LTD. (IN)
27/36B K.M. Naskar Road, Kolkata - 700040, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098859**
(210) 4-2006-17905
(181) 24.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 24.10.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12; 26.1.1; 7.5.25; 7.1.6
(591) Tím, trắng, đỏ, hồng, hồng thẫm, nâu, vàng
(731) CƠ SỞ KEM BỜ HỒ HÀ NỘI (VN)
22/23/9-11, Phan Huy ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Kem que (kem lạnh có thể ăn được), kem ký (kem lạnh có thể ăn được, bán theo cân), kem li (kem lạnh có thể ăn được), kem lạnh có thể ăn được, đá lạnh có thể ăn được.

(111) **4-0098860**
(210) 4-2006-18603
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 31.10.2006

(531) 26.4.2; A26.4.6
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển và trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH GLACO (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, xã Vân Dương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Kính xây dựng.

---

(111) **4-0098861**
(210) 4-2006-18604
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 31.10.2006

(531) 1.3.1; A1.3.17
(591) Xanh dương, trắng
(731) DKT INTERNATIONAL (US)
1701 K Street, NW, Suite 900, Washington DC 20006, U.S.A
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ phòng mạch y tế, dịch vụ chăm sóc vệ sinh và sắc đẹp cho người.

---

(111) **4-0098862**
(210) 4-2006-19923
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 1.15.23; 1.15.24; 26.13.1
(591) Trắng, đen, xanh lam, hồng, ghi
(731) CÔNG TY TNHH LƯƠNG PHAN (VN)
Khu du lịch bãi tắm Cửa Đại, phường Cửa Đại, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Cho thuê xe mô tô nước.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0098863**
(210) 4-2006-19927
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 7.1.5; A1.5.23
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI (VN)
41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Bao bì bằng giấy và bằng các tông.

Nhóm 18: Túi du lịch; cặp sách học sinh.

Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê văn phòng; kinh doanh bất động sản và đầu tư xây dựng.

---

(111) **4-0098864**
(210) 4-2006-20560
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1
(591) Đen, đỏ, vàng
(731) FUJI CARBON MFG. CO., (JP)
1-11, Nishiki-machi, Anjo-shi, Aichi, 446-0035 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Chổi than (bộ phận của máy); hộp đựng khối than của chổi than (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0098865**
(210) 4-2006-20561
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Đen, đỏ, vàng
(731) FUJI CARBON MFG. CO., (JP)
1-11, Nishiki - machi, Anjo - shi, Aichi, 446 - 0035 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Chổi than (bộ phận của máy); hộp đựng khối than của chổi than (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0098866**
(210) 4-2006-20724
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

XLA

(151) 02.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) THE DOW CHEMICAL COMPANY (US)
Midland, Michigan 48674, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 22: Sợi dệt.

---

(111) **4-0098867**
(210) 4-2006-22885
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VinaCafé

(151) 02.04.2008
(220) 28.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HOÀ (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê chế biến; trà (chè).

---

(111) **4-0098868**
(210) 4-2006-22886
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINACAFÉ

(151) 02.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 5.7.1; 26.4.1; 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê chế biến; trà (chè).

---

(111) **4-0098869**
(210) 4-2006-22887
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 5.7.1; 26.4.1; 26.1.2; A26.11.12
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê chế biến; trà (chè).

---

(111) **4-0098870**
(210) 4-2005-08905
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Cultivig

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) DYNAMIC BIOTECH PTE LTD (SG)
112 East Coast Road, #02-35 Katong Mall, Singapore 428802
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng cho nông nghiệp, nghề làm vườn, lâm nghiệp, sản phẩm hoá học dùng cho nông nghiệp ngoại trừ thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt côn trùng và ký sinh trùng; phân bón lá, chất tăng trưởng sử dụng trong nông nghiệp không dùng đất, chế phẩm hoá học chống nấm mốc sương, chế phẩm điều chỉnh sự tăng trưởng của cây cối, hoóc môn thúc quả chín, rong biển (phân bón), chế phẩm làm mềm nước, hoá chất điều hoà đất, phụ gia hoá học cho thuốc diệt nấm và thuốc diệt côn trùng.

---

(111) **4-0098871**
(210) 4-2005-08906
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Cultistick

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) DYNAMIC BIOTECH PTE LTD (SG)
112 East Coast Road, #02-35 Katong Mall, Singapore 428802
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp; sản phẩm hoá học dùng để bảo quản thực phẩm; chất dính dùng trong công nghiệp; phụ gia hoá học cho thuốc diệt nấm và thuốc diệt côn trùng; chất nhũ hoá; chế phẩm tẩy cặn không dùng cho gia đình; hoá chất điều hoà đất (không làm cho cằn cỗi); tác nhân có hoạt tính bề mặt.

---

(111) **4-0098872**
(210) 4-2005-08913
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

YSPGINCARE

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) Y S.P.INDUSTRIES (M) SDN.BHD (MY)
16th floor, Plaza IBM, No.1, Jalan Tun Mohd, Fuad, Taman Tun Dr. Ismail, 60000 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược, thú y và vệ sinh (gồm các sản phẩm vệ sinh dùng trong ngành y như là: thuốc tẩy y tế, chất khử trùng, cồn y tế); thực phẩm cho trẻ em và người tàn tật (dùng cho mục đích y tế); cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu dùng để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt cỏ và động vật có hại.

---

(111) **4-0098873**
(210) 4-2005-08914
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

YSPDOMPER

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) Y S.P.INDUSTRIES (M) SDN.BHD. (MY)
16th floor, Plaza IBM, No.1, Jalan Tun Mohd, Fuad, Taman Tun Dr. Ismail, 60000 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược, thú y và vệ sinh (gồm các sản phẩm vệ sinh dùng trong ngành y như là: thuốc tẩy y tế, chất khử trùng, cồn y tế); thực phẩm cho trẻ em và người tàn tật (dùng cho mục đích y tế); cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu dùng để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt cỏ và động vật có hại.

---

(111) **4-0098874**
(210) 4-2006-19926
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

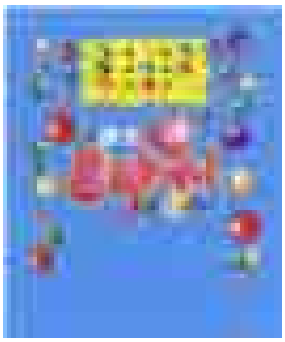

(151) 02.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 21.3.1; 26.1.6; A25.7.6; A25.7.7
(591) Trắng, đỏ, hồng tím, tím, tím nhạt, xanh lá cây, xanh nước biển, xanh nước biển đậm, xanh da trời, xanh tím than, vàng nhạt, vàng, vàng da cam
(731) PERFETTI VAN MELLE S.P.A. (IT)
Via XXV Aprile, 7 - 20020 Lainate (MI), Italy
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh bột nhào; đường; kẹo; bánh kẹo; kẹo cao su và kẹo cao su có thể thổi bóng; kẹo cứng; kẹo hình giọt nước; kẹo gôm hình giọt nước; kẹo bạc hà; kẹo caramen; kẹo bơ cứng; thạch (bánh kẹo); kẹo cam thảo (bánh kẹo); kẹo que; kẹo cao su tẩm đường; kem lạnh; sô cô la.

---

(111) **4-0098875**
(210) 4-2005-01922
(181) 23.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KOREO

(151) 02.04.2008
(220) 23.02.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM ĐỒNG (VN)
Số 99 Thống Nhất, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, nguyên vật liệu ngành dược, trang thiết bị y tế, hàng gia dụng, thực phẩm công nghệ.

---

(111) **4-0098876**
(210) 4-2005-06128
(181) 26.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALPHACIDE

(151) 02.04.2008
(220) 26.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098877**
(210) 4-2005-08912
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMICOL

(151) 02.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098878**
(210) 4-2005-09812
(181) 22.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 22.08.2006

(531) 26.1.1; 26.13.25
(591) Đỏ, ghi xám
(731) CÔNG TY TNHH TIẾP THỊ VÀ TRUYỀN THÔNG ANH EM (VN)
Thôn 3, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo ngoài trời và quảng cáo trên báo chí, phương tiện truyền thông; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm; xuất bản những ấn phẩm quảng cáo; thực hiện các chương trình quảng cáo trên truyền hình, truyền thanh; làm đại lý phát hành phim ảnh, phim video; tư vấn quản lý doanh nghiệp.

Nhóm 40: Sản xuất các vật phẩm quảng cáo theo yêu cầu từ người khác.

Nhóm 41: Tổ chức các sự kiện như thu xếp, hướng dẫn, giới thiệu các cuộc hội nghị, hội thảo và các hoạt động quan hệ cộng đồng; hoạt động tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật, ca múa nhạc và các hoạt động giải trí khác.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế mỹ thuật.

---

(111) **4-0098879**
(210) 4-2005-11587
(181) 08.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 02.04.2008
(220) 08.09.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1; A26.11.12
(591) Xanh lam, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH Y DƯỢC ÂU MỸ (VN)
P701, Nhà 17T9, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098880**
(210) 4-2006-18605
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZADINMYCIN

(151) 02.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) LBS LABORATORIES LTD., PART (TH)
602 SOI Panichanant, Sukhumvit 71 Road, Bangkok 10110, Thailand
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098881**
(210) 4-2006-20725
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

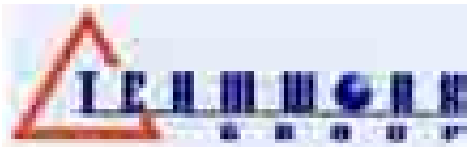

(151) 03.04.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.3.1; 26.1.1
(591) Da cam, xanh nước biển, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HỢP NHẤT (VN)
Số 77 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy đo độ cao, đầu đọc mã vạch, ống nhòm [quang học], tàu chữa cháy, bộ xử lý trung tâm, thiết bị và dụng cụ hoá học, chíp [mạch tổ hợp], thiết bị sắc ký dùng trong phòng thí nghiệm, cổng dùng tiền xu trả trước dùng cho bãi đỗ xe hoặc lô đỗ xe, hệ điều hành dùng cho máy tính, thiết bị ngoại vi của máy tính, chương trình máy tính ghi sẵn, phần mềm máy tính [ghi sẵn], máy vi tính, cơ cấu dùng cho máy đếm, máy dò đồ vật kim loại dùng trong công nghiệp hoặc quân sự, mặt nạ cho thợ lặn, bộ quần áo lặn, chăn chữa cháy, động cơ cứu hoả, thẻ nhận dạng từ tính, máy dò dùng cho khoa học, ra đa, thiết bị tia X dùng trong công nghiệp, màn hình tia X dùng trong công nghiệp, máy phát tín hiệu điện tử, thiết bị để ghi âm thanh, thiết bị truyền âm thanh, máy bán hàng tự động.

Nhóm 35: Mua, bán, đại lý ký gửi, xuất nhập khẩu các sản phẩm điện, điện tử, tin học dùng cho gia đình, văn phòng, hội họp, bảo vệ an ninh, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thiết bị phân tích thí nghiệm, kiểm tra đo lường, trang thiết bị y tế, điện lạnh, thiết bị bưu chính viễn thông, ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế.

Nhóm 36: Tư vấn, môi giới và kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà ở, văn phòng, kiốt, trung tâm thương mại.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa, bảo hành các sản phẩm điện, điện tử tin học dùng cho gia đình, văn phòng; dịch vụ sửa chữa, lắp ráp, bảo dưỡng, bảo hành ô tô, xe máy; lắp đặt trang thiết bị dây chuyền đồng bộ.

(111) **4-0098882**
(210) 4-2006-10940
(181) 12.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 12.07.2006

(531) 26.1.1; 24.1.23; 17.2.25
(591) Trắng, đỏ, vàng, đen
(731) TRẦN QUỐC TRUNG (VN)
3143 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền.

(111) **4-0098883**
(210) 4-2006-20600
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RAFFLES

(151) 03.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) RAFFLES INTERNATIONAL LIMITED (SG)
250 North Bridge Road, 10-00 Raffles City Tower, Singapore 179101
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước thơm dưỡng tóc; chế phẩm vệ sinh không chứa thuốc; phấn thoa mặt; kem; nước thơm và mặt nạ làm đẹp, tất cả dùng cho mặt, tay và toàn thân; chế phẩm mỹ phẩm chăm sóc da; chế phẩm làm rụng lông, móng tay giả; lông mi giả; chất làm bóng móng tay; chất tẩy bóng móng tay; mỹ phẩm; mỹ phẩm trang điểm; xà phòng; chế phẩm dùng để tắm; chế phẩm dùng cho tóc; chế phẩm để cạo râu và chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa; nước thơm; nước có hương thơm, nước hoa cologne; chất khử mùi và chất chống ra mồ hôi dùng cho cá nhân; dầu thơm; thuốc đánh răng.

Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này, đồ đi chân và đồ đội đầu; quần áo thể thao, giày dép thể thao và mũ thể thao.

Nhóm 41: Câu lạc bộ sức khoẻ, câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ, câu lạc bộ thể dục và dịch vụ giải trí; hướng dẫn và giáo dục về dinh dưỡng, sức khoẻ và thể dục thẩm mỹ.

Nhóm 44: Dịch vụ tắm nước suối, xông hơi, tắm hơi và massage; thẩm mỹ viện và dịch vụ làm đẹp; dịch vụ làm tóc và cạo râu; liệu pháp hương thơm; chăm sóc sức khoẻ, chăm sóc sắc đẹp; chăm sóc da và chăm sóc tóc; cung cấp thông tin, tư vấn và tham vấn trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ và chăm sóc sắc đẹp.

(111) **4-0098884**
(210) 4-2005-11689
(181) 09.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARTENGO

(151) 03.04.2008
(220) 09.09.2005

(731) PROJETCLUB SA (FR)
4 Boulevard de Mons 59 665 Villeneuve d'Ascq, France
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hóa chất làm cho vải không thấm nước; hóa chất làm cho da không thấm nước; giấy nhạy sáng để tráng ảnh; phim đã tăng độ nhạy nhưng chưa in tráng.

Nhóm 03: Xà phòng (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); chất khử mùi dùng cho cá nhân (nước hoa) (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); sáp và kem dùng cho giầy (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); kem bảo vệ chống sự cọ sát (không chứa thuốc) (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); gel làm nóng da (không chứa thuốc) (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); dầu gội đầu (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); gel tắm (dùng trong các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng).

Nhóm 09: Băng viđêô được ghi sẵn (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); đĩa compăc hình và tiếng được ghi sẵn (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); đĩa từ được ghi sẵn (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); đĩa quang được ghi sẵn (sản phẩm liên quan đến các môn, thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); đĩa compăc quang được ghi sẵn (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); máy chơi trò chơi có hình ảnh phụ trợ được dùng với máy thu hình (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); kính bảo hộ (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc chơi bằng bóng); mũ bảo hộ (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); kính râm, hộp đựng kính đeo mắt (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); dây dùng cho kính.

Nhóm 16: Giấy, cụ thể là giấy viết, giấy mỹ thuật, giấy in báo; bìa cứng; các sản phẩm bìa cứng, cụ thể là hộp, túi giấy, bao bằng giấy và túi nhỏ bằng giấy dùng để bao gói; ấn phẩm; ke giữ sách; ảnh chụp; bản in đúc; văn phòng phẩm, cụ thể là phong bì, bộ phân phối dải băng đính; băng dính (vật liệu dùng để dán) dùng cho văn phòng hoặc gia đình; bút lông, máy chữ (dùng điện hoặc không dùng điện) và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ), cụ thể là, kẹp dùng cho văn phòng, đinh rệp, chất lỏng để sửa chữa lỗi, dao rọc giấy, cặp xếp giấy tờ, ống cuộn dùng cho băng mực; đồ dùng giảng dạy, cụ thể là sách; đồ dùng cung cấp cho trường học, cụ thể là bút; quản bút; chữ in (số và chữ), cái gọt bút chì, bút chì, vỏ bút chì thay ruột; cái tẩy bằng cao su; tập anbom, sổ sách; sách chỉ dẫn (sách cho khách du lịch), sách chỉ dẫn (sách có tính chất giáo dục); sách có các thông tin hoặc chỉ dẫn thực hành; sổ niên giám, sách nhỏ có bìa mềm, vở viết, bảng liệt kê, lịch, áp phích quảng cáo, báo; xuất bản phẩm, cụ thể là, tạp chí và catalog trong lĩnh vực du lịch, hoạt động ngoài trời, giải trí, thể thao và dụng cụ thể thao và quần áo; bản đồ, cụ thể là bản đồ in và bản đồ đi đường bằng giấy; tấm nhựa để giữ thẻ; bản đồ địa lý, tấm bọc bản đồ bằng nhựa; cái lọc cà phê bằng giấy; đề can; giấy gói hàng; túi rác (bằng giấy hoặc bằng chất

dẻo); túi để nấu dùng cho lò vi sóng; biển hiệu bằng giấy hoặc bìa cứng; giấy vệ sinh dùng cho nhà vệ sinh; khăn trải bàn ăn bằng giấy; khăn lau bằng giấy; khăn tay bỏ túi bằng giấy; bưu thiếp.

Nhóm 18: Túi bằng da (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng), ô, lọng (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng); túi thể thao (sản phẩm liên quan đến các môn thể thao chơi bằng vợt và/hoặc bóng).

Nhóm 20: Đồ đạc, cụ thể là bàn và ghế dùng trong vườn; đồ đạc để cắm trại, cụ thể là bàn; ghế; bàn xếp và ghế xếp; ghế để chân và ghế để chân gấp lại được; ghế bành; gương soi; khung ảnh; bảng hiển thị các thông tin thuộc nhóm này; tủ nhiều ngăn; ống hút dùng để uống nước; bộ đồ trải giường (trừ đồ bằng vải lanh), và túi ngủ dùng cho cắm trại; giường gấp; đệm và đệm hơi không dùng cho mục đích y tế; tấm nhận dạng (không làm bằng kim loại) và biển số (không làm bằng kim loại); khóa (không làm bằng kim loại) dùng cho xe cộ; khung tập đi cho trẻ em.

Nhóm 21: Đĩa không làm bằng kim loại quý; cốc nhỏ có chân không làm bằng kim loại quý; chai bẹt đựng đồ uống dùng cho người đi đường; bình pha cà phê không dùng điện, không làm bằng kim loại quý; lược và bọt biển; bàn chải; vật liệu dùng làm bàn chải cụ thể là bàn chải để làm sạch súng; bàn chải để làm vệ sinh lông động vật; bàn chải để làm sạch các loại dây; bàn chải để tắm; bàn chải tóc; bàn chải đánh giày; bàn chải quần áo; chổi (xoa xà phòng) cạo râu; bàn chải đánh răng chạy điện và bàn chải đánh răng; dụng cụ làm sạch thao tác bằng tay, cụ thể là chổi, giẻ để lau, giẻ lau tẩm chất tẩy để làm sạch; thủy tinh thô hoặc bán thành phẩm (trừ kính dùng trong xây dựng); bộ đồ ăn (ngoại trừ dao, đĩa và thìa), không làm bằng kim loại quý cụ thể là ly có chân, đĩa, cốc, bát, đũa, cốc để uống, cốc bằng giấy và cốc bằng nhựa; phích lạnh có thể mang đi được (không dùng điện); chai làm lạnh; chai cách nhiệt.

Nhóm 22: Dây (không bằng cao su, không dùng để làm vợt, không dùng cho nhạc cụ); dây thừng; lưới đánh cá; lưới dùng để ngụy trang; vải bạt; vải nhựa (không dùng để bảo vệ, không dùng để phủ xe đẩy trẻ em); buồm; vật liệu đệm lót (không bằng cao su hoặc nhựa); vật liệu sợi dệt dạng thô; cái bọc bảo vệ buồm bằng vật liệu sợi; túi làm bằng vải dệt để bao gói.

Nhóm 24: Vải dệt; vải không thấm nước; vải dính có thể dán bằng nhiệt; vải dùng để làm giày, khăn vải dùng trong nhà; khăn lau bằng vải dệt; vải thuỷ tinh (khăn lau); nhãn mác (bằng vải); vỏ bọc ngoài dùng cho đồ gỗ thuộc nhóm này; khăn trải bàn (không bằng giấy); khăn ăn bằng vải dệt; khăn trải bàn ăn (không bằng giấy); khăn tắm (trừ quần áo); găng tay để rửa; khăn lau mặt bằng vải dệt; vải trải giường; chăn mền cho giường; tấm đra trải giường (vải-dệt); áo gối; khăn phủ gối; túi ngủ (dạng tấm phủ); bộ đồ vải của giường; vải bọc nệm; chăn du lịch (chăn mỏng); khăn tay bằng vải dệt; khăn vải dùng để tẩy trang; biểu ngữ (bằng vải); cờ (không bằng giấy); vải cho trò chơi bi-a; vải.

Nhóm 25: Quần áo cho nam giới, phụ nữ và trẻ em, cụ thể là quần áo lót; áo len dài tay; áo len chui đầu; áo len đan; váy; áo váy; quần; quần soóc; quần lót; quần ống túm; áo vét; áo có mũ; áo sơ mi; áo phông; cà vạt; khăn quàng cổ; thắt lưng (quần áo); găng tay (để chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng), loại trừ các sản phẩm cùng loại xếp ở các nhóm khác; quần áo không thấm nước (để chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng); mũ; mũ lưỡi trai; dải băng buộc đầu (quần áo) (dùng khi chơi thể thao các trò chơi

dùng vợt và/hoặc bóng); bít tất ngắn (dùng khi chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng); giày (trừ giày chỉnh hình) (để chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng); giày thể thao (để chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng); đế dùng cho đồ đi chân (để chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng); quần áo để chơi thể thao trừ quần áo lặn cụ thể là quần, áo khoác ngắn có tay; quần soóc, áo phông, áo len chui đầu, quần và áo ấm rộng, áo sơ mi, áo len cổ chui (để chơi thể thao các trò chơi dùng vợt và/hoặc bóng).

Nhóm 26: Đăng ten và dải ruy băng; khuy; khuy móc và móc; kim khâu và kim băng; khoá móc dùng cho giày; ghim dùng cho quần áo; khóa cho giày; băng tay; các số hiệu trong các cuộc thi; dải băng buộc tóc; dải ruy băng đàn hồi; khoá kéo cho túi; ghim quần cho người đi xe đạp.

Nhóm 27: Tấm thảm; thảm để tập thể dục; thảm chùi chân để ở cửa, thảm; vải nhựa lót sàn nhà; tấm phủ sàn; thảm thêu (treo tường) không bằng vải dệt.

Nhóm 28: Trò chơi, trò chơi trong nhà, trò chơi ném phi tiêu, quân bài (để chơi), trò chơi ky, đồ chơi xây dựng; đồ chơi, đồ chơi cho vật nuôi trong nhà, đồ chơi bằng vải lông, đồ chơi bằng nhựa, đồ chơi thổi phồng, trò chơi và đồ chơi dưới nước; xe hẩy đồ chơi; bóng bay để chơi; các vật dụng thể dục và thể thao ngoại trừ quần áo, giầy dép và thảm, đặc biệt là vợt ten-nít, khung cho vợt ten-nít, vợt cầu lông, quả cầu lông, cán vợt, bao đựng vợt, tấm phủ bàn đánh bóng bàn, lớp phủ ngoài bằng cao su cho vợt đánh bóng bàn, lớp bọc giảm chấn cho vợt ten-nít, bộ gia cường chống xoắn cho vợt ten-nít, máy bắn bóng, vật dùng để phân định sân chơi thể thao có dạng băng hoặc hình côn trụ bằng nhựa, băng để bảo vệ vợt, cái đệm khuỷu tay (vật dụng dùng cho thể thao), miếng đệm đầu gối (vật dụng thể thao); ván trượt tuyết, cái bọc ván trượt tuyết, ván lướt trên tuyết và túi thiết kế đặc biệt cho ván lướt trên tuyết, xe trượt băng có 1 chỗ, xe trượt tuyết (dụng cụ thể thao); giầy đi tuyết; miếng bảo vệ mềm, miếng bảo vệ cẳng chân, miếng bảo vệ khuỷu tay và miếng bảo vệ đầu gối dùng cho các môn thể thao; giầy trượt patanh có gắn lưỡi trượt; găng tay đánh quyền Anh; khung dùng cho môn thể thao bay lượn; các dụng cụ bắn cung, cung để bắn tên, vỏ bọc và bao đựng mũi tên, xe trượt băng; diều; ống cuộn dây diều; dây dùng cho vợt, vợt; bóng để chơi; đồ dùng để câu cá, cụ thể là cần câu và dụng cụ câu cá, cụ thể là ống cuộn dây câu cá, dây cước, vật chỉ báo cắn câu, móc câu, mồi câu nhân tạo và bẫy để câu; ván lướt sóng, ván lướt sóng không có động cơ; bóng, bóng tròn, lưới cho các môn thể thao; gậy đánh gôn; ván trượt tuyết, ván để lướt ván nước, lưỡi ván trượt tuyết, đai của ván trượt tuyết; quả tạ và tạ tập thể dục; cung, nỏ và mũi tên; súng phóng lao móc thể thao; chân nhái để bơi; bể bơi (đồ chơi); cầu trượt cho bể bơi (đồ chơi); ván trượt; trò chơi ảo thuật; cầu trượt (đồ chơi); trò chơi bi-a và bóng bi-a, gậy chơi bi-a; thiết bị để phục hồi chức năng cơ bắp cho người và máy để luyện tập thân thể, ván tập cơ bụng; xe đạp luyện tập tại chỗ; dụng cụ tập nở vòng ngực (dụng cụ tập); gậy chơi khúc côn cầu; con ky và bóng chơi ky; bóng cho trò chơi ném hòn; bàn bóng bàn; dây an toàn dùng khi tập thể thao; mặt nạ sân khấu; vật trang trí cây thông Nô en ngoại trừ đèn trang trí và bánh kẹo.

Nhóm 37: Sửa chữa các trang thiết bị thể thao; lắp đặt các trang thiết bị thể thao; bảo dưỡng các trang thiết bị thể thao; dịch vụ tẩy uế; làm sạch xe cộ; làm sạch các toà nhà.

Nhóm 41: Học viện (đào tạo); giảng dạy; huấn luyện thực hành (thao diễn); dịch vụ cắm trại thể thao; tính thời gian cho các cuộc thi đấu thể thao; dịch vụ câu lạc bộ sức khoẻ;

giáo dục thể chất; dịch vụ câu lạc bộ (giải trí hoặc giáo dục); huấn luyện động vật; cung cấp các phương tiện chơi gôn; cung cấp các phương tiện chơi thể thao; huấn luyện thể dục; cho thuê sân chơi quần vợt; cho thuê các phương tiện sân vận động; cho thuê dụng cụ thể thao (ngoại trừ xe cộ); cho thuê bộ dụng cụ lặn; thông tin về lĩnh vực giải trí; cung cấp các phương tiện giải trí; công viên vui chơi giải trí; vườn hoa vui chơi giải trí; dịch vụ cắm trại ngày nghỉ (giải trí); tổ chức quay xổ số; lập kế hoạch buổi tiệc (giải trí); đặt chỗ các buổi trình diễn; cho thuê sách; tổ chức các cuộc thi cho giáo dục hoặc giải trí; tổ chức các cuộc thi đấu thể thao; thông tin về sự giải trí; sắp xếp và tổ chức các cuộc hội thảo (tập huấn); sắp xếp và tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị, đại hội; tổ chức triển lãm nhằm mục đích văn hoá hoặc giáo dục; cung cấp các xuất bản điện tử trực tuyến (không tải xuống được); cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí ở các khu công cộng có mái che; dịch vụ trò chơi cung cấp trực tuyến (từ mạng máy tính); dịch vụ phòng nhảy; xuất bản sách; cho thuê phim ảnh, băng video cát xét, máy vô tuyến truyền hình, băng video, bản ghi âm, máy quay phim, đồ trang trí sân khấu; cung cấp các phương tiện chiếu phim; dịch vụ trường quay; sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình; biên tập băng video; dịch vụ phòng ghi âm.

---

(111) **4-0098885**
(210) 4-2006-16683
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.1.2; 3.7.17
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ TRẦN QUỐC TRUNG (VN)
78 - B11 bis Phạm Ngũ Lão, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính (nguyên bộ), máy vi tính, máy fax, máy in, máy sao chụp và thiết bị ngoại vi.

---

(111) **4-0098886**
(210) 4-2006-17004
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ATICATE

(151) 03.04.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098887**
(210) 4-2006-17021
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 10.10.2006

(531) 26.4.2; 26.7.25
(591) Xanh dương, xanh tím, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ TÂN HIỆP HƯNG (VN)
104 Tạ Uyên, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Silicon; keo silicon; keo dùng trong công nghiệp; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho giấy dán tường; keo trám bít silicon dùng trong công nghiệp.

Nhóm 16: Keo dán dùng trong gia đình và dùng trong văn phòng; văn phòng phẩm; túi bằng giấy hoặc bằng nhựa dùng để bao gói; bao bì bằng giấy; băng dính dùng trong gia đình và dùng trong văn phòng; túi bao gói thức ăn dùng trong lò vi sóng.

---

(111) **4-0098888**
(210) 4-2006-17741
(181) 23.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 23.10.2006

(531) A26.4.6; 26.4.4; 26.3.4; 26.3.23; A26.11.8
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÌNH MINH (VN)
114 - 116 đường 284 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0098889**
(210) 4-2006-18156
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAZISPORE

(151) 03.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098890**
(210) 4-2006-18157
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEPASYLE

(151) 03.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098891**
(210) 4-2006-18158
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRIKAAL

(151) 03.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098892**
(210) 4-2006-18170
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEOZITHRAL

(151) 03.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098893**
(210) 4-2007-00615
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 08.01.2007

(531) 26.4.4; 19.9.1
(731) CÔNG TY TNHH AN NHU (AN NHU COMPANY LIMITED) (VN)
Số 2/33B phố Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 18: Da và giả da; va li; cặp bằng da; ví bằng da; túi bằng da.

Nhóm 25: Quần áo; áo da; đồ đi chân; mũ; nón; dây lưng (đi kèm quần áo).

Nhóm 35: Dịch vụ kinh doanh buôn bán các mặt hàng sau: da và giả da, va li, cặp bằng da, ví bằng da, túi bằng da, quần áo, áo da, đồ đi chân, mũ, nón, dây lưng.

---

(111) **4-0098894**
(210) 4-2007-00691
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

HONEYPHEROL

(151) 03.04.2008
(220) 09.01.2007

(731) SUHEUNG CAPSULE CO., LTD (KR)
6th Floor Jung-An Bldg, 435-5 jangan 3 Dong Dongdaemunu-Gu, Seoul
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0098895**
(210) 4-2007-00692
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

HIGHPHEROL

(151) 03.04.2008
(220) 09.01.2007

(731) SUHEUNG CAPSULE CO., LTD (KR)
6th Floor Jung-An Bldg, 435-5 jangan 3 Dong Dongdaemunu-Gu, Seoul
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0098896**
(210) 4-2007-00919
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BUVAC

(151) 03.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ PHÁP (VN)
Số 6, ngõ 45 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098897**
(210) 4-2007-02290
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DEMOSEC

(151) 03.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, tập thể công ty cơ khí Hà Nội, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098898**
(210) 4-2007-02291
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BERIMIN

(151) 03.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, tập thể công ty cơ khí Hà Nội, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098899**
(210) 4-2007-02688
(181) 06.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SKIN TONE SCALE

(151) 03.04.2008
(220) 06.02.2007

(731) LABORATOIRE GARNIER & CIE (FR)
281, rue Saint-Honore, F-75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa xức sau khi tắm rửa; dầu keo, muối không dùng cho mục đích y tế dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; xà phòng tắm rửa, chất khử mùi cơ thể; mỹ phẩm cụ thể là kem, sữa, dầu, dầu keo và phấn dùng cho mặt, cơ thể và tay; chế phẩm chống nắng (các loại mỹ phẩm); chế phẩm trang điểm; dầu gội đầu; dầu keo, gôm xịt, keo bọt và sáp dùng cho tạo dáng tóc và dưỡng tóc; keo xịt tóc; chế phẩm tạo màu tóc và tẩy màu tóc; chế phẩm uốn cong và tạo sóng tóc cố định; tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0098900**
(210) 4-2007-01648
(181) 23.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAEMAX

(151) 03.04.2008
(220) 23.01.2007

(731) CƠ SỞ LẮP RÁP ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG Á CHÂU (VN)
331/1A Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Loa; amply; đầu đĩa; máy thu hình; micro; máy thu thanh.

---

(111) **4-0098901**
(210) 4-2006-20361
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MISADIN

(151) 03.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098902**
(210) 4-2006-20364
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MERIFRIN

(151) 03.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098903**
(210) 4-2006-20417
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVOMIN

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098904**
(210) 4-2006-20418
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LEPIRIDE

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098905**
(210) 4-2006-20419
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIQUIOL

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098906**
(210) 4-2006-20430
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIVELAC

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098907**
(210) 4-2006-20431
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMITERON

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098908**
(210) 4-2006-20432
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SELAIN

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098909**
(210) 4-2006-20434
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RIVEHILL

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0098910**
(210) 4-2006-20435
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ADIGI

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098911**
(210) 4-2006-20436
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEMOSENSE

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098912**
(210) 4-2006-20437
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MINROGE

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098913**
(210) 4-2006-20438
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOPELEN

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098914**
(210) 4-2006-20439
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MIANIFAX

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098915**
(210) 4-2006-20446
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

WIROBAR

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098916**
(210) 4-2006-20447
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHIMITOL

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098917**
(210) 4-2006-20449
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HYCODON

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098918**
(210) 4-2006-20450
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HYROQUIN

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098919**
(210) 4-2006-20451
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAZOPIN

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098920**
(210) 4-2006-20453
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEFARAK

(151) 03.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098921**
(210) 4-2006-02499
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh tím, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH ĐẠT (VN)
654 đường Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da; sữa tắm; kem thoa làm tan mỡ (mỹ phẩm); chất dưỡng tóc; chất tạo nếp tóc; thuốc nhuộm tóc.

---

(111) **4-0098922**
(210) 4-2006-00505
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

funcki

(151) 03.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HOÀNG (VN)
288 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; giày vải; dép vải; mũ vải.

---

(111) **4-0098923**
(210) 4-2006-01046
(181) 19.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

homemax
all for life

(151) 03.04.2008
(220) 19.01.2006

(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LỘC LÊ HẢI (VN)
454 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng điện máy, hàng điện lạnh, hàng điện gia dụng, hàng điện tử và linh kiện điện tử; mua bán: máy vi tính, dụng cụ quang học, thiết bị văn phòng, thiết bị quang học, trang thiết bị y tế; mua bán: thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị viễn thông, thiết bị chụp ảnh; mua bán: thiết bị thu hình, máy chiếu video, ống nói (micro), loa, băng từ, băng video, đĩa hát; mua bán: văn phòng phẩm, hàng lưu niệm; mua bán: rượu, bia (không do nhà hàng thực hiện), vải, quần áo, mỹ phẩm, hàng thực phẩm (không do nhà hàng thực hiện); mua bán: dụng cụ thể dục thể thao; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán: hàng gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, két sắt, đồng hồ; mua bán hàng trang sức; mua bán: xe gắn máy, xe ô tô và phụ tùng xe các loại; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0098924**
(210) 4-2006-02644
(181) 27.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 27.02.2006

(531) 1.15.23; 26.2.5; 26.5.1
(591) Trắng, đen, vàng, nâu
(731) VĂN PHÒNG LUẬT SƯ NAM THANH (VN)
204/51 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ pháp lý.

---

(111) **4-0098925**
(210) 4-2006-03300
(181) 09.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JOHN CURTIS

(151) 03.04.2008
(220) 09.03.2006

(731) FO SUN SIAW @ SIAUW FO SUN (Singapore citizen passport No. S2223500A) (SG)
No 623 Aljunied Road #02-05 Singapore 389835
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo dành cho nam giới, phụ nữ và trẻ em; quần gin (quần bằng vải bông dày); mũ nón (dùng để đội đầu); đồ đi chân (thuộc nhóm này, không thuộc nhóm khác); bít tất.

---

(111) **4-0098926**
(210) 4-2006-03768
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 17.03.2006

(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN HÌNH TỨ VÂN (VN)
461 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Phát hành báo chí.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0098927**
(210) 4-2006-03769
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 17.03.2006

(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN HÌNH TỨ VÂN (VN)
461 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Phát hành báo chí.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0098928**
(210) 4-2006-03840
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ULZOPAN

(151) 03.04.2008
(220) 17.03.2006

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD. (KH)
48A E0 Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098929**
(210) 4-2006-04226
(181) 23.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UP-MISA

(151) 03.04.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098930**
(210) 4-2006-04227
(181) 23.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

POLYSHIMAX

(151) 03.04.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098931**
(210) 4-2006-04318
(181) 24.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

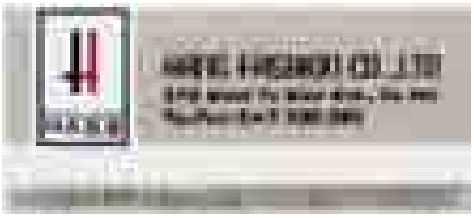

(151) 03.04.2008
(220) 24.03.2006

(531) 26.4.2; A25.1.10
(591) Đen, trắng, đỏ, ghi
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG HẰNG (VN)
Số 27C, phố Quốc Tử Giám, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; giày dép; mũ nón thuộc nhóm này; khăn quàng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098932**
(210) 4-2006-04406
(181) 27.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

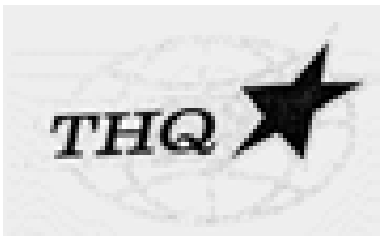

(151) 03.04.2008
(220) 27.03.2006

(531) A1.5.6; A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN HỒNG QUÂN (VN)
Số 300, phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán gas, đồ gia dụng, đồ nhà bếp, các loại bình, thùng đựng bằng kim loại, công ten nơ.

Nhóm 36: Cho thuê căn hộ; cho thuê nhà xưởng; cho thuê văn phòng; cho thuê bất động sản; môi giới bất động sản.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cho thuê phòng họp; dịch vụ cung cấp phòng ở tạm thời; dịch vụ cung cấp thực phẩm (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0098933**
(210) 4-2006-04407
(181) 27.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HONG HA
HỒNG HÀ

(151) 03.04.2008
(220) 27.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN HỒNG QUÂN (VN)
Số 300, phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán gas, các loại bình, thùng, công ten nơ dùng để chứa gas.

---

(111) **4-0098934**
(210) 4-2006-09378
(181) 16.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

味事达

(151) 03.04.2008
(220) 16.06.2006

(731) KAIPING WEISHIDA SEASONINGS CO., LTD. (CN)
Road South, Xinchang, Sanbu, Kaiping, Guangdong Province, P.R. China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bột nêm (đồ gia vị); muối để bảo quản thực phẩm; bột gia vị; chất làm đặc dùng để nấu thức ăn; đồ gia vị; giấm; nước xốt cà chua nấm (nước chấm); hạt tiêu (gia vị); nước xốt (nước chấm - gia vị); vani (hương liệu); hương liệu, ngoại trừ tinh dầu; hương liệu dùng cho đồ uống, ngoại trừ tinh dầu; giấm bia; mứt thập cẩm (đồ gia vị); nước chấm gia vị (đồ gia vị); nước tương; nước xốt cà chua; nước xốt thịt.

---

(111) **4-0098935**
(210) 4-2006-11467
(181) 21.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SMARTO

(151) 03.04.2008
(220) 21.07.2006

(731) SUHEUNG CAPSULE CO., LTD (KR)
6th Floor Jung-An Bldg, 435-5 jangan 3 Dong Dongdaemunu-Gu, Seoul
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098936**
(210) 4-2006-12063
(181) 27.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 27.07.2006

(531) 1.15.11; 2.5.6; A26.11.12
(731) CỬA HÀNG BABY MART (VN)
Số 1/2 108 -F3 (mới 171) Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: đồ thời trang dành cho trẻ em, đồ chơi, thực phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em, mỹ phẩm, sách báo, đồ chơi bằng gỗ.

---

(111) **4-0098937**
(210) 4-2006-13479
(181) 17.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOA SEN LOTUS

(151) 03.04.2008
(220) 17.08.2006

(731) CƠ SỞ CHUNG QUỐC VŨ (VN)
810 ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0098938**
(210) 4-2006-14102
(181) 28.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 03.04.2008
(220) 28.08.2006

(531) 26.1.1; A5.5.21; 4.3.20; 3.7.21; A20.7.2
(591) Vàng, nâu, đỏ, xanh dương
(731) TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG (VN)
504 đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 41: Giáo dục và đào tạo.

---

(111) **4-0098939**
(210) 4-2006-16145
(181) 26.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAX - Seal

(151) 03.04.2008
(220) 26.09.2006

(531) 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TUNG SINH (VN)
68 đường số 1, khu phố 3, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Silicon; keo silicon; keo dùng trong công nghiệp; chất dính dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0098940**
(210) 4-2006-21415
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Qcons
Quality Construction Engineering

(151) 03.04.2008
(220) 07.12.2006

(591) Xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XÂY DỰNG LƯỢNG TOÀN TQM (VN)
26/11 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 37: Tư vấn về thi công xây dựng và giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công trang trí, sửa chữa nội ngoại thất công trình; thi công xây dựng các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường, đường dây, trạm biến áp; thi công cơ giới; xử lý gia cố nền móng công trình; đóng cọc và cọc khoan nhồi; san lấp mặt bằng; lắp đặt thiết bị công trình, thiết bị công nghệ (trừ thiết bị tin học).

Nhóm 42: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; tư vấn đầu tư về mặt pháp lý; lập dự án đầu tư; tư vấn về kỹ thuật kết cấu trong xây dựng; thẩm tra thiết kế và thẩm tra tổng dự án công trình.

---

(111) **4-0098941**
(210) 4-2005-17688
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

V.Q.T Vạn Xuân

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN (VN)
231 Chiến Lược, khu phố 18, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Đông dược.

---

(111) **4-0098942**
(210) 4-2005-17801
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP KÍNH AN TOÀN MẶT TRỜI (VN)
Lô B -10B, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; kính an toàn (dùng trong xây dựng); khung cửa sổ dùng cho xây dựng (không bằng kim loại); khung cửa sổ không bằng kim loại; nhà kính không bằng kim loại (cấu kiện vận chuyển được); kính cửa sổ dùng cho xây dựng.

---

(111) **4-0098943**
(210) 4-2005-17803
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SGI SUNGLASS

(151) 04.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP KÍNH AN TOÀN MẶT TRỜI (VN)
Lô B -10B, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Khung nhà kính không bằng kim loại; vật liệu xây dựng không bằng kim loại; kính an toàn dùng trong xây dựng; khung cửa không bằng kim loại; nhà kính không bằng kim loại (cấu kiện vận chuyển được); kính cửa sổ dùng cho xây dựng.

Nhóm 35: Buôn bán vật liệu xây dựng; giới thiệu các sản phẩm về xây dựng; dịch vụ xuất nhập khẩu; quảng cáo; tổ chức hội chợ triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; quản lý kinh doanh.

---

(111) **4-0098944**
(210) 4-2005-17672
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 2.5.1; 2.5.2; 2.5.3; A2.5.22; 2.5.8
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh lá cây, xanh dương, da cam, hồng phấn, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHƯƠNG NGA (VN)
124 Trần Khắc Chân, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em.

Nhóm 35: Mua bán: đồ chơi trẻ em.

---

(111) **4-0098945**
(210) 4-2005-17673
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

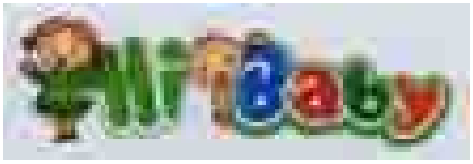

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 2.5.1; 2.5.2; 2.5.3; 2.5.8; A2.5.22
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh lá cây, xanh dương, da cam, hồng phấn, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHƯƠNG NGA (VN)
124 Trần Khắc Chân, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em.

Nhóm 35: Mua bán: đồ chơi trẻ em.

---

(111) **4-0098946**
(210) 4-2005-17676
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EGALIVE

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1 số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098947**
(210) 4-2006-04411
(181) 27.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UP-MISA-C

(151) 04.04.2008
(220) 27.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098948**
(210) 4-2006-18171
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOFNAC

(151) 04.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098949**
(210) 4-2006-18386
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 27.10.2006

(531) 5.5.1; A8.1.16; A26.11.12; A5.5.22
(591) Xanh dương, xanh lá cây, đỏ, vàng, hồng, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT BÁNH NGỌT HỒNG HOA (VN)
380 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt; bánh mì; kẹo.

---

(111) **4-0098950**
(210) 4-2006-18587
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAICLO

(151) 04.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098951**
(210) 4-2006-18588
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENFLULON

(151) 04.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098952**
(210) 4-2006-20356
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GARNIER
SKIN RENEW

(151) 04.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) Laboratoire Garnier & Cie (FR)
281, rue Saint-Honore, F-75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa xức sau khi tắm rửa; dầu keo, muối không dùng cho mục đích y tế dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; xà phòng tắm rửa, chất khử mùi cơ thể; mỹ phẩm cụ thể là kem, sữa, dầu, chất keo và phấn dùng cho mặt, cơ thể và tay; chế phẩm chống nắng (các loại mỹ phẩm); chế phẩm trang điểm; dầu gội đầu; chất keo, gôm xịt, keo bọt và sáp dùng cho tạo dáng tóc và dưỡng tóc; keo xịt tóc; chế phẩm tạo màu tóc và tẩy màu tóc; chế phẩm uốn cong và tạo sóng tóc cố định; tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0098953**
(210) 4-2006-20357
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIGFAM

(151) 04.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) Pharmaunity Co., Ltd (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098954**
(210) 4-2006-20359
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FAMOON

(151) 04.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) Pharmaunity Co., Ltd (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098955**
(210) 4-2006-20360
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIOLATOS

(151) 04.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098956**
(210) 4-2005-17808
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ENLA

ENGLE

(151) 04.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CƠ SỞ ĐỨC HUY (VN)
A6/ 177 ấp 1, xã Tân Nhật, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe gắn máy và phụ tùng xe ô tô.

---

(111) **4-0098957**
(210) 4-2005-17701
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MIHAPHARM

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0098958**
(210) 4-2005-17702
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

JELOTON

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN THÀNH (VN)
Số 1-E4 khu Bãi Than Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098959**
(210) 4-2005-17713
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

T-ANTIQ

(151) 04.04.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MẶT TRỜI (VN)
34/97 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán đồ gốm, đồ sứ và đồ cổ.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán cà phê giải khát.

(111) **4-0098960**
(210) 4-2005-17821
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SISKACIN

(151) 04.04.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098961**
(210) 4-2005-16768
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.1.1; 15.7.1
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BÁCH LUÂN (VIỆT NAM) (VN)
C14/27A, ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Bạc, séc măng (bộ phận máy móc).

---

(111) **4-0098962**
(210) 4-2005-13764
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.1; A26.11.12
(731) C & C TRADING (H.K.) COMPANY LIMITED (HK)
Flat/Room E2, Block E, 6/F, Phase 2 Wah Lok Industrial Centre, 31-41 Shan Mei Street, Fo Tan, Shatin, New Territories, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Da thô hoặc bán thành phẩm; giả da thuộc nhóm này, da động vật; túi du lịch; túi xách tay thuộc nhóm này; ô.

Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; đồ đi chân thuộc nhóm này; đồ đội đầu thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098963**
(210) 4-2005-13783
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CLINTAXIN

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) STRIDES ARCOLAB LTD. (IN)
201 Devavrata, Sector-17, Vashi, Navi Mumbai, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098964**
(210) 4-2005-16759
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(591) Xanh da trời đậm, đen, trắng
(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, hóa chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ký sinh), chế phẩm làm màu mỡ đất, chất điều hòa sinh trưởng cây trồng.

Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, thuốc diệt cỏ, chế phẩm để diệt cây có hại.

---

(111) **4-0098965**
(210) 4-2005-13788
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

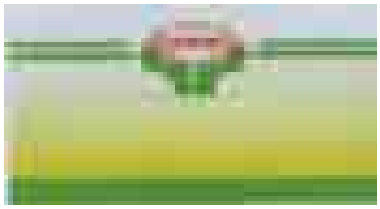

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 2.9.14; 26.1.2; 26.11.3
(591) Đỏ thẫm, nâu đỏ, trắng, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TRÚC TÂM (VN)
Số 5, ngõ 548/1, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098966**
(210) 4-2005-13791
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEPROSURE

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) ABBOTT LABORATORIES (US)
100 Abbott Park Road, Abbott Park, Illinois 60064-6050 USA
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm bổ sung dinh dưỡng.

---

(111) **4-0098967**
(210) 4-2005-13792
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

APTAG-400

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098968**
(210) 4-2005-13793
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540) 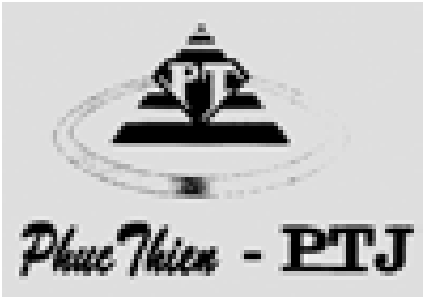

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.3.1; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚC THIỆN (VN)
Số 284 phố chợ Khâm Thiên, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức bằng kim loại quý.

Nhóm 35: Mua bán: vàng, bạc, đá qúy, đồ trang sức; quảng cáo, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm đồ trang sức.

---

(111) **4-0098969**
(210) 4-2005-17068
(181) 15.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 15.12.2005

(531) 26.1.1; 26.4.1; A25.1.10; A16.1.11; 7.3.11
(591) Đen, trắng, nâu nhạt, nâu sậm, đỏ, xanh lá cây
(731) ALTUNKAYA INS. NAK. GIDA TIC. A.S. (TR)
Gazimuhtarpasa Bulvari Kalyon, Is Merkezi K:4, No:14, Gaziantep, Turkey
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Trà; cà phê; cà phê hoà tan; đường; trà thảo mộc (không dùng cho mục đích y tế); ca-cao; bạch đậu khấu (loại hạt gia vị); chất thay thế cà phê; gạo.

---

(111) **4-0098970**
(210) 4-2005-17261
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) A26.11.12; 26.11.2
(591) Đen, trắng, tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT TƯỜNG - ĐÀ LẠT (VN)
Số 2, đường Nguyễn Thái Học, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0098971**
(210) 4-2005-13796
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NBK
NBKYOKO

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH TÍN PHONG (VN)
89 đường 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vòng bi, các cụm vi mạch điện dùng cho xe gắn máy, bộ nạp điện dùng cho xe gắn máy, các loại phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0098972**
(210) 4-2005-13797
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NBK
YOKONBK

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH TÍN PHONG (VN)
89 đường 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vòng bi, các cụm vi mạch điện dùng cho xe gắn máy, bộ nạp điện dùng cho xe gắn máy, các loại phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0098973**
(210) 4-2005-13798
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH TÍN PHONG (VN)
89 đường 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vòng bi, các cụm vi mạch điện dùng cho xe gắn máy, bộ nạp điện dùng cho xe gắn máy, các loại phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0098974**
(210) 4-2005-16729
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENTER FRESH

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Kem đánh răng; nước súc miệng không chứa dược chất; dầu đánh bóng răng; bột dùng để đánh răng.

---

(111) **4-0098975**
(210) 4-2005-17204
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.2; 26.3.23; 3.7.17; 25.7.20
(591) Vàng, xanh lá cây, xanh lơ
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC RỬA CHÉN MỸ PHƯƠNG (VN)
36/6 Hà Tôn Quyền, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất dùng để tẩy rửa.

Nhóm 35: Mua bán, đại lý phân phối, xuất nhập khẩu, tiếp thị sản phẩm là chất dùng để tẩy rửa.

---

(111) **4-0098976**
(210) 4-2005-16711
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUMMON

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) ARDATH TOBACCO COMPANY LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London, WC2R 2PG, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu hút thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

---

(111) **4-0098977**
(210) 4-2005-16712
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOAR

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) ARDATH TOBACCO COMPANY LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London, WC2R 2PG, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu hút thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

---

(111) **4-0098978**
(210) 4-2005-16724
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Multi - Zyme

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN LỢI (VN)
Cạnh 326, quốc lộ 91B, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm.

---

(111) **4-0098979**
(210) 4-2005-16725
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN LỢI (VN)
Cạnh 326, quốc lộ 91B, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm.

---

(111) **4-0098980**
(210) 4-2005-17221
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EUHEPAMIN

(151) 04.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU (VN)
134/1/5B Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098981**
(210) 4-2005-07542
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEXIGEL

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098982**
(210) 4-2005-07543
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MUCOPAIN

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098983**
(210) 4-2005-07778
(181) 27.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BALENO

(151) 04.04.2008
(220) 27.06.2005

(731) BIGPOINT LIMITED (VG)
P.O. Box 3340, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là: áo sợi đan chui đầu (áo pulove), áo len đan mở khoá trước, áo len dài tay, quần dài, váy, áo vét, áo cánh của phụ nữ, áo sơ mi, quần áo bò (gin), quần rộng dùng cho luyện tập, quần soóc, áo sợi đan chui đầu dùng cho vận động viên, bộ com lê, váy liền thân, áo ba đờ xuy, áo choàng (măng tô), áo mưa, thắt lưng (trang phục), áo nịt len (trang phục), cổ cồn ca vát, nơ cài cổ, áo may ô, bít tất ngắn cổ và tất dài, quần áo bó sát vào người, áo gilê, áo chẽn, áo ngoài chui đầu (tạp dề), bộ quần áo rộng dùng cho vận động viên, áo khoác ngoài rộng, áo bludông, quần áo tập thể dục, quần lót chẽn gối (của phụ nữ), áo thun cộc tay, áo khoác ngoài có mũ trùm đầu, dây đeo (quần, tất), quần áo mặc ở nhà, quần áo lót, quần áo mặc để tắm biển, quần áo bơi, quần áo ngủ, đồ đội đầu, mũ và mũ lưỡi trai (đồ đội đầu), khăn quàng cổ, găng tay (trang phục), giày, dép, giày ủng và dép đi trong nhà.

---

(111) **4-0098984**
(210) 4-2005-07512
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ETOCAP

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0098985**
(210) 4-2005-07518
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DURAMUNE ADULT

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm và chế phẩm thú y.

---

(111) **4-0098986**
(210) 4-2005-16057
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Catbaprinces hotel

(151) 04.04.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÙNG LONG (VN)
Số 1/107 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0098987**
(210) 4-2005-16236
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEEX

(151) 04.04.2008
(220) 01.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
28/21 cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098988**
(210) 4-2005-16238
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SELENACE

(151) 04.04.2008
(220) 01.12.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098989**
(210) 4-2005-07646
(181) 24.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MUCINDRIN

(151) 04.04.2008
(220) 24.06.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098990**
(210) 4-2005-07727
(181) 24.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 24.06.2005

(531) 26.3.1; 26.3.23
(591) Đỏ, vàng cam sậm, trắng, đen
(731) CƠ SỞ TRỊNH THỊ KHUY (VN)
71bis Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán rượu, bia, đồ hộp, bánh kẹo.

---

(111) **4-0098991**
(210) 4-2005-08103
(181) 04.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NHẬT TRIỀU

(151) 04.04.2008
(220) 04.07.2005

(731) CƠ SỞ NHẬT TRIỀU (VN)
94/6 bis Nguyễn Bá Tòng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Gương soi khung nhựa.

---

(111) **4-0098992**
(210) 4-2005-07514
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(531) A5.3.15; 26.1.1; A26.11.12
(591) Vàng, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ VẬT NUÔI THỪA THIÊN HUẾ (VN)
128 Nguyễn Phúc Nguyên, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc, gia cầm, thuỷ - hải sản; giống cây, giống con.

Nhóm 35: Mua bán: thuốc thú y, vật tư nông nghiệp.

---

(111) **4-0098993**
(210) 4-2005-07517
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(531) 26.11.3; A26.11.9
(731) K-SWISS INC. (US)
31248 Oak Crest Drive, Westlake Village, California, U.S.A. 91361
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giầy, xăng đan và dép lê.

---

(111) **4-0098994**
(210) 4-2005-07524
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 23.06.2005

(531) 26.1.1; 14.7.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THÀNH ĐÔ (VN)
78/4B Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp; trang trí nội thất.

---

(111) **4-0098995**
(210) 4-2005-08766
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 15.07.2005

(531) 1.15.1; A2.1.16; 2.9.14
(591) Xanh, đỏ, vàng, trắng, đen
(731) HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI MỸ TẠI VIỆT NAM (AMERICAN CHAMBER OF COMMERCE IN VIETNAM) (VN)
New World Hotel, phòng 323, số 76 Lê Lai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Các dịch vụ của phòng thương mại, cụ thể là, xúc tiến, thúc đẩy và bảo hộ thương mại, đầu tư và các quan hệ thương mại giữa Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Việt Nam.

---

(111) **4-0098996**
(210) 4-2005-08767
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 15.07.2005

(531) 1.15.1; A2.1.16; 2.9.14; 26.1.1; 26.4.2
(591) Xanh nhạt, xanh thẫm, vàng, đỏ, trắng
(731) HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI MỸ TẠI VIỆT NAM (AMERICAN CHAMBER OF COMMERCE IN VIETNAM) (VN)
New World Hotel, phòng 323, số 76 Lê Lai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Các dịch vụ của phòng thương mại, cụ thể là, xúc tiến, thúc đẩy và bảo hộ thương mại, đầu tư và các quan hệ thương mại giữa Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Việt Nam.

---

(111) **4-0098997**
(210) 4-2005-15889
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIETCEF

(151) 04.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể Công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098998**
(210) 4-2006-02415
(181) 22.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Herb garden

(151) 04.04.2008
(220) 22.02.2006

(731) LG HOUSEHOLD & HEALTH CARE LTD. (KR)
20, Yoido-dong, Youngdungpo-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, mặt nạ trang điểm, phấn dùng cho trang điểm, sữa tắm, kem bôi toàn thân, sữa tắm dạng gel, nước làm mềm da toàn thân, chì kẻ mắt, bút kẻ lông mày, sữa rửa mặt, keo dưỡng tóc, keo bọt dưỡng tóc, dầu xả, dầu gội đầu, gôm xịt tóc, bột giặt quần áo, son môi, sữa giữ ẩm cho da, nước tẩy móng tay, nước làm se da không dùng cho y tế dùng cho mục đích trang điểm, nước hoa, kem làm sạch da, kem dưỡng da, sữa dưỡng da, kem chống nắng, nước thơm dùng để bôi da sau khi rửa ráy, thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0098999**
(210) 4-2005-16002
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 28.11.2005

(531) 3.9.1; A1.1.10; 26.1.2
(591) Đỏ, xanh nước biển, ghi, đen, trắng, vàng, hồng, nâu, xanh lơ
(731) CÔNG TY TNHH NGUYỄN HOÀNG (VN)
Thôn Phú Cường, xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099000**
(210) 4-2007-07344
(181) 25.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 25.04.2007

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG HOA MẶT TRỜI (VN)
259 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 16: Sách; tạp chí; ấn phẩm; áp phích quảng cáo.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền thông.

Nhóm 41: Xuất bản sách và tạp chí.

---

(111) **4-0099001**
(210) 4-2005-13329
(181) 10.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 10.10.2005

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MỐT VIỆT (VN)
710/53/26 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; quần thể thao; áo; áo thể thao.

---

(111) **4-0099002**
(210) 4-2004-10096
(181) 24.09.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

BOMBARDIER

(151) 04.04.2008
(220) 24.09.2004

(731) BOMBARDIER INC. (CA)
800, René-Lévesque Blvd. West Montreal, Quebec, H3B 1Y8, Canada
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe cộ; phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước, và các phụ tùng của chúng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099003**
(210) 4-2004-12966
(181) 22.11.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

PUMA

(151) 04.04.2008
(220) 22.11.2004

(731) PUMA INDUSTRIAL CO., LTD. (TW)
427, Sec. 2, Doou - Chung Rd., Tien - Chung, Chang - Hwa, Taiwan.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Máy dán keo (chạy điện), súng hàn để bịt kín những chỗ hở (chạy điện); búa hơi (bộ phận của máy); súng phun dùng để sơn (chạy điện); súng phun tự động dùng để sơn (chạy điện); máy sơn tự động; máy lắp lốp xe, mâm cặp lốp (bộ phận của máy); rô-bốt (máy); máy khoan ép; máy nghiền chạy khí, máy đánh bóng chạy khí; máy tán đinh chạy khí, máy tán đinh chạy bằng sức nước; máy nén khí; máy bơm khí, máy nén; bình áp suất (bộ phận của máy); bơm chân không; bộ phận truyền động có bộ phận văng của máy, bộ phận truyền động của máy; bộ phận liên kết trong máy, tay đòn (bộ phận của máy); bộ phận tay quay của máy; mặt tựa của ổ trục trong máy; pít tông (máy); vòng pít tông (máy); phần đỉnh của xy lanh (bộ phận của máy); xy lanh (bộ phận của máy); hộp số (bộ phận của máy); động cơ của máy (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ); máy phát điện; động cơ khởi động của máy (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ); bộ phận ngắt điện trong máy; máy bắt vít chạy điện; máy khoan chạy điện; máy bắt vít chạy khí; bộ phận mỏ cặp từ trong máy; búa máy chạy khí; búa máy dùng để tiện chạy khí; xy lanh (là bộ phận của máy chạy khí ô xy), bộ phận tay quay vận hành trong máy chạy khí ô-xy.

---

(111) **4-0099004**
(210) 4-2003-10935
(181) 25.11.2013
(450) 26.05.2008 242
(540)

GLOW

(151) 04.04.2008
(220) 25.11.2003

(731) MEDICAP LIMITED (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm bổ sung chất dinh dưỡng cho cơ thể (gồm chất Peptone Hydrolysate của cá và các thành phần khác).

---

(111) **4-0099005**
(210) 4-2005-13755
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CƠ SỞ HOÁ MỸ PHẨM MI - HO (VN)
98/11 Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099006**
(210) 4-2003-03630
(181) 20.05.2013
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 20.05.2003

(531) 26.1.2
(731) SURE FILTER TECHNOLOGY INC. (US)
21021 Soledad Canyon Road, Santa Clarita, CA 91351, California, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc không khí, dầu, nhiên liệu, thuỷ lực dùng cho xe cộ và bộ lọc dùng cho máy móc có công suất lớn như máy kéo, máy xúc, phát điện, xe tải, động cơ tàu thuỷ và tuabin chạy bằng khí đốt (gas).

---

(111) **4-0099007**
(210) 4-2004-14378
(181) 23.12.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

APU

(151) 04.04.2008
(220) 23.12.2004

(731) CÔNG TY AUSTNAM (VN)
Số 112 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Tấm lợp bằng kim loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099008**
(210) 4-2004-14567
(181) 28.12.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

Sportsgirl

(151) 04.04.2008
(220) 28.12.2004

(731) SPORTSGIRL PTY. LTD. (AU)
24-40 Rosslyn Street, West Melbourne, Victoria 3003, Australia
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0099009**
(210) 4-2005-01860
(181) 23.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 23.02.2005

(531) 1.3.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI ĐẠI ĐÔNG NGUYÊN (VN)
1075 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Động cơ điện (khác với động cơ điện dùng cho các phương tiện xe cộ); máy bơm nước.

Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng.

---

(111) **4-0099010**
(210) 4-2005-13255
(181) 10.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 10.10.2005

(531) 5.3.16; 26.1.1
(591) Xanh dương, xanh lá cây, vàng, đỏ, ghi sáng, trắng, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÀN NA (VN)
F005 khu phố Mỹ Tú 1, khu đô thị mới Nam Sài Gòn, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0099011**
(210) 4-2005-13739
(181) 17.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HAPPY DAY

(151) 04.04.2008
(220) 17.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT A.B.C (VN)
68/4 Nguyễn Bá Tòng, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Kem ăn; chè; cà phê; bánh kẹo; gia vị; mì.

---

(111) **4-0099012**
(210) 4-2005-13756
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GAMAKATSU

(151) 04.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) GAMAKATSU CO., LTD. (JP)
417, Gonose-cho, Nishiwaki-shi, HYOGO 677-0014 Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ câu cá, dụng cụ thể dục.

---

(111) **4-0099013**
(210) 4-2005-07206
(181) 16.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 16.06.2005

(531) 7.1.6; 26.3.1
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC TRƯỜNG SƠN (VN)
159 A-B Lê Đại Hành, phường 13, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng xoa bóp.

---

(111) **4-0099014**
(210) 4-2005-10353
(181) 16.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 16.08.2005

(531) 6.1.2; 1.15.24; 5.9.15
(591) Trắng, xanh dương, xanh đậm, xanh lá cây
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0099015**
(210) 4-2005-10354
(181) 16.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 16.08.2005

(531) A24.15.13; 2.9.14
(591) Trắng, xanh dương, đỏ, xám, đen
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại bột giặt; các chế phẩm và các chất sử dụng cho giặt là quần áo; các chất dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; các chất làm mềm vải; các chất để tẩy trắng; các chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; các chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; các loại xà phòng; các loại xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; các chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; các chế phẩm dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

(111) **4-0099016**
(210) 4-2005-10356
(181) 16.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 16.08.2005

(531) 2.3.1; A5.5.22
(591) Tím, phấn hồng, vàng, đen, tím nhạt, trắng, đồng, da người
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan đùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm, kem dùng để đắp mặt.

(111) **4-0099017**
(210) 4-2005-15005
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3; 8.1.19; A8.1.23
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh nước biển, xanh lá cây, da cam, đen
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

(111) **4-0099018**
(210) 4-2005-15006
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3; 8.1.19; A8.1.23
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh nước biển, xanh lá cây, da cam, đen
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0099019**
(210) 4-2005-16638
(181) 08.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 08.12.2005

(531) 26.13.25; 7.1.6; 7.1.24; 18.3.14
(731) NGUYỄN THỊ LAN ANH (VN)
Số 124, A11, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Đế âm (sản phẩm làm bằng nhựa chứa các đầu nối dây điện gắn chìm trong tường); đế nổi (sản phẩm làm bằng nhựa để đậy trên bề mặt đế âm); hộp nối (sản phẩm làm bằng nhựa để bảo vệ mối nối dây điện); mặt che attomat; công tắc điện.

---

(111) **4-0099020**
(210) 4-2005-10357
(181) 16.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 04.04.2008
(220) 16.08.2005

(531) 2.3.1; 1.15.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, đồng, da người
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh và trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu và dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; nước súc miệng; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh và trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0099021**
(210) 4-2005-15000
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EDGE SPORT

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2005

(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu công nghiệp và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; dầu bôi trơn và mỡ bôi trơn; nhiên liệu; phụ gia (không phải là phụ gia hoá học) dùng cho nhiên liệu, chất bôi trơn và mỡ bôi trơn; hợp chất để hút, làm ướt và dính bụi; vật liệu cháy sáng.

---

(111) **4-0099022**
(210) 4-2005-13912
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 20.10.2005

(531) 2.5.21; 2.5.2; 5.5.1; 26.1.1
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh da trời, xanh lá cây, vàng, hồng tím
(731) CƠ SỞ ĐẠI THÀNH (VN)
30A1 Văn Thân, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Nhang.

---

(111) **4-0099023**
(210) 4-2005-13913
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 20.10.2005

(531) 2.1.22; 4.3.7; A25.1.10
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh da trời, xanh lá cây, vàng, hồng tím
(731) CƠ SỞ ĐẠI THÀNH (VN)
30A1 Văn Thân, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Nhang.

---

(111) **4-0099024**
(210) 4-2005-15657
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

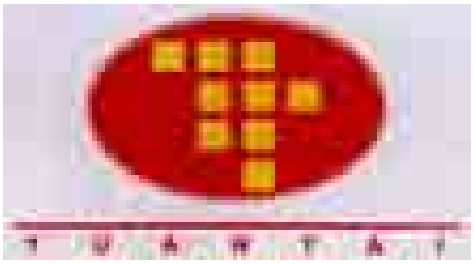

(151) 07.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.1.2; 26.4.9; A25.7.3
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TUẤN TÀI (VN)
443/142H Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng, máy móc thiết bị vật tư ngành kim hoàn; xuất nhập khẩu vàng trang sức, vàng mỹ nghệ, vàng nguyên liệu, vàng miếng.

---

(111) **4-0099025**
(210) 4-2005-15872
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

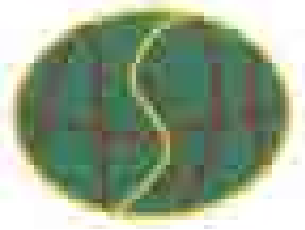

(151) 07.04.2008
(220) 24.11.2005

(531) A1.5.6; 26.1.2
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây
(731) LÝ THỊ ÁNH HỒNG (VN)
360B/4 bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ, hàng mỹ nghệ bằng thuỷ tinh cao cấp như pha lê.

---

(111) **4-0099026**
(210) 4-2006-05672
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(531) 2.9.14; 9.1.10; 26.4.3
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xám, xanh ngọc
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ S.K.Y THANH NGUYỄN (VN)
115 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu.

---

(111) **4-0099027**
(210) 4-2006-05676
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Camila Rose

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

---

(111) **4-0099028**
(210) 4-2006-05679
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Raimonday

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

---

(111) **4-0099029**
(210) 4-2005-15528
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TƯỜNG PHÁT

(151) 07.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯỜNG PHÁT (VN)
153 Phan Chu Trinh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, các loại xe có động cơ, mô tô, xe máy; đại lý mua bán ký gửi hàng hoá.

Nhóm 37: Bảo dưỡng, sửa chữa các loại xe có động cơ, mô tô, xe máy.

---

(111) **4-0099030**
(210) 4-2006-01291
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 24.01.2006

(531) 26.11.3; A26.11.12
(731) HỒ QUANG ĐÃNG (VN)
54 Huỳnh Tịnh Của, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 42: Thiết kế logo quảng cáo; thiết kế trang web; thiết kế phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099031**
(210) 4-2006-03955
(181) 21.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 21.03.2006

(531) 26.3.1
(591) Trắng, xanh nước biển đậm, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐẠI AN (VN)
Số 46, ngõ 33, Tân ấp, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị đo dung lượng xăng dầu, phần mềm máy tính điều khiển thiết bị đo xăng dầu.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế các thiết bị đo lường, thiết bị điều khiển, thiết bị hệ thống điện tử, thiết bị tự động hoá.

---

(111) **4-0099032**
(210) 4-2006-04893
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Anh Thương

(151) 07.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) LÊ TRẦN ANH THƯƠNG (VN)
Khu phố 2, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 44: Dịch vụ thẩm mỹ viện.

---

(111) **4-0099033**
(210) 4-2005-14963
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 1.15.23; 26.1.1; 2.1.1
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DOANH DOANH (VN)
D4/29 ấp 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Đá cắt (dùng cho máy cắt).

---

(111) **4-0099034**
(210) 4-2005-15001
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 4.5.3; 4.5.2; 8.1.19; A8.1.23
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh nước biển, xanh lá cây, da cam, đen
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0099035**
(210) 4-2005-15002
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3; 8.1.19; A8.1.23
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh nước biển, xanh lá cây, da cam, đen
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

(111) **4-0099036**
(210) 4-2005-15003
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3; 8.1.19; A8.1.23; 3.7.11
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh nước biển, xanh lá cây, da cam, đen
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

(111) **4-0099037**
(210) 4-2005-15004
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3; 8.1.19; A8.1.23
(591) Nâu, trắng, đỏ, vàng, xanh nước biển, xanh lá cây, da cam, đen
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0099038**
(210) 4-2006-03205
(181) 08.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BỐ GIÀ

(151) 07.04.2008
(220) 08.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM ĐỒNG (VN)
99 Thống Nhất, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Nước tăng lực dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 10: Bao cao su.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: nước tăng lực dùng cho mục đích y tế, bao cao su.

---

(111) **4-0099039**
(210) 4-2006-03207
(181) 08.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NGŨ SẮC

(151) 07.04.2008
(220) 08.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM ĐỒNG (VN)
99 Thống Nhất, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 10: Bao cao su.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: bao cao su.

---

(111) **4-0099040**
(210) 4-2006-05677
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RANELLI

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

---

(111) **4-0099041**
(210) 4-2005-15658
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.1.10; 24.17.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN THÀNH PHÁT (VN)
156/1/10 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Đèn khuyếch đại (dùng cho máy thu hình); thiết bị điện để phòng trộm; bộ biến đổi năng lượng điện; thiết bị bảo hộ cá nhân chống tai nạn; bộ biến đổi ánh sáng bằng điện; thiết bị kiểm tra tốc độ dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0099042**
(210) 4-2005-14129
(181) 24.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

URIVIN

(151) 07.04.2008
(220) 24.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099043**
(210) 4-2005-14846
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

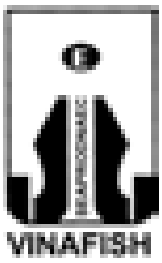

(151) 07.04.2008
(220) 07.11.2005

(531) 3.9.1; A3.9.24
(731) CƠ SỞ THUỶ SẢN NAM Á (VN)
122 Định Công, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099044**
(210) 4-2005-14901
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

AN PHAT PHARMA

(151) 07.04.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÁT (VN)
Số 74-76 đường Hoa Bằng, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0099045**
(210) 4-2005-15391
(181) 15.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

RONALAMIN

(151) 07.04.2008
(220) 15.11.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099046**
(210) 4-2005-15392
(181) 15.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BISMOLTAB

(151) 07.04.2008
(220) 15.11.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099047**
(210) 4-2005-15393
(181) 15.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEFZIDIMEX

(151) 07.04.2008
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099048**
(210) 4-2005-15394
(181) 15.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

POASCLIDENE

(151) 07.04.2008
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099049**
(210) 4-2005-15395
(181) 15.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TECGINAR

(151) 07.04.2008
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thanh phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099050**
(210) 4-2005-15656
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.1.1; 26.11.3; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT HEN (VN)
73 Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán bách hóa, công nghệ phẩm, văn phòng phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm (không do nhà hàng thực hiện), thực phẩm công nghệ, trang thiết bị - dụng cụ y tế, thiết bị dụng cụ phòng thí nghiệm, hóa chất; đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0099051**
(210) 4-2006-05673
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOFF33L

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) LAFFAIR CORPORATION SDN BHD (MY)
61 Jalan BP5, Bandar Bukit Puchong, 47100 Puchong, Selangor, Malaysia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, mỹ phẩm dùng để tắm, mỹ phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm làm thon người, dầu gội và chế phẩm dùng cho mục đích vệ sinh không dùng cho y tế.

---

(111) **4-0099052**
(210) 4-2006-05678
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Milanotti

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

---

(111) **4-0099053**
(210) 4-2006-05700
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NISLIDE

(151) 07.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD., (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099054**
(210) 4-2005-13799
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH TÍN PHONG (VN)
89 đường 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vòng bi, các cụm vi mạch điện dùng cho xe gắn máy, bộ nạp điện dùng cho xe gắn máy, các loại phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0099055**
(210) 4-2005-14444
(181) 28.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CASAR

(151) 07.04.2008
(220) 28.10.2005

(731) CƠ SỞ KIM NGUYÊN (VN)
186C Lương Nhữ Học, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Máy khoan, máy mở khóa tuýp, máy bắn đinh, máy mài, máy cắt, máy chà nhám, máy cưa.

---

(111) **4-0099056**
(210) 4-2005-15530
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TIẾN ĐỨC

(151) 07.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾN ĐỨC (VN)
Khối 6, thị trấn Vĩnh Điện, Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, các loại xe có động cơ, mô tô, xe máy; đại lý mua bán ký gửi hàng hoá.

Nhóm 37: Bảo dưỡng, sửa chữa các loại xe có động cơ, mô tô, xe máy.

---

(111) **4-0099057**
(210) 4-2005-15873
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BETONIZYM

(151) 07.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099058**
(210) 4-2005-15886
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAMITOT

(151) 07.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN THÀNH (VN)
Số 1-E4 khu Bãi Than Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099059**
(210) 4-2005-15888
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXCLARY

(151) 07.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 - PHARBACO (VN)
160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099060**
(210) 4-2006-05509
(181) 11.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 11.04.2006

(531) 26.1.1; 26.13.25; 26.7.25; A26.11.8; A26.11.9
(731) CƠ SỞ NHẤT HIỆP (VN)
254/4 đường Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Cuộn dây điện; IC (con chíp); đèn tín hiệu (chớp); chấn lưu (tăng phô) đèn huỳnh quang; bộ nạp (sạc) điện ắc quy; thiết bị đềpa (bộ khởi động bằng ắc quy).

---

(111) **4-0099061**
(210) 4-2006-17100
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MENCODE

(151) 07.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÀNG GIA DỤNG QUỐC TẾ (VN)
30 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Dầu gội, mỹ phẩm, chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0099062**
(210) 4-2006-18456
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 30.10.2006

(531) A24.1.15; 24.9.1
(591) Đỏ, xanh
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ MAY ĐO NHỰT DUY (VN)
41 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

Nhóm 35: Mua bán vải, phụ kiện quần áo ngành may.

Nhóm 40: Dịch vụ may đo.

Nhóm 42: Thiết kế mẫu quần áo thời trang.

---

(111) **4-0099063**
(210) 4-2006-13009
(181) 09.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 09.08.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21; A25.3.11
(591) Đen, trắng, da cam, xanh
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN HIỆP LỰC (VN)
97/4 khu phố 2, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo: bộ nắn dòng, thiết bị điện công nghiệp.

---

(111) **4-0099064**
(210) 4-2006-15746
(181) 19.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

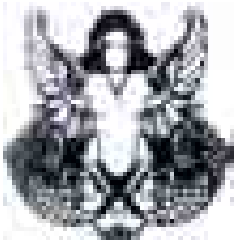

(151) 07.04.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.3.1; 2.3.22; 4.1.1; 4.2.8; 4.2.11; 3.7.17
(731) MILLENNIUM & COPTHORNE INTERNATIONAL LIMITED (SG)
36 Robinson Road #04-01 City House, Singapore 068877
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Điều hành (quản lý) kinh doanh khách sạn, khách sạn cạnh đường (cho khách có ôtô) và chỗ ở tạm thời bao gồm cả các khách sạn có phòng, căn hộ có dịch vụ; các dịch vụ liên hệ với công chúng liên quan đến chỗ ở tạm thời gồm các khách sạn và khách sạn cạnh đường cho khách có ôtô, các khách sạn có phòng ở và các căn hộ có dịch vụ; tiếp thị chỗ ở tạm thời gồm các khách sạn và khách sạn cạnh đường cho khách có ôtô, khách sạn có phòng ở và những căn hộ có dịch vụ bao gồm cả việc quảng cáo các dịch vụ nêu trên qua internet và các mạng máy tính toàn cầu khác.

Nhóm 36: Các dịch vụ về tài sản và cho thuê bao gồm quản lý toà nhà có căn hộ, cho thuê căn hộ và dãy phòng, cho thuê căn hộ có dịch vụ; quản lý chỗ ở cho thuê; quản lý căn hộ có dịch vụ; cho thuê dài hạn nhà ở có tiện nghi.

Nhóm 43: Các dịch vụ chỗ ở tạm thời, cho thuê chỗ ở tạm thời, cung cấp thức ăn và đồ uống do nhà hàng thực hiện, cho thuê phòng họp, nhà hàng ăn, quán cà phê, đặt chỗ ở tạm thời: cho thuê nhà ở có tiện nghi tạm thời; cho thuê phòng, căn hộ có dịch vụ (cho thuê chỗ ở tạm thời); các dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0099065**
(210) 4-2006-16606
(181) 03.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

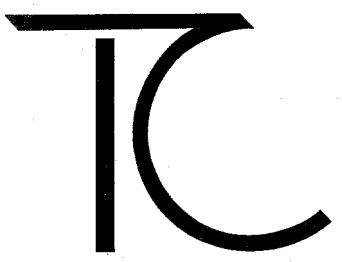

(151) 07.04.2008
(220) 03.10.2006

(731) CÔNG TY TRUNG CAO - (TNHH) (VN)
Số nhà C10, tập thể công ty quy chế Từ Sơn, phố Minh Khai, thị trấn Từ Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Bu lông, ốc vít, đai ốc, vòng đệm chặn (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0099066**
(210) 4-2006-16934
(181) 09.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AULEV

(151) 07.04.2008
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099067**
(210) 4-2006-17148
(181) 12.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 12.10.2006

(531) 26.1.2; 26.2.1; 2.3.1
(591) Ghi xám, vàng, đỏ, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THUẬN PHONG (VN)
114-116-118 Tuy Lý Vương, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp.

---

(111) **4-0099068**
(210) 4-2006-17640
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAGA

(151) 07.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH QUỐC THÁI (VN)
12C Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Bàn; ghế; giường; tủ.

---

(111) **4-0099069**
(210) 4-2006-19612
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 14.11.2006

(531) 3.4.1; A3.4.24
(591) Đỏ, trắng, da cam, nâu đen, hồng nhạt, xanh lá cây
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh, kem nước đá; bánh mứt kẹo đông lạnh; chế phẩm để chế biến các sản phẩm nêu trên như kem lạnh, kem nước đá, bánh mứt kẹo đông lạnh, tất cả thuộc thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099070**
(210) 4-2006-14137
(181) 28.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JEILCITIME

(151) 07.04.2008
(220) 28.08.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099071**
(210) 4-2006-17183
(181) 12.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIXZOL

(151) 07.04.2008
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô số 2A, đường số 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099072**
(210) 4-2006-17540
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PYMEDUCIL

(151) 07.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099073**
(210) 4-2006-17976
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 3.7.1; 5.7.3; A24.1.15; 1.5.1
(591) Trắng, đen, xanh lam, xanh da trời, vàng, đỏ, ghi
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO VỆ ĐÔNG DƯƠNG (VN)
196A Hoà Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ.

---

(111) **4-0099074**
(210) 4-2006-18560
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NATURARITYL

(151) 07.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099075**
(210) 4-2006-18561
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NICSPA

(151) 07.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM N.I.C (NIC-PHARMA) (VN)
Lô 11D đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099076**
(210) 4-2006-18562
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIACEFOTAME

(151) 07.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VIỆT ANH (VN)
Ngách 64/49, tổ 87, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099077**
(210) 4-2006-18566
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLLTRA-F

(151) 07.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099078**
(210) 4-2006-18567
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HATECHGINSENG

(151) 07.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099079**
(210) 4-2006-18583
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HI-C.O.S.CAP

(151) 07.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099080**
(210) 4-2006-19194
(181) 08.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CLEANSENSITIVE

(151) 07.04.2008
(220) 08.11.2006

(731) LABORATOIRE GARNIER & CIE (FR)
281, rue Saint-Honore, F-75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa xức sau khi tắm rửa; dầu gel, muối không dùng cho mục đích y tế dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; xà phòng tắm rửa, chất khử mùi cơ thể; mỹ phẩm cụ thể là kem, sữa, dầu, chất gel và phấn dùng cho mặt, cơ thể và tay; chế phẩm chống nắng (các loại mỹ phẩm); dầu gội đầu; chất gel, gôm xịt, keo bọt và sáp dùng cho tạo dáng tóc và dưỡng tóc; keo xịt tóc; chế phẩm tạo màu tóc và tẩy màu tóc; chế phẩm uốn cong và tạo sóng tóc cố định; tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0099081**
(210) 4-2006-06561
(181) 27.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PANTOBEX

(151) 07.04.2008
(220) 27.04.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099082**
(210) 4-2006-06562
(181) 27.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARISTOPLEX

(151) 07.04.2008
(220) 27.04.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099083**
(210) 4-2006-06563
(181) 27.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHENSEDYL

(151) 07.04.2008
(220) 27.04.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099084**
(210) 4-2006-00386
(181) 09.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HANSICO®

(151) 07.04.2008
(220) 09.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI CƠ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ HÁN SINH (VN)
886/3 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Tăng phô (dụng cụ ổn định dòng điện); ổ cắm điện; dây điện; dây ăng ten; ổn áp điện; công tắc điện.

---

(111) **4-0099085**
(210) 4-2006-07553
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Clinda

(151) 07.04.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH KYVY (VN)
Đường số 8, lô II-7 nhóm công nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Khẩu trang bằng giấy, khăn ướt bằng giấy, khăn giấy.

Nhóm 24: Khăn ăn bằng hàng dệt, khăn bằng hàng dệt để tẩy trang, khăn nhỏ bằng hàng dệt, khăn bằng vải để tẩy trang, khăn ướt bằng vải.

---

(111) **4-0099086**
(210) 4-2006-07964
(181) 24.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 24.05.2006

(531) 3.2.1; 26.4.2; 25.1.6
(731) CƠ SỞ DUY ĐỆ (VN)
Kiosque số 3, đường Hồng Bàng, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (trong khuôn viên 922 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5)
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các loại lò xo dùng cho xe gắn máy.

---

(111) **4-0099087**
(210) 4-2006-11672
(181) 24.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Khôi®

(151) 07.04.2008
(220) 24.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH KHÔI (VN)
219 Bùi Thị Xuân, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 41: Đào tạo dạy nghề.

Nhóm 44: Cắt tóc; gội đầu; uốn sấy; nhuộm tóc; chăm sóc da; sơn móng tay và móng chân.

---

(111) **4-0099088**
(210) 4-2006-12192
(181) 31.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 31.07.2006

(531) 4.3.3; 1.17.11; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh tím, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH ANH NGHĨA NGUYÊN (VN)
40 đường số 2, khu dân cư Bình Phú, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, nước ngọt; mua bán nông lâm thuỷ hải sản, hóa chất, rau, quả; mua bán phế liệu.

---

(111) **4-0099089**
(210) 4-2006-12700
(181) 04.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SKIMICOAT

(151) 07.04.2008
(220) 04.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT ÚC (VN)
36/1 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường; vữa xi măng chà ron gạch.

---

(111) **4-0099090**
(210) 4-2006-19613
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 14.11.2006

(531) 1.15.15
(591) Vàng, nâu đen
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh, kem nước đá; bánh mứt kẹo đông lạnh; chế phẩm để chế biến các sản phẩm nêu trên như kem lạnh, kem nước đá, bánh mứt kẹo đông lạnh, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099091**
(210) 4-2006-06696
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 28.04.2006

(531) 26.3.1; A5.3.14; A26.11.12
(591) Trắng, xanh nước biển, xanh lá mạ
(731) TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIWASEEN.CORP) (VN)
52 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; cho thuê văn phòng [bất động sản].

Nhóm 37: Xây dựng.

Nhóm 39: Cung cấp nước.

Nhóm 40: Xử lý rác thải cặn bã; xử lý nước.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; tư vấn bảo vệ môi trường.

---

(111) **4-0099092**
(210) 4-2006-06697
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 28.04.2006

(531) 26.3.1; A5.3.14; A26.11.12
(731) TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIWASEEN.CORP) (VN)
52 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; cho thuê văn phòng [bất động sản].

Nhóm 37: Xây dựng.

Nhóm 39: Cung cấp nước.

Nhóm 40: Xử lý rác thải cặn bã; xử lý nước.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; tư vấn bảo vệ môi trường.

---

(111) **4-0099093**
(210) 4-2006-07060
(181) 10.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ÁNH PHƯƠNG

(151) 07.04.2008
(220) 10.05.2006

(731) CƠ SỞ TRƯƠNG VIẾT VĂN (VN)
ấp Thạnh Sơn 2A, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099094**
(210) 4-2006-11405
(181) 20.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 20.07.2006

(531) 5.5.1; A5.5.21; 3.7.17; 26.3.23; 26.4.2
(731) CƠ SỞ VIỆT HOA (VN)
Thôn Ông Tố, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh dùng cho phụ nữ.

---

(111) **4-0099095**
(210) 4-2006-03550
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SQUIRREL BOY

(151) 07.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) THE CARTOON NETWORK LP, LLLP (US)
1050 Techwood Drive, NW, Atlanta, Georgia 30318, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Băng viđêô đã được thu; đĩa com pắc; ổ đĩa DVDs; đĩa âm thanh và đĩa nghe nhìn; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; trò chơi viđêô dùng với máy thu hình; trò chơi điện tử dùng với máy thu hình; đầu máy dùng cho trò chơi điện trên máy vi tính; băng trò chơi dùng cho máy vi tính; đĩa trò chơi dùng cho máy vi tính; chương trình trò chơi dùng cho máy vi tính; phần mềm trò chơi dùng cho máy vi tính; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng viđêô; đĩa trò chơi viđêô; phần mềm trò chơi viđêô; băng trò chơi viđêô; đầu máy trò chơi viđêô sử dụng với máy thu hình.

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; giải trí; các hoạt động thể thao và văn hoá; sản xuất và phát hành: đĩa âm thanh và đĩa nghe nhìn, chương trình truyền hình và truyền thanh, viđêô và phim điện ảnh; cung cấp các thông tin giải trí.

---

(111) **4-0099096**
(210) 4-2006-08056
(181) 25.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CÁ VÀNG

(151) 07.04.2008
(220) 25.05.2006

(591) Vàng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC (VN)
Khu công nghiệp Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho cá.

---

(111) **4-0099097**
(210) 4-2006-08323
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 30.05.2006

(531) 26.5.1; 26.4.3; 26.4.4; 26.7.25
(591) Xanh cô ban, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG QUANG (VN)
Số 23, ngõ 106/15, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Nhôm thanh định hình; vật liệu xây dựng bằng kim loại.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nhôm thanh định hình.

---

(111) **4-0099098**
(210) 4-2006-19713
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 15.11.2006

(531) 22.1.1; 3.7.7; A3.7.24
(591) Đen, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH THỰC PHẨM CHAY ÂU LẠC (VN)
65 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống bao gồm cả cung cấp thực phẩm chay.

---

(111) **4-0099099**
(210) 4-2006-19946
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 07.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 2.9.1; 5.5.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG TRƯỜNG PHÁT (VN)
Số 95 đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; kem dưỡng da; nước hoa; mỹ phẩm; keo xịt tóc.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm; siêu thị; bán đấu giá.

---

(111) **4-0099100**
(210) 4-2006-19947
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) MIHUL

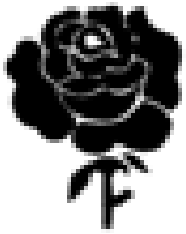

(151) 07.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 5.5.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG TRƯỜNG PHÁT (VN)
Số 95 đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; kem dưỡng da; nước hoa; mỹ phẩm; keo xịt tóc.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm; siêu thị; bán đấu giá.

---

(111) **4-0099101**
(210) 4-2006-11946
(181) 26.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 26.07.2006

(531) 1.3.1; 26.3.4; 26.4.9; 7.15.1; 7.15.22
(591) Nâu đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LA (VN)
Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại, cụ thể là: gạch, ngói, cát, xi măng, bê tông.

Nhóm 35: Buôn bán vật liệu xây dựng.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi.

---

(111) **4-0099102**
(210) 4-2006-12787
(181) 07.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SHOTS

(151) 08.04.2008
(220) 07.08.2006

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; bột ngũ cốc và các chế phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mì, bánh, mứt kẹo, đá ăn; mật ong, nước mật đường; men, bột nở; muối, tương hạt cải; dấm, nước xốt, nước xốt để rưới xa lát (dầu giấm trộn xa lát); gia vị; kem lạnh.

---

(111) **4-0099103**
(210) 4-2006-17346
(181) 16.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOIREE

(151) 08.04.2008
(220) 16.10.2006

(731) EDIPRESSE SA (CH)
33 Avenue de la Gare, CH - 1001 Lausanne, Switzerland
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Báo; tạp chí xuất bản định kỳ; sách; bức ảnh chụp; tạp chí; thẻ (bằng giấy hoặc bìa); bản đồ; bản đồ đi biển (hải đồ); bức ảnh chụp các biểu đồ minh họa trong đồ họa; bức tranh; giấy; bìa cứng; chất dẻo dùng để bao gói (không nằm trong nhóm khác); chữ in (văn phòng phẩm); bản in đúc (văn phòng phẩm); bìa dùng để đóng sách.

---

(111) **4-0099104**
(210) 4-2006-22708
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; A26.11.12
(591) Vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SÓNG NHẠC (VN)
351B Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: loa, máy tăng âm, đầu đọc đĩa kỹ thuật số, đầu máy hát karaoke, ống nói (micrô), máy phát hình (tivi), bộ đàm, bộ phát sóng vô tuyến điện, thiết bị viễn thông.

---

(111) **4-0099105**
(210) 4-2005-00721
(181) 19.01.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOBRANIE WHITE RUSSIAN

(151) 08.04.2008
(220) 19.01.2005

(731) GALLAHER LIMITED (GB)
Members Hill, Brooklands Road, Weybridge, Surrey, KT13 OQU, United Kingdom
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá sợi đã chế biến hoặc chưa chế biến; thuốc lá hút, tẩu thuốc lá, thuốc lá cuốn, thuốc lá nhai; thuốc lá điếu, điếu xì gà, điếu thuốc lá nhỏ hở hai đầu; chất dùng để hút được bán riêng hoặc trộn cùng thuốc lá không dùng cho mục đích y tế hoặc chữa bệnh; thuốc lá hít; vật dụng cho người hút thuốc trong nhóm này; giấy cuốn thuốc lá, tẩu để hút thuốc và diêm.

---

(111) **4-0099106**
(210) 4-2006-22931
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

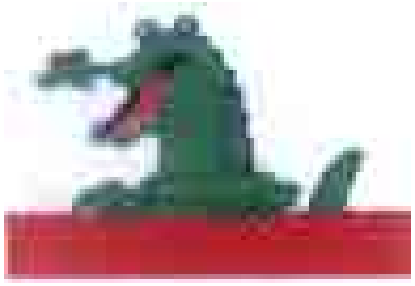

(151) 08.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) ; 3.11.9
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, vàng
(731) CÔNG TY CAO SU KENDA (VIỆT NAM) (VN)
Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Lốp xe; săm xe.

---

(111) **4-0099107**
(210) 4-2006-22933
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 1.15.17; 5.1.1; A26.11.12
(591) Trắng, xanh lá cây, đỏ, xanh dương, xám, da cam, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÁI TRUNG (VN)
18/1, khu phố 1, quốc lộ 15, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy lạnh gia dụng; mua bán máy lạnh công nghiệp; mua bán thiết bị điện.

---

(111) **4-0099108**
(210) 4-2006-22935
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 1.15.15; A26.11.12
(591) Xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KOREAFOAM (VN)
Lô J2, khu công nghiệp Việt Hương, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 17: Mút xốp cách nhiệt; mút xốp dùng làm miếng đệm cho bê tông trong ngành xây dựng, mút xốp dùng cho balô và túi xách, mút xốp dùng cho giày thể thao.

---

(111) **4-0099109**
(210) 4-2006-22936
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KHAI TRÍ AUDIO
electronics

(151) 08.04.2008
(220) 28.12.2006

(731) CƠ SỞ KHAI TRÍ (VN)
Nhà lồng chợ mới đường 3 tháng 2, phường 1, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Loa; âm ly (ampli); micrô; đầu karaoke; đầu đọc đĩa hình và tiếng; máy nghe nhạc.

---

(111) **4-0099110**
(210) 4-2006-22939
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEW DISCOVERY
electronics

(151) 08.04.2008
(220) 28.12.2006

(731) CƠ SỞ KHAI TRÍ (VN)
Nhà lồng chợ mới đường 3 tháng 2, phường 1, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Loa; âm ly (ampli); micrô; đầu karaoke; đầu đọc đĩa hình và tiếng; máy nghe nhạc.

---

(111) **4-0099111**
(210) 4-2007-01581
(181) 22.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 22.01.2007

(531) A25.3.7; 26.3.1; 26.4.2; A26.4.6; A19.13.21
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099112**
(210) 4-2007-02687
(181) 06.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SKIN TONE RULER

(151) 08.04.2008
(220) 06.02.2007

(731) LABORATOIRE GARNIER & CIE (FR)
281, rue Saint-Honore, F-75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa xức sau khi tắm rửa; dầu keo, muối không dùng cho mục đích y tế dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; xà phòng tắm rửa, chất khử mùi cơ thể; mỹ phẩm cụ thể là kem, sữa, dầu, dầu keo và phấn dùng cho mặt, cơ thể và tay; chế phẩm chống nắng (các loại mỹ phẩm); chế phẩm trang điểm; dầu gội đầu; dầu keo, gôm xịt, keo bọt và sáp dùng cho tạo dáng tóc và dưỡng tóc; keo xịt tóc; chế phẩm tạo màu tóc và tẩy màu tóc; chế phẩm uốn cong và tạo sóng tóc cố định; tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0099113**
(210) 4-2007-04305
(181) 14.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 14.03.2007

(531) 26.4.1; A26.11.12; 26.13.25
(591) Đen, đỏ
(731) CONCORDE INTERNATIONAL TRAVEL PTY. LTD. (AU)
403 George Street, Sydney NSW 2000, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Tổ chức du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển khách du lịch, đặt chỗ cho các chuyến đi.

---

(111) **4-0099114**
(210) 4-2007-04308
(181) 14.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

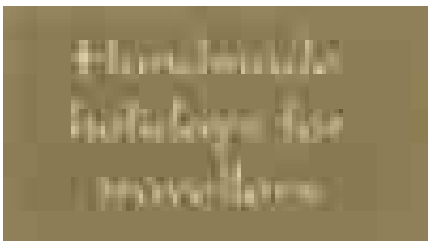

(151) 08.04.2008
(220) 14.03.2007

(591) Xanh, trắng
(731) CONCORDE INTERNATIONAL TRAVEL PTY. LTD. (AU)
403 George Street, Sydney NSW 2000, Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Tổ chức du lịch, hướng dẫn du lịch, vận chuyển khách du lịch, đặt chỗ cho các chuyến đi.

---

(111) **4-0099115**
(210) 4-2006-22659
(181) 25.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NONGRIN

(151) 08.04.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG ÂN (VN)
128 đường 19E, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099116**
(210) 4-2007-02012
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SD&G
SUNDAY AND GIRL

(151) 08.04.2008
(220) 29.01.2007

(731) BÙI THỊ KIM PHỤNG (VN)
72/72/5 Lê Văn Phan, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0099117**
(210) 4-2007-02014
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 29.01.2007

(731) NGUYỄN DẬU (VN)
39/7 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0099118**
(210) 4-2007-03969
(181) 08.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 08.03.2007

(591) Đỏ, xanh dương
(731) LÊ TRƯỜNG THÔNG (VN)
Khối 11, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán sách, vở, văn phòng phẩm; dịch vụ phát hành sách, báo, ấn phẩm.

---

(111) **4-0099119**
(210) 4-2007-02739
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEFA PLUS

(151) 08.04.2008
(220) 07.02.2007

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi 110016 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099120**
(210) 4-2007-06760
(181) 18.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 18.04.2007

(531) 26.4.2; 3.1.1; A3.1.17
(591) Đen, trắng, xám bạc, vàng cam
(731) DƯƠNG THỊ MINH HIỀN (VN)
Số 338 - 340 đường D3, cư xá Văn Thánh Bắc, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 18: Các loại túi thuộc nhóm này, bao gồm: túi xách tay, túi xách dành cho phụ nữ; túi mua hàng; túi quần áo dùng để du lịch; túi du lịch.

Nhóm 25: Quần áo các loại thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán quần áo và túi xách các loại.

---

(111) **4-0099121**
(210) 4-2005-17070
(181) 15.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 15.12.2005

(531) 26.4.2; 26.3.23; A25.3.3
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC HOA (VN)
Số 98 Cầu Gỗ, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm; băng dính dùng cho văn phòng hoặc gia đình; bộ phân phối dải băng dính (đồ dùng văn phòng); chất dính [keo hồ] dùng cho văn phòng hoặc gia đình; đề can.

Nhóm 35: Mua bán văn phòng phẩm, keo dán, băng dính, giấy, các-tông và các sản phẩm bằng giấy, vật liệu để đóng sách, đồ dùng văn phòng, chất dẻo để bao gói, chữ in, bản in đúc, vật liệu ngành in; quảng cáo; môi giới quảng cáo; dán áp phích quảng cáo; phát hành các tài liệu quảng cáo; cho thuê máy và thiết bị văn phòng.

---

(111) **4-0099122**
(210) 4-2005-07976
(181) 30.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ASIAPHARM

(151) 08.04.2008
(220) 30.06.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các sản phẩm thú y; thực phẩm ăn kiêng dùng trong y học; thực phẩm cho trẻ em; chất diệt động vật có hại.

Nhóm 35: Buôn bán vắc xin, sinh phẩm; buôn bán dược phẩm; buôn bán mỹ phẩm; buôn bán các loại hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm).

---

(111) **4-0099123**
(210) 4-2005-02938
(181) 22.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 22.03.2005

(531) 1.15.15; 26.1.1; 2.7.12
(591) Xanh
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại bột giặt; các chất phẩm và các chất sử dụng cho giặt là quần áo; các chất dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; các chất làm mềm vải; các chất để tẩy trắng; các chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; các chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; các loại xà phòng; các loại xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; các chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là, các chất dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0099124**
(210) 4-2005-06302
(181) 30.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARGUS

(151) 08.04.2008
(220) 30.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH XIN DA (VN)
92 Bắc Hải, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Đèn dùng để chiếu sáng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099125**
(210) 4-2005-07339
(181) 20.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 20.06.2005

(531) A26.11.12
(591) Xanh, trắng
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Kem đánh răng; nước súc miệng không chứa dược chất; dầu đánh bóng răng; bột dùng để đánh răng.

---

(111) **4-0099126**
(210) 4-2005-15672
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) A1.1.10; A1.11.8; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐỨC CHÍNH (VN)
11A phố Thanh Hà, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Đồ điện gia dụng như: nồi cơm điện, quạt điện, máy pha cà phê dùng điện, máy sấy tóc, chảo điện, lò sưởi, tủ lạnh, đèn, máy điều hoà không khí, thiết bị sưởi nóng bằng năng lượng mặt trời, thiết bị đun nước bằng năng lượng mặt trời, thiết bị chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời, bình lọc nước điện, ấm đun nước dùng điện.

Nhóm 21: Đồ gia dụng dùng trong nhà bếp như: nồi, chảo rán (không dùng điện); bộ đựng đồ gia vị; rổ, rá, lồng bàn, hộp đựng giấy ăn, thùng rác, giá để bát đĩa.

Nhóm 35: Mua bán: thiết bị điện, điện tử, điện gia dụng, điện lạnh, đồ gia dụng dùng trong nhà bếp, đồ gia dụng bằng nhựa.

---

(111) **4-0099127**
(210) 4-2005-11773
(181) 12.09.2015
(300) 1047414 21.03.2005 AU
(450) 26.05.2008 242
(540)

FOSTER'S SUPER CHILLED

(151) 08.04.2008
(220) 12.09.2005

(731) FOSTER'S AUSTRALIA LIMITED (AU)
77 Southbank Boulevard, Southbank, Victoria, 3006, Australia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 32: Bia.

---

(111) **4-0099128**
(210) 4-2005-07510
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

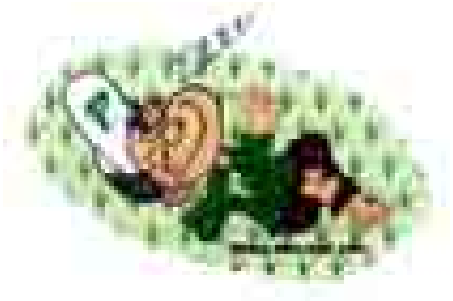

(151) 08.04.2008
(220) 23.06.2005

(531) 2.1.7; 2.1.13; A5.11.11
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xám, nâu, vàng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099129**
(210) 4-2005-07511
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 23.06.2005

(531) 2.1.7; 2.1.13; A5.11.11
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xám, nâu, vàng nhạt, đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099130**
(210) 4-2005-12840
(181) 30.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

QWAKE

(151) 08.04.2008
(220) 30.09.2005

(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Bột ngũ cốc dùng điểm tâm; bánh snack được làm từ hạt ngũ cốc.

Nhóm 32: Đồ uống yến mạch dạng bột.

---

(111) **4-0099131**
(210) 4-2005-12281
(181) 20.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 20.09.2005

(531) 26.1.2; 3.7.17
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, tím đậm, tím hồng, nâu, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI PHƯƠNG NAM (VN)
14/9 hẻm 624 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho động vật, thức ăn cho gia súc, thức ăn cho gia cầm, thức ăn cho thủy sản, thức ăn vỗ béo và thức ăn tăng lực cho súc vật.

---

(111) **4-0099132**
(210) 4-2005-13765
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MYSPACE

(151) 08.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) MYSPACE, INC. (US)
1333 2nd Street, Santa Monica, California 90401 United States
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ cung cấp các tiện ích của trang web từ máy chủ (mạng máy vi tính) theo yêu cầu của người khác để tổ chức, sắp xếp các cuộc gặp gỡ và trao đổi trực tuyến; dịch vụ quản lý (cập nhật) các công cụ hỗ trợ trang web trên máy tính từ máy chủ theo yêu cầu của người khác để tạo ra và giới thiệu các trang web theo yêu cầu, làm nổi bật các thông tin, lĩnh vực quan tâm của người sử dụng.

Nhóm 45: Dịch vụ thiết lập cuộc hẹn thông qua mạng Internet; dịch vụ giới thiệu gặp gỡ thông qua mạng Internet thuộc nhóm này; dịch vụ lập hội thông qua mạng Internet.

---

(111) **4-0099133**
(210) 4-2005-16713
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KỲ HƯƠNG

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÙNG KỲ - THANH HƯƠNG (VN)
Số 16, chợ Đập Đá, thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099134**
(210) 4-2005-16714
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH TI LI (VN)
6/11 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Săn sóc da; thẩm mỹ viện làm đẹp.

---

(111) **4-0099135**
(210) 4-2005-16715
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) A5.5.21; 1.15.11
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THIÊN TÂM (VN)
D9/53 ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Nhang.

---

(111) **4-0099136**
(210) 4-2005-16716
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.1.2
(731) JIN FORD AUTOPARTS CORP. (TW)
No.41, Lane 221, Chen Yi Rd., Sha Lu Town, Taichung Hsien, Taiwan
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Bạc lót chống ma sát dùng cho máy; mô tơ dùng cho tàu thuyền; xi lanh dùng cho động cơ; quả nén (pit tông) là bộ phận của máy hoặc động cơ; khớp đa năng (khớp các đăng); van là bộ phận của máy.

---

(111) **4-0099137**
(210) 4-2005-16717
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Nha khoa
THIỆN MỸ

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) NHA KHOA THẾ HỆ MỚI (VN)
549/1 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0099138**
(210) 4-2005-16721
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

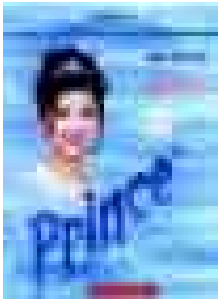

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 2.3.1
(591) Xanh nước biển trắng, đỏ, vàng, nâu, trắng, đen
(731) CƠ SỞ THU NGỌC (VN)
117/16 Minh Phụng, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Keo xịt giữ nếp tóc.

---

(111) **4-0099139**
(210) 4-2005-16722
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

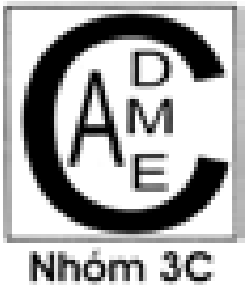

(151) 08.04.2008
(220) 09.12.2005

(731) CƠ SỞ NGUYỄN VĂN THÀNH (VN)
259 Trần Bình Trọng, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Sách; giáo trình và tài liệu tham khảo.

---

(111) **4-0099140**
(210) 4-2005-17833
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) 4.5.1; A5.1.5
(591) Xanh nước biển, xanh lá cây, xanh lá mạ, da cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHUYÊN THIÊN NHIÊN (NATURAL PROFESSIONALS CO., LTD) (VN)
15.04 tháp C, khu căn hộ quốc tế Thuận Kiều, 190 Hồng Bàng, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Tinh dầu; hương liệu dùng cho hóa mỹ phẩm; mỹ phẩm.

Nhóm 29: Trái cây đóng hộp; rau củ đóng hộp; tinh dầu chiết xuất từ trái cây dùng trong thực phẩm.

Nhóm 30: Hương liệu dùng cho thực phẩm.

Nhóm 32: Nước trái cây đóng chai hoặc đóng hộp dùng cho mục đích giải khát.

Nhóm 35: Mua bán các loại tinh dầu và hương liệu, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, nước giải khát.

(111) **4-0099141**
(210) 4-2005-16041
(181) 28.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 28.11.2005

(531) A1.5.6; 1.15.24; A26.11.13; 26.11.3
(731) CÔNG TY DU LỊCH DỊCH VỤ VẠN HOA (VN)
Số 28, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

(511) Nhóm 32: Nước khoáng; nước ga và các loại đồ uống không có cồn.

Nhóm 35: Quảng cáo.

Nhóm 37: Xây dựng; sửa chữa; lắp đặt công trình xây dựng và dân dụng.

Nhóm 39: Vận tải; du lịch.

Nhóm 41: Giải trí; tổ chức các trận đá bóng chuyên nghiệp; tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện; chỗ ở tạm thời.

---

(111) **4-0099142**
(210) 4-2005-16257
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 01.12.2005

(531) 26.1.1; 26.4.3; 26.4.10; A25.7.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG THIÊN THANH (VN)
90 đường số 3, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại như: gạch, ngói, đá granito.

Nhóm 36: Mua bán và cho thuê nhà ở, cho thuê mặt bằng phục vụ cho việc kinh doanh.

Nhóm 42: Thiết kế công trình xây dựng; thiết kế trang trí nội, ngoại thất, thiết kế kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm.

---

(111) **4-0099143**
(210) 4-2005-17349
(181) 20.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

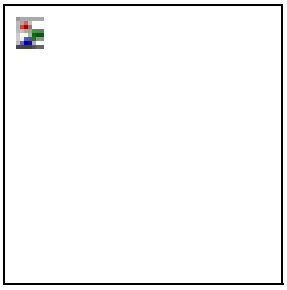

(151) 08.04.2008
(220) 20.12.2005

(531) A3.9.4; 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HOÁ SINH TÂM NÔNG (VN)
345 Lê Quang Sung, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Chất làm sạch dầu, mỡ, dầu nhớt công nghiệp.

---

(111) **4-0099144**
(210) 4-2006-00515
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 11.01.2006

(531) 26.4.1; 15.1.21
(731) CƠ SỞ TÂN HIỆP HƯNG (VN)
104 Tạ Uyên, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp; keo trám bít silicon.

---

(111) **4-0099145**
(210) 4-2006-00516
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 11.01.2006

(531) 15.1.21
(731) CƠ SỞ TÂN HIỆP HƯNG (VN)
104 Tạ Uyên, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp; keo trám bít silicon.

---

(111) **4-0099146**
(210) 4-2006-02645
(181) 27.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 27.02.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt ; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099147**
(210) 4-2006-02652
(181) 27.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ORION Tonk

(151) 08.04.2008
(220) 27.02.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099148**
(210) 4-2005-17200
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.5
(731) KABUSHIKI KAISHA BROOK'S HOLDINGS (also trading as BROOK'S HOLDINGS CO., LTD.) (JP)
10-7, Tsukiji 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Chất lỏng hoặc kem ăn dạng bột làm từ sữa dùng cho cà phê; các sản phẩm làm từ sữa, cụ thể là: sữa, sữa đặc và kem sữa.

Nhóm 30: Cà phê; cà phê hoà tan; cà phê nhân tạo; đồ uống có thành phần chính là cà phê; cà phê dạng túi đóng sẵn (để nhỏ giọt vào cốc cà phê); cà phê chưa rang; trà (bao gồm trà xanh, hồng trà và các loại trà khác); đường; kem không làm từ sữa dùng cho cà phê.

---

(111) **4-0099149**
(210) 4-2006-01250
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NICBAZAGIN

(151) 08.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM N.I.C (NIC-PHARMA) (VN)
Lô 11D, đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099150**
(210) 4-2006-01251
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EFFE-NIC

(151) 08.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM N.I.C (NIC-PHARMA) (VN)
Lô 11D đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099151**
(210) 4-2006-01252
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DALSOMIN

(151) 08.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099152**
(210) 4-2006-01253
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ORALXIM

(151) 08.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099153**
(210) 4-2006-01254
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALECLO

(151) 08.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể Công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099154**
(210) 4-2005-17897
(181) 30.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEDIXIME

(151) 08.04.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0099155**
(210) 4-2005-17898
(181) 30.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEDCARDIL

(151) 08.04.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0099156**
(210) 4-2005-17899
(181) 30.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEDILIDE

(151) 08.04.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0099157**
(210) 4-2006-01200
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DUPRO

(151) 08.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) INTERNATIONAL NUTRITION CO. LTD. A/S (DK)
Indiakaj 20, 2100 Copenhagen, Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Chất ăn kiêng và đồ uống kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em dùng trong ngành y bao gồm cả sữa cho trẻ em dùng cho mục đích y tế; thực phẩm cho trẻ sơ sinh và cho người bệnh (dùng trong ngành y); chế phẩm vitamin (dùng trong ngành y); thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0099158**
(210) 4-2006-01436
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.5.1; 26.5.4; 3.13.5
(591) Xanh dương đậm
(731) KHATIBI HOLDINGS LIMITED (VG)
Offshore Incorporation Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm dược; quảng cáo các sản phẩm dược; phân phối các sản phẩm dược (cho người khác); tư vấn nghiệp vụ thương mại cho các công ty dược; biên tập và bán dữ liệu và thông tin thống kê liên quan đến ngành dược; biên tập thông tin liên quan đến ngành dược vào cơ sở dữ liệu trong máy tính; nghiên cứu thương mại về các sản phẩm dược; xúc tiến bán hàng các sản phẩm dược (cho người khác).

Nhóm 39: Giao các sản phẩm dược tới các bệnh viện và các nhà thuốc; thông tin về lưu kho các sản phẩm dược; lưu kho các sản phẩm dược.

Nhóm 40: Xử lý các vật liệu ngành hóa; tổng hợp vật liệu hoá, sinh theo yêu cầu (cho người khác); sản xuất các sản phẩm dược theo hợp đồng phụ; thông tin về xử lý vật liệu liên quan đến hóa chất.

Nhóm 42: Lập chương trình máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; phân tích và nghiên cứu hóa chất trong lĩnh vực dược phẩm (cho người khác); cho thuê phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099159**
(210) 4-2006-00499
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LOBACICIN

(151) 08.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099160**
(210) 4-2006-00500
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THIÊN PHÚ

(151) 08.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099161**
(210) 4-2006-20551
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1; 26.1.6
(591) Nâu đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐỒ GỖ ĐẠI NAM (VN)
Khu sản xuất Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 19: Sản phẩm bằng gỗ được ốp hoặc gắn ngoài trời.

Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng (bàn, ghế, tủ, giường, kệ, kệ bếp); đồ gỗ bọc gia; giả da; simili; đồ gỗ bọc vải; các sản phẩm trang trí nội thất; hàng thủ công mỹ nghệ bằng gỗ.

---

(111) **4-0099162**
(210) 4-2005-15111
(181) 10.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

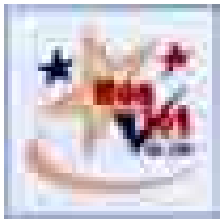

(151) 08.04.2008
(220) 10.11.2005

(531) A1.1.10; 26.3.23; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh, trắng, vàng, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOA VIỆT (VN)
Số 08 Phan Đình Phùng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0099163**
(210) 4-2006-20792
(181) 28.11.2016
(300) 06/3434345 13.06.2006 FR
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEXAKIM

(151) 08.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) SANOFI PASTEUR (FR)
2, Avenue Pont Pasteur, 69007 Lyon, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; vắc xin.

---

(111) **4-0099164**
(210) 4-2006-21099
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

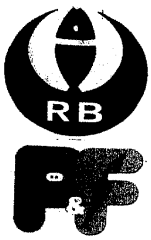

(151) 08.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.1.1; 3.9.1
(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM RICH BEAUTY VIỆT NAM (VN)
Khu cảng cá Tân Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Hải sản đông lạnh, cụ thể là: tôm, cá, ngao, sò.

Nhóm 35: Mua bán hải sản, cụ thể là: tôm, cá, ngao, sò.

---

(111) **4-0099165**
(210) 4-2006-21349
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOBUTANE

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099166**
(210) 4-2006-21360
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

URETIDE

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099167**
(210) 4-2006-20822
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.4.2; 15.7.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN (VN)
Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Dây và cáp điện thoại.

---

(111) **4-0099168**
(210) 4-2005-10701
(181) 22.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 22.08.2005

(531) 3.9.16; A1.1.10; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh lá cây, xanh rêu, vàng đậm, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thủy sản; thuốc bổ cho thủy sản; thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho thủy sản.

---

(111) **4-0099169**
(210) 4-2005-11230
(181) 31.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MISA

(151) 08.04.2008
(220) 31.08.2005

(531) 3.1.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MISA (VN)
Nhà I, khách sạn La Thành, số 218 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính (ghi sẵn); chương trình máy tính (ghi sẵn); hệ điều hành dùng cho máy tính; máy tính điện tử.

Nhóm 35: Mua bán phần mềm máy tính (ghi sẵn), chương trình hệ điều hành dùng cho máy tính, máy tính điện tử.

Nhóm 41: Đào tạo, tập huấn về ứng dụng phần mềm máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhóm 42: Thiết kế phần mềm máy tính; lập chương trình máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099170**
(210) 4-2005-13934
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

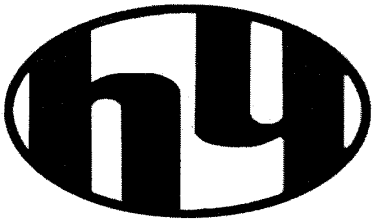

(151) 08.04.2008
(220) 20.10.2005

(531) 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KIM HOÀNG HOÀNG YẾN (VN)
Số 29 A1, trung tâm thương mại Cái Khế, đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Vàng; bạc; đá quý; nữ trang bằng vàng; nữ trang bằng bạc; nữ trang làm từ đá quý.

Nhóm 35: Mua bán: vàng; bạc; đá quý; nữ trang bằng vàng; nữ trang bằng bạc; nữ trang làm từ đá quý.

---

(111) **4-0099171**
(210) 4-2006-20900
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.1.2; A1.1.10
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ QUỐC HUY (VN)
194/39 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Tủ điện; máng đỡ dây cáp điện; bảng điện; ống nối dây cáp điện; hộp nối dây điện; hộp ắc quy.

Nhóm 20: Bàn và tủ văn phòng; kệ thép dùng cho nội thất.

Nhóm 35: Mua bán sắt thép, hạt nhựa, thiết bị điện, sơn tĩnh điện.

---

(111) **4-0099172**
(210) 4-2005-03767
(181) 07.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

COLOR EXPRESS

(151) 08.04.2008
(220) 07.04.2005

(731) TOA PAINT (THAILAND) CO., LTD. (TH)
104 Soi Pookmitr, Poochaosamingprai Rd., Samrong Tai, Phrapradaeng, Samutprakarn, Thailand
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu và sơn; vecni; chất chống rỉ; chất bảo quản gỗ; thuốc nhuộm; thuốc cắn màu.

---

(111) **4-0099173**
(210) 4-2005-07186
(181) 16.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 16.06.2005

(531) 6.1.2; 1.3.1; A26.11.12
(591) Trắng, xanh dương, xanh nước biển, đỏ cam
(731) PEPSICO, INC (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga và các đồ uống không cồn khác; đồ uống trái cây và nước trái cây ép; xi rô, chất cô đặc để pha đồ uống và các chế phẩm khác pha đồ uống.

---

(111) **4-0099174**
(210) 4-2005-10969
(181) 26.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

U-NUCO

(151) 08.04.2008
(220) 26.08.2005

(731) INTERWORK KOREA CO., LTD. (KR)
1112, Woolim E-BIZ Center, 16, 3Ga, Yangpyung-Dong, Youngdeungpo-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Son môi; chất làm bóng môi; chì kẻ môi; phấn bôi mí mắt; chất chải lông mi; chì kẻ lông mày; phấn hồng trang điểm; thuốc sơn móng tay, móng chân; chế phẩm làm sạch sơn móng tay, móng chân; lông mi giả; phấn màu dùng che phủ những khuyết tật trên da; phấn màu đánh má; kem làm sạch da; phấn nền trang điểm; kem chống nắng.

(111) **4-0099175**
(210) 4-2005-14947
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Thinking of you
Electrolux

(151) 08.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 26.4.1; 26.7.25
(731) AKTIEBOLAGET ELECTROLUX (SE)
Luxbacken 1 S - 105 45 Stockholm, Sweden
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Máy giặt; máy làm khô sợi; máy vắt khô quần áo; máy cán là vải (ngành dệt); máy là; bàn máy dùng đánh dấu vải trong ngành dệt (máy); máy rửa bát đĩa; máy trộn thức ăn; máy nghiền thức ăn chạy điện; máy cắt mảng (thực phẩm); máy xay; máy đóng kín chân không; băng truyền tải có mâm cặp và thanh răng (máy); máy nghiền rác; máy nén dùng cho tủ lạnh và cho máy ướp lạnh; máy làm sạch có áp suất cao; máy đánh bóng sàn nhà; máy hút bụi và các bộ phận của máy hút bụi cụ thể là ống vòi, vòi, ống hút bụi, bộ phận túi đựng bụi và bộ phận lọc của máy hút bụi.

Nhóm 09: Bàn là (điện); phần mềm máy tính dùng để điều khiển tiến trình giặt trong ngành giặt là.

Nhóm 11: Tủ lạnh; máy làm lạnh; lò bếp nấu ăn; vỉ nướng thịt cá (thiết bị nấu nướng); lò (ngoài loại dùng cho thí nghiệm); lò vi sóng; máy và thiết bị điều hoà không khí; quạt điện; quạt hút khói của lò bếp nấu ăn; lò sưởi gắn liền với tường; thiết bị để làm sạch nước; thiết bị đun nước chạy điện; tủ sấy khô chạy điện; máy pha cà phê chạy điện; thiết bị làm sạch không khí chạy điện; máy giữ độ ẩm không khí chạy điện; lò nướng bánh chạy điện; thiết bị làm bánh quế chạy điện; tủ nóng làm tan tuyết (bám trên thức ăn) chạy điện; nồi đun cách thuỷ chạy điện (dùng để đun nấu thức ăn); máy làm lạnh có quạt thông gió; máy ướp lạnh có quạt thông gió; ngăn ướp lạnh của máy làm lạnh; hộp lạnh đựng thức ăn (bộ phận của máy làm lạnh); lò sưởi; thiết bị sấy khô.

Nhóm 21: Đồ sứ gia dụng; đồ bằng đất nung; giẻ lau bụi; khăn lau bụi; cái chảo bằng đất.

Nhóm 35: Thông tin cho khách hàng các thông tin liên quan đến việc bán các mặt hàng sau: máy giặt, máy làm khô sợi, máy vắt khô quần áo, máy cán là vải (ngành dệt), máy là, bàn máy dùng đánh dấu vải (ngành dệt), máy rửa bát đĩa, máy trộn thức ăn, thiết bị xử lý thức ăn (robot nhà bếp) (điện), máy cắt mảng (thực phẩm), máy xay, máy đóng kín chân không, băng truyền tải có mâm cặp và thanh răng (máy), máy nghiền rác, máy nén dùng cho tủ lạnh và cho máy ướp lạnh, máy làm sạch có áp suất cao, máy đánh bóng sàn nhà, máy hút bụi và các bộ phận của máy hút bụi cụ thể là ống vòi, vòi, ống hút bụi, bộ phận túi đựng bụi và bộ phận lọc của máy hút bụi; thông tin cho khách hàng các thông tin liên quan đến việc bán các mặt hàng sau: bàn là (điện), đĩa ghi phần mềm máy tính dùng để điều khiển tiến trình giặt trong ngành giặt là; thông tin cho khách hàng các thông tin liên quan đến việc bán các mặt hàng sau: tủ lạnh, máy đông lạnh, lò bếp nấu ăn, vỉ nướng thịt cá (thiết bị nấu nướng), lò (ngoài loại dùng cho thí nghiệm), lò vi sóng, máy và thiết bị điều hoà không khí, quạt điện, ống hút khói của lò bếp nấu ăn, lò sưởi gắn liền với tường, thiết bị để làm sạch nước, máy đun nước chạy điện, tủ sấy khô, máy pha cà phê chạy điện,

thiết bị làm sạch không khí, máy giữ độ ẩm không khí, lò nướng bánh chạy điện, khuôn làm bánh quế chạy điện, tủ nóng làm tan tuyết (bám trên thức ăn), nồi đun cách thuỷ, máy làm lạnh có quạt thông gió, máy ướp lạnh có quạt thông gió, ngăn ướp lạnh của máy làm lạnh, hộp lạnh đựng thức ăn (bộ phận của máy làm lạnh), lò sưởi, thiết bị và máy móc để làm khô; thông tin cho khách hàng các thông tin liên quan đến việc bán các mặt hàng sau: đồ thuỷ tinh, đồ sứ, đồ bằng đất nung, dụng cụ dọn dẹp (điều khiển bằng tay), giẻ lau bụi, khăn lau bụi, cái chảo bằng đất nung, quảng cáo trong công nghiệp và thương mại, trang trí các quầy kính cửa hàng.

Nhóm 37: Bảo dưỡng và sửa chữa các mặt hàng sau: máy giặt; máy làm khô sợi, máy vắt khô quần áo, máy cán là vải (ngành dệt), máy là, bàn máy dùng đánh dấu vải (ngành dệt), máy rửa bát đĩa, máy trộn thức ăn, thiết bị xử lý thức ăn (robot nhà bếp) (điện), máy cắt mảng (thực phẩm), máy xay, máy đóng kín chân không, băng truyền tải có mâm cặp và thanh răng, máy nghiền rác, máy nén dùng cho tủ lạnh và cho máy ướp lạnh, máy làm sạch có áp suất cao, máy đánh bóng sàn nhà, máy hút bụi và các bộ phận của máy hút bụi cụ thể là ống vòi, vòi, ống hút bụi, bộ phận túi đựng bụi và bộ phận lọc của máy hút bụi, bàn là (điện), đĩa ghi phần mềm máy tính dùng để điều khiển tiến trình giặt trong ngành giặt là, tủ lạnh, máy đông lạnh, lò bếp nấu ăn, vỉ nướng thịt cá (thiết bị nấu nướng), lò (ngoài loại dùng cho thí nghiệm), lò vi sóng, máy và thiết bị điều hoà không khí, quạt điện, quạt hút khói của lò bếp nấu ăn, lò sưởi gắn liền với tường, thiết bị để làm sạch nước; thiết bị đun nước chạy điện, tủ sấy khô, máy pha cà phê chạy điện, thiết bị làm sạch không khí, máy giữ độ ẩm không khí, lò nướng bánh chạy điện, thiết bị làm bánh quế chạy điện, tủ nóng làm tan tuyết (bám trên thức ăn), nồi đun cách thuỷ chạy điện, máy làm lạnh có quạt thông gió, máy ướp lạnh có quạt thông gió, ngăn ướp lạnh của máy làm lạnh, hộp lạnh đựng thức ăn (bộ phận máy làm lạnh), lò sưởi, thiết bị và máy móc để làm khô, đồ bằng thuỷ tinh, đồ sứ, đồ bằng đất nung, dụng cụ dọn dẹp (điều khiển bằng tay), giẻ lau bụi, khăn lau bụi, cái chảo bằng đất nung.

Nhóm 39: Vận tải; đóng gói hàng hoá và lưu giữ hàng hoá.

---

(111) **4-0099176**
(210) 4-2006-13726
(181) 21.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 21.08.2006

(531) 26.1.1; 3.9.1
(591) Đỏ, xanh dương, xám, trắng, vàng, đen
(731) TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT KHÔ CÁ LÓC (VN)
ấp Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Cá lóc khô.

---

(111) **4-0099177**
(210) 4-2006-16240
(181) 27.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 27.09.2006

(531) A1.1.10; A1.5.6; 2.5.2; A2.5.23; 3.5.1; 5.9.3; A8.1.14; 24.15.3
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN VÀ THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HIỆP HƯNG (VN)
ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 30: Bột và sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mì, bánh snack các loại.

---

(111) **4-0099178**
(210) 4-2006-13663
(181) 18.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 18.08.2006

(531) 26.1.6; A26.1.14; 2.7.12; 2.1.11
(591) Đen, trắng, đỏ, hồng, hồng nhạt, xanh lá cây, xanh da trời, vàng, vàng nhạt, da cam, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM (VN)
Số 63B, tổ 8, ngõ 281, Trương Định, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn thực vật.

---

(111) **4-0099179**
(210) 4-2006-15301
(181) 13.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 13.09.2006

(531) A17.2.2
(731) GOODMAN FIELDER CONSUMER FOODS PTY LIMITED (AU)
75 Talavera Road, Macquarie Park, New South Wales 2113, Australia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn và mỡ ăn ở dạng lỏng và dạng đặc; dầu thực vật dùng để phết lên thực phẩm; hỗn hợp dầu ăn và mỡ ăn dùng để phết lên thực phẩm; bơ thực vật (margarine); bơ và mỡ cho vào bánh để tạo độ xốp; dầu để nấu ăn; dầu thực vật và dầu trộn salát.

---

(111) **4-0099180**
(210) 4-2006-13963
(181) 24.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALPIL

(151) 08.04.2008
(220) 24.08.2006

(731) YOUNG IL PHARMACEUTICAL CO., LTD- KOREA (KR)
920-27, Bangbae-Dong, Secho-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099181**
(210) 4-2006-21361
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

U-THEL

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099182**
(210) 4-2006-21362
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VANTEF

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099183**
(210) 4-2006-21363
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VENMET

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099184**
(210) 4-2006-21364
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VOGDIA

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) UNISON LABORATORIES CO., LTD (TH)
30 Ladkrabung Road, Ladkrabung, Bangkok 10520, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099185**
(210) 4-2006-21752
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AUROLIZA

(151) 08.04.2008
(220) 12.12.2006

(731) AUROBINDO PHARMA LIMITED (IN)
Plot No.2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099186**
(210) 4-2006-21753
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AUROLIZA-H

(151) 08.04.2008
(220) 12.12.2006

(731) AUROBINDO PHARMA LIMITED (IN)
Plot No.2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099187**
(210) 4-2006-21754
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RECIPRO

(151) 08.04.2008
(220) 12.12.2006

(731) AUROBINDO PHARMA LIMITED (IN)
Plot No.2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099188**
(210) 4-2006-21755
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AURONIM

(151) 08.04.2008
(220) 12.12.2006

(731) AUROBINDO PHARMA LIMITED (IN)
Plot No.2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099189**
(210) 4-2006-21756
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ULCINORM

(151) 08.04.2008
(220) 12.12.2006

(731) AUROBINDO PHARMA LIMITED (IN)
Plot No.2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099190**
(210) 4-2006-21383
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NĂM NHỎ

(151) 08.04.2008
(220) 06.12.2006

(731) NGUYỄN VĂN NĂM (VN)
11 Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc, đá quý.

Nhóm 40: Gia công, chế tác vàng bạc, đá quý.

---

(111) **4-0099191**
(210) 4-2006-21565
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.1; 3.9.1; 18.3.14
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHỤNG HƯNG (VN)
Số 78 xóm 2, khu phố 1, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099192**
(210) 4-2006-22656
(181) 25.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIUTOX

(151) 08.04.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG ÂN (VN)
128 đường 19E, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099193**
(210) 4-2006-22658
(181) 25.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANHOSAN

(151) 08.04.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG ÂN (VN)
128 đường 19E, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099194**
(210) 4-2005-11201
(181) 31.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

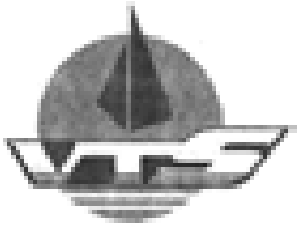

(151) 08.04.2008
(220) 31.08.2005

(531) 18.3.2; A18.3.10; A25.7.7; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HẬU CẦN VTS (VN)
Số 55, tổ 74, Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ thương mại bao gồm: buôn bán khoáng sản, buôn bán hàng mỹ nghệ; đại lý mua; đại lý bán; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 36: Mua bán bất động sản; góp vốn mua cổ phần; đầu tư các công trình hạ tầng.

Nhóm 37: Kinh doanh gara sửa chữa và bảo dưỡng ôtô và xe máy.

Nhóm 39: Kinh doanh điểm đỗ xe công cộng, dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, dịch vụ vận tải hành khách, hàng hoá; dịch vụ quản lý và khai thác kho bãi.

---

(111) **4-0099195**
(210) 4-2006-10819
(181) 11.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

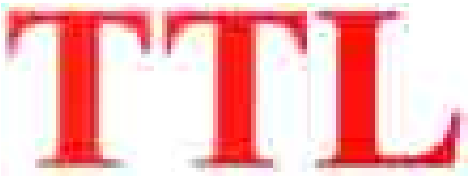

(151) 08.04.2008
(220) 11.07.2006

(591) Đỏ
(731) LEE, MYONG SEOB (KR)
1529-505, Hanareum, Sang 1-dong, Wonmi-gu, Bucheon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 26: Khuy; khuy có trang trí; khuy lỗ dùng cho quần áo; khuy lỗ dùng cho giày; khoá trượt (khoá kéo); nệm cắm kim; móc dùng cho chăn; hoa nhân tạo; dải băng dùng cho nẹp trên của rèm cửa; kim đan/que đan; kim của máy khâu dùng cho gia đình; đai đế nâng giữ tay áo; băng buộc tóc; khuy bấm; ruy băng (đồ kim chỉ).

---

(111) **4-0099196**
(210) 4-2006-21607
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 3.7.16; A3.7.24
(591) Đen, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM PHONG (VN)
235 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

---

(111) **4-0099197**
(210) 4-2006-21625
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAPPHIRE-RUBY

(151) 08.04.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TIẾN LỘC (VN)
237 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, phụ tùng xe máy như: yếm xe, vành xe, mặt nạ xe, tấm ốp sườn xe.

---

(111) **4-0099198**
(210) 4-2006-22284
(181) 20.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FUTURE DEFENSE

(151) 08.04.2008
(220) 20.12.2006

(731) SHISEIDO COMPANY LTD. (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, và mỹ phẩm bao gồm: mỹ phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm chăm sóc tóc, mỹ phẩm chăm sóc cơ thể và mỹ phẩm trang điểm.

---

(111) **4-0099199**
(210) 4-2005-09656
(181) 02.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

L.A. BLUES

(151) 08.04.2008
(220) 02.08.2005

(731) C.S.F. CORP. (US)
103 Springer Building, Wilmington, Delaware 19810, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo phụ nữ (trừ quần áo chuyên dụng).

---

(111) **4-0099200**
(210) 4-2005-10816
(181) 24.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BABYLOVE

(151) 08.04.2008
(220) 24.08.2005

(731) CƠ SỞ THĂNG PHONG (VN)
30 đường Đinh Hòa, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán bán bình ủ sữa, ca nước, bình ăn bột, cây xúc bình sữa, bình sữa, núm vú giả cho em bé.

---

(111) **4-0099201**
(210) 4-2006-07961
(181) 24.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 24.05.2006

(531) 3.1.4; A3.1.24; 5.7.24; A11.3.2; A11.3.10
(591) Trắng, đen, vàng, tím, xanh dương, xanh dương đậm, xanh lá cây, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh (bánh snack); kẹo; đậu phộng bọc sô cô la.

---

(111) **4-0099202**
(210) 4-2006-15102
(181) 11.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 11.09.2006

(531) A1.5.6
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐẠI HƯNG PHÁT (VN)
217/42 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Mật ong.

---

(111) **4-0099203**
(210) 4-2006-21116
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.1.1; 1.15.23; 3.9.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI HỒNG PHÁT (VN)
334/3B đường Gia Phú, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Bánh lồng (bánh trung gian), bánh tăng, bánh bơm dầu.

Nhóm 17: Vòng đệm, ron, phốt bằng cao su.

---

(111) **4-0099204**
(210) 4-2006-20136
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) A5.1.5; A5.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG (VN)
Số 01, Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Hạt giống lúa; hạt giống ngô; hạt giống đậu tương; hạt giống lạc; hạt giống rau; củ khoai tây giống.

---

(111) **4-0099205**
(210) 4-2006-20021
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 20.11.2006

(531) 26.4.10; 26.1.2
(591) Xanh nước biển đậm, trắng, nâu đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5 HẢI PHÒNG (VN)
1190 đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0099206**
(210) 4-2006-20234
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BEEFIXIMIN

(151) 08.04.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099207**
(210) 4-2006-20317
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DASAVITONE

(151) 08.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM ĐAM SAN (DASACO) (VN)
C1-C2 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099208**
(210) 4-2006-20330
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Hoàng Tiêu U Linh

(151) 08.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099209**
(210) 4-2005-13942
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Vnlocalize
WISE-CONCETTI

(151) 08.04.2008
(220) 20.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ GIAO TIẾP WISE-CONCETTI (VN)
Số 4 Dã Tượng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 41: Dịch thuật.

Nhóm 42: Thiết kế chương trình phần mềm máy tính; lập chương trình máy tính; cho thuê chương trình phần mềm máy tính; bảo trì phần mềm máy tính; nâng cấp phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099210**
(210) 4-2006-17120
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10; A1.1.2
(591) Trắng, xanh, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀ BÌNH (VN)
Thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Thép, inox.

---

(111) **4-0099211**
(210) 4-2005-15501
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MITRICORT

(151) 08.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu Công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099212**
(210) 4-2005-15502
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FORTICALCI

(151) 08.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu Công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099213**
(210) 4-2005-15522
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 16.11.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1
(591) Xanh nước biển, đỏ, xám
(731) KABUSHIKI KAISHA BUNRI (Bunri Incorporation) (JP)
708, Homanbo, Takajocho, Kitamorokata-gun, Miyazaki, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy phân ly; máy lọc; băng tải; máy phân loại; bơm (máy); van (bộ phận của máy); máy cán ống; máy nghiền; bộ giảm tốc; thiết bị làm sạch.

---

(111) **4-0099214**
(210) 4-2005-15572
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NYTROCERIN

(151) 08.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099215**
(210) 4-2005-15573
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PRINCESSKIN

(151) 08.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099216**
(210) 4-2005-15574
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

OPEROX

(151) 08.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) O.P.V. INTERNATIONAL, INC. (US)
40 Central Park South, Suite 12 H, New York, New York 10019 USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099217**
(210) 4-2005-15516
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NISHUSTON

(151) 08.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NISHU VIỆT NAM (VN)
Số 516, phố Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn dầu; sơn nước; chất dùng làm lớp phủ công nghiệp (tương tự như sơn); chế phẩm dùng làm sơn lót (chế phẩm từ sơn).

Nhóm 19: Bột bả trát tường, gạch ngói nung, đá ốp lát, tấm lát sàn phi kim loại, khung và cấu kiện phi kim loại dùng trong xây dựng và kỹ thuật dân sự, dầm bê tông.

---

(111) **4-0099218**
(210) 4-2005-16911
(181) 13.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 13.12.2005

(531) 26.1.2; 26.1.6; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG TỬ (VN)
20 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bình đun nước nóng dùng trong nhà tắm.

---

(111) **4-0099219**
(210) 4-2005-17376
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEW LIGHT

(151) 08.04.2008
(220) 21.12.2005

(731) CƠ SỞ HOÁ MỸ PHẨM MISA (VN)
34/1 Lê Văn Hưu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Nước rửa chén.

---

(111) **4-0099220**
(210) 4-2006-10245
(181) 30.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 30.06.2006

(531) 26.1.2
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, ghi, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC KHẢI (VN)
23 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 17: Nhựa bán thành phẩm.

Nhóm 35: Đại lý mua bán xăng dầu; đại lý mua bán gas; mua bán xe cơ giới; mua bán hàng điện lạnh; mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng; mua bán vật liệu ngành xây dựng.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hóa; dịch vụ vận chuyển hành khách.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí.

---

(111) **4-0099221**
(210) 4-2006-23052
(181) 29.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 29.12.2006

(531) A1.1.10; 1.3.1; 26.4.2
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh dương, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRUNG MINH THÀNH (VN)
47 Phan Xích Long, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Kẹo; sôcôla.

---

(111) **4-0099222**
(210) 4-2006-20427
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 26.4.1; 26.1.2; 26.3.23; 18.1.5; A18.1.9
(591) Xanh dương, đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH TIẾN (VN)
ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Phụ tùng máy nông ngư cơ gồm: bộ chế hòa khí, bộ đôi bơm cao áp (plunger piston), trục xỏ qua pít tông, van một chiều bơm cao áp (là một bộ phận của bơm cao áp), pít tông dùng cho xi lanh quả nén, bạc séc-măng.

---

(111) **4-0099223**
(210) 4-2006-22975
(181) 05.02.2017
(230) /KH/LACOM
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIVIAMLO

(151) 08.04.2008
(220) 05.02.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099224**
(210) 4-2006-23010
(181) 29.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

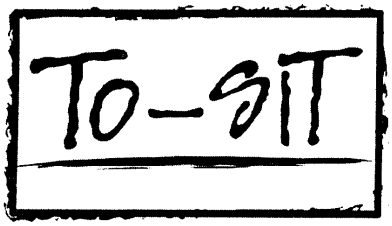

(151) 08.04.2008
(220) 29.12.2006

(531) 26.4.2
(731) KINDUEM TOSIT COMPANY LIMITED (TH)
176 Chula 50, Rama IV Road, Patumwan, Bangkok 10330, Thailand
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0099225**
(210) 4-2006-20512
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 2.9.10; 26.1.2
(591) Xanh dương, xám, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHA KHOA ĐẠI VIỆT (VN)
16-18 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0099226**
(210) 4-2006-20331
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 26.4.3; A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LẠC VIỆT (VN)
Số 37, ngõ 2, phố Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo cho người lớn, quần áo cho trẻ em, bộ comlê, áo sơ mi dài tay, quần dài, váy thời trang.

---

(111) **4-0099227**
(210) 4-2006-20398
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CDPLYRIN

(151) 08.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG II (VN)
136 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099228**
(210) 4-2006-20460
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PYMEPELIUM

(151) 08.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099229**
(210) 4-2006-21051
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.4.3; 26.1.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU (VN)
Số 5 - K1534, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe đạp; săm, lốp ô tô, xe máy, xe đạp.

Nhóm 35: Mua bán hàng hóa, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất; xuất nhập khẩu hàng hóa; đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0099230**
(210) 4-2006-21052
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.11.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU (VN)
Số 5 - K1534, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng hóa, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất; xuất nhập khẩu hàng hóa; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 36: Dịch tài chính, tín dụng; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ cho thuê văn phòng.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, vận tải hành khách và vận chuyển hàng hóa.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi, giải trí; dịch vụ giáo dục và đào tạo.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0099231**
(210) 4-2006-21053
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 08.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) A25.1.10; 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU (VN)
Số 5 - K1534, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng hóa, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất; xuất nhập khẩu hàng hóa; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 36: Dịch vụ tài chính, tín dụng; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ cho thuê văn phòng.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, vận tải hành khách và vận chuyển hàng hóa.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi, giải trí; dịch vụ giáo dục và đào tạo.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0099232**
(210) 4-2007-00650
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXIPRIME

(151) 08.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (TERRACO VIETNAM CO., LTD) (VN)
Phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn; sơn nước; sơn lót bên trong; sơn phủ ngoài; sơn dùng cho bề mặt kim loại; sơn chống thấm.

---

(111) **4-0099233**
(210) 4-2007-00981
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CƠ SỞ SẢN XUẤT RAU AN TOÀN

DUYÊN TỚI

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) PHẠM CÔNG TỚI (VN)
Xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Rau sạch (chưa qua chế biến), hoa quả tươi; rau củ tươi.

---

(111) **4-0099234**
(210) 4-2007-00991
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

AJISUPER

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh phấn trắng hại nho.

---

(111) **4-0099235**
(210) 4-2007-00992
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROMEXUSA

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh phấn trắng hại nho.

---

(111) **4-0099236**
(210) 4-2007-00993
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROLLONE

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh phấn trắng hại nho.

---

(111) **4-0099237**
(210) 4-2007-00994
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KENDOJAPANE

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh phấn trắng hại nho.

---

(111) **4-0099238**
(210) 4-2007-00995
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KASUSTAR

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh phấn trắng hại nho.

---

(111) **4-0099239**
(210) 4-2007-00996
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KTEONE

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh phấn trắng hại nho.

---

(111) **4-0099240**
(210) 4-2007-00998
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VK. SUPERLAU 25WP

(151) 08.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt rầy nâu hại lúa.

---

(111) **4-0099241**
(210) 4-2006-13222
(181) 11.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DREAMWORKS KUNG FU PANDA

(151) 09.04.2008
(220) 11.08.2006

(731) DREAMWORKS ANIMATION L.L.C (US)
1000 Flower Street, Glendale, California 91201, United States of America.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ngoại vi của máy tính, như miếng đệm lót chuột, đồ đựng đĩa com pắc, đầu máy trò chơi trên máy vi tính, băng cát xét trò chơi trên máy vi tính, và băng trò chơi trên máy vi tính; đầu máy trò chơi vi đê ô, băng cát xét trò chơi vi đê ô, băng cát xét đã được ghi âm, băng cát xét đã được ghi hình, băng đã ghi âm, băng đã ghi hình, đĩa đã ghi sẵn để phát nhạc và hình ảnh động; các chương trình trên đĩa com pắc có bộ nhớ chỉ đọc (CD ROM) và trên đĩa hình kỹ thuật số (DVD) dùng để phát nhạc và hình ảnh động; phần mềm hệ điều hành máy vi tính; chương trình phần mềm máy vi tính đã ghi sẵn dùng để phát nhạc và hình ảnh động; chương trình phần mềm tương tác đa phương tiện chứa các hình ảnh động dùng cho việc giải trí; phần mềm tương tác đa phương tiện dùng để chơi trò chơi; nam châm và kính râm.

Nhóm 28: Đồ chơi hành động và sản phẩm phụ đi kèm với chúng, đồ chơi để chơi trong bồn tắm, diều, đồ chơi hình khối lắp ráp, các trò chơi dạng tấm/bảng, mặt nạ hóa trang, thiết bị cầm tay để chơi trò chơi điện tử, xe đồ chơi đúc khuôn, búp bê, phụ kiện của búp bê, quần áo búp bê, búp bê bằng túi nhồi hạt, các đồ chơi có thể uốn cong, đĩa bay, các đồ chơi có thể thổi phồng lên, trò chơi ghép hình, bi đồ chơi, đồ chơi bằng vải, con rối, đồ chơi có thể ngồi lên được, ván trượt, bong bóng, ván trượt pa-tanh, ngân hàng đồ chơi, đồ chơi phun nước, đồ chơi nhồi bông, xe đồ chơi, đồ trang trí cây noel (loại trừ vật dụng chiếu sáng và bánh kẹo), máy bắn bi và bộ đồ chơi mô hình lắp ráp thủ công; và quân bài.

(111) **4-0099242**
(210) 4-2006-00474
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2006

(731) VGO CORPORATION LIMITED (SG)
10 Changi South Lane #07-01, Ossia Building, Singapore 486162
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 10: Gối không khí dùng cho mục đích y tế; đai nén không khí (dùng cho mục đích y tế); đai điện dùng cho mục đích y tế; mặt nạ đeo mặt dùng để điều trị sinh học; thiết bị nén khí máy vi tính siêu nhỏ dùng cho bàn chân và bắp chân; dụng cụ thử máu; thiết bị đo huyết áp; thiết bị theo dõi lượng glucô trong máu; thiết bị theo dõi huyết áp; bàn chải dùng cho nha khoa; dụng cụ đo lượng cholesterol và triglyxerit; thiết bị theo dõi nhịp tim; thiết bị chẩn đoán dùng cho mục đích y tế; thiết bị phân tích dùng cho mục đích y tế; nệm dùng cho mục đích y tế; nạng dùng cho mục đích y tế; dụng cụ nhiệt và điện dùng để xoa bóp mạch; dụng cụ xoa bóp cầm tay; dụng cụ xoa bóp mắt; mặt nạ dùng cho mục đích y tế; ghế xoa bóp (dùng cho mục đích y tế); bàn lăn xoa bóp chân; thiết bị xoa bóp; đệm dùng cho mục đích y tế; thiết bị trợ thính dùng cho người điếc; đệm có thể bơm phồng dùng cho mục đích chỉnh hình; dụng cụ kích thích thần kinh bằng điện xuyên qua da; dụng cụ kích thích cơ bằng điện; dụng cụ chỉnh hình; thiết bị điều trị bằng khí nóng; băng đàn hồi (dùng cho mục đích y tế); băng trợ giúp (dùng cho mục đích y tế); găng tay dùng cho mục đích y tế; vòng đeo có từ tính (dùng cho mục đích y tế), thiết bị điều trị bằng sóng từ; dụng cụ đo nồng độ (dùng cho mục đích y tế); máy tạo i-ôn (dùng cho mục đích y tế); đệm nóng bằng điện dùng cho mục đích y tế; gối (túi) ngăn ngừa cơn đau trên cơ thể người bệnh; gối dùng cho mục đích điều trị; gối dùng cho mục đích chỉnh hình; thìa dùng để uống thuốc; túi đá dùng cho mục đích y tế; mặt nạ dùng cho mục đích phẫu thuật; đệm dùng cho mục đích điều trị; khăn đắp nhiệt dùng cho cấp cứu; nhiệt kế dùng cho mục đích y tế; thiết bị bốc hơi dùng cho mục đích y tế; túi nước dùng cho mục đích y tế; các thiết bị và dụng cụ y tế.

(111) **4-0099243**
(210) 4-2006-00676
(181) 13.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 13.01.2006

(531) 5.5.1; 19.7.2; A19.3.21
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, cam, bạc, nâu, tím
(731) UNZA INTERNATIONAL LIMITED (VG)
Craigmuir Chambers, P.O. Box 71, Road Town Tortola, The British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, dầu gội đầu, dầu xả tóc.

---

(111) **4-0099244**
(210) 4-2006-00677
(181) 13.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 13.01.2006

(531) 19.7.2; A19.3.21
(591) Xanh tím, bạc, đen, trắng, tím
(731) UNZA INTERNATIONAL LIMITED (VG)
Craigmuir Chambers, P.O. Box 71, Road Town Tortola, The British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, dầu gội đầu, dầu xả tóc.

---

(111) **4-0099245**
(210) 4-2006-02215
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) 26.4.1; 26.4.10; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ I.P.A (VN)
Số 55, tổ 74, phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng; dịch vụ chứng khoán; dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư; dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

---

(111) **4-0099246**
(210) 4-2006-02216
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEN RƯỢU
THANH THUỲ

(151) 09.04.2008
(220) 17.02.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ MEN RƯỢU THANH THÙY (VN)
Khu phố 6, thị trấn Đạ M'ri, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Men rượu.

---

(111) **4-0099247**
(210) 4-2006-02410
(181) 22.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANBICYN

(151) 09.04.2008
(220) 22.02.2006

(731) CHINA CHEMICAL AND PHARMACEUTICAL CO., LTD. (TW)
No 23, Hsiang Yang road, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099248**
(210) 4-2006-02893
(181) 02.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BEDIPA - Thuốc điều trị viêm gan do thực

(151) 09.04.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc chữa bệnh cho người, thuốc bổ dùng trong ngành y, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0099249**
(210) 4-2006-02894
(181) 02.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y, thuốc bổ tăng lực dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0099250**
(210) 4-2006-09321
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

COOPER'S ICED BREW TEA

(151) 09.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) BARRY P.W. COOPER (US)
408 South Pierce Avenue, Louisville, Colorado 80027, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà; đồ uống trên cơ sở trà; đồ uống làm từ trà; trà ướp lạnh; đồ uống trên cơ sở trà có chứa thành phần thảo mộc.

---

(111) **4-0099251**
(210) 4-2006-09322
(181) 15.06.2016
(300) 78/781,579 28.12.2005 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

BAZZA

(151) 09.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) BARRY P.W. COOPER (US)
408 South Pierce Avenue, Louisville, Colorado 80027, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà; đồ uống trên cơ sở trà; đồ uống làm từ trà; trà ướp lạnh; đồ uống trên cơ sở trà có chứa thành phần thảo mộc.

---

(111) **4-0099252**
(210) 4-2006-13205
(181) 11.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 11.08.2006

(531) 26.13.25; A11.1.6; 25.12.25; 3.11.11
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, nâu, trắng, đen
(731) TỪ PHI (VN)
285/20 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0099253**
(210) 4-2006-00511
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAMVU
Nhìn xa trông rộng

(151) 09.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) VŨ HOÀI NAM (VN)
Số 09, ngõ 59, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 11: Đèn ôtô, đèn pha dùng cho ôtô, bóng đèn chiếu sáng, thiết bị chiếu sáng dùng cho xe cộ, đèn dùng cho xe cộ, đèn pha xe cộ.

---

(111) **4-0099254**
(210) 4-2006-02225
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Sufix

(151) 09.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) 26.4.3; A26.11.13; A26.11.9
(731) YAO I FABRIC CO., LTD. (TW)
No. 334, Chang - Mei Road, Sec. 6, Homei, Changhua, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 28: Dây lưới của vợt chơi môn quần vợt; dây lưới của vợt cầu lông; dây lưới của vợt chơi môn bóng quần; dây của cần câu cá.

---

(111) **4-0099255**
(210) 4-2006-06882
(181) 05.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VihaWa

(151) 09.04.2008
(220) 05.05.2006

(531) 1.15.15; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HẢI (VN)
Xóm 28, đường Phạm Văn Đồng, xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0099256**
(210) 4-2006-07248
(181) 11.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 11.05.2006

(531) 24.5.1
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng
(731) TRẦN QUỐC TRUNG (VN)
3143 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học cổ truyền.

---

(111) **4-0099257**
(210) 4-2006-07780
(181) 19.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 19.05.2006

(531) A1.1.4; A1.1.10; 1.7.1; A1.7.3; 1.15.24; A26.11.12
(591) Xanh tím than, trắng, vàng, bạc, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRĂNG TRÒN (VN)
84 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các đồ thể thao.

Nhóm 39: Dịch vụ tổ chức các chuyến du lịch; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ về du thuyền; hãng du lịch [không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn]; dịch vụ đặt chỗ cho các chuyến du lịch (không bao gồm đặt chỗ lưu trú); dịch vụ hướng dẫn khách du lịch.

Nhóm 41: Tổ chức các trò chơi trên biển (như lướt ván, thuyền buồm, mô tô nước, du thuyền); tổ chức hội nghị; dịch vụ cho thuê các trang thiết bị thể thao [trừ xe cộ].

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0099258**
(210) 4-2006-10172
(181) 25.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 25.07.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, trắng, nâu, nâu nhạt, vàng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HOÀNG LỘC (VN)
Số 07- 09 YBíHaLêo, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0099259**
(210) 4-2006-11508
(181) 10.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 10.08.2006

(531) 26.3.1; 26.4.3; 26.7.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠCH BÀN (VN)
Tổ 4, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; cung cấp suất ăn công nghiệp (do nhà hàng thực hiện).

(111) **4-0099260**
(210) 4-2006-11509
(181) 10.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Dexa-gentamicin

(151) 09.04.2008
(220) 10.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9 H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099261**
(210) 4-2007-02870
(181) 09.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 09.02.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH CAPITALAND - VISTA (VN)
174 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Đầu tư phát triển bất động sản; mua bán và cho thuê bất động sản, văn phòng, căn hộ, biệt thự, câu lạc bộ; quản lý bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng và bảo dưỡng toà nhà văn phòng, khu căn hộ, biệt thự, câu lạc bộ, trung tâm giải trí, bãi đỗ xe, trung tâm văn hóa; giám sát xây dựng.

---

(111) **4-0099262**
(210) 4-2007-02091
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 29.01.2007

(531) 26.1.1; A25.3.3
(591) Vàng cam, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT THỊNH KHIÊM (VN)
15-17 đường số 8, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc và phụ tùng các loại dùng cho xe nông ngư cơ, xe gắn máy, xe ôtô, xe cơ giới; mua bán vật tư ngành đúc, trang thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0099263**
(210) 4-2007-02158
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 30.01.2007

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh nước biển đậm
(731) TRỊNH MỘNG XUÂN (VN)
Số 59, đường 16, cư xá Lữ Gia, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Từ điển điện tử, sách điện tử, máy học ngoại ngữ, phần mềm từ vựng, thẻ thông minh (thẻ điện tử), thẻ nhớ (thẻ điện tử).

Nhóm 35: Mua bán từ điển điện tử, sách điện tử, máy học ngoại ngữ, phần mềm từ vựng, thẻ thông minh, thẻ nhớ.

---

(111) **4-0099264**
(210) 4-2007-02250
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIETSTOCKS

(151) 09.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI VIỆT (VN)
146C Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Thông tin về tài chính; tư vấn tài chính; quản lý tài chính; đầu tư vốn; quỹ viện trợ.

---

(111) **4-0099265**
(210) 4-2007-03295
(181) 26.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 26.02.2007

(531) 26.1.2; 1.15.23; 26.4.1
(591) Xanh nước biển đậm, vàng da cam nhạt, vàng da cam, vàng da cam đậm, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY SÔNG HỒNG (VN)
70 An Dương, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà; cho thuê nhà và văn phòng; đầu tư tài chính để kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099266**
(210) 4-2006-18201
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.4.1; 1.15.24
(591) Xanh da trời, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HÀ (VN)
Thôn Tử Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0099267**
(210) 4-2007-03375
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

GLOWING TOUCH

(151) 09.04.2008
(220) 27.02.2007

(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chất để làm sạch [không dùng cho các hoạt động sản xuất và không dùng cho mục đích y tế], chế phẩm dùng để tẩy trắng [dùng để giặt], chế phẩm dùng để làm sạch [thuộc nhóm này]; nước hoa, nước thơm (dùng để bôi lên da), sản phẩm làm mềm và thơm da dùng sau khi cạo râu, nước hoa co-lô-nhơ, tinh dầu; dầu thơm để xoa bóp [không chứa dược chất]; chế phẩm dùng để mát-xa không dùng cho mục đích y tế; chất khử mùi trên cơ thể và chất chống chảy nhiều mồ hôi; chế phẩm chăm sóc da đầu và tóc [không chứa dược chất]; dầu gội và dầu xả tóc, thuốc màu nhuộm tóc; sản phẩm tạo kiểu tóc; thuốc đánh răng; nước súc miệng không dùng cho mục đích y tế; chế phẩm chăm sóc răng và miệng [không chứa dược chất]; chế phẩm dùng để trang điểm mà không có dược chất; chế phẩm dùng để tắm và tắm vòi hoa sen [không chứa dược chất]; mỹ phẩm chăm sóc da; dầu, kem bôi và nước xức dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm làm rụng lông; chế phẩm làm nâu da dưới ánh sáng mặt trời và chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; kem mỡ dùng để bôi trơn da [dùng cho mục đích mỹ phẩm]; chế phẩm dưỡng môi; phấn bôi da; len bông [dùng cho mỹ phẩm], tăm bông [dùng cho mỹ phẩm]; miếng bông mỹ phẩm, khăn giấy mỹ phẩm hoặc khăn lau mỹ phẩm dùng khi trang điểm; miếng bông mỹ phẩm, khăn giấy mỹ phẩm hoặc khăn lau mỹ phẩm được làm ẩm hoặc tẩm chất dùng để làm sạch [dùng cho mục đích mỹ phẩm]; mặt nạ làm đẹp, miếng đắp mặt.

---

(111) **4-0099268**
(210) 4-2006-09332
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRINITY

(151) 09.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) N.V. SUMATRA TOBACCO TRADING COMPANY. (ID)
Jalan Pattimura No. 3, Pematang Siantar, Sumatera Utara, Indonesia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, giấy thuốc lá, điếu xì gà, thuốc lá sợi, diêm, cái bật lửa dùng cho người hút thuốc, cái gạt tàn không làm bằng kim loại quý.

---

(111) **4-0099269**
(210) 4-2007-00737
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

OMETIFT

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) KOPRAN LIMITED (IN)
Parijat House, 1076, Dr. E.Moses Road, Worli, Mumbai-400 018, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099270**
(210) 4-2007-00738
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

NORBIOTIC

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) KOPRAN LIMITED (IN)
Parijat House, 1076, Dr. E.Moses Road, Worli, Mumbai-400 018, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099271**
(210) 4-2007-00739
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(531) 3.13.1; 25.1.25
(731) LEBUA HOTELS & RESORTS COMPANY LIMITED (TH)
1055/42 State Tower Bangkok, 15th Floor, Silom Road, Silom, Bangrak, Bangkok, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quản lý kinh doanh khách sạn; dịch vụ tư vấn kinh doanh khách sạn; dịch vụ tiếp thị; dịch vụ nhượng quyền thương mại.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà nghỉ và chỗ ở tạm thời; dịch vụ đặt chỗ khách sạn, nhà hàng; dịch vụ nhà hàng tự phục vụ; dịch vụ quán rượu; dịch vụ quán rượu nhỏ; dịch vụ quán cà phê; dịch vụ căng tin; dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống; dịch vụ cho thuê phòng họp; dịch vụ cho thuê ghế, bàn, khăn trải bàn, đồ thủy tinh; dịch vụ quản lý nghiệp vụ khách sạn; dịch vụ tư vấn nghiệp vụ khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ tắm khoáng; dịch vụ xoa bóp thân thể.

---

(111) **4-0099272**
(210) 4-2007-00997
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VK. SAKUCIN 25WP

(151) 09.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ bệnh bạc lá hại lúa, thuốc trừ bệnh loét quả hại cây có múi.

---

(111) **4-0099273**
(210) 4-2007-00999
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VK.SUDAN 40EC

(151) 09.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt sâu phao đục bẹ.

---

(111) **4-0099274**
(210) 4-2007-01011
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 15.01.2007

(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - TRANG TRÍ NỘI THẤT VẠN GIA PHÚ (VN)
65A Nguyễn Thị Định, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy nước nóng, thiết bị vệ sinh; mua bán hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, đồ gỗ gia dụng.

---

(111) **4-0099275**
(210) 4-2007-03376
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 27.02.2007

(531) 26.4.2
(731) LG HOUSEHOLD & HEALTH CARE LTD. (KR)
20, Yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước sữa dưỡng da; nước hoa; kem làm sạch; xà phòng tắm; son môi; nước gội đầu; mỹ phẩm dùng để trang điểm mí mắt và vùng da quanh mắt; kem đánh răng; móng (tay, chân) giả; khăn tay mỹ phẩm tẩm ướt được tẩm bằng nước thơm mỹ phẩm; xà phòng dạng lỏng; dung dịch nhuộm và chăm sóc tóc; nước mỹ phẩm dùng để tránh nắng; kem nền trang điểm; màu trang điểm má, cụ thể là màu hồng; kem dưỡng thể (mỹ phẩm); mặt nạ trang điểm; chất dưỡng ẩm cho mặt; nước làm bóng môi; bọt để cạo râu; kem dưỡng da; kem chống nắng; chất tẩy đồ trang điểm mắt; kem làm mềm và sạch da; bột trang điểm dạng rắn để đóng hộp; kem làm trắng da; phấn trang điểm; bọt làm sạch; nước làm sạch; bút chì kẻ môi dùng cho mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099276**
(210) 4-2007-03377
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KOFTAZIDE

(151) 09.04.2008
(220) 27.02.2007

(731) KOPRAN LIMITED (IN)
Parijat House, 1076, Dr.E.Moses Road, Worli, Mumbai-400 018, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099277**
(210) 4-2007-03379
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 27.02.2007

(531) A5.3.14
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) HERITAGE SNACKS & FOODS CO., LTD (TH)
34/1 Putthamonthon Sai 4 Road, Kratumlom, Sampran, Nakornpathom 73220, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Trái cây đã chế biến, cụ thể là: quả nam việt quất; nho khô; quả sung; quả mận khô; quả việt quất; quả dâu tây; quả anh đào; quả xoài; quả chuối; quả dứa; củ gừng; quả kivi; quả táo; quả mơ; quả lê; quả đào; quả măng cụt; quả chôm chôm; quả dừa; quả vải; quả nhãn; quả cam.

---

(111) **4-0099278**
(210) 4-2006-09333
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) JCB CO., LTD. (JP)
5-1-22 Minami Aoyama, Minato-ku, Tokyo 107 - 8686, Japan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thẻ tín dụng; cung cấp thông tin về bản kê khai thẻ tín dụng; dịch vụ thẻ ghi nợ; phát hành thẻ trả trước; đại lý thu hồi nợ; thu nhận và chuyển tiền theo yêu cầu; dịch vụ thanh toán [tài chính]; dịch vụ đổi tiền; đại lý mua nợ; dịch vụ tài chính; dịch vụ cho vay; dịch vụ chuyển tiền bằng điện tử; bảo lãnh; dịch vụ cho vay nợ trả làm nhiều lần; dịch vụ thuê - mua tài chính; dịch vụ môi giới thuê - mua tài chính; dịch vụ môi giới phát hành séc du lịch; đại lý thu phí sử dụng gas, điện, điện thoại, các dịch vụ công cộng và cung cấp thông tin liên quan; dịch vụ thu tiền thuê; cho vay theo bảo lãnh; quỹ tiết kiệm; dịch vụ định giá tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản; phân tích tài chính; tư vấn tài chính; cung cấp thông tin tài chính; phát hành các loại phiếu có giá trị thanh toán; đại lý kinh doanh chứng khoán; đại lý môi giới chứng khoán; cung cấp thông tin về thị trường chứng khoán; môi giới bảo hiểm; dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; cung cấp thông tin bảo hiểm; bảo hiểm; tín dụng; dịch vụ điều tra nợ của doanh nghiệp; quyên góp cho quỹ từ thiện; cho thuê thiết bị đọc thẻ, thiết bị ghi thẻ, các thiết bị, máy móc xử lý thanh toán dùng cho thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ; đại lý tiếp nhận và quản lý các chủ thẻ tín dụng và thương nhân thay mặt các nhà phát hành thẻ tín dụng.

---

(111) **4-0099279**
(210) 4-2007-00877
(181) 05.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROMET

(151) 09.04.2008
(220) 05.03.2007

(731) PHARMAQ AS (NO)
Skogmo Industriomrade, 7863 Overhalla, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược chất và chế phẩm thú y.

---

(111) **4-0099280**
(210) 4-2007-03390
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

OROPYRIN

(151) 09.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099281**
(210) 4-2005-15600
(181) 18.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 18.11.2005

(531) 3.1.1; 5.7.3; 5.13.4; A24.1.9
(591) Vàng, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ HOÀN CẦU (VN)
69/18 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ người và tài sản.

---

(111) **4-0099282**
(210) 4-2005-16581
(181) 07.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GTX MODERN ENGINE

(151) 09.04.2008
(220) 07.12.2005

(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; dầu bôi trơn và mỡ bôi trơn; nhiên liệu; phụ gia không phải là phụ gia hoá học cho nhiên liệu, chất bôi trơn và mỡ; hợp chất hút, làm ướt và dính bụi; vật liệu cháy sáng.

---

(111) **4-0099283**
(210) 4-2007-03887
(181) 07.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIGDINIR

(151) 09.04.2008
(220) 07.03.2007

(731) VIGBHA (Asia) PTE. LTD (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singagore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099284**
(210) 4-2005-12140
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINH THẠNH

(151) 09.04.2008
(220) 19.09.2005

(591) Đỏ
(731) HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ TUYẾT NGA (VN)
Số 27/5 đường Núi Sam, khóm 7, phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 30: Bánh mì; bánh ngọt.

---

(111) **4-0099285**
(210) 4-2005-12142
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 19.09.2005

(591) Đỏ
(731) NGUYỄN THỊ CẨM (VN)
Khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi Sam, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Thạch thốt nốt.

---

(111) **4-0099286**
(210) 4-2005-12143
(181) 19.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 19.09.2005

(591) Đỏ
(731) MAI QUỐC BÌNH (VN)
689, tổ 21, Châu Long 2, phường Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Thạch dừa.

---

(111) **4-0099287**
(210) 4-2005-13018
(181) 05.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 05.10.2005

(531) A27.1.7
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LAN (VN)
Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 12: Thiết bị và phụ tùng xe máy, cụ thể là: bộ phận giảm xóc; moay ơ; nhông; xích; vành; má phanh; dây phanh; ống xả; chân phanh; chân chống; cọc lái.

---

(111) **4-0099288**
(210) 4-2005-15592
(181) 18.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

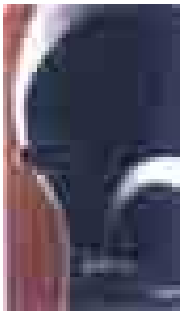

(151) 09.04.2008
(220) 18.11.2005

(531) A11.3.4; A26.11.12; 26.1.2
(591) Đen, trắng, da cam, ghi
(731) NGUYỄN ĐÌNH ĐƯỜNG (VN)
Số 78 đường Nơ Trang Gưh, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 30: Sản phẩm cà phê các loại.

---

(111) **4-0099289**
(210) 4-2006-19944
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU HƯNG TRƯỜNG PHÁT (VN)
Số 95 đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; kem dưỡng da; nước hoa; mỹ phẩm; keo xịt tóc.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm; siêu thị; bán đấu giá.

Nhóm 44: Liệu pháp vật lý; thẩm mỹ viện; làm tóc; phòng cắt tóc; dịch vụ cắt tỉa móng tay; xoa bóp.

---

(111) **4-0099290**
(210) 4-2007-08960
(181) 21.05.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

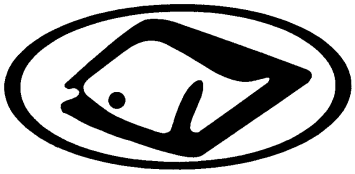

(151) 09.04.2008
(220) 21.05.2007

(531) 3.9.1; A3.9.24; 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG (VN)
Lô 4-2, khu công nghiệp C, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 31: Thức ăn chăn nuôi.

---

(111) **4-0099291**
(210) 4-2006-14445
(181) 30.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 30.08.2006

(531) A26.11.8
(731) CÔNG TY TNHH KÍNH NỔI VIỆT NAM (VIETNAM FLOAT GLASS COMPANY, LTD.) (VN)
Xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Kính xây dựng; vật liệu xây dựng phi kim loại; cánh cửa phi kim loại; cửa phi kim loại; kính cách nhiệt và cách âm dùng cho xây dựng; vách ngăn phi kim loại; kính tấm dùng cho xây dựng; kính an toàn (dùng trong xây dựng); cửa sổ kính màu; kính cửa sổ dùng cho xây dựng.

Nhóm 20: Cửa dùng cho đồ nội thất; mặt bàn; bàn; gương soi; kính (gương) tráng bạc; mảnh hoặc tấm gương dùng để ốp, khảm vào các đồ đạc trong nhà hoặc gắn lên tường để trang trí.

Nhóm 37: Xây dựng; thông tin về xây dựng; dịch vụ về cách nhiệt và cách âm trong xây dựng.

---

(111) **4-0099292**
(210) 4-2006-17425
(181) 17.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.1.1
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (VN)
Tầng 6, toà nhà Hà Nội Toserco, 273 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Quản lý quỹ; tổ chức quyên góp quỹ; quản lý tài chính; đánh giá tài chính [bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản]; thuê mua tài chính; kinh doanh chứng khoán; quản lý bất động sản; đánh giá bất động sản; mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ bảo lãnh về tài chính; tư vấn, môi giới và cung cấp thông tin cho các dịch vụ trên.

---

(111) **4-0099293**
(210) 4-2006-19860
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BLUE ORCHID

(151) 09.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) BLUE ORCHID WATERS INC. (Les Eaux Blue Orchid Inc.) (CA)
800 Place Victoria, Suite 3400, Montreal (Quebec), Canada H4Z 1E9
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống thiên nhiên đóng chai; nước uống có chứa cacbonat và nước uống có hương liệu đóng chai.

Nhóm 35: Bán buôn, bán lẻ nước đóng chai; phân phát hàng mẫu; giới thiệu sản phẩm; tạo mẫu vật nhằm mục đích quảng cáo hoặc thúc đẩy bán hàng.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế bao bì; dịch vụ tạo mẫu và kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm; dịch vụ thiết kế mẫu nhãn cho bên thứ ba.

---

(111) **4-0099294**
(210) 4-2007-05297
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 29.03.2007

(531) A2.1.16; 4.5.2; 4.5.3
(591) Xanh lá cây, xanh dương, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN VÂN LONG (VN)
220/40 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vải sợi, hàng may mặc, nguyên phụ liệu ngành may, máy may công nghiệp; mua bán thiết bị viễn thông, hàng kim khí điện máy; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; quảng cáo thương mại; tổ chức hội chợ triển lãm (với mục đích tương mại hoặc quảng cáo).

---

(111) **4-0099295**
(210) 4-2006-15626
(181) 18.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 18.09.2006

(531) 26.3.23; 26.1.1; A25.7.7
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN NHẪN (VN)
520 Bình Long, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe máy cụ thể là: má phanh (bố thắng), xích (sên), nhông, đĩa, vành (niềng).

---

(111) **4-0099296**
(210) 4-2007-00633
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALTIVA-D

(151) 09.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) RANBAXY LABORATORIES LIMITED (IN)
10th Floor, Devika Towers, 6 Nehru Place, New Delhi 110019-India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099297**
(210) 4-2007-00634
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

REDUMIN

(151) 09.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) RANBAXY LABORATORIES LIMITED (IN)
10th Floor, Devika Towers, 6 Nehru Place, New Delhi 110019-India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099298**
(210) 4-2007-04018
(181) 08.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 08.03.2007

(531) 26.4.3
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN PHÁT HƯNG (VN)
55/67 Thành Mỹ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hoá chất, phẩm màu, giấy, vải, văn phòng phẩm, hàng bách hoá, hàng kim khí điện máy, nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất; đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0099299**
(210) 4-2007-02751
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 07.02.2007

(531) A1.5.3
(591) Vàng nhũ, xanh lá cây, trắng
(731) TRUNG TÂM DỊCH VỤ MÁY VĂN PHÒNG NINH THUẬN (VN)
463 Thống Nhất, phường Kinh Dinh, thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Mực in; mực dùng cho máy sao chụp tài liệu (mực photocopy).

Nhóm 09: Máy vi tính.

Nhóm 35: Mua bán: máy vi tính, mực in, mực dùng cho máy sao chụp tài liệu (mực photocopy).

---

(111) **4-0099300**
(210) 4-2007-03395
(181) 28.02.2017
(300) 78,964,897 31.08.2006 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 28.02.2007

(531) 26.2.7; 26.1.1
(731) WESTIN HOTEL MANAGEMENT, L.P. (US)
1111 Westchester Avenue, White Plains, New York 10604, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ chỗ ở tạm thời, cụ thể là khách sạn, khu nghỉ, khách sạn cho người lái xe ôtô có chỗ đỗ xe ngay gần các phòng, khách sạn nhỏ; dịch vụ đặt chỗ trước khách sạn, cho thuê phòng họp và/hoặc cho thuê bàn, ghế, khăn trải bàn, đồ bằng thuỷ tinh.

---

(111) **4-0099301**
(210) 4-2007-00635
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARTHROSTOP

(151) 09.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 28/21 cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0099302**
(210) 4-2007-00690
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ERIPOTIN

(151) 09.04.2008
(220) 09.01.2007

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099303**
(210) 4-2007-00697
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 09.01.2007

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÀO TRUNG HƯNG (VN)
259 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Các sản phẩm nội thất bằng kim loại, như: tủ; giường; kệ; bàn; ghế.

---

(111) **4-0099304**
(210) 4-2007-00698
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 09.01.2007

(531) 26.4.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÀO TRUNG HƯNG (VN)
259 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Các sản phẩm nội thất bằng kim loại, như: tủ; giường; kệ; bàn; ghế.

---

(111) **4-0099305**
(210) 4-2007-00717
(181) 10.01.2017
(300) 76/667,854 23.10.2006 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

AVALIN

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) KOFAX IMAGE PRODUCTS, INC. (US)
16245 Laguna Canyon Road, Irvine, California 92618-3603, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính và phần mềm máy tính được bán kèm theo phần cứng liên quan để vận hành phần mềm, bao gồm cả máy tính chủ, và chương trình máy tính sử dụng để phát triển phần mềm máy tính, để sao chép thông tin và xử lý thông tin, cụ thể là quản lý, quét, lựa chọn, sao chép, trích đoạn, chế tác, sắp xếp, sắp xếp theo mục, phân loại, lưu trữ, truyền, nhận, hiển thị và biến đổi hình ảnh, từ ngữ, dữ liệu trên máy tính hoặc mạng máy tính, mạng thông tin vùng, mạng thông tin quốc gia và mạng thông tin toàn cầu; phần mềm nhắn tin được hợp nhất và phần mềm bán kèm theo phần cứng liên quan để vận hành phần mềm dùng cho thư điện tử, fax, thư giọng nói, vi đê ô, telex, dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS), dịch vụ tin nhắn đa phương tiện (MMS), hệ thống liên lạc sử dụng qua Internet, (VoIP), cáp liên lạc điện thoại cố định, điện thoại di động; phần mềm và phần mềm bán kèm theo phần cứng liên quan để vận hành phần mềm liên quan đến việc truyền fax và ERP.

---

(111) **4-0099306**
(210) 4-2007-00694
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DROCINXIM

(151) 09.04.2008
(220) 09.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099307**
(210) 4-2007-00695
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEFZIS-MAX

(151) 09.04.2008
(220) 09.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099308**
(210) 4-2007-00731
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(531) 26.1.1; 1.15.5
(591) Xanh đậm, xanh nhạt, đỏ gạch, trắng
(731) LÊ VĂN THÁI (VN)
Thôn Phù Lưu, xã Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 11: Bếp lò.

---

(111) **4-0099309**
(210) 4-2007-00736
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

JCBPLATINUM

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) JCB CO., LTD. (JP)
5-1-22 Minami Aoyama, Minato-ku, Tokyo 107 - 8686, Japan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thẻ tín dụng; cung cấp thông tin về bản kê khai thẻ tín dụng; phát hành thẻ trả trước; dịch vụ thẻ ghi nợ; đại lý thu hồi nợ; thu nhận và chuyển tiền theo yêu cầu; dịch vụ thanh toán tài chính; dịch vụ đổi tiền; đại lý mua nợ; dịch vụ tài chính; dịch vụ cho vay; dịch vụ chuyển tiền bằng điện tử; dịch vụ bảo lãnh; dịch vụ cho vay nợ trả làm nhiều lần; dịch vụ thuê - mua tài chính; dịch vụ môi giới thuê - mua tài chính; phát hành séc du lịch; dịch vụ môi giới phát hành séc du lịch; đại lý thu phí sử dụng gas, điện, điện thoại, các dịch vụ công cộng và cung cấp thông tin liên quan; dịch vụ thu tiền thuê; cho vay có bảo đảm; quỹ tiết kiệm; dịch vụ định giá tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản; phân tích tài chính; tư vấn tài chính; cung cấp thông tin tài chính; phát hành giấy tờ có giá; đại lý kinh doanh chứng khoán; đại lý môi giới chứng khoán; cung cấp thông tin về thị trường chứng khoán; môi giới bảo hiểm; dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; cung cấp thông tin bảo hiểm; bảo hiểm; tín dụng; dịch vụ điều tra nợ của doanh nghiệp; quyên góp cho quỹ từ thiện; cho thuê thiết bị đọc thẻ, thiết bị ghi thẻ, các thiết bị, máy móc xử lý thanh toán dùng cho thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ; đại lý tiếp nhận và quản lý các chủ thẻ tín dụng và thương nhân thay mặt các nhà phát hành thẻ tín dụng.

(111) **4-0099310**
(210) 4-2006-00987
(181) 19.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Chorus

(151) 09.04.2008
(220) 19.01.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la, bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô (dùng để làm bánh); bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099311**
(210) 4-2006-03553
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VITALFIT

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099312**
(210) 4-2006-03554
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

XTRAPOWER

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099313**
(210) 4-2006-03555
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NANOVIT

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099314**
(210) 4-2006-03556
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEPAZID

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099315**
(210) 4-2006-03557
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIVERFOV

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099316**
(210) 4-2006-03568
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

REVELOL

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099317**
(210) 4-2006-03569
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INOSERT

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099318**
(210) 4-2006-03570
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TENOCHEK

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099319**
(210) 4-2007-00735
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(531) 26.4.3
(591) Trắng, xanh nước biển, đen, đỏ
(731) CƠ SỞ PHƯƠNG ANH (VN)
233A Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật nuôi trong nhà (chó, mèo, cá cảnh) và thức ăn, dụng cụ dùng cho chúng.

---

(111) **4-0099320**
(210) 4-2007-00719
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

PRECISE PRO RX

(151) 09.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) CORDIS CORPORATION (US)
14201 N.W. 60th Avenue, Miami Lakes, Florida, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là thanh dẫn (stent) và hệ thống đưa thanh dẫn (stent) vào.

---

(111) **4-0099321**
(210) 4-2006-03750
(181) 16.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Đá gốm

(151) 09.04.2008
(220) 16.03.2006

(731) NHÀ HÀNG ĐÁ GỐM (VN)
Lô 25-26 khu dân cư đầu đường Hùng Vương, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0099322**
(210) 4-2006-03571
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INDITOR

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099323**
(210) 4-2006-03572
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GLYREE

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099324**
(210) 4-2006-03573
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OLFI

(151) 09.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099325**
(210) 4-2006-04678
(181) 30.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 30.03.2006

(531) 3.7.17; 24.1.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HOÀNG MINH (VN)
107/7 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Sơn nước; sơn dầu các loại.

Nhóm 19: Bột trét tường; keo dán gạch; vữa xây dựng; bột trám joint (bột dùng để trét giữa các viên gạch dùng trong xây dựng).

Nhóm 35: Mua bán: sơn, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hàng kim khí điện máy, máy móc và phụ tùng ngành xây dựng, xe ô tô, xe cơ giới và phụ tùng của chúng; đại lý ký gửi hàng hoá; môi giới thương mại.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi; san lấp mặt bằng.

---

(111) **4-0099326**
(210) 4-2006-05490
(181) 11.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NIMETAB

(151) 09.04.2008
(220) 11.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099327**
(210) 4-2006-05491
(181) 11.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NIMATIL

(151) 09.04.2008
(220) 11.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099328**
(210) 4-2006-05492
(181) 11.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARTIFEX

(151) 09.04.2008
(220) 11.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099329**
(210) 4-2006-05493
(181) 11.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXIPRIL

(151) 09.04.2008
(220) 11.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099330**
(210) 4-2006-05494
(181) 11.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVAPRIL

(151) 09.04.2008
(220) 11.04.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099331**
(210) 4-2006-06414
(181) 25.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BUTTERFLY

(151) 09.04.2008
(220) 25.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KINH DOANH VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HÀ VIỆT (VN)
Số nhà 217, tổ 38 đường Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh phụ nữ.

---

(111) **4-0099332**
(210) 4-2006-09197
(181) 14.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Hương Thái

(151) 09.04.2008
(220) 14.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT TÂY ĐÔ (VN)
Km 5 đường Phạm Văn Đồng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0099333**
(210) 4-2006-09250
(181) 14.06.2016
(300) 76/652,281 19.12.2005 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMD LIVE!

(151) 09.04.2008
(220) 14.06.2006

(731) ADVANCED MICRO DEVICES, INC. (US)
One AMD Place, P.O. Box 3453, Sunnyvale, California 94088, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính; phần cứng máy vi tính, bộ vi xử lý nhúng, thẻ đồ hoạ, thẻ truyền thông; thiết bị ngoại vi máy vi tính; chất bán dẫn; mạch tổng hợp; bộ vi xử lý; mô đun bộ vi xử lý; nhóm mạch tổng hợp máy vi tính; máy tính vi tính kỹ thuật số loại nhỏ; mô đem có dây và không dây; bộ điều hợp mạng; bộ điều hợp thẻ mạng; vi chương trình máy vi tính; thiết bị phụ trợ phần cứng máy tính, cụ thể là: bản mạch in chính, bản mạch in phụ, thiết bị đầu vào, thiết bị đầu ra, thiết bị xử lý trung tâm, mạch điều khiển bộ nhớ, mạch điều khiển thiết bị ngoại vi và mạch điều khiển thiết bị đồ hoạ; phần mềm máy vi tính, cụ thể là phần mềm tiện ích máy tính, phần mềm hệ điều hành, phần mềm trò chơi, phần mềm chương trình đồ hoạ 3 chiều, phần mềm tăng năng suất, phần mềm điện ảnh kỹ thuật số, phần mềm thao tác và sáng tạo nội dung đa phương tiện, phần mềm mạng và liên lạc dùng cho liên lạc mạng có dây và không dây; máy chủ tập tin và máy chủ web, máy chủ dữ liệu và máy chủ ứng dụng.

---

(111) **4-0099334**
(210) 4-2006-09251
(181) 14.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

item-eyes

(151) 09.04.2008
(220) 14.06.2006

(531) 2.9.4
(731) ITEM- EYES, INC. (US)
90 Adams Street, Hauppauge, New York 11788, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu (trang phục).

---

(111) **4-0099335**
(210) 4-2006-04773
(181) 31.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

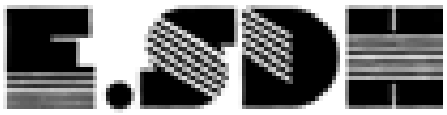

(151) 09.04.2008
(220) 31.03.2006

(531) A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE MÁY ĐÔ THÀNH (VN)
4/25 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe ô tô; khung sườn xe máy; khung sườn xe ô tô.

---

(111) **4-0099336**
(210) 4-2006-04774
(181) 31.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 31.03.2006

(531) A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE MÁY ĐÔ THÀNH (VN)
4/25 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe ô tô; khung sườn xe máy; khung sườn xe ô tô.

---

(111) **4-0099337**
(210) 4-2006-06412
(181) 25.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FUSO

(151) 09.04.2008
(220) 25.04.2006

(731) MITSUBISHI FUSO TRUCK AND BUS CORPORATION (JP)
16 - 4, Konan 2 - chome, Minato - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ có chứa khoáng chất dùng cho mục đích công nghiệp (không dùng làm nhiên liệu); dầu và mỡ công nghiệp không chứa khoáng chất dùng cho mục đích công nghiệp (không dùng làm nhiên liệu); dầu nhờn dạng đặc; chất đốt dạng lỏng; chất đốt dạng khí.

Nhóm 36: Cho vay (tài chính) và khấu trừ hoá đơn thanh toán tiền; dịch vụ bảo lãnh tiền nợ và thanh toán hoá đơn tài chính; dịch vụ nhận và chuyển tiền theo yêu cầu; thanh toán tiền trả góp; môi giới bảo hiểm nhân thọ; môi giới bảo hiểm nhân thọ trên biển; môi giới bảo hiểm (không phải bảo hiểm nhân thọ); dàn xếp bảo hiểm (không phải bảo hiểm nhân thọ); dịch vụ bảo hiểm (không phải bảo hiểm nhân thọ); dịch vụ tính toán tỷ lệ tiền bảo hiểm.

Nhóm 37: Sửa chữa hoặc bảo dưỡng xe ô tô; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy điều hoà không khí (dùng cho mục đích công nghiệp); sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy và thiết bị làm lạnh; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy và thiết bị viễn thông; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy và thiết bị xây dựng; sửa chữa hoặc bảo dưỡng thiết bị chiếu sáng chạy điện; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy và thiết bị kiểm tra và phân phối năng lượng điện; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy phát điện; sửa chữa hoặc bảo dưỡng động cơ điện; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy móc và thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm; sửa chữa hoặc bảo dưỡng máy và dụng cụ đo lường và kiểm tra.

Nhóm 39: Cho thuê xe ô tô; dịch vụ vận tải bằng xe ô tô.

(111) **4-0099338**
(210) 4-2006-06438
(181) 25.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

funday

(151) 09.04.2008
(220) 25.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT HÀN (VN)
Thôn Khôn, xã Minh Cường, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh.

---

(111) **4-0099339**
(210) 4-2006-07313
(181) 12.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PREMASTON

(151) 09.04.2008
(220) 12.05.2006

(731) PT KALBE FARMA TBK (ID)
Kawasan Industri Delta Silicon, Jl. MH Thamrin Blok A3- 1, Lippo Cikarang, Bekasi 17550, Indonesia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Hoóc môn dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0099340**
(210) 4-2006-09315
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MYSEPTIC MYBACIN
มายเซพติค มายบาซิน

(151) 09.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) GREATER PHARMA LIMITED PARTNERSHIP (TH)
No. 46, 46/1 - 2 soi Charansanitwongs 40, Charansanitwongs Road, Bangyikhan, Bangplad, Bangkok 10700, Thailand
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Nước súc làm sạch miệng không dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0099341**
(210) 4-2006-17646
(181) 20.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) Lively

(151) 09.04.2008
(220) 20.10.2006

(731) CƠ SỞ QUANG TIẾN (VN)
42/34 đường 702 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099342**
(210) 4-2006-18937
(181) 06.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 06.11.2006

(531) 15.7.1; 5.7.3; A25.1.10
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ TÂN TRUNG THÀNH (VN)
Lô 04 cụm Công nghiệp Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 07: Máy lọc sạn; máy phân ly thóc; máy phân loại cà phê; máy phân loại hạt mè; máy phân loại hạt đậu; máy cắt lúa.

---

(111) **4-0099343**
(210) 4-2006-18953
(181) 06.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 06.11.2006

(531) 26.4.3; A25.7.21
(591) Xanh dương, đỏ, vàng nghệ
(731) CỬA HÀNG 53 VIỆT TIẾN TÂY ĐÔ (VN)
Số 53 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0099344**
(210) 4-2006-00264
(181) 06.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XINH VIỆT NAM (VN)
Phòng 1206, nhà CT5 - ĐN2, khu đô thị mới Mỹ Đình 2, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Báo điện tử.

---

(111) **4-0099345**
(210) 4-2006-04881
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIFEVIT

(151) 09.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT., LTD. (IN)
69 - A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099346**
(210) 4-2006-04882
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEPHALIFE

(151) 09.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT., LTD. (IN)
69 - A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099347**
(210) 4-2006-04883
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GLUCOLIFE

(151) 09.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT., LTD. (IN)
69 - A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099348**
(210) 4-2006-04884
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GYNOLIFE

(151) 09.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT., LTD. (IN)
69 - A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099349**
(210) 4-2006-05755
(181) 14.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAAMSENG

(151) 09.04.2008
(220) 14.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099350**
(210) 4-2006-05757
(181) 14.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ASKARVID

(151) 09.04.2008
(220) 14.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099351**
(210) 4-2006-05932
(181) 18.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 18.04.2006

(531) 2.3.1
(591) Đen, đỏ, trắng ngà
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VIEN DONG PHARMA., JSC) (VN)
Số 411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc, các sản phẩm dược; mua bán mỹ phẩm, mua bán nguyên phụ liệu để sản xuất thuốc tân dược, đông dược, mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099352**
(210) 4-2006-06456
(181) 08.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 08.06.2006

(531) 1.15.3; 26.1.6; 26.1.1; A5.5.21; A25.7.6
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CÁP TAIHAN - SACOM (VN)
Khu công nghiệp Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Đồng và nhôm sử dụng cho sản xuất các sản phẩm dây điện, cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông.

Nhóm 09: Dây điện; cáp điện; cáp quang; cáp viễn thông.

Nhóm 37: Lắp đặt và sữa chữa cáp điện, cáp quang, cáp viễn thông.

Nhóm 42: Tư vấn kỹ thuật liên quan đến đường dây cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế, cáp quang, cáp viễn thông.

---

(111) **4-0099353**
(210) 4-2006-06568
(181) 27.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 27.04.2006

(531) 26.3.23; 26.1.2; 26.1.4
(591) Đỏ, vàng cam, vàng nhạt, đen, đỏ thẫm
(731) CÔNG TY THỰC PHẨM MIỀN BẮC (VN)
Số 210 phố Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh quy xốp; bánh quy giòn; bánh ngọt; bánh kem xốp.

---

(111) **4-0099354**
(210) 4-2006-06657
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KADCO

(151) 09.04.2008
(220) 28.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099355**
(210) 4-2006-06658
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INFERATE

(151) 09.04.2008
(220) 28.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099356**
(210) 4-2006-17527
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZONLY

(151) 09.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DUY THỊNH (VN)
Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 12: Ôtô; xe máy; động cơ ôtô; động cơ xe máy; săm; lốp.

---

(111) **4-0099357**
(210) 4-2006-17528
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIHAMOTO

(151) 09.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DUY THỊNH (VN)
Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 12: Ôtô; xe máy; động cơ ôtô; động cơ xe máy; săm; lốp.

---

(111) **4-0099358**
(210) 4-2006-18586
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ĐẠI HẢI

(151) 09.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH TỰ ĐỘNG HOÁ ĐẠI HẢI (VN)
3/46 khu dân cư Đông Hải, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Công tắc điện tự động.

---

(111) **4-0099359**
(210) 4-2006-06481
(181) 26.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 26.04.2006

(531) 26.4.1; 26.4.10
(591) Đỏ, nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY BIẾN ÁP ĐIỆN LỰC HÀ NỘI (VN)
Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy biến áp.

---

(111) **4-0099360**
(210) 4-2006-16844
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 09.04.2008
(220) 06.10.2006

(531) 25.1.6; A24.15.13; 26.13.25; 24.15.1
(591) Xanh dương đậm, xanh nước biển, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BEMES (VN)
Số 394 phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Nghiên cứu thương mại.

Nhóm 36: Tư vấn tài chính, đầu tư tài chính, thông tin về tài chính, quản lý tài chính.

---

(111) **4-0099361**
(210) 4-2006-23055
(181) 29.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 29.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN Á (VN)
Số 9, ngõ 850 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua, bán: máy khoan điện; máy mài điện; máy cưa gỗ; máy bào gỗ; máy cắt gạch, đá; máy cắt kim loại.

---

(111) **4-0099362**
(210) 4-2006-03775
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 17.03.2006

(591) Xanh Indigo, trắng
(731) VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRẦN VÀ ĐỒNG NGHIỆP (VN)
134 Nguyễn Duy Hiệu, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 42: Các dịch vụ pháp lý.

---

(111) **4-0099363**
(210) 4-2006-03784
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 17.03.2006

(531) 26.4.3; A1.5.3
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh lá cây, đỏ, trắng, đen
(731) HỢP TÁC XÃ HƯNG PHÁT (VN)
Khu hành chính UBND xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0099364**
(210) 4-2006-20786
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 28.11.2006

(531) A26.11.13
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẢI NGUYÊN (VN)
Thôn Thiện Chánh 1, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 29: Cá đông lạnh; cá sấy khô; tôm đông lạnh; tôm sấy khô; mực đông lạnh; mực sấy khô.

---

(111) **4-0099365**
(210) 4-2006-02895
(181) 02.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Vidorigyl Thuốc răng miệng đích thực là Vidorigyl

(151) 10.04.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc dùng cho người, đặc biệt là thuốc chữa răng miệng.

---

(111) **4-0099366**
(210) 4-2006-02896
(181) 02.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc chữa bệnh cho người đặc biệt là thuốc điều trị các bệnh về răng miệng.

---

(111) **4-0099367**
(210) 4-2006-03073
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAI – ICHI

(151) 10.04.2008
(220) 06.03.2006

(731) DAI-ICHI SEIMEI HOKEN SOUGO KAISHA (The Dai-ichi Mutual Life Insurance Company) (JP)
13-1, Yurakucho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Các dịch vụ cho vay (tài chính); dịch vụ gửi giữ an toàn các đồ vật có giá trị bao gồm chứng khoán và kim loại quý (các dịch vụ ký gửi an toàn); mua và bán chứng khoán; dịch vụ giao dịch chào giá chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ cho thuê hoặc thuê nhà cao ốc.

---

(111) **4-0099368**
(210) 4-2006-03074
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAI – ICHI LIFE

(151) 10.04.2008
(220) 06.03.2006

(731) DAI-ICHI SEIMEI HOKEN SOUGO KAISHA (The Dai-ichi Mutual Life Insurance Company) (JP)
13-1, Yurakucho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Các dịch vụ cho vay (tài chính); dịch vụ gửi giữ an toàn các đồ vật có giá trị bao gồm chứng khoán và kim loại quý (các dịch vụ ký gửi an toàn); mua và bán chứng khoán; dịch vụ giao dịch chào giá chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ cho thuê hoặc thuê nhà cao ốc.

---

(111) **4-0099369**
(210) 4-2006-03075
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

The Dai – ichi Mutual Life Insurance Company

(151) 10.04.2008
(220) 06.03.2006

(731) DAI-ICHI SEIMEI HOKEN SOUGO KAISHA (The Dai-ichi Mutual Life Insurance Company) (JP)
13-1, Yurakucho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Các dịch vụ cho vay (tài chính); dịch vụ gửi giữ an toàn các đồ vật có giá trị bao gồm chứng khoán và kim loại quý (các dịch vụ ký gửi an toàn); mua và bán chứng khoán; dịch vụ giao dịch chào giá chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ cho thuê hoặc thuê nhà cao ốc.

---

(111) **4-0099370**
(210) 4-2006-03076
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 06.03.2006

(531) A24.1.15
(591) Đỏ, trắng
(731) DAI-ICHI SEIMEI HOKEN SOUGO KAISHA (The Dai-ichi Mutual Life Insurance Company) (JP)
13-1, Yurakucho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Các dịch vụ cho vay (tài chính); dịch vụ gửi giữ an toàn các đồ vật có giá trị bao gồm chứng khoán và kim loại quý (các dịch vụ ký gửi an toàn); mua và bán chứng khoán; dịch vụ giao dịch chào giá chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ cho thuê hoặc thuê nhà cao ốc.

---

(111) **4-0099371**
(210) 4-2006-03084
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AQUASOFT

(151) 10.04.2008
(220) 06.03.2006

(731) AJANTA PHARMA LIMITED (IN)
Ajanta House, 98, Govt. Industrial Area, Charkop, Kandivli (W), Mumbai-400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099372**
(210) 4-2006-04880
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PARALIFE-DEX

(151) 10.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) EUROLIFE HEALTHCARE PVT., LTD. (IN)
69 - A, Mittal Chambers, Nariman Point, Mumbai - 400 021, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099373**
(210) 4-2006-20789
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ORION Pirate

(151) 10.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099374**
(210) 4-2006-20868
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROBINSON

(151) 10.04.2008
(220) 29.11.2006

(731) ROBINSON & COMPANY (Singapore) Pte Ltd. (SG)
1 Grange Road, Orchard Building #07-01, Singapore 239693
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Tập hợp các loại hàng hoá, cụ thể là các loại thực phẩm, thuốc lá, thiết bị điện, dược phẩm, mỹ phẩm, đồ trang sức, quần áo, giầy dép, mũ nón, đồ thể thao, đồ nội thất, thảm, đồ sứ, đồ pha lê, đồ dùng gia đình, đồ da và hành lý bằng da để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng xem và mua các sản phẩm đó theo cách mua bán thông thường trong cửa hàng bách hoá, tại cửa hàng bán lẻ quần áo, ở cửa hàng bán lẻ đồ nội thất, hoặc bằng thư đặt hàng theo bảng liệt kê, hoặc thông qua rađiô, vô tuyến, thiết bị viễn thông, hoặc bằng dịch vụ mua bán trực tuyến thông qua mạng máy tính toàn cầu; quảng cáo bằng thư đặt hàng; dịch vụ bày hàng trong tủ kính, dịch vụ trưng bày hàng hoá; phân phối hàng mẫu; quảng cáo hàng hoá; dịch vụ xúc tiến bán hàng.

---

(111) **4-0099375**
(210) 4-2006-21406
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Sinuzin

(151) 10.04.2008
(220) 07.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099376**
(210) 4-2006-21407
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Tây Sa

(151) 10.04.2008
(220) 07.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099377**
(210) 4-2006-21513
(181) 08.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.3.23
(731) SEESUN CO., LTD (KR)
515-2, Yongkye-dong, Dong-gu, Daegu, Republic of Korea (Post Code: 701-835)
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 09: Kính chống bụi, kính chống loá mắt, kính che mắt, thấu kính (kính một mắt), kính râm, kính có tay cầm, kính dùng khi bơi, kính dùng cho thể thao, kính đeo mắt, xích (dây đeo) của kính, hộp đựng kính, khung (gọng) kính, kính kẹp mũi (không gọng), dây đeo của kính không gọng, hộp đựng kính không gọng, khung của kính không gọng, thấu kính, thiết bị để rửa thấu kính, hộp đựng thấu kính.

---

(111) **4-0099378**
(210) 4-2006-21644
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Đỏ cờ, xanh tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ BAO BÌ ÁNH DƯƠNG (VN)
510, nơ 3, khu đô thị Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Bao bì giấy các loại; khăn giấy, khăn tắm bằng giấy, giấy nhà vệ sinh; giấy viết, vở viết.

---

(111) **4-0099379**
(210) 4-2006-21791
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 13.12.2006

(531) 26.4.2; 26.1.1
(591) Hồng, đỏ, trắng
(731) SAMAPHAN INTERNATIONAL CO., LTD (TH)
111/152 Mu 6 Soi Pho Keao 5, Nawamin Road, Bueng Kum District, Bangkok 10240, Thailand
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chất ăn kiêng, chất dinh dưỡng dùng trong sản xuất thực phẩm và đồ uống (cho mục đích y tế); chất bổ sung dinh dưỡng dùng cho ngành y, chế phẩm vitamin, chất bổ sung khoáng chất cụ thể là các loại thuốc bổ đa khoáng chất, đa sinh tố dùng để bổ sung thêm chất khoáng cho người sử dụng.

---

(111) **4-0099380**
(210) 4-2006-22707
(181) 26.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UNIMATEC

(151) 10.04.2008
(220) 26.12.2006

(731) NOK CORPORATION (JP)
12-15, Shiba Daimon 1-Chome, Minato-Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp hữu cơ; chất hoá học hoạt động bề mặt; chất hoá học dùng trong công nghiệp và khoa học; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dẻo dạng thô.

Nhóm 12: Tàu; thuyền; vòng che bụi của máy nghiền hình nón dùng cho tàu thuyền; cái hãm xung (đỡ va) cho thuyền; máy bay; khung cao su dùng cho máy bay; đầu máy tàu hoả; cái che trục tàu hoả; con lăn có rãnh ở cửa tàu hoả; ô tô; cần gạt ở kính chắn gió cho ô tô; đệm giảm va xe ô tô; nắp che bụi ô tô; tấm phủ hình cầu dùng cho ô tô; chổi điện của ô tô; cái lót trục ô tô; vòng đệm che bụi cho trục chong chóng ở xe ô tô; vòng đệm che bụi cho cần chốt trục ở bánh xe; vòng đệm che bụi cho lò xo dạng tấm; vòng đệm của nắp thiết bị lái; nút chặn chống hiện tượng bật ngược (nảy ngược) dùng cho ô tô; nút chặn đầu dùng cho ô tô; nút chặn/trụ lái ô tô; chạc cửa ô tô; chổi có điểm cực hạn bằng uretan dùng cho xe mô tô; móc nối các trụ phân phối của xe ô tô; thiết bị chống ồn dùng cho xe ô tô; vòng đệm chống trượt dùng cho bộ chế hoà khí xe ô tô; van hình cầu dùng cho ô tô; van vòng và mặt đệm của van ô tô; lò xo đỡ (lò xo tựa) dùng xe mô tô; xe mô tô; xe đạp; dây trượt của xe mô tô và xe đạp; cái giảm xóc của xe mô tô và xe đạp; bộ giảm xóc dạng dây xích dùng cho xe mô tô và xe đạp; miếng đệm đầu trục xe đạp; xích lăn dùng cho xe mô tô và xe đạp; bộ giảm chấn dùng cho đĩa xích của xe mô tô và xe đạp; bộ giảm chấn dùng cho trục phân phối của xe mô tô và xe đạp; khung dẫn xích trượt dùng cho xe mô tô và xe đạp; xăm xe đạp, xe đạp; xăm xe dùng cho lốp có hơi; hộp truyền động và bánh răng truyền động chạy bằng năng lượng dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; vòng đệm kín bụi dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; đế trượt lò xo dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; con lăn của xe cộ giao thông trên bộ; vòng đệm bịt bụi của dây xích dùng cho xe cộ giao thông trên bộ; móc hãm dùng cho thiết bị chất tải có áp lực của xe cộ giao thông trên bộ; móc hãm dùng cho xe cộ giao thông trên bộ; cần gạt tuyết bằng cao su dùng cho xe cộ giao thông trên bộ; dây xích truyền động bằng uretan dùng cho phương tiện giao thông trên bộ.

Nhóm 17: Bán thành phẩm bằng chất dẻo dùng như các sản phẩm lót, gói, nhồi, cách điện (nhiệt), lọc, ống nhựa dẻo, áo giảm nhiệt của ống dẫn, phủ màng không dùng để lọc; cao su nhân tạo; bao bì, miếng đệm, con dấu đầu và lớp lót bằng cao su hoặc bằng chất dẻo.

Nhóm 19: Dải đánh dấu đường không bằng kim loại; biển báo hiệu giao thông bằng chất dẻo; biển hiệu giao thông (không bằng kim loại, không bằng dạ quang, không bằng máy móc); cột mốc báo hiệu (không bằng kim loại, không bằng dạ quang, không bằng máy móc).

(111) **4-0099381**
(210) 4-2006-20335
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOÀNG LIÊM

(151) 10.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 26.4.3; 1.3.1; A1.1.10
(731) HOÀNG THANH LIÊM (VN)
001A/1 chợ Vàm Nhon, ấp Thới Khánh, xã Thới Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 08: Dụng cụ tỉa hạt tự động (dụng cụ cầm tay).

---

(111) **4-0099382**
(210) 4-2006-20412
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TREADSAVER

(151) 10.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) FEDERAL-MOGUL PRODUCTS, INC. (US)
26555 Northwestern Highway, Southfield, Michigan, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Bộ phận của khung gầm, cụ thể là: khớp nối hình chữ U, bộ giảm xóc, thanh kéo, đầu thanh nối, ống lót thanh điều khiển, khớp nối tròn, bộ trục thanh điều khiển là một thiết bị bao gồm trục, ống lót, đai ốc và vòng đệm; bộ nối thanh dao động là một thiết bị bao gồm bu lông, đai ốc, ống nối, vòng đệm và ống lót; ống lót thanh giằng; bộ ống lót thanh giằng là một thiết bị bao gồm vòng đệm, ống lót, đai ốc và miếng đệm; ống lót giá đỡ và trục bánh răng; ống lót trục; thanh truyền trung tâm; thanh bánh đệm và thanh truyền; tất cả các hàng hoá trên được sử dụng cho máy móc.

Nhóm 12: Bộ phận của khung gầm, cụ thể là: khớp nối hình chữ U, bộ giảm xóc, thanh kéo, đầu thanh nối, ống lót thanh điều khiển, khớp nối tròn, bộ trục thanh điều khiển là một thiết bị bao gồm trục, ống lót, đai ốc và vòng đệm; bộ nối thanh dao động là một thiết bị bao gồm bu lông, đai ốc, ống nối, vòng đệm và ống lót; ống lót thanh giằng; bộ ống lót thanh giằng là một thiết bị bao gồm vòng đệm, ống lót, đai ốc và miếng đệm; ống lót giá đỡ và trục bánh răng; ống lót trục; thanh truyền trung tâm; thanh bánh đệm và thanh truyền; tất cả hàng hoá trên được sử dụng cho phương tiện giao thông trên bộ.

---

(111) **4-0099383**
(210) 4-2006-20413
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TURANZA

(151) 10.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) BRIDGESTONE CORPORATION (JP)
10-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Bộ phận của xe cộ, cụ thể là, bộ giảm xóc; lốp xe; bánh xe; săm, vành và lốp xe dùng cho các loại bánh xe; săm xe.

---

(111) **4-0099384**
(210) 4-2006-20433
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CARUTUSE

(151) 10.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099385**
(210) 4-2006-20448
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KERONBE

(151) 10.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD. (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099386**
(210) 4-2006-20681
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PYMEROXITIL

(151) 10.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099387**
(210) 4-2006-20747
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MULVITCALCI

(151) 10.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099388**
(210) 4-2006-20748
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEKOVANDA

(151) 10.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099389**
(210) 4-2006-20749
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEKO-OSCAL

(151) 10.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099390**
(210) 4-2006-21058
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.1.1; 26.4.2
(591) Đen, vàng
(731) ĐÀO ĐÌNH PHƯỚC (VN)
Số nhà 21 khu III, thị trấn Kẻ Sặt, Bình Giang, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy khoan; máy cắt sắt; máy bơm nước (dùng trong nông nghiệp, công nghiệp).

---

(111) **4-0099391**
(210) 4-2006-21072
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BALSTON

(151) 10.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KP2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc dầu, bộ lọc không khí, bộ lọc nhiên liệu (bộ phận của máy móc).

Nhóm 12: Vành xe máy, xích xe máy, phuộc nhún (giảm sóc) xe máy, má phanh xe máy, moay ơ xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0099392**
(210) 4-2006-21073
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FINITE

(151) 10.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KP2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc dầu, bộ lọc không khí, bộ lọc nhiên liệu (bộ phận của máy móc).

Nhóm 12: Vành xe máy, xích xe máy, phuộc nhún (giảm sóc) xe máy, má phanh xe máy, moay ơ xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0099393**
(210) 4-2006-20455
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

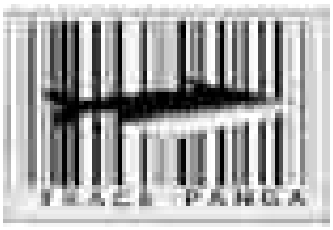

(151) 10.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 3.9.1; A25.7.21
(731) ANOVA HOLDING BV (NL)
Hambakenwetering 15, 5231 DD's Hertogenbosch, The Netherlands
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 29: Cá (không còn sống), trứng, dầu và chất béo ăn được, chất chiết xuất từ thịt; thịt.

---

(111) **4-0099394**
(210) 4-2006-20651
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

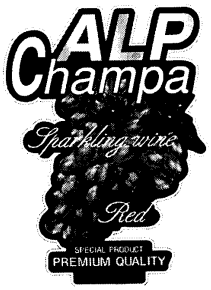

(151) 10.04.2008
(220) 27.11.2006

(531) 5.7.10
(731) TRỊNH THỊ KHUY (VN)
71 bis Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0099395**
(210) 4-2006-20652
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CARWASHER®

(151) 10.04.2008
(220) 04.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH SINH THÁI (VN)
14/2 tổ 18-Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Nước tẩy rửa làm sạch xe; chế phẩm dạng lỏng hoặc sệt để tẩy rửa làm sạch xe.

---

(111) **4-0099396**
(210) 4-2006-20653
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXKA®

(151) 10.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) NGUYỄN MINH HÙNG (VN)
001 lô N Nhật Tảo, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa; máy tăng âm; đầu máy hát karaoke; đầu đọc đĩa kỹ thuật số, máy thu hình (tivi); ống nói (micrô).

---

(111) **4-0099397**
(210) 4-2006-20654
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KHẢI GIA

(151) 10.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH KHẢI GIA (VN)
121-123-125 Hùng Vương, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Anbom (tập sách để lưu giữ ảnh); thiệp chúc mừng.

Nhóm 20: Khung ảnh.

Nhóm 40: Tráng rọi ảnh màu; phục chế ảnh cũ và tráng nhựa lên ảnh; in trên máy vi tính khổ lớn.

---

(111) **4-0099398**
(210) 4-2006-20677
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 27.11.2006

(591) Đỏ, trắng
(731) XÍ NGHIỆP IN HỒ VĂN TẨU (VN)
1228 Nguyễn Trung Trực, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0099399**
(210) 4-2006-09299
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) PHẠM QUANG QUẾ (VN)
Xóm 09, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng ôtô.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa ôtô.

---

(111) **4-0099400**
(210) 4-2006-20641
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) HISTORIC ORIGINALS LTD (GB)
Unit A1, Worton Grange Estate, Worton Drive, Reading Berks RG2 OTG, England
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức; đồng hồ đeo tay và đồng hồ.

---

(111) **4-0099401**
(210) 4-2006-10950
(181) 12.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CLEAR ACTIVECARE

(151) 10.04.2008
(220) 12.07.2006

(731) UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm chăm sóc tóc có chứa dược chất.

---

(111) **4-0099402**
(210) 4-2006-16168
(181) 26.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ASINCV

(151) 10.04.2008
(220) 26.09.2006

(531) A5.3.15; 26.11.2; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây đậm
(731) VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP BẮC TRUNG BỘ (VN)
Xóm Mỹ Hậu, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 42: Nghiên cứu và phát triển mới (dành cho người khác), nghiên cứu dự án kỹ thuật, tư vấn về sở hữu trí tuệ, nghiên cứu hóa học, nghiên cứu sinh học, phân tích hóa học.

---

(111) **4-0099403**
(210) 4-2006-17112
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 11.10.2006

(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN IN NHÃN HÀNG AN LẠC (VN)
701/6 Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 16: Nhãn mác (không bằng vải); nhãn mác (không bằng vải) có sẵn chất dính; bao bì bằng giấy; bao bì bằng nhựa màng mỏng; bao bì bằng các tông.

Nhóm 24: Nhãn mác (bằng vải).

Nhóm 35: Mua bán các loại nhãn hàng; mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị ngành in.

---

(111) **4-0099404**
(210) 4-2006-18492
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.3.1
(591) Xanh ngọc lam, xanh da trời
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DI ĐẠI HƯNG (VN)
62G An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Bao bì nylon và màng dùng cho bao gói làm bằng nylon và nhựa plastic.

Nhóm 35: Mua bán hàng nhựa gia dụng, bao bì nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa.

Nhóm 37: Sửa chữa cơ khí khuôn mẫu ngành nhựa.

---

(111) **4-0099405**
(210) 4-2006-15799
(181) 19.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 19.09.2006

(531) 1.3.1; A26.11.12; 6.1.2
(591) Trắng, xanh lam, xanh da trời, vàng sẫm, nâu
(731) CƠ SỞ HÒN CHỒNG (VN)
159/46/33 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán ăn.

---

(111) **4-0099406**
(210) 4-2006-16120
(181) 25.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PLUZ NOEL Ginseng

(151) 10.04.2008
(220) 25.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người và các sản phẩm dược dùng cho người thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099407**
(210) 4-2006-08562
(181) 02.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 02.06.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.4.3
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ HOÀNG THANH (VN)
69/30 Đào Duy Từ, phường 17, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 10: Sản phẩm chuyên dùng trong y tế, cụ thể là: quần, áo, mũ, găng tay, khẩu trang, bao giày.

---

(111) **4-0099408**
(210) 4-2006-09914
(181) 26.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

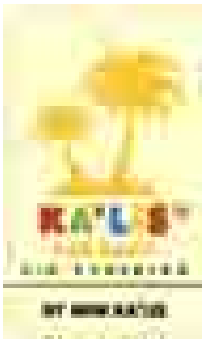

(151) 10.04.2008
(220) 26.06.2006

(531) A5.1.12; 26.4.2
(591) Vàng, vàng nhạt, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH IN - DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI THÀNH TÍN (VN)
10A Tân Thành, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón; dây thắt lưng (trang phục).

---

(111) **4-0099409**
(210) 4-2006-11321
(181) 19.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 19.07.2006

(531) 24.15.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỒNG TÂM (VN)
286 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Thẻ nhớ điện thoại; cáp truyền dữ liệu dùng cho máy vi tính và điện thoại; thiết bị kết nối không dây của điện thoại và máy vi tính; thiết bị đọc thẻ nhớ điện thoại; thiết bị lưu trữ dữ liệu của máy vi tính; máy nghe nhạc.

(111) **4-0099410**
(210) 4-2006-14138
(181) 28.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 28.08.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Đen, đen đậm, xám
(731) CƠ SỞ TRẦN ẤN (VN)
129 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi xách; ví; va li; ô; túi cho người cắm trại; ví đựng danh thiếp.

Nhóm 25: Quần áo; mũ nón; thắt lưng (trang phục); khăn quàng cổ; găng tay (trang phục).

---

(111) **4-0099411**
(210) 4-2006-17093
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LOPRAX

(151) 10.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Số 15, đường 7C, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099412**
(210) 4-2006-18519
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi LEUCIN

(151) 10.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099413**
(210) 4-2006-17369
(181) 16.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 16.10.2006

(531) 1.3.1; 5.5.19; A5.5.21; 26.4.2; A26.11.13
(731) TROPICANA PRODUCTS, INC. (US) 1001 13th Avenue East, Bradenton, Florida, 34208, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cung cấp tài liệu giáo dục liên quan đến chất dinh dưỡng trong hoa quả.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục liên quan đến chất dinh dưỡng trong hoa quả.

---

(111) **4-0099414**
(210) 4-2006-17467
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ĐÔNG Á

(151) 10.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH ĐẠT HƯƠNG (VN) Số 132/75 đường Hồng Hà, lô đền bù Phúc Xá, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Động cơ (ngoại trừ loại dùng cho xe cộ trên bộ).

---

(111) **4-0099415**
(210) 4-2007-03434
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Nugrel Plus

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN) 58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099416**
(210) 4-2007-03435
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Ezevas

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099417**
(210) 4-2006-17033
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Nativina cook
International

(151) 10.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CƠ SỞ HIỆP THÀNH (VN)
25 đường HT 18, tổ 10, Kp 2, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Nồi cơm điện.

---

(111) **4-0099418**
(210) 4-2006-17943
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.1.2; 1.5.1; A1.5.2; 25.7.20
(591) Nâu, vàng, xám, trắng
(731) ĐẶNG MINH THÀNH (VN)
Phòng 32, H2, tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ kinh doanh nước giải khát do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0099419**
(210) 4-2006-18448
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 2.1.22; 2.5.8; A25.1.10
(591) Đỏ, vàng, trắng, hồng, xanh lá cây, xanh lam, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN THĂNG (VN)
547 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương đốt (nhang), ngoài loại dùng để trừ muỗi.

---

(111) **4-0099420**
(210) 4-2006-15420
(181) 14.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 14.09.2006

(531) 7.1.24; 7.3.11; 7.3.12; 26.11.1; A26.11.12
(591) Xanh nước biển, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI SIÊU VIỆT (VN)
Số 28, tổ 22A, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 37: Xây dựng như: xây dựng các quầy hàng trong hội chợ, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; trang trí nội thất.

---

(111) **4-0099421**
(210) 4-2006-14398
(181) 30.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SYSTANE FREE

(151) 10.04.2008
(220) 30.08.2006

(731) ALCON, INC. (CH)
Bosch 69, CH-6331 Hunenberg, Switzerland
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099422**
(210) 4-2006-14399
(181) 30.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ISOPTO CAPRINE

(151) 10.04.2008
(220) 30.08.2006

(731) ALCON. INC. (CH)
Bosch 69, CH-6331 Hunenberg, Switzerland
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099423**
(210) 4-2006-18531
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaViLOXIC

(151) 10.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099424**
(210) 4-2006-18532
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Ubide

(151) 10.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099425**
(210) 4-2006-18533
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Buflome

(151) 10.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099426**
(210) 4-2006-18534
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SaVi Dogrel

(151) 10.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099427**
(210) 4-2006-18743
(181) 02.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THOMAS

(151) 10.04.2008
(220) 02.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG ĐÀ (VN)
27 lô AA19, đường số 4, khu dân cư Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy, má phanh xe máy.

---

(111) **4-0099428**
(210) 4-2007-03436
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Mirazep MD

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099429**
(210) 4-2007-03437
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Fulgest

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099430**
(210) 4-2007-03438
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Tibotone

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099431**
(210) 4-2007-03439
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Sacrolyte

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099432**
(210) 4-2007-05298
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CARGO

(151) 10.04.2008
(220) 29.03.2007

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG SƠN VIỆT (VN)
127 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0099433**
(210) 4-2007-11766
(181) 25.06.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Salustin

(151) 10.04.2008
(220) 25.06.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VELLPHARM VIỆT NAM (VN)
Số 8, đường TS3, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099434**
(210) 4-2007-11769
(181) 25.06.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Glidin

(151) 10.04.2008
(220) 25.06.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VELLPHARM VIỆT NAM (VN)
Số 8, đường TS3, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099435**
(210) 4-2006-18633
(181) 01.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

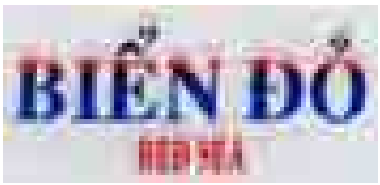

(151) 10.04.2008
(220) 01.11.2006

(591) Đỏ, xanh
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ THANH HOÁ (VN)
Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0099436**
(210) 4-2006-19982
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.1; 26.1.5; A9.1.4
(591) Lam tím, đỏ, trắng
(731) XÍ NGHIỆP DỆT HỒNG QUÂN (VN)
144 phố Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

(511) Nhóm 23: Các loại sợi dùng để dệt.

Nhóm 24: Các sản phẩm khăn bông.

---

(111) **4-0099437**
(210) 4-2007-03455
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

NĂM NHẤT

(151) 10.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯƠNG (VN)
Số 6, ngõ 111 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng cho cơ thể (dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 35: Mua bán: thuốc, dược phẩm, thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng cho cơ thể.

---

(111) **4-0099438**
(210) 4-2007-05370
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALOVOIZ

(151) 10.04.2008
(220) 29.03.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TIN HỌC T.N.B (VN)
206 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thẻ điện thoại; thẻ Internet (tất cả đã được mã hóa).

---

(111) **4-0099439**
(210) 4-2007-05371
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 29.03.2007

(531) 24.5.1
(591) Xanh rêu, đen, trắng, ghi
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TIN HỌC T.N.B (VN)
206 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo thương mại qua mạng Internet; mua bán: linh kiện máy tính, phần mềm máy tính, điện thoại di động, thẻ điện thoại, thẻ Internet.

(111) **4-0099440**
(210) 4-2007-11566
(181) 22.06.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 10.04.2008
(220) 22.06.2007

(531) 26.4.9
(591) Đen, trắng, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHẬT HUY (VN)
Phòng 307, nhà B, ngõ 88, khu tập thể Hồ Quỳnh, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán quặng và các loại khoáng sản; buôn bán bánh kẹo, nông lâm, thuỷ hải sản; buôn bán các loại bao bì, nhãn mác sản phẩm, các sản phẩm dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ; buôn bán các loại thiết bị văn phòng, thiết bị máy móc công, nông, ngư nghiệp, máy xây dựng; buôn bán đồ dùng cá nhân, đồ dùng gia đình, văn phòng phẩm; buôn bán vật liệu xây dựng; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; quảng cáo thương mại; môi giới thương mại; xúc tiến thương mại; buôn bán các loại hoá chất; mua bán các loại hoá chất; mua bán các nguyên phụ liệu và các sản phẩm từ nhựa.

Nhóm 39: Dịch vụ giao nhận, vận tải hàng hoá.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn các loại bao bì, nhãn mác sản phẩm.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ; dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0099441**
(210) 4-2004-12270
(181) 08.11.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 08.11.2004

(531) A1.1.5; A1.1.10
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỢP TÁC ĐẦU TƯ VIỆT NAM VTIC (VN)
Số 14, phố Bát Sứ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Các sản phẩm gỗ như ván sàn, đồ gỗ dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0099442**
(210) 4-2006-20516
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVIGESIC

(151) 11.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099443**
(210) 4-2006-20517
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVIBUTIL

(151) 11.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099444**
(210) 4-2006-20518
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVISOLON

(151) 11.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099445**
(210) 4-2006-20007
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 1.15.23; 15.1.13; 26.11.1
(591) Vàng, đen, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUẠT VIỆT NAM (VN)
Lô B13/1 khu công nghiệp Vĩnh Lộc, đường số 1, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Quạt điện.

---

(111) **4-0099446**
(210) 4-2006-20370
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HUGAFA

(151) 11.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) CƠ SỞ BÙI THỊ KIM PHỤNG (VN)
43 đường 18, KDC Bình Hưng, ấp 2, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Dây đồng hồ xe; cuộn đánh lửa xe máy (mô bin sườn xe máy); cuộn phát điện xe máy (mô bin lửa xe máy).

Nhóm 12: Bộ ly hợp của xe (bố nồi xe); bố phanh xe (bố thắng xe); dây phanh xe (dây thắng xe); dây tay ga xe.

---

(111) **4-0099447**
(210) 4-2006-20473
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ M.V.N (VN)
Lầu 3, số 58 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Màn cửa bằng vải; tấm bọc ghế bằng vải; tấm phủ giường bằng vải; chăn; ga trải giường (drap); áo gối; khăn ăn bằng vải; khăn trải bàn bằng vải; vải dán tường dùng để trang trí.

---

(111) **4-0099448**
(210) 4-2006-20630
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

COLDAREST

(151) 11.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099449**
(210) 4-2006-20631
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ORINSE

(151) 11.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099450**
(210) 4-2006-20632
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OCUDROPS

(151) 11.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099451**
(210) 4-2006-20633
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BONIUM

(151) 11.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099452**
(210) 4-2006-20634
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LUBIGEL

(151) 11.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099453**
(210) 4-2006-20635
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ITCHIBAN

(151) 11.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099454**
(210) 4-2006-20401
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CASERINI

(151) 11.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 26.3.23
(731) THREE RIFLES HOLDINGS PTE LTD (SG)
50 Macpherson Road, # 09-01, Three Rifles Building, Singapore 348471
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Da và giả da, các sản phẩm làm bằng da và giả da, cụ thể là: dây đeo qua vai; ví; ví tiền, ví đựng danh thiếp hoặc chìa khoá, vòng đeo chìa khoá bằng da hoặc giả da, hộp đựng đồ mỹ phẩm làm bằng da hoặc giả da, hộp đựng đồ vệ sinh (rỗng) làm bằng da hoặc giả da, túi, vali, hòm, túi du lịch, cặp da, túi đựng hành lí, cặp đựng tài liệu, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Áo sơ mi, áo T-shirt, quần áo ngủ, quần áo thụng, quần áo lót, cà vạt.

---

(111) **4-0099455**
(210) 4-2006-20404
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 1.15.24
(591) Tím đậm, tím nhạt, trắng, hồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VIETNAMNET (VN)
Số 04 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống; phim trực tuyến có thể tải xuống; thiệp điện tử có thể tải xuống; hình ảnh cho điện thoại di động có thể tải xuống; âm nhạc trực tuyến có thể tải xuống; nhạc chuông cho điện thoại di động có thể tải xuống.

Nhóm 38: Dịch vụ nhắn tin; dịch vụ truyền thông tin và dữ liệu qua mạng thông tin di động đến người sử dụng điện thoại di động; thư điện tử; truyền tin và hình ảnh bằng máy tính; thông tin bằng máy tính điện tử; phát chương trình truyền hình; hãng thông tấn.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; cung cấp các xuất bản phẩm điện tử trực tuyến không thể tải xuống; dịch vụ xổ số; cung cấp các bản nhạc qua mạng Internet; tổ chức các trò chơi trúng thưởng qua Internet, điện thoại di động, báo chí, truyền hình; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; sản xuất phim; dịch vụ giáo dục đào tạo; tổ chức thi đấu thể thao; tổ chức cuộc thi về giáo dục hoặc giải trí; tổ chức triển lãm nhằm mục đích văn hoá giáo dục; tổ chức và điều khiển hội thảo.

(111) **4-0099456**
(210) 4-2006-20405
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) A26.11.12; 26.13.1; 5.3.20
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VIETNAMNET (VN)
Số 04 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống; phim trực tuyến có thể tải xuống; thiệp điện tử có thể tải xuống; hình ảnh cho điện thoại di động có thể tải xuống; âm nhạc trực tuyến có thể tải xuống; nhạc chuông cho điện thoại di động có thể tải xuống.

Nhóm 38: Dịch vụ nhắn tin; dịch vụ truyền thông tin và dữ liệu qua mạng thông tin di động đến người sử dụng điện thoại di động; thư điện tử; truyền tin và hình ảnh bằng máy tính; thông tin bằng máy tính điện tử; phát chương trình truyền hình; hãng thông tấn.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; cung cấp các xuất bản phẩm điện tử trực tuyến không thể tải xuống; dịch vụ xổ số; cung cấp các bản nhạc qua mạng Internet; tổ chức các trò chơi trúng thưởng qua Internet, điện thoại di động, báo chí, truyền hình; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; sản xuất phim; dịch vụ giáo dục đào tạo; tổ chức thi đấu thể thao; tổ chức cuộc thi về giáo dục hoặc giải trí; tổ chức triển lãm nhằm mục đích văn hoá giáo dục; tổ chức và điều khiển hội thảo.

---

(111) **4-0099457**
(210) 4-2007-03433
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Minolox

(151) 11.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099458**
(210) 4-2006-20416
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIỆT ANH

(151) 11.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT (VN)
Tổ 6, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Tư vấn Sao Việt (SAOVIET.,JSC)

(511) Nhóm 30: Cơm hộp (đã chế biến).

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước uống đóng chai, nước hoa quả.

---

(111) **4-0099459**
(210) 4-2007-03241
(181) 23.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 23.02.2007

(531) 1.15.15; A1.1.10; 26.3.23; 26.7.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾN TRUNG (VN)
Khu Tử Lạc, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 12: Tàu sông, tàu biển; ca nô; tàu thuỷ cao tốc.

Nhóm 37: Thi công công trình giao thông, thuỷ lợi, công nghiệp và dân dụng; dịch vụ sửa chữa tàu sông, tàu biển; san lấp mặt bằng công trình.

---

(111) **4-0099460**
(210) 4-2006-19928
(181) 17.11.2016
(300) 005333191 06.09.2006 EM
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 25.1.25
(731) PALMERSTON LIMITED (GB)
2nd Floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle Of Man, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ điện, điện tử để xử lý, đăng nhập, lưu trữ, truyền, hiển thị, nhận, nhập, xuất hoặc in ra dữ liệu không hình ảnh hoặc dữ liệu đồ thị; thiết bị và dụng cụ điện và điện tử để tái tạo, lưu giữ, hiển thị dữ liệu hoặc tín hiệu; thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh, quay phim, quang học, báo hiệu, kiểm tra (giám sát) và giảng dạy; thiết bị viễn thông; thiết bị và dụng cụ thông tin liên lạc; điện thoại di động, giá để điện thoại di động, tai nghe điện thoại; thiết bị và dụng cụ truyền hình; thiết bị điện tử để nhận các tín hiệu truyền hình và tín hiệu mạng thông tin toàn cầu và truyền các tín hiệu đó tới thiết bị vô tuyến truyền hình hoặc các thiết bị hiển thị khác; thẻ mạch thông minh, thẻ đã được mã hoá, thẻ dữ liệu, thẻ nhớ điện tử, thẻ điện thoại; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh, dữ liệu; dữ liệu có thể tải xuống được bao gồm xuất bản phẩm, tạp chí, nhạc, phim, hình ảnh động, nhạc chuông điện thoại, ảnh nền và trò chơi.

Nhóm 35: Quảng cáo và xúc tiến thương mại; cho thuê không gian quảng cáo; biên soạn quảng cáo để sử dụng như trang web trên internet; phổ biến tài liệu quảng cáo; dịch vụ cung cấp thông tin thương mại; dịch vụ bán đấu giá; giới thiệu các loại sản phẩm vì lợi ích của người khác để khách hàng dễ xem xét và mua các sản phẩm từ một trang web bán hàng trên internet; tư vấn và giúp đỡ trong việc lựa chọn sản phẩm và dịch vụ; dịch vụ trung gian để đưa khách hàng và/hoặc người mua và người bán lại gần với nhau; cung cấp dịch vụ qua mạng viễn thông, qua đó người sử dụng nhập dữ liệu vào điện thoại di động hoặc mạng máy tính hoặc thiết bị điện tử khác để đặt mua, nhận và thanh toán cho các thông tin, sản phẩm hoặc dịch vụ; tổ chức các hoạt động quảng cáo xúc tiến bán hàng qua các phương tiện thông tin đại chúng; cung cấp các thông tin liên quan đến các dịch vụ nêu trên, tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ trên cũng được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 36: Tính hoá đơn cho các dịch vụ có giá trị, được thực hiện bởi mạng viễn thông, bao gồm việc xử lý và phát hành hoá đơn; dịch vụ cho phép thanh toán qua mạng điện thoại quay số; dịch vụ thanh toán từ xa; điều hành giao dịch tài chính và tiền tệ; dịch vụ tài chính; dịch vụ thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ xác nhận thanh toán, thẻ dự trữ; dịch vụ phát hành thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ xác nhận thanh toán, thẻ dự trữ, thẻ điện thoại; dịch vụ bảo hiểm; cung cấp dịch vụ bảo đảm tài chính (bảo lãnh tài chính); dịch vụ phát hành thương phiếu, phiếu và hoá đơn có giá trị; dịch vụ chuyển tiền; dịch vụ chuyển tiền bằng điện tử; dịch vụ thanh toán, dịch vụ thanh toán trước; lập quỹ từ thiện; tài trợ tài chính cho các cuộc thi; cung cấp các thông tin liên quan đến các dịch vụ nêu trên, tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ trên cũng được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên Internet.

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông; dịch vụ phát thanh và truyền hình; truyền phát tin điện tử và truyền phát viễn thông; truyền các tệp tin dữ liệu, tin nhắn, hình ảnh, âm thanh, giọng nói, văn bản, âm thanh, hình ảnh động và các liên lạc điện tử, và dữ liệu và thông tin bằng các thiết bị điện tử, máy tính, cáp, sóng vô tuyến, máy nhắn tin bằng tín hiệu vô tuyến, máy điện báo in chữ, máy gửi tín hiệu hoặc tin nhắn bằng cách sử dụng tín hiệu điện tín, thư điện tử, máy fax, sóng truyền hình, sóng viba, tia laze, vệ tinh liên lạc, hệ thống liên lạc kết nối với nhau qua dải tần sóng viba, các phương tiện mặt đất, hệ thống liên lạc bằng cáp, hệ thống kết nối không dây hoặc có dây; cung cấp văn bản, dữ liệu, tranh, hình ảnh, hình ảnh động, và tin nhắn bằng các thiết bị viễn thông bao gồm điện thoại di động, máy tính, máy trợ giúp cá nhân kỹ thuật số, sóng truyền hình và sóng phát thanh; dịch vụ tư vấn liên quan đến truyền phát dữ liệu; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ thông tin liên lạc liên quan đến internet; truyền thông thông tin (bao gồm cả các trang web), các chương trình và dữ liệu máy tính; cung cấp dịch vụ truy cập internet cho người sử dụng (nhà cung cấp dịch vụ); cung cấp kết nối viễn thông tới Internet hoặc tới các cơ sở dữ liệu; dịch vụ cung cấp thông tin dưới dạng chữ qua sóng truyền hình; cung cấp dịch vụ truy cập viễn thông; dịch vụ tương tác cho người xem truyền hình, bao gồm truy cập từ xa để xem hướng dẫn, lựa chọn chương trình và ghi chương trình; cung cấp dịch vụ truy cập Internet; cung cấp dịch vụ truy cập đến các địa chỉ trên mạng thông tin điện tử; dịch vụ cung cấp thông tin chuyên biệt cho một nhóm người dùng xác định; dịch vụ cổng thông tin Internet; cung cấp dịch vụ truy cập đến cơ sở dữ liệu hoặc trang web đã được lựa chọn; cung cấp bảng thông tin tương tác trực tuyến; cung cấp hệ thống điện thoại di động điện tử; cung cấp phòng trò chuyện trên mạng internet; tư vấn, cung cấp thông tin và cố vấn cho các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu của máy tính hay trên Internet.

Nhóm 41: Giải trí, giải trí với truyền hình; dịch vụ giáo dục và giải trí, thể thao và tiêu khiển bằng cách là lập kế hoạch, sản xuất và phân phối các chương trình nghe, nhìn, hoặc phối hợp cả nghe và nhìn để truyền phát bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, internet, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp thông tin liên quan đến chương trình phát thanh và truyền hình, giải trí, âm nhạc, thể thao và tiêu khiển, thông tin liên quan đến giải trí hoặc giáo dục được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu của máy tính, hoặc trên Internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; dịch vụ trò chơi điện tử được cung cấp qua Internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, dịch vụ ghi chương trình truyền hình; cung cấp các xuất bản điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được); xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; dịch vụ chỗ bán vé cho mục đích giáo dục hoặc giải trí; dịch vụ phát vé và đặt mua vé cho mục đích giáo dục hoặc giải trí; dịch vụ trò chơi, cá cược, xổ số và dịch vụ trò đánh bạc; dịch vụ thông tin và tư vấn liên quan đến giáo dục và giải trí; dịch vụ thông tin tin tức và thời sự; tổ chức và điều khiển hội nghị, triển lãm cho mục đích giáo dục và văn hoá, cuộc thi và cuộc thi đố; tổ chức triển lãm văn hoá hoặc giáo dục; tổ chức và bảo trợ các cuộc thi; tổ chức hội thảo, tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; đào tạo; xuất bản sách và văn bản; cung cấp trực tuyến các từ điển, từ điển chuyên ngành điện tử, sách hướng dẫn về nhà hàng và khách sạn (không thể tải xuống được); cung cấp thông tin liên quan đến các dịch vụ nêu trên, tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên Internet.

Nhóm 42: Dịch vụ lưu trữ trang web; dịch vụ tập hợp các trang web theo các tiêu chí đã định trước để sử dụng như nguồn thông tin; tạo ra và duy trì trang web; dịch vụ lưu trữ các

trang web cho bên thứ ba; cung cấp và điều hành chương trình được thiết kế để tra cứu các thông tin được lưu trữ trên hệ thống máy tính; cung cấp thông tin liên quan đến các dịch vụ nêu trên, tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên Internet.

---

(111) **4-0099461**
(210) 4-2005-08265
(181) 06.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 06.07.2005

(531) 1.17.11; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN ĐƯỜNG (VN)
Xóm Tháp, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm đã được chế biến.

Nhóm 31: Cá, gia cầm (còn sống).

Nhóm 35: Nhập khẩu và buôn bán dược phẩm.

---

(111) **4-0099462**
(210) 4-2006-13234
(181) 11.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 11.08.2006

(531) 1.5.1; 15.7.1
(591) Xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SẢN PHẨM CƠ KHÍ (MECANIMEX CO., LTD.) (VN)
37 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Bu lông kim loại; gu giông kim loại; đai ốc kim loại; vòng đệm kim loại; đinh vít kim loại; hàng ngũ kim bằng kim loại.

Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; dịch vụ mua bán hàng hoá; dịch vụ đại lý ký gửi hàng hoá; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm; dịch vụ quảng cáo và giới thiệu sản phẩm.

Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê văn phòng, dịch vụ cho thuê nhà lâu dài.

Nhóm 39: Dịch vụ cho thuê kho bãi.

(111) **4-0099463**
(210) 4-2007-00896
(181) 12.01.2017
(300) 2006-99175 25.10.2006 JP
(450) 26.05.2008 242
(540)

Pala-chan

(151) 11.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) KABUSHIKI KAISHA TOSHIBA also trading as TOSHIBA CORPORATION (JP)
1 - 1, Shibaura 1 - chome, Minato - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Máy tính cá nhân; ổ đĩa quang học dùng cho máy tính cá nhân; ổ đĩa cứng dùng cho máy tính cá nhân; bộ nhớ cực nhanh của thiết bị lưu trữ dữ liệu di động của máy tính; thẻ nhớ kỹ thuật số dùng để bảo mật dữ liệu của máy tính; con chuột của máy vi tính; máy nghe nhạc; phần mềm máy tính dùng để phụ trợ cho màn hình nền (máy tính), dùng cho ảnh nền (trên máy tính), dùng cho biểu tượng nền trên máy tính và dùng cho chương trình bảo vệ màn hình; đĩa compắc dùng để ghi âm thanh và hình ảnh; đĩa đa năng kỹ thuật số dùng để ghi âm thanh và hình ảnh; máy ghi âm thanh hoặc hình ảnh; máy tính điện tử để bàn; miếng đệm lót con chuột máy tính được sử dụng với máy tính; dây đeo dùng cho điện thoại di động (là bộ phận gắn liền với điện thoại di động); dây của thanh dụng cụ làm sạch màn hình của điện thoại di động (là bộ phận gắn liền với điện thoại di động).

(111) **4-0099464**
(210) 4-2007-00897
(181) 12.01.2017
(300) 2006-99174 25.10.2006 JP
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 12.01.2007

(531) 3.9.1; A3.9.24; 26.4.2
(731) KABUSHIKI KAISHA TOSHIBA also trading as TOSHIBA CORPORATION (JP)
1 - 1, Shibaura 1 - chome, Minato - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Máy tính cá nhân; ổ đĩa quang học dùng cho máy tính cá nhân; ổ đĩa cứng dùng cho máy tính cá nhân; bộ nhớ cực nhanh của thiết bị lưu trữ dữ liệu di động của máy tính; thẻ nhớ kỹ thuật số dùng để bảo mật dữ liệu của máy tính; con chuột của máy vi tính; máy nghe nhạc; phần mềm máy tính dùng để phụ trợ cho màn hình nền (máy tính), dùng cho ảnh nền (trên máy tính), dùng cho biểu tượng nền trên máy tính và dùng cho chương trình bảo vệ màn hình; đĩa compắc dùng để ghi âm thanh và hình ảnh; đĩa đa năng kỹ thuật số dùng để ghi âm thanh và hình ảnh; máy ghi âm thanh hoặc hình ảnh; máy tính điện tử để bàn; miếng đệm lót con chuột máy tính được sử dụng với máy tính; dây đeo dùng cho điện thoại di động (là bộ phận gắn liền với điện thoại di động); dây của thanh dụng cụ làm sạch màn hình của điện thoại di động (là bộ phận gắn liền với điện thoại di động).

---

(111) **4-0099465**
(210) 4-2007-00286
(181) 04.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 04.01.2007

(531) 24.17.5
(591) Xanh dương, xanh dương đậm, nâu, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG THỰC PHẨM VÀNG (VN)
Lầu 6, toà nhà số 22-22 bis Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm từ sữa.

---

(111) **4-0099466**
(210) 4-2007-01990
(181) 29.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

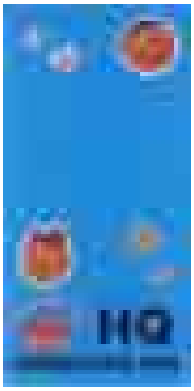

(151) 11.04.2008
(220) 29.01.2007

(531) 2.9.1; 4.5.2; 4.5.3; 24.9.1
(591) Trắng, đen, hồng, xanh da trời, đỏ, da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT HOÀNG QUAN (VN)
2967 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bút xóa, băng xóa dùng trong văn phòng.

---

(111) **4-0099467**
(210) 4-2006-03853
(181) 25.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 25.05.2006

(531) 26.4.3; A1.1.10; 26.1.2; 25.7.15
(731) CÔNG TY TNHH NỘI THẤT ĐẠI DƯƠNG (VN)
Số 9, khu tập thể Công An thành phố Hà Nội, đường Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán bàn ghế, giường tủ, rèm, thảm, tấm vách ngăn, sàn gỗ.

---

(111) **4-0099468**
(210) 4-2006-17930
(181) 24.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAWAN

(151) 11.04.2008
(220) 24.10.2006

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 29: Đồ ăn nhẹ dùng để ăn liền được chế biến chủ yếu từ khoai tây, quả hạch, sản phẩm từ quả hạch, hạt, các nguyên liệu từ rau hoặc quả khác hoặc được kết hợp từ những nguyên liệu này bao gồm khoai tây rán, khoai tây chiên giòn, khoai sọ rán, đồ ăn nhẹ từ thịt lợn, đồ ăn nhẹ từ thịt bò, đồ ăn nhẹ làm từ đậu nành.

Nhóm 30: Đồ ăn nhẹ dùng để ăn liền được chế biến chủ yếu từ lúa, ngô, ngũ cốc, các loại rau quả khác hoặc được kết hợp từ các nguyên liệu này bao gồm lát mỏng bánh làm từ ngô, bánh ngô, lát mỏng bánh mỳ ổ dẹp, lát mỏng bánh bột gạo, bánh làm từ bột gạo, bánh quy giòn làm từ bột gạo, bánh quy giòn, bánh quy cây, bánh xốp ăn nhẹ, bỏng ngô; bỏng ngô và mứt lạc, nước xốt để chấm đồ ăn nhẹ, nước xốt salsa có gia vị, ớt khô, đồ ăn nhẹ dưới dạng thanh, bánh quy, bánh ngọt, bánh bao, bánh sừng bò, sản phẩm làm từ bánh mỳ.

---

(111) **4-0099469**
(210) 4-2007-00677
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

THOẠI

(151) 11.04.2008
(220) 09.01.2007

(591) Xanh dương
(731) NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN (VN)
40-42 Rạch Bùng Binh, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 44: Dịch vụ làm đẹp.

---

(111) **4-0099470**
(210) 4-2007-00713
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 10.01.2007

(531) 26.3.1
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ĐỨC QUANG (VN)
P406A, M3M4 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 45: Dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực tố tụng; dịch vụ tư vấn pháp luật; dịch vụ pháp lý khác.

---

(111) **4-0099471**
(210) 4-2007-00716
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TB
Tung Bach

(151) 11.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DỆT MAY TÙNG BÁCH (VN)
Đội 4, thôn Thượng, Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Tây

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán quần áo các loại.

---

(111) **4-0099472**
(210) 4-2007-00733
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ESPOLEX

(151) 11.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)
27-1, Shinkawa 2-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Chất dẻo ở dạng thô; nhựa tổng hợp ở dạng thô.

---

(111) **4-0099473**
(210) 4-2007-02173
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

HÒA HÒA

(151) 11.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) TRẦN VĂN NGHỊ (VN)
81 Phạm Văn Ký, khóm 5, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: thuốc bắc, dược liệu, thành phẩm đông dược.

---

(111) **4-0099474**
(210) 4-2007-02175
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRẦN DIỆU HỶ

(151) 11.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) TRẦN NGỌC THANH (VN)
40/5 Thoại Ngọc Hầu, Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0099475**
(210) 4-2007-02176
(181) 30.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TIẾN AN

(151) 11.04.2008
(220) 30.01.2007

(731) HÀ NGỌC KỶ (VN)
26 Nguyễn Trãi, Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Giày, dép.

Nhóm 35: Mua bán giày dép.

---

(111) **4-0099476**
(210) 4-2007-02235
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 11.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (VN)
A6 lô 12 khu ĐTM Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm mỹ phẩm, nước thơm xịt phòng, xà bông, sữa tắm, kem dưỡng da, thuốc đánh răng, nước súc miệng, nước hoa, dầu gội đầu, dầu xả.

Nhóm 21: Bàn chải răng.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm hoá mỹ phẩm (sữa tắm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, dầu xả, xà phòng, nước hoa xịt phòng, dầu thơm phòng), sản phẩm chăm sóc răng miệng (bàn chải răng, kem đánh răng, nước súc miệng, chỉ nha khoa), sản phẩm bánh kẹo, nước giải khát; dịch vụ đại lý và phân phối các sản phẩm trên.

---

(111) **4-0099477**
(210) 4-2007-02236
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MACKAY

(151) 11.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (VN)
A6 lô 12 khu ĐTM Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm mỹ phẩm, nước thơm xịt phòng, xà bông, sữa tắm, kem dưỡng da, thuốc đánh răng, nước súc miệng, nước hoa, dầu gội đầu, dầu xả.

Nhóm 21: Bàn chải răng.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm hoá mỹ phẩm (sữa tắm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, dầu xả, xà phòng, nước hoa xịt phòng, dầu thơm phòng), sản phẩm chăm sóc răng miệng (bàn chải răng, kem đánh răng, nước súc miệng, chỉ nha khoa), sản phẩm bánh kẹo, nước giải khát; dịch vụ đại lý và phân phối các sản phẩm trên.

---

(111) **4-0099478**
(210) 4-2007-02237
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

MACKAY-GI

(151) 11.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (VN)
A6 lô 12 khu ĐTM Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm mỹ phẩm, nước thơm xịt phòng, xà bông, sữa tắm, kem dưỡng da, thuốc đánh răng, nước súc miệng, nước hoa, dầu gội đầu, dầu xả.

Nhóm 21: Bàn chải răng.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm hoá mỹ phẩm (sữa tắm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, dầu xả, xà phòng, nước hoa xịt phòng, dầu thơm phòng), sản phẩm chăm sóc răng miệng (bàn chải răng, kem đánh răng, nước súc miệng, chỉ nha khoa), sản phẩm bánh kẹo, nước giải khát; dịch vụ đại lý và phân phối các sản phẩm trên.

---

(111) **4-0099479**
(210) 4-2007-02238
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KAMFOX

(151) 11.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (VN)
A6 lô 12 khu ĐTM Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm mỹ phẩm, nước thơm xịt phòng, xà bông, sữa tắm, kem dưỡng da, thuốc đánh răng, nước súc miệng, nước hoa, dầu gội đầu, dầu xả.

Nhóm 21: Bàn chải răng.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm hoá mỹ phẩm (sữa tắm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, dầu xả, xà phòng, nước hoa xịt phòng, dầu thơm phòng), sản phẩm chăm sóc răng miệng (bàn chải răng, kem đánh răng, nước súc miệng, chỉ nha khoa), sản phẩm bánh kẹo, nước giải khát; dịch vụ đại lý và phân phối các sản phẩm trên.

---

(111) **4-0099480**
(210) 4-2007-02279
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DICLOTIDASE

(151) 11.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
E2, phố Trung Kính, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099481**
(210) 4-2006-08512
(181) 02.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FZ
FORZA

(151) 14.04.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH KIM THUỶ (VN)
805 lô B cao ốc 44, Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 28: Dụng cụ thể thao thuộc nhóm này cụ thể là: vợt cầu lông, vợt tennit, cán vợt và dây vợt cầu lông.

---

(111) **4-0099482**
(210) 4-2006-21119
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 7.1.5; 26.1.2; 26.4.2
(591) Xanh, đỏ, đen, vàng, đen sẫm
(731) TRẦN THỊ MINH TÂM (VN)
Số nhà 02, ngõ 43, phố Võng Thị, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quán cà phê.

---

(111) **4-0099483**
(210) 4-2006-19388
(181) 10.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MIXREAM

(151) 14.04.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ẤN VIỆT (VN)
A9-02 chung cư Conic - Đình Khiêm, đường Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099484**
(210) 4-2006-21181
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TITAMED

(151) 14.04.2008
(220) 04.12.2006

(731) VIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ (VN)
25 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 10: Nẹp vít xương dùng trong phẫu thuật y tế.

---

(111) **4-0099485**
(210) 4-2006-22827
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DH-Rosiformin

(151) 14.04.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099486**
(210) 4-2006-22828
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EFFERHASAN

(151) 14.04.2008
(220) 27.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099487**
(210) 4-2006-18396
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Joson-Care

(151) 14.04.2008
(220) 30.10.2006

(531) A5.5.21; 1.15.23
(591) Xanh lá cây, đỏ cam, xanh dương đậm, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG KY (VN)
Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 20: Giường trong bệnh viện.

---

(111) **4-0099488**
(210) 4-2006-21162
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEGA - DUCT

(151) 14.04.2008
(220) 04.12.2006

(531) 26.4.1; A26.4.18
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT MINH GIAO (VN)
201 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hệ thống thanh dẫn điện.

---

(111) **4-0099489**
(210) 4-2006-21446
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LAP-BAND

(151) 14.04.2008
(220) 07.12.2006

(731) ALLERGAN, INC. (US)
2525 Dupont Drive, Irvine, California 92612, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 10: Vòng đai thắt dạ dày dùng trong việc điều trị bệnh béo phì bằng phương pháp ngăn một phần dạ dày bằng nội soi.

---

(111) **4-0099490**
(210) 4-2006-21447
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DISCOVER MORE

(151) 14.04.2008
(220) 07.12.2006

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại nước uống không có cồn khác; nước trái cây và nước ép hoa quả; xi rô và các chế phẩm làm đồ uống.

---

(111) **4-0099491**
(210) 4-2006-22695
(181) 25.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 25.12.2006

(531) 26.4.2
(591) Đỏ đun, trắng, đen
(731) THỜI BÁO TÀI CHÍNH VIỆT NAM (VN)
34 phố Tuệ Tĩnh, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Tạp chí định kỳ.

Nhóm 35: Quảng cáo.

Nhóm 36: Thông tin tài chính.

---

(111) **4-0099492**
(210) 4-2006-13669
(181) 18.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 18.08.2006

(531) 26.3.23
(591) Đen, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM HƯNG (VN)
Số 7, phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư INDOCHINA (VPLS INDOCHINA)

(511) Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản.

---

(111) **4-0099493**
(210) 4-2006-21102
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 3.7.4
(591) Đen, trắng, xám, đỏ, xanh lá cây, xanh nước biển, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO (VN)
212/23A Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 21: Giá treo khăn tắm; giá treo khăn mặt; giá treo quần áo (giá hong quần áo cho khô); đĩa đựng xà phòng; hộp đựng giấy vệ sinh.

---

(111) **4-0099494**
(210) 4-2006-21103
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.1.1; A26.3.5; A25.7.21; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VĨNH HUÊ (VN)
66/5 quốc lộ 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Ván sàn bằng tre.

---

(111) **4-0099495**
(210) 4-2006-21286
(181) 05.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 05.12.2006

(531) A26.11.8
(591) Trắng, hồng tươi
(731) CỬA HÀNG ĐẬU ĐỎ (VN)
233D Lê Văn Sỹ, phường 14, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng may mặc, thời trang trẻ em, đầm bầu.

---

(111) **4-0099496**
(210) 4-2006-21329
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.4.1; 5.5.12; 8.3.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VN)
36-38 Ngô Đức Kế, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm làm từ sữa; sữa chua.

Nhóm 30: Bánh ngọt; cacao; kem lạnh; bánh Flan; bột dinh dưỡng (làm từ ngũ cốc).

Nhóm 32: Nước ép trái cây; sữa đậu nành; nước giải khát có gas và không gas; nước giải khát không cồn; nước uống từ quả.

---

(111) **4-0099497**
(210) 4-2006-18600
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MediGlyared 80

(151) 14.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099498**
(210) 4-2006-18867
(181) 03.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 03.11.2006

(531) 26.11.3; A26.11.8
(591) Đỏ tươi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG GIANG (VN)
Khu công nghiệp phố Nối A, Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 09: Dây và cáp điện, các khí cụ điện (phích cắm, ổ cắm, công tắc).

---

(111) **4-0099499**
(210) 4-2006-21139
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 04.12.2006

(531) 7.1.5; A7.1.12; 1.5.1
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU ĐẦU TƯ HÀ NỘI (VN)
41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Xuất nhập khẩu nông lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ, phương tiện giao thông vận tải, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hàng tiêu dùng.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện, nước, thang máy, điều hoà không khí, hệ thống kho lạnh.

Nhóm 43: Khách sạn.

---

(111) **4-0099500**
(210) 4-2006-06396
(181) 25.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) SHINAGAWOA
ELECTRONIC

(151) 14.04.2008
(220) 25.04.2006

(731) NGUYỄN VIỆT CƯƠNG (VN)
Số 4 tập thể Bà Triệu, phường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 09: Ti vi, đầu đĩa, loa, amply, máy vi tính, bàn là điện.

Nhóm 11: Thiết bị điều hoà không khí; lò vi sóng; bình nước nóng (dùng điện hoặc gas); ấm đun nước dùng điện; tủ lạnh.

---

(111) **4-0099501**
(210) 4-2006-21810
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 13.12.2006

(531) A5.5.21
(731) SHANDONG DONG-E E-JIAO CO., LTD. (CN)
78. E-Jiao Street, Dong-E County, Shandong, 252201, China
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Chất chiết ra từ da con lừa làm thức ăn bổ dưỡng (không dùng trong ngành y); chất chiết ra từ da con lừa làm thức ăn bổ dưỡng dưới dạng lỏng (không dùng trong ngành y); chất chiết ra từ da động vật dùng làm thức ăn bổ dưỡng (không dùng trong ngành y); chất chiết ra từ chất lỏng dưới da động vật dùng làm thức ăn bổ dưỡng (không dùng trong ngành y); chất chiết ra từ chất lỏng dưới da con lừa làm thức ăn bổ dưỡng (không dùng trong ngành y); hoa quả chế biến nghiền thành bột; mứt quả; thạch làm từ hoa quả; chất keo trong trái cây dùng làm món ăn; chất đạm làm thực phẩm cho người.

---

(111) **4-0099502**
(210) 4-2006-21528
(181) 08.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.4.2; 26.4.9; 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MAI CƯỜNG (VN)
Ngõ 129 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Tấm lợp composite; tấm lợp nhựa; ván má dùng cho mái vòm; tấm vật liệu nhiều lớp (không bằng kim loại); tấm vách ngoài (không bằng kim loại); máng hứng nước mưa (không bằng kim loại).

---

(111) **4-0099503**
(210) 4-2006-21584
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.4.1; 26.1.2; 5.5.16; 5.9.14; A5.3.15
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, trắng, đỏ, đen, vàng
(731) CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HƯƠNG SEN (VN)
Số 18, phố Trần Thái Tông, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước ngọt có gas; nước ép trái cây; đồ uống không chứa cồn; bia; nước khoáng; trà bí đao (đồ uống làm từ bí đao, không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099504**
(210) 4-2006-21585
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.4.1; A5.7.22; 5.7.11
(591) Vàng, đỏ, trắng, da cam, xanh lá cây, xanh dương
(731) CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HƯƠNG SEN (VN)
Số 18, phố Trần Thái Tông, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước ngọt có gas; nước ép trái cây; đồ uống không chứa cồn; bia; nước khoáng.

---

(111) **4-0099505**
(210) 4-2006-21645
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.1
(731) SHANDONG GAOTIAN INDUSTRY CO., LTD. (CN)
8 Chuangye Street, Gaomi City, Shandong Province, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Van săm xe cộ; van săm xe đạp; van săm xe mô tô.

---

(111) **4-0099506**
(210) 4-2005-15543
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 26.4.1; A26.11.12
(731) URETEK WORLDWIDE OY (FI)
Hatanpaan valtatie 24, FI-33100 Tampere, Finland
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng; bảo dưỡng và sửa chữa; dịch vụ lắp đặt.

---

(111) **4-0099507**
(210) 4-2005-15637
(181) 18.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 18.11.2005

(531) A26.11.12; 26.1.2
(591) Đen, trắng, đỏ thẫm, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIỆN HÀ (VN)
5 Hàn Thuyên, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống (do nhà hàng cung cấp).

---

(111) **4-0099508**
(210) 4-2006-21690
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 12.12.2006

(531) A5.5.22
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)
152 Trần Phú, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0099509**
(210) 4-2006-22104
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 18.12.2006

(531) 4.3.20; 3.7.21; 26.3.23; 3.7.17; 3.7.16
(731) NGUYỄN THỊ KIM THANH (VN)
41/22 đường số 9, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Hàng thủ công, mỹ nghệ, cụ thể như: tranh, khung tranh, con giống, vật trang trí gắn vào tường (tất cả đều được làm bằng gáo dừa và những phụ phẩm của dừa); bàn ghế, đồ trang trí nội thất từ gáo dừa.

(111) **4-0099510**
(210) 4-2006-22427
(181) 21.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 21.12.2006

(531) 26.7.25; 26.4.3; 3.7.17; A26.4.6
(591) Đỏ, xanh dương, trắng, vàng, xanh lá cây
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ BÍCH NGỌC (VN)
20 Tân Phước, Bình Tân, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099511**
(210) 4-2006-22428
(181) 21.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 21.12.2006

(531) 18.3.2; 26.4.2; 26.1.2; 26.7.25; 26.4.3; 3.7.17; 1.17.11
(591) Đỏ, xanh dương, trắng, vàng, vàng nhạt, đen, xanh lá cây
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ BÍCH NGỌC (VN)
20 Tân Phước, Bình Tân, phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099512**
(210) 4-2006-21448
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EXPERIENCE MORE

(151) 14.04.2008
(220) 07.12.2006

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại nước uống không có cồn khác; nước trái cây và nước ép hoa quả; xi rô và các chế phẩm làm đồ uống.

---

(111) **4-0099513**
(210) 4-2006-21449
(181) 07.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EXPLORE MORE

(151) 14.04.2008
(220) 07.12.2006

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại nước uống không có cồn khác; nước trái cây và nước ép hoa quả; xi rô và các chế phẩm làm đồ uống.

---

(111) **4-0099514**
(210) 4-2005-15550
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 5.7.4
(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT GIỐNG NGÔ SÔNG BÔI (VN)
Xã Phú Thành, huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hoà Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Giống cây trồng, giống vật nuôi.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: giống cây trồng, giống vật nuôi.

---

(111) **4-0099515**
(210) 4-2005-15551
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

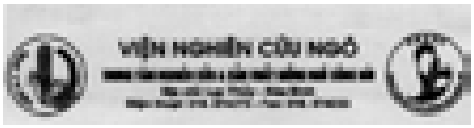

(151) 14.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 5.7.3; 5.7.4; 26.1.1
(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT GIỐNG NGÔ SÔNG BÔI (VN)
Xã Phú Thành, huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hoà Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Giống cây trồng, giống vật nuôi.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: giống cây trồng, giống vật nuôi.

---

(111) **4-0099516**
(210) 4-2005-15646
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) 1.15.15; 3.7.17; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI LAN (VN)
51B Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa.

Nhóm 30: Bánh, kẹo.

Nhóm 32: Nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn, nước ép bí đao, sữa đậu nành giải khát.

Nhóm 33: Rượu trắng, rượu màu.

---

(111) **4-0099517**
(210) 4-2006-21624
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAPPHIRE-JOY

(151) 14.04.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TIẾN LỘC (VN)
237 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, phụ tùng xe máy như: yếm xe, vành xe, mặt nạ xe, tấm ốp sườn xe.

---

(111) **4-0099518**
(210) 4-2005-15667
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINATEX
FASHION

(151) 14.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) 9.1.10; 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY KINH DOANH HÀNG THỜI TRANG VIỆT NAM (VINATEX FASHION COMPANY) (VN)
Số 10 Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng dệt may thời trang, hàng công nghệ thực phẩm, hàng nông lâm hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị văn phòng, vật liệu điện, điện tử, cao su và hàng công nghiệp tiêu dùng khác.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng; đầu tư vốn trong lĩnh vực xây dựng siêu thị.

Nhóm 39: Kho vận.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí; trò chơi điện tử, bowling, bida, bóng bàn và các trò chơi khác phục vụ thiếu nhi.

Nhóm 43: Dịch vụ: ăn uống bình dân.

Nhóm 45: Dịch vụ trông giữ xe.

---

(111) **4-0099519**
(210) 4-2005-15668
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 21.11.2005

(531) 9.1.10; 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh dương
(731) CÔNG TY KINH DOANH HÀNG THỜI TRANG VIỆT NAM (VINATEX FASHION COMPANY) (VN)
Số 10 Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng dệt may thời trang; hàng công nghệ thực phẩm, hàng nông lâm hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị văn phòng, vật liệu điện, điện tử, cao su và hàng công nghiệp tiêu dùng khác.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng; đầu tư vốn trong lĩnh vực xây dựng siêu thị.

Nhóm 39: Kho vận.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí, trò chơi điện tử, bowling, bida, bóng bàn và các trò chơi khác phục vụ thiếu nhi.

Nhóm 43: Dịch vụ: ăn uống bình dân.

Nhóm 45: Dịch vụ trông giữ xe.

---

(111) **4-0099520**
(210) 4-2005-15876
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 24.11.2005

(531) 26.4.1
(731) NGUYỄN MẠNH TƯỜNG (VN)
Số 31, ngõ 243, đường Nguyễn Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện tử nghe nhìn như: loa, âm li, ti vi, đầu thu phát băng, đĩa, băng, đĩa.

Nhóm 35: Mua bán thiết bị điện tử nghe nhìn như: loa, âm li, ti vi, đầu thu phát băng, đĩa, băng, đĩa.

---

(111) **4-0099521**
(210) 4-2005-08904
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOÀNG PHÚC

HOANGPHUC JSC

(151) 14.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG PHÚC (VN)
171 - 173 Ông ích Khiêm, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc, dược phẩm, dụng cụ y tế thông thường, vaccine.

---

(111) **4-0099522**
(210) 4-2005-10474
(181) 17.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 17.08.2005

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, vàng
(731) CƠ SỞ THÁI HỚN QUANG (VN)
ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh in (một loại bánh ngọt).

---

(111) **4-0099523**
(210) 4-2005-10968
(181) 26.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 26.08.2005

(531) A11.3.7; 26.1.1
(591) Đen, trắng, ghi
(731) NGUYỄN THANH BẢO NGỌC (VN)
93 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống (hủ tiếu Nam Vang).

---

(111) **4-0099524**
(210) 4-2005-12843
(181) 30.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 30.09.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh dương, vàng, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM 2030 (VN)
Số 42, đường Bảo Định, phường 4, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thức ăn và thực phẩm do nhà hàng thực hiện.

(111) **4-0099525**
(210) 4-2005-13423
(181) 12.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 12.10.2005

(531) 26.4.1; A26.4.18
(731) ENPLAS CORPORATION (a corporation duly organized under the laws of Japan) (JP)
30-1, 2-chome Namiki, Kawaguchi-shi, Saitama-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Các bộ phận của động cơ đốt trong, cụ thể là, bộ lọc, ống dẫn, mối nối dùng cho hệ thống cung cấp nhiên liệu, cánh quạt tua bin dùng cho máy bơm nhiên liệu, phao và van của bộ chế hoà khí, nắp vòi của vòi phun nhiên liệu và bộ cánh quạt của máy tăng áp của tua bin; các bộ phận của máy, cụ thể là, bánh răng, thanh răng, bánh đai, trục quay, trục, ổ trục, cần, đĩa cam, nút bấm, tay nắm, mặt số, trống tang, giá đỡ, hộp đựng, và các bộ phận đa chức năng của các sản phẩm nói trên; bộ phận của động cơ đốt trong dùng cho xe cộ trên bộ, cụ thể là, bộ lọc, ống dẫn, mối nối dùng cho hệ thống cung cấp nhiên liệu, cánh quạt tua bin dùng cho máy bơm nhiên liệu, phao và van của bộ chế hoà khí, nắp vòi của vòi phun nhiên liệu, và bộ cánh quạt của máy tăng áp của tua bin.

Nhóm 09: Ổ cắm dụng cụ thử IC (mạch tổ hợp); dụng cụ thử ánh sáng của bảng hiển thị dạng phẳng; bộ nối điện; thiết bị và dụng cụ quang học; bộ nối quang học; dây cáp sợi quang học; thấu kính; đĩa hiển thị sóng; kính phân cực; kính đeo mắt; kính áp tròng; băng video và băng tiếng để trắng; đĩa quang học; đĩa từ; đĩa quang học từ tính; bộ phận và linh kiện của máy ghi âm, máy ghi hình video, đầu đĩa video, đầu âm thanh số (đĩa compact), đầu chơi game, máy phô tô, máy fax, máy in dùng cho máy vi tính, máy quét, máy vi tính; máy vi tính di động; bộ xử lý từ ngữ xách tay; ti vi; điện thoại và điện thoại di động; hộp mực của máy in phun; các bộ phận cơ học của ổ đĩa CD/DVD-ROM; đèn sau của bảng (panen) tinh thể lỏng; lưới nhiễu xạ chụp ảnh giao thoa la de dùng cho đầu đĩa quang học; và các bộ phận và linh kiện của tất cả các sản phẩm nói trên; đồng hồ đo mét.

Nhóm 11: Linh kiện điều chỉnh dùng cho thiết bị xử lý nước hoặc khí gas; bộ phận dùng để điều chỉnh các linh kiện của thiết bị xử lý nước hoặc khí gas, cụ thể là, van, phần tĩnh (xtato); khối quay (roto).

Nhóm 17: Vòng đệm; lớp cách ly hấp thụ va đập dùng cho động cơ điện tử.

Nhóm 40: Dịch vụ xử lý khuôn; dịch vụ sản xuất khuôn kim loại theo yêu cầu khách hàng.

(111) **4-0099526**
(210) 4-2005-13424
(181) 12.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 12.10.2005

(531) 26.4.1; A26.4.18
(731) ENPLAS CORPORATION (a corporation duly organized under the laws of Japan) (JP)
30-1, 2-chome Namiki, Kawaguchi-shi, Saitama-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Các bộ phận của động cơ đốt trong, cụ thể là, bộ lọc, ống dẫn, mối nối dùng cho hệ thống cung cấp nhiên liệu, cánh quạt tua bin dùng cho máy bơm nhiên liệu, phao và van của bộ chế hoà khí, nắp vòi của vòi phun nhiên liệu và bộ cánh quạt của máy tăng áp của tua bin; các bộ phận của máy, cụ thể là, bánh răng, thanh răng, bánh đai, trục quay, trục, ổ trục, cần, đĩa cam, nút bấm, tay nắm, mặt số, trống tang, giá đỡ, hộp đựng, và các bộ phận đa chức năng của các sản phẩm nói trên; bộ phận của động cơ đốt trong dùng cho xe cộ trên bộ, cụ thể là, bộ lọc, ống dẫn, mối nối dùng cho hệ thống cung cấp nhiên liệu, cánh quạt tua bin dùng cho máy bơm nhiên liệu, phao và van của bộ chế hoà khí, nắp vòi của vòi phun nhiên liệu, và bộ cánh quạt của máy tăng áp của tua bin.

Nhóm 09: Ổ cắm dụng cụ thử IC (mạch tổ hợp); dụng cụ thử ánh sáng của bảng hiển thị dạng phẳng; bộ nối điện; thiết bị và dụng cụ quang học; bộ nối quang học; dây cáp sợi quang học; thấu kính; đĩa hiển thị sóng; kính phân cực; kính đeo mắt; kính áp tròng; băng video và băng tiếng để trắng; đĩa quang học; đĩa từ; đĩa quang học từ tính; bộ phận và linh kiện của máy ghi âm, máy ghi hình video, đầu đĩa video, đầu âm thanh số (đĩa compact), đầu chơi game, máy phô tô, máy fax, máy in dùng cho máy vi tính, máy quét, máy vi tính; máy vi tính di động; bộ xử lý từ ngữ xách tay; ti vi; điện thoại và điện thoại di động; hộp mực của máy in phun; các bộ phận cơ học của ổ đĩa CD/DVD-ROM; đèn sau của bảng (panen) tinh thể lỏng; lưới nhiễu xạ chụp ảnh giao thoa la de dùng cho đầu đĩa quang học; và các bộ phận và linh kiện của tất cả các sản phẩm nói trên; đồng hồ đo mét.

Nhóm 11: Linh kiện điều chỉnh dùng cho thiết bị xử lý nước hoặc khí gas; bộ phận dùng để điều chỉnh các linh kiện của thiết bị xử lý nước hoặc khí gas, cụ thể là, van, phần tĩnh (xtato); khối quay (roto).

Nhóm 17: Vòng đệm; lớp cách ly hấp thụ va đập dùng cho động cơ điện tử.

Nhóm 40: Dịch vụ xử lý khuôn; dịch vụ sản xuất khuôn kim loại theo yêu cầu khách hàng.

(111) **4-0099527**
(210) 4-2005-14053
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; 3.1.14; 26.11.3; A11.3.20
(591) Vàng, vàng nhạt, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh lá cây, da cam, nâu, nâu nhạt, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền.

---

(111) **4-0099528**
(210) 4-2005-14054
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; 3.1.14; 26.11.3; A11.3.20
(591) Da cam, da cam nhạt, đỏ, đỏ cam, trắng, đen, xanh tím, xanh lá cây, vàng, nâu, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền.

---

(111) **4-0099529**
(210) 4-2005-14681
(181) 02.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 02.11.2005

(531) 26.1.2; 3.7.10; 3.7.16; A1.1.10
(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI HOÀNG PHÁT (VN)
7C2 khu phố 1, phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0099530**
(210) 4-2005-08102
(181) 04.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 04.07.2005

(531) 1.7.6; 26.1.1; A26.11.9
(731) CƠ SỞ TÂN HIỆP HƯNG (VN)
104 Tạ Uyên, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp, silicon.

Nhóm 16: Keo dán dùng trong gia đình; keo dán dùng trong văn phòng.

---

(111) **4-0099531**
(210) 4-2005-12841
(181) 30.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

OH!S

(151) 14.04.2008
(220) 30.09.2005

(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Bột ngũ cốc ăn liền.

---

(111) **4-0099532**
(210) 4-2005-12847
(181) 30.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 30.09.2005

(531) 2.1.1; 5.7.3; A11.3.3
(591) Trắng, đen, đỏ, đỏ nhạt, vàng, vàng nhạt, vàng đậm, xanh tím, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, nâu
(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 29: Đồ uống yến mạch và sữa (sữa chiếm ưu thế).

Nhóm 32: Đồ uống gốc yến mạch có thêm sữa (yến mạch chiếm ưu thế).

---

(111) **4-0099533**
(210) 4-2005-13610
(181) 14.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

INVESTIP
Your venture, We care

(151) 14.04.2008
(220) 14.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP INVESTIP (VN)
Số 8 Tôn Thất Thiệp, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Tư vấn kinh doanh; tư vấn quản trị doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp thông tin thương mại; cung cấp thông tin về đầu tư; cung cấp thông tin sở hữu trí tuệ; cung cấp thông tin văn bản pháp luật mới ban hành.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư về tài chính.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn và đại diện về bản quyền tác giả; dịch vụ tư vấn và đại diện về sở hữu công nghiệp; dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ; dịch vụ chuyển giao công nghệ; dịch vụ tư vấn pháp luật về doanh nghiệp; lập hồ sơ pháp lý về các dự án thành lập doanh nghiệp.

---

(111) **4-0099534**
(210) 4-2005-13903
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRANG NGHIÊM

(151) 14.04.2008
(220) 20.10.2005

(591) Đỏ, xanh
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TRANG NGHIÊM (VN)
Số 51/16 Phạm Thế Hiển, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán trà, cà phê, bánh kẹo và rượu.

---

(111) **4-0099535**
(210) 4-2005-13915
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DIAMDEL

(151) 14.04.2008
(220) 20.10.2005

(731) DE BEERS CENTENARY AG (CH)
Alpenstrasse 5, 6000 Luzern 6, Switzerland
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý và các hợp kim của chúng, các sản phẩm làm từ kim loại quý hoặc bọc bằng kim loại quý mà không được xếp vào các nhóm khác; đồ trang sức và đồ kim hoàn; đá quý và đá bán quý; đồng hồ và dụng cụ đo thời gian.

Nhóm 35: Dịch vụ bán buôn và bán lẻ, dịch vụ quảng cáo và marketing (tiếp thị) trong lĩnh vực kim loại quý và hợp kim của chúng, các sản phẩm làm từ kim loại quý hoặc bọc bằng kim loại quý, đồ trang sức và đồ kim hoàn, đá quý và đá bán quý, đồng hồ và dụng cụ đo thời gian.

(111) **4-0099536**
(210) 4-2005-08385
(181) 08.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 08.07.2005

(531) 26.1.2; 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾNG VANG VIỆT NAM (VN)
Số 35A, ngõ 84 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; sô cô la.

Nhóm 35: Buôn bán tư liệu tiêu dùng; buôn bán rượu, bia, nước giải khát; buôn bán lương thực, thực phẩm; buôn bán tư liệu sản xuất (vật tư, máy móc thiết bị, nguyên liệu ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, trang thiết bị viễn thông); tư vấn thương mại; dịch vụ nghiên cứu thị trường; buôn bán thuốc lá; buôn bán hàng điện tử, điện máy, tin học, hệ thống camera giám sát, hệ thống báo động, hệ thống đàm thoại, hệ thống quản lý bằng thẻ từ; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ, đồ mây, tre, gốm, sứ; môi giới thương mại.

Nhóm 36: Kinh doanh (mua bán) bất động sản nhà ở; môi giới đầu tư.

Nhóm 41: Tư vấn du học; dịch vụ vui chơi giải trí.

Nhóm 43: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.

(111) **4-0099537**
(210) 4-2005-13415
(181) 12.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 12.10.2005

(531) 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ÁNH SÁNG (VN)
12 đường 3A, khu dân cư An Lạc, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Cục biến áp dùng cho đèn nê ông; công tắc điện; dây điện; cầu dao điện; ổ cắm điện.

Nhóm 11: Đèn huỳnh quang; đèn compact (đèn tiết kiệm điện); đèn dây tóc; đèn trang trí; tắc te (con chuột dùng cho đèn huỳnh quang).

---

(111) **4-0099538**
(210) 4-2005-08001
(181) 30.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXLEN

(151) 14.04.2008
(220) 30.06.2005

(731) MEGA LIFESCIENCES LTD. (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099539**
(210) 4-2005-13758
(181) 18.10.2015
(300) AM 2330/2005 14.04.2005 AT
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 18.10.2005
(531) 26.1.2
(731) BRANDSTOCK AG (DE)
Ruckertstr. 1, 80336 Munich, Germany
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý và hợp kim của nó cũng như sản phẩm làm bằng kim loại quý hay mạ bằng kim loại quý cụ thể là: khuy măng sét, cái kẹp cà vạt, cái kẹp tiền, hộp đựng đồng hồ và đồ trang sức; đồ trang sức, đá quý, dụng cụ (đồng hồ) đo thời gian và bấm giờ (crônômet).

---

(111) **4-0099540**
(210) 4-2005-13924
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANMUM NEOCARE

(151) 14.04.2008
(220) 20.10.2005
(731) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)
9 Princes Street, Auckland, New Zealand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, vitamin và vitamin tổng hợp dùng cho người, thức ăn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bao gồm cả sữa bột dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, đồ uống dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; chất bổ sung dinh dưỡng và chất ăn kiêng bổ sung dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; thức ăn chứa sữa dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ bao gồm cả thức ăn sữa dạng bột dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; các chế phẩm dược và thú y dùng như thực phẩm dành cho người hoặc động vật; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099541**
(210) 4-2005-07252
(181) 17.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

THÁI DƯƠNG

(151) 14.04.2008
(220) 17.06.2005

(531) 1.15.23; A26.11.12; 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ NHỰA THÁI DƯƠNG (VN)
6 A Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bao bì bằng nhựa.

Nhóm 40: Dịch vụ in trên bao bì.

---

(111) **4-0099542**
(210) 4-2005-15508
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

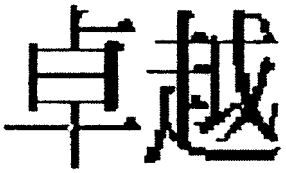

(151) 14.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) VXL MANAGEMENT SERVICES LIMITED (HK)
Suite 2707-8, One Exchange Square, 8 Connaught Place, Central, Hong Kong
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Quản lý vốn đầu tư; quản lý bất động sản, tư vấn phát triển nguồn vốn; dịch vụ tư vấn tài chính; đầu tư vốn; dịch vụ tài chính doanh nghiệp.

---

(111) **4-0099543**
(210) 4-2005-15509
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 16.11.2005

(531) A26.3.5; 26.1.2
(591) Da cam, xanh lá cây
(731) VXL MANAGEMENT SERVICES LIMITED (HK)
Suite 2707-8, One Exchange Square, 8 Connaught Place, Central, Hong Kong
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Quản lý vốn đầu tư; quản lý bất động sản, tư vấn phát triển nguồn vốn; dịch vụ tư vấn tài chính; đầu tư vốn; dịch vụ tài chính doanh nghiệp.

---

(111) **4-0099544**
(210) 4-2005-15510
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIMATEX

(151) 14.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099545**
(210) 4-2005-14954
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 24.15.1; 24.7.1; 26.4.2; A24.15.13
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI NAM PHÚC (VN)
140/10A Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu quần áo; quảng cáo, tiếp thị sản phẩm quần áo.

---

(111) **4-0099546**
(210) 4-2005-14957
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 26.1.1
(591) Trắng, đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG PHẦN MỀM DOANH NGHIỆP V6 (VN)
7/61 Thăng Long, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, đĩa CD - ROM.

Nhóm 42: Thiết kế phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099547**
(210) 4-2005-07382
(181) 21.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANLENE

(151) 14.04.2008
(220) 21.06.2005

(731) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)
The Fonterra Centre, 9 Princes Street, Auckland, New Zealand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Sô cô la, bột và đồ uống trên cơ sở sô cô la, cà phê, bột và đồ uống trên cơ sở cà phê, chất thay thế cà phê, chè và ca cao; mứt kẹo, kem lạnh, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099548**
(210) 4-2005-14960
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

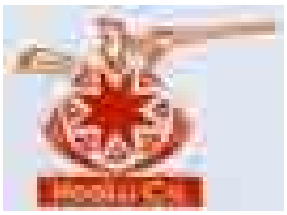

(151) 14.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 3.7.7; A3.7.24; 22.1.1
(591) Vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ HOA LƯ (VN)
Số 17-19 Đặng Dung, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Đồ kim hoàn, vàng bạc.

Nhóm 25: Khăn trùm (khăn được dùng cho trang phục).

Nhóm 35: Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch, vận tải hành khách.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0099549**
(210) 4-2005-15523
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 16.11.2005

(591) Trắng, đỏ, xanh cửu long
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÀ ĐĂNG (VN)
Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0099550**
(210) 4-2006-00490
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 14.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) 3.7.1; A3.7.24; 3.7.16
(731) SENECA-CAYUGA TRIBE OF OKLAHOMA (US)
R2301 East Steve Owens Blvd, Miami, Oklahoma 74355, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá, thuốc lá dạng điếu, xì gà, bột thuốc lá, giấy cuốn xì gà, tẩu hút thuốc lá, đầu lọc thuốc lá, hộp thuốc lá không phải là kim loại quý, túi thuốc lá, bật lửa hút thuốc không phải là kim loại quý, diêm, chổi lau tẩu thuốc lá, gạt tàn không phải là kim loại quý dùng cho người hút thuốc lá, dụng cụ cắt xì gà.

---

(111) **4-0099551**
(210) 4-2006-01613
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

P-CET

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099552**
(210) 4-2006-01614
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

G-MET

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099553**
(210) 4-2006-01615
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

METOPHAGE

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099554**
(210) 4-2006-01620
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ENSIPRIL

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099555**
(210) 4-2006-01621
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMOPRIL

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099556**
(210) 4-2006-01622
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMVESTIN

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099557**
(210) 4-2006-01623
(181) 07.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMLIPIL

(151) 14.04.2008
(220) 07.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099558**
(210) 4-2006-02297
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TORLAC

(151) 14.04.2008
(220) 20.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099559**
(210) 4-2006-02298
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TERALAC

(151) 14.04.2008
(220) 20.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099560**
(210) 4-2006-02299
(181) 20.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

D-DONE

(151) 14.04.2008
(220) 20.02.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099561**
(210) 4-2005-16234
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHOCO DIVA

(151) 16.04.2008
(220) 01.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh putđing; kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099562**
(210) 4-2006-09318
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KANG THAI

(151) 16.04.2008
(220) 15.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT KANG THÁI (VN)
63- 65 lầu 1+2 Lương Nhữ Học, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 17: Ron, phốt (vòng đệm bằng cao su dùng để lèn chặt, bịt kín, chống rỉ); vật liệu bằng cao su dùng để lèn chặt, bịt kín, chống rỉ.

---

(111) **4-0099563**
(210) 4-2006-09319
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 15.06.2006

(531) 3.2.7; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099564**
(210) 4-2006-09342
(181) 16.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BLAZE ADVISOR

(151) 16.04.2008
(220) 16.06.2006

(731) FAIR ISAAC CORPORATION (US)
901 Marquette Avenue, Suite 3200, Minneapolis, Minnesota 55402, U.S.A.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính cho ứng dụng kinh doanh dùng trong tự động hoá, quản lý và duy trì các quy tắc kinh doanh và chính sách kinh doanh.

Nhóm 42: Cung cấp phần mềm ứng dụng kinh doanh truy cập trực tuyến không tải xuống được dùng trong tự động hoá, quản lý và duy trì các quy tắc và chính sách kinh doanh.

---

(111) **4-0099565**
(210) 4-2006-12065
(181) 27.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 27.07.2006

(531) 2.1.22; A2.1.24; A25.1.10; A26.11.12; A26.4.6; 26.3.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, hồng, xanh lá cây, xanh da trời, tím
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THUẬN THĂNG (VN)
547 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương đốt (không bao gồm hương trừ muỗi).

---

(111) **4-0099566**
(210) 4-2006-15776
(181) 19.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIEFO

(151) 16.04.2008
(220) 19.09.2006

(531) 6.1.2; 1.3.1
(731) CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ THỰC PHẨM HÀ NỘI I (VN)
Xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Cà chua cô đặc; trái cây đóng hộp; rau đóng hộp; nước ép cà chua dùng để nấu ăn; lạc (đậu phộng) đã qua chế biến; nước ép dùng để nấu nướng.

Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; tương ớt; bột canh iốt.

---

(111) **4-0099567**
(210) 4-2006-16811
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẮNG LỢI (VN)
Số 5, đường N1, cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 07: Răng gầu xúc đất, đá (bộ phận của xe xúc đất, đá); tấm lót kim loại dùng trong máy nghiền clanh- ke sản xuất xi măng; bi kim loại dùng để nghiền clanh- ke (bộ phận của máy ghiền clanh-ke); hàm nghiền đá, quặng (bộ phận của máy đập đá, nghiền đá); búa kim loại dùng đập đá, quặng đá, sắt (bộ phận của máy nghiền đá); quả lô bằng kim loại dùng cho máy nghiền đá.

---

(111) **4-0099568**
(210) 4-2006-20100
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Commonwealth Bank

(151) 16.04.2008
(220) 20.11.2006

(731) COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA (AU)
Level 7, 48 Martin Place, Sydney, Australia 1155
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng và đầu tư; dịch vụ môi giới chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, như: dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ bảo hiểm thu nhập; dịch vụ trợ cấp hưu trí; dịch vụ ủy thác thuộc nhóm này; dịch vụ quản lý nguồn vốn.

---

(111) **4-0099569**
(210) 4-2006-20101
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Commonwealth Bank of Australia

(151) 16.04.2008
(220) 20.11.2006

(731) COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA (AU)
Level 7, 48 Martin Place, Sydney, Australia 1155
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng và đầu tư; dịch vụ môi giới chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, như: dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ bảo hiểm thu nhập; dịch vụ trợ cấp hưu trí; dịch vụ uỷ thác thuộc nhóm này; dịch vụ quản lý nguồn vốn.

---

(111) **4-0099570**
(210) 4-2006-20102
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

elleair

(151) 16.04.2008
(220) 20.11.2006

(731) DAIO PAPER CORPORATION (JP)
2-60, Mishima-kamiya-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh; tã lót hút nước dùng cho người không tự kiềm chế được; tã lót/quần tã vệ sinh dùng cho người lớn; quần lót [vệ sinh] dùng trong y tế; giấy chống nhậy.

Nhóm 16: Khăn giấy; giấy vệ sinh; giấy vệ sinh dùng cho trẻ em; tã giấy cho trẻ em.

---

(111) **4-0099571**
(210) 4-2006-20103
(181) 20.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

elis

(151) 16.04.2008
(220) 20.11.2006

(731) DAIO PAPER CORPORATION (JP)
2-60, Mishima-kamiya-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh; tã lót hút nước dùng cho người không tự kiềm chế được; tã lót/quần tã vệ sinh dùng cho người lớn; quần lót [vệ sinh] dùng trong y tế; giấy chống nhậy.

---

(111) **4-0099572**
(210) 4-2006-21097
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAKINASE

(151) 16.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) EGL INTERNATIONAL (HK) Ltd. (HK)
Unit C, 10/F One Capital Place, 18 Luard Road, Wan Chai, Hong Kong
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0099573**
(210) 4-2006-22861
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10; 4.3.20
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TRUNG HẢI - HẢI DƯƠNG (VN)
Thôn Trại Xanh, xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 19: Xi măng pooc lăng hỗn hợp.

---

(111) **4-0099574**
(210) 4-2006-22880
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

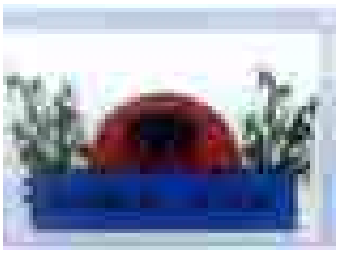

(151) 16.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) A5.11.13; 3.2.1; 26.4.2; 26.2.1; 1.3.1
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển, đỏ, đen, trắng
(731) CƠ SỞ BÌNH MINH (VN)
Số 12, ngách 79/18, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 21: Tăm tre.

---

(111) **4-0099575**
(210) 4-2007-00957
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

PDMOTOR

(151) 16.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0099576**
(210) 4-2007-00958
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SYMAN MOTO

(151) 16.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XE MÁY ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Phố Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, ống xả khói xe máy, hộp chắn xích xe máy.

---

(111) **4-0099577**
(210) 4-2007-01780
(181) 25.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 25.01.2007

(531) A25.1.10
(591) Vàng cam, xanh dương sẫm
(731) PHẠM THỊ NGA (VN)
Số 11, A2, tập thể dầu khí, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn.

---

(111) **4-0099578**
(210) 4-2007-02738
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DINALGESIC PLUS

(151) 16.04.2008
(220) 07.02.2007

(731) AUM IMPEX (Pvt.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi 110016 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099579**
(210) 4-2007-04017
(181) 08.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 08.03.2007

(531) A1.1.10; 8.1.15
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng cam, nâu
(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh pút đinh; kem lạnh (sherbets); kem ăn (ice creams); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099580**
(210) 4-2007-06260
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

TITAMIX

(151) 16.04.2008
(220) 12.04.2007

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ĐÔNG DƯƠNG (VN)
Số 47, tổ 18, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Sao Việt (VIPAT CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0099581**
(210) 4-2005-17350
(181) 20.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

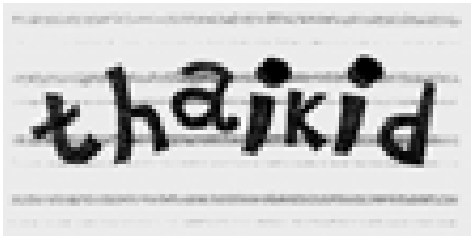

(151) 16.04.2008
(220) 20.12.2005

(531) A25.7.21
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Số 63 phố Huế, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0099582**
(210) 4-2005-01438
(181) 03.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

POKEMON

(151) 16.04.2008
(220) 03.02.2005

(731) CÔNG TY TNHH HÀNG GIA DỤNG QUỐC TẾ (VN)
30 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, dầu gội, chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0099583**
(210) 4-2005-14920
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUPERIBA

(151) 16.04.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (NAFARMA) (VN)
Số 29/10 C3 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099584**
(210) 4-2005-14921
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROSAVAN

(151) 16.04.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (NAFARMA) (VN)
Số 29/10 C3 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099585**
(210) 4-2005-14922
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANTIHEB

(151) 16.04.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (NAFARMA) (VN)
Số 29/10 C3 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099586**
(210) 4-2005-14923
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIBRATE

(151) 16.04.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (NAFARMA) (VN)
Số 29/10 C3 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099587**
(210) 4-2005-14924
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VAIRONAT

(151) 16.04.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (NAFARMA) (VN)
Số 29/10 C3 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099588**
(210) 4-2005-16390
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DONACAL D

(151) 16.04.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô 2A, đường 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099589**
(210) 4-2005-16391
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DONAMKIT

(151) 16.04.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô 2A, đường 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099590**
(210) 4-2005-16392
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PANDONAM

(151) 16.04.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG NAM (VN)
Lô 2A, đường 1A, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099591**
(210) 4-2005-17416
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALPHACOR

(151) 16.04.2008
(220) 21.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc: thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0099592**
(210) 4-2005-17690
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

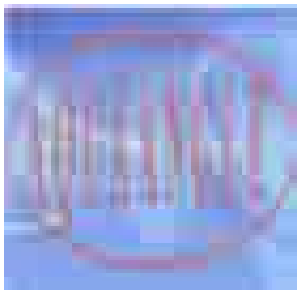

(151) 16.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.4.1; A26.11.12; 25.7.20
(591) Đỏ, xanh ngọc, trắng, xanh dương, xanh dương đậm
(731) CƠ SỞ TRÍ HƯNG (VN)
105/D5 khu C, ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0099593**
(210) 4-2005-17691
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.1.2; A26.1.18; 25.1.6
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, đen, trắng
(731) CƠ SỞ QUANG LINH (VN)
29/15, KP8, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tập (vở).

---

(111) **4-0099594**
(210) 4-2005-17692
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

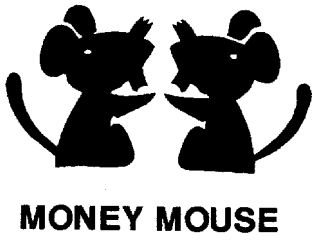

(151) 16.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 3.5.7
(731) CƠ SỞ ĐẠI PHÁT (VN)
403 Nguyễn Thị Tú, khu phố 2, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; mũ; dây nịt (thắt lưng dùng cho trang phục).

---

(111) **4-0099595**
(210) 4-2005-17694
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) 1.5.1; 26.1.2
(591) Tím, đỏ, xanh dương, trắng
(731) CƠ SỞ QUỐC ĐẠT 1 (VN)
413 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo; mua bán mỹ phẩm; mua bán giày dép; mua bán túi xách; mua bán nón; mua bán thắt lưng.

---

(111) **4-0099596**
(210) 4-2005-17201
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) A26.11.13; 26.1.1; A5.3.15
(591) Xanh dương, trắng, đỏ
(731) KASET CENTER CO., LTD. (TH)
106 Mooban Pinnakorn 4, Boromrajchonnanee Rd., Thalingchan Bangkok 10170, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm sinh học dùng để chữa bệnh cho thuỷ hải sản; chế phẩm hoá học dùng để chữa bệnh cho thuỷ hải sản; chế phẩm vi sinh dùng để chữa bệnh cho thuỷ hải sản; chế phẩm enzym dùng để chữa bệnh trong ngành thuỷ hải sản.

---

(111) **4-0099597**
(210) 4-2005-17882
(181) 30.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Long Vương Tửu

(151) 16.04.2008
(220) 30.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN (VN)
231 Chiến Lược, khu phố 18, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Đông dược.

Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0099598**
(210) 4-2005-17092
(181) 15.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM VIAMI (VN)
139 phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, chương trình máy tính.

---

(111) **4-0099599**
(210) 4-2005-17377
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

WHITE LIGHT

(151) 16.04.2008
(220) 21.12.2005

(731) CƠ SỞ HOÁ MỸ PHẨM THIÊN NGA (VN)
231 Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Nước rửa chén, nước xả vải, xà phòng.

---

(111) **4-0099600**
(210) 4-2005-16235
(181) 01.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ORION CHOCO DIVA

(151) 16.04.2008
(220) 01.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh putđing; kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0099601**
(210) 4-2005-02017
(181) 25.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 25.02.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Cam, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ÂU VIỆT (VN)
95bis Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán văn phòng phẩm; mua bán vật tư thiết bị điện; mua bán vật tư thiết bị điện lạnh; mua bán vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng.

---

(111) **4-0099602**
(210) 4-2005-04115
(181) 14.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GREAT WALL

(151) 16.04.2008
(220) 14.04.2005

(731) GREAT WALL AUTOMOBILE HOLDING COMPANY LIMITED. (CN)
115 South Gongnong Ave Baoding, Hebei 071000, China
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô; xe tải chở hàng; xe tải chuyên chở hành lý hoặc người; xe thể thao; xe chở khách; xe buýt; xe nhà di động; thảm dùng cho phương tiện giao thông; xe mô tô; săm lốp ô tô.

---

(111) **4-0099603**
(210) 4-2005-07250
(181) 17.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

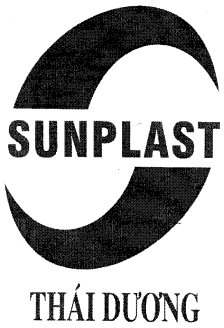

(151) 16.04.2008
(220) 17.06.2005

(531) 1.15.23; 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ NHỰA THÁI DƯƠNG (VN)
6A Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bao bì bằng nhựa.

Nhóm 40: Dịch vụ in trên bao bì.

---

(111) **4-0099604**
(210) 4-2006-07729
(181) 19.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 19.05.2006

(531) A5.5.20; 1.15.23; 15.1.13; A15.7.2
(591) Xanh dương nhạt, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT MUỐI VÀ CƠ KHÍ DÂN TIẾN (VN)
33/1D đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Phụ tùng ngành cơ khí như: trục, bạc, bánh răng, khớp nối, khuôn cắt giấy; các loại dao cắt công nghiệp như: dao cắt giấy; dao ghép cắt gỗ và bao bì nhựa, cao su; dao cắt dạng đĩa; dao dĩa máy cắt giấy và máy bao bì carton tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099605**
(210) 4-2005-06820
(181) 08.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SYNALIS

(151) 16.04.2008
(220) 08.06.2005

(731) SYNMEDIC LABORATORIES (IN)
202 Sai Plaza 187-188 Sant Nagar East of Kailash New Delhi 110065 INDIA
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(111) **4-0099606**
(210) 4-2006-04780
(181) 31.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UNIVERSITY OF NEW SOUTH WALES

(151) 16.04.2008
(220) 31.03.2006

(731) NEWSOUTH GLOBAL PTY LIMITED (AU)
Library Concourse, University of New South Wales, Anzac Parade, Kensington, NSW, 2052, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến giáo dục và đào tạo; thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, CD ROM và đĩa compact liên quan đến giáo dục và đào tạo; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, CD ROM và đĩa compact liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên, phần mềm máy tính liên quan đến giáo dục và đào tạo; phần mềm máy tính liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 16: Ấn phẩm; tài liệu học tập và giảng dạy (không bao gồm dụng cụ); tài liệu học tập và giảng dạy liên quan đến giáo dục và đào tạo; tài liệu học tập và giảng dạy liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 35: Dịch vụ quản lý kinh doanh; dịch vụ điều hành kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ tư vấn quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ cố vấn quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ lập kế hoạch quản lý và điều hành kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ lập kế hoạch quản lý và điều hành kinh doanh.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo về ngôn ngữ; dịch vụ thiết kế, cung cấp các khóa giảng dạy và đào tạo về ngôn ngữ; lập và tổ chức các chương trình kiểm tra và đánh giá về giáo dục; đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 42: Xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học; thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến các chương trình xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục; đánh giá chất lượng các khóa giảng dạy và đào tạo về ngôn ngữ.

(111) **4-0099607**
(210) 4-2006-04871
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 03.04.2006

(531) 4.3.3; 1.3.1; 26.2.7
(591) Cam, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH RỒNG THÁI DƯƠNG (VN)
285 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

---

(111) **4-0099608**
(210) 4-2006-06691
(181) 28.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVAMIL

(151) 16.04.2008
(220) 28.04.2006

(731) NOVA BRANDS S.A. (LU)
26 boulevard Royal, L-2449 Luxembourg
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; chế phẩm thú y; chế phẩm vệ sinh (dùng trong ngành y và vệ sinh cá nhân); thực phẩm bổ sung dùng trong ngành y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

Nhóm 29: Thịt; cá; gia cầm và thú săn (không còn sống); chiết xuất từ thịt; rau quả được bảo quản, sấy khô, nấu chín; thạch dùng cho thực phẩm; mứt; mứt quả nấu si-rô; trứng; sữa; sản phẩm làm từ sữa; dầu ăn; mỡ ăn; thực phẩm bổ sung chủ yếu là sữa, không dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng chủ yếu là sữa không dùng cho mục đích y tế; sản phẩm từ bơ sữa.

Nhóm 30: Cà phê; chè; ca-cao; đường; gạo; bột sắn hột; bột cọ sa-gu; cà phê nhân tạo; bột mì cho thực phẩm; chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mì; bánh nướng; bánh kẹo; đá lạnh có thể ăn được; mật ong; mật đường; nấm men; bột nở; muối; tương mù - tạc; dấm; nước sốt (đồ gia vị); gia vị; đá để làm lạnh.

---

(111) **4-0099609**
(210) 4-2006-07393
(181) 15.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 15.05.2006

(531) 26.1.1; 7.1.14; A5.11.13
(591) Xanh dương, vàng, đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA (VN)
Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Đường.

(111) **4-0099610**
(210) 4-2006-08257
(181) 29.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) 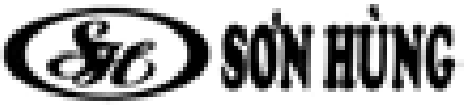

(151) 16.04.2008
(220) 29.05.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SƠN HÙNG (VN)
120 phố Huế, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán đồ điện gia dụng; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0099611**
(210) 4-2006-05271
(181) 07.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) 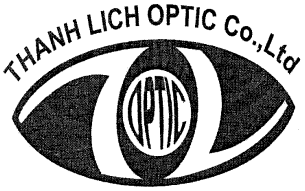

(151) 16.04.2008
(220) 07.04.2006

(531) 2.9.4; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH MẮT KÍNH THANH LỊCH (VN)
Số 97 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Mắt kính, gọng kính.

---

(111) **4-0099612**
(210) 4-2006-05272
(181) 07.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 07.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH MẮT KÍNH THANH LỊCH (VN)
Số 97 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Mắt kính.

---

(111) **4-0099613**
(210) 4-2006-06829
(181) 04.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FOCUS TITANIUM

(151) 16.04.2008
(220) 04.05.2006

(731) FORD MOTOR COMPANY (US)
One American Road, Dearborn, Michigan 48126, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe động cơ đi trên bộ, cụ thể là xe ô tô; động cơ cho xe cộ; phần thân xe; biểu tượng (lô gô) gắn trang trí cho xe; giá đỡ hàng đặt trên nóc xe; vỏ bọc bánh xe dự phòng; tấm phủ cho xe cộ; tấm cản côn trùng dùng cho xe có động cơ; bậc lên xuống của xe có động cơ; cái chắn bùn dùng cho xe gắn động cơ; nắp đậy moóc xe; bọc đệm xe tải và lớp lót đệm xe tải.

---

(111) **4-0099614**
(210) 4-2006-04690
(181) 30.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TrackShow

(151) 16.04.2008
(220) 30.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - ĐIỆN TỬ VINH HIỂN (VN)
38 Xuân Diệu, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099615**
(210) 4-2006-04691
(181) 30.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TrackWork

(151) 16.04.2008
(220) 30.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - ĐIỆN TỬ VINH HIỂN (VN)
38 Xuân Diệu, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099616**
(210) 4-2006-04693
(181) 30.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 30.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; A26.11.12
(731) TRƯỜNG CAO ĐẲNG TƯ THỤC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI (VN)
Tổ 18, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Giáo dục và đào tạo.

---

(111) **4-0099617**
(210) 4-2006-05752
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

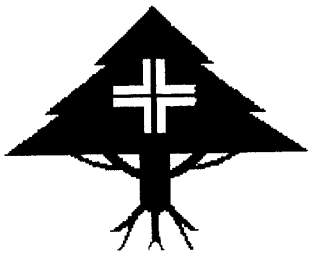

(151) 16.04.2008
(220) 13.04.2006

(531) 5.1.1; A5.1.5; 24.13.1
(731) LIFTED RESEARCH GROUP, INC. (US)
1 Capital Drive, Lake Forest, California 92630-2203, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu, cụ thể là áo phông, áo sơ mi dệt, áo mặc bình thường của phụ nữ ngắn tay hoặc dài tay, bộ quần áo ôm sát thân người; áo vệ sinh (áo bông dài tay); áo len cổ chui; áo gi-lê; áo cộc tay có gắn phù hiệu; bộ com-plê; áo vét-tông; áo khoác; áo gió có mũ trùm đầu; áo khoác dầy có mũ trùm đầu; quần jean, quần dài, quần mặc hàng ngày, áo váy; váy; quần soóc; áo khoác ngoài, bít tất; thắt lưng (quần áo); găng tay (quần áo); găng tay hở ngón hoặc bao kín 4 ngón (quần áo); giày điền kinh; dép đi trong nhà; dép xăng-đan; giày ống, giày dạ hội; quần áo bơi; quần áo ngủ; quần áo ống rộng của đàn ông; quần áo lót nam; quần áo lót nữ; quần lót nữ; áo mặc lót (bên trong áo sơ mi); quần áo mặc đi trượt tuyết; quần áo mặc đi trượt tuyết bằng ván; xà rông; mũ mềm chơi bóng chày; mũ lưỡi trai, mũ nhỏ không vành: khăn tay lớn in hoa sặc sỡ và khăn choàng cổ (của phụ nữ).

(111) **4-0099618**
(210) 4-2006-05753
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

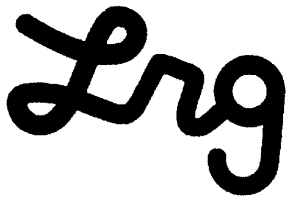

(151) 16.04.2008
(220) 13.04.2006

(731) LIFTED RESEARCH GROUP, INC. (US)
1 Capital Drive, Lake Forest, California 92630-2203, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu, cụ thể là áo phông, áo sơ mi dệt, áo mặc bình thường của phụ nữ ngắn tay hoặc dài tay, bộ quần áo ôm sát thân người; áo vệ sinh (áo bông dài tay); áo len cổ chui; áo gi-lê; áo cộc tay có gắn phù hiệu; bộ com-plê; áo vét-tông; áo khoác; áo gió có mũ trùm đầu; áo khoác dầy có mũ trùm đầu; quần jean, quần dài, quần mặc hàng ngày, áo váy; váy; quần soóc; áo khoác ngoài, bít tất; thắt lưng (quần áo); găng tay (quần áo); găng tay hở ngón hoặc bao kín 4 ngón (quần áo); giày điền kinh; dép đi trong nhà; dép xăng-đan; giày ống, giày dạ hội; quần áo bơi; quần áo ngủ; quần áo ống rộng của đàn ông; quần áo lót nam; quần áo lót nữ; quần lót nữ; áo mặc lót (bên trong áo sơ mi); quần áo mặc đi trượt tuyết; quần áo mặc đi trượt tuyết bằng ván; xà rông; mũ mềm chơi bóng chày; mũ lưỡi trai, mũ nhỏ không vành: khăn tay lớn in hoa sặc sỡ và khăn choàng cổ (của phụ nữ).

---

(111) **4-0099619**
(210) 4-2006-07558
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 17.05.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI CỒ (VN)
5/3-5/5 tổ 62, KP5, TTN8, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất gồm: bàn; ghế; tủ; kệ; khung gương; giá để nến; giá để đèn; hộp gỗ; đế lót ly chén; bảng hiệu trang trí; tất cả đều bằng gỗ.

---

(111) **4-0099620**
(210) 4-2006-07559
(181) 17.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 17.05.2006

(531) 26.4.2
(591) Xám, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI CỒ (VN)
5/3-5/5 tổ 62, KP5, TTN8, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất gồm: bàn; ghế; tủ; kệ; khung gương; giá để nến; giá để đèn; hộp gỗ; đế lót ly chén; bảng hiệu trang trí; tất cả đều bằng gỗ.

---

(111) **4-0099621**
(210) 4-2006-00371
(181) 09.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANDRE & CHRYSTEL'S
BLUE DIVING CLUB

(151) 16.04.2008
(220) 09.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH HẢI QUỲ (VN)
17B Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ bơi lặn.

---

(111) **4-0099622**
(210) 4-2006-00561
(181) 12.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MISTABRON

(151) 16.04.2008
(220) 12.01.2006

(731) UCB PHARMA, S.A. (BE)
Allée de la Recherche, 60 B-1070 Brussels, Belgium
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và dược chất.

---

(111) **4-0099623**
(210) 4-2006-01072
(181) 19.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.1.2; 3.7.16; A3.7.24
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ - DU LỊCH VIỆT (VN)
375 Lý Thái Tổ, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa; dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, cho thuê xe du lịch; dịch vụ vận chuyển hành khách; dịch vụ đăng ký chỗ trước các chuyến du lịch.

---

(111) **4-0099624**
(210) 4-2006-02887
(181) 01.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Giày Asia
...Vững từng bước chân

(151) 16.04.2008
(220) 01.03.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN GIÀY Á CHÂU (VN)
567/K35J Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Giày; dép; dép sandal.

---

(111) **4-0099625**
(210) 4-2006-03027
(181) 03.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 03.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM VIỆT HƯNG (VN)
Đường Phan Văn Đối, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0099626**
(210) 4-2006-03028
(181) 03.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 03.03.2006

(531) 9.9.1; A9.9.3
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT CHÍ THANH (VN)
103/36A-103/36A1 Đặng Chất, phường 2, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 08: Khuôn giày (dụng cụ cầm tay thao tác thủ công).

---

(111) **4-0099627**
(210) 4-2006-03436
(181) 13.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

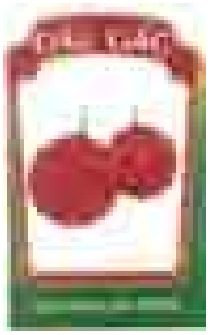

(151) 16.04.2008
(220) 13.03.2006

(531) A25.1.10; 5.7.21
(591) Đỏ, trắng bạc, vàng nhũ, xanh lá cây, xanh lá cây đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099628**
(210) 4-2006-00384
(181) 09.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEW
LIKE

(151) 16.04.2008
(220) 09.01.2006

(531) A25.1.10
(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM MỸ DIÊN (VN)
26 Trần Xuân Hoà, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099629**
(210) 4-2006-02227
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CALCITATE

(151) 16.04.2008
(220) 17.02.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099630**
(210) 4-2006-02229
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MECLON

(151) 16.04.2008
(220) 17.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Viên đặt (dược phẩm) dùng cho phụ nữ.

---

(111) **4-0099631**
(210) 4-2006-02333
(181) 21.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

YAFIA
雅菲亞

(151) 16.04.2008
(220) 21.02.2006

(731) CƠ SỞ CHUNG-LỆ-MAI (VN)
435 Phan Văn Trị, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099632**
(210) 4-2006-02638
(181) 27.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRƯỜNG HƯNG

(151) 16.04.2008
(220) 27.02.2006

(731) CƠ SỞ TRƯỜNG HƯNG (VN)
11/47 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Bánh phồng tôm.

---

(111) **4-0099633**
(210) 4-2006-04679
(181) 30.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Valdecoxe

(151) 16.04.2008
(220) 30.03.2006

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0099634**
(210) 4-2005-13699
(181) 17.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 17.10.2005

(531) 26.1.1; 24.15.1
(731) KOREA NATIONAL HOUSING CORPORATION (KR)
#175, Gumi-dong, Bundang-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do 463-704, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thu tiền thuê bất động sản, dịch vụ ngân hàng đầu tư; bảo hiểm có đảm bảo; bảo hiểm tai nạn lao động; bảo hiểm đối với những mất mát, thiệt hại; thông tin tín dụng (tiền gửi ngân hàng, tiền vay ngân hàng); đánh giá tài chính [bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản]; dịch vụ bán tòa nhà, binđinh; đánh giá bất động sản; quản lý bất động sản; cho thuê bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; quản lý tòa nhà căn hộ; cho thuê căn hộ; cho thuê nhà ở [bất động sản]; môi giới nhà đất.

Nhóm 37: Làm cách âm cho các công trình xây dựng; dịch vụ kỹ thuật xây dựng; sửa chữa các công trình xây dựng; phá hủy các công trình xây dựng; cho thuê trang thiết bị xây dựng; thông tin về xây dựng; xây dựng cầu vượt; xây dựng công viên; xây dựng cầu; khoan giếng; dịch vụ trát vữa; xây dựng đường giao thông (đường cao tốc, đường, phố); lát đường (rải lớp mặt đường); dán giấy bồi tường; cung cấp các dịch vụ về mộc; trát vữa, trát thạch cao; chống thấm nước; chống ẩm; chống cháy; hàn chì; xây gạch; thực hiện công việc khoan (đào); lắp dựng giàn giáo; giám sát xây dựng các công trình xây dựng; xây dựng các tòa nhà văn phòng; xây dựng các công trình thương mại; xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; cung cấp các dịch vụ về nề; xây dựng dưới nước; trải nhựa đường; xây dựng đường có mái vòm; xây dựng căn hộ; xây dựng khu chung cư; xây dựng khách sạn-văn phòng; dịch vụ sơn nội thất, ngoại thất; lắp đặt kính (xây dựng); xây dựng nhà; xây dựng nhà kho; lắp đặt cửa sổ và cửa ra vào; công việc xây dựng kết cấu thép; gia cố các công trình xây dựng; gia công bê tông cốt sắt; công việc sửa soạn đất định cư; xây dựng đường hầm; mở rộng đất đai [xây dựng]; lắp đặt trang thiết bị mạng truyền thông; lắp đặt thiết bị xử lý vệ sinh môi trường; sửa chữa đồ gỗ bọc đệm; sửa chữa thang máy; sửa chữa đồ dùng nhà bếp; làm sạch các công trình xây dựng [bên trong]; dịch vụ chống ồn (cách âm); giám sát xây dựng; lắp đặt thang máy; nhồi, bọc đệm cho đồ gỗ.

(111) **4-0099635**
(210) 4-2006-22883
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 24.9.2; A24.9.9; A26.11.9; 1.5.1; A1.5.2
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VIỆT ÚC (VN)
6 khu 5, Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0099636**
(210) 4-2006-01262
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KOPULMIN-SF

(151) 16.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SƠN (VN)
12 ngách 84/24 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099637**
(210) 4-2006-03394
(181) 13.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 13.03.2006

(531) 24.17.15; 26.1.1
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THÁI HẢI (VN)
Số 93B, phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược liệu, dược phẩm.

Nhóm 29: Thịt gia súc và gia cầm.

Nhóm 37: Dịch vụ bảo tồn các công trình di sản văn hóa, di sản tự nhiên.

Nhóm 41: Dạy học và giáo dục mầm non; đào tạo tin học, ngoại ngữ; đào tạo nghề; dịch vụ bảo tàng.

Nhóm 45: Tư vấn tình cảm; tư vấn hôn nhân; tư vấn gia đình và tư vấn các vấn đề xã hội.

---

(111) **4-0099638**
(210) 4-2006-00954
(181) 18.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 18.01.2006

(531) 26.4.1
(591) Đỏ sậm, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HÀNG GIA DỤNG QUỐC TẾ (VN)
30 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; dầu xả; sữa tắm; mỹ phẩm; phấn trang điểm; chì kẻ lông mày; mascara (thuốc bôi mi mắt); son môi; kem chống nhăn (dạng mỹ phẩm); kem chống nám (dạng mỹ phẩm); nước tẩy trang điểm; kem trắng da; kem trị mụn (dạng mỹ phẩm); sữa rửa mặt; thuốc nhuộm tóc; thuốc duỗi tóc; chất tẩy (dạng hoá mỹ phẩm); chất rửa.

Nhóm 18: Sản phẩm từ da hoặc giả da như: dây đeo lưng, túi xách.

Nhóm 25: Quần áo; dây thắt lưng quần áo; mũ; giầy dép.

---

(111) **4-0099639**
(210) 4-2006-22038
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 15.12.2006

(531) A26.11.12
(591) Xanh lá cây, xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM (VN)
Đường N1, cụm sản xuất An Thạnh, thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại.

---

(111) **4-0099640**
(210) 4-2006-22786
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CÔNG AUDIO

(151) 16.04.2008
(220) 27.12.2006

(731) VŨ ĐỨC CÔNG (VN)
Nhà số 2, ngõ 38, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị âm thanh: amply, loa, đầu đĩa, phụ kiện âm thanh, đĩa CD.

---

(111) **4-0099641**
(210) 4-2003-08635
(181) 19.09.2013
(450) 26.05.2008 242
(540)

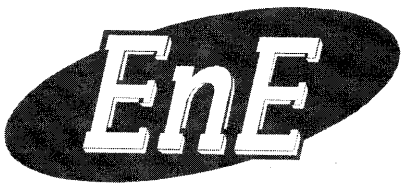

(151) 16.04.2008
(220) 19.09.2003

(531) 26.1.2
(731) KOREA ENE CO ., LTD. (KR)
6th Floor, Jinsung Plaza, Dungchon 3-dong, Kangseo - gu, Seoul, Korea.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Thiết bị bơm xăng dầu điện tử và các phụ tùng của nó.

---

(111) **4-0099642**
(210) 4-2004-12720
(181) 17.11.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRIVIVAC

(151) 16.04.2008
(220) 17.11.2004

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 01 Đông Quan, Dịch Vọng, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099643**
(210) 4-2004-14049
(181) 16.12.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 16.12.2004

(531) 3.7.7; 3.7.16; 5.7.21; 26.1.1
(591) Trắng, đen, xám, xám trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DU LỊCH SINH THÁI MỸ KHÁNH (VN)
Số 335 Lộ Vòng Cung, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống, dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0099644**
(210) 4-2004-11390
(181) 20.10.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 20.10.2004

(731) CÔNG TY TNHH CHU MINH (VN)
72 Nguyễn Cư Trinh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán mực in dùng cho các thiết bị trong văn phòng.

---

(111) **4-0099645**
(210) 4-2004-12462
(181) 11.11.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 11.11.2004

(591) Đỏ boóc đô, đen
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT ĐĂNG (VN)
Số 45, đường Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán rượu bia, nước giải khát, thực phẩm, thuốc lá, dụng cụ gia đình và hàng thủ công mỹ nghệ; tư vấn quản lý kinh doanh và xúc tiến thương mại; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm, đồ uống; dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát.

---

(111) **4-0099646**
(210) 4-2005-11918
(181) 14.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

6CHEEZE

(151) 16.04.2008
(220) 14.09.2005

(731) PIZZA HUT INTERNATIONAL, LLC (US)
14841 N. Dallas Parkway, Dallas, Texas 75254, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Món bánh pizza; vỏ bánh pizza; nước xốt cho bánh pizza; bột nhào làm bánh pizza.

---

(111) **4-0099647**
(210) 4-2007-02697
(181) 07.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 07.02.2007

(531) 26.1.1; 5.3.20
(591) Đỏ, hồng phấn
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ÁNH DƯƠNG (VN)
65 Trương Định, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng.

Nhóm 35: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán hàng kim khí điện máy, điện tử gia dụng, văn phòng phẩm, đồ mộc gia dụng, quần áo, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và các loại đèn treo, đèn thiết bị chiếu sáng.

(111) **4-0099648**
(210) 4-2005-13698
(181) 17.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

대한주택공사
KOREA NATIONAL HOUSING CORPORATION

(151) 16.04.2008
(220) 17.10.2005

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) KOREA NATIONAL HOUSING CORPORATION (KR)
#175, Gumi-dong, Bundang-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do 463-704, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 19: Kính tấm thường (dùng trong xây dựng); kính cửa sổ dùng trong xây dựng; gỗ dán; bê tông; xi măng poocläng; đá nhân tạo; ống dẫn cứng phi kim loại (dùng trong xây dựng); máng xối phi kim loại dùng trong xây dựng; ống ngầm phi kim loại; nắp hầm ngầm (ống ngầm) phi kim loại; cổng không bằng kim loại; khung cửa không bằng kim loại; vật liệu làm sàn (nhà) không bằng kim loại; ván trần (nhà) không bằng kim loại; tấm (ván) một mặt được làm bằng nhựa tổng hợp; gạch; ngói làm bằng chất dẻo; vữa dùng trong xây dựng; bộ vật liệu làm sẵn không bằng kim loại để lắp ghép các công trình xây dựng; vật liệu phủ/tráng dầu dùng trong xây dựng.

Nhóm 36: Dịch vụ thu tiền thuê bất động sản; dịch vụ ngân hàng đầu tư; bảo hiểm có đảm bảo; bảo hiểm tai nạn lao động; bảo hiểm đối với những mất mát, thiệt hại; thông tin tín dụng (tiền gửi ngân hàng, tiền vay ngân hàng); đánh giá tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản); dịch vụ bán tòa nhà, binđinh; đánh giá bất động sản; quản lý bất động sản; cho thuê bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; quản lý tòa nhà căn hộ; cho thuê căn hộ; cho thuê nhà ở (bất động sản); môi giới nhà đất.

Nhóm 37: Làm cách âm cho các công trình xây dựng; dịch vụ kỹ thuật xây dựng; sửa chữa các công trình xây dựng; phá hủy các công trình xây dựng; cho thuê trang thiết bị xây dựng; thông tin về xây dựng; xây dựng cầu vượt; xây dựng công viên; xây dựng cầu; khoan giếng; dịch vụ trát vữa; xây dựng đường giao thông (đường cao tốc, đường phố); lát đường (rải lớp mặt đường); dán giấy bồi tường; cung cấp các dịch vụ về mộc; trát vữa, trát thạch cao; chống thấm nước; chống ẩm; chống cháy; hàn chì; xây gạch; thực hiện công việc khoan (đào); lắp dựng giàn giáo; giám sát xây dựng các công trình xây dựng; xây dựng các tòa nhà văn phòng; xây dựng các công trình thương mại; xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; cung cấp các dịch vụ về nề; xây dựng dưới nước; trải nhựa đường; xây dựng đường có mái vòm; xây dựng căn hộ; xây dựng khu chung cư; xây dựng khách sạn-văn phòng; dịch vụ sơn nội thất, ngoại thất; lắp đặt kính (xây dựng); xây dựng nhà; xây dựng nhà kho; lắp đặt cửa sổ và cửa ra vào; công việc xây dựng kết cấu thép; gia cố các công trình xây dựng; gia công bê tông cốt sắt; công việc sửa soạn đất định cư; xây dựng đường hầm; mở rộng đất đai (xây dựng); lắp đặt trang thiết bị mạng truyền thông; lắp đặt thiết bị xử lý vệ sinh môi trường; sửa chữa đồ gỗ bọc đệm; sửa chữa thang máy; sửa chữa đồ dùng nhà bếp; làm sạch các công trình xây dựng (bên trong); dịch vụ chống ồn (cách âm); giám sát xây dựng; lắp đặt thang máy; nhồi, bọc đệm cho đồ gỗ.

(111) **4-0099649**
(210) 4-2004-01601
(181) 03.03.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 03.03.2004

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (VN)
Số 47, phố Hoà Mã, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 12: Ô tô; xe máy; các bộ phận và phụ tùng của xe máy, xe ô tô được xếp vào nhóm này.

---

(111) **4-0099650**
(210) 4-2007-00631
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) LENSO WHEEL COMPANY LIMITED (TH)
111/1, Moo 9, Wellgrow Industrial Estate, Bangwua Sub-District, Bangpakong District, Chacheongsao Province 24180, Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Bánh xe dùng cho phương tiện đi lại có động cơ; bánh xe làm từ hợp kim nhôm dùng cho phương tiện đi lại có động cơ.

---

(111) **4-0099651**
(210) 4-2005-15877
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

W.GRAND

(151) 16.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP HƯƠNG THÀNH (VN)
Số 10 Ngọc Lâm, Bồ Đề, Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ, yên xe, ống giảm âm, vành xe, ôtô.

---

(111) **4-0099652**
(210) 4-2005-16414
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SERVON

(151) 16.04.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, sữa rửa mặt.

---

(111) **4-0099653**
(210) 4-2005-16437
(181) 05.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PREVOMIT FT

(151) 16.04.2008
(220) 05.12.2005

(731) PT DEXA MEDICA (ID)
JI.RS Fatmawati Kav.33, Jakarta Selatan 12430, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099654**
(210) 4-2005-17088
(181) 15.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PANASTAR

(151) 16.04.2008
(220) 15.12.2005

(531) 1.5.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DU LỊCH NGỌC LINH (VN)
Số 7/19, phố Cột Cờ, phường Tân Sơn, tỉnh Thanh Hoá

(511) Nhóm 09: Máy thu tín hiệu truyền hình; đầu đĩa; loa; tivi.

Nhóm 11: Bếp gas; điều hoà; lò vi sóng.

---

(111) **4-0099655**
(210) 4-2005-17226
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23; A1.1.10
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0099656**
(210) 4-2005-17352
(181) 20.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMITY

(151) 16.04.2008
(220) 20.12.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH VIỆT NAM SUZUKI (VN)
Phường Bình Đa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Xe cộ di động trên mặt đất, trên không, dưới nước hoặc trên ray.

(111) **4-0099657**
(210) 4-2005-17608
(181) 26.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHASECULT

(151) 16.04.2008
(220) 26.12.2005

(531) 26.13.25
(731) GSGM CORPORATION (KR)
90-2, Nonhyun-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 09: Kính đeo mắt; các bộ phận và linh kiện liên quan đến kính, cụ thể gồm kính chống bụi; kính chống chói mắt (do ánh sáng); cái che mắt (cho đỡ chói); kính kẹp mũi; kính râm; kính có quai đeo; kính bơi; kính dùng khi chơi thể thao; mắt kính; dây chuyền nhỏ buộc kính kẹp mũi (dây nhỏ buộc kính kẹp mũi); hộp đựng kính kẹp mũi; gọng kính kẹp mũi; kính kẹp mũi (không gọng); dây nhỏ buộc kính kẹp mũi; hộp đựng kính kẹp mũi (không gọng); giá đỡ kính kẹp mũi; thấu kính tiếp xúc (vật kính); thiết bị lau sạch vật kính; hộp bao đựng vật kính.

Nhóm 18: Da; giả da (trừ vải sợi không dệt); cặp và túi bằng da; ô; van bằng da; dây da.

Nhóm 25: Thắt lưng có túi đựng tiền (quần áo); đồ đi chân; quần áo thể thao; quần áo kiểu phương tây; áo len dài tay (áo nịt); áo sơ mi mặc chung với áo xmôking (áo sơ mi mặc vào buổi chiều thường mặc cùng với áo lễ phục vào buổi chiều); quần áo mặc trong (quần áo lót); quần áo ngủ; đồ đội đầu; áo mưa; thắt lưng (quần áo); ghệt mắt cá (cái bao chân từ dưới đầu gối đến mắt cá chân); ca vát; tất thấm mồ hôi; vật phủ ấm chân (từ đầu gối đến mắt cá chân) bằng vải, ghệt (xà cạp); bao tay của phụ nữ (quần áo); khăn choàng cổ (có thể che được cả mặt và mũi) (quần áo); khăn quàng cổ; mũ che tai [trang phục]; găng tay chống rét; bít tất ngắn cổ Hàn Quốc; băng quấn ở vùng bắp chân bằng bông mềm để thấm mồ hôi của Hàn Quốc; găng tay hở ngón; khăn trùm (mạng che mặt (quần áo)); khăn quàng cổ bằng lông; túi bọc chân không sưởi nóng bằng điện; khăn choàng; đệm vai; khăn trùm; dải áo thầy dòng (đeo ở tay trái khi làm lễ), khăn choàng cổ (của phụ nữ); tất dài; miếng đệm gót dùng cho tất; khăn quàng (bằng lông thú); cà vạt lớn buộc dưới cằm; bít tất ngắn cổ; băng quấn ở vùng bắp chân bằng bông mềm để thấm mồ hôi; khăn mùi xoa (dùng như phụ kiện, phụ tùng của quần áo); tạp dề (quần áo); tất dùng khi tập luyện; tã lót trẻ em bằng vải dệt; túi quần áo; quần áo bó sát vào người; áo choàng phụ nữ.

Nhóm 26: Các vật dụng hay phụ kiện đi kèm hoặc đính kèm với trang phục quần áo (trừ khoá bằng kim loại, chuỗi tràng hạt bằng kim loại, vật dụng hay phụ kiện bằng kim loại quý và đồ trang sức quý), cụ thể gồm: tóc giả, tóc giả kiểu Hàn Quốc (đội thêm cho thấy mái tóc dầy); ru băng buộc tóc đuôi sam kiểu tóc Hàn Quốc (Daeng-gi); dây buộc (trừ dây chỉ thêu); ru băng buộc tóc; lưới bao tóc (mạng tóc); quả cầu nhỏ bằng len dùng để trang trí trên mũ (ngù len); cặp búi tóc; giữ tóc; ghim kẹp tóc; trâm cài tóc; huy hiệu để đeo không bằng kim loại; đồ trang trí đính ở dây thắt lưng không bằng kim loại quý; cái cặp; kẹp không bằng kim loại quý; kẹp tóc trang trí kiểu Hàn Quốc (Beenyer); vẩy mica (trang trí cho quần áo); băng tay; khoá (của thắt lưng) không bằng kim loại quý (phụ tùng của trang phục); ghim cài không bằng kim loại quý (phụ tùng của trang phục); lông chim (phụ tùng của trang phục); dây dải để làm viền mép dùng cho trang phục; tóc thật (phụ

tùng đi kèm trang phục); ru băng để trang trí; cặp tóc (kẹp tóc); băng buộc tóc; ru băng giải thưởng (đi kèm với trang phục); huy hiệu để trang trí (đính kèm với trang phục).

---

(111) **4-0099658**
(210) 4-2005-17814
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) 18.3.14; 26.3.23; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh lá mạ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU IPL (VN)
Phòng 303, tòa nhà Sông Thao II, ngõ 140, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ xuất nhập khẩu trực tiếp; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0099659**
(210) 4-2005-15581
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 16.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT CƠ (VN)
B2 đường Cao Thắng nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán máy móc thiết bị y tế và phòng thí nghiệm, hoá chất và nguyên vật liệu ngành hoá chất, mua bán thức ăn chăn nuôi, và mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0099660**
(210) 4-2005-17550
(181) 23.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

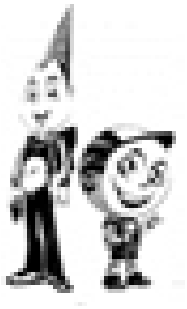

(151) 16.04.2008
(220) 23.12.2005

(531) 2.5.2; A2.5.23
(731) CÔNG TY TNHH CÁC SẢN PHẨM SỮA QUỐC TẾ (VN)
Km 29, quốc lộ 6, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm làm từ sữa; đồ uống có sữa (sữa là chủ yếu); rau quả được bảo quản, phơi khô và nấu chín; nước quả nấu đông; mứt quả.

---

(111) **4-0099661**
(210) 4-2006-16815
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 06.10.2006

(531) 16.3.17
(591) Vàng, vàng đồng, xanh
(731) CÔNG TY TNHH VIET AZ (VN)
68/18 Cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; truyền các thông báo quảng cáo; đánh giá công việc thương mại; thông tin về thương mại; hướng dẫn hoạt động kinh doanh; điều tra kinh doanh thương mại; tư vấn trong tổ chức và điều hành kinh doanh; hỗ trợ việc điều hành kinh doanh; tư vấn điều hành kinh doanh; tư vấn tổ chức kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; hãng thông tin thương mại; hỗ trợ điều hành doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp; biên tập thông tin vào cơ sở dữ liệu trong máy tính; hệ thống hóa thông tin vào cơ sở dữ liệu máy tính; xuất bản những bài quảng cáo; hãng quảng cáo; cho thuê phương tiện quảng cáo; cập nhật tài liệu quảng cáo; xử lý bài viết, văn bản; tư vấn nghiệp vụ về thương mại, phân tích giá thành; giới thiệu sản phẩm; phát hành các tài liệu quảng cáo; phổ biến các thông báo quảng cáo; phân phát hàng mẫu; quản lý việc tổ chức lao động cho có hiệu quả; văn phòng tuyển dụng lao động; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; quản lý tư liệu bằng máy tính; dự báo kinh tế; nghiên cứu thị trường.

Nhóm 38: Thông tin liên lạc bằng máy vi tính, thư điện tử, chuyển thư tín điện tử, hãng thông tấn, truyền thư tín và hình ảnh bằng máy vi tính.

---

(111) **4-0099662**
(210) 4-2006-20689
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540) 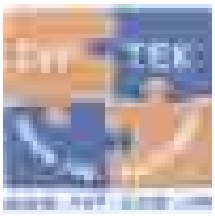

(151) 17.04.2008
(220) 27.11.2006

(531) 26.4.1; 25.5.25; 25.5.5
(591) Vàng cam, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ (VN)
A44 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị, dụng cụ y tế, kiểm nghiệm dùng trong phòng thí nghiệm; mua bán dụng cụ, thiết bị y tế; mua bán hoá chất, vật tư tiêu hao dùng trong lĩnh vực hỗ trợ sinh sản, điều trị vô sinh, hiếm muộn thuộc ngành y tế.

Nhóm 37: Lắp đặt, sửa chữa thiết bị thí nghiệm, thiết bị kiểm nghiệm y tế.

---

(111) **4-0099663**
(210) 4-2006-09354
(181) 16.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 16.06.2006

(531) 26.1.1
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐẠI PHÁT LỢI (VN)
443 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe gắn máy, xe ô tô.

---

(111) **4-0099664**
(210) 4-2006-13777
(181) 21.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

COMAY
Window blinds

(151) 17.04.2008
(220) 21.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CỎ MAY (VN)
201A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán màn sáo (rèm) cửa và vải.

---

(111) **4-0099665**
(210) 4-2006-16952
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OCHI – COOK

(151) 17.04.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TẾ CÁT VÀNG (VN)
ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Chất chiết ra từ thịt.

---

(111) **4-0099666**
(210) 4-2006-17073
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 11.10.2006

(531) A26.3.5; 26.4.2
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây, xanh nước biển đậm, xanh nước biển nhạt, trắng
(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, United States of America.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 03: Bột giặt quần áo; chế phẩm làm sạch; chế phẩm để đánh bóng; dung dịch cọ rửa; chất mài mòn; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước sức tóc; thuốc đánh răng.

Nhóm 05: Dược phẩm; chế phẩm dùng cho thú y; chế phẩm dùng để vệ sinh (dùng trong y tế); chất ăn kiêng (sử dụng trong y tế); thức ăn cho trẻ sơ sinh; thạch cao hoặc cao dán dùng cho việc băng bó chỗ bị thương; chất dùng để trám răng; sáp (để làm khuôn) dùng trong nha khoa; thuốc tẩy uế; chế phẩm để diệt trừ sâu hại; thuốc diệt nấm; thuốc diệt cỏ.

Nhóm 30: Cà phê; trà; ca-cao; đường; gạo; bột sắn hột; bột cọ sa-gu; cà phê nhân tạo; bột mỳ cho thực phẩm; chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mỳ; bánh nướng; bánh kẹo; đá lạnh có thể ăn được, mật ong; mật đường; men (bia, rượu); bột nở; muối dùng để nấu ăn; muối dùng để bảo quản thức ăn; tương mù-tạt; dấm; nước sốt (đồ gia vị); gia vị; đá để làm lạnh.

(111) **4-0099667**
(210) 4-2006-17074
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 11.10.2006

(531) A26.3.5; 26.4.1
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây; xanh nước biển đậm, trắng
(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202, United States of America.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 03: Bột giặt quần áo; chế phẩm làm sạch; chế phẩm để đánh bóng; dung dịch cọ rửa; chất mài mòn; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước sức tóc; thuốc đánh răng.

Nhóm 05: Dược phẩm; chế phẩm dùng cho thú y; chế phẩm dùng để vệ sinh (dùng trong y tế); chất ăn kiêng (sử dụng trong y tế); thức ăn cho trẻ sơ sinh; thạch cao hoặc cao dán dùng cho việc băng bó chỗ bị thương; chất dùng để trám răng; sáp (để làm khuôn) dùng trong nha khoa; thuốc tẩy uế; chế phẩm để diệt trừ sâu hại; thuốc diệt nấm; thuốc diệt cỏ.

Nhóm 30: Cà phê; trà; ca-cao; đường; gạo; bột sắn hột; bột cọ sa-gu; cà phê nhân tạo; bột mỳ cho thực phẩm; chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mỳ; bánh nướng; bánh kẹo; đá lạnh có thể ăn được, mật ong; mật đường; men (bia, rượu); bột nở; muối dùng để nấu ăn; muối dùng để bảo quản thực phẩm; tương mù-tạt; dấm; nước sốt (đồ gia vị); gia vị; đá để làm lạnh.

---

(111) **4-0099668**
(210) 4-2006-17077
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SEVENLOVE

(151) 17.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG VIỆT (VN)
P10-A1 Bắc Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099669**
(210) 4-2006-17078
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SAMIO

(151) 17.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG VIỆT (VN)
P10-A1 Bắc Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099670**
(210) 4-2006-17079
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEPAFOCS

(151) 17.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099671**
(210) 4-2006-17503
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SMO-STOP

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099672**
(210) 4-2006-17504
(181) 18.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

POLUGEL

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM BẠCH LONG (VN)
761 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099673**
(210) 4-2006-17623
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LIVERVUDIN

(151) 17.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VŨ TÙNG (VN)
316 đường Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm và thiết bị y tế.

---

(111) **4-0099674**
(210) 4-2006-19921
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Dk Deckese®

(151) 17.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM DA VĨNH PHÁT (VN)
506/19 đường 3/2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán ví làm bằng da (bóp da), túi xách làm bằng da, dây thắt lưng làm bằng da, cặp làm bằng da, giỏ sách làm bằng da.

---

(111) **4-0099675**
(210) 4-2006-19922
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.11.3; A26.11.8
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ (VN)
163/30J Nguyễn Kim, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy thu hình (ti vi); máy tăng âm (âmpli); loa; đầu máy kỹ thuật số, bộ trộn âm (micxơ); ống nói (micrô).

---

(111) **4-0099676**
(210) 4-2006-19941
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) A1.1.10; 24.9.1
(591) Trắng, đỏ đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NHẬT (VN)
Số 860 đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 11: Đèn điện; bóng đèn điện; bóng đèn chiếu sáng; đèn dùng cho xe cộ; đèn chiếu sáng dùng trong phòng thí nghiệm.

---

(111) **4-0099677**
(210) 4-2006-21054
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 1.3.1; 18.3.21; 26.1.1
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ VŨ NHƯ DŨNG (VN)
Thôn Trung Thịnh, xã Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099678**
(210) 4-2006-21062
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIOLIFE

(151) 17.04.2008
(220) 01.12.2006

(731) RIVERDOR CORP. S.A. (UY)
Av. 18 de Julio 878, Office 1204, Montevideo, Republic of Uruguay
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm và chất diệt trừ cỏ dại và diệt trừ sâu hại, chất diệt nấm, thuốc diệt cỏ và thuốc diệt khuẩn (được sử dụng trong nông nghiệp).

---

(111) **4-0099679**
(210) 4-2006-21816
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Sarpino's Pizzeria

(151) 17.04.2008
(220) 13.12.2006

(531) A25.3.3
(731) SARPINO'S INTERNATIONAL, INC. (CA)
Suite #23-6782 Veyaness Road, Saanichton, British Columbia, Cananda, V8M 2C2
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống và dịch vụ nhà hàng ăn uống không dùng tại chỗ (mang về hoặc mang đi).

---

(111) **4-0099680**
(210) 4-2006-20805
(181) 28.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Hisinale

(151) 17.04.2008
(220) 28.11.2006

(731) KLONAL LABORATORIOS (AR)
Lamadrid 802, Quilmes, Buenos Aires Province Argentine Republic
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099681**
(210) 4-2005-13907
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 20.10.2005

(531) 3.7.1; A1.5.3
(591) Vàng, đỏ, xanh
(731) CƠ SỞ TÀI KÝ (VN)
F15, đường 26/3, phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Ổn áp tự động, loa, ampli, đầu máy VCD, đầu máy DVD.

---

(111) **4-0099682**
(210) 4-2005-13071
(181) 05.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 17.04.2008
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Da và giả da, vali, túi du lịch, cặp, túi xách.

---

(111) **4-0099683**
(210) 4-2005-13072
(181) 05.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 17.04.2008
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, cà vạt, bít tất, thắt lưng, giầy, dép.

---

(111) **4-0099684**
(210) 4-2005-13771
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEWDERM

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099685**
(210) 4-2005-13772
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SPOSAMIN

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099686**
(210) 4-2005-13773
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLDLYSIN

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099687**
(210) 4-2005-13774
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EGREENLIFE

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099688**
(210) 4-2005-13777
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y, sản phẩm vệ sinh cá nhân chứa thuốc.

---

(111) **4-0099689**
(210) 4-2005-13778
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

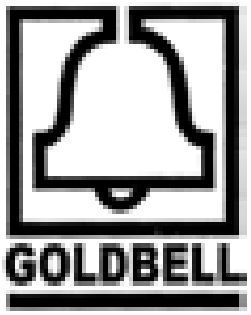

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) A22.3.5
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KIM CHUÔNG (VN)
97/8A Phù Đổng Thiên Vương, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng xoa bóp.

---

(111) **4-0099690**
(210) 4-2005-13779
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KIM CHUÔNG (VN)
97/8A Phù Đổng Thiên Vương, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng xoa bóp.

---

(111) **4-0099691**
(210) 4-2005-13780
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DENTAFRESH

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KIM CHUÔNG (VN)
97/8A Phù Đổng Thiên Vương, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Nước súc miệng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099692**
(210) 4-2005-13782
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NATA (VN)
Số 1, đường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước rửa vệ sinh phụ nữ không chứa thuốc.

Nhóm 05: Dược phẩm, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

(111) **4-0099693**
(210) 4-2005-14683
(181) 02.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 02.11.2005

(531) 26.1.2
(731) XÍ NGHIỆP TƯ NHÂN XUÂN KIÊN (VN)
Số 60 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Vỏ hộp số (hộp số chính, hộp số phụ, hộp số phân phối); nắp hộp số.

Nhóm 12: Ô tô; khung xe; chắn bảo hiểm trước; chắn bảo hiểm sau; cụm khung xương; mảng đầu xe; mảng hậu; tấm nóc; cửa thông gió; tấm ốp sườn phải; tấm ốp sườn trái; cửa thùng hàng; giá đỡ hành lý trong xe; cửa lái; cửa khách; cửa sau xe; khoang máy; tấm nóc phía trước khoang máy; nắp capo; tấm vách ngăn với khoang hành khách; hốc bánh xe; khoang hành lý; tấm vách ngăn với khoang hành khách; tấm đuôi xe; cản sau; tấm sàn phía trước khoang máy; tấm sàn ở giữa khoang hành khách; tấm sàn phía sau khoang hành lý; kính chắn gió; nắp che khoang máy; gương chiếu hậu; thân máy; nắp quy láp; đệm nắp máy; két mát; hệ thống ống, van dẫn nước làm mát máy; bơm nước; lọc dầu khô; lọc dầu tinh; cụm ống nạp; cụm ống xả; thùng nhiên liệu; bầu lọc nhiên liệu; các đường ống nối; puly các loại; vỏ ly hợp; tấm ma sát; xương đĩa, đinh tán; hệ thống dẫn động ly hợp; bàn ép; lò xo giảm chấn; lò xo ép; vỏ cầu sau; trục các đăng trước; trục các đăng sau; các giá treo trục các đăng; bầu phanh (xilanh thủy lực); bình hơi phanh; bàn đạp phanh, dẫn động; guốc phanh; phanh tay; bộ nhíp lá; quang treo; giá đỡ nhíp; chốt nhíp; mõ nhíp động; giảm sóc; giá đỡ giảm sóc; ghế khách; ghế lái; tay vịn, chân đế, bảng tablo; thùng dùng cho xe ô tô; tất cả là bộ phận của xe cộ.

Nhóm 37: Sơn vỏ xe; sơn khung xe.

Nhóm 40: Hàn vỏ xe; hàn khung xe; lắp ráp ô tô.

(111) **4-0099694**
(210) 4-2005-14838
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 07.11.2005

(531) 2.1.22; 4.5.2; 10.3.1; A10.3.4
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT A.B.C (VN)
68/4 Nguyễn Bá Tòng, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Keo silicon chống thấm; hoá chất dùng để bổ sung vào hỗn hợp chống thấm làm tăng khả năng chống thấm được bền lâu; hóa chất chống thấm; keo dùng trong công nghiệp.

Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 19: Chất chống thấm làm từ nhựa đường; vữa xi măng chà ron gạch; vữa xây tô; bột trét tường; hỗn hợp xi măng và phụ gia dùng để gắn dán gạch.

---

(111) **4-0099695**
(210) 4-2005-14975
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

QUINVONIC

(151) 17.04.2008
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1- PHARBACO (VN)
160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099696**
(210) 4-2005-02324
(181) 07.03.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 07.03.2005

(531) A26.11.12
(591) Đen, đen nhạt, trắng
(731) BUSINESS OBJECTS, SA (FR)
157-159 rue Anatole France, 92309 Levallois-Perret, France
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

Nhóm 16: Ấn phẩm, bao gồm sách đào tạo và hướng dẫn người sử dụng máy vi tính.

---

(111) **4-0099697**
(210) 4-2005-05147
(181) 05.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 05.05.2005

(531) 14.5.1; 26.1.2; 26.3.23; A26.11.12
(591) Đỏ, vàng, xanh tím than
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO SONG THÀNH CÔNG (VN)
Lô 113 khu quy hoạch 285 CMT8, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo thương mại, tổ chức hội chợ triển lãm, đại lý ký gửi hàng hoá, môi giới thương mại.

---

(111) **4-0099698**
(210) 4-2005-10781
(181) 23.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FROG STYLE

(151) 17.04.2008
(220) 23.08.2005

(731) KABUSHIKI KAISHA BANDAI (Bandai Co., Ltd.) (JP)
4-8, Komagata 1-chome, Taito-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi; đồ chơi theo hình nhân vật; các trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; đồ chơi điện; búp bê; đồ chơi nhồi bông; bàn cờ; đồ chơi có bản chất là hộp kẹo; thẻ trò chơi dùng cho các trò chơi dùng thẻ; bài lá; đồ chơi có nhạc; hộp đồ chơi có nhạc; dụng cụ (đồ chơi) làm trò ảo thuật; quân bài domino.

---

(111) **4-0099699**
(210) 4-2005-14033
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

METAL POINT

(151) 17.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CHECKPOINT SYSTEMS, INC. (US)
101 Wolf Drive, P.O. Box 188, Thorofare, NJ 08086, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy dò kim loại, hệ thống giám sát đồ vật bằng điện tử, từ tính, điện từ và sóng cao tần với bộ dò kim loại tích hợp, thiết bị an ninh dùng cho hệ thống giám sát đồ vật bằng điện tử, từ tính, điện từ và sóng cao tần.

---

(111) **4-0099700**
(210) 4-2006-08219
(181) 26.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 26.05.2006

(531) 1.3.1; A1.3.20
(731) CƠ SỞ THIÊN PHÚ (VN)
9/48 đường Tái Thiết, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược thảo được chế biến ở dạng trà (chè) nhằm mục đích y tế, cụ thể là: chè Atisô túi lọc, chè Atisô hòa tan, chè Hà Thủ Ô túi lọc, chè Khổ Qua (mướp đắng) túi lọc, chè cỏ ngọt túi lọc.

Nhóm 30: Trà (chè); cà phê; trà (chè) Atisô (không nhằm mục đích y tế); trà Khổ Qua (chè mướp đắng, không nhằm mục đích y tế); trà (chè) cỏ ngọt (không nhằm mục đích y tế).

Nhóm 32: Bột giải khát hòa tan được làm từ rong biển và sanh địa; bột giải khát hòa tan được làm từ La Hán quả và hoa cúc; bột giải khát hòa tan được làm từ rễ tranh, mía lau và râu ngô; bột giải khát hòa tan được làm từ củ năng và củ sen.

---

(111) **4-0099701**
(210) 4-2006-20456
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHÚ BÌNH

(151) 17.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÚ BÌNH PHƯƠNG (VN)
13/9A Lê Văn Thọ, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán mái hiên, phụ kiện mái hiên di động, bạt, cửa cuốn, cửa kéo, vòm cố định, nhà xưởng lắp ghép, cửa sắt.

Nhóm 40: Sản xuất mái hiên, phụ kiện mái hiên di động, vòm cố định.

---

(111) **4-0099702**
(210) 4-2006-02239
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIETROLL

(151) 17.04.2008
(220) 17.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRỤC CHÀ LÚA TÂN LÚA VÀNG (VN)
C24 đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Trục chà lúa bằng cao su (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0099703**
(210) 4-2006-02738
(181) 29.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2006

(591) Tím sen, xám
(731) VÕ THÀNH NHÂN (VN)
Số 6, Châu Văn Liêm, khu vực 1, phường 1, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán xe đạp, phụ tùng xe đạp, hàng điện gia dụng, kim khí điện máy, điện lạnh, điện thoại, máy fax, máy vi tính.

---

(111) **4-0099704**
(210) 4-2006-03036
(181) 06.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THIÊN HƯNG

(151) 17.04.2008
(220) 06.03.2006

(731) CƠ SỞ THIÊN HƯNG (VN)
Khu phố 1, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099705**
(210) 4-2006-04820
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SENATOR

(151) 17.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH GEO VIỆT NAM (VN)
Xóm 2, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 02: Các loại sơn (trừ sơn cách điện); mực thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Bột bả tường; vữa dùng trong xây dựng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099706**
(210) 4-2006-04821
(181) 03.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EVERRICH

(151) 17.04.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH GEO VIỆT NAM (VN)
Xóm 2, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 02: Các loại sơn (trừ sơn cách điện); mực thuộc nhóm này.

Nhóm 19: Bột bả tường; vữa dùng trong xây dựng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0099707**
(210) 4-2006-05675
(181) 13.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 13.04.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C ấp Nội Hoá, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên; đậu Hà Lan chiên muối; đậu rang; hạt điều chiên.

Nhóm 30: Đậu phộng bọc sôcôla; bánh ngọt; kẹo.

---

(111) **4-0099708**
(210) 4-2006-05759
(181) 14.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

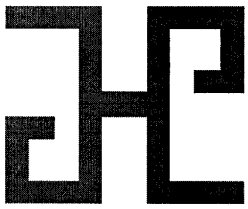

(151) 17.04.2008
(220) 14.04.2006

(531) 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ (VN)
Số 25, phố Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 18: Balô, túi, cặp, vali, túi du lịch.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón.

---

(111) **4-0099709**
(210) 4-2006-09298
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 15.06.2006

(531) 26.3.23; 26.4.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BẢO HIẾN (VN)
341/42B Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 17: Băng keo cách điện.

(111) **4-0099710**
(210) 4-2006-09351
(181) 16.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 16.06.2006

(531) 26.1.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LỢI TƯỜNG (VN)
26 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Bộ dàn âm thanh radiô cát xét; radiô cát xét; đầu đọc đĩa kỹ thuật số; máy vi tính; máy thu hình (tivi); loa.

Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc; thức ăn cho thủy hải sản.

---

(111) **4-0099711**
(210) 4-2006-12218
(181) 31.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

XENIC

(151) 17.04.2008
(220) 31.07.2006

(731) RIVERDOR CORP. S.A. (UY)
Av.18 de Julio 878, Office 1204, Montevideo, Republic of Uruguay
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; thuốc trừ sâu; thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0099712**
(210) 4-2006-15270
(181) 12.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAXIFORT

(151) 17.04.2008
(220) 12.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN HƯƠNG GIANG (VN)
227 Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Hoá chất xử lý nước và môi trường.

Nhóm 05: Thuốc thú y thuỷ hải sản.

---

(111) **4-0099713**
(210) 4-2006-20380
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CỌ XANH GREEN PALM gallery

(151) 17.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 5.5.19; A5.5.21; 5.3.7
(731) TRẦN THANH HÀ (VN)
Phòng 203, C8 Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán tranh ảnh nghệ thuật, các sản phẩm mỹ thuật.

---

(111) **4-0099714**
(210) 4-2006-20494
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SẮC ĐẸP VIỆT

(151) 17.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẮC ĐẸP VIỆT (VN)
28/21 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm, quần áo, đồ trang sức, đồ trang điểm, hoa, quà tặng.

---

(111) **4-0099715**
(210) 4-2006-20496
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

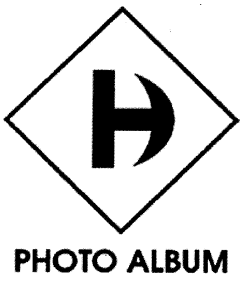

(151) 17.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ALBUM ĐỨC HIỆP (VN)
372 Hùng Vương, ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Tập anbom (album).

---

(111) **4-0099716**
(210) 4-2006-20581
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SONA-TIUM

(151) 17.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099717**
(210) 4-2006-20582
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHACEZOLE

(151) 17.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099718**
(210) 4-2006-20583
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ACTWIDE

(151) 17.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ HÀ MINH (VN)
B5, lô 5, khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099719**
(210) 4-2006-20584
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DONAIPHYLLIN

(151) 17.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099720**
(210) 4-2006-20647
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUN DORADO

(151) 17.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU QUỐC TẾ (VN)
258/9b ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0099721**
(210) 4-2006-00017
(181) 03.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FABHION
Thế giới trẻ

(151) 17.04.2008
(220) 03.01.2006

(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ LỆ THI (VN)
172 Lê Văn Sĩ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0099722**
(210) 4-2006-00349
(181) 09.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOUTH ASIA

(151) 17.04.2008
(220) 09.01.2006

(731) PHẠM QUANG HÙNG (VN)
Số 89B Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại; tổng đài điện thoại, hộp đựng cáp điện thoại; thiết bị liên lạc; máy phát tín hiệu [viễn thông]; thiết bị thu kỹ thuật số.

---

(111) **4-0099723**
(210) 4-2006-00381
(181) 09.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 09.01.2006

(531) 26.1.2; 2.9.10
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ NGUYỄN QUANG TIẾN (VN)
34 Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0099724**
(210) 4-2006-00394
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TOPCAL

(151) 17.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) 26.5.1
(731) CÔNG TY TNHH HÀN VIỆT PHÚ THỌ (VN)
Khu 11, xã Kim Đức, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

(511) Nhóm 01: Cacbonat can xi tổng hợp (CaC03).

---

(111) **4-0099725**
(210) 4-2007-05318
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 29.03.2007

(531) 26.1.1; 7.1.24; 26.7.25
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ THÁP SƠN (VN)
59 Tản Đà, phường 1, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0099726**
(210) 4-2007-03411
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOROTACIN

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099727**
(210) 4-2007-03412
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOCOTURAN

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099728**
(210) 4-2007-03413
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPODENASIL

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099729**
(210) 4-2007-03414
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOULTINA

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099730**
(210) 4-2007-03415
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOMALUCID

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099731**
(210) 4-2007-03416
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOBODRINE

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099732**
(210) 4-2007-03417
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOSEFRA

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099733**
(210) 4-2007-03418
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPODOMPEL

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099734**
(210) 4-2007-03419
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOZIREX

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099735**
(210) 4-2007-03430
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Hoa Long

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU QUỲNH HƯƠNG (VN)
Số 81, phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo, bánh đậu xanh.

---

(111) **4-0099736**
(210) 4-2007-03431
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Thịnh Long

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU QUỲNH HƯƠNG (VN)
Số 81, phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo, bánh đậu xanh.

---

(111) **4-0099737**
(210) 4-2007-03432
(181) 28.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Thiên Quý

(151) 17.04.2008
(220) 28.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU QUỲNH HƯƠNG (VN)
Số 81, phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo, bánh đậu xanh.

---

(111) **4-0099738**
(210) 4-2007-04125
(181) 12.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CLOKEEP

(151) 17.04.2008
(220) 12.03.2007

(731) SYNMEDIC LABORATORIES (IN)
202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar East of Kailash, New Delhi 110065, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099739**
(210) 4-2007-04126
(181) 12.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIGBHACEF

(151) 17.04.2008
(220) 12.03.2007

(731) VIGBHA (Asia) PTE. LTD. (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099740**
(210) 4-2007-05036
(181) 26.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOO-GOO

(151) 17.04.2008
(220) 26.03.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN - THỰC PHẨM MAI TÚ (VN)
729 A đường 3/2, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; cháo ăn liền; bún ăn liền; nước xốt; gia vị thực phẩm; kẹo dẻo.

---

(111) **4-0099741**
(210) 4-2005-17351
(181) 20.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

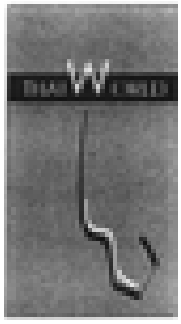

(151) 17.04.2008
(220) 20.12.2005

(531) 26.4.2; 21.3.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Số 63 phố Huế, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0099742**
(210) 4-2005-04635
(181) 25.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 25.04.2005

(531) 5.7.24
(731) SUN WORLD INTERNATIONAL, LLC (A Delaware limited liability company) (US)
16350 Driver Road, Bakersfield, California 93308, USA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 31: Các loại rau tươi và quả tươi.

---

(111) **4-0099743**
(210) 4-2005-13490
(181) 12.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 12.10.2005

(531) 3.1.1; 5.13.25
(731) DƯƠNG CÔNG KIÊN (VN)
294A Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu vang.

---

(111) **4-0099744**
(210) 4-2005-16930
(181) 13.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TỨ TUYỆT

(151) 17.04.2008
(220) 13.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á (VN)
Lô G2, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 30: Mì, phở, cháo ăn liền.

---

(111) **4-0099745**
(210) 4-2005-13795
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 24.1.1; 21.3.1; 24.13.1
(591) Trắng, đen, vàng, đỏ, đỏ đun, xanh
(731) FUTBOL CLUB BARCELONA (ES)
Avenida Aristides Maillol s/n (08028), Barcelona, Spain
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu.

Nhóm 41: Cung cấp các dịch vụ về giáo dục; đào tạo; giải trí; các hoạt động văn hoá, thể thao; dịch vụ câu lạc bộ thể thao.

---

(111) **4-0099746**
(210) 4-2005-15562
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GUTICAP

(151) 17.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW5 - ĐÀ NẴNG (VN)
253 Dũng Sĩ Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099747**
(210) 4-2005-15563
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEUROPYL

(151) 17.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW5 - ĐÀ NẴNG (VN)
253 Dũng Sĩ Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099748**
(210) 4-2005-16247
(181) 02.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

BACTASULS

(151) 17.04.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099749**
(210) 4-2005-16723
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TYGICO
Specialty Steels

(151) 17.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ TYG (VN)
11 Nguyễn Huy Tưởng, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 35: Xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0099750**
(210) 4-2005-17042
(181) 14.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 14.12.2005

(531) 26.1.1; A1.1.5; 15.5.25; 24.17.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ NĂM SAO (VN)
Số 327 ngõ Văn Chương, phố Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Dịch vụ bảo mật thông tin, an ninh (chống đột nhập) cho mạng máy tính.

---

(111) **4-0099751**
(210) 4-2006-15122
(181) 11.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SANH LỢI

(151) 17.04.2008
(220) 11.09.2006

(731) CƠ SỞ PHẠM THANH PHONG (VN)
72B, ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Trứng vịt lộn; trứng vịt lạt; trứng vịt muối; trứng vịt bắc thảo.

Nhóm 35: Mua bán: trứng vịt lộn, trứng vịt lạt, trứng vịt muối, trứng vịt bắc thảo.

---

(111) **4-0099752**
(210) 4-2006-15124
(181) 11.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HỒNG LOAN

(151) 17.04.2008
(220) 11.09.2006

(731) CƠ SỞ NGUYỄN VĂN TUẤN (VN)
ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Trứng vịt lộn; trứng vịt lạt; trứng vịt muối; trứng gà.

---

(111) **4-0099753**
(210) 4-2006-21916
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZI-ARGUS
Industrial Automation

(151) 17.04.2008
(220) 14.12.2006

(731) ARGUS INDUSTRIAL GROUP HOLDINGS LTD. (VG)
P.O. Box 957, Offshore Incorporation Centre Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính, tư vấn liên quan đến phần cứng máy tính, lập chương trình máy tính, sao y chương trình máy tính, thiết kế phần mềm máy tính, cài đặt phần mềm máy tính, bảo trì phần mềm máy tính, cập nhật phần mềm máy tính, thiết kế hệ thống máy tính, phân tích hệ thống máy tính, chuyển đổi dữ liệu hoặc tài liệu từ phương tiện vật lý sang phương tiện điện tử, chuyển đổi dữ liệu bằng chương trình máy tính (không là chuyển đổi vật lý), thiết kế công nghiệp, dịch vụ kỹ thuật của các kỹ sư, cho thuê phần mềm máy tính, dịch vụ nghiên cứu và phát triển (cho người khác), nghiên cứu dự án kỹ thuật.

---

(111) **4-0099754**
(210) 4-2006-21917
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UPS WORLDWIDE EXPRESS SAVER

(151) 17.04.2008
(220) 14.12.2006

(731) UNITED PARCEL SERVICE OF AMERICA, INC. (US)
55 Glenlake Parkway, NE, Atlanta, GA 30328, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Chuyên chở thư, tài liệu, phương tiện liên lạc, ấn phẩm, và các hàng hoá và tài sản khác bằng nhiều phương tiện chuyên chở khác nhau, và bao gồm các dịch vụ liên quan cụ thể là dịch vụ xếp hàng vào kho, lưu kho, đóng gói và vận chuyển.

---

(111) **4-0099755**
(210) 4-2005-14017
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH SƠN MAI (VN)
Số 38 Hàng Điếu, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 20: Đệm ghế; đệm giường.

---

(111) **4-0099756**
(210) 4-2005-17149
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Raflink

(151) 17.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) RAFLATAC OY (FI)
Tesomankatu 31, 33310 Tampere, Finland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy, các tông không được xếp trong các nhóm khác; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); tài liệu và đồ dùng giảng dạy (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); vật liệu bằng chất dẻo để bao gói (không được xếp ở những nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clisê); màng dạng lớp tự dính ở dạng cuộn, tấm và nhãn dùng để bao gói dùng trong thương mại; nhãn và màng dạng lớp dùng để cảnh báo và chống trộm làm từ giấy hoặc các tông.

---

(111) **4-0099757**
(210) 4-2005-17249
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FASIGYNE

(151) 17.04.2008
(220) 19.12.2005

(731) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road Groton, Connecticut 06340, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược chống nhiễm khuẩn.

---

(111) **4-0099758**
(210) 4-2006-21247
(181) 05.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 05.12.2006

(531) A26.11.12; 26.1.1; 2.9.4
(731) DRIVECAM, INC. (US)
3954 Murphy Canyon Road, Suite D#250, San Diego, California 92123, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ghi sự kiện đa phương tiện; phần mềm máy tính để phân tích dữ liệu từ thiết bị ghi dữ liệu sự kiện (ghi sẵn, có thể tải về); phần mềm quản lý việc lái xe (ghi sẵn, có thể tải về); dữ liệu điện tử về hoạt động lái xe để thiết lập số liệu và số điểm mức độ gây nguy hiểm của người lái.

Nhóm 41: Dịch vụ hướng dẫn hoạt động lái xe nhằm tránh nguy cơ gây rủi ro; cung cấp các chương trình (điện tử, không thể tải về) và dịch vụ điều khiển hoạt động lái xe thông qua việc sử dụng thiết bị ghi sự kiện đa phương tiện gắn trên xe để phát hiện các sự kiện lái xe không an toàn đã xảy ra, tải xuống các tệp sự kiện đã lưu giữ, xem xét, phân tích và đánh giá các sự kiện xảy ra tiếp sau, tất cả cho mục đích giảm thiểu hoạt động lái xe không an toàn; tập huấn an toàn cho lái xe; cung cấp dịch vụ giáo dục các doanh nghiệp và các lái xe thông qua công nghệ ghi sự kiện đa phương tiện để trong xe, hệ thống phản hồi, phần mềm quản lý việc lái xe và việc hướng dẫn lái xe, tất cả nhằm nâng cao kỹ năng cho người lái xe và hoạt động lái xe; cung cấp dữ liệu điện tử về hoạt động của người lái và phân tích hoạt động của người lái để thiết lập số liệu gây nguy hiểm của người lái và đánh giá mức độ gây nguy hiểm của người lái xe (không thể tải về).

Nhóm 42: Xử lý dữ liệu đa phương tiện, cụ thể là phân tích nội dung âm thanh, hình ảnh, văn bản và kỹ thuật số được thu thập và xác định các phân đoạn chứa các sự kiện đã xảy ra, để xem xét, phân tích và ghi hoạt động của người lái và hướng lái; cung cấp sự sử dụng tạm thời phần mềm không thể tải xuống để phân tích và/hoặc ghi nhận hoạt động của người lái; phân tích và báo cáo việc dựng lại hiện trường tai nạn xe cộ.

(111) **4-0099759**
(210) 4-2006-21872
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 14.12.2006

(531) 2.9.1; 26.1.1
(591) Đen, trắng, nâu, nâu sẫm, nâu vàng, vàng nhạt, tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÔCÔLA BỈ (VN)
57 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Sôcôla, ca cao, đồ uống trên cơ sở sôcôla, đồ uống trên cơ sở ca cao, bánh, kẹo.

(111) **4-0099760**
(210) 4-2006-21873
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 14.12.2006

(531) 2.9.1; 26.1.1
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, vàng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÔCÔLA BỈ (VN)
57 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Sôcôla, ca cao, đồ uống trên cơ sở sôcôla, đồ uống trên cơ sở ca cao, bánh, kẹo.

---

(111) **4-0099761**
(210) 4-2005-07516
(181) 23.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

K·SWISS

(151) 17.04.2008
(220) 23.06.2005

(531) 26.11.3
(731) K-SWISS INC. (US)
31248 Oak Crest Drive, Westlake Village, California, U.S.A. 91361
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giầy thể thao, giầy dùng cho môn thể thao điền kinh, giầy dạ hội, giầy thường, giầy ống, xăng đan, dép lê, tất ngắn, áo sơ mi, quần, quần soóc thể thao, áo vét tông, váy ngắn, áo gi lê, áo len dài tay, cà vạt, thắt lưng (trang phục), găng tay (trang phục), mũ có vành, mũ (công nhân, giáo sư, quan toà) và mũ lưỡi trai; quần lót thấm mồ hôi, áo lạnh tay ngắn và áo vét chống gió (áo gió).

---

(111) **4-0099762**
(210) 4-2005-11649
(181) 09.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 09.09.2005

(531) 3.7.10; A3.7.24
(591) Da cam, đen
(731) CÔNG TY TNHH MOUSSE XỐP CHI YA (VN)
F2, F3, F4 khu công nghiệp Đức Hoà 1, ấp 5, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Mousse xốp bán thành phẩm.

---

(111) **4-0099763**
(210) 4-2005-12285
(181) 21.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KOVA

(151) 17.04.2008
(220) 21.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SƠN KOVA (VN)
Lô 32 khu Liên Cơ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn (chất để phủ ngoài); matit để gắn kính, mực in, chất tạo màu.

---

(111) **4-0099764**
(210) 4-2005-13070
(181) 05.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 17.04.2008
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 16: Giấy, giấy bìa các tông, ấn phẩm, văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ), chất dẻo để bao gói.

---

(111) **4-0099765**
(210) 4-2006-03803
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

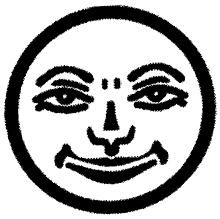

(151) 17.04.2008
(220) 17.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 1.3.21; 26.1.1
(731) MICHA AND MARIANA HERTZANO (IL)
53 Drezner Street, Tel Aviv, Israel
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em; trò chơi và đồ chơi.

---

(111) **4-0099766**
(210) 4-2006-03804
(181) 17.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RUMMIKUB

(151) 17.04.2008
(220) 17.03.2006

(731) MICHA AND MARIANA HERTZANO (IL)
53 Drezner Street, Tel Aviv, Israel
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em; trò chơi và đồ chơi.

---

(111) **4-0099767**
(210) 4-2006-17625
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.4.3; 26.4.4; 26.4.9
(731) ALTICOR INC. (US)
7575 Fulton Street East, Ada, Michigan 49355 USA
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy truyền và nhận dữ liệu và năng lượng điện không dây.

---

(111) **4-0099768**
(210) 4-2007-01024
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAKANO

(151) 17.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CƠ SỞ HOÀNG ĐẠO (VN)
B 19/405 C đường Trần Đại Nghĩa, ấp II, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Lốp xe đạp, lốp xe máy, lốp xe ba gác, săm xe đạp, săm xe máy, săm xe ba gác.

---

(111) **4-0099769**
(210) 4-2007-01025
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

CHENG HIGO

(151) 17.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CƠ SỞ HOÀNG ĐẠO (VN)
B19/405 C đường Trần Đại Nghĩa, ấp II, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Lốp xe đạp; lốp xe máy; lốp xe ba gác; săm xe đạp; săm xe máy; săm xe ba gác.

---

(111) **4-0099770**
(210) 4-2007-03298
(181) 26.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 26.02.2007

(591) Đỏ, xám, trắng
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ (VN)
33-39 Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Tài chính, tiền tệ.

---

(111) **4-0099771**
(210) 4-2006-15641
(181) 18.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OPENORFLOXIN

(151) 17.04.2008
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099772**
(210) 4-2006-20121
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIRILAM

(151) 17.04.2008
(220) 21.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0099773**
(210) 4-2006-20332
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEWLIVERDINE

(151) 17.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099774**
(210) 4-2006-20333
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEURO-3BMIN

(151) 17.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099775**
(210) 4-2006-20408
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 7.1.24; 7.1.25
(591) Xanh lam, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MINH SÁNG (VN)
Quốc lộ 13, ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng hoá, kinh doanh siêu thị, quảng cáo, điều hành kinh doanh, quản lý kinh doanh, giới thiệu sản phẩm, phát hành các tài liệu quảng cáo.

Nhóm 36: Đầu tư vốn, mua bán bất động sản, cho thuê bất động sản, cho thuê văn phòng, môi giới bất động sản, quản lý bất động sản.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, quán ăn tự phục vụ, dịch vụ khách sạn, căng tin, quán cà phê tự phục vụ, cho thuê chỗ ở tạm thời.

---

(111) **4-0099776**
(210) 4-2006-21059
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 7.1.24
(591) Đỏ tươi, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT ĐẸP (VN)
Số 88 Tô Hiến Thành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Xây dựng các công trình công nghiệp, xây dựng các công trình dân dụng, xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước, xây dựng các công trình thương mại, xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp.

Nhóm 42: Thiết kế mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công trình công nghiệp, thiết kế nội ngoại thất công trình.

---

(111) **4-0099777**
(210) 4-2006-21338
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Hotavit H5000

(151) 17.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 1, tập thể A37, tổ 110, Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099778**
(210) 4-2006-22128
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.1.1
(731) VŨ THỊ THỌ (VN)
Số nhà 32 đường Láng, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Đèn, chao đèn, chụp đèn, chân đèn, giá đỡ chao đèn, giá để đèn.

---

(111) **4-0099779**
(210) 4-2007-02317
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

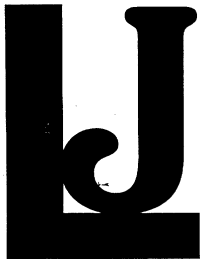

(151) 17.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ KIM LONG (VN)
107 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Vàng; bạc; đá quý; nữ trang bằng vàng; nữ trang bằng bạc; nữ trang bằng đá quý.

---

(111) **4-0099780**
(210) 4-2006-21874
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 14.12.2006

(531) 2.9.1; 26.1.1
(591) Đen, trắng, vàng nhạt, đỏ, nâu đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÔCÔLA BỈ (VN)
57 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Sôcôla, ca cao, đồ uống trên cơ sở sôcôla, đồ uống trên cơ sở ca cao, bánh, kẹo.

---

(111) **4-0099781**
(210) 4-2006-00489
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) 5.3.16; 25.7.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH SẢN XUẤT CHẾ BIẾN TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HÙNG VINH (VN)
240/1 Pasteur, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè (trà).

---

(111) **4-0099782**
(210) 4-2006-00502
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 11.01.2006

(531) 26.4.1; 18.3.21; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN (VN)
Số 18 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê văn phòng, dịch vụ cho thuê căn hộ; dịch vụ cho thuê gian hàng.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán rượu; quán giải khát.

---

(111) **4-0099783**
(210) 4-2006-00882
(181) 18.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

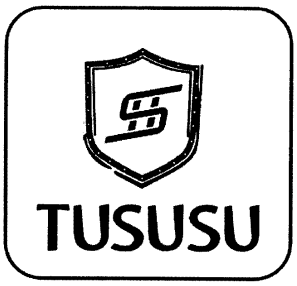

(151) 17.04.2008
(220) 18.01.2006

(531) A24.1.9; A24.1.15
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI CƠ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ HÁN SINH (VN)
886/3 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Balát (chấn lưu) dùng cho bóng đèn huỳnh quang; ổ cắm; dây điện; dây ăng ten; ổn áp; công tắc.

---

(111) **4-0099784**
(210) 4-2006-02217
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) A26.11.12; 6.1.2
(731) NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI (VN)
Số 25 đường Lý Thường Kiệt, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này; váy cho phụ nữ mang thai.

Nhóm 35: Mua bán các loại quần áo, váy cho phụ nữ mang thai.

---

(111) **4-0099785**
(210) 4-2006-19522
(181) 13.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

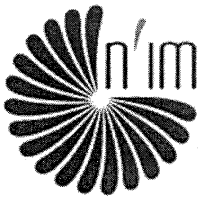

(151) 17.04.2008
(220) 13.11.2006

(531) 1.3.1; A5.5.20; A5.5.21; 15.1.13
(731) NGUYỄN THÀNH LONG (VN)
Đội 3, thôn Mỗ Đoạn, xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón; quần áo thời trang; quần áo may sẵn (tất cả thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0099786**
(210) 4-2006-19684
(181) 15.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PENVOMIN

(151) 17.04.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE.LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0099787**
(210) 4-2006-19863
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(531) A26.3.7; 5.7.3; 26.11.3; A26.11.8
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón, phụ gia hoá học cho thuốc trừ sâu, hoá chất nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng), chế phẩm sinh học không dùng cho ngành y và thú y.

Nhóm 05: Thuốc thú y thủy sản, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chế phẩm trừ động vật có hại, chế phẩm tiêu diệt cây có hại, chế phẩm sinh học dùng cho thú y thuỷ sản.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán và xuất nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học và hóa chất, máy móc thiết bị dụng cụ ngành nông nghiệp, thuốc và hoá chất phục vụ nuôi trồng thuỷ sản.

---

(111) **4-0099788**
(210) 4-2006-19864
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

V-PHANO

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, trang thiết bị và dụng cụ y tế.

---

(111) **4-0099789**
(210) 4-2006-19865
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ATESOL

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099790**
(210) 4-2006-19866
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FRUSENIX

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099791**
(210) 4-2006-19867
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DIARNIX

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099792**
(210) 4-2006-19868
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MEDIFASE

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099793**
(210) 4-2006-19869
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SCHEROFY

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099794**
(210) 4-2006-19880
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GYNETOP

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/S CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099795**
(210) 4-2006-19881
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CUREFENAC

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/S CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099796**
(210) 4-2006-19882
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DIUCURE

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/S CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099797**
(210) 4-2006-19883
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CUREDOM

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/S CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099798**
(210) 4-2006-19884
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CUREVIT

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/s CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099799**
(210) 4-2006-19885
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BACTAZA

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/S CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099800**
(210) 4-2006-19886
(181) 16.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

RETROAC

(151) 17.04.2008
(220) 16.11.2006

(731) M/s CUREMED HEALTHCARE PVT. LTD. (IN)
I-17, Shivlok House- 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110 015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099801**
(210) 4-2006-08788
(181) 07.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BIMAZOL

(151) 17.04.2008
(220) 07.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẤN HƯNG (VN)
2985, ấp Phụng Quới A, thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0099802**
(210) 4-2006-09546
(181) 20.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLDBILOBA

(151) 17.04.2008
(220) 20.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH HIỆP PHONG (VN)
Số 2 ngõ 18, đường Nguyên Hồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099803**
(210) 4-2006-17428
(181) 17.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 17.10.2006

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh da trời
(731) QUỸ TỪ THIỆN NÂNG BƯỚC TUỔI THƠ (VN)
Số 6 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thu nhận quyên góp từ thiện (tiền); dịch vụ gây quỹ từ thiện.

Nhóm 44: Dịch vụ điều trị y tế, dịch vụ trợ giúp y tế; dịch vụ bệnh viện thực hành; dịch vụ chăm sóc y tế.

---

(111) **4-0099804**
(210) 4-2006-18264
(181) 27.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DICLO – DENK
100 RETARD

(151) 17.04.2008
(220) 27.10.2006

(731) DENK PHARMA GMBH & CO. KG (DE)
Prinzregentenstr. 79, 81675, Muenchen, Germany
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0099805**
(210) 4-2006-18608
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DENKALGIN PAIN RELIEF

(151) 17.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) DENK PHARMA GMBH & CO. KG (DE)
Prinzregentenstr. 79, 81675, Muenchen, Germany
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0099806**
(210) 4-2006-18609
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CAPTOPRIL + HCT DENK

(151) 17.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) DENK PHARMA GMBH & CO. KG (DE)
Prinzregentenstr. 79, 81675, Muenchen, Germany
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0099807**
(210) 4-2006-19157
(181) 08.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 08.11.2006

(531) 1.5.1; 1.15.23; 15.1.13
(591) Trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH IN & QUẢNG CÁO HIỆU QUẢ (VN)
Số 03, ngõ Phủ Doãn, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dương và Trần (DUONG & TRAN CO., LTD)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0099808**
(210) 4-2006-19158
(181) 08.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 08.11.2006

(531) 1.5.1; 1.15.23; 15.1.13
(731) CÔNG TY TNHH IN & QUẢNG CÁO HIỆU QUẢ (VN)
Số 03, ngõ Phủ Doãn, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dương và Trần (DUONG & TRAN CO., LTD)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0099809**
(210) 4-2006-19159
(181) 08.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 17.04.2008
(220) 08.11.2006

(531) 1.5.1; 1.15.23; 15.1.13
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH IN & QUẢNG CÁO HIỆU QUẢ (VN)
Số 03, ngõ Phủ Doãn, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dương và Trần (DUONG & TRAN CO., LTD)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

(111) **4-0099810**
(210) 4-2007-00750
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

OSA-SINU

(151) 17.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Phòng 210, nhà A1, khu tập thể 5 tầng, phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099811**
(210) 4-2007-00751
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

POLIDOM

(151) 17.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OSAKA (VN)
Phòng 210, nhà A1, khu tập thể 5 tầng, phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099812**
(210) 4-2007-00753
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Nam Sinh

(151) 17.04.2008
(220) 10.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SINH (VN)
Số 45, ngõ 346 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám và chữa bệnh.

---

(111) **4-0099813**
(210) 4-2007-00888
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

FINRIDE

(151) 17.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) SYNMEDIC LABORATORIES (IN)
202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar East of Kailash, New Delhi 110065, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099814**
(210) 4-2007-00889
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIMTIVE

(151) 17.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) SYNMEDIC LABORATORIES (IN)
202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar East of Kailash, New Delhi 110065, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099815**
(210) 4-2007-02298
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

NATUREDARVITONE

(151) 17.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN THỊNH (VN)
Số 46, ngõ 167, đường Giải phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099816**
(210) 4-2007-03316
(181) 26.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BEETUBEXGEL

(151) 17.04.2008
(220) 26.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099817**
(210) 4-2007-03317
(181) 26.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

BEETRABEXGEL

(151) 17.04.2008
(220) 26.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099818**
(210) 4-2007-03318
(181) 26.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EYECUTAL

(151) 17.04.2008
(220) 26.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099819**
(210) 4-2007-03319
(181) 26.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANYMOXTAM

(151) 17.04.2008
(220) 26.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099820**
(210) 4-2007-03373
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANYTAMOX

(151) 17.04.2008
(220) 27.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0099821**
(210) 4-2006-08635
(181) 05.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 05.06.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10; 6.1.2
(731) HUỲNH NGỌC HẢI (VN)
135 Lê Đình Dương, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 40: Dịch vụ khắc dấu, khắc chữ.

---

(111) **4-0099822**
(210) 4-2006-01465
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VI-MILK

(151) 18.04.2008
(220) 26.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM QUỐC TẾ SÀI GÒN (VN)
Kho số 3, lô MN2, đường số 10, khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Sữa tươi tiệt trùng; sữa chua.

---

(111) **4-0099823**
(210) 4-2006-02494
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) 26.1.2; A26.1.18; 5.5.19; A5.5.20; A5.5.21
(591) Vàng, nâu đỏ, vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG NGUYÊN (VN)
Số 27G/27 đường Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước cốt dâu tằm; nước cốt chanh dây.

Nhóm 35: Mua bán nước cốt dâu tằm; mua bán nước cốt chanh dây.

---

(111) **4-0099824**
(210) 4-2006-02500
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

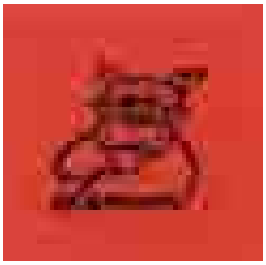

(151) 18.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) A27.5.8; 3.1.6; 4.5.15; 4.3.19
(591) Đỏ, đen
(731) CƠ SỞ PHÙNG VĨ DIỆM (VN)
D6/283 ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Nước giải nhiệt cho xe ô tô.

---

(111) **4-0099825**
(210) 4-2006-14260
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.08.2006

(531) A1.1.10; 3.9.17; 26.4.1; 26.7.25; 26.1.1; 26.1.6
(591) Trắng, đen, đỏ, đỏ nhạt, vàng, xanh lá cây, xanh rêu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0099826**
(210) 4-2006-14261
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.08.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 1.15.15; 26.1.2; 26.4.9; 25.7.25; 26.1.1
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh dương, xanh rêu, xanh lá cây, xanh ngọc
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0099827**
(210) 4-2006-14262
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.08.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 1.15.15; 3.9.17; 26.1.1; 26.1.2; 26.4.9; 26.7.25
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh dương, xanh rêu, xanh lá cây, xanh ngọc, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0099828**
(210) 4-2006-14287
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.08.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 1.15.15; 3.9.17; 26.1.1; 26.1.2; 26.4.9; 26.7.25
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh dương, xanh rêu, xanh lá cây, xanh ngọc, hồng hoa mười giờ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0099829**
(210) 4-2006-14288
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.08.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 3.9.17; 1.15.15; 26.1.1; 26.1.2; 26.4.9; 26.7.25
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh dương, xanh rêu, xanh lá cây, xanh ngọc
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0099830**
(210) 4-2006-14289
(181) 29.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.08.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 3.9.17; 26.1.1; 26.7.25; A26.11.12
(591) Trắng, đen, đỏ thẫm, vàng, xanh rêu, xanh lá cây, da cam, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0099831**
(210) 4-2006-02242
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) 21.3.25; 21.3.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) SUTL INVESTMENTS PTE LTD (SG)
Sutl House, # 05-00 100J Pasir Panjang Road, Singapore 118525
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; giải trí; tổ chức trò chơi bô-ling (bowling); tổ chức trò chơi bi-a (billards); tổ chức tập luyện thể dục thể hình; rạp chiếu phim; cho thuê thiết bị và dụng cụ thể thao.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); chỗ ở tạm thời; nhà hàng ăn uống; khách sạn; quán cà phê; quầy rượu (quán bar).

---

(111) **4-0099832**
(210) 4-2006-02243
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) 21.3.25; 21.3.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) SUTL INVESTMENTS PTE LTD (SG)
Sutl House, # 05-00 100J Pasir Panjang Road, Singapore 118525
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; giải trí; tổ chức trò chơi bô-ling (bowling); tổ chức trò chơi bi-a (billards); tổ chức tập luyện thể dục thể hình; rạp chiếu phim; cho thuê thiết bị và dụng cụ thể thao.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện); chỗ ở tạm thời; nhà hàng ăn uống; khách sạn; quán cà phê; quầy rượu (quán bar).

---

(111) **4-0099833**
(210) 4-2006-02244
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) 6.1.2; A6.3.10
(591) Xanh da trời, xanh dương, trắng, đỏ
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHƯ TÂM (VN)
800 Ngô Quyền, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai; nước uống đóng bình.

---

(111) **4-0099834**
(210) 4-2006-02245
(181) 17.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 17.02.2006

(531) 25.7.17
(731) CƠ SỞ TRẦN VĂN HỒNG (VN)
B18/18B, ấp 3, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Dây đồng hồ xe.

Nhóm 12: Bộ ly hợp của xe (bố nồi xe); má phanh xe (bố thắng xe); dây phanh xe (dây thắng xe); dây tay ga xe.

---

(111) **4-0099835**
(210) 4-2006-01241
(181) 23.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PRIFUCAL

(151) 18.04.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099836**
(210) 4-2006-01290
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CAMAT

(151) 18.04.2008
(220) 24.01.2006

(531) 1.17.11
(731) BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG ƯƠNG (VN)
29 Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0099837**
(210) 4-2006-01297
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROU BILL BIG PEN XL

(151) 18.04.2008
(220) 24.01.2006

(731) SENATOR GMBH & CO. KGAA (DE)
Bahnhofstrasse 57, Gross-Bieberau, 64401 Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Các dụng cụ dùng để viết, cụ thể là, bút chì, bút mực, bút bi, bộ đồ dùng để viết gồm có bút lông chim, bút chì, bút vẽ, bút dùng cho hoạ sĩ, bút máy và bút dùng mực dạng gel.

---

(111) **4-0099838**
(210) 4-2006-01411
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MIKI PULLEY

(151) 18.04.2008
(220) 26.01.2006

(731) MIKI PULLEY KABUSHIKI KAISHA (also trading as Miki Pulley Co., Ltd.) (JP)
461 Imai - minami - cho, Nakahara - ku, Kawasaki- shi, Kanagawa, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Bộ nạp điện cho ắc qui điện dùng cho phanh và khớp ly hợp trong máy; bộ nối điện; máy đổi điện; đồng hồ chỉ báo tốc độ trong máy; thiết bị hàn điện; máy và thiết bị kiểm tra và cung cấp dòng điện; máy đổi điện kiểu quay; máy đổi pha điện; pin điện và ắc qui điện; lõi nam châm; điện cực trong máy điện phân; ấn phẩm điện tử.

---

(111) **4-0099839**
(210) 4-2006-01412
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 26.01.2006

(531) 24.15.3; 26.11.3; A26.11.9
(731) MIKI PULLEY KABUSHIKI KAISHA (also trading as Miki Pulley Co., Ltd.) (JP)
461 Imai - minami - cho, Nakahara - ku, Kawasaki- shi, Kanagawa, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Bộ nạp điện cho ắc qui điện dùng cho phanh và khớp ly hợp trong máy; bộ nối điện; máy đổi điện; đồng hồ chỉ báo tốc độ trong máy; thiết bị hàn điện; máy và thiết bị kiểm tra và cung cấp dòng điện; máy đổi điện kiểu quay; máy đổi pha điện; pin điện và ắc qui điện; lõi nam châm; điện cực trong máy điện phân; ấn phẩm điện tử.

---

(111) **4-0099840**
(210) 4-2006-02362
(181) 21.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.1.1; 26.4.1; A5.3.14; 5.7.12
(591) Xanh lá cây, xanh nhạt, trắng, đỏ, da cam
(731) IVAN CHIN (an Singapore citizen) (SG)
27 Leonie Hill 01- 01, Leonie Garden, Singapore 239226
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm vitamin, thức ăn bổ sung khoáng chất, nước uống có tẩm thuốc, nước uống tăng lực (có tẩm thuốc), nước uống tăng lực dùng cho ngành y, nước uống bổ dưỡng (có tẩm thuốc), thạch dùng cho ngành y, kẹo dùng cho ngành y, thức ăn kiêng dùng cho ngành y, đồ uống kiêng cho ngành y, chè thuốc, đồ uống dinh dưỡng (có tẩm thuốc).

---

(111) **4-0099841**
(210) 4-2006-15072
(181) 08.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

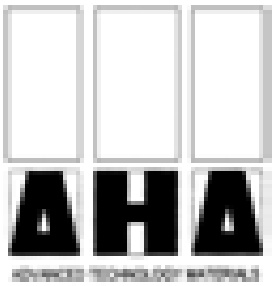

(151) 18.04.2008
(220) 08.09.2006

(531) 26.4.2; 26.4.8
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ MỚI AHA (VN)
Số 86 phố Vĩnh Hồ, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Đại lý mua, đại lý bán và cung cấp phân phối các sản phẩm nhôm kính (cụ thể là phân phối các loại cửa, cửa cuốn, trần nhôm, tấm ốp nhôm).

---

(111) **4-0099842**
(210) 4-2006-17015
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HULO

(151) 18.04.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHỰA CAO SU HƯNG LONG (VN)
283A/11 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Lốp (vỏ) xe gắn máy; lốp xe đạp; săm (ruột) xe gắn máy; săm xe đạp.

---

(111) **4-0099843**
(210) 4-2006-17016
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DUNG TIEN Co.,Ltd

(151) 18.04.2008
(220) 10.10.2006

(531) A26.11.12; A25.7.21
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG DŨNG TIẾN (VN)
250A Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng cầu đường; san lấp mặt bằng; xử lý nền móng công trình; lắp đặt đường ống cấp thoát nước.

---

(111) **4-0099844**
(210) 4-2006-17018
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

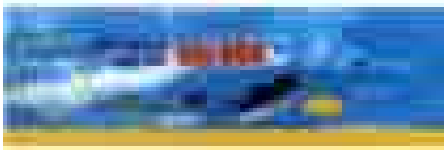

(151) 18.04.2008
(220) 10.10.2006

(531) 3.9.1; A6.3.4
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh rêu, đỏ, tím, vàng, đen, trắng
(731) CƠ SỞ HAI NON (VN)
Thôn Lạc Nghiệp 1, xã Phước Diêm, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0099845**
(210) 4-2006-17050
(641) 4-2006-00955
(181) 18.01.2016
(300) 4-2006-00955 18.01.2006 VN
(450) 26.05.2008 242
(540)

QGIRL

(151) 18.04.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÀNG GIA DỤNG QUỐC TẾ (VN)
30 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Sản phẩm từ da hoặc giả da như: dây đeo lưng, túi xách.

Nhóm 25: Quần áo; dây thắt lưng quần áo; mũ; giầy dép.

---

(111) **4-0099846**
(210) 4-2006-17070
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NISHISUTA

(151) 18.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM QUỐC H.L (VN)
H11 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện.

---

(111) **4-0099847**
(210) 4-2006-17071
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUSHICO

(151) 18.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM QUỐC H.L (VN)
H11 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện.

---

(111) **4-0099848**
(210) 4-2006-17103
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.1; 26.1.6
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CƠ SỞ MỸ PHẨM M (VN)
79 Vĩnh Hội, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm; mua bán dụng cụ cắt tóc.

---

(111) **4-0099849**
(210) 4-2007-00630
(181) 08.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

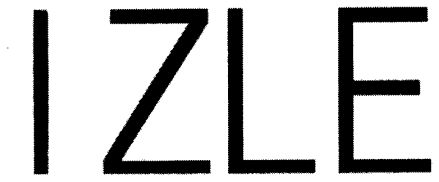

(151) 18.04.2008
(220) 08.01.2007

(731) CHOI, HYOUNG KEUN (KR)
Hyundai Apt. 305-1104, 570 Bora-Dong, Kiheung-Ku, Yongin-Shi, Kyungki-Do 336-904, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0099850**
(210) 4-2007-00659
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

HAPPYGAS

(151) 18.04.2008
(220) 09.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI V.C.L (VN)
584 Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga.

---

(111) **4-0099851**
(210) 4-2007-01049
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KAUKKO

(151) 18.04.2008
(220) 15.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH MAY TÚI XÁCH MINH TIẾN (VN)
155 Dạ Nam, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách, ví, cặp học sinh, va li, túi du lịch.

---

(111) **4-0099852**
(210) 4-2007-02981
(181) 13.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALEXIN

(151) 18.04.2008
(220) 13.02.2007

(731) CÔNG TY TNHH ĐẠT NÔNG (VN)
67 Phạm Đình Hổ, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chất trị nấm (thuốc bảo vệ thực vật); thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0099853**
(210) 4-2007-03359
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOCIMAX

(151) 18.04.2008
(220) 27.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0099854**
(210) 4-2004-09149
(181) 06.09.2014
(450) 26.05.2008 242
(540)

POLYTAR

(151) 18.04.2008
(220) 06.09.2004

(731) STIEFEL LABORATORIES, INC. (US)
255 Alhambra Circle, Suite 1000, Coral Gables, Florida 33134, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, dầu gội đầu, phấn, nước thơm, kem dưỡng da, dầu dưỡng da và mỡ dưỡng da.

Nhóm 05: Các chế phẩm dược phẩm dùng để điều trị gầu, điều trị nhờn da, điều trị chàm bội nhiễm da và bệnh vẩy nến ở da.

---

(111) **4-0099855**
(210) 4-2006-15812
(181) 19.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 19.09.2006

(531) 26.1.1; 26.4.4
(591) Đỏ, trắng
(731) HỢP TÁC XÃ QUANG MINH (VN)
207C quốc lộ 60, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du: giỏ xách, va li, hòm, rương.

Nhóm 20: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du: bàn, ghế, giường, kệ.

Nhóm 21: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du dùng trong gia đình: rổ; khay; hộp; sọt; chậu.

Nhóm 27: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du: chiếu mành; thảm chùi chân.

Nhóm 35: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.

---

(111) **4-0099856**
(210) 4-2006-15813
(181) 19.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 19.09.2006

(531) 1.3.1; A26.11.12; 26.1.2
(591) Xanh dương, xanh dương đậm, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HẢI SƠN-CÀ NÁ (VN)
Quốc lộ 1A, thôn Cà Ná, xã Phước Diêm, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0099857**
(210) 4-2006-16455
(181) 29.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 29.09.2006

(531) 3.5.1; A3.5.24; A1.1.12
(591) Xanh dương, đỏ, vàng, hồng, nâu, nâu nhạt, đen, trắng
(731) CƠ SỞ TRƯƠNG THỊ MỸ HUỆ (VN)
29K Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; quần lót; áo lót.

---

(111) **4-0099858**
(210) 4-2006-16838
(181) 06.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BOAO

(151) 18.04.2008
(220) 06.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG HƯNG (VN)
227 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 12: Xe đạp điện, xe máy điện.

---

(111) **4-0099859**
(210) 4-2005-07287
(181) 17.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENRIZIN

(151) 18.04.2008
(220) 17.06.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099860**
(210) 4-2005-07288
(181) 17.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

RETHIODIN

(151) 18.04.2008
(220) 17.06.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099861**
(210) 4-2005-08925
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENDAGYL

(151) 18.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099862**
(210) 4-2005-08927
(181) 19.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENMOPEN

(151) 18.04.2008
(220) 19.07.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099863**
(210) 4-2005-15081
(181) 09.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENHEPA

(151) 18.04.2008
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099864**
(210) 4-2005-15082
(181) 09.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENOFXIN

(151) 18.04.2008
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099865**
(210) 4-2005-15084
(181) 09.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENROBABY

(151) 18.04.2008
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099866**
(210) 4-2005-15085
(181) 09.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENVACIN

(151) 18.04.2008
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099867**
(210) 4-2005-15086
(181) 09.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANTIOFAT-HERBAL

(151) 18.04.2008
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099868**
(210) 4-2005-15406
(181) 15.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENERTA

(151) 18.04.2008
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099869**
(210) 4-2005-16103
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENINEURON FORT

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099870**
(210) 4-2005-16104
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENILORA

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099871**
(210) 4-2005-16107
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENEROS

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099872**
(210) 4-2005-16108
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEN-PRO

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099873**
(210) 4-2005-16109
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENPADOL PLUS

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099874**
(210) 4-2005-16110
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENPADOL

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099875**
(210) 4-2005-16111
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CENDOCOLD

(151) 18.04.2008
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099876**
(210) 4-2005-17764
(181) 28.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EFTERCIDOL

(151) 18.04.2008
(220) 28.12.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG III (VN)
115 Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099877**
(210) 4-2005-13076
(181) 05.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 18.04.2008
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hóa; dịch vụ vận tải hành khách; dịch vụ du lịch biển; dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và quốc tế; dịch vụ cung cấp thông tin về vận tải.

---

(111) **4-0099878**
(210) 4-2005-13254
(181) 10.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 10.10.2005

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương, xanh tím, đỏ, đen, trắng, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÀN NA (VN)
F005 khu phố Mỹ Tú 1, khu đô thị mới Nam Sài Gòn, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0099879**
(210) 4-2005-13256
(181) 10.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 18.04.2008
(220) 10.10.2005

(531) 5.3.16; 26.1.1
(591) Xanh dương, xanh lá cây, đỏ, trắng, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÀN NA (VN)
F005 khu phố Mỹ Tú 1, khu đô thị mới Nam Sài Gòn, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0099880**
(210) 4-2005-04568
(181) 22.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NATURE SCIENCE

(151) 18.04.2008
(220) 22.04.2005

(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati Ohio 45202-3315, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chất thay thế xà phòng thơm; dầu tắm; nước hoa; chất chống ra mồ hôi; chất khử mùi dùng cho cá nhân; tinh dầu; chế phẩm mỹ phẩm để chăm sóc thân thể và sắc đẹp; son môi; phấn mắt; mascara; phấn nền; phấn nền trang điểm; kem giữ độ ẩm cho da; chế phẩm làm trắng da; dầu gội; dầu xả tóc; bọt khí tạo kiểu tóc; nước xức tóc; chế phẩm để chăm sóc, xử lý và làm đẹp da; chế phẩm để chăm sóc, xử lý và làm đẹp da đầu; chế phẩm để chăm sóc, xử lý và làm đẹp tóc.

---

(111) **4-0099881**
(210) 4-2007-12939
(181) 10.07.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIỆT PHÁP

(151) 21.04.2008
(220) 10.07.2007

(531) 15.7.1; A26.4.6
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI KHOÁ VIỆT PHÁP (VN)
Thôn 4, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Chìa khóa; khóa bằng kim loại; khóa bằng kim loại dùng cho xe cộ; khóa bằng kim loại dùng cho túi xách; khóa móc; bộ đồ cửa bằng kim loại.

---

(111) **4-0099882**
(210) 4-2007-09343
(181) 24.05.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 24.05.2007

(731) TẠP CHÍ NGƯỜI ĐÔ THỊ (VN)
Số 65 Kim Đồng, Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Tạp chí; ấn phẩm; xuất bản phẩm; sách, tạp chí xuất bản định kỳ.

Nhóm 41: Tổ chức hội thảo, tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; xuất bản sách và văn bản, sản xuất các chương trình phát thanh truyền hình; dịch vụ giáo dục và giải trí, các hoạt động tổ chức sự kiện bằng phương tiện truyền thông đại chúng nghe nhìn; dịch vụ thông tin và tư vấn liên quan đến giáo dục và giải trí.

---

(111) **4-0099883**
(210) 4-2007-06284
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 12.04.2007

(731) BÁO TIỀN PHONG (VN)
Số 15, phố Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Tạp chí.

Nhóm 41: Biên tập, xuất bản báo chí và tạp chí định kỳ.

---

(111) **4-0099884**
(210) 4-2007-06285
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Tiềnphong
Cuoi Thang
thế Giới Gia Đình

(151) 21.04.2008
(220) 12.04.2007

(731) BÁO TIỀN PHONG (VN)
Số 15, phố Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Tạp chí.

Nhóm 41: Biên tập, xuất bản báo chí và tạp chí định kỳ.

---

(111) **4-0099885**
(210) 4-2007-06286
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 12.04.2007

(731) BÁO TIỀN PHONG (VN)
Số 15, phố Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Tạp chí.

Nhóm 41: Biên tập, xuất bản báo chí và tạp chí định kỳ.

---

(111) **4-0099886**
(210) 4-2007-06287
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 12.04.2007

(531) 26.1.1; A24.9.7; 5.5.16
(591) Trắng, đỏ, đen
(731) BÁO TIỀN PHONG (VN)
Số 15, phố Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Báo, tạp chí.

Nhóm 41: Tổ chức các cuộc thi hoa hậu Việt Nam và trình diễn thời trang.

---

(111) **4-0099887**
(210) 4-2007-06288
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 12.04.2007

(731) BÁO TIỀN PHONG (VN)
Số 15, phố Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Tạp chí.

Nhóm 41: Biên tập, xuất bản báo chí và tạp chí định kỳ.

---

(111) **4-0099888**
(210) 4-2007-06289
(181) 12.04.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 12.04.2007

(731) BÁO TIỀN PHONG (VN)
Số 15, phố Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Báo, tạp chí.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn sách, báo, tạp chí.

Nhóm 41: Biên tập, xuất bản báo chí và tạp chí định kỳ; tổ chức các cuộc thi hoa hậu Việt Nam, và các cuộc thi thể thao (việt dã toàn quốc giải báo Tiền Phong, giải bóng đá siêu cúp quốc gia).

---

(111) **4-0099889**
(210) 4-2007-08959
(181) 21.05.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIỆT THẮNG

(151) 21.04.2008
(220) 21.05.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT THẮNG. (VN)
Lô 4-2 khu công nghiệp C, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 31: Thức ăn chăn nuôi.

---

(111) **4-0099890**
(210) 4-2007-01013
(181) 15.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 15.01.2007

(531) A5.5.21; 1.15.15
(591) Vàng, xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH 01 THÀNH VIÊN THỰC PHẨM LA (VN)
317 quốc lộ 1, phường 4, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước uống đóng chai; nước giải khát trái cây.

---

(111) **4-0099891**
(210) 4-2006-00517
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PANORAMA

(151) 21.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0099892**
(210) 4-2006-00519
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AVALON

(151) 21.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0099893**
(210) 4-2006-00520
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AUDIRACK

(151) 21.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0099894**
(210) 4-2006-00521
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DEMO

(151) 21.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0099895**
(210) 4-2006-00523
(181) 11.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AVRACK

(151) 21.04.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0099896**
(210) 4-2006-01295
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROU BILL BIG PEN RELOADED

(151) 21.04.2008
(220) 24.01.2006

(731) SENATOR GMBH & CO. KGAA (DE)
Bahnhofstrasse 57, Gross-Bieberau, 64401 Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Các dụng cụ dùng để viết, cụ thể là, bút chì, bút mực, bút bi, bộ đồ dùng để viết gồm có bút lông chim, bút chì, bút vẽ, bút dùng cho hoạ sĩ, bút máy và bút dùng mực dạng gel.

---

(111) **4-0099897**
(210) 4-2006-01296
(181) 24.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROU BILL BIGGER PEN

(151) 21.04.2008
(220) 24.01.2006

(731) SENATOR GMBH & CO. KGAA (DE)
Bahnhofstrasse 57, Gross-Bieberau, 64401 Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Các dụng cụ dùng để viết, cụ thể là, bút chì, bút mực, bút bi, bộ đồ dùng để viết gồm có bút lông chim, bút chì, bút vẽ, bút dùng cho hoạ sĩ, bút máy và bút dùng mực dạng gel.

---

(111) **4-0099898**
(210) 4-2006-01558
(181) 06.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 06.02.2006

(531) 26.1.1; A5.7.22; 1.15.23
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, xanh dương, tím, cam, trắng, vàng, vàng chanh
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; thuốc màu dùng cho tóc; thuốc nhuộm tóc; nước thơm dùng cho tóc; chất dùng để uốn tóc; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; nước xịt tóc; bột chải tóc; các chất dùng khi chải tóc; gôm xịt tóc; keo xịt tóc; dầu bóng dùng cho tóc; keo gội đầu; kem dùng cho tóc; mỹ phẩm dạng lỏng dùng cho tóc; dầu xức tóc; chế phẩm dưỡng tóc và làm khỏe tóc; kem bôi tóc; các chế phẩm dùng để tắm thường và/hoặc tắm vòi hoa sen; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất.

Nhóm 05: Chế phẩm chăm sóc tóc dùng cho y tế.

(111) **4-0099899**
(210) 4-2006-01559
(181) 06.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 06.02.2006

(531) 26.1.2; 24.13.1
(591) Đỏ, trắng, xám đen
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

Nhóm 05: Dược phẩm; các chất tẩy uế và các chất khử trùng; các chất khử mùi không dùng cho cá nhân và chế phẩm làm mát không khí; các sản phẩm vệ sinh và các chế phẩm dùng cho vệ sinh (dùng cho mục đích y tế); vật liệu để in dấu răng; bông băng; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; xà phòng có chứa dược chất; các chế phẩm dưỡng da và các chế phẩm dưỡng tóc có chứa dược chất; các chế phẩm dưỡng môi có chứa dược chất; các chế phẩm dùng để chữa trị và/hoặc các chế phẩm làm giảm các vết sạm nắng; dầu dưỡng da dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; các chế phẩm chiết xuất từ thảo dược dùng cho mục đích y tế; các thảo dược và các chất chiết xuất từ thảo dược; thuốc chiết xuất từ thảo dược; các vitamin, nước khoáng (dùng cho mục đích y tế); các chất bổ sung dinh dưỡng.

(111) **4-0099900**
(210) 4-2007-16910
(181) 28.08.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 28.08.2007

(531) 25.12.3
(591) Xám đen
(731) CÔNG TY TNHH TM DV HOÀNG MINH THÔNG (VN)
143C Phan Đăng Lưu, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán xe gắn máy.

---

(111) **4-0099901**
(210) 4-2006-20000
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NHACHUCHIP

(151) 21.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TRÂM BẢO KHOA (VN)
195/17 Trần Văn Đang, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099902**
(210) 4-2006-20001
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

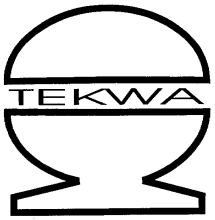

(151) 21.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 11.3.1; A11.3.7; 15.1.11; 26.2.7
(731) CƠ SỞ AO THỊ ĐIỆP (VN)
96B/2, KP 8A, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Động cơ điện.

---

(111) **4-0099903**
(210) 4-2006-20003
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) A3.9.24; A3.13.24; 4.5.2; 4.5.3
(591) Trắng, xanh tím, xanh lá cây, xanh dương, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0099904**
(210) 4-2006-20004
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.1; 25.1.6; A1.1.10
(591) Xanh dương, đỏ, đỏ đậm, vàng, trắng
(731) CƠ SỞ QUẢNG NGUYÊN (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 3, phường 3, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: chè (trà), cà phê (không do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0099905**
(210) 4-2006-20008
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) 24.1.5; 24.1.23
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ KIM ĐAN (VN)
67A Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê bột.

---

(111) **4-0099906**
(210) 4-2006-21533
(181) 08.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 08.12.2006

(531) A26.11.9
(731) CƠ SỞ MỸ NHÃ THANH (VN)
131/15 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; mũ; bít tất.

---

(111) **4-0099907**
(210) 4-2006-21630
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) A26.11.12; 26.7.25
(591) Trắng, đen, xanh tím, xanh dương, xanh dương đậm, xanh dương nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099908**
(210) 4-2006-21631
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) A26.11.12
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh dương, xanh dương nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099909**
(210) 4-2006-21632
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.2; 1.15.23; 26.7.25
(591) Trắng, đen, vàng, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099910**
(210) 4-2006-21640
(181) 11.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.1.2; 5.9.14; A26.11.8
(591) Trắng, đen, vàng, xanh tím, nâu đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NGUYÊN LỘC (VN)
Số 1, nông trường Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Ca cao.

---

(111) **4-0099911**
(210) 4-2006-20009
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 17.11.2006

(531) A5.5.20; A5.5.21; A2.3.16; 2.7.1
(591) Đen, trắng, vàng, cam
(731) NGUYỄN THUỲ HƯƠNG THẢO (VN)
5 Tăng Bạt Hổ, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quảng cáo.

---

(111) **4-0099912**
(210) 4-2006-21388
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.4.2; A26.11.9; A1.1.10; 1.1.15; 5.3.19; 5.3.16; 5.7.10
(591) Trắng, ghi, đỏ thẫm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ CẦU ĐẤT - ĐÀ LẠT (VN)
Thôn Trường Thọ, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Rượu, rượu vang.

Nhóm 35: Mua bán rượu (không do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0099913**
(210) 4-2006-21389
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 06.12.2006

(531) 5.7.10; 5.3.19; 26.1.1
(591) Đỏ thẫm, tím, vàng, vàng nhạt, xanh lá cây, xanh da trời, xanh rêu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ CẦU ĐẤT - ĐÀ LẠT (VN)
Thôn Trường Thọ, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Rượu; rượu vang.

Nhóm 35: Mua bán rượu (không do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0099914**
(210) 4-2006-22149
(181) 18.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHUONG ANH
Sự chọn lựa hoàn hảo

Tulip

(151) 21.04.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.3; A26.11.13
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN PHƯƠNG ANH (VN)
21/17C Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy; khăn bằng giấy ướp lạnh; giấy vệ sinh.

---

(111) **4-0099915**
(210) 4-2006-22598
(181) 25.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOÀNG SƠN

(151) 21.04.2008
(220) 25.12.2006

(731) CỬA HÀNG HOÀNG SƠN (VN)
Số 93B đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Bộ tiết kiệm nhiên liệu.

---

(111) **4-0099916**
(210) 4-2006-22924
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.4.2; 21.1.25; A25.1.10; A5.5.21
(591) Trắng, đỏ, cam, đen, xanh lá cây, xanh dương, vàng, hồng, vàng nâu, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG NAM (VN)
18 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần, áo; quần áo trẻ em.

---

(111) **4-0099917**
(210) 4-2006-22925
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

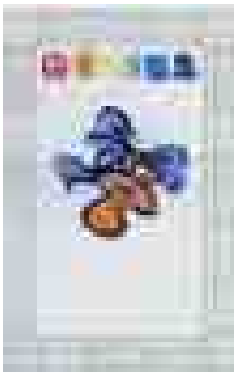

(151) 21.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.4.2; A25.1.10; A9.3.13; 19.8.1
(591) Trắng, đỏ, cam, đen, xanh lá cây, xanh dương, vàng, hồng, vàng nâu, xanh dương đậm, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG NAM (VN)
18 Phan Huy ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần, áo; quần áo trẻ em.

---

(111) **4-0099918**
(210) 4-2006-21813
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 13.12.2006

(531) 26.4.2; A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH VINH OANH (VN)
Số 303, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Gương (kính tráng bạc; kính tráng nhôm).

---

(111) **4-0099919**
(210) 4-2006-21819
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PROCOLOSTRUM

(151) 21.04.2008
(220) 13.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm làm từ sữa như: sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc, sữa chua.

---

(111) **4-0099920**
(210) 4-2006-22783
(181) 27.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NHỊ HÀ

(151) 21.04.2008
(220) 27.12.2006

(731) NGUYỄN THỊ LAN (VN)
397B Thủ Khoa Huân, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 35: Mua bán sách giáo khoa và các loại sách báo; mua bán văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh.

---

(111) **4-0099921**
(210) 4-2006-20135
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) 26.11.2
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Ô DÔN (VN)
273 bis Tôn Đản, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển.

---

(111) **4-0099922**
(210) 4-2006-20623
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

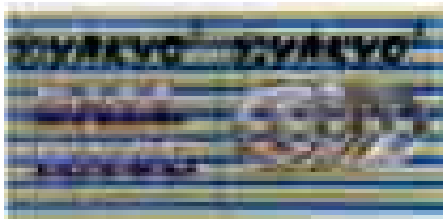

(151) 21.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.4.2; 25.7.20; A25.7.21; 26.1.6; A26.11.8
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, xám, đen, trắng, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂN HÀO HÙNG (VN)
177/38 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Thanh truyền (tay dên) máy nông ngư cơ; nắp dậy sú pắp (nắp sú pắp); nắp chụp ngoài sú pắp (nắp bốn lỗ).

Nhóm 09: Bộ khởi động xe gắn máy; cái chụp ngoài cái đánh lửa (chụp buji).

Nhóm 12: Phụ tùng xe gắn máy bao gồm: bộ ổ lái; bộ bánh vít trục vít nằm trong may ơ trước; bố phanh (bố thắng); má phanh; cái gát chân; bộ phận giảm xóc; xích; đĩa; đĩa xích nhỏ (nhông); nắp chụp ngoài cốt cam (nắp cam tròn); vòng bi ổ lái xe gắn máy.

---

(111) **4-0099923**
(210) 4-2006-20625
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ XUÂN SƠN (VN)
Số 1 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: mực in, máy in.

---

(111) **4-0099924**
(210) 4-2006-00477
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) 5.5.9; A5.5.22
(591) Hồng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI HOA MẶT TRỜI (VN)
243-243B Hoàng Văn Thụ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần lót nữ; áo lót nữ.

---

(111) **4-0099925**
(210) 4-2006-00478
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) A1.1.10; A26.11.12; 26.1.2
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh lá cây, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SU MI MO TO (VN)
43/14/14 Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bột sắn củ; bột bắp ngô; bột làm bánh; bột nêm (gia vị); bột chiên phồng (bột dùng để phủ lớp ngoài để rán như rán tôm, rán thịt).

---

(111) **4-0099926**
(210) 4-2006-00481
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CABOY

(151) 21.04.2008
(220) 10.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN TOMBOY (VN)
Lô 22 A, đường số 1, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho thủy sản.

---

(111) **4-0099927**
(210) 4-2006-00482
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) 26.3.23; 26.1.2
(591) Xanh tím, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN THẠCH (VN)
185/12 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

---

(111) **4-0099928**
(210) 4-2006-00487
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 10.01.2006

(531) 5.1.1; 21.3.1; 26.4.4
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây đậm, xanh rêu đậm, trắng, cam
(731) CÂU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ LÂM ĐỒNG (VN)
05 Hồ Tùng Mậu, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Đào tạo cầu thủ bóng đá; câu lạc bộ bóng đá; hoạt động thể thao nhằm mục đích vui chơi và giải trí.

---

(111) **4-0099929**
(210) 4-2006-20476
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OP.CEDEX

(151) 21.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099930**
(210) 4-2006-20478
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OP.CALMAG

(151) 21.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099931**
(210) 4-2006-20479
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OP.CIOD

(151) 21.04.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099932**
(210) 4-2006-20486
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Antiem COMMUNICATION

(151) 21.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 26.2.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG AN TIÊM (VN)
386/26 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu; thiết kế trang web.

---

(111) **4-0099933**
(210) 4-2006-20624
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.4.2; A26.11.9; 26.1.6
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, xanh dương đậm, xanh lá cây, nâu, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂN HÀO HÙNG (VN)
177/38 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Thanh truyền (tay dên) máy nông ngư cơ; nắp đậy sú pắp (nắp sú pắp); nắp chụp ngoài sú pắp (nắp bốn lỗ).

Nhóm 09: Bộ khởi động xe gắn máy; cái chụp ngoài cái đánh lửa (chụp buji).

Nhóm 12: Phụ tùng xe gắn máy bao gồm: bộ ổ lái; bộ bánh vít trục vít nằm trong may ơ trước; bố phanh (bố thắng); má phanh; cái gát chân; bộ phận giảm xóc; xích; đĩa; đĩa xích nhỏ (nhông); nắp chụp ngoài cốt cam (nắp cam tròn); vòng bi ổ lái xe gắn máy.

---

(111) **4-0099934**
(210) 4-2006-20627
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAISUNG

(151) 21.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ PHƯƠNG (VN)
137 Bùi Hữu Nghĩa, phường 1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán bình điện dùng cho xe gắn máy (bình ắc qui), rơ le bộ khởi động điện, bô bin sườn, bô bin lửa, kèn (còi xe) và piston bạc (xi lanh).

---

(111) **4-0099935**
(210) 4-2006-21187
(181) 04.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 04.12.2006

(531) 5.9.21; 5.7.21
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HOCK HIN (VN) FOODSTUFFS MANUFACTURING (VN)
Số 12 VSIP, đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bún; mì sợi; miến; phở; mì ăn liền.

---

(111) **4-0099936**
(210) 4-2006-21241
(181) 05.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 05.12.2006

(531) 26.3.1; A3.13.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÒ KẠP (VN)
Đường số 1, khu công nghiệp Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Vách ngăn văn phòng phi kim loại.

Nhóm 20: Bàn, ghế, tủ.

Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội thất, hàng trang trí ngoại thất, đồ mỹ nghệ, máy móc và thiết bị văn phòng.

Nhóm 36: Môi giới bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp; trang trí nội thất; trang trí ngoại thất.

Nhóm 39: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách bằng đường bộ.

---

(111) **4-0099937**
(210) 4-2006-21387
(181) 06.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.1.1; 26.1.11; A26.11.13; 6.1.2; 3.9.1; 26.4.10
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh da trời nhạt, đỏ, đen, trắng
(731) VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN II (VN)
116 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Cá giống, bao gồm: cá bố mẹ (cá đã sẵn sàng sinh sản); cá hậu bị (cá chuẩn bị thành cá bố me); cá bột (cá con từ 1 đến 3 ngày tuổi); cá giống (cá đã được nuôi qua một thời gian từ cá bột).

---

(111) **4-0099938**
(210) 4-2006-00470
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Ngũ Lão

(151) 21.04.2008
(220) 10.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN SINH PHẨM SÔNG ĐÔNG PHÚC NHÂN ĐƯỜNG (VN)
Số nhà 22, ngõ 68, tổ 34, đường Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099939**
(210) 4-2006-20362
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 22.11.2006

(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) VIỆN ĐỊA CHẤT, VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VN)
Ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị kiểm tra nước.

---

(111) **4-0099940**
(210) 4-2006-20363
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 21.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 26.1.1; 5.7.3; 3.9.1; 3.9.16
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng, xanh nước biển, vàng
(731) VIỆN ĐỊA CHẤT, VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VN)
Ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị kiểm tra nước.

---

(111) **4-0099941**
(210) 4-2005-13914
(181) 20.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

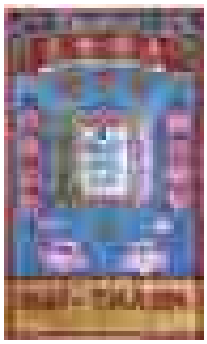

(511) Nhóm 03: Nhang.

(151) 22.04.2008
(220) 20.10.2005

(531) A2.5.22; 5.5.16; A25.1.10
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh da trời, xanh lá cây, vàng, hồng tím
(731) CƠ SỞ ĐẠI THÀNH (VN)
30A1 Văn Thân, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(111) **4-0099942**
(210) 4-2006-01499
(181) 03.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 03.02.2006

(591) Đỏ
(731) AEON KABUSHIKI KAISHA (also trading as AEON Co., Ltd.) (JP)
1-5-1 Nakase, Mihama-ku, Chiba-city, Chiba 261-8515, Japan
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bách hoá bán lẻ; tư vấn kinh doanh chuyên ngành; nghiên cứu và tìm hiểu marketing; cung cấp thông tin thương mại và kinh doanh; đại lý xuất nhập khẩu; sao chép tài liệu; quản lý và quản trị kinh doanh; quản lý tổ hợp cửa hàng; quản lý cửa hàng bách hoá, cửa hàng thuận tiện cho người mua và điểm bán lẻ; cho thuê máy và thiết bị văn phòng; biên tập các mẩu quảng cáo để sử dụng như trang web trên mạng máy tính toàn cầu (internet); phổ biến quảng cáo cho người khác qua mạng truyền thông điện tử trực tuyến; mua bán tại nhà bằng phương tiện mạng máy tính toàn cầu; đấu giá; phân tích giá thành; cho thuê chỗ để quảng cáo; xúc tiến bán hàng cho người khác; phân phối hàng mẫu; cửa hàng bách hoá bán lẻ trực tuyến; cửa hàng bán lẻ thuận tiện cho người mua; cửa hàng bán lẻ trực tuyến thuận lợi cho người mua; đặt hàng trực tuyến có sự hỗ trợ của máy vi tính cho hàng hoá phổ biến và hàng tiêu dùng phổ biến; cung cấp hướng dẫn quảng cáo trực tuyến có thể tra cứu (tìm kiếm) có nội dung về hàng hoá và dịch vụ của những người bán hàng trực tuyến khác; xử lý và quản lý cơ sở dữ liệu máy tính bao gồm việc biên tập và hệ thống hoá thông tin thành cơ sở dữ liệu máy tính; biên tập và cho thuê danh sách địa chỉ nhận thông tin thường xuyên; nghiên cứu kinh doanh; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 36: Cung cấp tài chính để cho vay; chiết khấu hối phiếu (lệnh phiếu); dịch vụ chứng khoán bảo đảm; đại lý bảo hiểm phi nhân thọ; cho thuê toà nhà; cung cấp thông tin về toà nhà hay đất đai; định giá tác phẩm nghệ thuật; điều tra tín dụng công ty; hãng thuế ; quyên góp quỹ từ thiện; bảo đảm (bảo lãnh) nợ hay trách nhiệm pháp lý; chấp nhận thanh toán hối phiếu; mua và chuyển giao quyền đòi tiền; bán hối phiếu thế chấp; thanh toán bằng cách gán nợ cho những người sử dụng thẻ tín dụng và những người vay trả dần; dịch vụ thẻ tín dụng; dịch vụ đặt cọc; dịch vụ thế chấp; dịch vụ máy rút tiền tự động; đại diện nợ ; dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ môi giới bảo hiểm cho việc thuê mua xe cộ; dịch vụ môi giới bảo hiểm và dịch vụ bảo đảm (bảo lãnh); điều chỉnh yêu cầu bảo hiểm phi nhân thọ; dịch vụ thống kê của công ty bảo hiểm; quản lý bất động sản; đại lý hay môi giới cho thuê, thuê, định giá và đánh giá bất động sản, toà nhà và đất đai; cung cấp thông tin về các dịch vụ liên quan đến cho thuê và đánh giá toà nhà và đất đai; dịch vụ ngân hàng; cung cấp phương tiện tín dụng; xử lý việc thanh toán, tất cả được cung cấp trực tuyến trên internet và/hoặc cơ sở dữ liệu máy tính và/hoặc kiốt đa phương tiện và/hoặc thiết bị máy vi tính và/hoặc máy rút tiền tự động; dịch vụ thẻ trả trước; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 37: Sửa chữa và bảo dưỡng xe đạp, xe có động cơ, xe mô tô, máy chiếu phim và thiết bị ngành ảnh, lò đốt, nồi hơi và bơm, thiết bị làm đông lạnh, tủ lạnh và thiết bị làm

lạnh; sửa chữa và bảo dưỡng máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính, mạch điện tử hay đĩa từ chứa dữ liệu được lập trình; sửa chữa điện thoại, rađiô và máy thu hình; phục chế đồ đạc; sửa chữa ô và dù; sửa chữa và bảo dưỡng dụng cụ âm nhạc; dịch vụ sửa chữa giày; sửa chữa và bảo dưỡng đồng hồ, đồng hồ đeo tay và dụng cụ đo thời gian; mài kéo và dao làm bếp; chăm sóc, làm sạch và sửa lông; giặt là, làm sạch, là và sửa chữa quần áo; xây dựng nhà và giám sát xây dựng nhà; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông, bao gồm, truyền thông bằng mạng sợi quang; truyền thông dữ liệu; dịch vụ nhắn tin qua rađiô, điện thoại hay các phương tiện truyền thông điện tử khác; cho thuê môđem; giao tiếp không dây; giao tiếp qua mạng cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng; gửi tin nhắn; cho thuê thiết bị gửi tin nhắn; giao tiếp viđêô từ xa (tele-video); giao tiếp qua vệ tinh; thông tin về viễn thông; giao tiếp bằng điện tín; cho thuê điện thoại, dịch vụ điện thoại; giao tiếp qua điện thoại; truyền tin nhắn và hình ảnh có sự hỗ trợ bằng máy vi tính; giao tiếp qua máy vi tính; dịch vụ telex; cho thuê thiết bị fax; giao tiếp qua máy fax; giao tiếp qua điện thoại không dây; phát thông tin giáo dục qua rađiô, truyền hình, truyền hình cáp; phát thanh qua rađiô; phát truyền hình cáp; phát truyền hình; truyền thông tin, dữ liệu và chương trình máy vi tính; dịch vụ thư điện tử; cung cấp đường truy cập internet cho người sử dụng viễn thông; cung cấp kết nối viễn thông tới mạng internet hay cơ sở dữ liệu máy tính; thuê và cho thuê thiết bị viễn thông; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này; dịch vụ thông tấn.

Nhóm 39: Vận chuyển; môi giới vận chuyển hàng hoá; tiến hành các chuyến du lịch và thực hiện dịch vụ hộ tống cho khách du lịch; dịch vụ đại lý du lịch; dịch vụ kho bãi; cho thuê nhà kho; dịch vụ cho thuê chỗ đỗ xe; thuê và cho thuê xe ô tô; đóng gói và lưu giữ hàng hoá; dịch vụ giữ đồ vật mang theo người tạm thời; bố trí du lịch; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 40: Xử lý vật liệu bao gồm, hoàn thiện da; nhuộm da; chế biến cao su; chế biến trái cây và rau củ ép (vắt) trái cây; nghiền kính quang; dịch vụ rèn của thợ rèn; tạo kiểu lông theo yêu cầu khách hàng; nhuộm lông; xử lý lông; gia công gỗ; chế biến gỗ; thuộc da; chế tác trang sức; nghiền khoáng phi kim loại; chế biến thuỷ hải sản; tinh luyện dầu ăn; làm đông lạnh thực phẩm; xông khói thực phẩm; nhuộm giày; mạ kẽm; xử lý len; nhuộm và chế biến vải; xử lý nước; xử lý phủ màu cửa sổ (phủ bề mặt); mạ bạc; bảo quản thực phẩm và đồ uống; chế biến sữa; gia công sắt; chế biến cà phê và chè; tái chế rác thải và bã thải; in ấn; thuê và cho thuê máy dệt kim và/hoặc máy khâu để may quần áo, chăn và đệm; xử lý phim nhiếp ảnh; dịch vụ phóng ảnh; dịch vụ in ảnh; tráng rửa phim ngành ảnh; thuê và cho thuê máy điều hoà nhiệt độ; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 41: Sắp xếp và tiến hành hội thảo, hội nghị và cuộc họp về nhiều lĩnh vực; dịch vụ giáo dục; trường học; cung cấp phương tiện cho thể thao, trò chơi và vận động viên; thuê và cho thuê dụng cụ âm nhạc, thiết bị chơi môn ski, và thiết bị cho môn lặn trần; sản xuất và phân phối phim chiếu bóng; trình diễn buổi biểu diễn sống (trực tiếp tại chỗ); cho thuê phương tiện cho phòng nghe nhìn; dịch vụ đại lý đặt chỗ xem giải trí; thuê và cho thuê máy chiếu phim chiếu bóng và phụ tùng và linh kiện nhỏ của nó, phim điện ảnh, phim xi nê, đĩa ghi, băng từ ghi sẵn, băng viđêô ghi sẵn, ti vi và rađiô; dịch vụ nhiếp ảnh; dịch vụ xổ số; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 42: Nghiên cứu về vi khuẩn học; nghiên cứu sinh vật học; phân tích hoá chất; nghiên cứu về hoá chất; vẽ thiết kế xây dựng; tư vấn về bảo vệ môi trường; nghiên cứu về

mỹ phẩm; nghiên cứu địa chất; thiết kế công nghiệp; thử vật liệu; nghiên cứu cơ khí; dịch vụ thiết kế bao gói; quản lý chất lượng; nghiên cứu (chất lượng thực phẩm, chất lượng thuốc); thử vải dệt; phân tích công nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và hoá học; dịch vụ nghiên cứu cho người khác; thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy vi tính; dịch vụ pháp lý; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện; cho thuê chỗ ở tạm thời và phòng cho thuê và dịch vụ đặt chỗ trước liên quan đến các dịch vụ này; nhà hàng ăn uống, cung cấp [thực phẩm và đồ uống] và dịch vụ quán bar (quán rượu); tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 44: Dịch vụ y tế, cụ thể là, phòng khám chữa bệnh; nhà an dưỡng; chăm sóc sức khoẻ; trợ giúp về y tế; điều dưỡng [y tế]; chữa bệnh bằng phương pháp nắn khớp xương; chữa răng; bệnh xá; dịch vụ của chuyên gia nhãn khoa (khám và chữa bệnh về mắt); tư vấn về dược; dịch vụ thú y, bao gồm trợ giúp về thú y; nuôi động vật; chải lông cho động vật; chăm sóc vệ sinh và sắc đẹp cho người hay động vật, bao gồm, nhà tắm công cộng cho mục đích vệ sinh, thẩm mỹ viện; tiệm cắt uốn tóc; mát xa; dịch vụ tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ; cắt sửa móng tay (chân); dịch vụ nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp, bao gồm, cho thuê thiết bị nông trại; cắm hoa; làm vườn; làm vườn tạo cảnh quan; chăm sóc cỏ; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

Nhóm 45: Dịch vụ đại lý nhận con nuôi; dịch vụ lò hoả táng; dịch vụ hẹn hò (kết bạn); hộ tống trong xã hội [đi kèm các cô gái ở cuộc dạ hội]; môi giới hôn nhân; dịch vụ an ninh bảo vệ tài sản và cá nhân; dịch vụ giới thiệu đối tác và dịch vụ đại lý hẹn hò (kết bạn); cung cấp phương tiện tổ chức đám cưới và lễ tân; cho thuê váy dạ hội; văn phòng môi giới hôn nhân; tất cả đều là các dịch vụ trong nhóm này.

(111) **4-0099943**
(210) 4-2006-22166
(181) 19.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 19.12.2006

(531) 26.13.25; A26.4.6
(591) Tím, đỏ, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VẠN SINH (VN)
9A cư xá Cảng Tôn Thất Thuyết, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; mua bán tàu biển.

Nhóm 36: Dịch vụ làm thủ tục hải quan.

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển; dịch vụ sửa chữa container; dịch vụ sửa chữa máy móc, động cơ ngành công nghiệp; dịch vụ chế tạo tàu thuyền; dịch vụ chế tạo phương tiện vận tải đường biển.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hóa; dịch vụ chuyên chở hàng hóa; dịch vụ môi giới vận chuyển.

Nhóm 40: Dịch vụ chế tạo máy móc, động cơ ngành công nghiệp.

---

(111) **4-0099944**
(210) 4-2006-17017
(181) 10.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 10.10.2006

(531) A5.5.21; 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HÙNG (VN)
37/257B Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0099945**
(210) 4-2006-19082
(181) 07.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EXPAS

(151) 22.04.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 Bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099946**
(210) 4-2007-00658
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 09.01.2007

(531) 26.4.2; 3.7.7; 26.3.1
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT CẦN THƠ (VN)
Khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0099947**
(210) 4-2006-14066
(181) 25.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

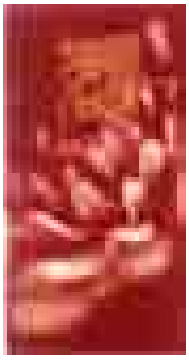

(151) 22.04.2008
(220) 25.08.2006

(531) 26.4.2; 5.5.4; A5.5.21
(591) Đỏ, vàng, hồng phấn
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0099948**
(210) 4-2006-17975
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

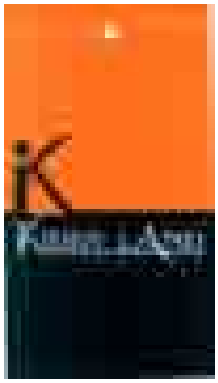

(151) 22.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Da cam, xanh lá cây, trắng
(731) PHẠM VĂN HẢI (VN)
245/47 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0099949**
(210) 4-2006-18026
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

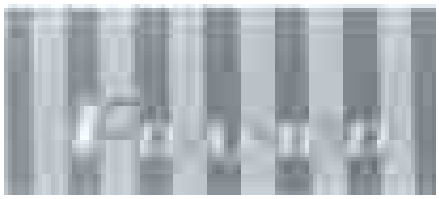

(151) 22.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.4.2; A25.7.3; 25.7.15
(731) CƠ SỞ HỒNG HẢI (VN)
Sạp E 150, E 160, tầng I, trung tâm thương mại dịch vụ An Đông (VP BQL : 34-36 đường An Dương Vương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh)
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo.

---

(111) **4-0099950**
(210) 4-2006-18118
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NIKKO

(151) 22.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) NIKKO CO., LTD. (JP)
5-15-15, Kameari, Katsushika-ku, Tokyo, Japan, 125-0061
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi; búp bê (đồ chơi); trò chơi.

---

(111) **4-0099951**
(210) 4-2006-18172
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ETMINE

(151) 22.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099952**
(210) 4-2006-18173
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

UHOL

(151) 22.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099953**
(210) 4-2006-18174
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SELEDY

(151) 22.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099954**
(210) 4-2006-18175
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

USODO

(151) 22.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099955**
(210) 4-2006-18176
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NAFETIC

(151) 22.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099956**
(210) 4-2006-18388
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh tím than, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH W.I.Z.P.R.O (VN)
P1714 nhà OCT1, ĐN1, khu X1, Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quản lý và hỗ trợ điều hành doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn kinh doanh và xúc tiến thương mại; dịch vụ nhượng quyền thương mại; dịch vụ cung cấp thông tin thương mại; dịch vụ thu thập và quản lý các dữ liệu về sở hữu trí tuệ; dịch vụ kế toán.

Nhóm 36: Dịch vụ tư vấn đầu tư; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ thông tin tài chính; dịch vụ quản lý tài chính; dịch vụ thuê mua tài chính.

Nhóm 41: Dịch vụ dịch thuật; dịch vụ giáo dục đào tạo; dịch vụ tổ chức và tiến hành hội thảo; dịch vụ tổ chức và tiến hành hội nghị; nhiếp ảnh; xuất bản sách.

Nhóm 42: Dịch vụ pháp lý; dịch vụ sở hữu trí tuệ; dịch vụ tranh tụng; dịch vụ chuyển giao công nghệ; lập chương trình máy tính; thiết kế phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0099957**
(210) 4-2006-18481
(181) 30.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MAREXCA CAPS

(151) 22.04.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099958**
(210) 4-2006-18573
(181) 31.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

EUSINFID

(151) 22.04.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EU (VN)
Số nhà 42, ngõ 69, phố Nam Dương, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099959**
(210) 4-2006-19561
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 14.11.2006

(531) 26.1.1; 2.9.4; 4.5.2; 4.5.3; 26.2.7
(591) Vàng, xám, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ TIN HỌC LONG BÌNH (VN)
Số 180 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Loa, máy tính.

---

(111) **4-0099960**
(210) 4-2006-19966
(181) 17.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

STUDEX

(151) 22.04.2008
(220) 17.11.2006

(731) STUDEX CORPORATION (US)
521 W. Rosecrans Avenue, Gardena, Los Angeles, California 90248-1514, United States of America
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 08: Dụng cụ cầm tay và đồ dùng (thao tác bằng tay) như dụng cụ xỏ lỗ tai, dụng cụ hỗ trợ cho việc xỏ lỗ tai hoặc xỏ lỗ trên cơ thể.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ dùng cho giải phẫu như dụng cụ phẫu thuật dùng để xỏ lỗ tai; dụng cụ phẫu thuật dùng để xỏ lỗ trên cơ thể; vật dùng để xỏ lỗ tai đã được khử trùng (dùng cho mục đích y tế); vật dùng để xỏ lỗ trên cơ thể đã được khử trùng (dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 14: Đồ trang sức bao gồm khuyên tai, đồ trang sức đeo trên người; đồ trang sức đeo trên người và đeo tai được sử dụng cho lần đầu xỏ lỗ trên cơ thể và tai.

---

(111) **4-0099961**
(210) 4-2006-02546
(181) 24.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DUY ĐIỆP

(151) 22.04.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(731) CƠ SỞ HÀ DUY ĐIỆP (VN)
Khu phố Hoà Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Cá cơm sấy giòn.

---

(111) **4-0099962**
(210) 4-2006-02831
(181) 01.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THỊNH PHÁT

(151) 22.04.2008
(220) 01.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH PHÁT (VN)
Thôn Nhơn Tân, xã Hà Ra, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Tinh bột sắn.

---

(111) **4-0099963**
(210) 4-2006-13986
(181) 25.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 25.08.2006

(531) 26.1.1; 26.1.6
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BÌNH QUYÊN (VN)
739/3/16 Hưng Phú, phường 9, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Keo dán gỗ dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0099964**
(210) 4-2006-04725
(181) 30.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

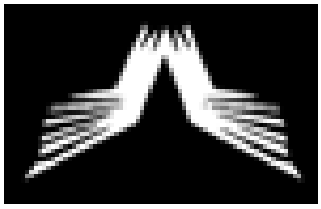

(151) 22.04.2008
(220) 30.03.2006

(531) 26.3.23; 26.11.3; 24.15.1
(731) CƠ SỞ TRẦN VĂN HỒNG (VN)
B18/18B, ấp 3, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Dây đồng hồ xe.

Nhóm 12: Bộ ly hợp của xe (bố nồi xe); má phanh xe (bố thắng xe); dây phanh xe (dây thắng xe); dây tay ga xe.

---

(111) **4-0099965**
(210) 4-2006-11543
(181) 21.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OPC- Thiên nhiên và Cuộc sống

(151) 22.04.2008
(220) 21.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
343 Hùng Vương, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099966**
(210) 4-2006-12104
(181) 27.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 27.07.2006

(531) 26.4.10; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh lá cây đậm, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VUÔNG TRÒN (VN)
475 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dầu nhờn.

---

(111) **4-0099967**
(210) 4-2006-12109
(181) 27.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 27.07.2006

(531) A5.5.20; A5.5.21; A25.1.10; 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DỊCH VỤ MI MI (VN)
24 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ cắt tóc; dịch vụ làm móng tay móng chân; dịch vụ mát xa; dịch vụ chăm sóc da.

---

(111) **4-0099968**
(210) 4-2006-12951
(181) 08.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TYPE

(151) 22.04.2008
(220) 08.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
40 Kim Biên, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Xà phòng bột dùng để giặt (bột giặt); xà phòng thơm.

---

(111) **4-0099969**
(210) 4-2006-03563
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GOLD NUMBER NOODLE

(151) 22.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Chất chiết ra từ thịt dạng hạt; chất chiết ra từ tôm dạng hạt; chất chiết ra từ cá dạng hạt; chất chiết ra từ trứng dạng hạt; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh (gia vị); đồ gia vị; nước chấm (một loại gia vị pha sẵn); tương cà chua (nước xốt cà chua); tương ớt.

---

(111) **4-0099970**
(210) 4-2006-18024
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÀNH VIỆT MỸ (VN)
Tổ 1, ấp 4, quốc lộ 51, xã An Hòa, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Ván ép; ván lạng (dạng gỗ bán thành phẩm).

---

(111) **4-0099971**
(210) 4-2006-18025
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; A26.11.8
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY ĐỒNG NAI (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; quần áo thời trang.

---

(111) **4-0099972**
(210) 4-2006-03546
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TIAOXY

(151) 22.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng.

Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y.

---

(111) **4-0099973**
(210) 4-2006-03578
(181) 15.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NGUYEN LOI CERAMICS

(151) 22.04.2008
(220) 15.03.2006

(531) 25.1.25
(731) NGUYỄN LỢI (VN)
Xóm 5, Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 21: Đồ gốm gia dụng (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0099974**
(210) 4-2006-04435
(181) 27.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

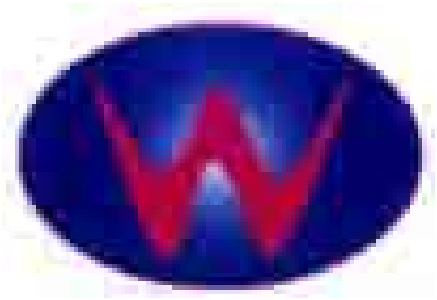

(151) 22.04.2008
(220) 27.03.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh thẫm, nâu đỏ, trắng
(731) NEWTELL CORPORATION COMPANY LIMITED (TH)
100/20-21 Vongvanit B Building 14th Floors, Rama 9 Road, Hunykwang, Bangkok, Thailand
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại di động.

---

(111) **4-0099975**
(210) 4-2006-04772
(181) 31.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 31.03.2006

(531) A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE MÁY ĐÔ THÀNH (VN)
4/25 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe ô tô; khung sườn xe máy; khung sườn xe ô tô.

---

(111) **4-0099976**
(210) 4-2006-06399
(181) 25.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 25.04.2006

(531) 3.3.1; 26.1.1; 26.4.3
(591) Đen, đỏ, xi măng, xanh thẫm
(731) CÔNG TY TNHH DUYÊN HÀ (VN)
Số 4/171 phố Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại - xi măng.

---

(111) **4-0099977**
(210) 4-2006-06819
(181) 04.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 04.05.2006

(531) 2.9.1; 1.15.15; A5.5.22
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, vàng, tím, trắng
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chế phẩm và chất sử dụng cho giặt là quần áo; chế phẩm dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; chất làm mềm vải; chế phẩm để tẩy trắng; chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; xà phòng; xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; chế phẩm dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0099978**
(210) 4-2006-08158
(181) 26.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 26.05.2006

(531) 26.4.3; A25.7.3; 26.7.25
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương
(731) CƠ SỞ THÚY (VN)
Sạp A1 và sạp A3, chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, Tân Xuân, Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Hoa quả tươi; hạt giống.

Nhóm 35: Mua bán hoa quả tươi, hạt giống.

---

(111) **4-0099979**
(210) 4-2006-08159
(181) 26.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

MYCAMINE

(151) 22.04.2008
(220) 26.05.2006

(731) ASTELLAS PHARMA INC. (JP)
3-11, Nihonbashi-Honcho 2-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược, cụ thể là thuốc chống nấm.

---

(111) **4-0099980**
(210) 4-2006-09312
(181) 15.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 15.06.2006

(531) 26.3.23; 26.3.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG ACE (VN)
96 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Thiết kế kiến trúc, kết cấu, nội ngoại thất, thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng công trình dân dụng, công trình công nghiệp; thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thi công; tư vấn lập dự án, khảo sát, triển khai dự án, tư vấn kỹ thuật về duy tu bảo dưỡng các công trình dân dụng; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp.

---

(111) **4-0099981**
(210) 4-2006-17629
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINANUT'S

(151) 22.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TÂN TÂN (VN)
32C, ấp Nội Hóa, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Đậu phộng chiên, đậu Hà Lan chiên muối, đậu rang.

---

(111) **4-0099982**
(210) 4-2006-17703
(181) 20.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VIADENT

(151) 22.04.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0099983**
(210) 4-2006-17705
(181) 20.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

OLIVIO

(151) 22.04.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0099984**
(210) 4-2006-22946
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.13.25; 9.3.1; A9.3.25
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CƠ SỞ ÁO CƯỚI VIOLET (VN)
164 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 45: Cho thuê áo cưới.

---

(111) **4-0099985**
(210) 4-2006-22948
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) A2.9.16; A1.3.17
(591) Đỏ, xanh tím than, trắng, đỏ hồng, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂN LIÊN QUANG (VN)
Tỉnh lộ 825, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón hữu cơ, chế phẩm hóa học dùng xử lý nước trước khi nuôi thủy sản.

---

(111) **4-0099986**
(210) 4-2006-03562
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

JEWELRY NUMBER NOODLE

(151) 22.04.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Chất chiết ra từ thịt dạng hạt; chất chiết ra từ tôm dạng hạt; chất chiết ra từ cá dạng hạt; chất chiết ra từ trứng dạng hạt; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh (gia vị); gia vị, nước chấm (một loại gia vị pha sẵn); tương cà chua (nước xốt cà chua); tương ớt.

---

(111) **4-0099987**
(210) 4-2006-18022
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 3.7.16; 3.7.17; 4.3.20; 26.1.2; A26.11.12; 26.3.23; 3.7.21
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VIỆT TỨ HẢI (VN)
65 Bùi Thị Xuân, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Mực in, mực in dùng cho máy vi tính.

---

(111) **4-0099988**
(210) 4-2006-18023
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

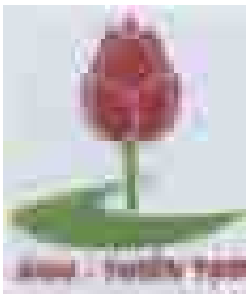

(151) 22.04.2008
(220) 25.10.2006

(531) 5.5.16
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A.M.M - THIÊN TẠO (VN)
E7, KP4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn ảnh men màu.

---

(111) **4-0099989**
(210) 4-2006-21242
(181) 05.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 05.12.2006

(531) 26.1.2
(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ BÁNH XÈO NGỌC SƠN (VN)
103 Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống; dịch vụ ăn uống phục vụ bánh xèo (một loại bánh được làm từ bột gạo có nhân tôm và thịt).

---

(111) **4-0099990**
(210) 4-2006-21303
(181) 05.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VĨNH LỢI

(151) 22.04.2008
(220) 05.12.2006

(731) QUAN THU THIỀM (VN)
215/2 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0099991**
(210) 4-2006-17917
(181) 24.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ARTEFON

(151) 22.04.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 - PHARBACO (VN)
160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0099992**
(210) 4-2006-20299
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TAGORE

(151) 22.04.2008
(220) 22.11.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, #19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0099993**
(210) 4-2006-20313
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PRINTING
THANH DANH

(151) 22.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN IN THÀNH DANH (VN)
A4 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: In ốp-sét; in ấn; dịch vụ in trên lụa.

---

(111) **4-0099994**
(210) 4-2006-20314
(181) 22.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 22.11.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12; 5.7.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ĐÔNG ĐÔ (VN)
Số nhà 177, khu Trung Hưng II, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh, mứt kẹo và kẹo (được chế biến từ bột mỳ, gạo, đường, mạch nha).

---

(111) **4-0099995**
(210) 4-2006-20378
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

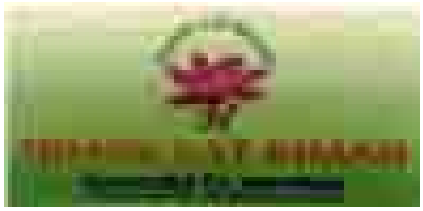

(151) 22.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) 5.5.16
(591) Hồng, đỏ, vàng, xanh lá cây, tím, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀNG CÁT KHÁNH (VN)
252I Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Các bộ phận của xe máy bao gồm: tấm ốp đầu xe; tấm ốp đuôi xe; tấm ốp cổ phuốc; tấm ốp thân xe; tấm che chân; chắn bùn trước; chắn bùn sau; tấm ốp bộ phận giảm xóc; cốp xe.

---

(111) **4-0099996**
(210) 4-2006-21764
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUNNY FRESH FREE

(151) 22.04.2008
(220) 12.12.2006

(731) CARGILL, INCORPORATED (US)
15407 McGinty Road West, Wayzata, MN 55391, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Các sản phẩm trứng, cụ thể là trứng dạng lỏng không có chất béo colextêrôn, trứng tráng không có chất béo colextêrôn, trứng cuộn không có chất béo colextêrôn.

---

(111) **4-0099997**
(210) 4-2006-21766
(181) 12.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 12.12.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25
(591) Đỏ, vàng, đen, trắng
(731) CARGILL, INCORPORATED (US)
15407 McGinty Road West, Wayzata, MN 55391, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Trứng và sản phẩm trứng.

---

(111) **4-0099998**
(210) 4-2006-21970
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SEIKO LIFE SPORTS

(151) 22.04.2008
(220) 15.12.2006

(731) SEIKO KABUSHIKI KAISHA trading as SEIKO CORPORATION (JP)
5-11, Ginza 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ đeo tay; đồng hồ treo tường; đồng hồ bấm giây (dùng trong thể thao); đồng hồ và đồng hồ bấm giờ (dùng trong thể thao); bộ phận chuyển động của đồng hồ; vỏ đồng hồ; mặt kính đồng hồ; mặt ghi số của đồng hồ; kim đồng hồ; lò xo đồng hồ; dây đeo đồng hồ dạng mắt xích; dây đeo đồng hồ bằng kim loại dạng dẹt mỏng; dây đeo đồng hồ bằng da; hộp đựng đồng hồ.

---

(111) **4-0099999**
(210) 4-2006-08402
(181) 31.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 31.05.2006

(531) 26.4.2; 26.11.2; 26.7.5
(591) Xanh lam, da cam, da cam nhạt, đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100000**
(210) 4-2006-16758
(181) 05.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 05.10.2006

(531) 26.4.2; 3.1.14
(591) Xanh sẫm, xanh lá cây, đỏ, da cam, nâu nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0100001**
(210) 4-2005-17846
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

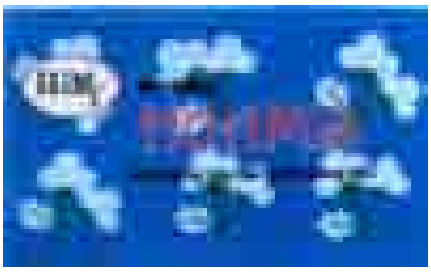

(151) 22.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) 26.1.2; 25.7.25; A5.5.21
(591) Đỏ, trắng, đen, xanh dương, xanh lá cây, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ MUA BÁN HOÀN MỸ (VN)
2 lô C, cư xá Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Bông trang điểm; bông tẩy trang.

Nhóm 21: Que nhựa lấy rái tai có gắn bông ở hai đầu (tăm bông ngoáy tai).

---

(111) **4-0100002**
(210) 4-2005-12862
(181) 03.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 03.10.2005

(531) A1.5.2; 26.1.1; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh da trời, vàng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THÀNH PHÁT (VN)
Số 69 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán bánh kẹo, sữa, thực phẩm chế biến và hàng bách hóa.

---

(111) **4-0100003**
(210) 4-2005-14760
(181) 04.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HANTOSE

(151) 22.04.2008
(220) 04.11.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100004**
(210) 4-2005-17884
(181) 30.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 30.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23; 1.15.23; A1.1.8; 15.1.13
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ TUỆ MINH (VN)
Phòng 806, nhà 17T9, khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0100005**
(210) 4-2006-20271
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh rêu, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LONG Á (VN)
0.03 lô B C/C 44 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất.

---

(111) **4-0100006**
(210) 4-2006-20272
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) 26.4.1
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN ĐỨC MẠNH (VN)
43 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Hãng bất động sản; cho thuê bất động sản; môi giới bất động sản; quản lý bất động sản.

---

(111) **4-0100007**
(210) 4-2006-21978
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALLEREST

(151) 22.04.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0100008**
(210) 4-2006-21979
(181) 15.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ALPROCALM

(151) 22.04.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0100009**
(210) 4-2006-19420
(181) 10.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 10.11.2006

(531) 5.7.3; 5.13.4; 26.1.1
(591) Xanh nước biển, vàng, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT MEN RƯỢU PHƯỢNG VY (VN)
Thôn La Hà 3, xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Men rượu.

(111) **4-0100010**
(210) 4-2006-19454
(181) 13.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Panytartco

(151) 22.04.2008
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ÁNH TÂM (VN)
79/M2 Âu Cơ, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy thu hình (ti vi); đầu máy kỹ thuật số, loa; máy tăng âm (âm ly); bộ trộn âm (mixer); đầu máy hát karaoke.

---

(111) **4-0100011**
(210) 4-2006-20253
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

VINROVIT 5000

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC (VN)
Số 10 đường Tô Hiệu, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100012**
(210) 4-2006-20254
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Kimnuti

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100013**
(210) 4-2006-20255
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Dazontab

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100014**
(210) 4-2006-20273
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(531) 2.9.12; 26.4.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÓC TIÊN (VN)
44 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ nối và ghép tóc bằng ống nhựa có dán keo; dịch vụ chải cài các loại tóc giả; gội đầu.

---

(111) **4-0100015**
(210) 4-2006-20274
(181) 21.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Neo edpharco

(151) 22.04.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ (VN)
30-32 Phong Phú, phường 12, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100016**
(210) 4-2006-20377
(181) 23.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 23.11.2006

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ SẤM TRINH (VN)
456 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; tất (vớ); mũ nón; giầy dép.

---

(111) **4-0100017**
(210) 4-2006-21856
(181) 13.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 13.12.2006

(531) 26.3.23
(731) CƠ SỞ TÂN KÝ (VN)
271 Nhật Tảo, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Thịt bò khô.

---

(111) **4-0100018**
(210) 4-2006-21892
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 14.12.2006

(531) 18.3.2; A5.5.21; 6.1.2
(591) Đỏ, xanh nước biển, xanh lá cây, vàng, trắng
(731) CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG NGÃI (VN)
74 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ xổ số, tổ chức quay giải xổ số, dịch vụ giải trí, thông tin về giải trí, cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà.

---

(111) **4-0100019**
(210) 4-2006-21930
(181) 14.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

KYDAXIM

(151) 22.04.2008
(220) 14.12.2006

(731) EGL INTERNATIONAL (HK) LTD. (HK)
Unit C, 10/F One Capital Place, 18 Luard Road, Wan Chai, Hong Kong
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100020**
(210) 4-2006-22947
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.2.7; 26.1.2
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÚN CÁ MIỀN TÂY (VN)
51 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0100021**
(210) 4-2006-01437
(181) 26.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 26.01.2006

(531) 26.5.1; 26.5.4; 3.13.5
(591) Xanh dương đậm, xanh lá cây, vàng đất, đỏ
(731) KHATIBI HOLDINGS LIMITED (VG)
Offshore Incorporation Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm dược; quảng cáo các sản phẩm dược; phân phối các sản phẩm dược (cho người khác); tư vấn nghiệp vụ thương mại cho các công ty dược; biên tập và bán dữ liệu và thông tin thống kê liên quan đến ngành dược; biên tập thông tin liên quan đến ngành dược vào cơ sở dữ liệu trong máy tính; nghiên cứu thương mại về các sản phẩm dược; xúc tiến bán hàng các sản phẩm dược (cho người khác).

Nhóm 39: Giao các sản phẩm dược tới các bệnh viện và các nhà thuốc; thông tin về lưu kho các sản phẩm dược; lưu kho các sản phẩm dược.

Nhóm 40: Xử lý các vật liệu ngành hóa; tổng hợp vật liệu hóa, sinh theo yêu cầu (cho người khác); sản xuất các sản phẩm dược theo hợp đồng phụ; thông tin về xử lý vật liệu liên quan đến hóa chất.

Nhóm 42: Lập chương trình máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; phân tích và nghiên cứu hóa chất trong lĩnh vực dược phẩm (cho người khác); cho thuê phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0100022**
(210) 4-2006-17280
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 13.10.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT THANH SƠN (VN)
40/1 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ viết thư pháp.

---

(111) **4-0100023**
(210) 4-2006-17580
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.1.1; 6.1.2; A6.3.20
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xanh da trời, vàng, da cam, xám, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN (VN)
03 bis Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng; nước uống có ga; nước ép hoa quả; nước ngọt.

---

(111) **4-0100024**
(210) 4-2006-17583
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

COLOSTUM

(151) 22.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) GALIEN PHARMA (FR)
ZA. Les Hauts de Lafourcade 32201 Gimont Cedex - France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100025**
(210) 4-2006-17584
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, cam, xanh dương, vàng, xanh lá cây, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT MAI NGUYÊN (VN)
19 VSIP đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thịt đóng gói ăn liền; hải sản đóng gói ăn liền; rau đóng gói ăn liền; súp.

Nhóm 30: Bún tươi ăn liền; bún khô ăn liền; bánh phở tươi ăn liền; phở khô ăn liền; miến ăn liền; cơm ăn liền; cháo gạo đóng gói ăn liền; cháo lúa mạch đóng gói ăn liền; mì sợi tươi ăn liền; mì khô ăn liền; bánh mì; bánh làm từ bột ngũ cốc; chè ăn liền (chè ăn được nấu từ đậu, ngũ cốc, củ, quả và đường); mì ống (pasta) tươi; mì ống (pasta) khô; nui tươi (nui là loại thực phẩm được chế biến từ bột mì, bột gạo); nui khô; mì spagetti (mì spagetti là mì nấu theo kiểu ý) tươi; mì spagetti khô; cà phê uống liền; ca cao uống liền; thức ăn cho trẻ em được chế biến từ ngũ cốc (không phải sản phẩm dùng cho trẻ sơ sinh); thức ăn chay làm từ ngũ cốc ăn liền; nước chè xanh (trà xanh) dùng để giải khát.

Nhóm 32: Nước ép trái cây tươi nguyên chất; nước giải khát hương vị trái cây không có ga; nước tinh khiết; si-rô hương trái cây; bột hoa quả (bột trái cây) hòa tan để làm đồ uống.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp do nhà hàng thực hiện; cửa hàng phục vụ thức ăn nhanh.

(111) **4-0100026**
(210) 4-2006-17588
(181) 19.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.1.1
(591) Xám, đỏ, trắng, xanh lá cây
(731) CƠ SỞ NGUYỄN VĂN VỆ (VN)
238 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ: chụp ảnh; quay phim.

Nhóm 44: Dịch vụ: trang điểm; uốn tóc; nhuộm tóc; duỗi tóc; cắt tóc; trang điểm tóc.

Nhóm 45: Cho thuê trang phục; cho thuê trang phục cưới.

---

(111) **4-0100027**
(210) 4-2005-17197
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 16.12.2005

(531) 3.5.1; 26.1.2
(591) Đỏ, trắng, vàng, xanh lá cây, xanh da trời
(731) CƠ SỞ BANG NGỌC (VN)
124/37 Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt.

---

(111) **4-0100028**
(210) 4-2005-17251
(181) 19.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 19.12.2005

(531) 26.3.23; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH DUNG (VN)
Số nhà 157 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 30: Kem lạnh, nước đá.

---

(111) **4-0100029**
(210) 4-2005-17534
(181) 23.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 23.12.2005

(531) 26.15.11; 20.7.1; 26.4.3
(591) Đen, đỏ, vàng, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, xanh dương, trắng
(731) CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)
30 - 2, 3 - chome, Shimomaruko, Ohta-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Máy in kim của máy tính; máy in cho giấy khổ rộng của máy tính.

---

(111) **4-0100030**
(210) 4-2005-17663
(181) 27.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 27.12.2005

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGUYỄN QUÁCH (VN)
25 đường 4C, khu phố 4, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm: kem dưỡng da, kem dưỡng da chống nám, kem tắm trắng; dầu gội đầu, sữa tắm.

---

(111) **4-0100031**
(210) 4-2006-12898
(181) 08.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 08.08.2006

(531) 26.4.2; 26.11.3
(731) THE MANUFACTURERS LIFE INSURANCE COMPANY (CA)
200 Bloor Street East, North Tower, 10th Floor, Toronto, Ontario, Canada, M4W 1E5
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 36: Các dịch vụ tài chính, bao gồm: dịch vụ bảo hiểm sinh mạng và bảo hiểm sức khoẻ; dịch vụ thanh toán tiền hằng năm; dịch vụ quản lý quỹ hưu trí; dịch vụ đầu tư, bao gồm dịch vụ quản lý tài chính cho đầu tư, dịch vụ cung cấp tài chính, dịch vụ đầu tư bất động sản, dịch vụ cung cấp tài chính sản xuất hàng hóa, dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ lập kế hoạch tài chính; dịch vụ hỗ trợ bán bảo hiểm và tài chính được trợ giúp bằng phương tiện máy tính.

(111) **4-0100032**
(210) 4-2005-17441
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KATHRYN

(151) 22.04.2008
(220) 21.12.2005

(731) KOHLER CO. (US)
444 Highland Drive, Kohler, Wisconsin, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng, thiết bị sưởi nóng, thiết bị sinh hơi nước, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh; chậu tắm (thiết bị vệ sinh); bồn tắm; bồn tắm xoáy nước và các thiết bị tắm; vòi hoa sen và các thiết bị tắm vòi hoa sen; vòi hoa sen điện; máy đun nước dùng điện; buồng tắm nhỏ có vòi hoa sen và buồng tắm nhỏ có bồn tắm; bồn tắm vòi sen; đầu vòi hoa sen; cửa ra vào buồng tắm (bộ phận của buồng tắm vòi hoa sen); thiết bị dẫn chia nước; đầu phun vòi hoa sen; bồn rửa; chậu rửa; bồn rửa mặt; bồn vệ sinh; chậu vệ sinh; bệ xí nhà vệ sinh; bồn vệ sinh tự động (cảm biến); thiết bị dội nước nhà vệ sinh tự động (cảm biến); buồng vệ sinh di động; đèn; đèn chụp; đèn chụp dùng cho đồ nội thất; đèn điện; thiết bị chiếu sáng được gắn cố định; bồn rửa bát; bệ rửa bát; vòi; vòi nước; vòi cảm biến; vòi được điều khiển bằng nhiệt tĩnh, bằng tia hồng ngoại, bằng hệ thống rada hoặc bằng điện tử; máy hong khô tay dùng điện; thiết bị lọc nước dùng với bồn rửa bát, với bồn tắm và với bát sen (bộ phận của đầu vòi hoa sen); thiết bị hong khô tay cảm biến; nút bịt nước dùng cho bồn rửa bát, cho bồn tắm và cho bát sen; vòi tắm; van điều chỉnh nước dùng cho bể chứa nước; van điều chỉnh nước (thiết bị vệ sinh); van điều chỉnh nước dùng cho vòi nước; bệ đi tiểu (đồ vệ sinh cố định); bể chứa nước (thiết bị vệ sinh); thiết bị làm mềm nước; dụng cụ điều chỉnh nước dùng cho bồn tắm; đài phun nước (dùng làm vật trang trí); phòng tắm hơi; cần xả nước phi kim dùng cho các bình nước; hệ thống và thiết bị vệ sinh; thiết bị cung cấp nước.

(111) **4-0100033**
(210) 4-2006-21030
(181) 01.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 01.12.2006

(531) 24.9.1; A25.1.10; 3.7.17
(731) ĐỖ HỒNG QUÂN (VN)
Số 668 phố Trương Định, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn; quần áo da; giầy; mũ.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; quán rượu.

---

(111) **4-0100034**
(210) 4-2005-17183
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

IKUZU

(151) 22.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠNH HƯNG (VN)
Số 234A, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100035**
(210) 4-2005-17184
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VALINHUT

(151) 22.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠNH HƯNG (VN)
Số 234A, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100036**
(210) 4-2005-17185
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOFAST

(151) 22.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠNH HƯNG (VN)
Số 234A, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100037**
(210) 4-2005-17186
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOSHER

(151) 22.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠNH HƯNG (VN)
Số 234A, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100038**
(210) 4-2005-17187
(181) 16.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIEUSHER

(151) 22.04.2008
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠNH HƯNG (VN)
Số 234A, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100039**
(210) 4-2005-17378
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 21.12.2005

(531) 11.3.1; 1.17.11
(591) Trắng, đỏ, xanh nước biển, xanh nước biển đậm, vàng, vàng đậm, vàng da cam
(731) CÔNG TY TNHH HỘI CHỢ TRIỂN LÃM BẮC HÀ (VN)
Số 36 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm thương mại.

---

(111) **4-0100040**
(210) 4-2006-20842
(181) 29.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 22.04.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.1.1; 5.13.4; A5.5.22
(591) Nâu, đồng
(731) NGUYỄN THỊ MINH CHÂU (VN)
521 Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu hoa quả.

---

(111) **4-0100041**
(210) 4-2006-15594
(181) 18.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THẠNH PHÁT

(151) 23.04.2008
(220) 18.09.2006

(731) CƠ SỞ THẠNH PHÁT (VN)
171B Phan Thanh Giản, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Trứng vịt.

Nhóm 35: Mua bán trứng vịt.

---

(111) **4-0100042**
(210) 4-2006-15596
(181) 18.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NĂM HƯỜNG

(151) 23.04.2008
(220) 18.09.2006

(731) CƠ SỞ NGÔ MỸ HƯỜNG (VN)
133 Phan Thanh Giản, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Trứng vịt lộn; trứng vịt lạt; trứng vịt muối; trứng gà.

Nhóm 35: Mua bán trứng vịt lộn, trứng vịt lạt, trứng vịt muối, trứng gà.

---

(111) **4-0100043**
(210) 4-2006-02467
(181) 23.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 23.02.2006

(531) A26.1.18; 26.1.1; 26.3.23; A26.11.13
(591) Đỏ tươi, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ - TKV (VN)
Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ khoan nổ mìn cho mục đích khai thác mỏ hoặc xây dựng; dịch vụ xây dựng thuộc nhóm này; dịch vụ phá dỡ các công trình xây dựng; dịch vụ khai thác mỏ; dịch vụ khai thác đá; dịch vụ cho thuê thiết bị xây dựng thuộc nhóm này.

Nhóm 39: Dịch vụ tổ chức các cuộc du lịch; dịch vụ do hãng du lịch tiến hành (trừ việc giữ chỗ khách sạn); dịch vụ cho thuê xe ô tô; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải bằng xe tắc xi; dịch vụ vận tải thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0100044**
(210) 4-2006-02598
(181) 27.02.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 27.02.2006

(531) 18.3.2; 18.5.1; 26.1.1
(731) SHIPCO TRANSPORT HOLDING A/S (DK)
18-20 Snorresgade 2300, Copenhagen S. Denmark
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 39: Vận tải; vận tải hàng hóa và tàu biển; xếp hàng vào lưu kho.

---

(111) **4-0100045**
(210) 4-2006-05761
(181) 14.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 14.04.2006

(731) DRAGON GROW LTD (HK)
Room 1204, 12/F, Shangai Industrial, 48-62 Hennessy Road Wanchai Hong Kong
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 08: Bộ đồ ăn bao gồm dao, thìa, đĩa (không bằng kim loại quý hoặc không được mạ bằng kim loại quý).

Nhóm 11: Đèn.

Nhóm 16: Tập album, đồ dùng văn phòng (văn phòng phẩm).

Nhóm 20: Bàn, gương, khung gương (bằng gỗ), khung ảnh, hộp bằng gỗ; giỏ và lẵng làm bằng gỗ hoặc tre hoặc mây hoặc song hoặc giang hoặc sừng; đồ mỹ nghệ bằng gỗ không xếp vào các nhóm khác.

Nhóm 21: Đũa, đĩa, bát, mâm, bình, cốc, chai, bộ ấm chén uống chè hoặc uống cà phê (các sản phẩm này không được làm hoặc không được mạ bằng kim loại quý), miếng lót đĩa ăn và miếng lót cốc không bằng giấy và ngoài bộ khăn bàn; giá nến và giá để sáp thơm (không làm bằng kim loại quý hoặc mạ bằng kim loại quý); đồ pha lê (đồ thuỷ tinh) không xếp vào các nhóm khác.

---

(111) **4-0100046**
(210) 4-2006-07349
(181) 12.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

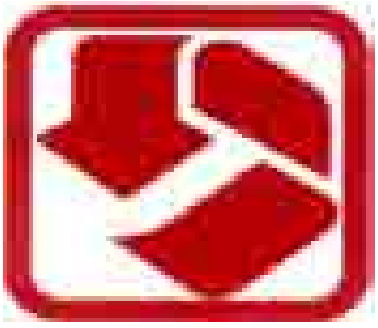

(151) 23.04.2008
(220) 12.05.2006

(531) 26.4.1; 24.15.1; 26.7.25
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH AN ĐÔ QUỐC TẾ (VN)
16 Lý Thái Tổ, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 25: Áo khoác; áo sơ-mi; áo phông.

---

(111) **4-0100047**
(210) 4-2006-17037
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 11.10.2006

(531) A1.5.3; 26.1.2
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC TWI (VN)
Phòng 203, ngõ 713 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100048**
(210) 4-2006-17052
(181) 11.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

G.Securities

(151) 23.04.2008
(220) 11.10.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN DẦU KHÍ TOÀN CẦU (VN)
Số 273 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Đầu tư vốn; bảo lãnh về tài chính; cho vay (tài chính); dịch vụ uỷ thác trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản; dịch vụ tài chính; quản lý tài chính; môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính; thông tin về tài chính; phát hành trái phiếu có giá trị; tài trợ tài chính.

---

(111) **4-0100049**
(210) 4-2006-04044
(181) 21.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Lanticin Kit

(151) 23.04.2008
(220) 21.03.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100050**
(210) 4-2006-04047
(181) 21.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PRABEZOL

(151) 23.04.2008
(220) 21.03.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100051**
(210) 4-2006-12025
(181) 26.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GIBSUPER

(151) 23.04.2008
(220) 26.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VIỆT TRUNG (VN)
G16, làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt nấm, chế phẩm diệt chuột, thuốc diệt cỏ (trừ cây có hại), thuốc diệt ốc sên, chế phẩm diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100052**
(210) 4-2006-12100
(181) 27.07.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 27.07.2006

(531) A25.3.15
(731) HERSHEY CHOCOLATE & CONFECTIONERY CORPORATION (US)
4860 Robb Street, Suite 204, Wheat Ridge, Colorado 80033, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh qui; kẹo.

---

(111) **4-0100053**
(210) 4-2006-14030
(181) 25.08.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 25.08.2006

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CƠ SỞ RAU ĐẮNG (VN)
4-6 Nguyễn Thị Diệu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống trong quán ăn hoặc nhà hàng.

---

(111) **4-0100054**
(210) 4-2006-15256
(181) 12.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BRITOP

(151) 23.04.2008
(220) 12.09.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100055**
(210) 4-2006-15271
(181) 12.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SOLUPHOS

(151) 23.04.2008
(220) 12.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN HƯƠNG GIANG (VN)
227 Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Hoá chất xử lý nước và môi trường.

Nhóm 05: Thuốc thú y thuỷ hải sản.

---

(111) **4-0100056**
(210) 4-2006-16339
(181) 28.09.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

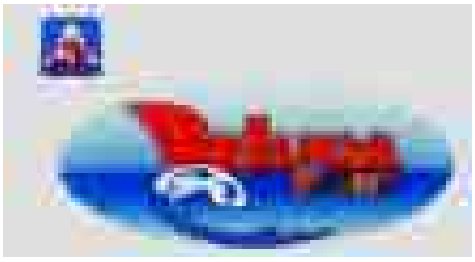

(151) 23.04.2008
(220) 28.09.2006

(531) 26.4.1; 1.15.24
(591) Trắng, đen, ghi, vàng, đỏ, xanh nước biển, xanh đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG (VN)
Số nhà 1D7 Đổng Quốc Bình, phường Đổng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 02: Sơn nhôm; sơn đen bóng; sơn đen (chất có màu hoặc sơn); sơn; sơn tổng hợp; sơn dầu.

---

(111) **4-0100057**
(210) 4-2006-17208
(181) 13.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 13.10.2006

(531) A5.3.14
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TRUYỀN THÔNG EVA (VN)
181/180 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông; thư điện tử; hãng thông tấn; cho thuê thiết bị viễn thông; phát chương trình truyền thanh; quảng cáo qua đài phát thanh.

---

(111) **4-0100058**
(210) 4-2006-17935
(181) 24.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GENPOXIM

(151) 23.04.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100059**
(210) 4-2006-17563
(181) 19.10.2016
(300) 005071791 21.04.2006 EM
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 19.10.2006

(731) FERRARI S.P.A (IT)
Via Emilia Est 1163, 41100 Modena, Italy
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Trò chơi và đồ chơi; mô hình ô tô (đồ chơi hoặc trò chơi) được bán như bộ đồ lắp ráp; đồ chơi mô hình xe cộ; bộ sưu tập đồ chơi mô phỏng hình ô tô và xe cộ khác; bộ đồ chơi lắp ráp công trình xây dựng và cấu kiện kết nối của nó; bộ đồ chơi xây dựng dạng khối; búp bê, quần áo của búp bê và vật dụng dùng cho búp bê; đồ chơi bằng nỉ mềm; xe ô tô tải đồ chơi; đồ chơi mô hình ô tô có kích cỡ như thật không hoạt động được dùng cho mục đích trang trí, giải trí và triển lãm; trò chơi câu đố; trò chơi cầm tay có hình ảnh phụ trợ; túi dùng cho môn quần vợt túi dùng cho môn đánh gôn có hoặc không có bánh xe; túi nhỏ dùng cho môn đánh gôn; gậy đánh gôn; quân bài đồ chơi.

(111) **4-0100060**
(210) 4-2006-03293
(181) 09.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

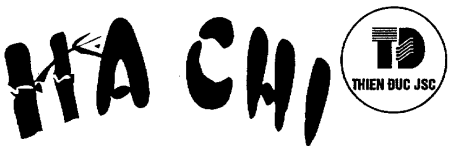

(151) 23.04.2008
(220) 09.03.2006

(531) 26.1.1; A5.11.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN ĐỨC (VN)
Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh bích quy, bánh bích quy xốp mỏng không có bơ, bánh quy mặn, bánh xốp, bánh làm từ bột ngũ cốc, đồ ăn nhẹ làm bằng ngô và phomat.

---

(111) **4-0100061**
(210) 4-2005-13657
(181) 17.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PALACE

(151) 23.04.2008
(220) 17.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; mứt; kẹo; bột ngũ cốc

---

(111) **4-0100062**
(210) 4-2006-22929
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(591) Trắng, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ NGHỆ CẦU VỒNG (VN)
23 Nguyễn Thái Học, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; váy đầm; mũ; giầy dép.

---

(111) **4-0100063**
(210) 4-2006-22941
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEWYOG

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH A.I.D.A (VN)
54A đường số 21, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Sữa, sữa chua.

---

(111) **4-0100064**
(210) 4-2006-22943
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 3.11.7; A1.1.10; A26.11.13; 26.3.1
(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TÂN NHẤT HƯƠNG (VN)
61A Trần Quang Diệu, phường 13, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Kem dùng để trang trí bánh; kem dùng làm bánh.

---

(111) **4-0100065**
(210) 4-2006-22944
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 3.11.7; A1.1.10; A26.11.13
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TÂN NHẤT HƯƠNG (VN)
61A Trần Quang Diệu, phường 13, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Kem dùng để trang trí bánh; kem dùng làm bánh.

---

(111) **4-0100066**
(210) 4-2006-22945
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOẰNG CƠ (VN)
Lô I-3B, đường số 13, nhóm CN I, khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Máy biến thế công nghiệp; bộ biến dòng dùng để biến đổi dòng điện từ cao xuống thấp; bộ so áp để biến điệp áp từ cao xuống thấp để đo lường; bộ chống sét; vỏ máy biến thế.

---

(111) **4-0100067**
(210) 4-2006-22940
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) A17.2.2; 26.4.2; 26.3.23; 26.7.25; 26.4.9
(591) Xanh lá cây, nâu, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ MỸ LINH NGÂN (VN)
376/2A Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Vàng; bạc; đá quý; đồ trang sức bằng vàng; đồ trang sức bằng bạc; đồ trang sức bằng đá quý.

---

(111) **4-0100068**
(210) 4-2006-22942
(181) 28.12.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 28.12.2006

(531) 1.3.1; 1.3.2; 18.3.2
(591) Đỏ, cam, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHẬT DU (VN)
A12/3B khu phố 6, phường Bình Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy; khăn giấy lạnh; khăn ăn bằng giấy.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

---

(111) **4-0100069**
(210) 4-2005-06029
(181) 24.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SIAMASAHI

(151) 23.04.2008
(220) 24.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH NGỌC MINH (VN)
Lô D6/I, đường số 1B, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KP2, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy; ôtô, động cơ ôtô, vành xe máy, má phanh xe máy.

---

(111) **4-0100070**
(210) 4-2005-06110
(181) 26.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SUPOR

(151) 23.04.2008
(220) 26.05.2005

(731) ZHEJIANG SUPOR CO., LTD. (CN)
Damaiyu Economic Investment Zone, Yuhuan, Zhejiang, 317604 China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 21: Xoong nồi; xoong hầm thịt, chảo để rán; nồi áp suất không dùng điện; dụng cụ nấu ăn không dùng điện; bộ bát đĩa bày bàn (không làm bằng kim loại quý); cốc (thuộc về đồ đựng); cái chảo bằng đất; vỉ nướng thịt cá (thuộc về đồ dùng nấu nướng); cái giá đỡ vỉ nướng.

---

(111) **4-0100071**
(210) 4-2005-13687
(181) 17.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NUTRI-PAX

(151) 23.04.2008
(220) 17.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI ME DI P.R.O.D.U.C.T.S (VN)
Xóm kho, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100072**
(210) 4-2005-13776
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 2.9.23; 26.4.3; 2.9.25
(591) Đỏ, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100073**
(210) 4-2006-20682
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BẢO NGỌC LAN

(151) 23.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT BẢO NGỌC LAN (VN)
38 đường số 1, cư xá Đài ra đa Phú Lâm, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0100074**
(210) 4-2006-20498
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BRIGHTOX

(151) 23.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) PHẠM TÙNG THANH (VN)
Số 53 phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn; giày; giày thể thao; quần áo da.

---

(111) **4-0100075**
(210) 4-2006-20499
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMESKO

(151) 23.04.2008
(220) 24.11.2006

(731) PHẠM TÙNG THANH (VN)
Số 53 phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; giới thiệu sản phẩm giầy dép da; xuất nhập khẩu giầy dép da; buôn bán giầy dép da.

---

(111) **4-0100076**
(210) 4-2006-20568
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 24.11.2006

(531) 24.13.1; A24.13.13; 26.1.2
(591) Trắng, xanh lam, đỏ
(731) NGUYỄN THỊ HIỀN (VN)
Tổ 48, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0100077**
(210) 4-2006-20569
(181) 24.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
BÌNH MINH

(151) 23.04.2008
(220) 24.11.2006

(591) Xanh lam, trắng
(731) NGUYỄN THỊ HIỀN (VN)
Tổ 48, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0100078**
(210) 4-2005-08101
(181) 04.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOXALASE

(151) 23.04.2008
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN HƯƠNG GIANG (VN)
227 Thích Quảng Đức, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y thủy sản.

Nhóm 31: Thức ăn dùng cho thủy hải sản.

---

(111) **4-0100079**
(210) 4-2006-00389
(181) 10.01.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

ELGO

(151) 23.04.2008
(220) 10.01.2006

(731) CÔNG TY PHÁT TRIỂN KINH TẾ KỸ THUẬT VIỆT NAM (DETESCO VIETNAM) (VN)
15B Hồ Xuân Hương, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy; yên xe máy; khung xe máy; vành xe máy; ống giảm thanh xe máy.

---

(111) **4-0100080**
(210) 4-2006-20666
(181) 27.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

NOVASMART

(151) 23.04.2008
(220) 27.11.2006

(731) NOVA BRANDS S.A. (LU)
26 boulevard Royal, L-2449 Luxembourg
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; chế phẩm thú y; chế phẩm vệ sinh dùng trong ngành y; thực phẩm bổ sung dùng trong ngành y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

Nhóm 29: Thịt; cá; gia cầm và thú săn (không còn sống); chiết xuất từ thịt; rau quả được bảo quản, sấy khô, nấu chín; thạch dùng cho thực phẩm; mứt; mứt quả nấu si-rô; trứng; sữa; sản phẩm làm từ sữa; dầu ăn; mỡ ăn; thực phẩm bổ sung chủ yếu là sữa, không dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng chủ yếu là sữa không dùng cho mục đích y tế; sản phẩm bơ sữa.

Nhóm 30: Cà phê; chè; ca-cao; đường; gạo; bột sắn hột; bột cọ sa-gu; cà phê nhân tạo; bột mì cho thực phẩm; chế phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mì; bánh nướng; bánh kẹo; đá lạnh có thể ăn được; mật ong; mật đường; nấm men; bột nở; muối; tương mù - tạc; dấm; nước sốt (đồ gia vị); gia vị; đá lạnh để giữ tươi thực phẩm.

---

(111) **4-0100081**
(210) 4-2005-14197
(181) 25.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 25.10.2005

(531) 4.3.20; 3.7.4; A3.7.24
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI-SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG LỢI (VN)
Lô số 8, đường số 4, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Đĩa cắt (một bộ phận của máy móc).

---

(111) **4-0100082**
(210) 4-2005-15560
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

XUÂN HIỀN

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XUÂN HIỀN (VN)
Tổ 5, khu phố I, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Vàng; bạc; đá quý; đồ trang sức bằng vàng; đồ trang sức bằng bạc; đồ trang sức bằng đá quý.

Nhóm 43: Nhà khách; nhà nghỉ.

---

(111) **4-0100083**
(210) 4-2005-15557
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

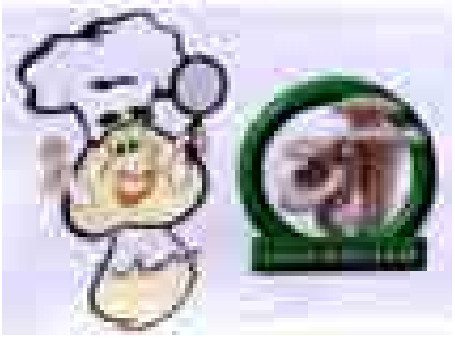

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 2.1.11; 4.5.2; 4.5.3; A5.11.5
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, trắng xám, vàng, da cam, ghi, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SINH HỌC NHƠN SINH (VN)
ấp Xóm Mới, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Khô bò chay được làm từ nấm; patê làm từ nấm; nấm muối chua; nấm linh chi xắt lát; nấm sấy khô (tất cả các sản phẩm trên đều không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0100084**
(210) 4-2005-15558
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

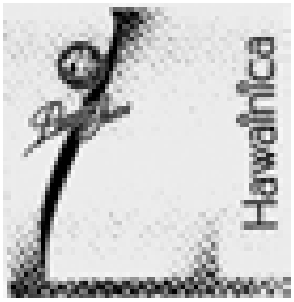

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 26.1.1; A26.11.12; A5.5.21
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGUYÊN ANH (VN)
336 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước ép trái cây có ga; nước ép trái cây lên men; nước ngọt; bia.

Nhóm 33: Rượu khai vị; rượu uýt ky; rượu mùi; rượu nhẹ; rượu trái cây lên men.

---

(111) **4-0100085**
(210) 4-2005-15566
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) A1.1.9; 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT THĂNG NÔNG (VN)
Lô 9C, đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Phụ gia thức ăn chăn nuôi dùng trong mục đích thú y; phụ gia thức ăn thủy sản dùng trong mục đích thú y.

Nhóm 31: Phụ gia thức ăn chăn nuôi không dùng cho mục đích thú y; phụ gia thức ăn thủy sản không dùng trong mục đích thú y.

---

(111) **4-0100086**
(210) 4-2005-15567
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) 26.4.1; A5.5.21
(591) Trắng, hồng tím đậm, xanh lá cây
(731) KHU DU LỊCH LANGBIANG (VN)
Thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Vận chuyển lữ hành; hướng dẫn tham quan.

Nhóm 41: Tổ chức hoạt động vui chơi giải trí.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0100087**
(210) 4-2005-15568
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(531) A5.5.21
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH ĐẠT (VN)
636/3C Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 08: Dao; kéo; dao cạo; lưỡi dao cạo; tông tơ điện.

---

(111) **4-0100088**
(210) 4-2005-15571
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CƠ SỞ SẢN XUẤT
PHÁT LỢI

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) CƠ SỞ PHÁT LỢI (VN)
40/25 Trần Văn Giáp, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Ghế ngồi em bé gắn trên xe máy.

---

(111) **4-0100089**
(210) 4-2005-13786
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEALTHDINATP

(151) 23.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ATP VIỆT NAM (VN)
Nhà D4, tổ 57, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100090**
(210) 4-2005-13787
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEOJOINT

(151) 23.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ATP VIỆT NAM (VN)
Nhà D4, tổ 57, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100091**
(210) 4-2005-13789
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

PARASUP

(151) 23.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG GIA DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP (VN)
20 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100092**
(210) 4-2005-13790
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ANGINAL

(151) 23.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ (VN)
41 Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100093**
(210) 4-2005-15511
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 16.11.2005

(531) A1.5.3; 26.1.2; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, thuốc rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0100094**
(210) 4-2005-15514
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HOMMAX

(151) 23.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HỒNG ĐỨC (VN)
Phòng 910, CT4, khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100095**
(210) 4-2005-15517
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG HP (VN)
P106, số 461A, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 40: Dịch vụ in bao bì.

---

(111) **4-0100096**
(210) 4-2005-15519
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 16.11.2005

(531) 26.1.1; 24.15.3
(731) TOPRANK CORPORATION SDN BHD (69599-U) (MY)
No.1, Jalan SS 23/11, Taman SEA, 47400 Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Công tắc ngắt mạch; công tắc bảng điều khiển; bảng nối điện (tổng đài); bảng phân phối điện; máy biến thế (điện); cái ngắt mạch điện.

---

(111) **4-0100097**
(210) 4-2005-15520
(181) 16.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 16.11.2005

(531) 26.5.3
(591) Xanh cô ban đậm, xanh da trời, xanh nõn chuối, trắng
(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100098**
(210) 4-2005-15556
(181) 17.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SISXACIN

(151) 23.04.2008
(220) 17.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100099**
(210) 4-2005-16825
(181) 12.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ORION KIXX

(151) 23.04.2008
(220) 12.12.2005

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh putđing; kem lạnh; kem ăn (kem lạnh); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0100100**
(210) 4-2005-14705
(181) 03.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOVIL

(151) 23.04.2008
(220) 03.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẠNH HƯNG (VN)
Số 234A, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0100101**
(210) 4-2005-09264
(181) 26.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 26.07.2005

(531) 26.1.1; 26.4.2
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TIẾN THÀNH ĐẠT (VN)
149 ấp 5, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 21: Nồi xoong bằng inox; thau (chậu) bằng inox; phin cà phê bằng inox; khuôn làm bánh bằng inox; gàu mên (cà mèn, cặp lồng) bằng inox.

---

(111) **4-0100102**
(210) 4-2005-10168
(181) 11.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VISÉA

(151) 23.04.2008
(220) 11.08.2005

(731) GALIEN PHARMA (FR)
Z .A. Les Hauts de Lafourcade, 32201 Gimont Cedex - France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100103**
(210) 4-2005-10797
(181) 23.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 23.08.2005

(531) 2.9.4
(591) Xanh ngọc, vàng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯƠNG VUI (VN)
165 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách; va ly; ba lô; cặp học sinh; cặp đựng hồ sơ; bóp (ví).

---

(111) **4-0100104**
(210) 4-2005-13090
(181) 05.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 23.04.2008
(220) 05.10.2005

(531) A25.7.4; 26.3.1; A26.3.16
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) VIỆN KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐỊA CHẤT-NỀN MÓNG-XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (VN)
167 đường số 26, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Tư vấn giám sát công trình xây dựng.

Nhóm 42: Nghiên cứu và triển khai thực hiện các ứng dụng khoa học công nghệ; tư vấn thiết kế công trình xây dựng; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng; thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của vật liệu xây dựng; quan trắc hiện trường xây dựng.

---

(111) **4-0100105**
(210) 4-2005-08161
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

OPTIUM

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100106**
(210) 4-2005-08163
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

REVICT

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100107**
(210) 4-2005-08164
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KIT PANZ

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100108**
(210) 4-2005-08165
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

KIT LANZ

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100109**
(210) 4-2005-08166
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOSOFT

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100110**
(210) 4-2005-08167
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ERACOD

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100111**
(210) 4-2005-08168
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ERA-DN

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100112**
(210) 4-2005-08169
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

VEETAB

(151) 23.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100113**
(210) 4-2005-08772
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

HEMTONIC

(151) 23.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100114**
(210) 4-2005-08773
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EURO-PRAZOL

(151) 23.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINAMEDIC (VN)
Số 30, ngõ 179, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100115**
(210) 4-2005-08774
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

GREENSOURCE

(151) 23.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHÁP ÂU (EUROPHARM FRANCE., JSC) (VN)
Số 143, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0100116**
(210) 4-2005-08775
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

EPOCALDI

(151) 23.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100117**
(210) 4-2005-08776
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TUSSIGON

(151) 23.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100118**
(210) 4-2005-08777
(181) 15.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

ZELAVEL

(151) 23.04.2008
(220) 15.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100119**
(210) 4-2005-10717
(181) 22.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

FEELING

(151) 23.04.2008
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100120**
(210) 4-2005-11382
(181) 05.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

P/S FLEXIPIC

(151) 23.04.2008
(220) 05.09.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, the Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Các loại bàn chải đánh răng; các dụng cụ và vật dụng dùng để chăm sóc và làm sạch răng, lưỡi và lợi; các loại tăm; bàn chải đánh răng và các loại hộp đựng tăm không làm bằng kim loại quý; chỉ tơ dùng làm sạch kẽ răng; các dụng cụ trang điểm vệ sinh cá nhân.

---

(111) **4-0100121**
(210) 4-2005-08160
(181) 05.07.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

RABIROL

(151) 24.04.2008
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100122**
(210) 4-2007-00890
(181) 12.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

ACTIMAX

(151) 24.04.2008
(220) 12.01.2007

(731) BRIGHTONMAX INTERNATIONAL SDN. BHD. (MY)
Suite 222, Level 2, Pan Global Plaza, Jalan Wong Ah Fook, 80000 Johor Bahru, Johor

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0100123**
(210) 4-2005-01318
(181) 02.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

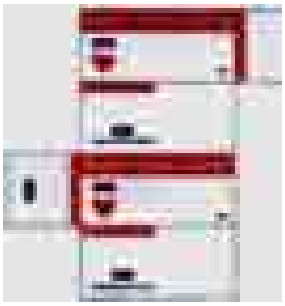

(151) 24.04.2008
(220) 02.02.2005

(531) 2.9.1; A19.3.4
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100124**
(210) 4-2005-01319
(181) 02.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 02.02.2005

(531) 2.9.1; A19.3.4
(591) Cam, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100125**
(210) 4-2005-01321
(181) 02.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 02.02.2005

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100126**
(210) 4-2005-01322
(181) 02.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Nifedipin Hasan Retard

(151) 24.04.2008
(220) 02.02.2005

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100127**
(210) 4-2005-07403
(181) 21.06.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

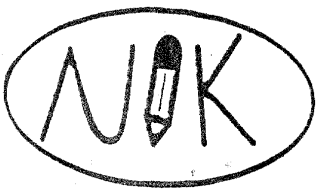

(151) 24.04.2008
(220) 21.06.2005

(531) 26.1.2; A20.1.3
(731) CƠ SỞ TÂN PHÁT THÀNH (VN)
237/2/51 Hoà Bình, phường Tân Hiệp, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Đồ dùng giảng dạy và học tập.

---

(111) **4-0100128**
(210) 4-2007-00696
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 09.01.2007

(531) 26.4.2
(731) MICROBIO CO., LTD. (TW)
14F-1 No.3, Yuangqu St., Nangang District, Taipei, Taiwan.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm (dược phẩm truyền thống của Trung Quốc và thuốc tây); chất bổ sung dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm bổ sung khoáng chất dinh dưỡng; thuốc bổ (dược phẩm); chế phẩm vi lượng dùng cho người và động vật; chế phẩm vitamin; cao dán/bột nhão tuckahoe dùng cho mục đích y tế; tổ yến ngâm đường kính có thể ăn được dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0100129**
(210) 4-2007-00732
(181) 10.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 10.01.2007

(531) 26.1.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MAY (VN)
170 Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Lắp đặt hệ thống cơ điện.

---

(111) **4-0100130**
(210) 4-2007-02211
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VICEFOXITIN

(151) 24.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT TRUNG (VCP) (VN)
Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100131**
(210) 4-2007-02217
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

VICIFLUPERAN

(151) 24.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT TRUNG (VCP) (VN)
Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0100132**
(210) 4-2007-13852
(181) 20.07.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 20.07.2007

(531) 3.2.1; 26.5.1; 26.15.15
(731) THE SIAM CEMENT PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
1 Siam Cement Road, Bangsue Sub-district, Bangsue District, Bangkok, Thailand
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 02: Sơn; chất phủ ngoài mái lợp (một loại sơn); sơn không cháy.

Nhóm 06: Ngói lợp (dạng phẳng, cong hoặc bề mặt lượn sóng) làm từ hoặc chủ yếu làm từ kim loại; tấm lợp (dạng phẳng, cong hoặc bề mặt lượn sóng) làm từ hoặc chủ yếu làm từ kim loại; phụ kiện mái lợp làm bằng kim loại cụ thể là chóp mái, xà đỡ, đinh vít, miếng bịt nút làm bằng kim loại; kết cấu mái lợp và khung đỡ làm từ thép, thép mạ kẽm, nhôm; tấm phản quang làm từ lá nhôm; kết cấu dùng để sửa chữa và lắp đặt làm từ thép, thép mạ kẽm, nhôm.

Nhóm 10: Bồn và chậu rửa dùng cho mục đích y tế; vòi dùng cho mục đích y tế và các thiết bị hỗ trợ y tế khác thuộc nhóm này.

Nhóm 11: Bô dùng để đi tiểu (dùng trong gia đình); thiết bị vệ sinh làm từ hoặc chủ yếu làm từ gốm sứ bao gồm bệ xí (gồm cả hệ thống xả nước), bồn rửa tay, bệ xí; chậu tắm và buồng tắm làm từ hoặc chủ yếu làm từ gốm sứ, chất dẻo, tấm acrylic hoặc sợi thủy tinh; phòng tắm; hệ thống phòng tắm; chậu rửa dùng trong nhà bếp làm từ hoặc chủ yếu làm từ gốm sứ hoặc i-nốc; vòi rửa và ống nước lắp đặt trong nhà vệ sinh; hệ thống van điều chỉnh lưu lượng của bình chứa nước; hệ thống xử lý nước và bể xử lý nước.

Nhóm 16: Keo dính dùng cho văn phòng phẩm và gia dụng.

Nhóm 17: Tấm cách nhiệt làm từ sợi thủy tinh (sử dụng để cách nhiệt hoặc cách âm); hệ thống cách ly và vật liệu cách ly dùng cho tường, sàn và trần nhà làm từ sợi thủy tinh (gồm cả hệ thống dùng để cách âm và cách nhiệt).

Nhóm 19: Ngói lợp (dạng phẳng, cong hoặc bề mặt lượn sóng) làm từ hoặc chủ yếu làm từ bê tông, xi măng sợi, đất sét, gốm sứ; tấm lợp (dạng phẳng, cong hoặc bề mặt lượn sóng) làm từ hoặc chủ yếu làm từ bê tông, xi măng sợi, đất sét, gốm sứ; khung (cấu kiện), có thể di chuyển được, không làm bằng kim loại, dùng để lắp đặt các vật dụng khác trong quá trình xây dựng; kết cấu mái lợp và khung đỡ làm từ gỗ; gạch lát, tấm lợp dạng mờ (ánh sáng có thể xuyên qua nhưng không trong suốt) làm từ hoặc chủ yếu làm từ sợi thủy tinh, nhựa hoặc acrylic; miếng lát (đã được trang trí hoặc thiết kế sẵn dùng để lắp ghép trên bề mặt kết cấu theo yêu cầu), sàn nhà hoặc tấm lát sàn làm từ hoặc chủ yếu làm từ xi măng sợi, thạch cao; tấm pa-nô dùng trên tường và sàn nhà làm từ bê tông; các sản phẩm làm sẵn như gạch bê tông nhẹ, gạch lát nhà, gạch lát vỉa hè; vật liệu phủ tường và sàn nhà làm từ hoặc chủ yếu làm từ gốm sứ; vật liệu dùng để kết dính cụ thể là xi măng lỏng;

hàng rào làm từ hoặc chủ yếu làm từ bê tông, xi măng sợi; vữa; xi măng xám; clinker xám (một loại vật liệu thuần nhất dùng trong sản xuất xi măng poocläng); xi măng trắng; clinker trắng (một loại vật liệu thuần nhất dùng trong sản xuất xi măng poocläng); gạch đá mài trắng; bê tông trộn sẵn; cát; cốt liệu (nguyên liệu để sản xuất bê tông gồm cát, sỏi, bột đá); vữa khô trộn trước; vữa lỏng; gạch lát sàn kết dính cao; gạch chịu lửa; cốt liệu ứng dụng trong sản xuất xi măng trắng; hệ thống bể bơi có cấu trúc không bằng kim loại.

Nhóm 20: Gương (gương soi); tủ và giá, kệ dùng trong phòng tắm; kệ bếp (kệ đựng đồ trong bếp).

Nhóm 21: Đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp (không làm bằng kim loại quý).

Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn kinh doanh xi măng (đưa ra lời khuyên và đóng vai trò là một nhà tư vấn về quản lý kinh doanh xi măng); phân phối vật liệu xây dựng (xi măng, xi măng trắng, gạch đá mài, xi măng xám, vữa khô, gạch chịu lửa, bê tông trộn sẵn và các sản phẩm bê tông); phân phối các thiết bị và dụng cụ sử dụng trong xây dựng hệ thống làm sàn bê tông cốt thép.

Nhóm 37: Dịch vụ hỗ trợ trước và sau bán hàng bao gồm lắp đặt và bảo trì; cho thuê thiết bị, dụng cụ và vật liệu xây dựng (như tháp/hầm chứa xi măng, tấm nâng hàng, xe nâng hàng và vật liệu xây dựng); cho mượn thiết bị xây dựng (như hầm/tháp chứa xi măng, tấm nâng hàng, xe nâng hàng); dịch vụ lắp đặt, tháo dỡ và dọn dẹp các thiết bị xây dựng (như hầm chứa xi măng, tấm nâng hàng, xe nâng hàng); bảo trì và sửa chữa các thiết bị xây dựng như hầm/tháp chứa xi măng, tấm nâng hàng, xe nâng hàng; xây dựng đường, cầu và các công trình xây dựng khác mà có sử dụng bê tông cốt thép; lắp đặt vật liệu chịu lửa; trang trí bề mặt của kết cấu xây dựng bằng cách sử dụng vữa khô; tư vấn xây dựng nhà máy, xí nghiệp; dịch vụ tư vấn về hệ thống bê tông cốt thép (đưa ra lời khuyên và đóng vai trò là một nhà tư vấn công trình xây dựng có sử dụng hệ thống bê tông cốt thép); dịch vụ tư vấn ứng dụng bê tông, bê tông trộn sẵn, vật liệu chịu lửa, vữa khô, xi măng xám, gạch đá mài, xi măng trắng, xi măng thông thường.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển bê tông trộn sẵn, gạch bê tông và bê tông khối; dịch vụ phân phát (phân phối) đến địa điểm theo yêu cầu nguyên liệu thô: xi măng, đá, cát, phục vụ sản xuất bê tông trộn sẵn.

Nhóm 40: Sản xuất bê tông trộn sẵn; dịch vụ xử lý (loại bỏ) rác thải công nghiệp.

Nhóm 42: Thiết kế bề mặt các kết cấu bằng việc sử dụng vữa khô; dịch vụ tư vấn xử lý rác thải (đưa ra lời khuyên và đóng vai trò là một nhà tư vấn xử lý rác thải công nghiệp từ các nhà máy).

(111) **4-0100133**
(210) 4-2005-13785
(181) 18.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 18.10.2005

(531) 5.5.1
(591) Xanh lá cây, hồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MINH ANH (VN)
40 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 31: Hoa tươi.

Nhóm 35: Mua bán hoa các loại.

Nhóm 43: Khách sạn, nhà hàng cung cấp thực phẩm và đồ uống.

---

(111) **4-0100134**
(210) 4-2007-05356
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Manmoth

(151) 24.04.2008
(220) 29.03.2007

(731) CÔNG TY TNHH ĐỒNG BẰNG XANH (VN)
1F5-5, lô R1-1, KP. Sky Garden 1, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0100135**
(210) 4-2007-05357
(181) 29.03.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Canxitop

(151) 24.04.2008
(220) 29.03.2007

(731) CÔNG TY TNHH ĐỒNG BẰNG XANH (VN)
1F5-5, lô R1-1, KP. Sky Garden 1, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0100136**
(210) 4-2007-00670
(181) 09.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

KRK KROKO

(151) 24.04.2008
(220) 09.01.2007

(531) 1.3.1; 1.5.1; A1.5.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KROKO ĐỨC VIỆT (VN)
Số 11 ngách 310/22, ngõ 310 đường Nghi Tàm, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Bình ắc qui.

---

(111) **4-0100137**
(210) 4-2005-09747
(181) 04.08.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

MILK & BERRY STARS

(151) 24.04.2008
(220) 04.08.2005

(731) SOCIÉTÉ DES PRODUITS NESTLÉ S.A (CH)
1800 Vevey, Switzerland
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 30: Chế phẩm của ngũ cốc; chế phẩm ngũ cốc dùng cho bữa sáng; chế phẩm ngũ cốc dưới dạng thanh; sản phẩm ngũ cốc dùng cho bữa sáng có thành phần chủ yếu là gạo.

---

(111) **4-0100138**
(210) 4-2005-13757
(181) 18.10.2015
(300) 2005-081018 30.08.2005 JP
(450) 26.05.2008 242
(540)

PITAVA

(151) 24.04.2008
(220) 18.10.2005

(731) KOWA COMPANY, LTD. (JP)
6-29, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0100139**
(210) 4-2007-02255
(181) 31.01.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

Lady Milk®

(151) 24.04.2008
(220) 31.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VI NA (VN)
25/9/3 đường Lê Sát, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0100140**
(210) 4-2007-03374
(181) 27.02.2017
(450) 26.05.2008 242
(540)

EUBIMOX-F

(151) 24.04.2008
(220) 27.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EU (VN)
Số nhà 42, ngõ 69, phố Nam Dương, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0100141**
(210) 4-2005-01617
(181) 15.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

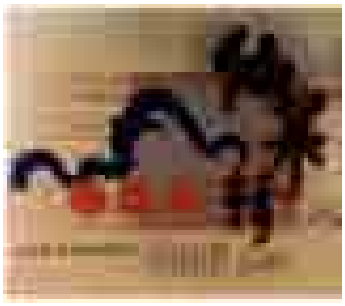

(151) 24.04.2008
(220) 15.02.2005

(531) 6.1.2; 1.15.24
(591) Vàng, đen, xanh đen, đỏ, nhũ vàng, ghi xám
(731) CÔNG TY TNHH TÂN THÁNH HỮU (VN)
282D Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán thực phẩm chế biến.

---

(111) **4-0100142**
(210) 4-2005-01741
(181) 18.02.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DAEDOX

(151) 24.04.2008
(220) 18.02.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO.,LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm.

---

(111) **4-0100143**
(210) 4-2005-03532
(181) 01.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NEUVICALM H5000

(151) 24.04.2008
(220) 01.04.2005

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shantin , NT - Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100144**
(210) 4-2005-03533
(181) 01.04.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

DOVIFORT H5000

(151) 24.04.2008
(220) 01.04.2005

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2 U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shantin, NT - Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100145**
(210) 4-2005-05174
(181) 05.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Calci D- Hasan

(151) 24.04.2008
(220) 05.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100146**
(210) 4-2005-05175
(181) 05.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

Hasan-C

(151) 24.04.2008
(220) 05.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100147**
(210) 4-2005-11379
(181) 05.09.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

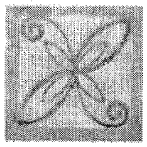

Mùa xuân vàng

(151) 24.04.2008
(220) 05.09.2005

(531) 26.4.1; A5.5.21
(731) TRẦN THỊ HOÀNG XUÂN (VN)
Phòng 79 A2, tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 26: Hoa giả (từ mọi chất liệu, trừ kim loại quý); hoa giả cắm nghệ thuật; quả và cây giả (từ mọi chất liệu, trừ kim loại quý); nơ kết hình hoa để trang trí.

Nhóm 35: Mua bán hoa, hoa tươi, hoa khô, hoa giả từ mọi chất liệu, quả và cây giả từ mọi chất liệu, hoa tươi, hoa khô và hoa giả cắm nghệ thuật, đèn trang trí các loại, lọ hoa, bình hoa, đồ mỹ nghệ làm từ gốm, sứ, thủy tinh, đất nung; đại lý xuất nhập khẩu các sản phẩm nêu trên và nguyên vật liệu để sản xuất chúng; quảng cáo; bày biện tủ kính bày hàng.

---

(111) **4-0100148**
(210) 4-2005-14942
(181) 08.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 08.11.2005

(531) 15.1.13
(591) Xanh da trời, đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM BORO (VN)
145/7 đường 3/2, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0100149**
(210) 4-2005-16087
(181) 29.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 29.11.2005

(591) Vàng, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MAI PHƯỢNG VY (VN)
119/210B Lê Lăng, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0100150**
(210) 4-2005-16720
(181) 09.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUYÊN TÂY ĐÔNG (VN)
641A Đặng Tiến Đông, khu phố 4, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 18: Túi xách tay.

---

(111) **4-0100151**
(210) 4-2005-16789
(181) 12.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NUTRI - Ca

(151) 24.04.2008
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI (VN)
Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0100152**
(210) 4-2005-17869
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

SQUEEZ·UP

(151) 24.04.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH ĐẠT (VN)
254/30 Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không có cồn; đồ uống từ quả không có cồn; nước ép trái cây; nước ép rau quả; nước khoáng.

Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia); đồ uống có cồn chứa hoa quả.

---

(111) **4-0100153**
(210) 4-2005-15879
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

CEBITEXVITAL

(151) 24.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC. (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100154**
(210) 4-2005-15880
(181) 24.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TRICHOGYL

(151) 24.04.2008
(220) 24.11.2005

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC. (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100155**
(210) 4-2005-17255
(181) 21.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 21.12.2005

(531) 26.11.2
(591) Xanh tím, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DCPA (DCPA CONSULTING COMPANY LTD.) (VN)
Số 243, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ kiểm toán, kế toán, tư vấn giải pháp doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá kinh doanh, tư vấn thuế và tư vấn quản lý nhân lực.

---

(111) **4-0100156**
(210) 4-2005-14023
(181) 21.10.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TIẾNG HÁT MÙA HÈ PHONG CÁCH VIỆT

(151) 24.04.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN HÌNH TỨ VÂN (VN)
461 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Tổ chức các cuộc thi giải trí; cuộc trình diễn chuyên và không chuyên, chương trình biểu diễn và biểu diễn sống mang tính giải trí, văn hoá; dịch vụ giải trí.

---

(111) **4-0100157**
(210) 4-2005-15683
(181) 21.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

TARVIAZI

(151) 24.04.2008
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THÀNH VINH (VN)
Lô 8, B29 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100158**
(210) 4-2005-17809
(181) 29.12.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 29.12.2005

(531) A5.7.23; 5.7.9; 4.5.1
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng, trắng, đen
(731) CƠ SỞ DINH DƯỠNG 4 (VN)
331 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ phục vụ ăn uống: các món điểm tâm, cơm, các món ăn, sinh tố, nước giải khát.

---

(111) **4-0100159**
(210) 4-2005-14936
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 07.11.2005

(531) 26.1.1; 26.3.1; 26.2.7
(591) Xanh nước biển, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH (VN)
Số 62A Lạch Tray, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 40: In ốp sét; in mẫu vẽ; in ảnh chụp, nghề in; in giấy nến; in bao bì.

(111) **4-0100160**
(210) 4-2005-14937
(181) 07.11.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 07.11.2005

(531) 26.1.1; 26.3.1; 26.2.7
(731) CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH (VN)
Số 62A Lạch Tray, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 40: In ốp sét; in mẫu vẽ; in ảnh chụp, nghề in; in giấy nến; in bao bì.

---

(111) **4-0100161**
(210) 4-2006-08313
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỢP THÀNH (VN)
Lô A2, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 22: Xơ bông hoá học dùng để nhồi (làm gối, đệm, thú bông).

---

(111) **4-0100162**
(210) 4-2006-08314
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI- SẢN XUẤT- DỊCH VỤ- XUẤT NHẬP KHẨU TUYẾT VY (VN)
564 Nguyễn Chí Thanh, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 08: Kìm; tuốc- nơ- vít; cờ- lê; ống tuýp mở bu lông; búa; lưỡi cưa; thanh vặn ống tuýp; dụng cụ mở bu lông bằng vít.

---

(111) **4-0100163**
(210) 4-2006-08331
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BISROGITE

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0100164**
(210) 4-2006-08318
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8
(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh pút đinh; kem lạnh (sherbets); kem ăn (ice creams); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0100165**
(210) 4-2006-08319
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

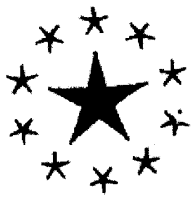

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8
(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh pút đinh; kem lạnh (sherbets); kem ăn (ice creams); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0100166**
(210) 4-2006-09690
(181) 21.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

CLAXIMI

(151) 24.04.2008
(220) 21.06.2006

(731) AUSTIN PHARMA SPECIALTIES CO (HK)
Unit R 2U G/F Valiant Ind Ctr 2-12 Au Pai Wan Str., Fo Tan Shatin, NT- Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100167**
(210) 4-2006-09750
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AMPIMINGO

(151) 24.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100168**
(210) 4-2006-09751
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

S-PRAZONAMI

(151) 24.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100169**
(210) 4-2006-09752
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

PISAMORIN

(151) 24.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100170**
(210) 4-2006-09753
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BANORAX

(151) 24.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100171**
(210) 4-2006-09754
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

LEXINMINGO

(151) 24.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100172**
(210) 4-2006-09755
(181) 22.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

FLAZIDEM

(151) 24.04.2008
(220) 22.06.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400 701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100173**
(210) 4-2006-08317
(181) 30.05.2016
(300) 78/767,833 06.12.2005 US
(450) 26.05.2008 242
(540)

ROLLINGSTREAM

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(731) UTSTARCOM, INC. (A Delaware corporation) (US)
1275 Harbor Bay Parkway, Suite 100, Alameda, CA 94502, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính và phần mềm máy tính cho phép người sử dụng có thể truy cập, quan sát và chế bản các chương trình phát thanh truyền hình, truyền hình dịch thời gian, truyền hình theo yêu cầu, các chương trình và ứng dụng internet, thông tin đa phương tiện và hệ thống điện thoại hình trên mạng máy tính toàn cầu và địa phương và các mạng điện thoại không dây.

Nhóm 38: Cung cấp các dịch vụ phát thanh và truyền hình qua mạng máy tính toàn cầu và mạng máy tính địa phương, cụ thể là chương trình phát thanh truyền hình, truyền hình dịch thời gian, truyền hình theo yêu cầu, các ứng dụng mạng máy tính toàn cầu và mạng máy tính địa phương, các chương trình và ứng dụng internet, thông tin đa phương tiện, và hệ thống điện thoại hình.

---

(111) **4-0100174**
(210) 4-2006-08315
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

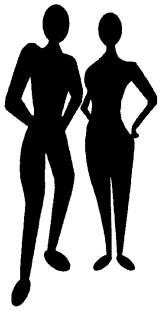

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(531) 2.7.2
(731) HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)
408 Tashiro Daikancho, Tosu, Saga, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và thú y; chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế, chất ăn kiêng dùng cho ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; đồ uống ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; chế phẩm vitamin; thực phẩm bổ sung thêm chất khoáng (dùng cho y tế); chất bổ sung dinh dưỡng dùng trong ngành y; thực phẩm ăn kiêng dùng trong ngành y; chất bổ sung cho thực phẩm dùng cho y tế, bánh kẹo có chứa thuốc; thực phẩm và đồ uống y tế; chất bổ sung cho thực phẩm có chứa chất squalen và keo ong ở dạng viên nhộng dùng trong ngành y; thực phẩm y tế có chứa vi khuẩn axit lactic EC-12 để cải thiện đường ruột; chất bổ sung cho thực phẩm có chứa squalen ở dạng viên nhộng.

Nhóm 29: Thịt; cá; gia cầm và thú săn; chất chiết ra từ thịt; rau quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông; mứt; mứt quả; trứng, sữa và sản phẩm làm từ sữa; dầu thực vật và mỡ ăn; thực phẩm đã chế biến được bổ sung thêm thành phần khác (như là protein, vitamin và khoáng chất); thạch làm từ rễ cây lưỡi quỷ (kounyaku); rễ cây lưỡi quỷ đã được phơi khô; thực phẩm chứa vi khuẩn axit lactic EC-12 để cải thiện đường ruột.

---

(111) **4-0100175**
(210) 4-2006-09603
(181) 20.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 20.06.2006

(531) 3.7.17
(731) CÔNG TY TNHH NHẬT VIỆT (VN)
Số 41A Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giầy, dép (trang phục) thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0100176**
(210) 4-2006-16632
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

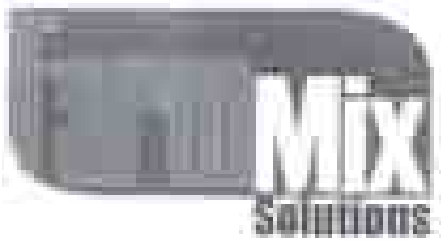

(151) 24.04.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ (VN)
Lô A4, khu công nghiệp Sông Mây, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc; thức ăn thuỷ sản.

---

(111) **4-0100177**
(210) 4-2006-16634
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

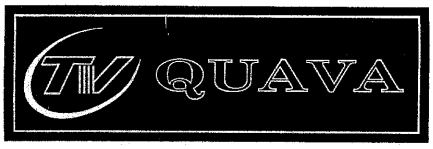

(151) 24.04.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12
(731) DOANH NGHIỆP CƠ KHÍ THIÊN VĂN (VN)
Xóm 5, xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Giỏ xe đạp; giỏ xe máy.

---

(111) **4-0100178**
(210) 4-2006-16635
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

THIÊN MÃ

(151) 24.04.2008
(220) 04.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN THIÊN MÃ (VN)
75/35 Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: Sản xuất, gia công, chế biến các mặt hàng nông sản, thuỷ hải sản, thức ăn chăn nuôi theo yêu cầu của người khác.

---

(111) **4-0100179**
(210) 4-2006-16636
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 04.10.2006

(531) 17.1.1
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỜI GIAN THÀNH PHỐ (VN)
3417B Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ chỉ thời gian: đồng hồ đeo tay, đồng hồ để bàn, đồng hồ treo tường.

---

(111) **4-0100180**
(210) 4-2005-05742
(181) 18.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 18.05.2005

(531) 3.2.1; 1.3.1
(591) Vàng, đỏ, nâu, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN HOÁ (VN)
3/22 cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Trái cây đóng hộp; măng đóng hộp.

Nhóm 30: Bắp đóng hộp.

---

(111) **4-0100181**
(210) 4-2005-06042
(181) 24.05.2015
(450) 26.05.2008 242
(540)

NATURE BRAINCARE

(151) 24.04.2008
(220) 24.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN THỊNH (VN)
Số 46, ngõ 167, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0100182**
(210) 4-2006-06137
(181) 20.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 20.04.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Xanh da trời sẫm
(731) ATAN (ID)
Citra Garden I Blok J2/4. Kel. Kalideres Rt. 012/016, Jakarta Barat, Indonesia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Then chặn bằng kim loại, chốt cửa bằng kim loại, chốt ổ khoá, chốt, chốt kim loại, chuông cửa (không dùng điện), then chốt cửa, búa (vòng sắt) gõ cửa, thiết bị mở cửa (không dùng điện), tấm cửa bằng kim loại, lò so cửa bằng kim loại (không dùng điện), cái chặn cửa bằng kim loại, cái chặn cổng bằng kim loại, bản lề kim loại, biển số nhà bằng kim loại, chìa khoá, tay nắm cửa kim loại, thiết bị đóng cửa (không dùng điện), cái chắn cửa bằng kim loại, bản lề cửa sổ đóng mở bằng kim loại, bản lề cửa sổ nâng hạ bằng kim loại, cửa gập bằng nhôm, cửa kéo bằng nhôm, bộ đồ gá cửa sổ bằng kim loại, bản lề cửa sổ, gót giày thông khí bằng kim loại, kim loại thô hoặc kim loại bán thành phẩm; hợp kim kim loại thường, móc sắt; cái đe, chuông kim loại (không dùng điện), vật liệu xây dựng là ép phẳng hoặc đúc bằng kim loại; tấm kẽm, vật liệu bằng kim loại để gia cố bê tông, đường ray xe lửa, dây xích kim loại (không dùng cho xe cộ), cáp kim loại (không phải là cáp điện), dây kim loại (không phải là dây điện), đồ sắt thuộc nhóm này, ống kim loại, ống tuýp kim loại, két sắt, hộp kim loại đựng tiền, đạn thép (không phải là vũ khí), móng ngựa bằng kim loại, đinh, đinh ốc kim loại.

---

(111) **4-0100183**
(210) 4-2006-08337
(181) 30.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

Histalor Tabs

(151) 24.04.2008
(220) 30.05.2006

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100184**
(210) 4-2006-09356
(181) 16.06.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

You & you®
HIGHT QUALITY

(151) 24.04.2008
(220) 16.06.2006

(731) NGUYỄN ANH TUẤN (VN)
72/3/46 khu phố 5, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Giầy; dép.

---

(111) **4-0100185**
(210) 4-2006-03552
(181) 14.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 14.03.2006

(531) 4.3.20
(731) CƠ SỞ HUY QUANG (VN)
62/1 Đinh Tiên Hoàng, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê, trà.

---

(111) **4-0100186**
(210) 4-2006-04045
(181) 21.03.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

DRIVO

(151) 24.04.2008
(220) 21.03.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100187**
(210) 4-2006-06253
(181) 21.04.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BAKER'S SECRET

(151) 24.04.2008
(220) 21.04.2006

(731) WKI HOLDING COMPANY, INC (US)
11911 Freedom Drive, Suite 600 Reston, VA 20190-5629, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Khay, đĩa dùng để nướng bánh.

---

(111) **4-0100188**
(210) 4-2006-16637
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 04.10.2006

(531) A5.3.15
(591) Trắng, xanh lá cây, da cam đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓC MÔN (VN)
3/27 quốc lộ 22, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc trừ nấm bệnh hại cây trồng.

---

(111) **4-0100189**
(210) 4-2006-16639
(181) 04.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

TI TI

(151) 24.04.2008
(220) 04.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM PHƯỚC (VN)
B02-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 32: Nước giải khát có ga; nước giải khát không ga; nước uống đóng chai; bia; nước ép hoa quả; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0100190**
(210) 4-2006-18073
(181) 25.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

AQUAPURE

(151) 24.04.2008
(220) 25.10.2006

(731) BIO SOLUTIONS CO., LTD (TH)
2532 Rama III Tower, #506 Ratchada - Rama III Rd., Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất hoá học dùng để xử lý nước.

---

(111) **4-0100191**
(210) 4-2006-18135
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

GYLOPSIN

(151) 24.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) PHẠM THANH KỲ (VN)
Số nhà 51, ngõ 10 đường Giải Phóng, tập thể nhà máy ôtô 3-2, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100192**
(210) 4-2006-18136
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

U-VANCO

(151) 24.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) KWAN STAR CO., LTD. (TW)
21 F-1, No. 268, Sec. 1, Wen Hwa Road, Pan Chiao City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0100193**
(210) 4-2006-18138
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

SEALON

(151) 24.04.2008
(220) 26.10.2006

(731) DONGSUNG FNT CO. , LTD. (KR)
415-5 Unam-ri, Eunhyun-myun, Yangjoo-City, Kyunggi-do, Republic of Korea.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Keo dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng trong công nghiệp; keo dính dùng trong sản xuất quần áo và giầy; chất dính dùng trong sản xuất quần áo và giầy; chất gắn xi măng dùng trong sản xuất ủng và giầy; chất gắn xi măng chống nước dùng cho mục đích công nghiệp.

---

(111) **4-0100194**
(210) 4-2006-18139
(181) 26.10.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

BẢO TỨ LỆ

(151) 24.04.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.4.2
(731) BEAU SOLEIL (S) PTE LTD. (SG)
No. 2 Alexandra Road #02-07, Delta House, Singapore 159919
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chè dùng để chữa bệnh; chè thảo dược, chè thảo dược và viên thuốc thảo dược sử dụng làm cho người thon nhỏ, chế phẩm chữa bệnh, chất phụ gia ăn kiêng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0100195**
(210) 4-2006-19637
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INTAS-LEVO-OZ

(151) 24.04.2008
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100196**
(210) 4-2006-19638
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INTAS NIMO-S

(151) 24.04.2008
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100197**
(210) 4-2006-19639
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

INTASFIL

(151) 24.04.2008
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0100198**
(210) 4-2006-07948
(181) 23.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 23.05.2006

(531) 1.15.15
(731) CÔNG TY TNHH PHÚC KHANH (VN)
341/42D Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0100199**
(210) 4-2006-07949
(181) 23.05.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 23.05.2006

(531) A1.5.6; 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÔNG PHƯƠNG (VN)
202 Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0100200**
(210) 4-2006-19651
(181) 14.11.2016
(450) 26.05.2008 242
(540)

(151) 24.04.2008
(220) 14.11.2006

(531) A5.3.14
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LẠC HỒNG (VN)
Thôn 2, thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Mua và bán buôn, bán lẻ cho quầy bar, nhà hàng, khách sạn các mặt hàng như đồ lưu niệm, đồ uống, thuốc lá, trà, bánh kẹo, các sản vật địa phương; siêu thị; bán buôn bán lẻ hàng tiêu dùng; bán đấu giá; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; hãng xuất nhập khẩu.

Nhóm 43: Căng tin; khách sạn; cho thuê phòng họp; cho thuê lều trại; nhà hàng ăn uống; quán rượu nhỏ.